FRANK SNEPP

Phủi tay

DECENT INTERVAL

phần 3

phủi tay

(phần 3)

decent interval

FRANK SNEPP

Paris * 04.2025

Chuyển ngữ : trình dịch AI
Biên tập : *Ban Tuyển đọc*
Thư viện Tiếu Lùn
Bìa : *M. C. P*

phủi tay

FRANK SNEPP

RANDOM HOUSE NEW YORK
1977

Phần 3
Sụp đổ

MỤC LỤC

20. Trách nhiệm chính 13

21. Những mảnh giẻ nhỏ mềm nhũn 69

22. Vụ đánh bom 131

23. Rọi đèn chiếu 185

24. Kéo đại bàng 233

25. Hàng xa xỉ bị loại bỏ 289

26. Trường hợp tệ nhất 359

27. Điều kiện được kiểm soát 417

28. Nút khẩn cấp 457

29. Một thỏa thuận đã qua thời 509

30. Người gọi bí mật 553

31. Suy nghĩ phân cực 605

32. Tài xế hạng sang 661

33. Đến lượt chúng tôi 707

34. Họ đang ở trong sảnh 761

35. Buổi sáng 857

36. Buổi chiều 1007

37. Buổi tối 1123

38. Chú thích 1242

20. Trách nhiệm chính

Khi các phần của miền Nam Việt Nam rơi khỏi cơ thể của đất nước như những mảnh băng trôi đang tan rã, Cộng hòa Campuchia tan biến vào hư vô.

Vào ngày Đà Nẵng thất thủ, Đại sứ quán tại Phnom Penh thông báo rằng Thủ tướng Lon Nol sẽ sớm lên đường thực hiện một "chuyến thăm hữu nghị" tới Indonesia và Hoa Kỳ. Bốn ngày sau, nhà lãnh đạo Campuchia già yếu, bị liệt một phần, đã lên một chiếc máy bay vận tải của Mỹ và bay đến Thái Lan để bắt đầu hành trình của mình. Ông sẽ không

bao giờ trở lại. Gần như ngay lập tức, các pháo thủ Cộng sản đã nâng ngắm vào trung tâm Phnom Penh, như thể để cho người Mỹ và các ngoại quốc khác trên Đại lộ Đại sứ có cơ hội rời đi. Đến khi màn đêm buông xuống, đồn quân sự cuối cùng của chính phủ trên sông Mekong phía đông nam thủ đô đã bị chiếm đóng, và 10.000 quân đội Khmer Cộng sản đang quay về phía bắc để gia nhập 30.000 đồng bào của họ đã tập trung xung quanh Phnom Penh, được bảo vệ bởi một nửa số lượng quân chính phủ.

Việc Lon Nol ra đi đánh dấu sự kết thúc của cuộc thử nghiệm bốn năm của Henry Kissinger ở Campuchia, vì chính phủ Hoa Kỳ đã đóng vai trò quan trọng trong việc đẩy ông ra khỏi sân khấu chính, và giờ đây đang theo đuổi một chính sách mới chỉ nhằm giảm

bớt những cơn hấp hối của đất nước. Cuối cùng, sau hơn một năm trì hoãn, Kissinger đã quyết định theo đuổi thỏa hiệp chính trị mà Martin, Đại sứ Dean và người Pháp đã lâu nay ủng hộ. Hoa Kỳ sẽ ủng hộ việc khôi phục nhà lãnh đạo Campuchia bị lật đổ Norodom Sihanouk như một cách để thu hẹp khoảng cách giữa các phái quốc gia ở Phnom Penh và lãnh đạo KC trong rừng.

Trong khi đó, một bi kịch không kém phần quyết định đang diễn ra ngay tại Sài Gòn, vì chính trong khoảng thời gian quan trọng này, từ cuối tháng Ba đến đầu tháng Tư, Tướng Weyand và Graham Martin đã cùng nhau sử dụng trí tuệ và những ảo tưởng của họ để cố gắng cứu vãn những gì còn lại của miền Nam Việt Nam. Thật trớ trêu thay, họ đã

đến Sài Gòn vào đúng thời điểm quân đội ở Quân khu 1 và 2 đang giải tán, vì có quá nhiều điều phải hiểu nhưng lại quá ít thời gian để làm, nên họ sẽ không bao giờ hiểu hết được chúng ta đã gần đến ngày phán quyết cuối cùng đến thế nào.

Đến khi họ xuất hiện tại Đại sứ quán vào ngày 28 tháng 3, hai luồng phân tích đã xuất hiện trong số những người trong chúng tôi đã theo dõi cuộc khủng hoảng phát triển từ gần. Đài CIA và Văn phòng Tùy viên Quốc phòng, có thể lần đầu tiên đồng ý về một vấn đề chiến lược, giờ đây đều tin rằng vị trí quân sự của Sài Gòn là "không thể duy trì". Trong cuộc họp báo đầu tiên với Weyand, Đại tá Legro, trưởng phòng tình báo của DAO, đã khẳng định rằng không có gì ngoài các

cuộc không kích của B-52 vào Hà Nội có khả năng ngăn chặn quân Bắc Việt - và ngay cả điều đó cũng còn nghi vấn. Theo quan điểm của ông, rào cản duy nhất mà các nhà cộng sản phải đối mặt là hậu cần. Vấn đề cung cấp lương thực và tái trang bị cho quân đội di chuyển nhanh của họ, theo suy đoán của ông, có thể ngăn họ hoàn thành chiến thắng không thể tránh khỏi của mình trước tháng Sáu.

Trong các đánh giá của chúng tôi cho đội Weyand, Polgar và tôi đã nhấn mạnh vào những điểm giống nhau, với một sửa đổi quan trọng : chúng tôi lập luận rằng hậu cần sẽ không phải là một trở ngại nghiêm trọng và chỉ có sự can thiệp của Hoa Kỳ, hoặc đầu hàng thương lượng, mới có thể ngăn chặn một chiến thắng quân sự hoàn toàn của Cộng sản trong vài tuần tới.

Ở phía bên kia của cuộc tranh luận, ông Chargé Lehmann và một số quan chức cấp cao khác của Bộ Ngoại giao đã phản đối kịch liệt cái mà họ gọi là "chủ nghĩa đầu hàng." Với một ít đạn dược nữa, họ khẳng định, người Việt Nam miền Nam sẽ "vượt qua," ít nhất là đến mức có thể bảo vệ nửa phía nam của đất nước và đạt được một thỏa thuận "công bằng" với bên kia. Đó là một sự phản ánh chính xác của những lý thuyết tuyệt vọng của Martin.

Ngay trước khi rời Washington, Weyand đã thừa nhận một cách riêng tư rằng Việt Nam đang gặp rắc rối lớn. Nhưng bản chất của nhiệm vụ của ông không cho phép sự bi quan như vậy. Ông đã được gửi đến Sài Gòn để phát triển các giải pháp, hoặc các lựa chọn, chứ không phải để loại bỏ tất cả chúng ngay

từ đầu là không khả thi. Hơn nữa, ông đã được bảo rằng không nên bị cản trở hoặc phân tâm bởi các rào cản chính trị ở Hoa Kỳ, Quốc hội hay các rào cản khác. Nếu B-52 có thể làm được công việc, ông ấy nên thừa nhận điều đó. Nếu viện trợ bổ sung của Mỹ là liều thuốc chữa bách bệnh, ông ta nên nói như vậy. Thực tế, ông đã được cho phép tự do đưa ra bất kỳ điều gì ngoại trừ một đánh giá thực tế về khả năng tồn tại của Sài Gòn.

Weyand cũng không phải là kiểu quan sát viên có thể tiếp cận chủ đề với sự khách quan hoàn toàn. Là vị chỉ huy cuối cùng tại MACV, ông đã giúp đưa Sài Gòn vào kỷ nguyên Việt hóa và lệnh ngừng bắn, và ông cảm thấy một trách nhiệm cá nhân sâu sắc về những gì đã xảy ra - và những gì đã không xảy ra. Như ông đã từng nói với một người bạn,

ông tin rằng (cùng với Kissinger) Hoa Kỳ có nghĩa vụ đạo đức phải đứng bên cạnh người Việt Nam Cộng Hòa đến cùng, đặc biệt nếu họ muốn chiến đấu đến cùng.

Các thành viên khác trong đoàn tùy tùng của Weyand cũng bị gánh nặng bởi sự cận thị của những cam kết trong quá khứ. Erich Von Marbod đã giúp xây dựng nhiều chính sách tài chính của Lầu Năm Góc đối với Việt Nam kể từ khi ngừng bắn và quyết tâm chứng kiến chúng thành công. George Carver, người được Kissinger chỉ định từ CIA, đã hình thành quan điểm của mình về cuộc chiến trong hai thập kỷ với tư cách là chuyên gia chính về Việt Nam của cơ quan này và hầu như không sẵn sàng thừa nhận rằng tất cả các chương trình "xây dựng quốc gia", bình định nông thôn và những thứ

tương tự của chúng ta đã trở thành vô nghĩa. Đồng nghiệp của ông ở CIA, Ted Shackley, cũng có một mối quan tâm cá nhân đến vận mệnh của chế độ Thiệu, vì với tư cách là Trưởng Đài ở Sài Gòn vào cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970, và gần đây hơn là Trưởng Phòng Đông Á của cơ quan, ông đã làm rất nhiều để tạo ra những gì nó đã trở thành.

Để thuyết phục những «chuyên gia» tận tâm như vậy rằng Sài Gòn đã kết thúc sẽ mất hàng tháng, có thể thậm chí hàng năm, để thuyết phục. Trong vài ngày ngắn ngủi, những người trong Đại sứ quán chúng tôi đã nhìn thấy điều tồi tệ nhất hoàn toàn không có cơ hội nào.

Cũng không bị ảnh hưởng bởi nỗi u ám của chúng tôi là chính Martin. Ông đã đi vắng trong vài tuần, hoàn toàn lạc

hậu về các thông tin, và khó có thể có khuynh hướng, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, đối với những đánh giá u ám mà Trạm và DAO ưa thích. Ông đã mất một người con trai ở Việt Nam và đã đặt uy tín của mình vào dòng chảy trong suốt một năm rưỡi qua vì lợi ích của chế độ Thiệu, và giờ đây cảm xúc và cái tôi của ông đã hoàn toàn bị cuốn vào. Việc thừa nhận rằng tất cả những gì ông đã làm và tin tưởng đã bị phá hủy chỉ trong ba tuần sẽ đòi hỏi một hành động tự hạ thấp mà ông đơn giản là không thể làm được.

Ở một mức độ nào đó, hơn nữa, ông ta còn được thúc đẩy trong sự lạc quan của mình bởi sự hiện diện của chính Weyand. Quyết định của Kissinger gửi vị tướng đi khảo sát thực tế cuối cùng lại là một thách thức đối với năng lực và quyền lực của Martin, và giờ đây Đại

sứ phải chứng minh rằng ông đã đúng về sức mạnh tồn tại của Sài Gòn, chỉ để không bị vị tướng làm lu mờ trên chính lãnh thổ của mình.

Trò chơi tranh giành quyền lực bắt đầu ngay khi máy bay của Weyand hạ cánh tại Tân Sơn Nhất. Khi tướng và đoàn tùy tùng của ông xếp hàng để xuống máy bay, Martin khăng khăng muốn là người đầu tiên bước xuống thang máy bay để không có bất kỳ nghi ngờ nào trong số các quan chức Việt Nam đang chờ đợi bên dưới rằng ông vẫn là "đại diện của Tổng thống tại hiện trường."

Vào buổi sáng đầu tiên của Martin tại Đại sứ quán, Polgar đã gửi tôi xuống phòng suite ở tầng ba của ông để thông báo cho ông về các cuộc khủng hoảng ở

QK 1 và 2. Khi tôi bước vào với các biểu đồ và bản đồ chiến đấu của mình, David Kennerly, nhiếp ảnh gia cá nhân của Tổng thống Ford, người đang đi cùng đội Weyand, đang dựa vào mép bàn của mình. "Ê," Kennerly nói với tôi, "bạn có thể cho tôi biết làm thế nào để tôi có thể đi nhờ xe đến Đà Nẵng hoặc Nha Trang không ?" Tôi muốn chụp một vài bức ảnh về những người tị nạn.

Tôi trả lời (với sự kiên nhẫn tối đa có thể) rằng Đà Nẵng đang bị tấn công và chúng tôi đang gặp khó khăn đủ để đưa người Mỹ ra khỏi đó. Thật sự sẽ không thể dành một chỗ cho anh ấy trên máy bay. Kennerly nhún vai và đi ra ngoài. Sau đó, tôi quay sang Martin. "Thưa ngài, Polgar muốn tôi cung cấp cho ngài một số dữ liệu về tình hình," tôi nói. Ông gật đầu và ra hiệu cho George Carver, người

đang đứng ở phòng chờ, tham gia cùng chúng tôi.

Tốt nhất, Martin là kẻ thù không đội trời chung của những người thuyết trình, luôn sẵn sàng ngắt lời, chỉnh sửa và thậm chí là làm nhục khi điều đó có lợi cho mục đích của anh ta. Bây giờ, với Carver bên cạnh, anh ta quyết tâm làm mất uy tín bức tranh u ám mà tôi đã vẽ ra cho anh ta. Ngày của báo cáo đó là gì ? Ai là nguồn tin ? anh ta hỏi đi hỏi lại mãi. Làm sao bạn có thể chắc chắn rằng vị chỉ huy này hoặc chỉ huy kia không đang tập hợp quân lính của mình ?

Cuối giờ, tôi cảm thấy tan nát và hoàn toàn thất bại. Carver sau đó đã đảm bảo với tôi rằng tôi đã "làm Martin thay đổi," nhưng ông ấy đã sai lầm hoàn toàn. Đến giữa tháng Tư, Martin vẫn tiếp tục ca ngợi những đức tính và tính khả thi

của một Saigon biệt lập, khiến cho việc thông qua "đánh giá thực địa" với anh ta trở nên rất khó khăn, lại tiếp tục đặt câu hỏi về từng chi tiết, đến mức lần đầu tiên chúng tôi bắt đầu gửi các đánh giá của mình đến Washington mà không có dòng chú thích thông thường "Đại sứ đã đọc đánh giá này và không phản đối việc phát tán nó."

Polgar và tôi không phải là những người duy nhất thấy Martin miễn dịch với sự thật. Chỉ vài giờ sau khi rời khỏi HQ-5, Al Francis, với khuôn mặt hốc hác và tiều tụy sau bộ râu đen như than, đã đến Đại sứ quán để cung cấp cho Đại sứ những chi tiết bi thảm đầy đủ về cuộc di tản ở Đà Nẵng. "Thưa ngài," ông nói một cách mệt mỏi khi ngồi xuống ghế sofa ở một góc phòng của Martin. "Đà Nẵng

đã mất." Quân đội của Tướng Trưởng không còn nữa.

Martin mỉm cười một cách thiện chí và lắc đầu. Ông vừa được thông báo về kế hoạch của ông Thiệu nhằm cố gắng tái chiếm QK 1 và chưa chuẩn bị để loại Danang ra khỏi cuộc chơi. "Không," ông thì thầm gần như không nghe thấy, "QK 1 chưa mất.» Tôi có thông tin ngược lại.

Sự đảm bảo đó, được truyền đạt một cách êm dịu và kiêu ngạo, đã phá vỡ sự dè dặt thường ngày của Francis. "Nhưng, thưa ngài," anh ta bùng nổ, "tôi đã ở trên tàu nhiều ngày với những tàn tích của quân đội Trương." QK 1 đã thất thủ, tôi nói với ông. Nếu bạn không tin tôi, hãy thuê một chiếc trực thăng và bay lên xem cho chính mình."

Martin nhìn chằm chằm một lúc, rồi

đổi chủ đề, hỏi thăm sức khỏe của Francis, và cuối cùng đưa ông ra khỏi văn phòng.

Từ điểm này trở đi, Francis, người trong cuộc tối thượng, sẽ trở thành người ngoài cuộc như chúng ta. Bằng cách không đồng ý với người thầy cũ của mình vào thời điểm quan trọng này, anh ta đã mất đi sự bảo đảm của mình với ông ấy, và trong khoảng một tuần tiếp theo sẽ bị chuyển đến một văn phòng nhỏ hơn ở cuối hành lang, không có quyền truy cập đặc biệt vào phòng của Đại sứ. Lehmann sau đó cố gắng giải thích sự tẩy chay của Francis với tôi bằng cách nghi ngờ sự ổn định cảm xúc của anh ấy : "Francis hơi căng thẳng và lo lắng, bạn biết đấy, đặc biệt là sau tất cả những điều khủng khiếp đã xảy ra với anh ấy trong những ngày cuối cùng của Đà Nẵng." Lehmann

sau đó cố gắng giải thích sự xa lánh của Francis với tôi bằng cách nghi ngờ sự ổn định cảm xúc của anh ấy : "Francis có phần căng thẳng và dễ bị tổn thương, bạn biết đấy, đặc biệt là sau tất cả những điều khủng khiếp đã xảy ra với anh ấy trong những ngày cuối cùng của Đà Nẵng." *

*[Ngay cả sự gần gũi ngày càng tăng của cuộc chiến cũng không làm giảm đi sự lạc quan của Martin. Ngay từ khoảnh khắc đầu tiên trở lại Sài Gòn, rõ ràng rằng các khu vực phía nam của QK 2 sẽ sớm gặp nguy hiểm lớn, nhưng Martin từ chối chấp nhận điều này. Sự do dự của ông gần như đã dẫn đến việc mất một lò phản ứng hạt nhân nhỏ ở thành phố Đà Lạt mà Hoa Kỳ đã thiết lập ở đó vào giữa những năm 1960 (như một phần của nhà máy phát điện) theo Chương trình Nguyên Tử vì Hòa Bình của họ.

Ngay trước khi sơ tán Nha Trang, Ủy ban Năng lượng Nguyên tử Hoa Kỳ đã gửi một chiếc máy bay đặc biệt đến Việt Nam để vận chuyển các thanh nhiên liệu phóng xạ cấu thành trái tim của lò phản ứng, nhưng Martin đã từ chối cho phép việc lấy ra cho đến gần như chỉ vài giờ trước khi cộng quân tiến vào Đà Lạt vào ngày 4 tháng 4.]

Bởi vì đội ngũ Weyand có quá nhiều quan chức "cấp cao", phần lớn công việc nặng nhọc của nhiệm vụ của họ đã được giao cho các quan chức cấp trung như tôi. Tuy nhiên, tôi nhanh chóng nhận ra rằng sự tham gia không nhất thiết phải đồng nghĩa với ảnh hưởng, đặc biệt là khi các cân nhắc chính sách quan trọng và danh tiếng đang bị đe dọa. George Carver đã mang lại cho tôi sự thật này

một cách rõ ràng đến mức choáng váng khi ông gọi tôi đến phòng của ông vào Chủ nhật, ngày 31 tháng 3, để giúp chuẩn bị bản nháp đầu tiên của "đánh giá tình hình" của chính ông.

"Weyand sẽ tự mình làm một phân tích," anh ấy giải thích với tôi khi tôi ngồi xuống mép giường của anh ấy, "nhưng tôi muốn làm một cái gì đó riêng cho Bill Colby." Đây là bản nháp ban đầu của tôi." Anh ấy đưa cho tôi một tập giấy tờ đầy lỗi chính tả. Ý chính là mặc dù tình hình trên toàn quốc rất tồi tệ, vẫn có cơ hội rằng một hoặc hai chiến thắng, cộng với sự viện trợ thêm từ Mỹ, có thể kích thích quân đội. Tôi nói với anh ấy rằng tôi nghĩ điều đó quá lạc quan.

"Hmmm, thì, điều tôi thực sự muốn từ bạn," anh ta hít mũi khi đi qua đi lại, "là số liệu thống kê." Bạn có thể tìm ra

một số số liệu về trật tự chiến đấu, bạn biết đấy, những thông tin so sánh sức mạnh để làm phong phú thêm văn bản không ? Tôi muốn có nó trước chiều nay.

Pat và Joe đã đến văn phòng để giúp đỡ và chúng tôi đã dành phần còn lại của ngày để soạn thảo một nghiên cứu cho Carver. Sự tính toán của chúng tôi đã nói lên tất cả về sự vô vọng của triển vọng quân sự của Sài Gòn. Xét về sự cân bằng lực lượng, kết quả của cuộc chiến đối với chúng tôi dường như hiển nhiên.

Các số liệu thống kê của chúng tôi đã gây ấn tượng mạnh với Carver, ông đã đảm bảo rằng chúng được đưa vào báo cáo cuối cùng của Weyand. Thật không may, tuy nhiên, ông không thấy cần thiết phải bao gồm cả những kết luận của chúng tôi, vì giống như phần còn lại của nhóm Weyand, ông vẫn tiếp tục tin

rằng một phép màu vẫn còn có thể xảy ra thêm một tuần nữa hoặc hơn.

Trong tám ngày bối rối của chuyến thăm Weyand, một số chuyên gia khác từ Washington đã đến Đại sứ quán để kiểm tra lại các phát hiện của vị tướng. Trong số những người điều tra độc lập này có hai điều tra viên từ Ủy ban Quan hệ Đối ngoại Thượng viện, Dick Moose và Chuck Miessner, những người tình cờ là bạn cũ của tôi. Tôi đã lần đầu gặp Miessner vào năm 1970, trong nhiệm vụ đầu tiên của tôi ở Việt Nam, khi ông là chuyên gia thường trú của MACV về Campuchia, và tôi đã làm việc chặt chẽ với Moose trong nhiều chuyến đi trước đó của ông đến Việt Nam thay mặt cho ủy ban. Tôi kính trọng cả hai người vì kiến thức và sự chính trực của họ và

quyết tâm làm mọi thứ có thể để giúp họ. Nếu có ai có thể khiến Đại sứ và Weyand thoát khỏi sự lạc quan giả tạo của họ, tôi quyết định, đó chính là Quốc hội.

Tôi có cơ hội tóm tắt cho hai nhân viên ngay sau khi họ đến. Hai câu mở đầu của tôi được tính toán đặc biệt để thu hút sự chú ý của họ. "Tình hình quân sự là không thể đảo ngược," tôi nói. "Người Việt Nam miền Nam sẽ bị đánh bại một cách quyết định trong vài tuần tới trừ khi Hoa Kỳ can thiệp." Phần còn lại của bài tóm tắt của tôi cũng tương tự như vậy, và ở một vài điểm, Lehmann, người đang ngồi trong phiên họp, đã cố gắng ngắt lời để làm dịu bớt những nhận định của tôi. Nhưng mỗi lần như vậy, Moose hoặc Miessner lại cắt ngang, thách thức ông ta phải giải quyết những điểm cụ thể mà tôi đã nêu ra. Lehmann rõ ràng không

muốn bị lôi kéo vào một cuộc tranh luận về sự thật, vì cuối cùng ông đã lặng im.

Sau đó, Miessner cảm ơn tôi vì sự thẳng thắn và bảo tôi hãy mong đợi nghe tin từ họ một lần nữa trước khi họ rời đi Washington. Đó là khởi đầu của một sự hợp tác giữa chúng tôi mà cuối cùng, một tuần rưỡi sau, sẽ có ảnh hưởng quan trọng đến thái độ của Quốc hội đối với cuộc khủng hoảng Việt Nam và những kết luận của đội Weyand. *

*[Moose và Miessner không phải là những nhân vật nổi bật duy nhất từ Washington đã đi qua Sài Gòn trong thời gian diễn ra chuyến tham quan của Weyand. Một buổi tối, tại khách sạn Duc, tôi tình cờ gặp một người quen cũ, Bill Christison, người đã thăng tiến trở thành Cán bộ Tình báo Quốc gia của CIA cho Nam và Đông Nam Á, phần lớn

nhờ vào sự bảo trợ của Carver. Ông giải thích với tôi rằng ông không phải là một phần của đội Weyand, nhưng đã đến Sài Gòn để tự mình tìm hiểu một số thông tin. "Và trời ơi, tôi sẽ tránh xa họ," anh ấy tiếp tục khi chúng tôi đùa về những nỗ lực của Carver và những người khác. "Không có lợi ích gì trong đó." Thực ra, tôi sẽ bay đến Cần Thơ vào ngày mai để chơi tennis với mấy thằng nhóc ở đó. Và ông đã làm như vậy, sĩ quan điều hành chính của CIA cho Việt Nam và Cam-puchia. Ông ấy đã đi đến đồng bằng và chơi quần vợt trong hai ngày trong khi Weyand và đội của ông ta tự đào một cái hố chính trị cho chính mình. Trong số tất cả các "chuyên gia" hàng đầu của Washington về Đông Dương, Christison sẽ là người duy nhất có thể thành thật tuyên bố rằng khi toàn bộ bi kịch đã qua đi, ông không có bất kỳ liên quan gì đến

nhiệm vụ Weyand và những sai lầm của nó. Ông đã quá bận rộn với các tòa án.]

Từ khoảnh khắc ông đặt chân đến Sài Gòn, Weyand đã tập trung năng lượng của mình vào một vài mục tiêu cơ bản. Ngoài việc thực hiện công việc thu thập thông tin khá đơn giản, ông tập trung mạnh mẽ vào việc phát triển một chiến lược sinh tồn mới cho người Việt Nam miền Nam. Bản chất của kế hoạch của ông là một biến thể của "Nhẹ ở Trên, Nặng ở Dưới" của ông Thiệu. Ban đầu, theo khái niệm này, ông Thiệu đã hy vọng thiết lập một vành đai phòng thủ phía trước cho Sài Gòn kéo dài từ Tây Ninh ở phía tây đến Nha Trang trên bờ biển. Nhưng bây giờ, với sự xâm nhập sâu của lực lượng cộng sản vào miền nam QK 2, rõ ràng là cần phải có một số điều chỉnh.

Weyand đã đề xuất, như một lựa chọn, rằng vòng phòng thủ mới nên được neo tại thành phố ven biển Phan Rang, với Xuân Loc là trung tâm và Tây Ninh là bản lề phía tây. Vì ông Thiệu không có nhiều lựa chọn khác, ông đã chấp nhận đề xuất này ngay lập tức. Ông chỉ đưa ra một yêu cầu duy nhất với người Mỹ. Tại một buổi họp với Weyand, Martin và một số người khác vào ngày 3 tháng 4, ông đã hỏi liệu có thể sử dụng B-52 để hỗ trợ phòng thủ Sài Gòn không. Von Marbod, kinh ngạc và thất vọng khi ông Thiệu có thể vẫn đang trông cậy vào việc ném bom của Mỹ, đã giải thích rằng điều này là không thể. Nhưng ông đã hứa, như một giải thưởng an ủi, sẽ cung cấp cho Nam Việt Nam một loạt các vũ khí tối tân, bao gồm cả bom "Daisy Cutter" và bom CBU khổng lồ, giúp họ tối đa hóa hiệu quả của lực lượng không quân

nước này. *

* [“Daisy Cutter,” ban đầu được thiết kế để dọn dẹp các bãi đáp trực thăng trong rừng, nổ ngay trên khu vực mục tiêu, quét sạch mặt đất trong bán kính khoảng một trăm thước. CBU (đơn vị bom chùm) là một vũ khí còn đáng sợ hơn nữa. Về cơ bản là một bình xịt khí dung trên không, nó phát nổ ở độ cao đã định trước, tạo ra một đám mây nhiên liệu giống như dầu hỏa có đường kính năm mươi feet và dày tám feet. Khi được kích nổ, đám mây này tạo ra áp suất xuống khoảng ba trăm pound trên mỗi inch vuông, đủ để nghiền nát bất cứ thứ gì trong phạm vi của nó. Bất kỳ ai sống sót sau vụ nổ ban đầu đều nhanh chóng bị ngạt thở trong chân không sau vụ nổ. Bằng bất kỳ tiêu chuẩn nào, CBU là một trong những vũ khí phi hạt nhân chết

người nhất trong kho vũ khí của Mỹ.]

Là bước đầu tiên để thực hiện kế hoạch phòng thủ mới, ông Thiệu đã đặt Phan Rang dưới sự kiểm soát của Tướng Toàn, chỉ huy QK 3 của ông, và Toàn đã chỉ đạo người bạn cũ của mình, Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, cựu chỉ huy QK 4 (bị sa thải vào mùa thu trước vì tham nhũng), thiết lập một bộ chỉ huy tiền phương ở đó với một phần của Sư đoàn Nhảy dù. Ông cũng đã triển khai một lữ đoàn thiết giáp và một số đơn vị biệt động quân đến miền đông QK 3 để tăng cường cho Sư đoàn 18 VNCH tại thị trấn quan trọng Xuân Lộc.

Ngoài ra, ông Thiệu và các chỉ huy của ông đồng ý làm mọi thứ có thể để tái thiết một số đơn vị đã được sơ tán,

chủ yếu trong tình trạng tồi tệ, từ QK 1 và 2. Từ đầu, tuy nhiên, họ dường như quyết tâm làm phức tạp nhiệm vụ của mình thông qua kế hoạch tồi tệ đến mức không thể chấp nhận được. Chỉ khi được Đại tá Smith, Tùy viên Quốc phòng, thúc giục, họ mới bận tâm đến việc lập một kế hoạch hướng dẫn cho họ, và ngay cả lúc đó, cũng không có mục đích thực sự nào. Khi Smith và nhân viên của ông xem xét nó trong những ngày đầu tháng Tư, họ thấy nó hoàn toàn không thực tế, và ngay lập tức bắt tay vào làm một bản thay thế. Nhưng ngay khi họ hoàn thành bản đề xuất của mình thì người Việt Nam miền Nam đã cho ra một bản mới của riêng họ. Theo các điều khoản của nó, 4.000 lính thủy đánh bộ và các quân nhân lẻ tẻ từ QK 1 và 2 sẽ được tập hợp lại tại thành phố ven biển Vũng Tàu, phía đông nam Sài Gòn, và tại các trại huấn luyện

gần đó, và được tổ chức thành các đơn vị mới, hy vọng trước cuối tháng Tư. Mặc dù kế hoạch này thực tế hơn một chút so với kế hoạch ban đầu, nhưng nó vẫn mắc phải một khuyết điểm mà Smith coi là chí mạng. Trong khi ông muốn tất cả các đơn vị được tái thiết hợp nhất vào các đơn vị hiện có để giảm thiểu các vấn đề về chỉ huy và kiểm soát, người Việt Nam lại khăng khăng triển khai từng đơn vị một cách độc lập, ngay khi nó được phục hồi về trạng thái chiến đấu. Bất chấp sự phản đối của Smith, chính quy trình này đã được họ tuân theo cho đến ngày cuối cùng của cuộc chiến, và kết quả là bốn trung đoàn bộ binh và bốn tiểu đoàn pháo binh cuối cùng đã xuất hiện từ quá trình tái cấu trúc đã được gửi ra chiến trường từng phần, để bị tiêu diệt theo cách từng phần trên các mặt trận đang thu hẹp của Sài Gòn.

Vì bộ chỉ huy cao cấp của Sài Gòn giờ đã hoàn toàn hỗn loạn, Smith và các nhân viên của ông đã phải gánh vác những nhiệm vụ cơ bản khác mà thường thì sẽ được để lại cho họ. Ví dụ, họ đã tham gia sâu vào việc xác định vị trí và phân phối các kho dự trữ còn lại của Sài Gòn và phân phối các thiết bị mới được chuyển đến từ Hoa Kỳ. Họ thực hiện nhiệm vụ này một cách hiệu quả đến mức họ nhanh chóng có nguồn cung cấp chảy vào chiến trường nhanh hơn cả tốc độ mà quân đội Việt Nam Cộng Hòa có thể tái thiết lập các đơn vị của họ.

Tất nhiên, có một tác dụng phụ không may mắn đối với tất cả những hoạt động này. Lần đầu tiên kể từ khi ngừng bắn, người Bắc Việt hoàn toàn có lý khi khẳng định rằng một số lượng lớn người Mỹ ở Sài Gòn đang phục vụ như "cố vấn

quân sự" cho quân đội của ông Thiệu. *

* [Hoạt động logistics của DAO cũng có tính hợp pháp đáng ngờ do các quy định của Quốc hội cấm sự tham gia của Mỹ vào cuộc chiến.]

Như một hệ quả của việc tân trang lại cỗ máy chiến tranh của Sài Gòn, Weyand và các đồng nghiệp của ông đã quyết định từ sớm rằng một số thay đổi trong chính phủ cũng là cần thiết. Điều họ nghĩ đến không phải là loại bỏ ông Thiệu (như các nhà cộng sản yêu cầu), mà là mở rộng nội các của ông để bao gồm những người ôn hòa và thậm chí một vài thành viên tượng trưng của phe đối lập không cộng sản, để nếu cần thiết phải đàm phán với các nhà cộng sản, một phần lớn của phổ chính trị sẽ đứng

sau chính phủ.

Vào ngày thứ hai hoặc thứ ba ở Sài Gòn, Shackley và Carver đã đến thăm Dinh Độc Lập để thử nghiệm khái niệm này với Thủ tướng Khiêm, người luôn tỏ ra rất tiếp thu lời khuyên của người Mỹ. Một lần nữa, ông ta lại hành xử đúng như thường lệ, gật đầu và đồng ý một cách nhiệt tình với người Mỹ. Sau đó, ông ta cố gắng gieo mầm ý tưởng vào tai Thiệu. Có lẽ đã đến lúc mở rộng chính phủ, ông nói với Tổng thống ; có lẽ một lời đề nghị hòa bình nên được đưa ra cho bên kia, trong khi quân đội vẫn đủ mạnh để làm con bài mặc cả. Khiêm cũng quyết định (như ông đã nói với một liên lạc viên của CIA) sẽ cố gắng thúc ép vấn đề bằng cách đe dọa từ chức.

Trong khi đó, sự phản đối trong nước đối với ông Thiệu tiếp tục gia tăng. Vào ngày hôm sau sau khi sơ tán Nha Trang, Thượng viện Nam Việt Nam, thường là một cơ quan chỉ mang tính hình thức, đã nhất trí thông qua một nghị quyết kêu gọi lãnh đạo chính phủ mới, và Nguyễn Cao Kỳ, tin rằng những lời kêu gọi công khai như vậy là vô ích, đã bắt đầu thúc đẩy tích cực một cuộc đảo chính. Vì nhóm "không quân" của ông ta không đủ mạnh để thực hiện điều đó một mình, ông ta đã tìm kiếm sự hỗ trợ từ các bạn bè cũ trong chuỗi chỉ huy của quân đội, bao gồm Tướng Lê Minh Đảo, tư lệnh Sư đoàn 18 VNCH đóng tại Xuân Lộc. Nhưng Đảo từ chối cam kết mà không có sự ủng hộ của Bộ Tổng tham mưu Liên quân. Điều này đã dẫn đến việc Kỳ tìm kiếm sự trợ giúp của người mà sự tham gia của ông ta có thể thay đổi cục

diện ngay lập tức, Chủ tịch JGS, Tướng Cao Văn Viên.

Gặp Viên vào khoảng giữa trưa ngày thứ hai, Kỳ đã trình bày các lập luận của mình và xin sự hỗ trợ. Viên, cẩn thận đến mức thái quá, do dự và cuối cùng hứa sẽ trả lời anh ta trong một hoặc hai ngày. Chiều hôm đó, Viên thông báo cho Khiêm về những gì đã xảy ra và đề nghị họ kiểm tra với người Mỹ, trước khi báo động cho chính Thiệu, để xác định xem Washington có đứng sau âm mưu của Kỳ hay không. Trong vòng một giờ hoặc hơn, Khiêm đã hỏi Polgar và được trả lời một cách dứt khoát rằng người Mỹ sẽ không ủng hộ một cuộc đảo chính của Kỳ hoặc những người đồng minh của ông ta, vì không ai trong số họ được coi là đủ "ôn hòa" hoặc "trung dung" để đối phó với các nhà lãnh đạo cộng sản.

Trong khi đó, ông Thiệu vừa mới nghe phong thanh về âm mưu của Kỳ. Thông qua một mối liên hệ tại Học viện Quân sự Thủ Đức gần Sài Gòn, người em họ của ông, Hoàng Đức Nhã, đã biết về các mối liên hệ của Kỳ với Tướng Đảo và ngay lập tức báo cho Tổng thống. Điều này, hơn bất kỳ lời khuyên nào mà người Mỹ đã đưa ra cho ông ta hoặc những người đồng minh của ông ta, đã khiến ông Thiệu quyết định thực hiện một số thay đổi trong chính phủ. Ông đặc biệt không hài lòng với Khiêm, vì ông nghi ngờ Thủ tướng biết nhiều hơn về âm mưu này so với những gì ông ta đã tiết lộ. Do đó, khi ông Khiêm cuối cùng cũng đề nghị từ chức vào chiều ngày thứ ba, Thiệu lập tức chấp nhận.

Ngày hôm sau, Thiệu đã xuất hiện trên truyền hình quốc gia để thông báo

về một cuộc thanh lọc chính phủ. Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Bá Cẩn sẽ lãnh đạo một chính phủ mới của "chiến tranh và đoàn kết quốc gia," ông nói, và Phó Thủ tướng sắp mãn nhiệm Trần Văn Đôn sẽ đồng thời trở thành Phó Thủ tướng và Bộ trưởng Quốc phòng. Nội các của Trần Thiện Khiêm, người đã giữ chức vụ Bộ trưởng Quốc phòng cũng như Thủ tướng, sẽ ở lại thêm vài ngày nữa để đảm bảo việc chuyển giao quyền lực diễn ra một cách trật tự.

Trong cộng đồng chính trị của Sài Gòn, phản ứng đối với những thay đổi này là một cái nhún vai tập thể của sự thờ ơ, vì Thiệu vẫn giữ quyền kiểm soát. Có lẽ người duy nhất hài lòng là chính Đại sứ quán. Martin đặc biệt được khuyến khích, vì ông tin (sai lầm) rằng đội hình mới sẽ được phe đối lập trong nước

coi là một sự thay đổi thực sự và sẽ giúp Thiệu tập hợp quân đội và đất nước. Polgar, mặc dù không lạc quan như vậy, có thể tự an ủi mình với một suy nghĩ có phần địa phương hơn. Một trong những thành viên cao cấp nhất của nội các sắp tới đã từ lâu là một đặc vụ CIA được tuyển dụng đầy đủ, được trả lương cao và phản ứng nhanh nhạy.

Với sự cải cách của đoàn tùy tùng của Thiệu, nhiều đồng nghiệp của tôi đã củng cố niềm tin rằng chính trị có thể cuối cùng cứu vãn tình hình cho người Việt Nam miền Nam, rằng sự kết hợp đúng đắn giữa sức mạnh và sự điều độ trong chính phủ có thể tạo điều kiện cho các cuộc đàm phán "công bằng". Thật vậy, vào thời điểm Weyand và đội của ông rời Sài Gòn vào sáng ngày 4 tháng 4, khái

niệm này đã trở thành một thành phần trung tâm trong kế hoạch của họ để cứu vãn nửa dưới của đất nước.

Tuy nhiên, liệu bất kỳ giả định nào trong số đó có hợp lệ hay không vẫn còn là một câu hỏi bỏ ngỏ. Sự kiên trì của cuộc tấn công của cộng sản, kết hợp với những lời kêu gọi liên tục của Hà Nội về một cuộc nổi dậy tổng lực, dường như ngụ ý một sự ghê tởm rõ rệt đối với bất kỳ thỏa thuận nào với chính phủ Thiệu.

Vào ngày 1 tháng 4, tôi quyết định thử nghiệm luận thuyết đàm phán trên một nguồn tin rất đáng tin cậy, người vừa mới trở về từ hiện trường. Gặp gỡ anh ấy tại một căn nhà an toàn không xa Đại sứ quán, tôi đã hỏi anh ấy suốt buổi sáng về các khía cạnh khác nhau của kế hoạch Cộng sản. Những nổ lực của tôi đã được đền đáp xứng đáng, vì nguồn tin có một

số điều đáng kinh ngạc khi nói về tâm trạng và suy nghĩ của "kẻ thù". Như ông ấy giải thích, lãnh đạo Hà Nội giờ đây đang theo "mùi máu" và sẽ không dừng lại cho đến khi đạt được chiến thắng hoàn toàn. Ngay cả một sự đầu hàng được thương lượng, với tất cả những điều không chắc chắn mà nó mang lại, cũng có thể không thể chấp nhận được đối với họ, ông nói.

Vào khoảng giữa trưa, Shackley, Polgar và phó của ông, John Pittman, đã tham gia cùng chúng tôi cho một bữa trưa nhanh chóng. Trong khi ăn salad và hamburger, tôi đã xem lại những gì nguồn tin đã nói với tôi. Shackley cảm thấy hứng thú (mặc dù có phần tiêu cực) và chỉ đạo tôi ngay lập tức soạn thảo một bản ghi nhớ về cuộc trò chuyện để ông có thể báo cáo đầy đủ cho Weyand. Polgar thì hoài nghi hơn, tuy nhiên. Ông

không thể tin rằng những người cộng sản sẽ đánh bại đối thủ bằng bạo lực như nguồn tin đã gợi ý, khi họ có thể đạt được chiến thắng một cách không đổ máu thông qua đàm phán.

Quan điểm của Polgar về vấn đề này sẽ có ảnh hưởng sâu sắc đến hướng đi của chính sách Mỹ trong vài tuần tới. Nhưng điều mỉa mai là ông không lấy cảm hứng từ những hy vọng phóng đại về việc cứu vãn miền Nam Việt Nam, mà chính từ điều ngược lại. Đến khi Nha Trang bị bỏ lại, ông đã thuyết phục bản thân rằng không có cơ hội nào để ổn định tình hình quân sự và rằng cần phải ngay lập tức nỗ lực đạt được thỏa thuận với cộng sản trên bất kỳ điều kiện nào có thể. Niềm tin của ông vào sự khôn ngoan và tính cấp bách của hành động

này mạnh mẽ đến mức ông không thể tưởng tượng rằng nó cũng có thể không thực tế.

Ngoài sự tiến quân không ngừng của quân đội Bắc Việt, một yếu tố khác đã giúp củng cố niềm tin của ông rằng đàm phán là cách duy nhất. Đây là mối nguy gần như rõ ràng về một phản ứng dữ dội từ quần chúng chống lại cộng đồng người Mỹ ở Sài Gòn. Việc sơ tán Đà Nẵng và Nha Trang đã chứng minh một cách không thể nghi ngờ rằng trong những điều kiện hỗn loạn của thất bại, người Mỹ không thể trông cậy vào sự khoan dung của các đồng minh của họ. Bây giờ, với quân đội Bắc Việt đang tiến về phía QK 3, viễn cảnh một cuộc tấn công trực tiếp vào chính thủ đô phải được tính đến. Và nếu điều đó xảy ra, và việc sơ tán người Mỹ trở nên cần thiết,

quân đội và dân chúng sẽ phản ứng như thế nào với chúng ta ?

Vào ngày 2 tháng 4, Polgar nhận được một câu trả lời gây lo ngại cho câu hỏi đó. Trong buổi sáng, một liên lạc viên tại Bộ Quốc phòng Việt Nam báo cáo rằng một số sĩ quan quân đội đã đồng ý biến người Mỹ ở Sài Gòn thành con tin cho sự an toàn của chính họ nếu các lực lượng Cộng sản tiến vào thành phố. Cụ thể, Thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan, một "trợ lý đặc biệt" của Tướng Viên và là một trong những đồng minh thân cận nhất của Kỳ, muốn được "biết" tại Đại sứ quán rằng nếu người Mỹ không làm gì để giúp đỡ bạn bè Việt Nam của họ trong trường hợp sơ tán, quân đội sẽ quay lưng lại với họ. *

*[Loan bản thân là một người tàn nhẫn và không khoan nhượng, đã đạt

được một số tiếng tăm nhất định trong cuộc tấn công của cộng sản năm 1968, khi với tư cách là cảnh sát trưởng Sài Gòn, ông đã bắn một viên đạn vào đầu một tù nhân Việt Cộng trước sự chứng kiến của các máy quay truyền hình Mỹ. Nếu có ai có khả năng dẫn đầu một cuộc tuần hành đến Đại sứ quán, Polgar kết luận, đó chính là vị tướng một chân táo bạo này.]

Báo cáo khiến Polgar rơi vào cơn cuồng loạn im lặng, và củng cố niềm tin của ông rằng phải ngay lập tức làm điều gì đó để thúc đẩy các cuộc đàm phán. Khác với Weyand và Đại sứ, ông nghi ngờ rằng bất kỳ biến thể nào của chế độ Thiệu cũng sẽ không bao giờ có thể đạt được thỏa thuận với những người Cộng sản. Vì vậy, ông đã quyết định rằng việc loại bỏ Thiệu và thay thế ông ta bằng

một người được Hà Nội chấp nhận là điều cần thiết.

Vì rõ ràng Đại sứ sẽ không bao giờ chấp thuận một động thái như vậy, Polgar quyết định vượt qua ông ta. Khoảng bốn giờ chiều ngày thứ hai, ông gọi tôi vào văn phòng của ông và giải thích những gì ông dự định làm. Chúng tôi cùng nhau soạn một bức điện gửi Washington, chỉ ra những điểm yếu của Thiệu và triển vọng (dù rất hạn chế) cho một sự thỏa hiệp với các lực lượng Cộng sản. Hy vọng rằng Washington sẽ rút ra được những kết luận thích hợp.

Tài liệu mà chúng tôi chuẩn bị trong hai giờ tới không giống bất kỳ điều gì đã xuất phát từ Nhiệm vụ kể từ khi ngừng bắn - và có thể là từ trước đến nay. Chúng tôi lập luận rằng thời gian của ông Thiệu đã được đếm ngược, rằng ông đã mất sự

ủng hộ của một phần lớn trong quân đội, và rằng một cuộc đảo chính chống lại ông là có khả năng xảy ra, thậm chí có thể sắp xảy ra. Mặc dù chúng tôi không yêu cầu rõ ràng quyền thay thế ông ta bằng một người sẵn sàng đầu hàng, chúng tôi đã làm rõ rằng các phe phái ủng hộ đàm phán đang huy động chống lại ông ta: "Trong khi các chính trị gia ôn hòa, bao gồm cả một số người đối lập, muốn ông ta tiếp tục giữ chức vụ tổng thống danh nghĩa vì lý do liên tục hiến pháp, có yêu cầu gần như đồng thuận rằng ông Thiệu phải từ bỏ thực chất quyền lực của mình." Polgar cũng không ngần ngại nêu rõ những gì ông cảm thấy sẽ là hậu quả của việc từ chối quan điểm của chúng tôi ở Washington : "Nếu Washington hoạt động như hầu hết chúng tôi mong đợi, thì chúng tôi phải kết luận rằng cả ông Thiệu lẫn một miền Nam Việt Nam độc

lập đều không có triển vọng sống sót hơn vài tháng."

Tiếp theo là một phân tích về ý định quân sự của Hà Nội mà tôi đã chuẩn bị đặc biệt để củng cố lập luận của chúng tôi về việc lật đổ ông Thiệu. "Chúng tôi tin rằng," tôi đã viết", Bắc Việt sẽ tiến đến bờ vực của một chiến thắng quân sự, cô lập Sài Gòn và phá hủy tiềm năng quân sự của nó, và sau đó kêu gọi đàm phán" với các điều khoản được thiết kế "để đảm bảo chuyển giao nhanh nhất có thể đến loại liên minh do cộng sản chi phối mà Hà Nội đã lâu nay hình dung như một trạm dừng chân đến thống nhất."

Về bản chất, Polgar và tôi đang gợi ý rằng Hà Nội vẫn quan tâm đến một chiến thắng thông qua đàm phán, thay vì một chiến thắng thuần túy quân sự. Đó là một điểm hoàn toàn suy đoán và trái

ngược với thông tin mà tôi đã thu thập từ nguồn tin của mình hôm trước. Nhưng Polgar vẫn quyết tâm thực hiện điều đó, vì ông tin rằng nếu các quan chức Chính quyền có thể được thuyết phục rằng Hà Nội vẫn sẵn sàng đàm phán, họ có thể chuẩn bị chấp thuận việc loại bỏ Thiệu, mở các cuộc đàm phán với cộng sản, và các biện pháp "cấp tiến" khác để giảm bớt mối đe dọa đối với Sài Gòn.

Khi Polgar và tôi ngồi lại vào cuối ngày để xem lại bản dự thảo, tôi đã bày tỏ một số nghi ngại về cách chúng tôi xử lý lựa chọn chính trị và tính thực tế của nó, nhắc nhở ông ấy về những gì người cung cấp thông tin đã nói với chúng tôi - Hà Nội đang "đánh hơi thấy máu". Nhưng Polgar thì không lo lắng. Theo quan điểm của ông, có một số lý do thuyết phục để cho rằng Hà Nội sẽ thích giành quyền

lực thông qua bàn hội nghị hơn là bằng cách tấn công trực tiếp. Trước hết, ông nói, một chiến thắng qua đàm phán sẽ dễ dàng hơn nhiều để họ biện minh với bạn bè và đồng minh ở nước ngoài, đặc biệt là vì triển vọng những chiếc xe tăng T-54 của Liên Xô lăn bánh trên các con phố của Sài Gòn khó có thể được lòng những người Nga "thích hòa bình". Thứ hai, theo ông, người Bắc Việt đơn giản là không có đủ cán bộ chính trị để quản lý tất cả lãnh thổ mà họ sẽ phải tiếp quản nếu họ nắm quyền lực hoàn toàn. Bằng cách thực hiện các thủ tục của một thỏa thuận chính trị, với một liên minh giả tạo, bầu cử và vân vân, họ có thể mua thêm thời gian để củng cố quyền kiểm soát của mình trước khi thống nhất.

Khi Polgar dần hăng say với chủ đề của mình, ông đã nhớ lại mô hình chiếm

đoạt của cộng sản ở quê hương Hungary của ông, nơi mà bộ máy đảng do Liên Xô kiểm soát đã thành công trong việc nắm quyền vào giữa những năm 1940, đầu tiên là thông qua các nhà yêu nước đã được chứng minh và sau đó là lật đổ và loại bỏ họ. Đây là cách mà các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam, theo ông, sẽ củng cố chiến thắng của họ.

Khi anh ta đã nói xong bài diễn thuyết nhỏ của mình, anh ta lại hỏi tôi nghĩ gì. Tôi nói với anh ta rằng tôi không muốn khóa chặt Đài vào một vị trí phân tích khi có quá nhiều thông tin mâu thuẫn. Nhưng tôi đã thừa nhận, với sự hối tiếc mãi mãi, rằng ước tính của chúng tôi dường như nhất quán với kế hoạch lâu dài của Hà Nội để giành chiến thắng, với sự nhấn mạnh vào tính hữu ích của các cuộc đàm phán và chính trị

liên minh như những cây cầu dẫn đến việc tiếp quản cuối cùng.

Polgar nhìn tôi một lúc, rồi viết thêm một đoạn vào trang cuối : "Những điểm tinh tế của một giải pháp chính trị tạm thời có thể không nên làm chúng ta phân tâm khỏi điều mà có vẻ là trách nhiệm chính của chính phủ Hoa Kỳ." Điều này chúng tôi định nghĩa là việc sơ tán có trật tự công dân Hoa Kỳ và hàng chục nghìn người Việt Nam đã hy sinh mạng sống của họ, tin tưởng vào lời hứa của chúng tôi và cam kết của chúng tôi đối với hiệp định Paris..." Ông sau đó đã ký tên vào bức điện và gửi nó đến phòng thông tin để chuyển tiếp đến Washington.

Thông điệp, mặc dù mới mẻ, đã chạm đến một điểm nhạy cảm trong nước, và một phần của luận điểm đã ngay lập tức được một bộ phận trong cộng đồng tình

báo đón nhận. Vào ngày 4 tháng 4, CIA, Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng đã tuyên bố một cách tự tin trong một bản ghi nhớ chung : "Trong khi một cuộc tấn công quân sự nhanh chóng và quyết đoán có thể đang được chuẩn bị, chúng tôi tin rằng Hà Nội sẽ chọn một phương án ít tốn kém hơn và chính trị thuận lợi hơn, tính toán rằng sự sụp đổ của miền Nam Việt Nam đang cận kề." *

*[Biên bản ghi nhớ cũng đã ủng hộ luận thuyết của DAO rằng một chiến thắng của BV sẽ không có khả năng xảy ra trước tháng Sáu, mặc dù nó nhấn mạnh rằng "câu hỏi duy nhất về sự thất bại của Việt Nam Cộng Hòa là thời gian."]

Khái niệm lớn hơn mà Polgar hy vọng sẽ truyền đạt đến các đồng nghiệp của

mình, tuy nhiên, đã bị phớt lờ. Hai ngày sau khi chúng tôi nộp điện tín, Giám đốc CIA Colby đã gửi lại một bức thư trả lời tuyệt mật nêu rõ rằng CIA không được làm gì để thúc đẩy sự sụp đổ của Thiệu. Những phản đối của ông không tập trung vào tính khả thi hay không khả thi của một cuộc đảo chính - Colby không bình luận về điều này - mà chủ yếu vào những hậu quả chính trị tiêu cực có thể xảy ra trong nước và quốc tế nếu có ai đó biết rằng CIA lại đang tham gia vào việc lật đổ chính phủ. Ông viết, "Đó sẽ là một thảm họa cho cả tổ chức và quốc gia," "nếu có bất kỳ mối liên hệ xa xôi nào giữa chúng ta và sự kiện như vậy." Ông tiếp tục nói rằng cơ quan này nên tự giới thiệu với cộng đồng chính trị Sài Gòn như một người bảo vệ sự sống và hiện trạng. "Nếu mọi thứ trở nên phức tạp," ông kết luận, "hãy khuyên bảo, và

tôi sẽ đề xuất nỗ lực mạnh mẽ nhất để đảm bảo Thieu và gia đình được an toàn và có nơi trú ẩn." "Nếu mọi thứ trở nên phức tạp," ông kết luận, "hãy khuyên bảo, và tôi sẽ đề xuất nỗ lực mạnh mẽ nhất để đảm bảo Thieu và gia đình có một lối đi và nơi trú ẩn an toàn." *

*[Sự ghê tởm của Colby đối với các cuộc đảo chính bắt nguồn từ năm 1960, khi ông là Trưởng Đài ở Sài Gòn và cùng với Đại sứ Eldridge Durbrow đã làm thất bại một nỗ lực ban đầu của các phần tử đối lập Nam Việt Nam nhằm lật đổ Tổng thống Diệm. Trong việc phản đối một cuộc đảo chính chống lại Thiệu, Colby cũng đang phản ánh luận thuyết của Kissinger rằng chúng ta nên làm mọi thứ có thể để thúc đẩy hình ảnh của Mỹ ở nước ngoài như một đồng minh kiên định.]

Chỉ thị của Colby đã khiến Polgar rơi vào tuyệt vọng sâu sắc, vì điều đó có nghĩa là nếu có sự thay đổi chính phủ nào ở Sài Gòn, nó sẽ phải được thực hiện thông qua các phương pháp pháp lý kéo dài, phù hợp với hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa. Và đến lúc đó, Polgar lo sợ rằng một thỏa thuận thương lượng, thậm chí cả việc sơ tán, có thể sẽ không thể thực hiện được.

21. Những mảnh giẻ nhỏ mềm nhũn

Thông điệp mà Polgar và tôi soạn thảo và gửi đến Washington vào ngày 2 tháng 4 đã làm nổi bật một vấn đề mà Weyand và đội ngũ của ông dường như quá quyết tâm để phớt lờ. Bằng cách nhắc nhở Washington về trách nhiệm của chúng ta trong việc giúp đỡ những người Việt Nam đã giúp đỡ chúng ta, chúng ta đã làm nổi bật những hệ quả to lớn của việc Mỹ rút hoàn toàn khỏi Việt Nam.

Khi cuộc chiến bước vào tháng cuối cùng, kế hoạch sơ tán duy nhất của Đại sứ quán là bản kế hoạch tiêu chuẩn được cung cấp cho tất cả các Phái bộ của Hoa Kỳ trên toàn thế giới - cộng với các phụ lục đặc biệt được DAO soạn thảo vào tháng Hai. Dù có kích thước và độ phức tạp lớn, tài liệu hai inch này chủ yếu là một sự lãng phí giấy tờ. Không chỉ áp đặt một giới hạn tùy tiện và hoàn toàn phi thực tế là 8.000 đối với số lượng người sơ tán tiềm năng, cả người Mỹ và người Việt, mà nó còn giả định sự hợp tác của dân chúng, một triển vọng mà khó có thể tin tưởng dựa trên những kinh nghiệm gần đây ở QK 1 và 2.

Trong hai tuần qua, một số nhân viên Đại sứ quán đã cố gắng sửa đổi kế hoạch để đưa nó phù hợp với bài học từ Pleiku và, cuối cùng, Đà Nẵng và Nha

Trang. Ngay sau khi Phú rút khỏi vùng cao nguyên, Marv Garrett, nhân viên an ninh của Đại sứ quán và người chịu trách nhiệm kỹ thuật về sự an toàn của mọi người trong Phái bộ, đã soạn thảo một số đoạn mới và cố gắng chèn chúng vào văn bản. Nhưng khi cấp trên trực tiếp của ông, cố vấn hành chính Henry Boudreau, phát hiện ra ý định của ông, ông lập tức ngăn chặn điều đó. Là một người được Martin bổ nhiệm và là một người trung thành tuyệt đối, Boudreau không định để cấp dưới của mình đào sâu vào một chủ đề nhạy cảm như sơ tán cho đến khi "văn phòng chính" ra lệnh. Thật vậy, ông nhanh chóng tiếp nhận vẻ điềm tĩnh mà Lehmann và cuối cùng là Đại sứ đã thể hiện đối với mỗi cuộc khủng hoảng mới. Từ chối thảo luận về sự sụp đổ của Đà Nẵng với nhân viên của mình, Boudreau đã nói riêng với Garrett

và một số người khác rằng sự sụp đổ của QKI không phải là "một vấn đề đáng lo ngại." Boudreau từ chối thảo luận về sự sụp đổ của Đà Nẵng với nhân viên của mình, ông nói riêng với Garrett và một số người khác rằng sự sụp đổ của QKI không phải là "một vấn đề đáng lo ngại."

*Garrett, về phần mình, không quen thuộc với thực tế quân sự đến mức không nhận ra mình đã bị lừa dối xa đến mức nào. Trong một bữa tiệc tối vào cuối tháng 3, anh ấy và tôi gần như đã xảy ra xô xát vì mối đe dọa nghiêm trọng đối với Sài Gòn. Trong suốt buổi tối, ông ta đã tranh luận về việc loại bỏ các "tiền thưởng" nhiệm vụ nguy hiểm cho nhân viên Đại sứ quán, với lý do chúng là không cần thiết. Tôi đã chỉ ra cho anh ta một cách khá nhấn mạnh rằng ngay cả lúc đó, tương đương với sáu sư đoàn Bắc

Việt Nam vẫn được bố trí trong bán kính sáu mươi dặm quanh thủ đô - một lý do chính đáng cho việc trả lương nhiệm vụ nguy hiểm nếu có một lý do nào đó.

Không phải tất cả các nhân viên cấp cao của Đại sứ quán đều lạc quan như Boudreau. Tướng Smith, chẳng hạn, có cả kinh nghiệm và sự nhạy bén để nhận ra một cuộc diễn tập quân sự kém khi ông thấy một, và đủ nguồn lực trong tay để theo đuổi kế hoạch sơ tán của riêng mình theo cách của riêng ông.

"Trước đây tôi thường nằm thao thức suốt đêm," ông ấy sau này nhận xét, "và suy nghĩ về cách đưa người dân của tôi ra khỏi đất nước." Đó là lúc tôi có được nguồn cảm hứng, trong những giờ dài không ngủ đó."

Ban đầu, tuy nhiên, không phải là

cảm hứng mà là những yêu cầu cấp bách của việc rút quân và cung cấp từ QK 1 và 2 đã buộc ông phải hành động. Vào đêm trước khi Đà Nẵng sụp đổ, Smith đã tạo ra một trung tâm kiểm soát di tản để phối hợp việc di tản bằng đường biển và đường không ra khỏi thành phố và cũng đã thành lập một nhóm lập kế hoạch đặc biệt để xem xét các «tùy chọn di tản» của mình. Cùng lúc đó, người đứng đầu tình báo của ông, Đại tá Legro, đã cố gắng thuyết phục Lehmann và cố vấn chính trị của ông, Joe Bennett, lập danh sách những người Việt Nam «nhạy cảm» mà cuộc chiếm đóng của Cộng sản có thể đe dọa đến tính mạng. Cả hai người đều không sẵn lòng xem xét bước đi chính trị gây tranh cãi như vậy, nhưng Legro vẫn tiến hành, và trong cuối tuần cuối tháng Ba, ông và nhân viên của ông đã lập một danh sách sơ bộ các nhân viên Mỹ

"không thiết yếu" tại DAO và một danh sách các nhân viên Việt Nam cần được giúp đỡ trong trường hợp khẩn cấp.

Trong số các quan chức cấp cao khác của Đại sứ quán, chỉ có Polgar là có khả năng đối phó với những nỗ lực của DAO trong lĩnh vực sơ tán. Không chỉ có ông ta có được thông tin chiến lược cần thiết, mà ông ta còn được hỗ trợ bởi một bộ máy quan liêu rộng lớn, kéo dài từ Sài Gòn đến Washington, có khả năng cung cấp máy bay và các nguồn lực cần thiết khác.

Cuối tháng Ba, khi ông nhận ra rằng Đà Nẵng đã xong, và Nha Trang đã bị định mệnh, Polgar đã yêu cầu quyền từ trụ sở CIA để tăng tốc việc di chuyển vợ con, người phụ thuộc và đồ đạc của CIA khỏi Sài Gòn, và cấp "ra đi sớm" cho các sĩ quan gần hết nhiệm kỳ của họ. * [Có

khoảng 370 nhân viên CIA ở miền Nam Việt Nam và 160 vợ và người phụ thuộc của "công ty", cộng với 43 sĩ quan từ Cơ quan An ninh Quốc gia chuyên về mã hóa, những người phụ thuộc vào Trạm cả về hỗ trợ hành chính và an ninh.] Các quan chức của Cơ quan ở Langley đã ngay lập tức phê duyệt. Nhưng, là một phần không thể thiếu của nhiệm vụ, Trạm không thể tiếp tục mà không có sự hợp tác của bộ phận hành chính của Đại sứ quán, và ở đây, như dự đoán, nó đã gặp phải một rào cản trong người của Henry Boudreau. Trung thành với quan điểm chính thức rằng người Mỹ ở Sài Gòn là để ở lại, ông đã từ chối cung cấp sự trợ giúp trong việc vận chuyển đồ đạc cá nhân của các sĩ quan CIA. Cuối cùng, Polgar buộc phải sử dụng quỹ dự phòng của mình để trang trải chi phí đóng gói và vận chuyển. Đó là khởi đầu không

may mắn của sự rời khỏi Việt Nam của CIA.

Ngay từ đầu trong việc lập kế hoạch dự phòng của mình, Đại tá Legro đã hỏi Polgar liệu anh có muốn tham gia chuẩn bị cho việc sơ tán người Việt Nam hay không. Polgar nói với ông rằng ông sẽ "trở lại" với ông, nhưng không bao giờ làm vậy.

Sự miễn cưỡng của anh ấy khi không muốn bị cuốn vào một dự án như vậy quá sớm một phần là do động cơ chính trị. Polgar muốn thực hiện kế hoạch của mình theo cách riêng, mà không bị vướng vào bộ máy quan liêu khổng lồ của DAO. Ông cũng ấn tượng hơn một chút so với Legro và các đồng nghiệp của ông về sự cần thiết phải hoạt động

trong khuôn khổ chính sách của Nhiệm vụ. Mặc dù không phải là tay sai của Đại sứ, ông ngồi chỉ cách trung tâm quyền lực ba tầng, và rào cản, và ở khoảng cách đó, ông thấy việc lách luật hướng dẫn chính thức khó khăn hơn nhiều so với các nhân viên DAO, những người được đặt ở vị trí thoải mái cách đó năm dặm tại Tân Sơn Nhất.

Ngoài việc mất Danang và Nha Trang, một yếu tố khác đã giúp làm rõ khả năng sơ tán cho tất cả chúng ta: cuộc khủng hoảng tiếp diễn ở Campuchia. Đến đầu tháng Tư, khi KC đã ở ngưỡng cửa, Đại sứ Dean đã cập nhật các sắp xếp thường trực cho việc sử dụng trực thăng trong giai đoạn cuối cùng, "Eagle Pull," của một cuộc rút lui hoàn toàn, và các nhân viên CIA và Bộ Ngoại giao đang bận rộn

biên soạn danh sách người Mỹ và "công dân nước thứ ba" mà Đại sứ quán sẽ hỗ trợ trong trường hợp khẩn cấp như vậy. Ngoài ra, Đô đốc Gayler ở Honolulu đã kích hoạt một "lữ đoàn đổ bộ hải quân" để cung cấp sự bảo vệ trong quá trình vận chuyển bằng trực thăng, và đã thành lập một đội tàu hải quân - Lực lượng Đặc nhiệm '76 - dưới sự chỉ huy của Đô đốc Donald Whitmire để tạo điều kiện cho việc tập hợp các tàu của Mỹ ở vùng nước Đông Dương trong trường hợp khẩn cấp. Đến ngày 4 tháng 4, khoảng tám tàu chiến, bao gồm tàu chở trực thăng Okinawa, đã đậu ở Vịnh Thái Lan ngoài khơi Campuchia.

Trong khi đó, ở Washington, việc lập kế hoạch cho việc rút quân hoàn toàn của Mỹ khỏi Đông Dương diễn ra kém

hệ thống hơn nhiều. Vào cuối tháng Ba, Lầu Năm Góc đã tập hợp một đội ngũ gồm ba mươi người để giữ cho các Tham mưu trưởng Liên quân được cập nhật về những gì Smith, Gayler và Nhóm Tư vấn Đặc biệt của Hoa Kỳ tại Thái Lan đang làm để chuẩn bị cho khả năng này. *

*[Từ đầu, một yếu tố quan trọng đã ám ảnh và cản trở các nhà hoạch định JCS. Dù họ tính toán các "tài sản" có sẵn như thế nào, họ vẫn đi đến kết luận buồn bã rằng đơn giản là không có đủ tàu thuyền và máy bay trong khu vực Thái Bình Dương để xử lý các cuộc sơ tán khẩn cấp dưới điều kiện thù địch ở Sài Gòn và Phnom Penh đồng thời. Nếu người Mỹ ở cả hai thành phố được rút an toàn, một nhóm sẽ phải được rút trước nhóm kia rất nhiều.]

Tại Bộ Ngoại giao, tuy nhiên, những

kế hoạch ít ỏi được thực hiện chủ yếu chỉ giới hạn trong phần hành chính và tập trung chủ yếu vào Campuchia. Vấn đề đưa người Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam chỉ nhận được sự chú ý thoáng qua, đặc biệt là sau khi đội Weyand bắt đầu lục lọi quanh Sài Gòn. Trên thực tế, có một xu hướng trong số các quan chức cấp cao của Bộ Ngoại giao cho rằng Weyand và Đại sứ sẽ tự mình giải quyết hầu hết các vấn đề còn tồn đọng. Một quan chức cấp cao, người đã làm việc chặt chẽ với Trợ lý Ngoại trưởng Habib và Thứ trưởng Ingersoll trong những tuần cuối cùng của cuộc chiến, đã tâm sự với tôi một năm sau đó rằng cả ông ta và các đồng nghiệp của ông ta chưa bao giờ thực sự đánh giá đúng mức cuộc khủng hoảng đang diễn ra ở Việt Nam hoặc nhu cầu hành động quyết đoán từ phía Washington. Không ai, ông nói, nhận ra cho đến rất muộn

rằng Martin đã làm rất ít để chuẩn bị cho một cuộc di tản, hoặc muốn cố gắng đoán trước ý của ông, vì mối quan hệ đặc biệt của ông với Kissinger. Và vì Dean ở Campuchia dường như hoàn toàn có khả năng đưa ra những quyết định có trách nhiệm mà không cần sự can thiệp của Washington, nên sự đồng thuận là Martin cũng có thể làm như vậy. "Khả năng đã được chứng minh của Dean," người liên lạc của tôi giải thích, "để lại cho chúng tôi cảm giác rằng chúng tôi nên để người ở hiện trường xử lý công việc."

Mặc dù có sự tự mãn như vậy ở cấp cao, nhưng vẫn có một nhóm thanh niên ở sâu trong lòng của thiết lập chính sách đối ngoại đã sớm thấy được những gì sắp xảy ra ở Việt Nam và cần phải lập kế hoạch cho nó. Hầu hết các nhân vật

chính là những người có vai trò trung cấp trong Bộ Ngoại giao và USIA, những người đã bắt đầu sự nghiệp của mình ở Việt Nam với vai trò thực thi chính sách của Mỹ tại nông thôn và do đó biết rõ đất nước từ gốc rễ lúa lên, tốt hơn bất kỳ cấp trên nào của họ. Người tổ chức và phát ngôn viên được công nhận của nhóm là Lionel Rosenblatt, một viên chức Bộ Ngoại giao ba mươi mốt tuổi và là hiện thân của một cựu chiến binh Việt Nam trẻ tuổi đang nổi lên. Một cố vấn quận ở Việt Nam vào giữa những năm 1960, ông đã được bổ nhiệm làm trợ lý cho Thứ trưởng Ingersoll khi trở về Washington và đã chứng kiến sự sụp đổ của Việt Nam trong những tuần gần đây từ góc nhìn độc đáo của một người có tất cả các đánh giá hàng đầu của chính phủ và các tài liệu chính sách trong tầm tay. Cho đến nay, Rosenblatt đã cẩn thận chơi trò

chơi quan liêu theo đúng quy tắc, giữ lại những phàn nàn và phản đối của mình và hoạt động qua "kênh," nhưng với sự mất mát của Ban Me Thuot và sau đó là các vùng cao nguyên và Huế, ông đã trở nên ngày càng bồn chồn, và cuối cùng, vào đêm trước chuyến thăm của Weyand đến Việt Nam, mà ông coi là lãng phí thời gian, kinh nghiệm và sự nhạy cảm của ông đã chiếm ưu thế.

Âm mưu mà anh ta dàn dựng bắt đầu như một cuộc gặp gỡ hoàn toàn không chính thức. Một đêm ngay trước khi Đà Nẵng thất thủ, anh và một số bạn bè, tất cả đều là cựu chiến binh Việt Nam và những người mới đến từ bộ máy quan liêu, đang ngồi quanh căn hộ của anh, nhâm nhi rượu cognac và suy ngẫm về những tin xấu mới nhất từ mặt trận. Mỗi người trong số họ đều tin rằng việc mất

Ban Me Thuot và các vùng cao nguyên đánh dấu sự kết thúc của miền Nam Việt Nam và rằng chính quyền không hành động đủ nhanh để đảm bảo an toàn cho người Mỹ ở đó và các nhân viên Việt Nam của họ. Do đó, Rosenblatt đã đề nghị họ tự mình giải quyết vấn đề và cố gắng buộc các ông chủ của họ đưa ra những quyết định khó khăn và thực tế.

Trong vài ngày tiếp theo, nhóm bắt đầu gặp nhau vào giờ ăn trưa tại căng tin vô trùng của Bộ Ngoại giao. Ngoài Rosenblatt, những người thường xuyên tham gia bao gồm Al Adams, trợ lý đặc biệt của Kissinger ; Jim Bullington, nhân viên phụ trách Việt Nam của Bộ Ngoại giao ; Frank Wisner từ văn phòng Công vụ của Bộ; Ev Bumgardner, một viên chức USIA có kinh nghiệm; Craig Johnstone từ Ban Thư ký của Kissinger; Ken

Quinn của nhân viên Hội đồng An ninh Quốc gia; và Frank Scotton, người của USIA đã sắp xếp các cuộc gặp gỡ của tôi với các khách thăm Quốc hội vào tháng Hai.

Ban đầu, nhóm tập trung vào việc phát triển một lịch trình sơ tán thực tế. Giả định rằng sự sụp đổ của miền Nam Việt Nam chỉ còn hai tháng nữa, họ đồng ý rằng việc rút lui của người Mỹ phải bắt đầu ngay lập tức để chỗ ngồi trên các chuyến bay cuối cùng có thể được dành hoàn toàn cho người Việt Nam. Bullington đưa ra một ước tính sơ bộ về số lượng người tị nạn Việt Nam "tiềm năng". Đếm 17.000 nhân viên địa phương của các cơ quan khác nhau trong Đại sứ quán, và những người phụ thuộc của họ (mười người mỗi hộ gia đình), cộng với khoảng 93.000 người khác đã làm việc cho Hoa

Kỳ vào một thời điểm nào đó trong quá khứ, ông ước tính tổng số lên tới hơn một triệu. Không ai cần phải nhắc nhở về nhiệm vụ khổng lồ mà những con số thống kê này ngụ ý. Vào cuối cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất năm 1954, đã mất hơn ba tháng để di chuyển chưa đầy 800.000 người tị nạn từ Bắc vào Nam Việt Nam - và điều đó trong điều kiện tương đối ổn định.

Rosenblatt và các cộng sự cũng chỉ ra những điểm thiếu sót mà họ thấy trong kế hoạch ứng phó hiện tại. Tất cả đều cảm thấy tài liệu hiện tại của Đại sứ quán, với những giả định thờ ơ về một dân chúng yên tĩnh, là hoàn toàn phi thực tế. Do đó, như một trong những ưu tiên ngay lập tức của họ, họ đồng ý cố gắng thuyết phục các sếp của mình thành lập một lực lượng đặc nhiệm thực sự để giải quyết

vấn đề di tản một cách có hệ thống.

Khi đội Weyand bay đến Sài Gòn vào cuối tháng Ba, Ken Quinn, một trong những người thường xuyên tham gia nhóm ăn trưa, đã xoay sở để được phân công làm "trợ lý nhân viên" cho đội. Ngoài sự tò mò không thể tránh khỏi của mình, ông còn có động cơ cá nhân sâu sắc để muốn đến thăm Sài Gòn vào thời điểm này. Vợ anh là người Việt Nam và nhiều người thân của cô ấy hiện đang đổ xô vào thủ đô, tìm kiếm sự giúp đỡ và nơi trú ẩn trước sự tiến quân của quân đội Bắc Việt.

Khoảng một ngày sau khi đến nơi, Quinn lặng lẽ liên lạc với gia đình vợ và kết nối họ với các nhân viên Đại sứ quán khác nhau. Nếu có một cuộc sơ tán, ông đã nói với họ, những người Mỹ này sẽ

giúp đỡ. Sau đó, anh ấy đã tập hợp một nhóm bạn bè ở Đại sứ quán để thảo luận về tình trạng chương trình sơ tán của Đại sứ. Lacy Wright, một viên chức trẻ tài năng của Bộ Ngoại giao đã từng phục vụ ngắn hạn với vai trò trưởng lãnh sự tại đồng bằng vào cuối năm 1973, là một trong những người liên lạc của ông. Tôi cũng vậy. Ba chúng tôi đã đồng ý thông báo cho nhau về tiến trình kế hoạch của Đại sứ quán, và về quân đội Bắc Việt. Tôi sẽ cung cấp thông tin tình báo, trong khi Wright sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng một số người bạn (hoặc người thân) Việt Nam của chúng tôi được bao gồm trong bất kỳ cuộc di tản nào có thể xảy ra. Cuối cùng, tôi đã trở nên quá bận rộn với công việc cho Polgar đến nỗi không thể giúp đỡ, nhưng Wright, được sự hỗ trợ của Quinn, Rosenblatt và băng nhóm

của họ ở Washington, đã cứu được hàng trăm người Việt Nam mà nếu không thì có thể đã bị bỏ lại.

Trong suốt tám ngày chuyến thăm của Weyand, kế hoạch sơ tán của Đại sứ quán đã trở thành nạn nhân của những mục tiêu và ảo tưởng mà tướng và Đại sứ đang theo đuổi một cách háo hức. Không thừa nhận mối đe dọa quân sự sắp xảy ra, chính Martin cũng không thấy cần phải vội vàng đến trực thăng hoặc thậm chí chuẩn bị để làm như vậy. Cũng như vậy, ông không muốn gia tăng gánh nặng vốn đã rất lớn của Thiệu bằng cách đối mặt với ông ta về khả năng cứu trợ của Mỹ. Một sự giả vờ kiên định trở thành yếu tố then chốt trong công thức của chính ông để cứu vãn chế độ Sài Gòn.

Về cơ bản, chính sách này có nghĩa là đánh cược mạng sống của 6.000 người Mỹ ở Việt Nam vào lời hứa về một phép màu vào phút chót, và vì những rủi ro mà nó ngụ ý, Martin biết rằng ông sẽ cần một lý do thuyết phục cho điều đó. Thực tế, ông không cần phải tìm kiếm xa để có một lý do. Các báo cáo gần đây cho thấy quân đội có thể quay lưng lại với chúng ta trong trường hợp Mỹ rút quân đã phục vụ rất tốt, cung cấp cho ông ta một lý do hoàn hảo để không làm gì cả trong lĩnh vực sơ tán. Dựa vào thông tin tình báo này, ông ta có thể lập luận một cách thuyết phục rằng bất kỳ kế hoạch vội vàng nào cũng sẽ dẫn đến phản ứng dữ dội đã được cảnh báo, và điều này sẽ khiến việc rút lui có trật tự trở nên không thể.

Mặc dù thông tin tình báo chắc chắn

đã gây ra lo ngại, một số người trong chúng tôi nghi ngờ rằng Martin có thực sự cam kết với tầm nhìn tận thế này như ông ta đã tuyên bố hay không. Riêng tôi, vẫn tin rằng ông ta cố tình phóng đại nguy cơ "hỗn loạn trên đường phố" để ngăn chặn các quyết định có thể làm suy yếu sự ủng hộ của Mỹ đối với ông Thiệu. Nghi ngờ của tôi càng gia tăng bởi cách tiếp cận của ông đối với một vấn đề khác. Trong vòng một hoặc hai ngày sau khi trở lại Sài Gòn, chẳng hạn, ông đã ra lệnh cho cố vấn chính trị Bennett xây dựng một chiến dịch báo chí ồn ào xung quanh các báo cáo gần đây rằng các chiến binh cộng sản đang tra tấn và làm tàn tật các dân thường cứng đầu ở các khu vực mới chiếm được của QK 1 và 2. Rõ ràng ông ấy hy vọng rằng điều này sẽ tạo ra sự cảm thông cho người Việt Nam miền Nam ở nước ngoài. Nhưng điều mà ông

dường như đã bỏ qua trong thỏa thuận này là tác động mà những tiết lộ như vậy có thể gây ra đối với chính dân số miền Nam Việt Nam. Nếu có một cách dễ dàng để khơi dậy nỗi hoảng loạn và hỗn loạn mà ông ta tuyên bố sợ hãi, thì đó chính là kêu gọi bóng ma của sự tàn sát và hỗn loạn quy mô lớn dưới tay của những kẻ cộng sản.

Tất nhiên, không phải tất cả các báo động của Đại sứ đều bị phóng đại. Chắc chắn rằng có một mối nguy rất thực tế là người Việt Nam miền Nam sẽ quay lưng lại với chúng ta nếu Sài Gòn bị tấn công. Nhưng bài học từ cả Pleiku và Đà Nẵng là con đường rủi ro nhất nằm ở hướng mà Martin giờ đây dường như quyết tâm theo đuổi. Nếu người dân địa phương bị dẫn dắt đến việc tin tưởng, đúng hay sai, rằng chúng tôi đã đánh giá thấp cuộc

khủng hoảng quân sự, hoặc nhu cầu lập kế hoạch sơ tán, họ gần như chắc chắn sẽ rơi vào hoảng loạn và thù địch tàn bạo khi thời khắc sự thật đến gần. *

* [Trong lời khai trước Quốc hội sau khi Sài Gòn sụp đổ, Martin đã cố gắng giảm thiểu mức độ mà ông đã đi xa để làm thất bại kế hoạch sơ tán, khẳng định rằng ông đã ra lệnh cho Lehmann và trợ lý đặc biệt George Jacobson đảm nhận "các nhiệm vụ giám sát" đối với chương trình của Đại sứ quán vào cuối tháng Ba. Thực tế, điều này đã phóng đại vấn đề. Jacobson đã không nhận được một mệnh lệnh chính thức về vấn đề này cho đến giữa tháng Tư, và như chính Martin sau này đã thừa nhận với tôi, Lehmann thậm chí còn không bận tâm đọc kế hoạch sơ tán thường trực của Đại sứ quán. Trong cùng các phiên điều trần

đó, Martin đã viện dẫn tính chất hạn chế của luật di trú Mỹ là lý do chính cho việc ông không lập kế hoạch đầy đủ và kịp thời cho việc sơ tán người Việt Nam. Cách duy nhất để một người nước ngoài có thể tái định cư tại Hoa Kỳ hoặc các vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ là thông qua thị thực với tư cách là người phụ thuộc là người Mỹ hoặc một số loại thị thực nhập cư đặc biệt khác, hoặc dưới dạng "parole" được cấp bởi Tổng Chưởng lý, và như Martin đã chỉ ra đúng với Quốc hội, ông ta đã không được hưởng lợi từ parole rộng rãi và bao gồm hơn cho đến cuối tháng Tư. Điều mà ông ta không đề cập đến, tuy nhiên, là ông ta đã đóng vai trò quan trọng trong việc làm mờ đi sự cần thiết phải nới lỏng các quy tắc nhập cư. Nếu ông ấy thấy cần thiết phải cảnh báo Washington sớm hơn về tình hình quân sự nghiêm trọng, các quan chức tại

Bộ Ngoại giao và Nhà Trắng đã có một trường hợp tốt hơn để trình bày trước Tổng Chưởng lý và Cục Di trú và Nhập tịch.]

*

Vào ngày 1 tháng 4, chỉ vài giờ sau khi cuộc di tản Nha Trang bắt đầu, Đại tá Legro đã lái xe đến Đại sứ quán để cố gắng thuyết phục Martin rời khỏi tình trạng bế tắc. Hội chứng gia đình, ông giải thích, đã gây ra một tổn thất khủng khiếp cho bộ chỉ huy cao cấp của Sài Gòn khi ngày càng nhiều sĩ quan bỏ qua nhiệm vụ quân sự của họ để lo cho sự an toàn của gia đình. Như một biện pháp khắc phục, ông đề xuất rằng các thân nhân của một số tướng và đại tá VNCH nên được chuyển ngay lập tức đến Philippines hoặc các điểm an toàn khác ngoài Việt Nam.

Martin gật đầu một cách khoan dung, nhưng từ chối ý tưởng đó. Cuộc di cư của một số ít đặc quyền, ông nhấn mạnh, dù được thực hiện một cách kín đáo đến đâu, cũng sẽ gây rối loạn tinh thần trong các cấp dưới của quân đội và có thể dẫn đến sự sụp đổ của những gì còn lại trong phòng thủ của Sài Gòn. Tuy nhiên, ông đã đồng ý cấp visa nhập cư cho gia đình của một trong những người bạn quân đội Việt Nam của Legro như một ân huệ cá nhân dành cho ông ấy. Những người thụ hưởng của hành động hào phóng chọn lọc này là những người Việt Nam đầu tiên được sơ tán dưới sự bảo trợ của Đại sứ quán.

Việc Martin từ chối không cung cấp thêm thông tin không làm nản lòng cấp trên của Legro, Tướng Smith. Sau đó cùng ngày, ông đã nghĩ ra một kế hoạch

cho phép ông bắt đầu cắt giảm nhân viên người Mỹ của mình, bất chấp sự phản đối của Đại sứ. Trong vòng hai mươi bốn giờ qua, việc vận chuyển hàng cứu trợ khẩn cấp đến Sài Gòn đã được khởi động, và Smith biết rằng một số lượng lớn máy bay chở hàng sẽ sớm di chuyển giữa căn cứ không quân Clark ở Philippines và Tân Sơn Nhất. Vì các chuyến bay trở về Clark sẽ được thực hiện với khoang hàng hóa trống, việc vận chuyển hàng không đã tạo ra một cơ hội độc đáo để bắt đầu đưa người Mỹ ra khỏi Sài Gòn với số lượng lớn. Vấn đề là tìm cách làm cho điều này trở nên dễ chấp nhận đối với Martin và người Việt Nam miền Nam.

Để tìm giải pháp, Smith đã tìm đến kẻ thù cũ của Martin, Đô đốc Gayler ở Honolulu. Trong một tin nhắn cá nhân

gửi cho Gayler vào khoảng giữa trưa, ông đề xuất tăng tốc một loạt các cắt giảm nhân sự DAO thường lệ đã được lên kế hoạch cho tháng Sáu năm sau. Điều này sẽ cho ông ta một cái cớ để bắt đầu chuyển đi một số nhân viên của chính mình. Gayler đã phê duyệt kế hoạch mà không do dự - và để tạo sự khẩn trương cho nó, ông đã chỉ ra trong bức điện hồi âm rằng các lực lượng Cộng sản có thể tấn công Sài Gòn trong vòng năm ngày nếu họ muốn.

Với thông điệp của Gayler trong tay, Smith đã gọi cho Martin để cố gắng giành được sự chấp thuận của ông. Ông biết Đại sứ sẽ không hài lòng với kế hoạch này, nhưng ông đã cố gắng trình bày nó theo cách mà Martin có thể chấp nhận. Việc loại bỏ những thứ không cần thiết của DAO, ông nói, có thể được trình bày

với Thiệu như một biện pháp tiết kiệm, nhằm giải phóng quỹ cho nỗ lực chiến tranh của Sài Gòn. May mắn thay, Martin đã bị ấn tượng bởi logic này và đến cuối cuộc họp đã đồng ý để Smith tiến hành theo ý muốn của mình.

Chiều hôm đó, phó của Smith, Thiếu tướng Không quân Richard Baughn, đã triệu tập các tùy viên quân sự đến văn phòng của ông, đọc cho họ bức điện của Gayler và ra lệnh cho họ bắt đầu thực hiện các kế hoạch cắt giảm nhân sự đã được lên kế hoạch. Cùng lúc đó, hai sĩ quan hải quân cấp cao đã được cử từ trụ sở của Gayler để hỗ trợ các nhà hoạch định DAO trong công việc của họ. Đô đốc Hải quân Owen Oberg đã được cử đến để làm liên lạc với Hạm đội 7, hỗ trợ cho Lực lượng Đặc nhiệm '76, và Đô đốc Hải quân Hugh Benton đã đến để giám

sát các hoạt động vận chuyển bằng đường biển từ nửa phía bắc của đất nước.

Trong vài ngày tiếp theo, Smith và các đồng nghiệp của ông đã háo hức khai thác động lực mà họ đã tạo ra trong kế hoạch sơ tán của Đại sứ quán. Thực phẩm và chăn màn đủ để hỗ trợ 1.500 người trong năm ngày theo cách tự duy trì đã được chuyển vào trung tâm xử lý người tị nạn mới thành lập của DAO, và Smith đã yêu cầu Gayler cung cấp hai công ty Thủy quân lục chiến để tăng cường cho các lính gác Việt Nam đang lo lắng của DAO.

Ngoài ra, vào ngày 2 và 3 tháng 4, Đại tá Charles Wahle đã gặp gỡ các quan chức khác của Đại sứ quán để cố gắng thúc giục họ làm theo tấm gương của DAO. Lehmann, người chủ trì các cuộc họp, nhanh chóng bị dồn vào thế khó, và

trong cơn tuyệt vọng, cuối cùng đã đồng ý với một số bước đi khiêm tốn hơn mà Wahle đề xuất. Ông sẽ không phản đối, ông nói, nếu Lực lượng Không quân số 7 ở Thái Lan nâng cấp trạng thái cảnh báo của họ, hoặc nếu DAO khăng khăng giữ bốn hoặc năm tàu hàng gần bên trên sông Sài Gòn, hoặc thậm chí nếu mỗi thành phần của Phái bộ lập danh sách những người Việt Nam mà họ cảm thấy có nghĩa vụ. Cả ông ấy và Đại sứ cũng sẽ không phản đối việc rời khỏi của những người không thiết yếu hoặc một số phụ thuộc của Đại sứ quán, miễn là việc đó được thực hiện một cách kín đáo.

Khi Wahle yêu cầu ông ra lệnh cho tất cả nhân viên dư thừa rời khỏi đất nước, Lehmann đã kiên quyết từ chối. Tất cả các cuộc rời đi, ông nói, phải hoàn toàn tự nguyện. Nếu không, người Việt Nam

miền Nam có thể nghi ngờ rằng chúng ta đang chuẩn bị bỏ rơi họ.

Điều khoản này, mặc dù có vẻ hợp lý, sẽ có tác động thảm khốc đến tốc độ rời khỏi trong vài tuần tới, vì miễn là Lehmann và Đại sứ từ chối ra lệnh cho bất kỳ người Mỹ nào rời khỏi Sài Gòn, mỗi nhân viên không thiết yếu vẫn tự do chọn ngày và giờ rời đi của mình. Và vì Đại sứ tiếp tục giảm thiểu cuộc khủng hoảng quân sự, ít người trong số những người chần chừ nhận ra những rủi ro mà họ đang phải đối mặt.

Vào chiều ngày thứ ba, Smith và nhân viên của ông đã cố gắng đẩy kế hoạch của Đại sứ quán tiến thêm một bước nữa. Triệu tập đại diện của các cơ quan khác đến DAO, họ bắt đầu xác định và tìm kiếm tất cả 6.000 người Mỹ trong thành phố. Họ đã hoàn thành công việc trong

ba ngày, sử dụng nhiều kỹ thuật theo dõi sáng tạo, bao gồm việc kiểm tra kỹ lưỡng các hồ sơ phân phối rượu tại nhà ăn và danh sách thành viên của câu lạc bộ thể thao Le Cercle Sportif ở trung tâm thành phố. Biểu đồ "mật độ" thu được đã trở thành cơ sở cho tất cả các kế hoạch sơ tán sau này.

*

Khi Smith và nhân viên của ông tiến lên phía trước, những người khác trong Đại sứ quán không thể tránh khỏi bị cuốn vào sự nhiệt tình của họ. Alan Carter của USIA và các quan chức tại USAID bắt đầu cân nhắc việc cắt giảm nhân sự của riêng họ, và Polgar đã yêu cầu, và nhận được, sự cho phép từ trụ sở CIA để mở rộng danh sách cắt giảm của mình bao gồm cả nhân sự "thừa" ở Sài Gòn cũng như "không cần thiết" từ Đà

Nẵng, Nha Trang và các thành phố khác đã mất trong vài tuần qua. Ngoài ra, Ted Shackley bắt đầu dành một hoặc hai giờ mỗi ngày từ lịch trình của đội Weyand để cố gắng giúp Đài điều chỉnh trước cuộc khủng hoảng đang gia tăng.

Một trong những câu hỏi mà ông và Polgar phải giải quyết ngay lập tức là liệu có nên bắt đầu lắp đặt hệ thống cho các hoạt động gián điệp "ở lại" để cung cấp thông tin tình báo trong trường hợp quân đội Bắc Việt chiến thắng hay không. Trong suốt những năm Mỹ tham gia vào cuộc chiến, CIA chưa bao giờ phát triển được một đội ngũ điệp viên ngầm như vậy có thể thực sự "ở lại" để hoạt động tại Việt Nam do Cộng sản kiểm soát. Bây giờ, khi kẻ thù đã ở ngay trước cửa, những nhân viên kỳ cựu của Trạm, những người đã chứng kiến Đông

Âu rơi vào tay các cộng sản châu Âu vào giữa và cuối những năm bốn mươi, đang kêu gọi một sự hỗ trợ và điều chỉnh nhanh chóng.

Trong số những người phát biểu mạnh mẽ nhất là chồng của Pat Johnson, Bill, một sĩ quan tình báo phản gián kỳ cựu và Trưởng "căn cứ Sài Gòn" phụ trách các hoạt động tình báo của Trạm tại thủ đô. Từ khoảnh khắc đội Weyand xuất hiện trên hiện trường, Johnson đã cầu xin được phép tuyển dụng một số "stay-behinds" và thành lập một tổ chức người tị nạn Việt Nam ở Bangkok như một bệ phóng cho các mạng lưới thâm nhập dài hạn vào Việt Nam. Về mặt khái niệm, nó khá đơn giản. CIA đã làm điều tương tự với các nhóm di cư ở Đông Âu nhiều năm trước.

Nhưng Shackley vẫn kiên quyết phản đối. Ông không thể tin, ông nói, rằng Quốc hội sẽ phản ứng trước một thất bại ở Việt Nam - nếu thực sự có một thất bại đang đến gần - như họ đã phản ứng với những quân domino ngã ở Đông Âu vào những năm 1940. "Không ai muốn chi tiền cho những điều tầm phào như vậy ở đây," ông nhấn mạnh.

Mặc dù có những phản đối như vậy, cuối cùng Johnson cũng được phép thực hiện một vài sáng kiến hạn chế, nhưng chiến lược rộng lớn mà ông đề xuất không bao giờ vượt qua được những lo ngại của Shackley. Kết quả là, khi miền Nam Việt Nam sụp đổ, CIA không có mạng lưới tình báo đáng kể nào để giữ cho nó được thông báo về các chính sách và những điều kỳ quặc của chế độ Cộng sản mới.

Trong khi các hoạt động ở lại và kế hoạch sơ tán tiếp tục chiếm phần lớn thời gian của một phần nhân viên Đại sứ quán, một vấn đề khác bắt đầu đè nặng lên tính toán của tất cả chúng ta. Trong vòng một ngày hoặc hơn sau khi mất Nha Trang, hàng nghìn người tị nạn đã đổ vào QK 3 từ các điểm phía bắc xa hơn, và 70.000 người trong số họ đã tập trung tại Vũng Tàu, khu nghỉ mát bãi biển cách đó bốn mươi lăm dặm về phía đông nam. Để giảm bớt áp lực và nguy hiểm do dòng người tị nạn gây ra, Đô đốc Benton, người của Gayler tại DAO, nhanh chóng thành lập một nhóm lập kế hoạch riêng và bắt đầu huy động các nguồn lực của Mỹ hỗ trợ cho cuộc vận chuyển bằng đường biển đang diễn ra từ QK 1 và 2. Vào ngày 3 tháng 4, tàu chở

hàng đổ bộ Urham đã tiếp nhận 1.400 người tị nạn trên biển ngoài khơi Phan Rang, và bến tàu đổ bộ Dubuque của Hải quân đã tiếp nhận thêm tám mươi người nữa. Chúng là những tàu chiến Mỹ đầu tiên thực sự tham gia vào việc vận chuyển bằng đường biển (mặc dù các tàu hàng Mỹ được thuê từ Lầu Năm Góc tất nhiên đã tham gia từ rất sớm). Tại Washington, Chính quyền ngay lập tức gửi một bức thư tới Quốc hội, chi tiết về hoạt động và thu hút sự chú ý đến các điều khoản của Đạo luật Quyền Lực Chiến tranh yêu cầu Tổng thống phải thông báo cho các nhà lập pháp mỗi khi lực lượng Mỹ vào khu vực chiến tranh. Rõ ràng, Ford đang tìm cách thử thách tính linh hoạt của đạo luật này. Hiện tại, Quốc hội không phản đối.

Theo kế hoạch hoạt động cơ bản của

Benton, một số lượng lớn người tị nạn sẽ được chuyển xuống phía nam đến đảo Phú Quốc ngoài đầu mũi đồng bằng và được tái định cư ở đó. Người ta hy vọng rằng sự cô lập của họ sẽ ngăn chặn nỗi sợ hãi và hoảng loạn của họ lan rộng ra phần còn lại của dân số. Nhưng chính đặc điểm khiến kế hoạch này hấp dẫn đối với Đại sứ quán - sự xa xôi của Phú Quốc - lại khiến nó trở nên không thể chấp nhận đối với chính những người tị nạn. Điều cuối cùng mà họ có thể chịu đựng sau cuộc hành trình khủng khiếp về phía nam là viễn cảnh bị tách rời khỏi bạn bè, người thân và sự bảo vệ của chính phủ trên đất liền. Do đó, ngay khi những chuyến tàu đầu tiên cập bến hòn đảo, bạo loạn và đánh nhau đã nổ ra, và chính phủ buộc phải cử lực lượng an ninh đến để khôi phục trật tự.

Ngoài việc cách ly những người tị nạn, các quan chức Đại sứ quán đã sử dụng một mẹo khác để ngăn chặn sự hoảng loạn của họ lan sang chính Sài Gòn. Vài giờ sau khi Nha Trang sụp đổ, Ted Shackley đã đến thăm trưởng lực lượng cảnh sát thành phố Sài Gòn để yêu cầu ông ta phong tỏa thành phố khỏi cả người tị nạn và những quân nhân lạc đường. Miễn cưỡng, viên chức Việt Nam đã đồng ý, và vào ngày 3 tháng 4, thành phố chính thức đóng cửa đối với tất cả trừ những cư dân hợp pháp, có đầy đủ giấy tờ. Đó là một quyết định quan trọng, vì nó đã ngăn thành phố khỏi những đám cháy hoảng loạn và hỗn loạn đang âm ỉ ở nông thôn, cho phép tất cả chúng ta trải qua những ngày cuối cùng của cuộc chiến trong một khoảng không tương đối yên bình.

Đối với Graham Martin, cảnh ngộ của những người tị nạn đặc biệt đau lòng, vì ông từng làm điều phối viên của Bộ Ngoại giao cho một chương trình tị nạn của Liên Hợp Quốc và biết rõ nỗi khổ của những người bị mất quê hương trên thế giới. Nhưng Martin cũng thấy trong thảm kịch nhân đạo rộng lớn đang quét qua miền Nam Việt Nam một cơ hội để thao túng chính trị và thu lợi. Ý tưởng này lần đầu tiên đến với ông như là kết quả của những nỗ lực của Ed Daly, chủ sở hữu sáng tạo của World Airways, hãng hàng không thuê bao đã đóng vai trò quan trọng trong việc sơ tán Đà Nẵng. Trong nhiều ngày, Daly đã cố gắng tổ chức một chuyến bay đưa trẻ mồ côi Việt Nam đến Hoa Kỳ như một đóng góp cá nhân khác nhằm giảm bớt nỗi

khổ đau mà ông thấy xung quanh mình. Khi Martin nghe về kế hoạch này, ông lập tức thúc giục Nhà Trắng tổ chức một cuộc không vận tương tự. Như ông đã giải thích trong một lá thư gửi cho Bộ trưởng Bộ Tị nạn Sài Gòn, ông hy vọng rằng cảnh tượng hàng trăm trẻ em Việt Nam được người Mỹ bảo vệ sẽ tạo nên sự đồng cảm với sự nghiệp của Nam Việt Nam trên toàn thế giới. Rõ ràng Nhà Trắng cũng chia sẻ cảm xúc này, vì vào ngày 2 tháng 4, các quan chức AID ở Washington đã công bố "Chiến dịch Baby-lift," một chương trình khẩn cấp theo đó hơn hai nghìn trẻ mồ côi Việt Nam sẽ được đưa đến các gia đình nuôi dưỡng ở Hoa Kỳ theo một loại "tạm tha" di cư mới.

Theo một nghĩa nào đó, "Chiến dịch Baby-lift" đã là một trò lừa đảo ngay từ

đầu, vì chỉ có một số ít trẻ em được hưởng lợi từ nó là những người tị nạn. Hầu hết trong số họ, thực tế, đã chịu đựng nhiều năm ở các trại trẻ mồ côi của Sài Gòn và không gặp nguy hiểm ngay lập tức từ cuộc tấn công của cộng sản. Nhưng phần lớn chúng tôi trong Đại sứ quán đã chọn bỏ qua chi tiết nhỏ này, và hoan nghênh doanh nghiệp này như một bước đầu đáng giá theo đúng hướng.

Tướng Smith đặc biệt nhiệt tình, vì ông nhanh chóng nhận ra rằng việc đưa trẻ em đi có thể phục vụ cho mục đích của riêng mình. Cách nào tốt hơn để buôn lén một số lượng lớn nữ nhân viên của DAO ra ngoài, ông ta suy nghĩ, hơn là đưa họ lên các chuyến bay chở trẻ mồ côi với tư cách là y tá và người rửa bình ? Chỉ vài giờ sau khi Washington công bố, ông và nhân viên của mình đã thông báo

cho các bà vợ và thư ký của DAO chuẩn bị rời đi.

Trong khi đó, cuộc chiến tiếp tục cuốn về phía Sài Gòn như một cơn sóng dữ. Trong vài ngày đầu tháng Tư, ba sư đoàn BV đã đẩy sâu vào tỉnh Tây Ninh phía nam để cố gắng chặn đường chạy về phía nam đến thủ đô, và vào ngày thứ ba, Sư đoàn 341 BV đã đánh bật các lực lượng phòng thủ ở Chơn Thành, cách Sài Gòn bốn mươi lăm dặm về phía bắc, điểm tiền đồn chính phủ duy nhất còn lại trong khu vực.

Khi tin tức về những trở ngại này lan truyền khắp thủ đô, cộng đồng phương Tây bị cuốn vào cơn khát khao du lịch. Nhu cầu về chỗ ngồi trên chuyến bay quốc tế của Pan Am hai lần mỗi tuần đã tăng gấp đôi gần như qua đêm, China Airlines thấy mình đã kín chỗ đến ngày

thứ chín, và một tỷ lệ lớn trong số 600 thành viên ICCS người Iran, Hungary và Ba Lan bắt đầu đóng gói hành lý.

Đại sứ Martin cố gắng làm giảm bớt sự lo lắng bằng cách thể hiện sự không quan tâm. «Không có nguy hiểm nào đối với Sài Gòn,» ông tuyên bố một cách tự tin với một phóng viên vào ngày thứ ba. Nhưng sự lạc quan của ông bắt đầu trở nên tồi tệ, cả đối với người Sài Gòn và một số đồng nghiệp người Mỹ của ông. Các nhà phân tích tình báo tại trụ sở của Gayler đã gửi một bức điện đến Lầu Năm Góc vào cùng ngày, bác bỏ lập luận của Đại sứ rằng Sài Gòn hoặc khu vực xung quanh có thể được bảo vệ như một khu vực biệt lập «sự hỗn loạn do dòng người tị nạn tràn vào,» họ viết, «sẽ gây ra sự sụp đổ của GVN» - và ở Washington, Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger bắt đầu

bày tỏ những lo ngại của mình một cách mạnh mẽ hơn. Ba mươi ngày tới, ông nói với các phóng viên, sẽ cho biết liệu Nam Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào có sống sót hay không.

Tại Bộ Ngoại giao, trong khi đó, Lionel Rosenblatt và những người đồng mưu trong bữa trưa của ông tiếp tục kêu gọi một chương trình sơ tán mở rộng, đủ để đảm bảo cứu thoát 200.000 người Việt Nam hoặc hơn. Bất chấp sự phản kháng đáng kể từ cấp trên của họ, không ai trong số họ muốn cam kết cho đến khi Weyand trở về, họ đã giành được một nhượng bộ sơ bộ quan trọng. Dựa trên các khuyến nghị của họ, Trợ lý Bộ trưởng Habib đã đồng ý hai ngày sau khi Nha Trang sụp đổ để chuyển đổi một nhóm làm việc không chính thức trong văn phòng của ông thành một lực lượng

đặc nhiệm để phối hợp kế hoạch sơ tán của Bộ.

Trong vài ngày qua, kể từ khi Weyand rời Saigon, chính Nhà Trắng cũng đã kiềm chế không bình luận trực tiếp về cuộc khủng hoảng Đông Dương. Nhưng với sự gia tăng của các cuộc giao tranh xung quanh Sài Gòn vào ngày thứ ba, Tổng thống Ford cuối cùng đã phá vỡ sự im lặng của mình. Trong một tuyên bố với các phóng viên tại nơi nghỉ dưỡng của ông ở Palm Springs, ông đã công khai chỉ trích Thieu vì quyết định rút lui quá vội vàng khỏi vùng cao nguyên và thừa nhận rằng việc sơ tán 6.000 công dân Mỹ ở Việt Nam thực sự đang được xem xét. Đề cập đến một trong những vấn đề nhạy cảm nhất, ông cũng làm rõ rằng theo cách giải thích của mình về

Đạo luật Quyền Lực Chiến Tranh, ông có quyền sử dụng lực lượng để hỗ trợ trong việc sơ tán công dân Mỹ khỏi bất kỳ khu vực chiến tranh nào trên thế giới.
*

*[Trong vài ngày qua, các luật sư của Nhà Trắng đã chuẩn bị một bản tóm tắt cho Ford về cuộc tranh luận lập pháp xung quanh Đạo luật Quyền Lực Chiến tranh. Giữa những điều khác, họ chỉ ra rằng khi dự luật đang được thảo luận trong ủy ban và trên sàn Quốc hội, ngay cả những người ủng hộ nó cũng đã cho phép sử dụng lực lượng để cứu công dân Mỹ ở nước ngoài trong trường hợp khẩn cấp. Vì không có quyền lực nào tốt hơn, Ford giờ đây quyết tâm sử dụng kẽ hở này để biện minh cho việc triển khai lính thủy đánh bộ đang chờ lệnh trên tàu ngoài khơi bờ biển Đông Dương.]

Những nhận xét của ông về điểm này không phải là ngẫu nhiên, vì bên cạnh áp lực ngày càng gia tăng ở khu vực Sài Gòn ngay lập tức, Chính quyền hiện đang đối mặt với thảm họa sắp xảy ra ở Campuchia. Trên thực tế, tình hình quân sự ở Phnom Penh đã trở nên nguy hiểm đến mức trong ngày hôm qua, Nhà Trắng cuối cùng đã quyết định tiến hành rút toàn bộ cộng đồng người Mỹ ở đó.

Vào sáng ngày thứ tư, Đại sứ Dean đã triệu tập nhân viên của mình để thông báo quyết định. Việc sơ tán tất cả người Mỹ ở Campuchia, ông nói, sẽ được thực hiện trong hai ngày tới. Đối với chính Dean, bước ngoặt kịch tính này là một chiến thắng cá nhân, vì ông đã cầu xin Washington trong nhiều ngày không nên mạo hiểm tính mạng của người Mỹ khi cuộc đàm phán chính trị vẫn tiếp tục.

Nhưng, như đã xảy ra, ông chưa thể đạt được sự hài lòng ngay lúc này, vì trong vài giờ tiếp theo ông nhận được một thông báo tối mật khác từ Washington, thông báo này hoãn lại việc sơ tán cuối cùng thêm một thời gian nữa. Vào phút chót, Kissinger đã quyết định rằng sự hiện diện của người Mỹ ở Phnom Penh vẫn cần thiết như một "ảnh hưởng ổn định" trong khi ông tiếp tục cố gắng thương thảo một thỏa thuận với Sihanouk và các nhà bảo trợ Trung Quốc của ông.

Đến giữa trưa ngày thứ tư, khuôn viên của Tùy viên Quốc phòng ở Sài Gòn đã nhộn nhịp với hoạt động. Các thợ mộc và kỹ thuật viên đang làm việc chăm chỉ, phá dỡ hàng rào, nhổ cột đèn và lắp đặt các cơ sở cho một trung tâm

sơ tán hoạt động.

Vào buổi sáng, một chiếc máy bay C-5A Galaxy của Không quân, chiếc máy bay vận tải lớn nhất thế giới, đã hạ cánh với một lô hàng lớn thiết bị quân sự mới cho quân đội Sài Gòn. Khi máy bay được dỡ hàng, các nhân viên DAO đã tập hợp 243 trẻ mồ côi và bốn mươi bốn nhân viên DAO cùng các người Mỹ khác để được đưa lên máy bay tới Philippines vào chiều hôm đó. Đó sẽ là chuyến bay sơ tán đầu tiên theo chương trình "thưa thớt" của Tướng Smith và "Chiến dịch Baby-lift."

Những gì xảy ra trong vài giờ tiếp theo chắc chắn sẽ mãi mãi in sâu trong ký ức của những người đã trải qua nó. Ba mươi phút rời khỏi Sài Gòn, khi chiếc C-5A lớn đang bay về phía bờ biển, phi công nhận thấy một đèn đỏ nhấp nháy

trên bảng điều khiển của mình, báo hiệu có vấn đề với một trong các cửa. Ông đã phát tín hiệu radio cho tháp kiểm soát tại Tân Sơn Nhất để thông báo rằng ông sẽ quay lại, rồi quay máy bay lại và bắt đầu hạ độ cao. Nhưng ngay khi anh ta bắt đầu tiếp cận cuối cùng đến sân bay, một vụ nổ đã làm rung chuyển máy bay, cầu thang dưới bị thổi bay, dẫn đến sự giảm áp suất ngay lập tức trong khoang dưới, và nhiều người lớn và trẻ em trong số năm mươi người bị thắt dây an toàn ở đó đã chết ngay lập tức do thiếu oxy. Những người khác bị hút ra ngoài qua cửa hở rộng.

Chiếc máy bay trượt gần nửa dặm trong một cánh đồng lúa ngay phía nam Tân Sơn Nhất, khi các mảnh vụn và kim loại biến dạng xoáy vào boong dưới. Khi máy bay dừng lại, nước tràn vào, nhấn

chìm nhiều người đã sống sót qua sự mất áp suất và vụ tai nạn.

Các trực thăng của Air America đã có mặt tại hiện trường gần như ngay lập tức, và trong vài giờ tiếp theo đã vận chuyển những người sống sót và những người sắp chết đến các xe cứu thương đang chờ trên đường băng. Một thư ký CIA đã ra sân bay Tân Sơn Nhất để tiễn chuyến bay chở trẻ mồ côi và sau đó mô tả những gì cô chứng kiến. "Khi những đứa trẻ được bế ra khỏi trực thăng và chất lên xe cứu thương, bạn không thể biết chúng còn sống hay đã chết." Gần như tất cả bọn trẻ đều bị phủ đầy bùn từ đầu đến chân, và chỉ sau khi xe cứu thương bắt đầu chuyển nạn nhân tại 'Third Field' [bệnh viện cũ của Quân đội Hoa Kỳ gần Tân Sơn Nhất] chúng tôi mới có thể phân loại thương vong. Các y tá chỉ đơn giản là cho trẻ em

vào dưới vòi sen, nói rằng, 'Đứa này còn sống, đứa này đã chết.'

Sau một thời gian, một số người Mỹ khác và tôi bắt đầu nhét những đứa trẻ không bị thương vào xe jeep và ô-tô để đưa chúng trở lại các trại trẻ mồ côi. Một số đứa vẫn còn quá sợ hãi đến nỗi không thể khóc được. Họ giống như những mảnh giẻ nhão nhoẹt trong tay chúng tôi.

"Không có đứa trẻ nào có thẻ tên, chỉ có những vòng tay ghi 'New York,' 'New Jersey,' và vân vân, địa chỉ của những ngôi nhà nuôi dưỡng mới của chúng." Vì vậy, một trong những vấn đề lớn mà chúng tôi phải đối mặt là đơn giản là xác định ai là những người sống sót. Cuối cùng, tôi đã dành phần còn lại của buổi chiều để kiểm tra vòng tay với danh sách tên và soạn thông báo tử vong để gửi cho các

bậc phụ huynh nuôi dưỡng ở Mỹ.

Việc chiếc C-5A bị bắn hạ đã đánh vào tim tất cả chúng tôi như một cú sốc. Những người trong chúng tôi ở lại phòng tình hình CIA trong suốt buổi chiều và buổi tối khủng khiếp đó đã lắng nghe trong sự im lặng sững sờ khi những người liên lạc của chúng tôi tại Tân Sơn Nhất đọc tên những người Mỹ thương vong, từng chữ cái một, qua mạng lưới phát thanh "Diamond" của CIA. Theo số liệu cuối cùng, vụ tai nạn là vụ tồi tệ thứ hai trong lịch sử hàng không : hơn 200 trẻ em và tất cả trừ một nhân viên DAO trên máy bay đã bị thiệt mạng.

Cũng không thể bỏ qua những tác động rộng lớn hơn của vụ tai nạn - do một cái chốt hỏng trên cửa hàng hóa -

đối với chúng tôi. Nếu một chuyến bay được tổ chức vội vàng có thể kết thúc một cách thảm khốc như vậy, thì một cuộc vận chuyển hàng không quy mô lớn dưới điều kiện chiến tranh toàn diện sẽ nguy hiểm đến mức nào !

Tướng Smith đặc biệt đau khổ vì thảm kịch này, vì chính ông là người đã khăng khăng nhồi nhét nhiều người Mỹ lên chuyến bay sơ sinh đó. Nhưng ông từ chối để những gì đã xảy ra làm phân tâm khỏi nhiệm vụ mà ông đã đặt ra cho chính mình. Ngày hôm sau, khi các đội DAO lục lọi qua đống đổ nát để tìm kiếm thi thể, hàng trăm trẻ mồ côi và những người không cần thiết của DAO đã được vội vàng đưa lên các chuyến bay vận tải hàng không mới đến để rời khỏi đó.

Đại sứ Martin, trong khi đó, đã cố gắng hết sức để kiềm chế cú sốc và chấn

thương trong Đại sứ quán. Trong số những người đầu tiên mà ông chăm sóc là Alan Carter, trưởng phòng USIA. Vào sáng hôm sau sau vụ tai nạn, Carter đã soạn một bức điện gửi Washington cảnh báo về «sự bất ổn ngày càng gia tăng ở Sài Gòn gần như trở thành hoảng loạn.» Khi Martin nhận được một bản sao, ông đã nổi giận. «Ở đây không có sự hoảng loạn nào cả,» ông quát Carter, «và tất cả chúng ta phải cẩn thận không để gây ra sự hoảng loạn ở Washington.» Sau đó ông ta nói thêm, «Và nếu Washington đã hỏi ý kiến tôi trước khi sử dụng chiếc C-5A đó, tôi đã không cho phép.» Những đứa trẻ đó vẫn còn sống.»

Carter loạng choạng bước ra khỏi văn phòng của Martin, đầu óc quay cuồng. Không chỉ có Đại sứ dường như một cách hoài nghi bận tâm đến việc xác

định trách nhiệm cho vụ tai nạn ; ông ta cũng có vẻ tin chắc rằng một cảm giác cấp bách, như của Carter, đã dẫn đến nó. Người của USIA quyết định, từ thời điểm này trở đi, sẽ truyền đạt những lo lắng riêng của mình đến Washington qua điện thoại đường dài, mà không cần thông qua Đại sứ.

22. Vụ đánh bom

Ngày hôm sau sau vụ tai nạn C-5A, Tướng Weyand và đội ngũ của ông đã bay đến Palm Springs, California, để trình bày những phát hiện của họ về cuộc khủng hoảng Đông Dương cho Tổng thống và Henry Kissinger. Báo cáo mà họ mang theo chứa những đoạn trích từ đánh giá quân sự mà tôi đã chuẩn bị cho Carver vài ngày trước, bao gồm cả những tham chiếu đến sự mất cân bằng lực lượng gần như lố bịch và thậm chí cả khả năng thất bại quân sự của chính phủ. "Xác suất là," nó tuyên bố, "trong

các điều kiện thuần túy về khả năng, quân Bắc Việt có thể di chuyển các đơn vị hiện có ở Nam Việt Nam nhanh hơn chính phủ GVN có thể thành lập các đơn vị mới."

Ngoài sự khởi đầu táo bạo này, các tác giả nhanh chóng rơi vào những lời sáo rỗng và những khái quát mơ hồ. Trong khi thừa nhận rằng những thất bại gần đây đã làm suy yếu "cấu trúc xã hội và chính trị của đất nước," họ lập luận rằng không thể xác định được mức độ nào. Họ cũng không sẵn lòng đưa ra bất kỳ dự đoán nào chính xác hơn về ý định của Cộng sản. Hai lựa chọn, họ nói, hiện đang mở ra cho người Bắc Việt : một cuộc tiếp quản quân sự trực tiếp hoặc, thay vào đó, củng cố những thành quả gần đây tiếp theo là một thỏa thuận thương lượng không công bằng. Nhưng

họ từ chối cố gắng đoán xem Hà Nội thích cái nào hơn, lập luận rằng chính Bộ Chính trị có lẽ cũng chưa có thời gian "tiêu hóa những diễn biến trong vài tuần qua, thậm chí vài ngày qua."

Vì vậy, sau khi đã bỏ qua tất cả các câu hỏi quan trọng, Weyand và các đồng nghiệp của ông cảm thấy tự do ủng hộ chính sách mà Chính quyền rõ ràng ưa thích. Như họ đã biết rõ, chính Kissinger cũng ủng hộ việc phân bổ viện trợ mới khổng lồ cho miền Nam Việt Nam, vì vậy nếu Sài Gòn thất thủ, Hoa Kỳ sẽ không bị trách nhiệm. Theo đó, Weyand và nhóm của ông đã đề xuất một khoản viện trợ quân sự khẩn cấp 722 triệu đô la cho Sài Gòn.

Ban đầu, họ cố gắng biện minh cho sự hào phóng đó bằng các thuật ngữ địa chính trị của Kissinger. "Các chính phủ

trên thế giới biết về quá khứ," họ viết, "nhưng họ chắc chắn sẽ coi bất kỳ sự thất bại nào trong việc hỗ trợ người Việt Nam trong cuộc khủng hoảng hiện tại là một thất bại của ý chí và quyết tâm của Hoa Kỳ..." Uy tín của Hoa Kỳ trên toàn thế giới tiếp tục phụ thuộc vào việc chúng ta có nỗ lực hay không, chứ không phải vào thành công hay thất bại thực sự. Nếu chúng ta không nỗ lực, uy tín của chúng ta với tư cách là đồng minh sẽ bị phá hủy, có thể là trong nhiều thế hệ. Thất bại bây giờ chỉ khuyến khích sự hung hăng sau này, có thể với một cái giá khổng lồ về nhân mạng, thay vì chỉ là tài sản của Mỹ.

Sau loại bỏ những cân nhắc có tính toàn cục như vậy, Weyand và đội ngũ của ông bắt tay vào công việc cụ thể. Lập luận rằng số tiền này cần thiết như một biện pháp giảm nhẹ cho tinh thần của người

dân miền Nam Việt Nam, họ khẳng định rằng nó cũng sẽ có tác dụng phục hồi khả năng của quân đội. Tuy nhiên, khi cố gắng chứng minh điểm cuối cùng này, họ đã gặp phải những khó khăn. Von Marbod và Tướng Smith đã đưa ra dự đoán 722 triệu đô la dựa trên những gì họ cho là cần thiết để tân trang bốn sư đoàn VNCH và để trang bị cho quân đội cho «sáu mươi ngày chiến đấu cường độ cao» - cho đến hết mùa khô. Nhưng vì chính người Việt Nam Cộng Hòa đã tự ý sửa đổi kế hoạch tái cấu trúc lực lượng của họ một cách tùy tiện, nên không có cách nào biết được liệu số tiền này có thể được áp dụng hiệu quả cho mục đích ban đầu của nó hay không. Weyand và đội ngũ của ông không thể thừa nhận điều này, tất nhiên, mà không làm đảo lộn lập luận của họ về một sự thể hiện hỗ trợ lớn lao nào đó. Vì vậy, họ đã tránh đưa

ra bất kỳ tuyên bố chính xác hoặc phô trương nào về số tiền 722 triệu đô la, chỉ nói rằng, «Số tiền này là cần thiết khẩn cấp cho nhu cầu quân sự cơ bản, để cung cấp một cơ hội công bằng cho sự sống còn của Việt Nam Cộng Hòa.»

Ở một nơi khác trong báo cáo của họ, Weyand và các đồng nghiệp đã đề cập đến vấn đề nhạy cảm của việc sơ tán. "Họ đã lưu ý rằng một chiến dịch đa sư đoàn lớn của lực lượng Hoa Kỳ được hỗ trợ bởi máy bay chiến thuật sẽ cần thiết để đảm bảo việc rút lui an toàn của '6.000 người Mỹ và hàng chục nghìn người Việt Nam cũng như công dân các nước thứ ba mà chúng ta đã có nghĩa vụ đối với họ.'" Họ không đi xa đến mức đề xuất rằng kế hoạch sơ tán nên được tăng tốc hoặc rằng việc cắt giảm sự hiện diện của Mỹ ở Sài Gòn nên được thực hiện

song song với việc tìm kiếm thêm viện trợ. Thay vào đó, họ trình bày lựa chọn sơ tán như một phương án thay thế, chỉ thực hiện nếu và khi Quốc hội không cung cấp được số tiền 722 triệu đô la đã đề xuất : "Nếu sự hỗ trợ nhanh chóng và cụ thể từ Mỹ không đến, chúng ta phải bắt đầu ngay bây giờ để lên kế hoạch cho một cuộc sơ tán quy mô lớn."

Chính quyền sẽ theo gương họ, hoãn việc rút quân cuối cùng cho đến khi cuộc tranh luận về viện trợ được giải quyết. Cuộc sống của người Mỹ ở Việt Nam do đó đã trở thành con tin của số tiền 722 triệu đô la đó - số tiền mà theo lời thú nhận của Weyand chỉ mang lại cơ hội "cân bằng" cho sự sống còn của Sài Gòn.

Cuộc gặp gỡ ban đầu của Weyand

với Ford kéo dài chín mươi phút. Khi ông ta, Shackley, Carver và Von Marbod ngồi xuống với Tổng thống, Kissinger đã đọc báo cáo của họ, vì ông đã chỉ đạo cụ thể rằng ông phải được nhận một bản sao trước khi Tổng thống nhận được của ông.

Bởi vì quan điểm của Weyand rất giống với của ông, Kissinger không gặp khó khăn gì khi ủng hộ chúng. Ông đồng ý với đánh giá của tướng rằng tình hình quân sự có thể cứu vãn, dù chỉ vừa đủ, và (tất nhiên) chia sẻ niềm tin của ông rằng một sự thể hiện hỗ trợ nào đó là cần thiết như một bảo đảm cho uy tín của Mỹ ở nước ngoài. "Hoa Kỳ cũng có một vấn đề đạo đức", Kissinger nói với các phóng viên sau cuộc họp, "một câu hỏi về việc liệu khi một đồng minh mà họ đã hợp tác trong mười năm muốn tự

vệ thì Hoa Kỳ có nên đưa ra quyết định thay họ bằng cách cắt giảm nguồn cung cấp hay không".

Trong suốt các cuộc thảo luận, người duy nhất trong Chính quyền có thể đã thách thức hiệu quả những lời sáo rỗng của Kissinger hoặc những khuyến nghị của Weyand đang phải chờ đợi và hạ thấp cái tôi của mình ở Washington. Một lần nữa, Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger đã bị cấm tham gia vào các cuộc họp nội bộ của Tổng thống. Trên thực tế, Kissinger đã ra lệnh rõ ràng cho Weyand không được báo cho Schlesinger biết nội dung của báo cáo cho đến khi cuộc họp với Tổng thống kết thúc.

Một lý do Kissinger kiên quyết giữ Schlesinger ở xa là do sự tiêu cực liên tục của ông ta. Không chỉ Bộ trưởng Quốc phòng vẫn còn nghi ngờ sâu sắc về loại

lạc quan dè dặt mà Weyand đang rao bán ; ông còn mạnh mẽ phản đối bất kỳ khoản viện trợ lớn nào mới cho Sài Gòn. Ông cảm thấy rằng các yêu cầu về uy tín của Mỹ và nhu cầu của Sài Gòn có thể được đáp ứng đầy đủ với đề xuất viện trợ bổ sung 322 triệu đô la đã được trình bày hai tháng trước. Bất cứ điều gì vượt quá số đó đối với ông có vẻ lãng phí và vô nghĩa, đặc biệt là vì theo đánh giá của ông, người Nam Việt Nam đã gần như thất bại rồi.

Kissinger phản đối kịch liệt. Ông đặc biệt khó chịu với sự phản đối của Schlesinger đối với khái niệm viện trợ tối đa, vì ông cảm thấy không thể có cách tiếp cận giá rẻ cho sự sống còn của Sài Gòn hoặc cho việc bảo tồn uy tín của Mỹ trên thế giới. Ông cũng tin rằng không có gì ngoài số tiền 722 triệu đô la có thể

đảm bảo sự đồng thuận của người Việt Nam trong một cuộc di tản của người Mỹ nếu điều đó trở nên cần thiết. "Mục tiêu của chúng tôi," ông sau đó giải thích với Quốc hội, "là mang lại sự ổn định quân sự, nhưng nếu điều đó thất bại và điều tồi tệ nhất xảy ra, thì yêu cầu này [722 triệu đô la] cũng sẽ là cách hiệu quả nhất để đưa người Mỹ và những người Việt Nam mà chúng tôi có trách nhiệm đạo đức ra khỏi đó." Tóm lại, theo quan điểm của Kissinger, nếu phải trả tiền chuộc cho mạng sống của người Mỹ ở Sài Gòn, chỉ có một số tiền lớn mới đủ.

Kissinger không bao giờ thuyết phục được Schlesinger về điều này, và cuộc tranh luận về số tiền chính xác cần yêu cầu từ Quốc hội tiếp tục trong vài ngày tiếp theo. Trong khi đó, sự cay đắng giữa hai người đàn ông càng gia tăng, Kissinger

cố gắng hết sức để giữ Bộ trưởng Quốc phòng càng xa Tổng thống càng tốt.*

* [Cuối cùng, Tổng thống Ford đã ra lệnh cho Schlesinger phát biểu ủng hộ đề xuất viện trợ mặc dù ông phản đối nó. Vì vậy, quan chức hàng đầu duy nhất trong Chính quyền dường như nhận thức được mức độ của cuộc khủng hoảng ở Việt Nam, và sự cần thiết phải tăng cường kế hoạch sơ tán, đã bị trung lập hóa một cách hiệu quả.]

Cả Weyand và Von Marbod đều chịu đựng nỗi đau lớn trước cảnh tượng này. Mặc dù họ đồng ý với Kissinger rằng việc phân bổ viện trợ tối đa là cần thiết, họ vẫn luôn tôn trọng Schlesinger và cảm thấy đau lòng khi thấy ông bị đối xử tệ bạc như vậy. Vài ngày sau, như một hình thức chuộc tội vì đã tham gia vào tất cả, cả hai đều đề nghị từ chức. Tuy nhiên,

Schlesinger đã từ chối họ và trong một hành động độ lượng khiến cả hai đều cảm động, ông đã công khai khen ngợi họ vì công việc của họ và trao tặng họ huy chương phục vụ đặc biệt.

Đối với những người trong chúng tôi đang ở tuyến đầu, việc canh gác cái chết của Sài Gòn nhanh chóng trở thành một cuộc canh gác suốt ngày đêm. Pat Johnson, Joe Kingsley và tôi giờ đây phải trực 24/7, bảy ngày một tuần. Mỗi sáng, chúng tôi đều đến sớm hơn để cố gắng nắm bắt trước khối lượng thông tin cáp luôn bùng nổ ngay sau khi bình minh ; và vào buổi tối, bất cứ khi nào một báo cáo tình báo ưu tiên hàng đầu vang lên qua máy telex, luôn có một trong chúng tôi được «sĩ quan trực» gọi vào để xem xét và xác định xem Trưởng đài hoặc Đại

sứ có nên bị làm phiền hay không.

Trong ba tuần qua, kể từ khi rời bỏ Pleiku, hơn 600 báo cáo tình báo đã được gửi đến để xử lý, xem xét và tiếp nhận, và áp lực đưa ra các phán đoán ngay lập tức về những vấn đề phức tạp nhất không có dấu hiệu giảm bớt. Đến bây giờ, tôi đã thực hiện một đánh giá thực địa mỗi hai ngày, một kỷ lục cho trạm, và cung cấp các buổi thông báo bất ngờ với tốc độ tương tự.

Đội ngũ phân tích mười người tại DAO và nhiều đồng nghiệp của chúng tôi tại Bộ Ngoại giao cũng đang phải chịu đựng một lịch trình tương tự, và thời gian rảnh rỗi trong toàn bộ Nhiệm vụ đã trở thành một kỷ niệm. Giờ nghỉ trưa chính thức của chúng tôi đã bị rút ngắn từ hai giờ thông thường xuống còn nửa giờ nhanh chóng, nếu có, và hồ bơi

phía sau tòa đại sứ gần như không được sử dụng. Một số bà vợ của các nhân viên Đại sứ quán sau đó đã nói với tôi rằng họ đã biết ngày tàn gần kề khi một biển báo được treo lên cho biết rằng Mike, người cứu hộ, đã được miễn nhiệm vì không có người tắm.

Và như thể chúng ta chưa đủ gặp rắc rối, nhiều người trong chúng ta bỗng nhiên phát hiện ra rằng chúng ta có nhiều "người bạn" Việt Nam hơn chúng ta nhận ra. Họ bắt đầu xuất hiện vào mọi giờ, thường cắm trại qua đêm ngay trước cửa, để nếu trực thăng đến bất ngờ, họ sẽ không bỏ lỡ chỗ ngồi.

Trong số những gánh nặng đặc biệt của tôi có một cô "gái bao" 21 tuổi đã cải tà quy chính từ Mimi's tên là Tú Hà, người đang tuyệt vọng sợ rằng mối quan hệ lâu dài của cô với người Mỹ sẽ khiến

cô trở thành mục tiêu số một trong danh sách máu của bọn cộng sản. Vô lý, bạn có thể nói vậy, nhưng không ai trong chúng tôi có thể chắc chắn vào những ngày đó điều gì là vô lý và điều gì không. Vì vậy, tôi để cô ấy ở lại, làm những công việc lặt vặt và nấu bữa tối khi người hầu rời đi sớm. Và đây là một cọng rơm nữa làm lưng lạc đà gãy.

"Bây giờ chúng ta đều đang thiếu ngủ," tôi viết trong sổ tay bỏ túi của mình vào ngày 7 với tinh thần u sầu của thời đại. "Bỗng dưng bạn tỉnh dậy lúc ba giờ sáng bởi tiếng súng pháo không xa lắm và lắng nghe tiếng xích xe tăng trên đường phố báo hiệu cuộc tấn công vào Dinh Độc lập, cuộc đảo chính." Đôi khi bạn gần như ước rằng nó sẽ xảy ra, để giảm bớt nỗi đau của sự chờ đợi.

Pat Johnson đã ngụ ý trong một cuộc trò chuyện hôm qua, 'Ồ, chúng ta có thể không sống sót qua thử thách này,' và lần đầu tiên tôi cảm nhận đầy đủ những gì người Việt Nam phải sống cùng. Pat và chồng cô, Bill, đã tự thỏa thuận với nhau về một giao ước tử thần. Nếu quân Bắc Việt chiếm thành phố và họ không thể thoát ra, anh ấy sẽ bắn một viên đạn 38 vào sau đầu cô ấy, rồi tự sát.

"Các hàng dài bên ngoài tòa lãnh sự đang ngày càng dài thêm, khi những người định cư xuất hiện đông đảo để cố gắng mua bạn gái người Việt của họ ra lần cuối cùng và quan trọng nhất." Nhưng ban quản lý Đại sứ quán vẫn tiếp tục giả vờ như mọi thứ vẫn diễn ra bình thường trên mọi mặt trận, như thể tiếng súng pháo ở ngoại ô chỉ là tiếng sấm mùa xuân.

"Bể bơi trong khu giải trí giờ hầu như trống rỗng, nhưng các đội xây dựng người Việt đã đập phá trên các tầng trên của nhà tắm trong nhiều tuần vẫn đang làm việc chăm chỉ." Có vẻ như Boudreau và nhân viên hành chính của ông ấy không muốn ngừng công việc vì sợ rằng người dân địa phương sẽ nghi ngờ rằng người Mỹ có thể không còn ở đây lâu nữa.

Nhưng câu hỏi, tất nhiên, không phải là liệu, mà là khi nào, người Bắc Việt sẽ tấn công. Polgar đã tự hỏi hôm qua liệu chúng ta có đang đánh giá quá cao sức mạnh của họ không. Tôi nói với anh ấy rằng đó không phải là điều chúng tôi lo lắng nhất : chúng tôi đã đánh giá quá cao sức mạnh của các đồng minh của mình.

Bất chấp truyền thống của Trạm, có rất nhiều căng thẳng nhạy cảm tại Trạm,

cả nam lẫn nữ. Trên thực tế, các thư ký dường như, nếu có gì, chỉ bình tĩnh hơn một chút so với các đồng nghiệp nam của họ. Họ không suy nghĩ nhiều về mối nguy hiểm. Họ chỉ đơn giản thừa nhận điều đó với bản thân và tiếp tục công việc của mình. Nhưng những người đàn ông, không thể tránh khỏi, quyết tâm chứng tỏ bản thân. Vì vậy, họ đi lại khoe khoang, trao đổi vũ khí và những câu chuyện chiến tranh, vỗ vai nhau một cách lo lắng, ngay cả khi họ uống thuốc Valium và đẩy giờ cocktail về gần trưa.

Một số đồng nghiệp của tôi khăng khăng rằng chúng tôi nên coi những chuẩn bị khẩn cấp thỉnh thoảng của mình như một trò chơi, để giảm bớt căng thẳng. Khi Polgar ra lệnh cho chúng tôi hôm nọ bắt đầu tiêu hủy các tài liệu mật, các thư ký trong bộ phận An ninh đã

mang đến những bình Bloody Mary và mọi người đã có một khoảng thời gian tuyệt vời, hơi say sưa khi xả stress và nỗi sợ hãi trên các máy hủy tài liệu.

"Các quy định của trạm cấm bất kỳ ai mang theo vũ khí phụ trừ khi có sự chấp thuận rõ ràng, nhưng chính Polgar đã bắt đầu mang theo một khẩu Browning tự động dưới áo khoác vest và những chiếc áo sơ mi kiểu Hawaii mà ông ấy ưa thích vào cuối tuần, và các sĩ quan hậu cần của trạm đang phát vũ khí một cách tự do như các bác sĩ y tế từng phát Tetracycline và chẩn đoán sai." Thông qua một số mối liên hệ cũ với Lực lượng Đặc biệt, đồng nghiệp của tôi [Joe Kingsley] đã khai thác được một loạt các loại vũ khí kỳ lạ từ lựu đạn tay đến súng tiểu liên Thompson và AK-47, cũng như một nguồn cung cấp dồi dào mũ bảo hiểm

và áo giáp chống đạn. Tôi đã lấy mỗi thứ một cái rồi."

Đến cuối tuần đầu tiên của tháng Tư, một số bạn bè và đồng nghiệp của tôi đã phàn nàn rằng có hai thực tại, một thực tại mà họ thực sự cảm nhận được, và một thực tại mà Đại sứ và các nhân viên cấp cao của ông đang cố gắng áp đặt lên họ với những tin vui không ngừng nghỉ. Trong vài ngày qua, bất chấp sự cố rơi máy bay C-5A, loại máy bay sau đã được một người lạc quan không kém Lehmann đưa ra quan điểm mới. Trong một bài phát biểu trước một nhóm doanh nhân Mỹ địa phương vào đầu tuần, ông đã tuyên bố một cách hùng hồn rằng không có nguy hiểm nào đối với Sài Gòn. Ông đã nói với họ rằng thành phố an toàn như đồng đô la Mỹ. Vậy hãy tái đầu tư !

Ngay cả Polgar cũng đang góp phần thúc đẩy huyền thoại này, mặc dù vì lý do có phần khác với của Lehmann. Ngay sau vụ tai nạn C-5A, ông đã nhắc nhở các sĩ quan cấp cao của Trạm, có lẽ là lần thứ hai trong hai ngày, không được thảo luận về mối đe dọa quân sự ngày càng gia tăng với vợ, con hoặc thư ký. Ông cũng đã ra lệnh cho Pat và Joe bắt đầu chuẩn bị một "báo cáo tình hình" hàng ngày mà hệ thống nhằm giảm thiểu mối đe dọa từ phía cộng sản và phóng đại sức mạnh của chính phủ. Mục này khá mới lạ sẽ được gửi qua điện tín đến các Đại sứ quán Hoa Kỳ trên toàn thế giới, để sử dụng trong việc tạo ra những bình luận tích cực trên báo chí quốc tế và trong Quốc hội về khả năng sống sót của Sài Gòn. Ngoài ra, các nhân viên cấp cao của Đài cũng sẽ trưng bày các bản sao của nó một cách nổi bật trên bảng đọc của họ để các nhân viên

của họ có thể "được lợi" từ những tuyên bố tốt đẹp của nó.

Tuy nhiên, những nỗ lực che giấu như vậy không hiệu quả lắm, đặc biệt là ở Trạm, nơi mà sự tích lũy của những dữ liệu đáng thất vọng quá nhiều để Polgar có thể che giấu. Máy nghiền tin đồn và cuộc trò chuyện không thể tránh khỏi vào giờ cocktail có lẽ đã cung cấp những hiểu biết sâu sắc nhất về bi kịch đang diễn ra xung quanh chúng tôi, vì chính ở đây, qua những tiết lộ cá nhân của những người đã sống qua Đà Nẵng và Nha Trang, chúng tôi đã biết được cảm giác thực sự như thế nào khi bị mắc kẹt trên một sân bay xa xôi, không có trực thăng, giữa hàng nghìn người Việt Nam hoảng loạn. Rồi, khi hàng trăm nhân viên không thiết yếu từ Campuchia bắt đầu đổ về Sài Gòn trên đường về nhà, những

tin đồn và câu chuyện kinh hoàng mà họ mang theo đã mang đến một khía cạnh mới cho những tưởng tượng tồi tệ nhất của chúng tôi, vì chính qua họ mà chúng tôi lần đầu tiên nếm trải những cảnh tượng và mùi hôi thối của một sự nghiệp thất bại đang trên bờ vực diệt vong.

Nhưng tin đồn không phải là dấu hiệu duy nhất cho thấy sự tự tin trong văn phòng điều hành là một trò lừa bịp. Mặc dù ông ta tiếp tục nỗ lực để thể hiện một bộ mặt dũng cảm, Polgar đã sớm khiến người khác nghi ngờ về sự chân thành của hình ảnh này. Vào ngày 7 hoặc 8 tháng 4, để phản ứng với một bước đột phá trong các sắp xếp vận chuyển của Trạm, ông quyết định đóng gói đồ đạc trong gia đình (và vợ ông) và đưa chúng ra khỏi đất nước. Không cần phải nói, những người khác trong Đài cũng nhận

thấy và nhanh chóng kết luận rằng tình hình chắc chắn tồi tệ hơn nhiều so với những gì anh ta nói.

Martin đặc biệt khó chịu về việc thu dọn đồ đạc cá nhân của Polgar một cách vội vàng, và sau đó, sau khi miền Nam Việt Nam sụp đổ, ông đã phàn nàn cay đắng với mọi người rằng Trưởng Đài đã góp phần làm suy giảm tinh thần trong Đại sứ quán và trong số người Việt Nam miền Nam.

Khi những ngày trôi qua, Pat, Joe và tôi đã góp phần theo cách riêng của mình vào việc nâng cao nhận thức của bạn bè và đồng nghiệp. Định kỳ, một trong chúng tôi sẽ lén lút vào một văn phòng trống để thông báo cho một đồng nghiệp thiếu thông tin về các diễn biến quân sự hoặc đưa cho anh ta một bản sao của một trong những đánh giá thực địa mới

nhất của tôi, những bản này đang nhanh chóng lan rộng, mặc dù không phải lúc nào cũng được phép, trong Đại sứ quán, giống như một loại samizdat [Samizdat (tiếng Nga: самизда́т, nghĩa đen là "tự xuất bản") là một hình thức hoạt động bất đồng chính kiến trên khắp Khối xã hội chủ nghĩa phương Đông, trong đó các cá nhân sao chép các ấn phẩm tạm thời được kiểm duyệt và ngầm, thường bằng tay, và chuyển các tài liệu từ người đọc này sang người đọc khác.]. Cùng lúc đó, tôi bắt đầu cung cấp thông tin quan trọng cho người bạn cũ Ken Moorefield, cựu trợ lý của Martin, người sau một loạt nhiệm vụ đã trở thành một trong những sĩ quan liên lạc của Đại sứ quán với ICCS. Moorefield lần lượt truyền đạt nội dung thông tin đáng lo ngại nhất của tôi cho hai phái đoàn "thân thiện" ICCS, người Iran và người Indonesia, những

người mà vì lệnh cấm tin xấu của Martin không có cách nào khác để đánh giá những nguy hiểm xung quanh họ.

Trong khi phần lớn chúng ta mò mẫm tìm kiếm góc nhìn, Tướng Smith tiếp tục cố gắng nuôi dưỡng chương trình sơ tán non trẻ của mình đến tiềm năng tối đa. Đến ngày 7 tháng 4, số lượng máy bay vận tải Mỹ ra vào Tân Sơn Nhất đã tăng lên đáng kể, gần một tá máy bay vận tải khổng lồ C-141 bay ra vào mỗi ngày, với một số lượng nhỏ hơn của các máy bay C-1308 nhỏ gọn hơn đến hàng đêm để lấy hàng hóa, và Smith đã thông báo cho nhân viên của mình bắt đầu di chuyển ít nhất một trăm nhân viên không thiết yếu của DAO mỗi ngày.

Nhưng, thật đáng tiếc, các chỉ thị của ông đã không được thực hiện. Một trong những trở ngại chính đối với việc

tăng tốc là sự miễn cưỡng của hàng nghìn nhân viên hợp đồng Mỹ và cựu quân nhân sống ở Sài Gòn và nhận lương từ DAO rời đi mà không có bạn bè Việt Nam của họ. Nhiều người trong số họ đã kết hôn với các cô gái địa phương hoặc có vợ và con cái Việt Nam theo luật chung, nhưng không có sự miễn trừ đặc biệt từ các cơ quan nhập cư ở Washington - dưới hình thức ân xá đặc biệt hoặc một tài liệu pháp lý khác - họ không có quyền di chuyển những "người phụ thuộc" này đến đất Mỹ. Và, vì hầu hết những người phụ thuộc đều không có hộ chiếu và visa xuất cảnh từ chính phủ Sài Gòn (thông thường mất tới sáu tháng và hàng trăm đô la hối lộ để có được chúng), ngay cả những người Mỹ có thể đã cân nhắc việc đưa gia đình Việt Nam của họ đến Hồng Kông hoặc Bangkok cho một "kỳ nghỉ ngắn" cũng bị cản trở.

Với việc các chuyến bay có nguy cơ bị đình trệ, ai đó trong văn phòng của phó Smith, Tướng Baughn, cuối cùng đã quyết định bỏ qua thủ tục rườm rà và bắt đầu bay đưa các phụ thuộc và bạn bè của nhân viên DAO người Việt Nam đến căn cứ không quân Clark ở Philippines mà không cần bất kỳ tài liệu nào. Cuộc không vận "ngầm" này đã giải quyết hiệu quả một vấn đề nhưng cũng tạo ra một vấn đề lớn hơn nhiều, vì nó vi phạm trắng trợn các luật lệ của chính phủ Việt Nam, Philippines và Mỹ.

Từ khi bắt đầu, chuyến bay đưa đóne đến Clark chủ yếu được dành cho nhân viên DAO và gia đình họ. Các nhân viên không thiết yếu khác của Đại sứ quán được kỳ vọng sẽ rời khỏi đất nước bằng máy bay thương mại. Để đẩy nhanh quá trình này, các quan chức Bộ Ngoại giao

(theo gợi ý của Lionel Rosenblatt và nhóm của ông) đã liên lạc với Pan Am vào ngày thứ bảy và yêu cầu thêm các chuyến bay vào Sài Gòn. Các giám đốc điều hành của hãng hàng không không sẵn lòng nhượng bộ đến mức đó, vì các chuyến bay bổ sung sẽ đồng nghĩa với việc tăng thêm nữa mức phí bảo hiểm đã tăng vọt cho tuyến đường Đông Dương, nhưng họ đã đồng ý mở rộng sức chứa của một trong những chiếc 747 đã được lên lịch cho chuyến bay đến Sài Gòn.

Đại sứ quán, trong thời gian đó, đã có một nỗ lực đầu tiên yếu ớt để giải quyết vấn đề «công dân địa phương». Một lực lượng đặc nhiệm nhỏ trên toàn Phái bộ, lấy cảm hứng từ DAO, đã họp vào ngày 5 để thiết lập các hướng dẫn nhằm xác định nhân viên người Việt Nam và những người khác có mối liên hệ trong

quá khứ hoặc hiện tại với người Mỹ có thể dẫn đến sự trả thù của cộng sản. Mỗi cơ quan được yêu cầu lập danh sách "nhân sự chủ chốt Việt Nam," và Shep Lowman, một viên chức Bộ Ngoại giao, được giao trách nhiệm tinh lọc chúng thành một danh sách tổng hợp.

Cùng lúc đó, Polgar bị trụ sở CIA thúc giục tăng tốc việc rút lui của nhân viên không thiết yếu và người phụ thuộc khỏi Trạm. Danh sách không thiết yếu đầu tiên của chúng tôi đã được hoàn thành và phát hành vào ngày thứ tám, và ba mươi bảy nhân viên có tên trong danh sách đó đã được ra lệnh rời khỏi đất nước trên chuyến bay thương mại sớm nhất có thể. Thật buồn là, chỉ có một số ít trong số họ tuân thủ. Một số người cũng gặp phải những rào cản tương tự như những người đồng hương DAO của

họ và không muốn rời bỏ mà không có gia đình hoặc bạn bè Việt Nam. Những người khác đơn giản là đã chịu thua trước những cơn dằn vặt của lương tâm. "Tôi nhớ cô bé Lan ở văn phòng vé của chúng tôi," một trong số họ đã nói với tôi. "Cô ấy đang làm vé máy bay cho tất cả chúng tôi, trong khi biết rằng gia đình mình không có cách nào để thoát khỏi." Khi tôi ghé qua để lấy vé của mình, cô ấy đang khóc. Cô ấy nói với tôi, 'Đất nước của tôi đang chết dần.' Tôi cảm thấy xấu hổ đến mức hủy chuyến bay ngay lập tức.

Có lẽ không thể tránh khỏi, việc lựa chọn những thứ không cần thiết cũng trở thành nguồn gốc của sự căng thẳng và nhầm lẫn tại Trạm. Polgar cũng một phần có lỗi, vì ông thường đặt ưu tiên vào cấp bậc hoặc tình bạn trong việc quyết định ai nên đi hay ở lại.

Những sự ghen tị và cay đắng do những hành động như vậy gây ra cuối cùng đã làm thất bại mục đích của họ. Các nhân viên có lòng tự trọng bị tổn thương thường trì hoãn việc rời khỏi trong nhiều ngày khi họ van xin Polgar xem xét lại trường hợp của họ. Những người khác chỉ đơn giản là lẩn tránh ngày trả phòng mà không nói với ai và rút lui đến quán bar của Khách sạn Duc để uống rượu và phàn nàn với nhau về sự bất công của "hệ thống."

Sự bất công và đôi khi là sự phi lý của các biện pháp cắt giảm cũng đã chứng tỏ là thảm họa đối với nhiều người Việt Nam trong biên chế của CIA, vì nhờ một sự trục trặc hành chính, nhiều nhân viên không cần thiết ban đầu nhất lại là các sĩ quan chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động tình báo trong khu vực ngay

lập tức của Sài Gòn. Khi từng người một trong số họ bị rút khỏi đường phố và gửi về nhà, "các trường hợp" của họ được chuyển giao cho các sĩ quan khác của Đài, những người thường chỉ có kiến thức hạn chế về các điệp viên mà họ thừa kế, không có sự gắn bó cá nhân với họ và không có mối quan tâm đặc biệt đến việc đảm bảo an toàn cho họ trong trường hợp phải sơ tán toàn bộ. Một phần lý do cho việc này là vì vậy mà rất nhiều nhân viên Việt Nam của chúng tôi cuối cùng đã bị bỏ lại.

Ngay cả khi ông bắt đầu cắt giảm nhân sự đầu tiên của chúng tôi, Polgar cũng đã tái cơ cấu lại chỉ huy hàng đầu của Trạm trong nỗ lực đưa những sĩ quan mà ông cảm thấy có thể tin tưởng trong trường hợp khẩn cấp lên hàng đầu.

Bill Johnson, người rõ ràng không nằm trong số ít người được chọn này, đã bị chuyển ra khỏi vị trí trưởng căn cứ Sài Gòn và được giao nhiệm vụ tổ chức một loại mạng lưới gián điệp "ở lại" nào đó - một công việc mà vì sự phản đối của Shackley, được coi là tương đối không quan trọng. Để thay thế ông làm Trưởng căn cứ, Polgar đã chọn Custer từ QK 1, và cũng bổ nhiệm Archer từ QK 2 làm người đứng đầu đội ngũ báo cáo và phân tích của Trạm, trong đó có tôi.

Dù lý do đằng sau những thay đổi này là gì, và một số người cho rằng đó chỉ là sự thân hữu, kết quả là một sự hỗn loạn hoàn toàn. Cả Custer lẫn Archer đều không có kiến thức cơ bản về động lực quân sự hoặc chính trị của khu vực Sài Gòn hay về các nhân vật chính của Việt Nam. Cấp dưới của họ nhận ra điều

này ngay lập tức và phần lớn đã phớt lờ họ, nhường quyền chỉ đạo cho những chuyên gia được công nhận như Johnson. Người Việt xung quanh Sài Gòn cũng làm như vậy (trưởng lực lượng cảnh sát thành phố từ chối gặp Custer mà không kiểm tra với Johnson trước), và kết quả là các đường dây chỉ huy trong Trạm nhanh chóng trở nên rối ren không thể cứu vãn, tạo thêm một trở ngại nữa cho việc lập kế hoạch ứng phó hiệu quả.

Việc thăng chức cho Custer và Archer lại có một hậu quả không may khác, vì nó dường như biểu thị sự chấp thuận chính thức đối với hiệu suất của họ trong quá trình rút lui khỏi QK 1 và 2 cũng như thái độ của họ đối với toàn bộ vấn đề sơ tán. Một trong những bài học khủng khiếp mà kinh nghiệm của họ dạy cho thấy rằng bạn thực sự có thể

sống sót trong bộ máy quan liêu ngay cả khi bạn không thể cứu được các nhân viên người Việt của mình. Ban quản lý sẽ thưởng cho bạn bất kể thế nào.

Đến tuần thứ hai của tháng Tư, cả hai người đã truyền bá tin tức này bằng lời nói và hành động rõ ràng. Trong một chuyến thăm đến Biên Hòa, cách đó mười lăm dặm về phía đông, họ đã trình bày quan điểm của mình với nhân viên lãnh sự quán một cách thẳng thắn đến mức đáng kinh ngạc, nhấn mạnh sự cần thiết phải di tản người Mỹ sớm và nhanh chóng trong trường hợp xảy ra sơ tán. Họ cũng thừa nhận một cách thoải mái rằng họ đã làm rất ít để chuẩn bị trước cho sự an toàn của các nhân viên địa phương ở Đà Nẵng và Nha Trang.

Người đứng đầu căn cứ CIA ở Biên Hòa, "Bill Taggart", và Tổng Lãnh sự Dick

Peters đã lắng nghe lời khuyên của họ và từ đó tập trung kế hoạch sơ tán của chính mình chủ yếu vào việc cứu rỗi các cấp dưới người Mỹ của họ. Một số sĩ quan trẻ của CIA và Bộ Ngoại giao trong đội ngũ của họ, tuy nhiên, đã bị phản cảm bởi những gì Custer và Archer nói với họ. Một trong những người thấy điều đó đặc biệt đáng lo ngại là John Stockwell, Trưởng trạm CIA nhỏ ở Thành phố Tây Ninh. Trong mười hai tháng «trong nước», Stockwell đã phát triển một mối gắn bó cá nhân mạnh mẽ với những người dân địa phương mà ông chăm sóc, cả các điệp viên và các phiên dịch viên của ông, và giờ đây ông quyết tâm làm mọi thứ có thể để đảm bảo an toàn cho họ, bất kể các lời tiên tri từ Sài Gòn nói gì.

Nhưng Stockwell đã phải đối mặt với

một trở ngại thực tế khác biệt với thái độ của cấp trên của mình. Con đường từ Tây Ninh đến Sài Gòn giờ đây đang bị bóng ma của lực lượng cộng sản theo dõi, và mặc dù trực thăng vẫn có thể ra vào, nhiều phi công Air America đã ngần ngại thực hiện chuyến bay vì sự tập trung cao độ của pháo phòng không cộng sản trong khu vực.

Để thêm vào những vấn đề của Stockwell, chính Taggart cũng ngày càng lo lắng về Tây Ninh. Ông đã cố gắng đưa trực thăng vào vài ngày trước, nhưng bị bắn ra bởi hỏa lực mặt đất của quân đội Cộng sản, và bây giờ ông muốn Stockwell rút ngay hai nhân viên Mỹ của mình, ngay cả khi điều đó có nghĩa là bỏ lại hai mươi nhân viên Việt Nam của mình.

Nhưng Stockwell sẽ không xem xét đề xuất này. Ông sẽ giữ nhân viên của

mình tại chỗ, ông nói, cho đến khi trực thăng được cung cấp cho các nhân viên địa phương của ông. Cuối cùng, sau vài ngày cãi vã, Taggart đã nhượng bộ. Tất cả nhân viên và phiên dịch viên của Stockwell đã được bay đến Biên Hòa, đúng như ông ta đã yêu cầu.

Trong những giờ trước bình minh của ngày 8 tháng 4, cuộc chiến xung quanh Sài Gòn đột ngột nóng lên. Các lực lượng cộng sản đã pháo kích một thị trấn huyện ngay phía nam Biên Hòa, các biệt kích tấn công học viện quân sự Thủ Đức cách thủ đô năm dặm về phía đông, và trong ba ngày liên tiếp, các đơn vị của ba sư đoàn BV ở đồng bằng phía bắc đã thực hiện các cuộc tấn công quấy rối vào Quốc lộ 4, chặn đường này trong một thời gian ngắn tại một điểm cách chúng tôi mười lăm dặm về phía nam.

Tôi đến Đại sứ quán vào lúc sáu giờ sáng như thường lệ, xem qua dữ liệu ban đầu sau hành động, và tự hỏi một cách ảm đạm liệu thành phố có giữ được sự miễn dịch lâu dài không.

Khoảng hai giờ sau, tôi gọi cho một người bạn ở USAID cách đó vài dãy nhà để trao đổi một số tin đồn về kế hoạch sơ tán. Chưa kịp nói hết câu thì câu hỏi mà tôi tự đặt ra chỉ một lúc trước đã được giải quyết một cách dứt khoát và có phần đột ngột. Cảnh báo đầu tiên đến với một loạt tiếng súng nổ trên đường phố. Rồi đột nhiên tiếng rít của động cơ phản lực vang lên khắp Đại sứ quán như một cơn sóng xung kích, tiếp theo là một vụ nổ lớn khiến những chiếc cửa sổ nhựa của tôi rung lên trong khung như những chiếc trống timpani mong manh.

"Cái quái gì vậy !" bạn tôi gầm lên ở

đầu dây bên kia. Không thèm trả lời, tôi thả điện thoại xuống và cúi mình sau bàn làm việc, lục lọi trong cặp để tìm khẩu súng tự động 45 của mình. Gần như ngay lập tức, vài thư ký từ văn phòng bên cạnh lao qua tôi đến cửa sổ để cố nhìn ra ngoài. Tôi túm lấy một người trong số họ và kéo cô ấy xuống sàn. "Tránh xa cửa sổ đó ra !" Tôi hét lên với những người còn lại. "Tránh ra và nằm xuống !" Chỉ vài phút sau, sau khi buộc họ phải đứng sau ghế và bàn, tôi lao xuống hành lang đến văn phòng của Polgar. Nhưng ông ta, cũng dường như không nhận ra nguy hiểm và đang đứng vui vẻ bên cửa sổ của mình, cố gắng nhìn ra ngoài qua các lỗ hổng trên tấm chắn pháo bằng bê tông.

"Có vẻ như ai đó đã đánh bom Dinh Độc Lập", anh ta nói dài dòng, giọng nói căng thẳng và mỏng manh. "Lên mái nhà

và xem có thể thấy thiệt hại không."

Dinh Tổng thống nằm ở cuối đại lộ Thống Nhất, trong tầm nhìn dễ dàng từ Đại sứ quán, nhưng thành thật mà nói, nơi cuối cùng tôi muốn ở vào lúc này là trên mái nhà của chúng tôi, cố gắng đánh giá tác động của một cuộc không kích đang diễn ra. Nhưng lệnh là lệnh, và với tư cách là một cấp dưới trung thành, tôi ngay lập tức hướng về cầu thang nội bộ để làm theo lệnh của Polgar.

Khi tôi bước ra mái nhà, tôi thấy một làn khói cuộn lên từ một góc bị hư hại của Cung điện cách đó chưa đầy một dặm. Tôi cũng phát hiện ra rằng tôi sẽ không cô đơn trong ca trực của mình, vì các thư ký và nhân viên khác của Đại sứ quán đã vội vàng lên mái nhà để xem buổi biểu diễn. "Một chiếc A-37," ai đó đã hét lên với tôi. "Ba lần bay qua." Đánh

vào Dinh ở lần cuối cùng." Nhưng bây giờ tôi hầu như không còn nghe thấy gì. Sự chú ý của tôi, mọi giác quan của tôi, đều bị cuốn hút vào ánh sáng rực rỡ của bầu trời buổi sáng ở phía đông nơi chiếc máy bay lần đầu tiên xuất hiện. Tôi nhìn chằm chằm vào mặt trời, quét mặt trời để tìm một đốm đen đang bay tới, cố gắng tìm tiếng động cơ rên rỉ báo hiệu một lần bay qua khác. Lần sau, phi công có thể nhắm vào chính Đại sứ quán, và nếu anh ta làm vậy, hai mươi hoặc ba mươi người chúng tôi đang chen chúc trên các bức tường thành kia sẽ bị thổi bay như những con chim đất.

Nhưng may mắn thay, đốm sáng đã biến mất, và sự tĩnh lặng đã bao trùm con phố bên dưới sau cú lao xuống cuối cùng của máy bay dần nhường chỗ cho những tiếng nói ồn ào và tiếng còi xe

điên cuồng khi những người đi bộ Việt Nam kéo mình ra khỏi cống rãnh và dưới gầm xe nơi họ đã tìm kiếm nơi trú ẩn tạm thời.

Khi tôi cuối cùng quay lại tầng dưới, một thư ký đang giữ một cuộc gọi điện thoại cho tôi. Đó là Tú Hà, gọi từ căn hộ của cô ấy. Cô ấy đang khóc nức nở và tôi khó mà nghe rõ cô ấy đang nói gì. «Họ có ở đây không ?» cô ấy nói lắp bắp. «Việt Cộng có ở Sài Gòn không ?»

Không, chắc chắn là không, Tú. Bạn có ổn không ?

"Được rồi," cô ấy nói, "nhưng sợ." Khi tiếng nổ lớn đó vang lên, tôi đã "Vâng ?" Tôi dỗ dành, cố gắng tỏ ra bình tĩnh và không lo lắng.

"Tôi đang tắm."

"Chà, bạn đã gặp may," tôi nói, không thể nhịn cười. "Nhà tắm là một nơi an toàn." Xa khỏi cửa sổ.

"Không, thật khủng khiếp," cô ấy khăng khăng. "Tôi không muốn chết mà trên người không có quần áo."

Tôi lại cười và trấn an cô ấy rằng mọi chuyện đều ổn. Nhưng khi tôi cúp máy, tôi không thể không thắc mắc về phản ứng kỳ lạ của cô ấy. Tú Hà, sau cùng, đã dành phần lớn thời thơ ấu của mình để né tránh đạn pháo trên những con phố của làng quê mình ở đồng bằng, và nhiều năm tuổi thơ cô ấy làm việc trong các quán bar trên đường Tự Do. Và bây giờ, như thể cô vẫn còn là một người vô tội trong thế giới này, cô đang lo lắng về việc chết trần truồng !

Khi tôi vội vã vào văn phòng của

Polgar, ông ấy đã ngồi bên máy đánh chữ, gõ ra một báo cáo sau hành động cho Washington. Ông dừng lại đủ lâu để nhận cuộc gọi từ một nguồn tin tại Dinh TT : Chỉ có một quan chức nhỏ bị thương. Ông Thiệu đã an toàn.

Chỉ vài phút sau, một thư ký chạy vào với một bản tin của điệp viên đã nằm trong hộp thư của ai đó từ đêm trước. Theo báo cáo, chỉ huy của Phi đoàn Không quân Tactial 23 tại Tân Sơn Nhất đã tiếp cận hai sĩ quan vào chiều hôm trước và đề xuất một cuộc không kích vào Dinh, ngụ ý rằng ông ta đang nói thay cho Không quân trưởng Nguyễn Cao Kỳ.

Tướng Timmes ngay lập tức được cử đến nhà ông Kỳ ở Tân Sơn Nhất để cố gắng kiểm tra câu chuyện. Tướng Không quân đã mạnh mẽ phủ nhận việc ông có

liên quan đến vụ đánh bom.

Sau đó, đài phát thanh bí mật "Đài Giải phóng" của Cộng sản tuyên bố rằng một sĩ quan không quân miền Nam Việt Nam, Nguyễn Thành Trung, đã chịu trách nhiệm. Theo lời phát thanh, Trung đã lâu là một điệp viên cộng sản và đã chuẩn bị cho cuộc tấn công trong nhiều tháng. Tuy nhiên, các nguồn tin của CIA nhanh chóng đưa ra một góc nhìn khác, cho rằng Trung chỉ là một phi công bối rối cố gắng làm một việc tốt cho Kỳ mà không có sự đồng ý hay chấp thuận của ông.

Dù sự thật là gì, sự cố này đã cung cấp cho chúng ta một số bài học quan trọng. Quan trọng nhất, giống như không có gì khác trong những năm gần đây, nó đã nhấn mạnh sự dễ bị tổn thương của Sài Gòn. Dù cho tất cả các hệ thống vũ khí

tinh vi và hệ thống cảnh báo mà người Mỹ đã lắp đặt xung quanh thành phố, chính phủ vẫn không thể ngăn chặn một phi công quyết tâm lao vào điểm yếu.

Đại sứ quán cũng đã bị khiển trách, vì giờ đây rõ ràng là rất ít người trong chúng ta biết cách hành xử khi đối mặt với hỏa lực thù địch trực tiếp.

Alan Carter, giám đốc USIA, thấy sự việc này đặc biệt cảm động. Ngay sau khi máy bay bay qua lần đầu tiên, ông đã gọi điện đến văn phòng hành chính của Boudreau tại Đại sứ quán và hỏi phải làm gì. Vì trụ sở USIA nằm khá gần Dinh, ông có lý do chính đáng để lo lắng. Một trong những cấp dưới của Boudreau đã nhận cuộc gọi, nhưng không thể nghĩ ra điều gì tốt hơn để nói với Carter ngoài câu "hãy dùng phán đoán của bạn."

"Vậy, chúng ta có nên cố gắng chuyển đến Đại sứ quán không ?" Carter hỏi. "Sử dụng phán đoán của bạn," người quản trị lặp lại.

"Làm sao tôi có thể sử dụng phán đoán của mình," Carter nói lắp bắp, mất hết kiên nhẫn và bình tĩnh, "nếu tôi không biết chuyện gì đang xảy ra !" Chúng ta cần sự hướng dẫn ở đây."

Ngày hôm sau, Carter đã sử dụng quỹ dự phòng của mình và mua ba trăm năm mươi đô la khẩu phần C[1] và vật tư

1 loại lương thực phát cho binh sĩ dùng khi đi hành quân nên gọi là C-Ration, viết tắt của Combat Rations. C-Ration được phân chia ra ba bữa ăn: sáng, trưa và tối. Mỗi bữa ăn lại gồm có nhiều món khác nhau. Bữa điểm tâm gồm một gói bánh quy, một thanh chocolate, một gói trà chanh, thịt gà đóng hộp và một thanh kẹo cao su. Bữa ăn trưa gồm một gói bánh quy, bốn viên đường, thịt bò đóng hộp, bánh trái cây và một gói cà phê. Bữa ăn tối cũng gồm một gói bánh quy, thịt gà đóng hộp, kẹo caramel, súp và bốn điếu thuốc lá. Thuốc lá gồm nhiều loại, trúng thứ nào hút thứ đó. Pall Mall, Winston, Benson and Hedges. Nhưng kể từ năm 1972, thuốc lá bị cắt.

y tế cho khu phức hợp USIA. Nhân viên của Boudreau đã lắp đặt một chiếc ra-dio đặc biệt để Carter có thể liên lạc với Đại sứ quán trong trường hợp khẩn cấp. Nhưng đó là mức độ phản ứng của họ đối với những lời cầu xin của ông, và vào ngày cuối cùng của cuộc chiến, Carter và nhân viên của ông lại một lần nữa bị bỏ rơi và lãng quên.

Khi Sài Gòn chịu đòn đầu tiên, các đồng nghiệp của chúng tôi cách một giờ bay ở Phnom Penh đang đối mặt với đòn chí mạng. Đến ngày 8 tháng 4, chỉ còn không quá năm mươi tám quan chức Mỹ vẫn ở lại thủ đô Campuchia, cùng với ba mươi lăm nhà ngoại giao nước ngoài khác, hầu hết trong số họ giờ đây đang bận rộn đóng gói đồ đạc. Đại sứ Dean đã đề nghị một ngày trước đó để sơ tán tất

cả 300 nhân viên Campuchia của Đại sứ quán, nhưng ít người trong số họ tỏ ra quan tâm. Nếu có một điều mà một Phật tử Theravada (loại chính ở Campuchia) sợ hơn cả cái chết, đó là chết ở nơi đất khách quê người.

Trong khi đó, các nhà cộng sản Khmer tiến sát hơn về thành phố, chiếm một trạm kiểm soát của chính phủ cách sân bay bốn dặm vào buổi chiều ngày mùng tám. Việc pháo kích vào sân bay tiếp tục không ngừng, mặc dù trung tâm Phnom Penh vẫn chưa bị ảnh hưởng. Chẳng bao lâu sau, cảnh sát Khmer bắt đầu chặn xe của Đại sứ quán trên đường đến sân bay, ostensibly để tìm kiếm những người tị nạn Campuchia bất hợp pháp. Dean và nhân viên của ông đã phản ứng với sự lo lắng, vì một số sĩ quan quân đội nổi loạn đã đe dọa sẽ bắt người Mỹ làm con tin để

đảm bảo an toàn cho chính họ.

Một người bạn của tôi đã ở Campuchia nhiều năm viết trong nhật ký cá nhân của mình : "Bây giờ chúng ta đã trở nên không cần thiết, cả đối với chính phủ Campuchia lẫn Kissinger".

23. Rọi đèn chiếu

Cuộc không kích vào Dinh ĐL sáng thứ Ba, ngày 8 tháng 4, đã buộc tôi phải hủy cuộc họp báo cáo tình hình quân sự hàng tuần với Hội đồng Nhiệm vụ, các nhân viên cấp cao của Martin. Tôi sẽ không bao giờ làm một cái nữa, một phần vì Polgar ngày càng ngần ngại khi phải đối mặt với sự thật có thể làm sợ hãi các đồng nghiệp cấp cao của mình và một phần vì cả ông ấy và Martin đều tin rằng đàm phán, chứ không phải chiến tranh, mới là chìa khóa cho tương lai của Sài Gòn.

Cả hai người đã đi đến kết luận này từ những quan điểm hoàn toàn khác nhau. Chính sự bi quan về tình hình quân sự đã khiến Polgar tìm đến lựa chọn chính trị như là cách duy nhất để cứu Sài Gòn khỏi bị thiêu rụi, trong khi Martin sẵn sàng theo đuổi các cuộc đàm phán vì ông tin rằng chính phủ vẫn có khả năng dẫn dắt từ sức mạnh. Hơn nữa, Polgar hoàn toàn sẵn sàng loại bỏ Thiệu và những người đồng minh của ông ta để bắt đầu các cuộc đàm phán, trong khi Martin, tin rằng chính phủ vẫn còn khả thi, cảm thấy rằng nó phải được bảo tồn và củng cố cho những cuộc mặc cả chính trị sắp tới. Những khác biệt như vậy cuối cùng sẽ gây ra sự ma sát đáng kể giữa họ khi họ theo đuổi mục tiêu chung, nhưng ít nhất ban đầu họ đang hướng tới cùng một hướng chung.

Từ đầu đến cuối, bằng chứng mà họ dựa vào để hy vọng vào một thỏa thuận chính trị thật sự mỏng manh đến đau lòng. Về mặt tích cực, có những nhận xét của Bộ trưởng Ngoại giao của Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam vào ngày 2 tháng 4 rằng chính phủ của bà có thể sẵn sàng đàm phán với Sài Gòn nếu như Thiệu từ chức trước đó. Kể từ đó, các phát ngôn viên của PRG ở Stockholm và các điểm nghe khác ở châu Âu đã nhắc lại quan điểm này.

Tuy nhiên, tầm quan trọng của những dấu hiệu mơ hồ như vậy phải được đặt câu hỏi một cách nghiêm túc. Một điều là, Bắc Việt thường đưa ra lời hứa về đàm phán chỉ như một cách để làm suy yếu sự ủng hộ đối với ông Thiệu. Ngoài ra, độ tin cậy của các nguồn tin từ Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt

Nam (PRG) vẫn còn rất đáng nghi ngờ. Trong nhiều năm, Hà Nội thường xuyên sử dụng PRG như một phương tiện để che giấu, thay vì làm rõ, ý định của mình; thực tế, những người phát ngôn của PRG ở châu Âu, những người hiện đang tuyên bố về triển vọng đàm phán, chưa bao giờ được CIA hoặc bất kỳ ai khác trong chính phủ Hoa Kỳ coi là một cửa sổ đáng tin cậy để nhìn vào suy nghĩ của Hà Nội.

Do đó, cần một bước nhảy vọt gần như vĩ đại của lòng tin để tin rằng các cuộc đàm phán vẫn còn khả thi. Nhưng Polgar và Martin đã thực hiện bài thể dục trí tuệ này mà không gặp khó khăn gì cả.

Chắc chắn một trong những lý do họ làm như vậy là do sự tuyệt vọng. Thật khó khăn cho bất kỳ ai trong Đại sứ quán vào

những ngày đó để có thể bỏ qua những tia hy vọng le lói trên chân trời ! Nhưng cũng có một ảnh hưởng cụ thể hơn đang đè nặng lên họ, liên tục củng cố những ảo tưởng của họ. Vì vô số lý do khác nhau, nhiều chính trị gia Việt Nam và các quan sát viên nước ngoài khác ở Sài Gòn cũng đã trở nên tự tin vào đầu tháng Tư rằng một thỏa thuận chính trị, hoặc ít nhất là một sự đầu hàng hòa bình dưới vỏ bọc của các cuộc đàm phán, có cơ hội. Trong bầu không khí căng thẳng của những tuần cuối cùng, những "người lạc quan" này đã khuyến khích nhau trong những hy vọng hão huyền của riêng họ, và củng cố thêm hy vọng của Polgar và Martin.

Dễ đoán, những người tuyệt vọng nhất tìm kiếm giải pháp từ bàn hội nghị là những người tin với Polgar rằng người Việt Nam Cộng Hòa đã thua cuộc chiến.

Đến tuần thứ hai của tháng Tư, tâm lý này đã lan sâu vào cả những người thân cận nhất của Thiệu, và áp lực yêu cầu ông từ chức, như một bước đầu tiên để hòa giải với các nhà lãnh đạo Cộng sản, đang gia tăng ngay cả trong số những người từng là những người ủng hộ trung thành nhất của ông. Thủ tướng sắp mãn nhiệm Khiêm có lẽ là người kiên quyết nhất trong số những người trung thành đã trở thành kẻ kích động, và chính ông là người đã tạo ra vết nứt đầu tiên giữa Thiệu và nội các mới của ông. Gặp gỡ Bộ trưởng Quốc phòng được chỉ định Trần Văn Đôn vào ngày mùng bảy, ông đã thuyết phục ông Đôn rằng ông Thiệu phải bị lật đổ vì lợi ích của đất nước.

Thực ra Đôn không cần thuyết phục nhiều. Là một người cơ hội theo bản năng và một kẻ mưu đồ theo thói quen,

ông đã bị cuốn vào các mưu đồ chống Thiệu thông qua sự can thiệp của một bên ngoài hoàn toàn bất ngờ. Vào ngày 1 tháng 4, trong một lần dừng chân ở Paris sau kỳ nghỉ ở nước ngoài, Đôn đã được các đại diện của Thủ tướng Pháp Jacques Chirac liên lạc và được yêu cầu đến Cung điện Élysée để phỏng vấn. Trong cuộc gặp gỡ (như Đôn đã kể lại), Chirac đã nói với ông rằng miền Nam Việt Nam đã xong, rằng "ba cường quốc" đã đồng ý - "ils sont d'accord" - rằng Sài Gòn nên được chuyển giao cho Hà Nội, và rằng người Bắc Việt đã sẵn sàng chấp nhận giải pháp như vậy, với điều kiện nó có thể được hoàn tất trong vòng tám ngày thông qua sự trung gian của Pháp.

Trước khi rời Paris, Đôn đã mở các liên lạc riêng tư với phái bộ PRG ở đó và với Hoàng đế Bảo Đại lưu vong, người

mà một số người mơ mộng tin rằng có thể đóng vai trò cầu nối giữa hai bên. Một ngày sau đó, khi trở lại Sài Gòn, ông đã nhờ một người bạn lâu năm thiết lập một kênh bí mật cho ông đến với phong trào cộng sản địa phương. Cuối cùng, sau khi tất cả những việc này được hoàn thành, ông đã gọi cho Thiệu để thông báo cho ông ta về những gì Chirac đã nói với ông.

Ông Thiệu, không cần phải nói, đã không bị lay chuyển, và khăng khăng rằng người Pháp đang nói dối. Sau đó, vào chiều ngày thứ năm, Đôn nhận được một cuộc gọi đường dài từ văn phòng của Chirac ở Paris, nhắc nhở anh rằng chỉ còn ba ngày nữa là hết hạn mà cộng sản đã đặt ra cho một thỏa thuận. Không thể lay chuyển Thiệu, Đôn không thể đưa ra hy vọng rằng nó sẽ được thực hiện.

Trong bối cảnh này, cuộc gặp gỡ giữa Đôn và Khiêm diễn ra vào ngày mùng bảy. Vì Đôn không thấy cách nào khác để mang lại hòa bình cho đất nước, ông đã nhanh chóng đồng tình với lập luận của Thủ tướng rằng Thiệu phải ra đi.

Người mà Đôn và Khiêm đồng ý ủng hộ làm người thay thế Thiệu không ai khác chính là đồng chí cũ của họ, Tướng Dương Văn Minh. Năm 1963, họ đã cùng với Minh thành lập bộ ba lật đổ Tổng thống Diệm. Bây giờ họ tin rằng liên minh cũ của họ có thể được phục hồi để giải phóng đất nước khỏi một kẻ độc tài khác đã hết thời. *

*[Minh, Đôn và Khiêm đã cùng nhau thực hiện âm mưu dẫn đến vụ ám sát Diệm và người anh em khét tiếng

của ông là Ngô Đình Nhu vào đầu tháng 11 năm 1963. Vài tuần trước đó, với sự đồng biết và chấp thuận của Đại sứ quán Mỹ (và Washington, vì một bức điện gần đây đã đến từ Trợ lý Ngoại trưởng Roger Hilsman chỉ ra rằng Đại sứ quán không nên cố gắng ngăn chặn bất kỳ âm mưu nào), ba kẻ đồng mưu người Việt, cũng như một số sĩ quan quân đội khác, đã gặp nhau tại khuôn viên JGS để vạch ra một kế hoạch. Tướng Nguyễn Ngọc Lễ là người đầu tiên đề xuất giết Diệm, nhưng công việc thực sự được giao cho vệ sĩ cá nhân của Minh, Đại úy Nhung. Vào đêm của cuộc đảo chính, Nhung đã nhét Diệm và Nhu vào một xe bọc thép và sau đó bắn cả hai người vào đầu khi xe dừng lại ở một điểm giao nhau đường sắt ở ngoại ô Sài Gòn. Nhung sau đó được phát hiện treo cổ bằng dây thừng trong phòng ngủ của chính mình. Được

cho là anh ta đã tự tử vì hối hận.]

Trong nhiều năm, Minh đã được coi là Hamlet già nua của chính trị Việt Nam cả trong nước lẫn quốc tế, do dự đến mức tê liệt. Sau cuộc đảo chính năm '63, ông đã bị các tướng trẻ không còn kiên nhẫn với ông đẩy sang một bên một cách đột ngột, và người Mỹ cũng đã tìm kiếm một người phát ngôn và đại diện khác cho sự nghiệp của họ ở Việt Nam. Chỉ có Tướng Timmes của CIA là người duy nhất đã cố gắng giữ liên lạc với ông, thường xuyên gặp ông để chơi tennis tại Cercle Sportif.

Sự sụp đổ của QK 1 và 2, tuy nhiên, gần đây đã làm mới hình ảnh của Minh. Hầu như chỉ sau một đêm, ông đã trở thành cầu nguyện cuối cùng của những người khao khát một giải pháp thương lượng - một phần vì ông là nhân vật

chính trị duy nhất không cam kết ở Sài Gòn dường như thu hút được sự chú ý từ phía cộng sản.

Minh thì cho rằng mình rất phù hợp với vai trò mà nhiều người hiện nay mong muốn giao cho ông. Một người tự nhận mình là trung lập, ông đã từ lâu tin rằng có nhiều người khác trong tình trạng lấp lửng của chính trị Sài Gòn có thể được tập hợp lại với chính phủ nếu có cách nào đó để mở rộng sức hấp dẫn của nó. Như ông đã nói với Timmes vào đầu tháng Tư, ông chắc chắn rằng ông sẽ có thể tiếp cận họ. Minh cũng tin rằng bản thân Mặt trận Giải phóng miền Nam và những nhân vật chủ chốt của nó có tính cách phương Nam hơn là cộng sản, và nếu được lựa chọn giữa một Việt Nam thống nhất do Hà Nội thống trị và một liên minh với những "người trung

lập" khác ở Sài Gòn, họ sẽ chọn phương án sau. *

*[Quan điểm của Minh về các tổ chức mặt trận miền Nam có nguồn gốc từ giữa những năm 1950 khi ông đã kết bạn với Nguyễn Hữu Thọ, một luật sư ở Sài Gòn, người sau này bị cộng sản lợi dụng để đứng đầu Mặt trận Giải phóng miền Nam. Minh vẫn tin tưởng cho đến ngày cuối cùng của cuộc chiến rằng những người như Thọ nợ lòng trung thành của họ trước tiên với miền Nam, và sau đó với Hà Nội, và do đó có thể bị điều khiển để ủng hộ một liên minh trung lập ở Sài Gòn.]

Cuối tháng Ba, ngay sau khi mất Huế, Minh đã bắt đầu chơi bài chính trị một cách nghiêm túc, liên lạc với người đứng đầu Mặt trận Dân tộc Giải phóng và chủ tịch của Mặt trận Giải phóng

miền Nam Việt Nam. Vì em trai của ông là một quan chức cấp cao của Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam (PRG), ông có thể theo đuổi những mối liên hệ này một cách khá không chính thức, mà không phải cam kết trước. Đồng thời, khi biết về những cuộc trao đổi của Đôn với Chirac, ông đã cố gắng kéo Pháp về phía mình một cách công khai, tuyên bố rằng họ có một "vai trò" quan trọng trong việc tìm kiếm một giải pháp. Người Pháp nhanh chóng mắc câu, và vào chính ngày Khiêm và Trần Văn Đôn đồng ý hợp tác chống lại Thiệu, Đại sứ Pháp tại Sài Gòn đã yêu cầu và có một cuộc phỏng vấn bí mật với Minh.

Hai ngày sau, Minh mời Khiêm đến biệt thự của mình để trò chuyện. Thừa nhận rằng ông đã liên lạc bí mật với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt

Nam, ông tuyên bố rằng người Pháp coi ông là một lựa chọn khả thi thay thế cho Thiệu và có khả năng đạt được thỏa thuận với cộng sản. Cuối cuộc trò chuyện, Khiêm đã hứa sẽ ủng hộ ông hết mình.

Trong suốt quá trình điều động này, các đặc vụ CIA đã giữ cho Đại sứ quán được thông báo về từng bước ngoặt và diễn biến mới, và khi thông tin tình báo tích lũy, Polgar và Đại sứ đã được củng cố trong giả định rằng đàm phán là một lựa chọn khả thi.

Tuy nhiên, không phải Minh hay Khiêm đã nuôi dưỡng những hy vọng này đến độ nở rộ, mà chính người Pháp. Từ khoảnh khắc Chirac liên lạc với Trần Văn Đôn, họ đã trở thành lực lượng chính trong việc tìm kiếm một thỏa thuận chính trị vào phút chót và vô tình giúp Sài Gòn đến bờ vực tự hủy diệt.

Tại sao họ lại tham gia sâu sắc và đầy tính hoài nghi vào mưu đồ "hòa bình" chỉ có thể được đoán định. Một phần động cơ của họ có thể là một sự thúc đẩy đơn giản hướng tới báo thù. Các nhà Gaullist cũ trong Bộ Ngoại giao Pháp chưa bao giờ quên, hoặc tha thứ, cho sự từ chối của Washington vào giữa những năm 1960 khi không cho phép họ thử làm trung gian hòa giải kết thúc chiến tranh. Sự sụp đổ của lệnh ngừng bắn do đó được nhiều người trong số họ coi là một sự trả giá thích đáng cho người Mỹ - và như một cơ hội chính trị cho họ, cung cấp một cơ hội vô song để khôi phục một phần ảnh hưởng đã mất của Pháp ở Đông Dương. **

**[Người Pháp cũng tiếp tục có một khoản đầu tư kinh tế đáng kể - ước tính khoảng 275 triệu đô la - gắn bó với miền

Nam Việt Nam, và điều này chắc chắn đã góp phần vào sự quan tâm chính trị lâu dài của họ đối với đất nước này.]

Có lẽ, họ cũng bị thúc đẩy bởi một sự hiểu lầm cơ bản về chính các nhà cộng sản Việt Nam. Các chuyên gia Đông Dương của Bộ Ngoại giao từ lâu đã tin rằng "phong trào cách mạng" ở Việt Nam bị chia rẽ hơn nhiều so với những gì người Mỹ tuyên bố. Giống như Minh, họ thấy nửa phía nam của bộ máy cộng sản, đứng đầu bởi Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (PRG), không phải là công cụ của Hà Nội mà là một lực lượng độc lập, có khả năng hành động độc lập. Dựa trên kinh nghiệm lịch sử, họ cũng cảm thấy rằng Hà Nội sẽ không bao giờ cố gắng chiếm đoạt quyền lực một cách công khai, mà sẽ cố gắng che giấu ý định của mình bằng cách làm

việc ban đầu thông qua một thỏa thuận liên minh. *

*[Hội chứng "chính phủ liên hiệp" là di sản của giai đoạn chuyển tiếp những năm 1940 ở Đông Dương, và nhiều người trong chúng tôi ở Sài Gòn vẫn phải chịu đựng nó. Vào tháng 8 năm 1945, Hồ Chí Minh đã bước vào khoảng trống chính trị do Nhật Bản bại trận và Pháp Vichy bị mất uy tín để thành lập một chính phủ liên hiệp giả tạo ở Hà Nội nhằm cai trị một Việt Nam thống nhất. Hồ hầu như không có nhiều sự ủng hộ hơn so với nhiều phe phái dân tộc chủ nghĩa khác trong nước vào những ngày đó, và biết điều này, ông đã chọn cơ chế liên minh như một cách để thu hút sự ủng hộ cho bản thân. Thí nghiệm này không kéo dài lâu. Kết quả của các quyết định được đưa

ra tại hội nghị Potsdam, lực lượng Anh, đổ bộ vào Sài Gòn, đã nhanh chóng mở đường cho việc khôi phục lại chế độ thực dân Pháp ở Việt Nam, và đất nước lại bị cuốn vào chiến tranh. Dựa trên kinh nghiệm ngắn ngủi năm 1945, tuy nhiên, người Pháp và những người khác vẫn tiếp tục tin rằng chính trị liên minh là một phần không thể thiếu trong chiến lược của cộng sản Việt Nam.]

Cuối tháng Ba và đầu tháng Tư, những tuyên bố mơ hồ từ PRG và Hà Nội về triển vọng hòa bình đã củng cố các lý thuyết âm mưu của người Pháp, và khiến họ tin rằng những rivalries lâu dài giữa các nhà cách mạng miền Bắc và miền Nam cuối cùng đã bùng nổ ra ngoài. Nếu ngoại giao Pháp nhanh chóng can thiệp vào khoảng trống, họ

suy luận, có khả năng cuộc chiến có thể được kết thúc theo cách có lợi cho lợi ích của Pháp.

Mục tiêu mà họ đặt ra cho chính mình thực chất là một sự trở lại với lịch sử, một sự phục hồi (với một số biến thể) của nước Việt Nam đã tồn tại trong suốt phần lớn thời kỳ thuộc địa Pháp. Bên cạnh Bắc Kỳ lịch sử (nay là miền Bắc do cộng sản chiếm ưu thế), một chế độ liên minh sẽ được hình thành ở miền Trung Việt Nam (QK 1 và 2), nơi mà trước đây người Pháp đã cai trị thông qua Hoàng đế Bảo Đại. Ở phía nam, tại vùng Nam Việt (Cochinchina) cũ (QK 3 và 4), chế độ của Thiệu sẽ nhường chỗ cho một chính phủ có nền tảng rộng rãi hơn, có khả năng đối phó với Hà Nội và các chính quyền mới ở phía bắc.

Để biến Việt Nam bị phân chia này thành hiện thực, người Pháp đã nghĩ ra một chiến lược bốn mũi nhọn. Hà Nội phải được thuyết phục rằng lợi ích của họ nằm trong các cuộc đàm phán. Thiệu phải được thuyết phục rằng sự lựa chọn của ông là từ chức. Tướng Minh sẽ được chuẩn bị trở thành người kế nhiệm của ông, và người Mỹ sẽ được thuyết phục rằng lựa chọn duy nhất khả thi của họ là lựa chọn mà chính sách Pháp đã vạch ra cho họ.

Vào thời điểm Đà Nẵng bị mất, người Pháp đã bắt đầu một nỗ lực đầy tham vọng để hiện thực hóa những mục tiêu này. Các cuộc trao đổi bí mật đã được mở ra với các lãnh đạo Bắc Việt ở "cấp độ tổng thống," và với các đại diện của Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Paris, và một số sĩ quan quân

đội Pháp đã nghỉ hưu, những người từng phục vụ ở Đông Dương, đang trên đường đến Sài Gòn để cố gắng thuyết phục các đồng đội cũ người Việt rằng các cuộc đàm phán theo hướng mà Paris ưa thích là cần thiết.

Những lời đề nghị của Pháp với Trần Văn Đôn vào ngày 1 tháng 4 là một phần của cuộc đàm phán này và chắc chắn đã được thực hiện một cách thiện chí. Trong các cuộc trò chuyện gần đây với các đại diện Bắc Việt và Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam (PRG) ở nhiều cấp độ khác nhau, người Pháp đã được đảm bảo rằng có cơ hội cho việc chuyển giao quyền lực qua thương lượng ở Sài Gòn, nếu được thực hiện trong vòng tám ngày thông qua các văn phòng của Pháp. Tuy nhiên, độ tin cậy của những đảm bảo này nên ngay lập tức bị đặt câu hỏi tại Quai

d'Orsay, vì trong vòng một hoặc hai ngày sau cuộc trao đổi giữa Chirac và Trần Văn Đôn, các nhà ngoại giao Pháp tại Hà Nội đã gửi một thông điệp khẩn cấp đến Paris cảnh báo rằng triển vọng cho một thỏa thuận thương lượng đang bị đánh giá quá cao và rằng người Bắc Việt dường như cam kết với chiến thắng ngay lập tức và toàn diện. Hầu như trùng hợp ngẫu nhiên, như để xác nhận dự đoán này, Phái bộ Bắc Việt tại Paris đã thông báo cho các quan chức Pháp rằng điều kiện tiên quyết cho mọi thứ là việc loại bỏ Thiệu và cắt đứt mọi mối quan hệ giữa Sài Gòn và người Mỹ - một công thức rõ ràng không để lại chỗ cho việc thương lượng. Vào ngày 5 tháng 4, người Pháp đã chuyển những yêu cầu này cho Washington, có lẽ vì tin rằng người Mỹ sẽ gạt bỏ lòng tự trọng và đồng ý với chúng.

Kissinger thì không dễ dãi như vậy. Theo đánh giá của ông, đề xuất ba Việt Nam do Pháp đưa ra chỉ là một nỗ lực vụ lợi để thao túng chính trị, một nỗ lực sẽ để lại cho họ ảnh hưởng thống trị ở Đông Dương. Và trong chừng mực nó ngụ ý một giải pháp "ngoài pháp luật" cho các vấn đề của Sài Gòn - Tướng Minh có lẽ sẽ phải vượt qua hiến pháp của Sài Gòn để nắm quyền - ông lo sợ rằng kết quả sẽ là sự hỗn loạn, đe dọa đến mạng sống của người Mỹ. Vì vậy, ông đã khuyên Paris vào ngày mùng bảy rằng các yêu cầu của Hà Nội là không thể chấp nhận được.

Sau đó, cảnh hành động lại chuyển sang Sài Gòn.

Jean-Marie Mérillon, Đại sứ Pháp nhỏ nhắn và gầy guộc tại Nam Việt Nam,

có hai niềm đam mê lớn nhất, công việc của ông và bắn súng thể thao. Kể từ khi ông đến đây chưa đầy một năm trước, ông đã chứng tỏ mình là người thành thạo cả hai lĩnh vực này. Tôi đã từng thấy một bức ảnh của ông ấy chụp trong một cuộc săn ở Ban Mê Thuột. Ông ấy được chụp hình đứng trên một con hươu mà ông đã săn được trong một chuyến đi đêm. Đầu tiên, có vẻ như ông đã làm cho con vật mù đi bằng một chiếc đèn pin, rồi bắn nó khi nó đứng ngơ ngác. "Đánh đèn" là sở trường của Đại sứ, cả trong ngoại giao lẫn trong rừng. Ông sẽ áp dụng cùng một kỹ thuật ở Sài Gòn trong những tuần cuối của cuộc chiến, làm cho các mối liên hệ chính trị của ông choáng ngợp với ánh sáng rực rỡ của những hy vọng và lời hứa phóng đại, và do đó khiến họ trở nên dễ bị tổn thương trước những sự can thiệp cuối cùng của ông

và, vô tình, của Hà Nội.

Trong tuần đầu tiên của tháng Tư, ông đã thử chiến thuật này trên em họ của Thiệu, Hoàng Đức Nhã. Quảng bá tính khả thi của một Việt Nam tam phân, ông đã thúc giục Nhã ủng hộ việc hiện thực hóa điều đó. Không có chút mỉa mai nào, ông đã dẫn chứng ví dụ về quân đội Pháp năm 1940, nhắc nhở Nhã rằng việc hòa giải kịp thời với Đức Quốc xã đã cứu nước Pháp khỏi sự hủy diệt. Phản ứng của Nhã rất thẳng thắn và đi thẳng vào vấn đề. "Ông điên rồi," ông nói với Mérillon. "Kế hoạch thật nực cười."

Tuy nhiên, Đại sứ Pháp không nản lòng. Trong vài ngày tiếp theo, ông đã tập trung sự chú ý vào một con mồi đáng gờm hơn nhiều, Graham Martin.

Nhà riêng của Mérillon và Đại sứ

quán của ông nằm ngay cạnh Phái bộ Hoa Kỳ, và do đó, ông có thể dễ dàng và kín đáo ghé thăm Martin vào bất kỳ giờ nào trong ngày, để chia sẻ ý tưởng với ông ấy bên tách cà phê. Mỗi lần như vậy, ông đều làm cho Đại sứ say mê với những ưu điểm của một thỏa thuận hòa bình. Không, ông ta đã trấn an ông ấy, không có đảm bảo nào rằng Bắc Việt sẽ đồng ý với các điều khoản. Nhưng có hại gì khi thử sức không ?

Phản ứng ban đầu của Martin là tiêu cực. Ông ấy tin chắc (cùng với Kissinger) rằng nếu có bất kỳ sự thay đổi nào trong lãnh đạo ở Sài Gòn, nó phải được thực hiện "theo hiến pháp" để bảo tồn một mức độ ổn định nào đó và tối đa hóa cơ hội cho các cuộc đàm phán công bằng giữa những người kế nhiệm của Thiệu và các nhà lãnh đạo Cộng sản. Ông cũng

không thể chấp nhận hoàn toàn lập luận của Mérillon rằng Sài Gòn bây giờ đã yếu đến mức phải cầu hòa.

Tuy nhiên, Martin không chuẩn bị từ chối các ý tưởng của người Pháp một cách vội vàng. Ông là một người chơi cờ, không phải một con bạc liều lĩnh, và thay vì mạo hiểm mọi thứ dựa trên những giả định và sở thích của riêng mình, ông quyết định giữ các kênh liên lạc mở với Mérillon chỉ để bảo tồn các lựa chọn của mình. Ông đã ra lệnh cắt một cửa ở bức tường giữa Đại sứ quán Pháp và Đại sứ quán Mỹ và đã lắp đặt một đường dây điện thoại riêng biệt chống nghe lén giữa chúng để ông có thể hội ý với Mérillon một cách kín đáo, mà không thu hút sự chú ý của người Việt Nam hay nhân viên của mình.

Vì lý do riêng tư, máy nhánh của Mérillon được lắp đặt trong phòng tắm ngay bên cạnh văn phòng của ông, và khi những ngày trôi qua, các thư ký và nhân viên tại Đại sứ quán Pháp ngày càng lo lắng cho sức khỏe của ông, vì ông dường như liên tục xin phép ra ngoài để đi vệ sinh.

Ngay cả khi Mérillon tìm kiếm sự hỗ trợ của Mỹ cho các kế hoạch của mình, ông cũng nhắm đến một mục tiêu quan trọng khác. Trong nhiều tháng, Đại sứ quán Pháp đã theo đuổi một cuộc đối thoại kín đáo với Tướng Minh thông qua người đứng đầu tình báo của họ, Pierre Brochand, và vào đầu tháng Tư, khi Minh công khai bày tỏ sự quan tâm đến vai trò hòa giải của Paris, Brochand đã nắm bắt những nhận xét đó như một

cái cớ để giới thiệu Mérillon vào cuộc trao đổi.

Tại cuộc gặp đầu tiên vào ngày mùng bảy, Mérillon đã phác thảo các mối liên hệ của chính phủ ông với người Bắc Việt và nhấn mạnh niềm tin của riêng ông rằng Minh giờ đây có một đóng góp quan trọng để thực hiện. Ông không nói rõ điều đó, mặc dù điều đó ngụ ý rằng Minh là sự lựa chọn đầu tiên của Paris cho vị trí kế nhiệm Thiệu.

Vài ngày sau, Tổng thống Pháp Valéry Giscard d'Estaing đã công khai kêu gọi chính Thiệu thể hiện một thái độ hòa giải hơn. Phản ứng của Thiệu, tuy nhiên, không phải là điều mà Paris mong muốn hoặc kỳ vọng. Xa khỏi việc rụt rè trước những lời cảnh cáo này, nhà

lãnh đạo Việt Nam đã ngay lập tức ra lệnh đình chỉ tất cả các liên lạc với Đại sứ quán Pháp cho đến khi Giscard "rút lui" khỏi chúng. Mérillon do đó đã bị khóa ngoài Đinh ĐL vào đúng lúc ông ta đáng lẽ phải ở trong đó với Thiệu, thuyết phục ông từ chức vì lợi ích của một Nam Kỳ (Cochinchine) không có cộng sản.

Để lấy lại thế chủ động, Mérillon đã resort đến một chiến thuật mới và tuyệt vọng. Thông qua bạn bè và các mối quan hệ người Việt, ông đã lan truyền tin đồn khắp thành phố rằng cộng sản, mất kiên nhẫn với sự chậm trễ của Thiệu, đã quyết định tấn công Sài Gòn ngay lập tức. Khi dự đoán đáng sợ này lan rộng, nó đã khiến bộ chỉ huy cao cấp và Đại sứ quán Mỹ hoảng loạn và tạm thời làm chúng tôi phân tâm khỏi kế hoạch thực sự của Hà Nội. Mérillon cuối cùng đã thừa nhận

với một liên lạc viên CIA rằng ông đã nói dối. Dù vậy, mưu kế này vẫn tiếp tục có những tác động tiêu cực. Sau đó, mỗi khi một báo cáo cho thấy các cuộc tấn công của cộng sản rơi vào tay chúng tôi, nhiều người lạc quan kiên định trong Đại sứ quán chỉ lắc đầu và khăng khăng, «Đó chỉ là người Pháp cố làm cho Thiệu sợ hãi mà từ chức.»

Người Pháp, tất nhiên, không phải là những kẻ săn trộm duy nhất đã mạo hiểm vào vùng hoang dã chính trị của Sài Gòn trong những tuần cuối cùng của cuộc chiến để làm mù quáng và làm rối trí chính phủ và Đại sứ quán. Thật vậy, nhiều cuộc thao túng và tự lừa dối mà chúng tôi phải đối mặt trong những ngày hỗn loạn đó được truyền cảm hứng bởi một kẻ xâm nhập nguy hiểm hơn nữa,

đồng minh chính của Hà Nội, Liên Xô.

Ngay từ đầu, người Soviet chỉ cố gắng tận dụng các huyền thoại mà người Pháp đang lan truyền. Vào ngày 5 tháng 4, tờ báo của đảng Pravda đã đăng một bài bình luận của Yuri Zhukov dường như củng cố tầm nhìn của Paris về tương lai của Việt Nam. Vượt ra ngoài các tuyên bố gần đây của Bắc Việt và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, chỉ hứa hẹn "hòa bình" để đổi lấy việc lật đổ Thiệu, Zhukov đã đưa ra khả năng đàm phán thực sự như một điều kiện trao đổi. "Tình hình mới đang hình thành," ông ghi chú một cách bí ẩn, "mở ra triển vọng rõ ràng cho việc thiết lập hòa bình."

Kissinger phản ứng với tín hiệu này như ông đã phản ứng với những động thái thăm dò của Pháp - bằng sự thờ ơ. Vì việc Thiệu bị lật đổ là điều kiện tiên

quyết cơ bản cho "hòa bình," ông thấy ít điều gì trong đó để gợi ý sự linh hoạt.

Những lo ngại của ông không ngăn cản được người Soviet theo đuổi các mục tiêu của họ ở nơi khác. Nếu Kissinger không tiếp nhận, luôn có những người ở Sài Gòn có thể tiếp nhận. Để tiếp cận họ, Moscow đã chuyển sang những người đại diện tự nhiên của mình tại hiện trường, các phái đoàn Ba Lan và Hungary tại ICCS.

Người Ba Lan theo đuổi chiến lược của Moscow chủ yếu thông qua một người đại diện của chính họ. Trong hơn một năm, một thành viên hàng đầu của phái đoàn PRG tại Tân Sơn Nhất đã là một điệp viên và cộng tác viên của tình báo Ba Lan. Ông ta cũng đã trở thành một liên lạc viên thường xuyên của Đại sứ Mérillon. Cuối tháng Ba, theo chỉ đạo

của những người bạn Ba Lan, điệp viên có mối quan hệ đáng ngưỡng mộ này bắt đầu khéo léo định hình quan điểm của Mérillon để phù hợp với mục đích của Moscow và Hà Nội. Chính ông ta đã xác nhận với Đại sứ Pháp rằng việc lật đổ Thiệu có thể dẫn đến một bước đột phá chính trị.

Trong khi đó, đội ICCS Hungary đã khai thác một kênh nội bộ đến Đại sứ quán Mỹ với hiệu quả tương tự. Sau nhiều tháng tiệc cocktail và giao lưu thân thiện, cố vấn chính trị Hungary, Anton Tolgyes, và tùy viên quân sự của ông, Đại tá Toth, đã có mối quan hệ dễ dàng và thoải mái với Tom Polgar. Vào đầu tháng 3, Polgar đã cố gắng biện minh cho tình bạn này với trụ sở CIA, giải thích rằng người Hungary đã hứa sẽ cung cấp cho ông cảnh báo trước nếu Bắc Việt quyết

định mở một cuộc tấn công lớn mới. Cấp trên của ông ở Washington vẫn hoài nghi, và như đã chứng minh, họ hoàn toàn có lý do. Bắc Việt đã phát động các cuộc tấn công vào Ban Mê Thuột và sau đó là Huế và Đà Nẵng mà không có một lời xin lỗi nào từ phía người Hungary.

Tuy nhiên, Polgar không để điều đó làm nản lòng mình. Ông tiếp tục liên lạc với Tolgyes và Toth và báo cáo đúng những gì họ nói với ông cho Washington. Đến đầu tháng Tư, cả hai người họ đã nói với ông những gì Moscow và Hà Nội muốn ông nghe, ám chỉ rằng cuộc chiến không cần phải kết thúc trong thảm họa và sự nhục nhã cho người Mỹ. Polgar là một người chống cộng sản quá tận tâm, và là một sĩ quan tình báo quá dày dạn kinh nghiệm, để chấp nhận mọi điều họ nói một cách mù quáng. Nhưng

vì giờ đây ông rất muốn tin rằng Sài Gòn có thể được cứu khỏi cuộc thảm sát nên sự hoài nghi vốn có của ông bắt đầu suy yếu.

Sự say mê ngày càng tăng của Polgar đối với triển vọng đạt được một thỏa thuận hòa bình cũng ảnh hưởng đến phán đoán của ông về các vấn đề khác. Trong quyết tâm thuyết phục Đại sứ và những người khác rằng ông đúng về khả năng đạt được một thỏa thuận ngừng bắn, ông sớm bắt đầu phớt lờ những thông tin trái chiều. Tôi đã phản ứng bằng cách gấp đôi nỗ lực của mình - viết nhiều đánh giá thực địa hơn, mở rộng các buổi thông báo của tôi để nhấn mạnh những gì các đặc vụ của chúng tôi thực sự đang nói với chúng tôi, điều này ngày càng có vẻ như chỉ đơn giản là: không có thỏa thuận hòa bình nào, dù là đầu hàng

trá hình hay cách khác, là khả thi.

Là người phát ngôn cho quan điểm này, tôi phải thừa nhận rằng tôi đang ở trong tình thế khá yếu. Cuối cùng thì chính tôi là người đã giúp Polgar viết bức điện ngày 2 tháng 4 của ông ấy trình bày các lập luận cơ bản cho một thỏa thuận. Trong vài ngày qua, tuy nhiên, các cuộc di chuyển của quân đội cộng sản và tông giọng của các báo cáo từ điệp viên của chúng tôi đã thuyết phục tôi rằng tôi đã mắc một sai lầm khủng khiếp. Bắc Việt thực sự đang theo "mùi máu," như điệp viên đã cảnh báo tôi vào Ngày Cá tháng Tư.

Vài giờ sau vụ đánh bom dinh ĐL vào ngày mùng tám, tôi lại cố gắng thuyết phục Polgar chuyển sang quan điểm này. Pat Johnson và tôi đã soạn một bức điện cho trụ sở CIA, trích dẫn «các dấu hiệu

tạm thời» về các cuộc tấn công của cộng sản sắp xảy ra "gần thủ đô," bao gồm một báo cáo từ "một nguồn tin chưa được kiểm chứng" cho rằng Hà Nội đã quyết định tấn công chính Sài Gòn. Vì bức điện của chúng tôi không trực tiếp đề cập đến vấn đề giải pháp thương lượng, Polgar thấy nó không thể tranh cãi và không thuyết phục. Ông đã phê duyệt nó mà không cần tranh luận, gần như một cách thờ ơ.

Tối hôm đó, điệp viên giỏi nhất của Đài đã cung cấp cho chúng tôi một bản cập nhật quan trọng về thông tin tình báo đã có sẵn. Ông báo cáo rằng, bộ chỉ huy cao cấp của cộng sản vừa ban hành một "nghị quyết" mới kêu gọi "giải phóng" tất cả các vùng lãnh thổ phía bắc Sài Gòn trong tháng Tư và một cuộc tấn công vào thủ đô vào một ngày chưa xác định,

mà không có bất kỳ sự nhượng bộ nào cho một giải pháp thương lượng. Tất cả những "cuộc nói chuyện" về đàm phán và một chính phủ liên minh khả thi, ông nhấn mạnh, chỉ là một mưu kế để làm rối loạn người Việt Nam miền Nam và gieo rắc nghi ngờ giữa họ và người Mỹ.

Khi tôi được gọi vào văn phòng vào ban đêm để đọc báo cáo, tôi cảm thấy một cảm giác nhẹ nhõm kỳ lạ, mặc dù nó có những hệ quả khủng khiếp. Đây, từ điệp viên đáng tin cậy nhất của chúng tôi, là bằng chứng về sự hoài nghi trong các yêu cầu chính trị của Hà Nội và về sự sai lầm của hy vọng của Pháp về một thỏa thuận.

Sau khi quét tài liệu, tôi đã gọi điện cho Polgar. Nửa giờ sau, ông ấy xuất hiện để tự mình xem xét tài liệu. Không cạo râu và bù xù, ông ta cứ lắc đầu khi lướt

qua từng dòng để tìm kiếm một chút ánh sáng của giấc mơ không thể thành hiện thực.

Khi Đại sứ quán mở cửa làm việc vào sáng hôm sau, đã có một số báo cáo xác nhận từ các nguồn khác được nộp. Một dự đoán rằng các cuộc tấn công vào Sài Gòn sẽ diễn ra không muộn hơn ngày 15 tháng 4, với mũi tấn công chính sẽ đi qua vùng ngoại ô Gia Định ở phía tây nam thành phố. Một người khác tuyên bố rằng một sở chỉ huy mới của cộng sản (thực ra là bộ chỉ huy của tướng Dũng, về điều này chúng tôi vẫn chưa biết gì) vừa được thiết lập để phối hợp một cuộc tấn công ba mũi nhắm vào thủ đô.

Chúng tôi cũng nhận được thông tin tình báo cho thấy áp lực gia tăng ở phía đông Sài Gòn, nhằm vào thị trấn Xuân Lộc. Trong vài giờ qua, thực tế là các lực

lượng cộng sản đã phát động các cuộc tấn công đầu tiên vào mục tiêu quan trọng này và do đó đã khởi động cuộc tấn công cuối cùng của cuộc chiến. *

*[Đáng lưu ý rằng làn sóng tấn công đầu tiên vào Xuân Lộc trùng hợp chính xác với việc hết hạn tám ngày mà các quan chức Pháp đã đề cập với Trần Văn Đôn như là thời gian ân hạn cho một cuộc đầu hàng thương lượng. Như đã được chỉ ra trong một chương trước đó, tuy nhiên, công tác chuẩn bị cho chiến dịch cuối cùng của BV đã tiếp tục một cách cuồng nhiệt cho đến ngày thứ bảy, khi đó Lê Đức Thọ đến COSVN để thông báo cho toàn bộ nhân viên chỉ huy về kế hoạch chiến thắng của Hà Nội và thành lập ủy ban điều phối, với Dũng đứng đầu, để hướng dẫn nó. Vì vậy, có vẻ như khoảng thời gian «ân hạn» tám

ngày chỉ là thời gian cần thiết để chuẩn bị cho cuộc tấn công và không thực sự liên quan đến bất kỳ động cơ chính trị nào từ phía Hà Nội.]

Tôi ngay lập tức ngồi xuống và viết một đánh giá thực địa cho Washington dựa trên thông tin mới. "Các dấu hiệu cho thấy," tôi kết luận, "rằng Bắc Việt đã thay đổi kế hoạch và thời gian biểu của họ để bao gồm các cuộc tấn công vào Sài Gòn có thể bắt đầu sớm nhất là giữa tháng Tư," mà "không có sự chuẩn bị cho các cuộc đàm phán hoặc một chính phủ tam quyền."

Cả Polgar và Đại sứ đều không hài lòng với phân tích của tôi - đối với họ, nó "quá bi quan - nhưng vì nó chủ yếu được rút ra từ thông tin tình báo có sẵn, với ít suy đoán, nên không có lý do gì để bác bỏ nó.

Polgar đã thực hiện một thay đổi quan trọng trong bản thảo của tôi, tuy nhiên. Nơi tôi đã dự đoán "các cuộc tấn công vào Sài Gòn" thì ông ấy đã sửa lại văn bản thành "các cuộc tấn công trong và xung quanh khu vực Sài Gòn." Ông ấy vẫn đang cố gắng tạo ra không gian cho những suy nghĩ mơ mộng của riêng mình.

Tầm quan trọng của các báo cáo tình báo vào ngày 8 và 9 tháng 4 không thể được nhấn mạnh quá mức. Cùng với đánh giá thực địa của tôi, chúng đã cung cấp cho Martin, Polgar và Washington một bức tranh hoàn toàn chính xác về những gì đang chờ đợi phía trước, bao gồm cả các tuyến tấn công mà các lực lượng Cộng sản sẽ theo đuổi. Và nếu ai đó có thể tự mình đưa ra quyết định, thì vẫn còn đủ thời gian (trước cuộc tấn

công dự kiến vào ngày 15) để tiến hành một cuộc di tản có trật tự, hoặc ít nhất là một nỗ lực phối hợp để lên kế hoạch cho cuộc di tản.

Tuy nhiên, hầu hết các nhà hoạch định chính sách ở Washington và Sài Gòn giờ đây đứng ngây người và bị cuốn hút bởi nhiều ánh đèn sân khấu của các ưu tiên của Kissinger, báo cáo của Weyand, các sáng kiến của Pháp và sự lừa dối của Liên Xô. *

* [Vào ngày 9 tháng 4, Giám đốc CIA Colby đã báo cáo cho Hội đồng An ninh Quốc gia về thông tin tình báo mới nhất của chúng ta, nhưng một cách khó hiểu đã bỏ qua chi tiết quan trọng nhất, đó là tiết lộ gần đây rằng tất cả những cuộc nói chuyện về một thỏa thuận hòa bình chỉ là giả dối. Tuy nhiên, vào cuối ngày, các đồng nghiệp tinh tường hơn của tôi

trong bộ phận phân tích của CIA đã bù đắp cho sự thiếu sót của Colby. Trích dẫn gần như nguyên văn từ đánh giá thực địa mới nhất của tôi, họ đã viết trong bản tổng hợp tình báo hàng ngày của họ : "Chỉ thị mới cho các cán bộ cộng sản ở miền Nam Việt Nam yêu cầu tiếp tục cuộc tấn công hiện tại cho đến khi 'chiến thắng hoàn toàn' đạt được trong năm nay." Hướng dẫn nói rằng việc nói về đàm phán... sẽ chỉ được sử dụng như những chiến lược. Người ta lưu ý rằng các chỉ thị để lại ít không gian cho các giải pháp chính trị và rằng các lực lượng Cộng sản có thể đang di chuyển vào vị trí để thực hiện các cuộc tấn công cuối cùng. "Họ hiện đang có tám sư đoàn ở các Khu Quân sự 3 và 4," các nhà phân tích CIA báo cáo ; "ít nhất bốn trong số đó được bố trí ở khu vực phía bắc Sài Gòn và những người khác đang đe dọa

các tuyến đường dân cư và cung cấp trong khu vực."]

24. Kéo Đại Bàng

Đại sứ không cố gắng ngăn cản đánh giá trường miasma của tôi về người thứ chín. Nhưng ông ấy ít khoan dung hơn với các đồng nghiệp của tôi tại DAO. Khi một bản nháp của Bản Cập Nhật Tình Báo Hàng Tháng của họ đến bàn làm việc của ông vào chiều hôm đó, ông đã nói với Legro rằng ông muốn hoãn việc phát hành nó một ngày hoặc lâu hơn cho đến khi ông có thể thực hiện một số thay đổi.

Các nhà phân tích DAO đã kết luận

rằng chiến tranh sẽ kết thúc vào tháng Sáu, với việc những người cộng sản chiến thắng. Martin thấy dự đoán đó là không thể chấp nhận được. Khi Legro hỏi ông tại sao, Đại sứ trả lời đơn giản, "Các yếu tố chính trị." Chúng chưa được coi trọng đúng mức." Việc Mérillon được chú ý đã bắt đầu có tác dụng.

Ngoài việc chỉnh sửa thông tin tình báo, Martin còn tìm ra những cách khác để thể hiện sự lạc quan của mình ở Washington. Ngay sau khi báo cáo tình báo của tôi được nộp, ông đã gửi một bức điện tới Nhà Trắng kèm theo một nghiên cứu do cố vấn kinh tế của ông, Dan Ellerman, chuẩn bị, trong đó cho rằng bất kể những gì các Cassandras nói, nửa phía nam của đất nước có thể tự đứng vững. Sau đó, trong một cuộc phỏng vấn trên truyền hình, ông đã nhắc lại những

kết luận của nó. "Trừ vùng đồng bằng ven biển quanh Đà Nẵng và Huế," ông tuyên bố, "lãnh thổ đã mất [của QK 1 và 2] đã trở thành gánh nặng cho ngân sách của Sài Gòn.» Những gì còn lại là vùng Cochinchina cũ, trái tim lớn của đất nước. Nó có khả năng kinh tế.» Có vẻ như ông ta đang ngụ ý rằng chính cuộc chiến tranh, và những tổn thất khủng khiếp mà nó đã gây ra, thực sự không quan trọng chút nào.

Martin cũng cố gắng kiềm chế một số người phản đối mạnh mẽ hơn trong đội ngũ cấp cao của mình, bao gồm cả Alan Carter, trưởng phòng USIA. Phản ứng "hysteria" của Carter đối với vụ rơi máy bay C-5A đã khiến Martin tin rằng ông ta là một nguồn "tiêu cực" nguy hiểm, nhưng bây giờ Carter đang đặt ra một vấn đề khác, yêu cầu Đại sứ biến văn

phòng USIA thành điểm tập trung cho tất cả các liên lạc của Đại sứ quán với báo chí. Martin không định chịu đựng điều này, vì ông biết rằng điều đó sẽ cho phép Carter lan tỏa sự u ám của mình đến các phương tiện truyền thông vốn đã lo lắng. Ông gọi người của USIA đến văn phòng vào ngày thứ chín để đưa ra phán quyết của mình.

"Tất cả tài sản của Đại sứ quán đều là của tôi," ông ta nói, "và tôi sẽ quyết định cách sử dụng chúng."

"Tôi chỉ nghĩ rằng chúng ta nên phối hợp tốt hơn trong việc làm việc với báo chí," Carter đáp.

"Xin vui lòng viết cho tôi một bản ghi nhớ về chủ đề này."

"Ôi, thôi nào, ông Đại sứ, chúng ta

đang gặp khó khăn." Chúng ta không có thời gian cho những điều tỉ mỉ của quan liêu.

Về điều này, Martin đã thay đổi chiến thuật. "Bạn biết không, Alan," anh ta nói, "các đồng nghiệp của tôi coi bạn là một kẻ cô độc." Bạn không tham gia vào đội ngũ."

Carter đã hỏi anh ta tên những người buộc tội anh ta, nhưng Martin chỉ nhún vai. "Tôi không nói bạn là người cô độc," anh ta tiếp tục. "Tôi chỉ đang lặp lại những gì một số đồng nghiệp của tôi nói." Sau đó, ông đã chỉ đạo giám đốc USIA lập một kế hoạch để tổ chức lại toàn bộ Bộ Thông tin Việt Nam.

«Trời ơi !» Carter kêu lên. «Điều đó không thực tế.» Không có thời gian cho việc đó." "Chà, tôi đoán là đồng nghiệp

của tôi đúng," Martin thở dài. "Khi tôi nhờ bạn làm điều gì đó thật sự quan trọng, bạn lại trở thành một kẻ cô độc..."

Martin sẽ có tiếng nói quyết định theo nhiều cách khác nhau. Ngay sau cuộc họp của họ, ông đã chỉ đạo Carter xuất hiện trên truyền hình Việt Nam với tư cách là "người phát ngôn" của Đại sứ quán để thông báo rằng không có nguy cơ thực sự nào về việc Cộng sản chiếm đoạt quyền lực và rằng người Mỹ dự định sẽ ở lại. Miễn cưỡng, Carter đã làm theo lệnh. Bài giảng ngắn của ông đã được ghi hình, với lồng ghép giọng nói tiếng Việt, và chỉ trong vài ngày nó đã bắt đầu phát trên đài truyền hình do chính phủ tài trợ, hình ảnh của Carter xuất hiện liên tục trước mắt khán giả Việt Nam, khuyên họ rằng mọi thứ đều ổn dù lực lượng Bắc Việt đã tiến gần đến thành phố chỉ

còn một dặm.

Tại Washington, trong khi đó, Chính quyền đang chìm đắm trong những phản ứng từ nhiệm vụ của Weyand. Bắt đầu từ phiên họp thứ tám của WSAG, Hội đồng An ninh Quốc gia đã tiến hành hai ngày họp kín để xem xét các kết luận và khuyến nghị của tướng. Cuộc tranh luận về hiệu quả của gói viện trợ 722 triệu đô la mà ông đề xuất vẫn tiếp diễn không ngừng, Kissinger ủng hộ nó, Schlesinger phản đối. Đồng thời, một số quan chức Chính quyền bắt đầu thúc giục có thêm một chút hoạt động tích cực hơn về vấn đề sơ tán. Giám đốc CIA Colby, ngày càng nghi ngờ về triển vọng sống sót của Sài Gòn, đã kêu gọi tăng cường việc rút lui của người Mỹ và những người Việt Nam "rủi ro cao", và thách thức quan điểm của Martin rằng động thái này có thể gây ra

sự trả thù đối với cộng đồng người Mỹ. Schlesinger và Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân, Tướng George Brown, cũng ủng hộ việc cắt giảm nhanh chóng, nhưng khác với Colby, họ chủ yếu quan tâm đến việc rút lui của người Mỹ và trang thiết bị quân sự tốn kém, chứ không phải việc cứu người Việt. Schlesinger khẳng định rằng những thực tế lạnh lùng và khắc nghiệt của lợi ích Mỹ yêu cầu điều đầu tiên, nhưng không nhất thiết phải là điều thứ hai.

Kissinger không muốn chấp nhận bất kỳ cực đoan nào. Trích dẫn lời tự tin của Martin, ông khẳng định rằng việc di tản ngay lập tức là không cần thiết, và sẽ chỉ làm suy yếu Thiệu vào đúng thời điểm viện trợ bổ sung của Mỹ có thể cứu ông ta. Ông cũng nhấn mạnh vào lập luận cũ của mình, được mô tả rất rõ ràng

trong báo cáo Weyand, rằng không được làm gì (kể cả di tản) để báo hiệu với thế giới rằng sự ủng hộ dành cho đồng minh Sài Gòn của chúng ta đang giảm sút.

Cuối cùng, quan điểm của Kissinger đã thắng thế. Các quyết định đạt được trong phiên họp hai ngày chỉ đơn thuần là một sự trì hoãn khác để giành thời gian cho cuộc tranh luận về viện trợ. Trong khi các chuẩn bị cho việc rút lui hoàn toàn được mở rộng, "cuộc rút lui cứng" cuối cùng sẽ bị hoãn lại. Theo kịch bản của Kissinger, Gayler và Martin sẽ hoàn thành kế hoạch sơ tán của họ vào ngày 19 tháng 4 - vào thời điểm đó (được hy vọng) Quốc hội sẽ đạt được một quyết định về cả đề xuất viện trợ và tính hợp pháp của việc đưa lực lượng chiến đấu vào để bảo vệ một cuộc sơ tán. Trong thời gian chờ đợi, Martin sẽ tăng cường

quá trình "giảm bớt" đã bắt đầu, giảm số lượng cộng đồng người Mỹ xuống còn 1.100 trong hai tuần tới để nếu việc sơ tán toàn bộ trở nên cần thiết sau ngày mười chín, một đội trực thăng nhỏ sẽ đủ để xử lý.

Chính quyền cũng sẽ tìm cách nới lỏng các quy định nhập cư của Hoa Kỳ để những người phụ thuộc Việt Nam có thể đi cùng người thân người Mỹ của họ đến Hoa Kỳ. Khác với Schlesinger, Kissinger coi việc cung cấp cứu hộ cho càng nhiều người Việt Nam càng tốt vì danh dự và uy tín toàn cầu của Hoa Kỳ là điều quan trọng.

Để làm thất vọng một số đồng nghiệp của mình (và cả người Pháp), Kissinger tiếp tục từ chối bất kỳ động thái chính trị trực tiếp nào đối với người Bắc Việt, vì theo quan điểm của ông, họ đang nắm

giữ tất cả các quân bài thương lượng. Nhưng ông đã đồng ý với một số sáng kiến gián tiếp, bao gồm một bước đi đến các quốc gia Thị trường Chung, kêu gọi họ phát đi một lời kêu gọi ngừng bắn đến Hà Nội và một ghi chú ngoại giao gửi đến Liên Xô và Trung Quốc mời họ triệu tập lại hội nghị Geneva về Đông Dương theo quy định trong thỏa thuận Paris. Ông cũng ủng hộ các nỗ lực tiếp tục để thúc đẩy hòa bình ở Campuchia thông qua sự trung gian của Pháp và việc phục hồi Sihanouk, nhưng vẫn không sẵn lòng ra lệnh sơ tán hoàn toàn người Mỹ khỏi Phnom Penh.

Đối với một số người tham gia các phiên họp của WSAG và NSC, thực tế Kissinger chưa bao giờ có vẻ cứng nhắc đến vậy về nhiều vấn đề hoặc không khoan nhượng với tranh luận đến vậy.

Ông không cố gắng duy trì ngay cả một bề ngoài hòa nhã đối với hai nhà phê bình nghiêm khắc nhất của mình, Colby và Schlesinger, và nhiều lần đã dùng ngôn ngữ cực kỳ lạm dụng đối với họ, buộc tội họ đang cố gắng «che đậy lỗi lầm của mình» với những cảnh báo và kêu gọi sơ tán sớm của họ. Sự thiếu kiên nhẫn của ông chắc chắn xuất phát từ nhận thức của chính ông về mức độ mạo hiểm lớn lao của mình. «Tôi không thể nhớ được bất kỳ cuộc thảo luận nào giữa Tổng thống và các cố vấn cấp cao của ông,» ông sau đó nói với một ủy ban Quốc hội, «mà được tiến hành cầu nguyện nhiều hơn những cuộc thảo luận này.»

Trong khi các quan chức hàng đầu của Chính quyền tranh luận về chiến lược lớn, các trợ lý và cấp dưới của họ cố gắng giữ cho ưu tiên chính được chú ý.

Trong suốt các cuộc thảo luận kéo dài tại WSAG và NSC, Ken Quinn, nhân viên Hội đồng An ninh Quốc gia, đã đảm bảo rằng các báo cáo tình báo mới nhất và đáng báo động nhất được đưa vào trang đầu sổ tóm tắt của Tổng thống mỗi sáng để chúng không bị bỏ qua. Parker Borg, trợ lý của Habib và là một trong những thành viên tích cực nhất của nhóm lập kế hoạch không chính thức của Rosenblatt, đã thuyết phục Lầu Năm Góc thúc đẩy việc cập nhật kế hoạch sơ tán của Đại sứ quán, và chính Rosenblatt đã thành công trong việc huy động các cấp trên của mình tại Bộ Ngoại giao ủng hộ nỗ lực ngăn chặn việc cắt giảm dịch vụ thương mại của Pan Am từ Sài Gòn.

Một viên chức trẻ của Bộ Ngoại giao thậm chí còn tiết lộ cho những người bạn phóng viên nội dung chính của đánh giá

mới nhất của tôi về tình hình quân sự để Kissinger không có lý do gì để bỏ qua.

Khi Chính quyền tiếp tục các cuộc thảo luận về chính sách, Đại sứ quán nhanh chóng bị cuốn vào vòng xoáy. Trong vòng vài giờ sau cuộc họp đầu tiên của WSAG, chúng tôi đã bị tràn ngập bởi các yêu cầu và đề xuất, đặc biệt là liên quan đến vấn đề sơ tán, và gần như không muốn nhưng chúng tôi buộc phải giải quyết nó một cách chặt chẽ hơn.

Theo yêu cầu của Kissinger, một trong những điều đầu tiên chúng tôi cố gắng là sắp xếp lại các kế hoạch sơ tán của chính mình. Al Francis đề nghị rằng Tướng Smith nên được giao nhiệm vụ này, vì ông và nhân viên DAO của ông dường như đã có một ý tưởng rõ ràng

về những gì có thể xảy ra. Với áp lực của thời điểm đó, Martin đã đồng ý, và vào ngày thứ chín đã chỉ đạo Smith đảm nhận quyền kiểm soát tất cả các chuẩn bị dự phòng của Đại sứ quán.

Smith đã hành động nhanh chóng để thử thách quyền hạn của mình. Trong nỗ lực thúc đẩy các cuộc rời bỏ "tự nguyện", ông đã hủy bỏ quyền lợi PX cho các nhân viên quân đội đã nghỉ hưu sống ở Sài Gòn và yêu cầu một ước tính sửa đổi về số lượng 1.000 nhân viên hợp đồng và nhân viên của mình mà ông có thể thả ra mà không làm DAO phá sản. Ngoài ra, Tùy viên Quân đội của ông, Đại tá Wahle, đã được chỉ đạo bắt đầu chuyển bốn kế hoạch sơ tán tiềm năng thành các lựa chọn thực tế.

Hai lựa chọn đầu tiên mà Wahle "lập kế hoạch" đã cung cấp cho việc sơ tán

từng bước 3.000 đến 5.000 người Mỹ và một số người Việt Nam chọn lọc trên các chuyến bay thuê chuyến và thương mại; hai lựa chọn tiếp theo dự kiến một cuộc vận chuyển kết hợp bằng đường biển và đường không với nhiều người hơn, có thể kết thúc bằng việc sơ tán bằng trực thăng ra khỏi DAO hoặc một khu vực tập kết khác. Vì cả máy bay thương mại lẫn quân sự vẫn đang bay vào và ra khỏi Sài Gòn với số lượng lớn, một phần nhiệm vụ của Wahle chỉ đơn giản là tổ chức, sắp xếp tất cả các tài sản này vào các lịch trình hoạt động bổ sung cho nhau. Nhưng một trong những lựa chọn, lựa chọn cuối cùng, đòi hỏi nhiều hơn thế. Vì điểm mấu chốt của nó là một cuộc trực thăng ra khỏi khu phức hợp DAO, nên các tuyến bay đặc biệt, khu vực hạ cánh và nhiều sắp xếp kỹ thuật khác là cần thiết. "Option IV," như nó được mã

hóa, cũng đặt ra một vấn đề an ninh đặc biệt. Là giai đoạn cuối cùng của việc rút lui của người Mỹ, nó chắc chắn sẽ làm bùng phát mọi sự oán giận âm ỉ trong dân chúng.

Đến tối ngày thứ chín, Tùy viên Hải quân, Đại tá Carmody, đã hoàn thành kế hoạch cho một cuộc sơ tán bằng đường thủy - để bổ sung cho bất kỳ cuộc không vận cuối cùng nào - liên quan đến ba hoặc bốn tàu hàng hoạt động từ bến cảng Newport ngay bên ngoài thành phố. Trong khi đó, một nhóm sĩ quan Thủy quân Lục chiến đã đến từ trụ sở của Gayler để giúp Wahle chuẩn bị cho chính Lựa chọn IV. Theo kế hoạch mà họ đã vạch ra, các đoàn xe buýt và trực thăng nhỏ của Air America sẽ đón hành khách tại các điểm tập trung được chỉ định quanh thành phố vào «ngày E» và

đưa họ đến Newport hoặc đến các máy bay và trực thăng đang chờ tại Tân Sơn Nhất. Vì giai đoạn đón và giao này là một trong những khía cạnh tinh vi nhất của toàn bộ hoạt động, một số kỹ thuật viên DAO đã bắt tay vào công việc ngay lập tức, vẽ bản đồ các tuyến xe buýt và các điểm tập trung xung quanh thành phố. Cuối cùng, hai mươi tám tòa nhà Đại sứ quán đã được chỉ định làm các điểm dừng xe buýt chính thức. Trong số đó, mười ba tòa nhà được phát hiện có mái đủ chắc chắn để hỗ trợ một chiếc trực thăng nhỏ UH-1, và không lâu sau đó, các đội xây dựng của DAO đã tấn công các tòa nhà như những kẻ cướp bóc, phá hủy ống khói và ăng-ten truyền hình, nhổ bật các tủ thang máy và bất cứ thứ gì có thể cản trở các chiếc Huey đến. Họ cũng đã yêu cầu Đại sứ quán cho phép sơn những chữ H lớn với kích thước chính

xác của bánh xe trực thăng lên mỗi bệ để tạo điều kiện cho việc hạ cánh. Ban đầu, Martin từ chối thẳng thừng, cho rằng các chữ H sẽ khiến các người hầu và thợ giặt phấn khích khi họ lên mỗi ngày để phơi đồ. Nhưng cuối cùng, như một sự thỏa hiệp, ông đồng ý cho phép các đường trượt được đánh dấu bằng các chấm.

Không ai bị lừa. Người Việt có thể đọc được ý nghĩa của một đường chấm như những người khác. Và mỗi ngày, khi những công nhân DAO trên mái nhà của khu chung cư của tôi tại số 6 công trường Chien Sĩ gửi những đống xi măng và rác mái nhà trượt xuống những ống dọc dài xuống đường, các người giúp việc và bồi bàn sẽ tụ tập ở phía trước và đặt cược vào thời điểm những con chim lớn sẽ đến.

Khi các nhà hoạch định DAO tiếp tục với vô số kế hoạch của họ, những

người khác trong Đại sứ quán đã tham gia giúp đỡ. Trưởng phòng vận hành của Air America đã thông báo cho ba mươi bốn phi công trong đội ngũ của mình về kế hoạch sơ tán từ mái nhà và đề nghị cho phép bất kỳ ai trong số họ cảm thấy quá rủi ro có thể rời khỏi. Chỉ có ba người trong số họ làm vậy, và những người còn lại ở lại để thực hiện một cách anh hùng vào ngày E. Trong khi đó, Al Francis đã tập hợp một số nhân viên cũ của mình từ Đà Nẵng và giao cho họ nhiệm vụ tìm kiếm người Việt từ QK 1 và 2, những người nên được đưa vào bất kỳ chuyến bay nào ra khỏi Sài Gòn.

Trong suốt quá trình lập kế hoạch ban đầu này, Martin vẫn kiên quyết phản đối một khía cạnh mà mọi người khác đều cho là thiết yếu - việc đưa lực lượng

chiến đấu Mỹ vào để cung cấp sự hỗ trợ và bảo vệ. Một động thái như vậy, ông lập luận, có thể gây ra phản ứng dữ dội từ phía Việt Nam mà ông đang cố gắng tránh bằng mọi giá.

Tuy nhiên, quân đội Hoa Kỳ không hề nao núng trước những lập luận của ông, và vào ngày 9, Đô đốc Gayler đã gửi cho Washington ước tính của ông về những gì một cuộc di tản toàn bộ người Mỹ khỏi Sài Gòn sẽ cần về mặt an ninh vũ trang. Trong trường hợp rút lui qua các bãi biển qua Vũng Tàu, ông nói, toàn bộ một sư đoàn Lục quân cộng với 3.000 lính thủy đánh bộ sẽ cần thiết để bảo vệ con đường từ Sài Gòn đến thành phố cảng. Một cuộc không vận toàn diện ra khỏi Tân Sơn Nhất sẽ đòi hỏi hai sư đoàn, và một cuộc trực thăng vận chuyển từ sân bay hoặc từ các bãi đáp khác xung

quanh thành phố, 3.000 đến 5.000 lính thủy đánh bộ với một sư đoàn Lục quân dự bị.

Dự đoán của Gayler thực sự đã vượt quá yêu cầu - chưa đến một nghìn lính thủy đánh bộ sẽ đủ cho cuộc không vận cuối cùng - nhưng nó đã giúp củng cố suy nghĩ của Washington về nhu cầu có một loại lực lượng an ninh vào ngày E.

Nó cũng khiến Martin nổi cơn thịnh nộ.

Vào khoảng giữa trưa ngày thứ mười, Tướng Baughn, phó của Smith, đã chủ trì cuộc họp đầu tiên của các nhà hoạch định sơ tán toàn bộ Sứ quán. Đó không phải là một buổi họp rất hiệu quả, vì Đại sứ đã từ chối cho phép thảo luận về bất

cứ điều gì ngoài việc rút giảm những thứ không cần thiết. Nhưng vài giờ sau, chính Baughn đã mạo hiểm tiến xa hơn một chút. Đáp lại một câu hỏi từ Lầu Năm Góc, ông đã soạn một thông điệp gửi đến Washington - tương tự như của Gayler hôm trước - phác thảo các "lựa chọn" sơ tán khác nhau và kêu gọi cam kết triển khai quân đội để bảo vệ. Sau đó, ông đã nộp bức điện cho đại diện của Đại sứ tại DAO để xin phê duyệt. Viên chức trực ban dường như không nhận ra chủ đề của nó gây tranh cãi như thế nào, vì anh ta đã "ký duyệt" mà không kiểm tra với Martin chút nào.

Trong khi đó, một dự án khác mà tên Baughn đã trở thành liên kết đang gặp rắc rối. Trong vài ngày qua, việc vận chuyển máy bay đưa người Việt Nam không có giấy tờ đến căn cứ không quân

Clark ở Philippines đã tiếp tục không bị kiểm soát, và Đại sứ William Sullivan ở Manila hiện đang chịu áp lực mạnh mẽ từ chính phủ Philippines để ngăn chặn dòng người này. Ông đã gửi nhiều điện tín đến Washington và Sài Gòn, yêu cầu ngừng lại và đề xuất rằng tất cả những người nhập cư bất hợp pháp nên được gửi trở lại Việt Nam.

Những thông điệp của ông đã gây ra sự lo lắng đáng kể tại Bộ Ngoại giao, vì không ai muốn quay lại như ông đã gợi ý. Cuối cùng, Rosenblatt và nhóm ăn trưa của ông đã nghĩ ra một thỏa hiệp và được phê duyệt: trong khi không có thêm "người nhập cư bất hợp pháp" nào được phép vào Clark, những người đã có mặt ở đó sẽ bị "giam giữ" và "xử lý" cho đến khi một lệnh ân xá nhập cư đặc biệt được chuẩn bị cho họ. Các chỉ thị thích

hợp đã được gửi ngay lập tức đến cả Manila và Sài Gòn.

Khi Martin nhận được chỉ thị vào chiều ngày mười, anh ta đã xé nó ra và không thông báo cho Smith hoặc Baughn về điều đó. Anh ta không thích giọng điệu hống hách của Sullivan và sự can thiệp của Washington. Nhưng một hoặc hai giờ sau, khi ông đang xem qua một số thông tin cáp khác, ông đã gặp phải một điều gì đó khiến ông phải xem xét lại các hoạt động của DAO. Đó là một bản sao của tin nhắn mà Baughn đã gửi đến Washington vào đầu ngày hôm đó về yêu cầu quân đội chiến đấu cho Tân Sơn Nhất. Đọc qua bức điện, Martin tức giận, cả về nội dung của nó và về việc Baughn đã tự ý gửi một thông điệp như vậy về nhà mà không thông qua ý kiến của ông. Không chớp mắt, ông nhấc máy

một đường dây bảo mật, gọi thẳng đến Lầu Năm Góc và yêu cầu Baughn phải bị sa thải ngay lập tức vì lý do không tuân lệnh. Đặc biệt, ông ta cố gắng buộc tội Baughn trong vụ vận chuyển hàng không trái phép đến Clark.

Ngày hôm sau, Lầu Năm Góc đã làm theo yêu cầu của Martin, kéo Baughn ra khỏi Sài Gòn - và do đó tước đi quyền của một trong những người lập kế hoạch sơ tán năng nổ nhất tại Đại sứ quán.

Thật nhanh chóng, bộ máy quan liêu tấn công chính những người của mình ! Để một người rơi vào tình trạng mất uy tín, ngay cả những người mà anh ta coi là bạn bè cũng có khả năng quay lưng lại với anh ta. Và Baughn cũng vậy. Sau sự sụp đổ của Việt Nam, Tướng Smith

khẳng định rằng vị tướng Không quân chỉ là một "phi công chiến đấu", và các thành viên khác của nhân viên Đại sứ quán cố gắng đổ lỗi cho ông về nhiều vấn đề của Sài Gòn, bao gồm cả sự yếu kém của lực lượng không quân Việt Nam Cộng hòa.

Nhưng sự thật là Richard Baughn, qua một sai lầm hành chính của người khác, đã trở thành biểu tượng cho Đại sứ về tất cả những nguy hiểm mà ông cảm nhận xung quanh mình : áp lực cho một cuộc sơ tán nhanh chóng và mối đe dọa về sự không phục tùng trong một đội ngũ nhân viên bất mãn. Và Martin đã phản ứng theo cách đặc trưng của mình, với hành động phòng ngừa quy mô lớn. *

*[Trong lời khai trước Quốc hội một năm sau khi miền Nam Việt Nam sụp đổ, Đại sứ phủ nhận rằng ông đã sa

thải Baughn - điều này về mặt kỹ thuật là đúng : ông đã để Lầu Năm Góc và Smith làm điều đó thay ông. Trong một bước ngoặt Machiavelli [chỉ những hành động chính trị vô đạo đức] khác, ông cũng cố gắng liên kết bản thân với chính vấn đề mà ông đã dùng làm cái cớ để loại bỏ tướng Không quân : "Điểm duy nhất của tôi là có cáo buộc rằng Tướng Baughn - tôi không biết điều này có đúng hay không và tôi chắc chắn sẽ rất đồng cảm với ông ấy nếu điều đó là đúng - nhận thấy thang máy rỗng ngược trở lại Clark, đã bắt đầu cho... các nhân viên Không quân Việt Nam lên những chiếc máy bay này trở về." Như tôi đã nói, tôi rất đồng cảm với điều đó."]

Khi Đại sứ quán vật lộn với những rào cản của Martin, ba sư đoàn BV tiếp

tục tấn công Xuân Lộc, cách Sài Gòn ba mươi tám dặm về phía đông bắc. Trong hai ngày đầu của trận chiến, 9 và 10 tháng 4, hơn 1.000 quả tên lửa và pháo kích đã trút xuống 100.000 cư dân bất hạnh của thành phố, và một trung đoàn BV đã tạm thời xâm nhập vào giới hạn của thành phố. Đêm hôm sau, lực lượng chính phủ, giờ đã lên tới 25.000 quân (gần một phần ba quân đội Việt Nam Cộng Hòa còn lại), đã phản công và đẩy lùi kẻ xâm lược. Nhưng cuộc pháo kích vẫn tiếp tục không ngừng và không quân Việt Nam Cộng Hòa đã góp phần vào cuộc tàn sát bằng cách ném bom từ độ cao 10.000 feet như thường lệ.

Trước bối cảnh này, Polgar quyết định thực hiện một nỗ lực nữa để kêu gọi Washington có hành động chính trị khắc

phục. Vào buổi sáng ngày mười, phó của ông ấy, John Pittman, đã gọi tôi vào văn phòng của ông ấy và phác thảo kế hoạch. Tôi phải chuẩn bị một đánh giá thực địa mới, ông ấy nói, cái này sẽ xem xét tất cả các cách khả thi để thực hiện một cuộc sơ tán. Cuối cùng, tôi phải chứng minh rằng không phương án nào trong số đó sẽ hiệu quả. "Đúng vậy," ông nhấn mạnh khi tôi há hốc miệng ngạc nhiên. "Polgar muốn thuyết phục Washington rằng không có lựa chọn nào khác ngoài can thiệp chính trị."

Khi tôi đi bộ trở lại văn phòng, tôi cảm thấy tê liệt và hoàn toàn chán nản. Sự gia tăng hoạt động quân sự rõ ràng đã có tác động "sai lầm" đến Polgar. Thay vì tập trung vào nhu cầu phải sơ tán khẩn cấp, nó chỉ làm tăng quyết tâm của ông trong việc buộc phải đạt được một thỏa

thuận. Và bây giờ tôi sẽ góp phần vào kế hoạch thiếu suy nghĩ này bằng cách chứng minh rằng không còn cách nào khác.

Tuy nhiên, không cần nhiều trí tưởng tượng để đưa ra một lập luận thuyết phục cho luận điểm cơ bản của Polgar. Nếu chúng ta cố gắng, chẳng hạn, di chuyển một số lượng lớn người Việt Nam qua đất liền đến Vũng Tàu để sơ tán qua các bãi biển, như một số nhà hoạch định của Đại sứ quán đã gợi ý, quân đội hoặc chính những người cộng sản có thể can thiệp. Ngược lại, bất kỳ nỗ lực nào để vận chuyển hàng loạt người Mỹ và Việt Nam ra khỏi Tân Sơn Nhất bằng đường hàng không rất có thể sẽ dẫn đến bạo loạn quy mô lớn. Kết luận : việc sơ tán quy mô lớn, liên quan đến 100.000 người hoặc

hơn, là không thể, hoặc gần như không thể.

Nghiên cứu của tôi đã được gửi đến Washington qua "kênh bí mật" trong định dạng cực kỳ mật và không được lưu hành trong Đại sứ quán chút nào. Chỉ có Martin có cơ hội xem xét nó trước khi phát hành. Ông ấy nói với tôi rằng ông không hoàn toàn đồng ý với các kết luận của nó. Mặc dù ông ấy sẵn lòng thừa nhận những khó khăn của một cuộc di tản, đặc biệt là một cuộc di tản liên quan đến số lượng lớn người Việt Nam, ông ấy không sẵn sàng coi đó là điều không thể thực hiện được. *

*[Tại Washington, luận văn ảm đạm của tôi được chấp nhận dễ dàng hơn. Hội đồng An ninh Quốc gia, trong một ng-hiên cứu riêng của mình, cũng kết luận

rằng khả năng xảy ra một cuộc di tản quy mô lớn (100.000 người trở lên) là rất thấp. Tương tự, trong bức điện gửi đến Lầu Năm Góc vào ngày thứ chín, Gayler lập luận rằng nếu không có sự đồng ý ngầm của chính phủ Sài Gòn và người dân, thì ngay cả việc cam kết số lượng lớn lực lượng an ninh Mỹ cũng không thể đảm bảo thành công.]

Khi nghiên cứu của tôi được gửi đến trụ sở CIA, tôi đã gần như tuyệt vọng. Sau khi thoáng thấy toàn bộ quy mô của vấn đề di tản, tôi cảm thấy lo lắng vì sự chuẩn bị của chúng ta không đủ và quyết tâm cảnh báo các đồng nghiệp ở nhà về điều đó. Vấn đề là : làm thế nào để thực hiện điều này mà không gây phẫn nộ cho Polgar. May mắn thay, tôi không phải tìm kiếm quá xa để tìm ra giải pháp. Ngay trước khi kết thúc ngày

mười, tôi nhận được một cuộc gọi từ hai người bạn Moose và Miessner, những người vẫn đang lén lút điều tra ở Sài Gòn thay mặt cho Ủy ban Đối ngoại Thượng viện. Họ muốn tôi cung cấp thêm một số thông tin nền tảng cho báo cáo cuối cùng của họ gửi lên Quốc hội. Tôi nhận ra ngay lập tức rằng đây chính là cơ hội mà tôi đã tìm kiếm.

Tối hôm đó, ba chúng tôi gặp nhau tại quán cà phê của khách sạn Majestic cổ kính bên bờ sông. Sau một ly Scotch-on-the-rocks làm dịu thần kinh, tôi bắt đầu kể chi tiết về cuộc khủng hoảng của chúng tôi: quân Bắc Việt đang tiến công vào Xuân Lộc; thông tin tình báo gần đây dự đoán một cuộc tấn công vào Sài Gòn có thể xảy ra sớm nhất là giữa tháng Tư; và kế hoạch sơ tán của Đại sứ quán,

ngoài sự đóng góp của DAO, vẫn còn lộn xộn.

Moose lo lắng nghịch ngợm ria mép của mình khi nghe, và hai lần Miessner suýt nghẹn với miếng thịt trâu nước của mình. Cả hai người đã ở Phnom Penh trong khoảng một ngày qua. Họ không hề biết tình hình ở Việt Nam đã xấu đi nghiêm trọng như vậy.

Sau cuộc trò chuyện của chúng tôi, họ lái xe đến Đại sứ quán và gửi một bức điện đến cấp trên của họ trong Thượng viện, thông báo rằng họ sẽ trở về nhà ngay lập tức với tin xấu. Họ cũng đã soạn thảo một báo cáo sơ bộ về những gì tôi (và những người khác) đã nói với họ, và chuẩn bị gửi nó qua phòng liên lạc của Đại sứ quán khi Moose có suy nghĩ thứ hai nghiêm trọng. Họ nên gửi nó qua

Đại sứ quán ở Manila vào ngày hôm sau, anh ta đề nghị, để Martin không có cơ hội kiểm duyệt nó.

Chỉ vài giờ sau cuộc trò chuyện của tôi với hai nhân viên Thượng viện, Tổng thống Ford đã xuất hiện trước phiên họp chung của Quốc hội để công bố một số quyết định gần đây được WSAG thảo luận. Hứa hẹn sẽ cắt giảm nhanh chóng số lượng công dân Mỹ ở Sài Gòn, ông đã yêu cầu Quốc hội xác nhận lại quyền hạn của mình trong việc sử dụng lực lượng quân sự trong bất kỳ cuộc sơ tán quy mô lớn nào. Ông cũng kêu gọi 722 triệu đô la viện trợ quân sự cho Nam Việt Nam, và 250 triệu đô la viện trợ kinh tế khẩn cấp, nói rằng số tiền này cần thiết để cho Sài Gòn "một cơ hội để tự cứu mình" - và để mua thời gian cho một "giải quyết chính trị." Hơn nữa, "nếu điều tồi tệ nhất

xảy ra," ông tuyên bố, sự hào phóng như vậy "ít nhất sẽ cho phép việc di tản có trật tự của người Mỹ và người Việt Nam đang gặp nguy hiểm," mà theo ông, số lượng này lên tới "hàng chục nghìn."

Không ở đâu Ford đề cập đến kế hoạch hòa bình của Chính quyền cho Campuchia. Khi thảo luận về tình hình ở đó, ông chỉ nói rằng viện trợ bổ sung của Mỹ có thể là "quá muộn."

Phản ứng của Quốc hội đối với bài phát biểu diễn ra nhanh chóng và gần như đồng loạt tiêu cực. Chỉ trong vài giờ, ngay cả các Thượng nghị sĩ và Hạ nghị sĩ thường ủng hộ Nam Việt Nam cũng lên án sự vô ích của việc ném thêm tiền tốt vào những điều xấu.

Những phát biểu của Tổng thống về việc sử dụng lực lượng chiến đấu cũng

đã gặp phải sự chỉ trích mạnh mẽ. Một số nghị sĩ Quốc hội phản đối ý tưởng này trên các nguyên tắc chung. Những người khác, trong khi ủng hộ việc cam kết quân đội để bảo vệ mạng sống của người Mỹ, lại phản đối việc sử dụng họ để giúp sơ tán người Việt. Nhiều tranh cãi nảy sinh từ sự mơ hồ trong các tuyên bố của Chính quyền về vấn đề này. Trong dự thảo luật được gửi lên Đồi Capitol, Ford chỉ yêu cầu rằng không có quy định nào hiện có của Quốc hội về hoạt động quân sự ở Đông Dương được hiểu là "giới hạn việc sử dụng lực lượng vũ trang" để hỗ trợ "trong một cuộc sơ tán nhân đạo." Nhiều nhà lập pháp đã đọc được một ý nghĩa xấu xa trong ngôn ngữ lỏng lẻo này. Cuối cùng, chính là một tài liệu được viết một cách mơ hồ như vậy - Nghị quyết Vịnh Bắc Bộ năm 1964 - đã ban đầu tước bỏ quyền hạn của

nó trong lĩnh vực chiến tranh. Và chính quyền Johnson có phải đã điều động lực lượng tham chiến ở Santo Domingo vào năm 1965 dưới cái cớ sơ tán người Mỹ không ?

Trong nỗ lực tìm kiếm một giải pháp trung gian, một số Thượng nghị sĩ đã đề xuất một phương án thay thế cho yêu cầu của Tổng thống, một phương án sẽ cấp quyền lực mà ông ấy tìm kiếm dưới các điều kiện được xác định rõ ràng, đồng thời thiết lập quyền của Quốc hội trong việc phê duyệt hoặc không phê duyệt việc sử dụng lực lượng Mỹ trong bất kỳ cuộc sơ tán nào. Nhưng Nhà Trắng nhanh chóng bày tỏ sự phản đối, cho rằng bất kỳ biện pháp nào như vậy sẽ là một sự xâm phạm không thể chấp nhận vào quyền lực Hiến pháp của Tổng thống.

Về mọi mặt thực tiễn, cuộc tranh

luận gần như không còn ý nghĩa ngay cả khi Nhà Trắng và Quốc hội đối đầu với nhau. Vài ngày trước đó, Ford đã đơn phương cam kết các tàu chiến tham gia các hoạt động vận chuyển bằng đường biển ngoài QK 1 và 2, và do đó đã thiết lập một tiền lệ cho việc thực hiện hành động như vậy mà không cần sự chấp thuận rõ ràng của Quốc hội. Hơn nữa, trong vòng hai mươi bốn giờ sau bài phát biểu của ông, áp lực cho một sáng kiến tham vọng hơn theo hướng này - lần này là ở Cam-puchia - sẽ khiến tất cả các phản đối của Quốc hội trở nên không còn ý nghĩa.

Đến sáng ngày mùng mười, lực lượng cộng sản Khmer đã tiến vào ba ngôi làng ngay phía bắc Phnom Penh và đã tăng cường các cuộc tấn công pháo kích vào sân bay. Ngay sau khi bình minh ló rạng,

một chiếc DC-3 của Mỹ thuê bị trúng mảnh đạn khi đang lăn bánh trên đường băng, và bốn thành viên trong phi hành đoàn của nó, bao gồm cả phi công tự do người Mỹ, đã thiệt mạng. Ngay sau đó, Dean đã gửi điện tín cho Kissinger, một lần nữa xin phép được sơ tán số nhân viên còn lại của mình. Trong thời điểm đó, Kissinger đã ngăn ông ta lại, lập luận rằng việc sơ tán vẫn có thể không cần thiết. Một đại diện của Mỹ ở Bắc Kinh, ông nói, sẽ bắt đầu thảo luận với một quan chức của chính phủ lưu vong của Sihanouk vào chiều hôm đó.

Cuộc họp được đề cập diễn ra vào lúc 5 giờ chiều, giờ Bắc Kinh. Người phát ngôn của Mỹ, viên chức Bộ Ngoại giao John Holdridge, đã thông báo với trợ lý chính của Sihanouk rằng Hoa Kỳ hiện đã sẵn sàng hoàn toàn để hỗ trợ nhà lãnh

đạo lưu vong trong nỗ lực tìm kiếm một giải pháp và sẽ duy trì sự hiện diện của Mỹ tại Phnom Penh để giúp ông thực hiện điều đó. Quan chức Campuchia cho biết rằng Sihanouk sẽ bay đến Phnom Penh ngay lập tức.

Trong vài giờ tới, tuy nhiên, việc pháo kích của quân đội Cộng sản đã đóng cửa sân bay Phnom Penh, và Đại sứ Dean lại cầu xin Kissinger cho phép một cuộc di tản toàn bộ. Lần này, Bộ trưởng cảm thấy ông không còn lựa chọn nào khác ngoài việc đồng ý. Do đó, ngay trước bình minh vào ngày thứ mười hai, Holdridge đã thông báo cho Sihanouk rằng tình hình quân sự xung quanh Phnom Penh đã xấu đi đến mức Đại sứ quán sẽ phải đóng cửa. Tại Washington, Chính quyền ngay lập tức thông báo cho các lãnh đạo Quốc hội rằng Tổng thống đã

ủy quyền sử dụng trực thăng, hỗ trợ không quân và lực lượng an ninh Thủy quân lục chiến để di tản những người Mỹ còn lại ở Phnom Penh theo quyền hạn của ông với tư cách là Tổng Tư lệnh. Giai đoạn cuối cùng của cuộc di tản ở Campuchia mang tên "Eagle Pull" giờ đây đã trở thành hiện thực.

Văn phòng lãnh sự của Đại sứ quán tại Phnom Penh đã cố tình đặt chỗ quá mức, dự đoán sẽ có hơn 300 hành khách, để nếu có bất kỳ người Mỹ nào hoặc "công dân nước thứ ba" nào chưa được liên lạc trong vài ngày qua xuất hiện tại bãi đáp trực thăng cách Đại sứ quán hai dãy nhà, sẽ có đủ chỗ ngồi.

Chiếc đầu tiên trong số các máy bay Phantom được giao nhiệm vụ bay bảo vệ đã vào không phận Campuchia lúc 8:34 sáng. Một tiếng rưỡi sau, những

chiếc trực thăng CH-53 lớn bắt đầu bay lượn thấp trên rìa thành phố, đến theo từng đợt ba chiếc, chiếc đầu tiên chở các thành viên của lực lượng an ninh Thủy quân Lục chiến gồm 350 người.

Khoảng một trăm người Campuchia sớm tập trung bên ngoài cổng chính của Đại sứ quán và tại bãi đỗ trực thăng gần đó. Không có sự hoảng loạn nào giữa họ, không có sự hỗn loạn nào trên đường phố. Nhiều người cho rằng các trực thăng đang đưa quân đội Mỹ vào để cứu thành phố và đã đề nghị giúp cảnh sát Khmer kiểm soát giao thông và đám đông gần các khu vực hạ cánh.

Trong giờ tiếp theo, ba mươi sáu chiếc trực thăng Mỹ đã hạ cánh và cất cánh mà không gặp sự cố nào. Tám mươi hai người Mỹ, ba mươi lăm "công dân nước thứ ba" và 159 người Campuchia,

bao gồm một số nhân viên Đại sứ quán, đã được sơ tán.

Ngay trước buổi trưa, Đại sứ Dean kẹp lá cờ Mỹ của Đại sứ quán dưới cánh tay và leo lên một trong những chiếc trực thăng cuối cùng. Tướng Liên Tịch Saukham Khoy, Tổng thống lâm thời Campuchia, đã ở bên cạnh ông, nhưng một số lãnh đạo Campuchia khác đã từ chối lời đề nghị trợ giúp của ông. Sirak Matak, một cựu Thủ tướng dưới thời Lon Nol, đã gửi cho Dean một bức thư giải thích sự do dự của mình : "Kính thưa Ngài và Bạn bè : Tôi chân thành cảm ơn Ngài vì bức thư và lời đề nghị đưa tôi đến tự do. Tôi không thể, thật đáng tiếc, rời đi theo cách hèn nhát như vậy. Còn về phần bạn, và đặc biệt là đất nước vĩ đại của bạn, tôi chưa bao giờ tin rằng bạn lại có cảm giác bỏ rơi những người đã

chọn tự do. Bạn đã từ chối bảo vệ chúng tôi và chúng tôi không thể làm gì về điều đó. Bạn rời đi và tôi mong rằng bạn và đất nước của bạn sẽ tìm thấy hạnh phúc dưới bầu trời... Tôi chỉ phạm sai lầm khi tin vào người Mỹ.

Khi trực thăng của Đại sứ cất cánh, các thủy quân lục chiến bắt đầu thắt chặt vòng bảo vệ quanh bãi đáp. Ngay lập tức, các pháo thủ KC ở rìa thành phố đã nã pháo vào Đường Đại sứ quán, bắn phá nó bằng tên lửa và đạn cối như họ đã không làm trong hai tuần. Các thủy quân lục chiến vội vàng tìm kiếm trực thăng của riêng mình khi đám đông tan rã.

Trong vài ngày tiếp theo, các máy bay vận tải Mỹ đã thả từng đợt thực phẩm và các vật dụng khác vào thủ đô bị bao vây. Cuối cùng, vào ngày mười bảy, khi hàng đoàn quân đội cộng sản lộn xộn đã chiến

đấu dọc theo sông Mekong tràn vào các vùng ngoại ô phía nam của thành phố, "Ủy ban Tướng lĩnh" được thành lập để tiến hành trận chiến cuối cùng đã yêu cầu một lệnh ngừng bắn. Yêu cầu đã bị từ chối. "Chúng tôi tiến vào Phnom Penh như những kẻ chinh phục," đài KC bí mật tuyên bố. "Chúng tôi ra lệnh cho tất cả các sĩ quan và quan chức của chế độ bù nhìn Phnom Penh đầu hàng dưới lá cờ trắng."

Ngày hôm sau, hàng nghìn thường dân ở Phnom Penh và các thành phố khác đã được lệnh rời khỏi ngay lập tức và tìm nhà mới ở vùng nông thôn. Cuộc di cư cưỡng bức này, được thực hiện theo các kế hoạch KC lâu đời, đã khiến các mạng lưới gián điệp của Mỹ trên khắp đất nước bị phá vỡ và vô dụng, vì mặc dù có nhiều thông tin tình báo chỉ ra một "sự

chăn thả" như vậy của xã hội dưới sự cai trị của cộng sản, những nhà hoạch định CIA cuối cùng ở Phnom Penh đã chọn tập trung các hoạt động ở lại của họ vào các thành phố, thiết lập tất cả các thiết bị đầu cuối vô tuyến bí mật và các nhóm gián điệp bí mật của họ ở đó. Khi chính các thành phố bị giải tỏa, các mạng lưới sụp đổ, khiến chúng ta gần như không còn cách nào để thu thập thông tin tình báo ở Campuchia sau chiến tranh. *

*[Sự phát triển không may này là kết quả trực tiếp của việc không chú ý đến thông tin tình báo của chính chúng ta, vì chúng ta đã biết trong nhiều năm rằng lãnh đạo KC Khieu Samphan dự định phá hủy các thành phố và biến xã hội thành một điền trang nông thôn lớn nếu phong trào của ông ta được ban phước với chiến thắng. Đây là một trong những

nguyên tắc chính trong luận văn mà ông đã viết khi còn là sinh viên. Hơn nữa, trong những tháng cuối của cuộc chiến, Cộng sản đã hệ thống giảm dân số ở mọi thị trấn lớn mà họ đã chiếm được, do đó cung cấp thêm bằng chứng cho mục tiêu tổng thể của họ.]

Sau khi cộng sản nắm quyền, một số ít người nước ngoài và phóng viên còn lại ở Phnom Penh, bao gồm cả các thành viên của Phái bộ Liên Xô, đã trú ẩn trong Đại sứ quán Pháp và ở lại đó trong vài tuần tiếp theo, tranh giành nhau những khẩu phần thực phẩm ít ỏi trong khi giữ cổng đóng chặt đối với người Campuchia. Khi Sirak Matak và cựu Thủ tướng Long Boret xuất hiện để tìm kiếm nơi tị nạn trong số họ, họ đã bị từ chối ngay lập tức. Cả hai sau đó đã bị các nhà lãnh đạo cộng sản xử án tử hình.

Vào tháng Năm, những cư dân đa dạng của Đại sứ quán Pháp cuối cùng đã rời khỏi bằng đoàn xe đường bộ đến Thái Lan. Mười hai nhà báo trong số họ đã mang ra những câu chuyện về sự tàn sát và nạn đói lan rộng, và các kênh tình báo Mỹ xôn xao với tin đồn rằng ít nhất hai người Mỹ, những người định cư lâu năm đã chọn ở lại Phnom Penh, đã bị KC trả thù giết chết. Trong vài tháng tiếp theo, bằng chứng về những hành động thái quá của KC tiếp tục gia tăng khi ngày càng nhiều người Campuchia hoảng sợ chạy trốn sang Thái Lan. Nhưng mặc dù có vẻ khó tin, không bao giờ có bất kỳ tiếng kêu gọi quốc tế nào, không có tiếng nói tự do nào kêu gọi một cuộc điều tra của Hội Chữ thập Đỏ. Tất cả những nhà nhân đạo quan tâm trên khắp thế giới, những người từng một cách chính đáng phản đối sự tàn bạo của cuộc ném bom

Campuchia của Mỹ, giờ đây lại im lặng một cách bất thường. **

** [Ước tính sơ bộ cho thấy có lẽ khoảng 300.000 người Campuchia đã chết, hoặc do thiếu thốn hoặc bị xử án, trong cuộc di cư khỏi các thành phố kéo dài trong sáu tháng đầu của chế độ KC. Trong hai năm tiếp theo, số lượng nạn nhân có thể đã tăng gấp bốn lần. Khieu Samphan tự mình đã cung cấp có lẽ là ước tính đáng tin cậy nhất về số lượng thương vong. Trong một hội nghị của các nước không liên kết tại Colombo vào tháng 8 năm 1976, ông đã thừa nhận với một nhà báo người Ý rằng dân số Campuchia đã giảm một triệu kể từ khi chiến tranh kết thúc. Khi được hỏi những người đó đã đi đâu, ông trả lời, "Thật không thể tin được rằng các bạn phương Tây lại quan tâm đến tội phạm

chiến tranh đến vậy."]

Bức ảnh của ông ấy đã xuất hiện trên trang nhất của Pacific Stars and Stripes vài ngày sau đó : Đại sứ John Gunther Dean, với khuôn mặt nghiêm nghị, cầm lá cờ cuộn tròn dưới cánh tay, chuẩn bị lên chiếc trực thăng của mình rời khỏi Phnom Penh. Tôi đã nhìn chằm chằm vào bức ảnh một thời gian dài, và tự hỏi liệu sự nhục nhã, cơn thịnh nộ và sự nhẹ nhõm không thể tránh khỏi có hòa hợp với nhau không. Nhưng khuôn mặt không nói lên điều gì, và ngoại trừ người lính thủy đánh bộ mặc áo giáp ở phía sau, hình ảnh có thể là của một ngân hàng hoặc nhà công nghiệp giàu có người Mỹ, mặc bộ vest tối màu, thanh lịch, bước lên trực thăng riêng của mình để đến một hội nghị doanh nhân.

Không có bất kỳ sự kịch tính nào,

không có vẻ nguy hiểm. Nếu cuộc chia tay có thể nhẹ nhàng như vậy, tôi nghĩ, thì chúng tôi ở Sài Gòn không có gì phải lo lắng.

Nhưng những so sánh như vậy là không thể áp dụng. Chỉ có 1.200 người Campuchia đã rời khỏi đất nước của họ trong ba tuần rút lui trước khi diễn ra Eagle Pull, trong khi ở Sài Gòn, danh sách những người tị nạn "chủ chốt" của Việt Nam đã lên tới "hàng chục nghìn" theo cách nói của Ford.

Chính phủ Sài Gòn đã cố gắng thu lợi từ thảm kịch Phnom Penh bằng cách dành nhiều thời gian phát sóng cho những tin đồn về tội ác của KC. Nếu mục tiêu là kích thích cảm giác chống cộng sản trong dân chúng, thì mánh khóe này đã thành công quá mức. Nhiều người Sài Gòn cảm thấy sợ hãi hơn là được củng

cố bởi những gì họ nghe thấy, và với cảm giác định mệnh của người châu Á, họ kết luận rằng cơn sóng đang nghiêng hẳn về phía những người cộng sản ở cả hai bên biên giới.

Bắc Việt dường như cũng đưa ra một phán đoán tương tự. Viết sau về sự sụp đổ của Campuchia, Tướng Dũng tuyên bố rằng ông và các đồng chí của ông đã coi đó là bằng chứng thêm rằng Hoa Kỳ giờ đây đã sẵn sàng từ bỏ các chế độ "bù nhìn" ở Đông Dương. Con đường đến Sài Gòn đã mở. *

[Sau khi Sài Gòn sụp đổ, thông tin xuất hiện cho thấy rằng một sư đoàn BV có thể đã được chuyển hướng đến Campuchia vào giữa tháng Tư để hỗ trợ lực lượng KC nhằm vào Phnom Penh.]

25. Hàng xa xỉ bị loại bỏ

Ngày hôm sau sau khi sơ tán Phnom Penh, một số đơn vị biệt kích NVA đã quay về phía bắc quanh Xuân Lộc và tấn công vào con đường chạy về phía tây hướng tới Biên Hòa và chính Sài Gòn, và lực lượng Cộng sản ở đồng bằng hạ lưu đã tạm thời xâm nhập vào phòng thủ của chính phủ phía bắc và tây bắc thành phố Cần Thơ, nơi đặt lãnh sự quán Mỹ ở MR 4. Như thể để tận dụng những thành công trên chiến trường của họ, các lực lượng cộng sản cũng đã áp dụng một đường lối cứng rắn

mới về chính trị. Một phát ngôn viên của Mặt trận Giải phóng miền Nam tại Tân Sơn Nhất cảnh báo về một cuộc nổi dậy lớn ở Sài Gòn trừ khi Thiệu từ chức và "các cố vấn quân sự ngụy trang thành dân thường" rời đi ngay lập tức.

Khi tôi biết về những nhận xét này, tôi đã gợi ý với Polgar rằng Hà Nội có thể đang đưa ra một tối hậu thư cho chính Đại sứ quán. Vì các nhà lãnh đạo cộng sản đã lâu nay mô tả tất cả chúng tôi là "cố vấn quân sự," có vẻ như họ đang nói với chúng tôi một cách rõ ràng : ra ngoài hoặc chịu hậu quả. Polgar không chắc chắn lắm.

Vài giờ sau, Hà Nội đã đưa ra một lời giải thích kiểu như vậy. Trong một thông cáo công khai, Bộ Ngoại giao Bắc Việt Nam thông báo rằng việc sơ tán người Mỹ có thể dễ dàng thực hiện mà không

cần sử dụng lính thủy đánh bộ và trực thăng nếu được thực hiện "ngay lập tức." Rõ ràng là Bộ Chính trị đang ngày càng lo ngại về việc hạm đội hải quân Mỹ mở rộng ngoài khơi và mong muốn chúng tôi tiến hành sơ tán càng nhanh càng tốt.

Khi tiếng gươm đao vẫn tiếp tục vang lên, tướng Dũng và các nhân viên cấp cao của ông bắt đầu vật lộn với một số quyết định chính sách quan trọng. Vào thứ Hai, ngày mười bốn, một hội nghị chính sách kéo dài bốn ngày đã được triệu tập tại sở chỉ huy của họ ở Lộc Ninh để xem xét một loạt chỉ thị mới từ Hà Nội. Điều quan trọng nhất liên quan đến sự thay đổi đột ngột trong thời gian biểu cho chiến thắng.

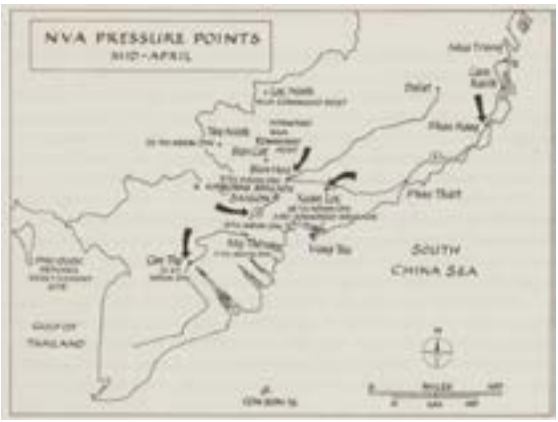

Ngay sau các cuộc tấn công ban đầu vào Xuân Lộc vài ngày trước đó, Dũng đã liên lạc với Bộ Chính trị và yêu cầu thêm thời gian để chuẩn bị cho cuộc tấn công vào chính Sài Gòn. Lý do cho yêu cầu của ông - theo hồi ký của ông - hoàn toàn mang tính chiến thuật. Một điều nữa là Sư đoàn 18 VNCH tại Xuân Lộc đã phòng thủ chặt chẽ hơn dự kiến. Hơn nữa, đã có những khó khăn trong việc chuyển quân xuống phía nam ra khỏi QK 2, một phần vì sự kháng cự kiên cường của lực lượng chặn đứng tạm thời

của tướng Nghi tại Phan Rang. Ngoài ra, các nhà hoạch định của Hà Nội cũng không thể di chuyển nhân lực và vật tư đủ nhanh để đáp ứng nhu cầu của Dũng ở khu vực Sài Gòn, và vừa thông báo cho ông rằng các đơn vị cuối cùng của Quân đoàn 1 BV từ Bắc Việt sẽ không có mặt ở QK 3 cho đến ngày hai mươi lăm, hơn một tuần nữa.

Xét đến những vấn đề này - và có lẽ cũng vì lo ngại cho hạm đội hải quân Hoa Kỳ - Bộ Chính trị đã chấp thuận đề xuất của Dũng, ủy quyền cho ông lùi ngày bắt đầu cuộc tấn công cuối cùng (theo thông tin tình báo mới nhất của chúng tôi, đã được lên kế hoạch bắt đầu từ ngày mười lăm đến mười chín) thêm vài ngày nữa.

Rõ ràng là không bao giờ có bất kỳ câu hỏi nghiêm túc nào về việc chiến dịch sẽ được đưa đến cao trào nhanh

nhất có thể. “Mùa mưa đang đến gần,” Lê Đức Thọ nhắc nhở các đồng nghiệp tại phiên khai mạc vào ngày mười bốn. “Chúng ta phải hành động nhanh chóng để hoàn thành nhiệm vụ trước khi nó đến.” Một ngày sau đó, Phạm Hùng đề xuất một thời hạn mới cho chiến thắng : “Chúng ta phải cố gắng có mặt ở Sài Gòn để kỷ niệm sinh nhật Hồ Chí Minh” (19 tháng 5).

Để đẩy nhanh tiến độ triển khai vũ khí của Bắc Việt, trong hội nghị, Dũng đã quyết định không lãng phí thêm thời gian vào Xuân Lộc mà sẽ bỏ qua hoàn toàn. Ông cũng đề xuất với các đồng chí ở Hà Nội rằng cuộc tấn công vào chính Sài Gòn nên được đặt một tên gọi phù hợp với mục đích lịch sử của nó. Bộ Chính trị nhanh chóng gửi lại một câu trả lời : «Đồng ý rằng chiến dịch tiến vào

Sài Gòn được gọi là Chiến dịch Hồ Chí Minh." Thông điệp được ký tên "Lê Duẩn, Bí thư Thứ nhất Trung ương Đảng."*

* [Trong vài ngày tiếp theo, Dũng phân công nhiệm vụ cho các chỉ huy chiến trường của mình. Tướng Lê Đức An, chỉ huy của bốn sư đoàn tạo thành Nhóm Tác Chiến 232, sẽ tiến lên Đường 4 hướng về Sài Gòn từ đồng bằng. Tướng Vũ Lăng, tư lệnh Quân đoàn III, sẽ ném ba sư đoàn của ông vào thủ đô từ hướng Tây Ninh. Quân đoàn I của Tướng Nguyễn Hòa sẽ tấn công từ phía đông bắc, và sáu sư đoàn của Quân đoàn II và IV hợp nhất, dưới sự chỉ huy của học trò của Dũng, Tướng Lê Trọng Tấn, sẽ tập trung vào mặt trận Xuân Lộc-Biên Hòa.]

Dưới các hướng dẫn mới được đưa ra tại phiên họp chính sách, cuộc tấn công nhanh chóng thu được đà tiến. Vào

sáng ngày mười lăm, các pháo thủ BV đã bắn phá sân bay Biên Hòa bằng pháo tầm xa lần đầu tiên trong cuộc chiến, và xa hơn về phía đông, một sư đoàn BV thứ tư, sư đoàn 325 từ Huế, đã đến vị trí trên mặt trận Xuân Lộc ngay khi các đơn vị BV khác bắt đầu lặng lẽ bao vây các phòng thủ của chính phủ phía bắc và nam của thị trấn, như Dũng đã ra lệnh. Xuân Lộc giờ đây đang chịu đựng hỏa lực pháo kích không ngừng - hơn 2.000 viên đạn đã rơi xuống trong vòng hai mươi bốn giờ qua - và những tàn quân của Sư đoàn 18 dưới quyền Tướng Đảo đang được trực thăng cứu thoát khỏi các vùng ngoại ô phía đông, trong khi phụ nữ và trẻ em tranh giành chỗ đứng với những người bị thương trên sàn trực thăng. Phía đông bắc Xuân Lộc, ba sư đoàn BV khác đang tiến vào lãnh thổ duy nhất còn lại của chính phủ dọc theo bờ

biển trung tâm, một đoạn đất thấp dài bảy mươi lăm dặm kéo dài từ Phan Rang (quê hương của Tổng thống Thiệu) đến thành phố Phan Thiết. Quân đội chắp vá của Tướng Nghi, vốn đã tạm thời làm chậm bước tiến, giờ đây đang bắt đầu tan rã dưới áp lực.

Khi chiến dịch Hồ Chí Minh tiến triển, những người ở Sài Gòn ủng hộ một giải pháp chính trị đã tăng cường nỗ lực của họ. Hai mươi sáu chính trị gia bảo thủ nhất của Sài Gòn đã phát động một bản tuyên ngôn vào ngày mười ba, kêu gọi chính phủ nhượng bộ lãnh thổ để đạt được hòa bình, và Bộ trưởng Quốc phòng mới, Trần Văn Đôn đã bí mật họp với các đồng chí trong nội các mới của Cẩn và thuyết phục họ rằng một lệnh ngừng bắn phải được sắp xếp bằng mọi giá.

Trong khi đó, người Pháp quyết định đưa ra những tín hiệu mới đến người Mỹ nhằm nỗ lực thu hút họ tham gia vào những nỗ lực hòa bình đang bị đình trệ của mình. Lần này. Mérillon đã chọn Polgar, thay vì Martin, làm đối tượng của những lời nịnh nọt của mình, vì ông biết rằng Trưởng ga đã cam kết mạnh mẽ với ý tưởng về một thỏa thuận nào đó.

Người Pháp tiếp cận bên hồ bơi tại Cercle Sportif vào buổi chiều ngày mười ba. Polgar, mặc bộ đồ bơi xanh đã phai màu, đang quan sát những người tắm biển mặc bikini qua mép tờ Saigon Post của mình thì Pierre Brochand, trưởng phòng tình báo Pháp, lén lút tiến lại gần. Ngồi xuống một chiếc ghế đẩu bên cạnh Polgar, người Pháp bắt đầu phác thảo vị trí của chính phủ mình một cách cẩn thận và thuyết phục. Ông cho biết, mặc

dù người Pháp không mong đợi hệ thống phòng thủ của Sài Gòn sụp đổ trong vài tuần tới, nhưng họ cho rằng tình hình quân sự đã vượt quá khả năng cứu vãn. Do đó, cần phải làm ngay một điều gì đó để đảm bảo sự tồn tại của một Nam Kỳ độc lập, ít nhất là «trong một thời gian». Như ông giải thích, người Pháp có lý do để tin rằng người Bắc Việt «không vội vàng» và sẽ đồng ý thành lập một chính phủ hòa bình có vẻ trung lập ở Sài Gòn như một loại cầu nối đến chế độ cộng sản. Minh "lớn" có lẽ sẽ là người được họ chấp nhận nhất trong vai trò người đứng đầu nhà nước, ông nói, mặc dù Khiêm, Trần Văn Đôn, cựu Bộ trưởng Ngoại giao Trần Văn Đôn và Chủ tịch Thượng viện Trần Văn Lắm đều được coi là những lựa chọn khả thi. *

* [Brochand cũng hứa rằng Đại sứ quán Pháp sẽ đảm bảo việc sơ tán 50.000 người Việt Nam nếu cần thiết, một lời hứa không được giữ.]

Những nhận xét của Brochand, dù mang tính suy đoán, đã thổi bùng hy vọng mới vào những ảo tưởng đang phai nhạt của Polgar, và vào cuối cuộc trò chuyện, ông đã đề nghị làm những gì có thể để hiện thực hóa các mục tiêu của Pháp. Như cả hai người đều biết, điều này có nghĩa là thuyết phục Martin rằng Thiệu hiện nay là một trở ngại lớn đối với hòa bình và rằng một sự thay đổi chính phủ phải diễn ra ngay lập tức.

Một giờ sau cuộc trò chuyện bên hồ bơi, Polgar trở lại Đại sứ quán, triệu tập tôi vào văn phòng của ông và chỉ đạo tôi chuẩn bị một đánh giá thực địa mới. Cái này nhằm chứng minh rằng Thiệu đã trở

thành một gánh nặng không thể chấp nhận được.

Dự đoán đó hóa ra lại là bia mộ chính trị của Thiệu. "Những cuộc rút quân thảm khốc và tốn kém ở các QK 1 và 2,» tôi đã viết, «đã thuyết phục hầu hết người Việt Nam, cả dân sự lẫn quân sự, rằng Tổng thống của nước Cộng hòa đã mất quyền lực thiên thượng..." Do đó, nhiều sĩ quan quân đội cấp cao và quan chức chính phủ cảm thấy ông ấy phải từ bỏ quyền lực nếu muốn tránh một thất bại quân sự toàn diện và cuối cùng. Hầu hết sẽ thích một cuộc chuyển giao quyền lực theo hiến pháp, nhưng một số sẵn sàng theo đuổi bất kỳ phương tiện nào để đạt được mục đích này.

Xét về tình hình quân sự bấp bênh, áp lực cho một cuộc đảo chính bạo lực có khả năng gia tăng trong những ngày tới,

đặc biệt nếu quân đội phải chịu một thất bại lớn tại Xuân Lộc. Trong trường hợp xảy ra đảo chính, khả năng của chính phủ kế nhiệm trong việc chỉ huy quân đội và duy trì trật tự pháp luật sẽ bằng không.

Sáng hôm sau, ngày 14 tháng 3, Trần Văn Đôn đã cung cấp thêm động viên cho những người lạc quan trong chúng tôi. Trong một chuyến thăm riêng tư đến Đại sứ quán, ông đã khuyên Martin rằng ông vừa mới được một trung gian của Mặt trận Giải phóng miền Nam liên lạc và được đảm bảo rằng vẫn còn cơ hội cho một thỏa thuận thương lượng. Cụ thể, ông ấy nói rằng đại diện của PRG đã nói với ông ba điều : (1) ông, chính ông Đôn, được chấp nhận làm người thay thế cho Thiệu ; (2) sẽ không có nỗ lực nào của cộng sản can thiệp vào việc sơ

tán những người Việt Nam được chọn ; và (3) Hoa Kỳ có thể duy trì một sự hiện diện nhỏ của Đại sứ quán tại Sài Gòn, với điều kiện tất cả các "người Mỹ chính thức" khác phải rút lui.

Tôi rất hoài nghi về những nhận xét của Đôn. Chúng có vẻ quá mượt mà và vụ lợi, và hơi giống những gì người Pháp muốn chúng ta tin. Tôi nghi ngờ rằng Mérillon, chứ không phải những người cộng sản, đã truyền cảm hứng cho họ.

Polgar không đồng ý. Cũng không, như đã hóa ra, Martin cũng không đồng ý. Thật vậy, thông tin Đôn cung cấp, cùng với những tiết lộ của Brochand và những vấn đề rõ ràng mà tôi đã nêu trong đánh giá thực địa của mình, cuối cùng đã thay đổi quan điểm của Đại sứ về tính thiêng liêng của nguyên trạng. Tôi đã trích dẫn trong đánh giá thực địa của mình, cuối

cùng đã thay đổi quan điểm của Đại sứ về tính thiêng liêng của hiện trạng. Đến cuối ngày mười bốn, ông đã quyết định đề xuất với Washington điều mà trước đây chưa từng nghĩ đến : việc loại bỏ Nguyễn Văn Thiệu như bước đầu tiên để thúc đẩy một lệnh ngừng bắn.

Khi Martin ngồi xuống vào sáng hôm sau để soạn một bức điện gửi Nhà Trắng, trình bày ý tưởng gây sốc này, tâm trạng của ông không mấy tươi sáng. Không chỉ vì viễn cảnh phải thừa nhận tính không cần thiết của chế độ Thiệu, đặc biệt là sau khi ông đã công khai ca ngợi những phẩm chất của nó trong suốt hai năm qua, mà còn tệ hơn nữa, ông đang phải đối mặt với một lượng chỉ trích quá mức từ các phía. Một số nghị sĩ và nhà báo ở quê nhà đang kêu gọi ông từ chức ; đối thủ cũ của ông, Thứ trưởng

Habib, đang cố gắng chỉ đạo ông về vấn đề di tản ; và thậm chí Kissinger dường như cũng ngày càng thiếu kiên nhẫn, với những lời nhắc nhở liên tục của ông về việc đẩy nhanh kế hoạch dự phòng của Đại sứ quán.

Trong những đoạn mở đầu của thông điệp của mình, Đại sứ nghe có vẻ như một người đang phòng thủ. "Những người tương đối ít mà tôi thực sự quan tâm đến ý kiến của họ," ông viết, "sẽ không thay đổi ý kiến của họ về tôi." Ngay cả việc chèn lén lút những câu trích dẫn từ các đồng nghiệp trong Bộ như một mũi kim hương vào thận cũng chỉ là một hình thức châm cứu kỳ lạ đặc trưng của Foggy Bottom, mà tôi đã được miễn dịch từ lâu. Chỉ có hai điều quan trọng tôi luôn ghi nhớ, sự an toàn của những người dưới quyền tôi và sự toàn vẹn của chính

sách Hoa Kỳ. Cả hai mục tiêu này, đặc biệt là mục tiêu đầu tiên, dường như đòi hỏi chúng ta không bị phân tâm bởi bất kỳ loại áp lực nào, từ báo chí hay Quốc hội, mà phải bình tĩnh theo đuổi một con đường tốt nhất để đạt được chúng." Martin tiếp tục tự mô tả mình là hình mẫu của sự điềm tĩnh, một người quan sát cố gắng nhìn nhận tình hình một cách vô tư như từ "một chỗ ngồi trên mặt trăng."

Sau khi đã trút bỏ những bực bội của mình, ông ta chuyển sang vấn đề chính. Trích dẫn tự do từ đánh giá của tôi, ông nhấn mạnh điểm yếu của Thiệu và cảnh báo rằng một âm mưu có thể được thực hiện chống lại ông ta, và "một cách nhanh chóng," nếu không có thêm viện trợ nào được cung cấp. Mặc dù ông không kêu gọi cụ thể việc lật đổ Thiệu - điều đó sẽ đến sau - nhưng ông không

để lại nghi ngờ nào rằng người đàn ông đó đã hết thời hạn hữu ích đối với chính sách của Mỹ. *

*[Tất cả những điểm này đã được nêu rõ trong bản đánh giá của tôi, và vì Martin đã chấp nhận chúng một cách hoàn toàn, bản nháp của tôi đã không bao giờ được gửi đến Washington.]

Ở một phần khác trong bức điện, Martin cố gắng xoa dịu mối lo ngại ở Washington về tình trạng kế hoạch sơ tán của ông, khẳng định rằng ông đã sẵn sàng di chuyển 200.000 người bằng đường biển, đường bộ và đường không nếu cần thiết. Ông cũng cố gắng giảm bớt sự bấp bênh của vị trí tổng thể của Sài Gòn. Một lần nữa trích dẫn tiềm năng kinh tế của Quân đoàn 3 và 4, ông loại trừ khả năng quân đội sụp đổ hoàn toàn ngay cả trong trường hợp bỏ phiếu chống về biện pháp

viện trợ - mặc dù ông thừa nhận rằng người Mỹ, trong những hoàn cảnh như vậy, có thể sẽ gặp khó khăn "trong một thời gian". Có lẽ trong một khoảnh khắc xuất sắc nhất của mình, ông cũng đề xuất rằng Chính quyền bắt đầu tìm kiếm cách sắp xếp một khoản vay năm năm cho miền Nam Việt Nam - như thể đất nước này còn sống được lâu như vậy.

Bức điện, với tất cả những điều kỳ quặc của nó, đã đại diện cho một sự thay đổi đáng kể của Martin và là một bước ngoặt trong quan điểm của người Mỹ về Việt Nam. Nhưng nó đã không tạo ra hiệu ứng ngay lập tức ở Washington mà ông và Polgar và Martin mong muốn. Bởi vì dự luật viện trợ 722 triệu đô la vẫn đang được Quốc hội tranh luận, Chính quyền đã chọn hoãn bất kỳ quyết định

nào về số phận của Thiệu thêm một ngày hoặc hơn.

Khi Martin gửi đi thông điệp của mình, Đại sứ quán đang bận rộn cố gắng hoàn thành một mục tiêu khác mà chúng tôi đã đặt ra cho chính mình : tinh chỉnh kế hoạch sơ tán của chúng tôi. Hai ngày trước, ngay sau khi Baughn bị sa thải, Martin đã giao cho Đô đốc Benton trách nhiệm hoàn thành một kịch bản sơ tán sửa đổi kịp thời cho thời hạn của Kissinger vào ngày 19 tháng 4, và các nhà lập kế hoạch của Smith đã bắt đầu giai đoạn cuối cùng của "Dự án Alamo," việc thành lập một trung tâm xử lý người sơ tán hoạt động đầy đủ ngay trong khuôn viên DAO.

Tuy nhiên, bất chấp tất cả sự ồn

ào này, một khía cạnh quan trọng của chương trình sơ tán của chúng ta vẫn tiếp tục chậm chạp. Đến chiều ngày mười lăm, chỉ có 1.500 người Mỹ đã rời khỏi căn cứ không quân Clark ở Philippines trên xe buýt quân sự kể từ đầu tháng, và thậm chí còn ít hơn đã rời đi bằng máy bay thương mại.

Rào cản chính đối với dòng chảy vẫn là thủ tục hành chính, đặc biệt là các hạn chế đối với việc di chuyển của một số lượng lớn bạn bè và người phụ thuộc người Việt sang đất Mỹ. Miễn là những người định cư lâu năm không thể hợp pháp chuyển nhượng vợ chung, bạn gái và con ngoài giá thú của họ, họ sẽ không nhúc nhích.

Chính quyền đã cố gắng đưa ra một giải pháp. Vào chiều ngày mười bốn, Đại sứ quán đã nhận được tin rằng theo một

"điều kiện tạm tha" mới, các hạn chế về nhập cư của Hoa Kỳ sẽ được miễn cho tất cả người Việt Nam có người thân là công dân Mỹ đang cư trú thực sự tại Việt Nam. Chỉ trong vài giờ sau khi nhận được tin vui này, Al Francis, làm việc một cách khiêm tốn độc lập, đã thuyết phục được Bộ Nội vụ Sài Gòn nới lỏng các quy định về xuất cảnh. Từ nay trở đi, thay vì thị thực xuất cảnh tiêu chuẩn hoặc hộ chiếu, một tài liệu đặc biệt được gọi là "laissez-passer" sẽ được cấp cho bất kỳ người Việt Nam nào có thể chứng minh rằng họ là người phụ thuộc của người Mỹ.

Khi Tướng Smith biết về những đột phá kép này, ông đã triệu tập các nhân viên không thiết yếu và nhân viên hợp đồng của mình lại và khuyến khích họ tận dụng chúng ngay lập tức. Các nhân

viên khác của Đại sứ quán đã bắt đầu thử nghiệm tính linh hoạt của các quy định mới. Một số người (bao gồm cả vợ của một trong những cố vấn cao cấp của Martin) đã mua hoặc làm giả giấy chứng nhận kết hôn và hỗ trợ trẻ em để họ có thể khai báo số lượng lớn người Việt Nam là người phụ thuộc.

Thật không may, tuy nhiên, các quy định mới chỉ đạt được một phần mục đích của chúng. Trong khi tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam rời đi, họ lại không làm gì để đẩy nhanh quá trình rút quân của Mỹ. Nhiều nhân viên của Smith coi việc nới lỏng các quy định như một điềm báo cho những điều sắp xảy ra và quyết định ở lại cho đến khi tất cả các trở ngại đối với việc sơ tán quy mô lớn người Việt Nam được dẹp bỏ. Tệ hơn nữa, vì quy chế mới của Mỹ khiến

một người Mỹ không thể bảo lãnh một người Việt Nam từ xa, hiệu ứng ngay lập tức của nó là thúc đẩy một làn sóng người tốt bụng từ nước ngoài đổ về. Hầu như chỉ sau một đêm, hàng trăm công dân Mỹ đã sống ở Hồng Kông, Bangkok hoặc Singapore bắt đầu đổ xô vào thành phố để kết hôn hoặc "hợp pháp hóa" bạn gái hoặc trẻ em Việt Nam của họ như những người phụ thuộc. (Một số doanh nhân hoài nghi cũng xuất hiện, đề nghị tình trạng phụ thuộc đổi lấy vàng và tiền mặt.) Ngoài ra, một số lượng lớn lính đào ngũ đã sống bất hợp pháp ở Việt Nam trong nhiều năm bỗng nhiên xuất hiện từ những cánh đồng lúa để đăng ký cho bản thân và người phụ thuộc của họ với Đại sứ quán, để họ cũng có thể tận dụng các quy định đi lại mới. Kết quả là, chỉ trong một hoặc hai ngày, danh sách những người Mỹ có khả năng sơ tán đã

tăng thêm hơn một nghìn tên.

Hy vọng đảo ngược xu hướng, Tướng Smith đã yêu cầu Martin vào ngày mười lăm kêu gọi chính phủ Thiệu tuyên bố tất cả người Mỹ không tham gia vào nỗ lực chiến tranh là persona non grata (những người không được chào đó). Martin đã từ chối đề xuất này, với lý do rằng nó có thể bị Quốc hội hiểu lầm, nhưng ông đã đồng ý thiết lập một bàn lãnh sự tại nhà thi đấu DAO để Smith và nhân viên của ông có thể hỗ trợ trong việc xử lý lượng lớn đơn xin ân xá đang tích tụ tại Đại sứ quán.

Ngay trước khi diễn ra chiến dịch Eagle Pull ở Campuchia, Martin đã nói với một phóng viên rằng ông sẽ không bao giờ cho phép mình được sơ tán cho

đến khi tất cả các nhân viên Việt Nam của Đại sứ quán được chăm sóc. Cho đến nay, tuy nhiên, kế hoạch của ông cho việc rút lui của các nhân viên địa phương của Sứ quán và các công dân Việt Nam khác vẫn còn rất lộn xộn. Một phần của vấn đề là khái niệm của Martin về cách thức thực hiện một chiến dịch cứu hộ như vậy. Vì số lượng lớn người Việt Nam mà Đại sứ quán phải chịu trách nhiệm, ông ấy tin rằng một cuộc không vận ra khỏi Tân Sơn Nhất sẽ không bao giờ có thể hoàn thành nhiệm vụ. Như một phương án thay thế, ông đang suy nghĩ đến việc đưa phần lớn những người tị nạn Việt Nam của chúng ta qua đất liền đến thành phố ven biển Vũng Tàu vào ngày E, để được đón trên các bãi biển bởi tàu và trực thăng Mỹ. Nhưng lựa chọn này cũng đầy rẫy nguy hiểm và khó khăn. Như tôi đã chỉ ra trong nghiên cứu gần đây về triển

vọng sơ tán của chúng ta, luôn có khả năng cộng sản hoặc quân đội sẽ chặn đường cao tốc Sài Gòn - Vũng Tàu trong một cuộc khủng hoảng.

Trong vài ngày qua, Martin đã cử một người của CIA đến Vũng Tàu để khảo sát các khu vực đổ bộ và đã yêu cầu Tướng Smith khám phá tính khả thi của kế hoạch với bộ chỉ huy cấp cao của Sài Gòn. Smith đã làm theo lời chỉ dẫn, nhưng vẫn hoài nghi. Theo ý kiến của ông, phương án Vũng Tàu sẽ không bao giờ có thể thực hiện được. Do đó, ông và đội ngũ của mình đã âm thầm tìm cách đưa ít nhất những người Việt Nam có nguy cơ cao ra khỏi Sài Gòn bằng đường hàng không. Đến chiều ngày 15, Tùy viên Không quân Đại tá McCurdy đã lập một lịch trình cho các "chuyến bay đen" siêu bí mật và đã đạt được một thỏa thuận

với nhân viên an ninh Việt Nam tại Tân Sơn Nhất để đảm bảo sự đồng ý của họ nếu và khi cần phải đưa một số lượng lớn người Việt Nam lên đường băng. Đổi lại, ông được đảm bảo chỗ ngồi cho gia đình của chính các sĩ quan an ninh.

Trong khi đó, hai nhân viên Đại sứ quán, Bob Lanigan và Mel Chatman, những người đã phục vụ tại Nha Trang và Đà Nẵng, bắt đầu tập hợp một đội tàu bè tạm bợ tại bến Newport bên ngoài Sài Gòn, phòng trường hợp các phương tiện vận chuyển khác không đủ khả năng vào ngày E. Cả Smith và Đại úy Carmody đều chế nhạo họ, cho rằng các xà lan và tàu kéo sẽ không bao giờ có thể vượt qua con sông trong điều kiện hỗn loạn của một cuộc di tản.

Lanigan và Chatman không phải là những nhân viên Đại sứ quán duy nhất đang cố gắng cải thiện các kế hoạch ứng phó hiện có. Marv Garrett, sĩ quan an ninh của Phái bộ, cũng có vẻ quyết tâm làm như vậy. Trong một hoặc hai ngày qua, ông đã triệu tập một số đồng nghiệp của mình và giao cho họ một nhiệm vụ mà quân đội gần như đã bỏ qua : sửa đổi khuôn viên Đại sứ quán để có thể tiếp nhận một số lượng lớn người sơ tán vào ngày E. Dưới sự chỉ đạo của họ, một cánh cổng kim loại đã nhanh chóng được xây dựng tại lối đi giữa Đại sứ quán và khu giải trí liền kề để có thể đóng lại trong trường hợp khẩn cấp, và hàng rào dây thép gai đã được kéo dọc theo đỉnh tường phía sau của khu giải trí.

Trong một đợt bùng nổ sáng kiến

khác, Garrett và các đồng nghiệp của anh cũng tự ý sửa đổi một phần lớn của kế hoạch sơ tán hiện hành, mà không thèm tham khảo ý kiến của DAO chút nào. Nhưng thật không may, trong trường hợp này, sản phẩm của họ lại không đạt yêu cầu. Vào sáng ngày 15, khi tôi đang trên đường trở về văn phòng từ quán cà phê của Đại sứ quán, tôi thấy vài bản sao chép của bản kế hoạch của họ trên một bàn trong sảnh của tòa nhà đại sứ quán. Tôi nhặt một bản lên, lướt qua nó, và đột nhiên cảm thấy rất khó chịu. Trong nỗ lực tinh chỉnh kế hoạch ban đầu, Garrett đã thay đổi một cách đáng kể (và vụng về) một số yếu tố quan trọng, bao gồm cả quy trình đón và giao người sơ tán vào ngày E. Nếu đã có một cuộc sơ tán vào thời điểm đó, hàng trăm người Mỹ theo kịch bản của anh ta có thể đã bị bỏ lại.

Tôi chạy vội lên tầng trên đến phòng của Đại sứ và ném một bản sao vào Brunson McKinley, viên chức trẻ của Bộ Ngoại giao từ MRI hiện đang làm trợ lý cá nhân cho Martin. "Ai đã cho phép phát hành cái này ?" Tôi thở hổn hển. McKinley, mặt tái mét, nói anh ta không biết. Tôi đã nói với anh ta về một loạt chúng ở sảnh và gợi ý anh ta nói với Martin ngay lập tức, trước khi chúng có thể được phát tán.

Ngay sau đó, Garrett được triệu tập đến văn phòng của Martin. Những gì Đại sứ nói với anh ta không bao giờ trở thành kiến thức phổ biến, nhưng chỉ trong vòng một giờ, các lò thiêu trên mái nhà đã nuốt chửng hàng trăm sơ đồ của anh ta. Vì mọi lý do chính đáng, Garrett đã tiến rất gần đến việc khiến một phần kế hoạch dự phòng của Đại sứ quán phải

quay lại vạch xuất phát.

Trong suốt những ồn ào này, một người trong Đại sứ quán, sếp của tôi, Polgar, vẫn giữ thái độ lạ lùng xa cách. Giờ đây, ngày càng bận tâm với lời hứa về một giải pháp chính trị, ông đã để kế hoạch sơ tán của Đài bỏ ngỏ. Mặc dù ông hoàn toàn nhận thức rằng nhiều người trong chúng tôi đang lén lút đưa người Việt Nam ra ngoài bằng giấy tờ giả, ông đã không đưa ra nhiều sự khuyến khích hay hướng dẫn. Ông cũng không chú ý đến lời kêu gọi của Washington về việc tăng cường cắt giảm nhân sự của Trạm. Những thứ không cần thiết vẫn tiếp tục tự định ra nhịp độ của riêng mình.

Thái độ của ông ta nhanh chóng trở nên lây lan. Các sĩ quan phụ trách lập danh sách những thứ không cần thiết của Trạm thực hiện nhiệm vụ của họ

một cách gần như hờ hững, không bận tâm phối hợp với những người khác tham gia vào kế hoạch sơ tán, và những người chịu trách nhiệm xác định những người sơ tán tiềm năng người Việt Nam sớm rơi vào một loại thờ ơ bi quan. Khi tôi hỏi một trong số họ liệu tôi có thể thêm một hoặc hai cái tên vào danh sách của anh ta không, anh ta nhún vai đáp, "Tại sao không ?" Chẳng cái nào trong số này sẽ hoạt động đâu. Nếu bạn muốn lãng phí thời gian của mình, cứ tự nhiên.

Tại Biên Hòa, trong khi đó, trưởng căn cứ CIA Taggart cũng tỏ ra hoài nghi về triển vọng sơ tán quy mô lớn người Việt và từ chối thậm chí không tham gia vào "trò hề" chuẩn bị danh sách sơ tán thích hợp. Một số cấp dưới của ông ta cảm thấy chán nản. "Khi nào chúng ta mới bắt đầu cố gắng giúp đỡ người dân

địa phương của mình !" John Stockwell, nhân viên trẻ tuổi từ Tây Ninh, đã hét vào mặt anh ta trong một cuộc họp nhân viên đặc biệt căng thẳng. Và từ đó trở đi, hai người họ luôn bất đồng, Stockwell thúc giục lập kế hoạch dự phòng nhiều hơn, còn Taggart thì chần chừ không chịu hành động.

Vào sáng ngày mười lăm, Polgar đã bay xuống thành phố Cần Thơ ở đồng bằng để hội đàm với các sĩ quan CIA tại đó. Khiến cho Chỉ huy Căn cứ địa phương, "Larry Downs," thất vọng, ông dường như quyết tâm tạo ra một bức tranh tươi sáng về tình hình tổng thể. Quảng bá triển vọng cho một thỏa thuận hòa bình, ông dự đoán rằng Đại sứ quán có thể duy trì một sự hiện diện nhỏ ở đất nước này, ngay cả sau khi có sự thay

đổi chính phủ, và khẳng định rằng việc sơ tán hoàn toàn do đó sẽ là không cần thiết.

Trong suốt các cuộc thảo luận, Downs và nhân viên của ông đã lầm bầm và phản đối, nhắc nhở Polgar rằng sáu trung đoàn BV đang chuẩn bị ngay phía bắc Cần Thơ. Cuối cùng, để đáp ứng lo ngại của họ, Polgar đồng ý để họ tăng tốc chuẩn bị ứng phó, đến mức di chuyển một số nhân viên Việt Nam của họ đến đảo Phú Quốc.

Thực tế, Downs và nhân viên của ông đã đi trước Polgar vài bước. Trong cuối tuần vừa qua, sau một cuộc tấn công bằng pháo nặng nề vào sân bay Cần Thơ, khoảng một tá nhân viên CIA phân bố khắp các tỉnh của QK 4 đã được rút về lãnh sự quán. Một số người trong số họ đã được đưa đến Sài Gòn (cùng với vợ

của một số sĩ quan CIA) và một danh sách chính thức về những thứ không cần thiết đã được phó của Downs, "Tom Franklin," lập ra. Lúc này chỉ còn không quá một chục sĩ quan CIA ở Cần Thơ và chỉ còn lại một vài người phụ thuộc.

Mặc dù rõ ràng cần thiết phải có những biện pháp phòng ngừa như vậy, Downs đã phải đối mặt với sự phản đối mạnh mẽ từ Terry MacNamara, viên chức Bộ Ngoại giao khoảng bốn mươi tuổi, hơi thời thượng, người đã phục vụ với tư cách là Tổng Lãnh sự ở đồng bằng. MacNamara đã rất nghiêm túc với vai trò là trưởng phái bộ Mỹ địa phương và quyết tâm không để bị các đồng nghiệp CIA của mình lấn át hoặc dồn ép. Ông cũng khá ấn tượng với việc tuân thủ các chỉ thị từ Sài Gòn hơn là Downs. Và một chỉ thị mà ông quyết tâm tuân theo

một cách nghiêm ngặt : tránh việc rút lui đột ngột của người Mỹ hoặc người Việt, Martin đã nói với ông; không làm gì để gây hoảng loạn cho dân địa phương.

Khi người Mỹ trên khắp những gì còn lại của Cộng hòa vật lộn với vấn đề di tản, những sợi dây liên kết hy vọng và ảo tưởng của người Việt Nam tiếp tục bị xé rách. Nội các mới của Cẩn, được thành lập vào ngày mười bốn, nhanh chóng trở thành đối tượng của những phép ẩn dụ châm biếm. "Rượu cũ trong chai mới," một số nhà phê bình của nó chế nhạo. Những người khác thì chỉ đơn giản là bị chướng mắt bởi sự không phù hợp của nó. Chỉ có hai quân nhân được tìm thấy trong hàng ngũ của nó - Bộ trưởng Quốc phòng Trần Văn Đôn và Thiếu tướng Phan Hòa Hiệp, Bộ trưởng Thông tin mới - và cả hai đều không phải

là những sĩ quan mẫu mực. Tệ hơn nữa, chính Thiệu dường như ngày càng xa rời thực tế. Hành động quyết đoán duy nhất của ông trong những ngày gần đây, kể từ khi cuộc tấn công của cộng sản vào Xuân Lộc bắt đầu, là đóng cửa tạm thời tất cả các quán bar và nhà thổ ở Sài Gòn «để tiết kiệm tiền cho đạn dược.»

Sự bất an ở các cấp cao nhất của chính phủ được phản ánh bởi một cảm giác thất vọng ngày càng tăng trong toàn xã hội. Trí Quang, nhà hoạt động Phật giáo nổi tiếng, buồn bã tuyên bố với một người bạn Mỹ vào ngày mười lăm, "Cuộc chiến đã thất bại." Mọi thứ, bao gồm cả tôn giáo, đều bị định mệnh phải diệt vong trong một cuộc tiếp quản của cộng sản." Cuối ngày hôm đó, Chủ tịch Thượng viện Trần Văn Lắm đã phàn nàn cay đắng với các phóng viên về việc Mỹ

không "phản ứng ngay lập tức và mạnh mẽ" trước cuộc tấn công của BV, như Nixon đã cam kết vào thời điểm ngừng bắn.

"Hơi bận một chút," tôi viết trong cuốn sổ của mình vào buổi tối ngày mười lăm. "Nervus làm việc quá sức." Kích thích nhỏ đủ để khiến tất cả chúng hoạt động cùng một lúc. Giờ làm việc dài. Giảm cân. Mỗi sáng tôi đến văn phòng lúc sáu giờ để lướt qua những cơn ác mộng được báo cáo dưới dạng bản mềm.

"Lạ thật, áp lực như vậy có ảnh hưởng đến bạn." Đột nhiên tôi phát hiện ra rằng mình là một người yêu súng tiềm ẩn. Bây giờ tôi dành vài phút mỗi tối để nạp đạn vào băng đạn, bôi dầu cho các khẩu súng, sắp xếp và sắp xếp lại những

chồng lựu đạn và túi đạn quanh căn hộ. Cũng nghiện nhạc rock, từ Joe Cocker đến Neil Diamond, đặc biệt là bản nhạc buồn từ bộ phim Jonathan Livingston Seagull. Đến cuối ngày, âm lượng được vặn lên đến mức tối đa để phá vỡ những gì còn lại của sự căng thẳng.

"Không ích gì, dù sao." Dù bạn quay đầu đi đâu, cái kết dường như được báo trước bằng vô số cách nhỏ bé. Hôm qua tôi đi ngang qua hồ bơi của Đại sứ quán và cũng tìm thấy bằng chứng ở đó, những mảnh vụn của rác thải bí mật bị cháy từ các lò đốt trên mái nhà nổi lềnh bềnh giữa hồ, những dấu hiệu của vận mệnh đang chìm dần của chúng ta.

Thành phố tiếp tục tận hưởng một sự miễn dịch giả tạo khỏi sự hỗn loạn của vùng nông thôn đằng sau hàng rào các trạm kiểm soát của cảnh sát. Nhưng

tất cả chúng ta đã phải trả giá cho điều này, vì cuộc sống của chúng ta đã bị nén vào những không gian nhỏ bé không thể chịu đựng nổi, và những khoảng thời gian ngắn ngủi mười bốn giờ được giới hạn bởi lệnh giới nghiêm.

Tối qua lúc chín giờ, tôi lang thang ra ban công để xem thành phố đóng cửa khi lệnh giới nghiêm có hiệu lực. Một vài xe tải loa phóng thanh đang lượn lờ quanh vòng xoay, những chiếc loa trên nóc xe phát ra những lời cảnh báo phút chót cho những người chậm chạp: 'Vào trong đi!' Vào trong đi!" Và chỉ trong vài phút, các con phố quanh tòa nhà căn hộ của tôi đã được quét sạch mọi hình thức nhân loại - ngoại trừ một viên cảnh sát mặc áo trắng đứng dưới ánh đèn đường bên kia vòng xoay giao thông. Chính lúc đó, trong sự tĩnh lặng, tôi có thể nghe

thấy tiếng đạn pháo từ xa ở Biên Hòa.

Các đồng nghiệp đã chứng kiến Đà Nẵng hoặc Phnom Penh trong giờ phút cuối cùng khẳng định nhận ra ở đây những triệu chứng đầu tiên của tâm lý bao vây mà họ quá quen thuộc. Những người ăn xin giờ đây xuất hiện đông đảo, và ngày càng hung hãn hơn, họ xé rách túi bạn hoặc cửa sổ xe khi bạn vội vã chạy qua thành phố đến cuộc họp với đại lý hoặc để thưởng thức cocktail nhanh trước giờ giới nghiêm với bạn bè. Và phần lớn dân số dường như đang trong cơn sốt bán hàng điên cuồng, như một người bạn nhà báo đã nói hôm nọ. Chợ trộm dọc các đại lộ Nguyễn Huệ và Lê Lợi đã trở thành một kho tàng của những món đồ xa xỉ bị vứt bỏ và giảm giá. Tủ lạnh, dàn âm thanh, máy điều hòa, bất cứ thứ gì quá lớn để vừa trong một chiếc vali, đều

có thể mua với giá chỉ bằng một phần ba hoặc một phần tư so với giá mặc cả thông thường, và trên những đại lộ rợp bóng cây và đầy những biệt thự cổ đẹp như Pasteur hay Tú Xương, từng cái một trong số những biệt thự Pháp cổ đẹp đẽ đang bị đóng cửa và bỏ hoang khi chủ sở hữu của chúng rời đi một cách vội vã, thường là không bán được.

Đối với người Việt Nam không có bạn bè hoặc nhà tài trợ người Mỹ, giá để ra đi là rất cao và vẫn đang tăng. Chi phí cho một hộ chiếu và thị thực xuất cảnh bằng tiền «lót tay» đã tăng từ tương đương 500 đô la lên 3.000 đô la trong hai tuần qua. Giá của một chiếc thuyền buồm nhỏ đã tăng gấp ba lần và hiện nay là 10.000 đô la hoặc hơn. Giá vàng cũng tăng, hiện nay là 725 đô la một ounce, nhưng ít thương nhân Trung

Quốc ở ngoại ô Cholon muốn bán. Hầu hết trong số họ đang tích trữ vàng với lý thuyết rằng nó sẽ là tiền tệ hợp pháp ngay cả trong một xã hội cộng sản. Không ai chắc chắn về khả năng chấp nhận của đồng đô la Mỹ, nhưng hiện tại nó dường như được ưa chuộng hơn so với đồng piastre. Chỉ trong năm ngày, tỷ giá hối đoái trên thị trường chợ đen cho đồng đô la Mỹ đã tăng vọt từ 1.200 lên 2.000 piastre cho mỗi đô la.

Với lệnh giới nghiêm buổi tối giờ đây đã bị cắt giảm đáng kể, bạn bè và đồng nghiệp người Việt đang xuất hiện vào lúc bình minh, và bữa sáng đã trở thành thời gian để trao đổi lịch sự và làm ăn ngoài khung giờ làm việc bình thường. Việc thiết lập một nền tảng chung để hiểu nhau vẫn vô cùng khó khăn, vì bạn không muốn đối mặt với người giúp

việc, bạn gái hoặc người liên lạc trong bộ chính phủ này hay bộ khác với sự thật phũ phàng, nản lòng. Vì vậy, bạn nói vòng vo, ám chỉ một cách uyển ngữ về triển vọng những thời gian khó khăn sắp tới, về 'tính hữu ích' của việc giữ liên lạc với bạn bè và đồng nghiệp người Mỹ để nếu 'có điều gì xảy ra, thì...'

Người Việt vẫn giữ thái độ thận trọng như nhau. Không ai thẳng thừng yêu cầu giúp đỡ để trốn khỏi đất nước, ít nhất là chưa phải bây giờ. Những lời kêu gọi của họ luôn tinh tế hơn. 'Họ có phiền không,' họ hỏi một cách thận trọng, 'đổi cho tôi vài đồng pi-át này được không ?' Giá cả đang tăng và các ngân hàng đang đóng băng tiền gửi, và thật tuyệt nếu có một ít tiền mặt trong túi nếu tình hình xấu đi. Và trước khi bạn nhận ra, bạn đang môi giới các giao dịch đô la-pi-a-xtơ bất

hợp pháp cho người bạn này hoặc người bạn kia, cung cấp cho anh ta vốn có thể cứu sống anh ta, cho phép bản thân trở thành hy vọng cuối cùng của anh ta về sự cứu rỗi.

"Các rào cản pháp lý không phải là những rào cản duy nhất đang bị phá vỡ." Người Việt Nam vốn luôn giữ khoảng cách giờ đây đang mở lòng, kể cho bạn nghe về những lo lắng, gia đình, bồ bịch hoặc bạn trai của họ, và những quan điểm chính trị bị chôn vùi của họ. Họ không ghét Cộng sản, họ nói. Họ sợ họ. Họ đã sống quá lâu với người Pháp và người Mỹ và với chế độ độc tài lỏng lẻo của Thiệu, họ không thể tưởng tượng ra cách nào khác. Thay đổi có thể là điều tốt cho những người nông dân ở vùng quê. Nhưng điều gì sẽ xảy ra với họ ?

Dù bạn có hoài nghi hay cứng rắn

đến đâu, thật không thể không cảm thông, vì gương mặt của kẻ chiến thắng đang nhanh chóng trở nên rõ ràng qua mạng lưới tin đồn và tuyên truyền của chính phủ. Một số hình ảnh thật đáng sợ chỉ vì những gì chúng nói về hiệu quả của kẻ thù, khả năng dường như của hắn để thống trị bất cứ điều gì hắn chọn. Những người tị nạn vẫn đang vật lộn di chuyển về phía nam ra khỏi QK 1 và 2 tuyên bố rằng Bắc Việt đã áp đặt ‹ủy ban quản lý quân sự› lên các thị trấn và thành phố bị chiếm đóng, đẩy lùi các tổ chức mặt trận và thiết bị Việt Cong tự phát triển mà cho đến nay vẫn là lớp ngụy trang của họ. Họ thậm chí đã khôi phục dịch vụ nước và điện ở nhiều ngôi làng !’ một người bạn Việt Nam cũ đã thốt lên với tôi gần đây. “Làm sao chúng ta có thể hy vọng đánh bại những người như vậy ?”

"Các câu chuyện tàn bạo cũng tràn lan, giờ đây được thêu dệt một cách sáng tạo bởi đài phát thanh Sài Gòn, báo chí địa phương và Đại sứ quán." Theo lệnh của Đại sứ, Joe Bennett [cố vấn chính trị] vẫn nhiệt tình sản xuất phần của mình, dựa vào các báo cáo gián tiếp được truyền lại từ Buôn Ma Thuột bởi một nhà sư Phật giáo. "Họ đang nhổ móng tay của phụ nữ ở đó và chặt đứt hội đồng thành phố," một trong những nhân viên trẻ tuổi của Bennett đã vui vẻ nói với tôi chiều nay. "Điều đó chắc chắn sẽ thu hút sự chú ý trong Quốc hội."

Thông thường, với tư cách là một trong những 'chuyên gia' của Đại sứ quán về chính sách cộng sản, tôi sẽ được yêu cầu xem xét các báo cáo như vậy và kiểm tra tính xác thực của chúng. Nhưng không phải bây giờ. Đại sứ và Polgar

dường như coi lứa mới nhất là quá hữu ích để mạo hiểm đưa họ vào bất kỳ thử nghiệm nào như vậy.

Nhiều bạn bè và mối liên hệ người Việt Nam coi những câu chuyện đó là sự thật, đặc biệt là bây giờ khi Campuchia đã bị bỏ rơi, với tất cả những gì điều đó ngụ ý. "Có thật là những người cộng sản tra tấn phụ nữ đã từng ở với người Mỹ không ?" Tú Hà hỏi tôi một đêm. Tôi đã nói không với cô ấy và cố gắng chuyển chủ đề.

Nhưng sau đó, khi tôi nhìn cô ấy qua cửa sổ, chăm chú nhìn những tia lửa từ súng ra phía Biên Hòa với vẻ lo lắng, tôi không thể phủ nhận những nghi ngờ của chính mình. Không ai, ngoại trừ có lẽ những sĩ quan trẻ tuổi lầm đường lạc lối trong văn phòng của Bennett, mong đợi một cuộc thanh trừng quy mô lớn ngay

sau khi cộng sản lên nắm quyền. Nhưng đã có Huế vào năm 1968 - khoảng 2.000 người đã chết ở đó dưới tay của cộng sản - và chương trình cải cách ruộng đất của miền Bắc Việt Nam vào giữa những năm 1950, trong đó khoảng 30.000 đến 50.000 nông dân và địa chủ cứng đầu đã bị giết hoặc bị bỏ tù. Dân số nông dân miền Nam Việt Nam khó có thể dễ dàng bị thao túng hơn những nạn nhân đó. Có lẽ ít hơn nhiều, vì chương trình giao đất cho người cày của Thiệu đã loại bỏ địa chủ vắng mặt và biến mỗi nông dân nhỏ thành chủ của chính vùng đất của mình. Nếu các nhà lãnh đạo cộng sản cố gắng cộng sản hóa miền Nam, sự kháng cự, hoặc ít nhất là sự miễn cưỡng, phải được mong đợi. Và sau đó thì sao ? Nếu một cuộc tắm máu là không thể xảy ra, vẫn còn khả năng ghê gớm của một cuộc chảy máu nội bộ chậm chạp.

Như dự đoán, các nhà lãnh đạo cộng sản lại tuyên bố ngược lại. Kể từ đầu tháng Tư, Đài Phát thanh Giải phóng đã hứa hẹn sự khoan hồng cho bất kỳ ai sẽ ăn năn về hoạt động 'chống PRG' của mình. Tuy nhiên, giữa tất cả sự ngọt ngào và ánh sáng này, vẫn còn một bóng tối. Các bình luận cũng cảnh báo rằng bất kỳ ai bị phát hiện 'kháng cự' cách mạng sẽ bị 'trừng phạt nặng nề.'

"Tôi không muốn đánh cược cuộc đời mình vào sự mơ hồ như vậy." Tôi có quyền đánh cược cuộc đời của người khác không ?

Bạn bè và hàng xóm trong tòa nhà chung cư của tôi đã sẵn sàng cho một cuộc chiến cuối cùng đẫm máu. [Joe Kingsley] và tôi đã đồng ý vài ngày trước để trở thành những người bảo vệ an ninh cho tòa nhà, chịu trách nhiệm bảo

vệ bãi đỗ trực thăng trên mái nhà vào ngày E, và bây giờ, mỗi đêm trước khi đi ngủ, chúng tôi trèo lên mái nhà để điều chỉnh ngắm bắn của súng M-16 và sắp xếp vị trí bắn tỉa. Vì tòa nhà vừa được chọn là một trong những điểm tập trung của DAO, hàng trăm người Việt tức giận chắc chắn sẽ tụ tập tại cổng chính của chúng tôi vào ngày E, và chắc chắn sẽ cần kiểm soát đám đông và có thể cả hỏa lực bảo vệ. Theo kế hoạch mà Joe và tôi đã thống nhất, anh ấy sẽ canh gác lối vào sảnh ở tầng dưới và tôi sẽ hỗ trợ từ trên mái nhà khi các hàng xóm của chúng ta lên trực thăng. Cá nhân tôi không nghĩ rằng kế hoạch này có nhiều khả năng thành công. Mười bốn người Mỹ và bốn mươi người Việt Nam khác nhau là cư dân thường trú của tòa nhà, và những 'khách' Việt Nam khác đã tranh giành chỗ ngủ ở sảnh và hành lang. Tuy nhiên,

bãi đỗ trên mái nhà chỉ có thể chứa một chiếc Huey cùng một lúc, và điều đó có nghĩa là bất kỳ hoạt động giải cứu nào cũng sẽ kéo dài và tốn thời gian. Xét đến thực tế rằng chỉ một kẻ bất mãn trên đường phố với một khẩu súng trường có thể làm dừng toàn bộ hoạt động trực thăng, tôi thực sự không thấy cách nào chúng ta có thể mong đợi tất cả sẽ ra ngoài...

Giữa bạn bè và đồng nghiệp trong Đại sứ quán, trong khi đó, tâm trạng đang chiếm ưu thế sẽ phù hợp với một đám tang. Những người nghiện rượu trong chúng tôi đang uống rượu từ sáng sớm và thuốc an thần thì được tiêu thụ như đậu phộng. Tôi đã giảm uống rượu và hoàn toàn tránh xa thuốc an thần. Tôi không muốn đầu óc mình trở nên mơ hồ hơn nữa.

Joe và tôi đang cố gắng (vô ích) giữ vẻ mặt dũng cảm trước đồng nghiệp Pat, người mà sự bi quan của anh ấy dường như không có giới hạn. Bất cứ khi nào Joe xuất hiện với một đống vũ khí và thiết bị chiến tranh, cô ấy đều nói điều gì đó nửa chế giễu, như là 'Lạch cạch, lạch cạch, lạch cạch'. Lại đây rồi, chiến binh của chúng ta. Thường thì Joe chỉ cười và đưa cho cô ấy một chiếc mũ bảo hiểm hoặc lựu đạn hoặc bất cứ thứ gì khác mà anh ta đang bán. Nhưng trò đùa đó đã bắt đầu trở nên nhạt nhẽo. 'Không,' cô ấy nói sáng nay khi anh ta đặt một khẩu Thompson lên bàn cô. 'Tôi đã làm hòa với điều đó rồi.' Vì sân bay có thể bị đóng cửa bất cứ lúc nào, súng của các bạn sẽ không có tác dụng gì.

Pat đã lái xe đến Tân Sơn Nhất vào khoảng trưa nay và cho hai con mèo Xiêm

của mình lên một chuyến bay hàng hóa xuất phát. Cô ấy đã đau khổ vì quyết định này suốt nhiều ngày, xấu hổ khi dành sự chú ý cho hai con mèo trong khi nhiều người bạn Việt Nam của chúng ta đang sống bên bờ vực của hy vọng. Nhưng sự cân bằng và góc nhìn đang khan hiếm ở Đại sứ quán những ngày này, và nếu có thể cứu vớt điều gì đó có giá trị, dù chỉ là một con thú cưng yêu thích, ai có thể trách móc vì điều đó ?

Pat cũng đang chịu đựng những cơn dằn vặt vì việc chuyển hàng hóa gia đình của mình. Nhân viên logistics của Trạm hiện có nhân viên đóng gói sẵn sàng 24/7 (nhượng bộ lớn của Polgar đối với cuộc khủng hoảng) và nếu họ quá bận rộn để đóng gói ngay lập tức, họ sẽ cung cấp cho bạn vật liệu đóng gói để bạn có thể tự làm. Nhưng Pat đã không sẵn lòng

nỗ lực. Tôi cũng vậy. Thật không hợp lý khi lo lắng về những tàn dư của hai hoặc ba năm trong một khu vực chiến tranh khi cuối cùng chiến tranh cũng đang xuất hiện. Dù vậy, Pat đã đạt được một thỏa hiệp nào đó hôm qua, chủ yếu là do lời năn nỉ của chồng cô. Những đĩa nhạc và dàn stereo của cô ấy đã được gửi đi, nhưng hầu hết quần áo của cô ấy vẫn ở lại trên giá. Sáng nay, những đứa trẻ của người giúp việc Việt Nam của cô ấy đang vui vẻ chạy nhảy trong những chiếc váy và giày dép bị bỏ lại của cô, không hề hay biết về ý nghĩa của sự may mắn của chúng.

Ngay cả khi tôi đang hoàn thành những ghi chép này vào buổi tối ngày mười lăm, cuộc khủng hoảng quân sự vẫn tiếp tục sâu sắc hơn. Ngay sau khi

trời tối, những trận chiến ác liệt đã bùng nổ quanh một thị trấn huyện trên Tỉnh lộ 4 cách Sài Gòn khoảng hai mươi bốn dặm về phía tây nam, và về phía đông, khi các trực thăng tiếp tục kéo các lực lượng phòng thủ của chính phủ ra khỏi hố đạn pháo mà trước đây là Xuân Lộc, một lữ đoàn thiết giáp, đã được điều động vào để đối phó với áp lực gia tăng trên tuyến đường cao tốc nối Xuân Lộc với Biên Hòa và Sài Gòn. Trong khi đó, việc pháo kích vào sân bay Biên Hòa đã gần như làm tê liệt những gì còn lại của không quân Việt Nam Cộng Hòa.

Sáng hôm sau, lực lượng BV đã sắp xếp một đòn tấn công tàn khốc khác nhằm vào chúng tôi. Các đơn vị mà Tướng Dũng đã gửi lao xuống bờ biển miền trung sau khi chiếm Nha Trang và Cam Ranh giờ đây đang bao vây sở chỉ

huy của Tướng Nghi tại Phan Rang ở miền nam QK 2.

Mối đe dọa ngày càng gia tăng trong khu vực này có ý nghĩa đặc biệt đối với chúng tôi ở Đài. Vài ngày trước, một trong những đồng nghiệp của chúng tôi đã được gửi đến Phan Rang để làm liên lạc với nhân viên của Nghi. Bây giờ anh ta đang trực tiếp đối mặt với 25.000 quân Bắc Việt đang tiến lên.

Người dẫn đầu bất hạnh là Lew James, cùng là nhân viên trẻ tuổi đã từ chối rời Nha Trang hai tuần trước cho đến khi anh ta đã làm tất cả những gì có thể để cứu những nhân viên Việt Nam địa phương của CIA. Trong nhiều ngày qua, Polgar đã quyết định tận dụng sự can đảm và lòng dũng cảm của mình bằng cách bố trí anh ta tại trụ sở đang gặp nguy hiểm của Nghi.

Khi đồng nghiệp của tôi, Joe Kingsley, lần đầu tiên biết về nhiệm vụ này, anh ấy đã phản đối kịch liệt. Lực lượng cộng sản đang di chuyển rất nhanh, ông đã nói với Polgar, họ có thể chiếm Phan Rang mà không có bất kỳ cảnh báo nào. Nhưng Polgar đã từ chối xem xét lại, và chỉ khuyên Taggart ở Biên Hòa, người là "sĩ quan điều khiển" cho nhiệm vụ, không giữ James ở lại địa điểm qua đêm nếu một cuộc tấn công vào Phan Rang có vẻ sắp xảy ra.

Thật không thể tin được, tuy nhiên, Taggart và Pittman, người hỗ trợ ở Sài Gòn, đã không thực hiện ngay cả biện pháp phòng ngừa này và đã để James ở Phan Rang đêm này qua đêm khác bất chấp áp lực ngày càng tăng từ phía cộng sản. Taggart sau đó đã cố gắng biện minh cho điều này với tôi bằng cách khẳng

định rằng Trạm đã không giữ cho ông ta được thông báo đầy đủ về mối đe dọa đang phát triển ở Phan Rang. Có thể ông ấy có lý do, đặc biệt là khi xem xét sự miễn cưỡng của Polgar trong việc chia sẻ thông tin tình báo đáng lo ngại với cấp dưới của mình. James cũng có thể đã góp phần vào sự nhầm lẫn, vì là một cựu sĩ quan Lực lượng Đặc biệt, ông thích những cuộc chiến tốt và đã bỏ qua việc cập nhật đầy đủ cho Taggart hoặc Trạm về cuộc khủng hoảng đang phát triển như ông có thể đã làm.

Dù sao đi nữa, cái kết đã đến vào sáng ngày mười sáu, nhanh hơn bất kỳ ai trong chúng ta đã dự đoán. Tôi vừa mới đọc xong báo cáo tình báo buổi sáng thì một tin nhắn từ James đột ngột vang lên qua bộ thu phát sóng "Diamond" trong phòng thông tin bên cạnh văn phòng của

tôi. Joe Kingsley và tôi lập tức có mặt tại bảng điều khiển. Qua một mớ tạp âm, James giải thích rằng anh ấy, Nghi và Thiếu tướng Phạm Ngọc Sang, tư lệnh Sư đoàn Không quân 6, đang ở trong một hầm trú ẩn cùng nhau. Họ đều ổn, anh ấy nói, nhưng xe tăng Bắc Việt vẫn đang dò xét xung quanh. Joe nói với anh ta rằng chúng tôi sẽ gửi một chiếc trực thăng để cứu anh ta ngay lập tức. Không, James đáp, điều đó không cần thiết, ít nhất là chưa cần thiết. Lực lượng VNCH vẫn đang giữ vững. Hơn nữa, Nghi có trực thăng riêng của mình.

Vào lúc đó, Howard Archer, cựu Trưởng căn cứ Nha Trang, đã bước vào chỗ chúng tôi. Chộp lấy micro, ông ấy yêu cầu James mô tả tình cảnh của mình. Sau đó, anh ấy đưa ra một quyết định, một quyết định khiến Kingsley và tôi

kinh ngạc. James sẽ ở lại vị trí trong thời gian tới, ông ấy nói, nhưng sẽ gọi điện mỗi nửa giờ để đảm bảo rằng ông ấy vẫn ổn. Vậy là cuộc liên lạc radio cuối cùng của chúng tôi với Lew James đã kết thúc.

Khi lực lượng cộng sản tiến vào thành phố vài giờ sau đó, họ đã bắt giữ James, Nghi và Sang. Đài Phát thanh Giải phóng sớm công bố việc bắt giữ hai người Việt Nam, nhưng không đề cập đến người Mỹ. Ở Sài Gòn, chúng tôi coi sự thiếu sót này như một dấu hiệu cho thấy người đàn ông CIA đã trốn thoát hoặc đã bị giết. Thực ra, người Bắc Việt đã giữ im lặng về anh ta cho đến khi họ xác định được anh ta là ai.

Việc khám phá ra danh tính của anh ta hóa ra lại khá dễ dàng. Như nhiều người trong chúng ta, James đã được gửi đến Việt Nam dưới "bảo vệ nhẹ," thẻ

"I.D." chính thức của anh ta mô tả anh ta là "nhân viên của Đại sứ quán Mỹ" và là "Sĩ quan Dự bị Dịch vụ Ngoại giao." Những danh hiệu này rất rõ ràng. Các nhà báo, quan chức Việt Nam và hầu như bất kỳ ai có hứng thú tìm hiểu về nhóm CIA của Đại sứ quán đều đã phát hiện ra họ từ lâu. *

*[Sự mỏng manh của những "vỏ bọc" như vậy rõ ràng chưa bao giờ làm phiền trụ sở CIA, ít nhất là không đủ để thúc đẩy một sự thay đổi. Với sự rút quân của quân đội Mỹ sau lệnh ngừng bắn, CIA đã mất hầu hết các "khe" ngụy trang quân sự của mình ở Việt Nam. (Nhiều người trong chúng tôi đã giả dạng là nhân viên dân sự của Quân đội.) Kể từ đó, văn phòng nhân sự ở Langley đã không thể nghĩ ra một phương án thay thế đáng tin cậy nào. Kết quả là, nhiều nhân viên CIA

đã không có bất kỳ lớp bảo vệ nào và liên tục đối mặt với nguy cơ bị lộ bởi các điệp viên tình báo Việt Nam, Hungary hoặc Ba Lan.]

Trong trường hợp của James, vấn đề ngụy trang đã trở nên phức tạp hơn bởi sự ngu ngốc của bộ máy quan liêu. Trong vòng vài giờ sau khi anh ta biến mất, các quản trị viên của Đài đã phát hiện ra rằng không ai có thể chắc chắn về vỏ bọc của anh ta, liệu anh ta có được chỉ định là "nhân viên Đại sứ quán" hay một cái gì đó phức tạp hơn.

Các quan chức tại trụ sở CIA ngay lập tức bắt đầu xây dựng một vỏ bọc mới cho anh ta, gán cho anh ta danh hiệu "nhân viên lãnh sự Mỹ" để nếu báo chí phát hiện anh ta mất tích, mối liên hệ với cơ quan của anh ta có thể được che giấu. Điều này chắc chắn không thể mang lại

lợi ích gì cho chính James. Ngược lại, điều này chỉ có thể gây hại cho anh ta, vì không biết CIA đã gán cho anh ta nhãn hiệu mới nào, anh ta khó có thể bảo vệ nó - hoặc bảo vệ bản thân - một cách đáng tin cậy trước các nhân viên thẩm vấn Bắc Việt.

Ngày hôm sau sau khi bị bắt, các sĩ quan BV bắt đầu tra hỏi James ngay tại chỗ. Lúc đầu họ đe dọa sẽ đánh anh ta, sau đó đã thực hiện lời đe dọa của mình. Mặc dù bị đối xử tàn nhẫn, ban đầu anh ta vẫn kiên định, dựa vào kỹ thuật mà các điệp viên Liên Xô rất ưa chuộng, đó là giả vờ không biết gì ngoài một mảnh ghép nhỏ của "bức tranh lớn."

Sau khoảng một tuần, những kẻ bắt giữ anh, mặc dù thất vọng nhưng quyết tâm làm anh gục ngã, đã chở anh và hai tướng lĩnh Nam Việt Nam đến Hà Nội.

Ở đó, họ nhốt họ trong Nhà tù Sơn Tây, nơi vô số phi công Mỹ đã chờ đợi để vượt qua những năm bị giam cầm trước đó, và bắt đầu đưa James vào cuộc thẩm vấn nghiêm ngặt, cuối cùng đối mặt với anh ta bằng một hồ sơ lớn đã được biên soạn từ "các nguồn" ở Lào, nơi anh ta đã từng phục vụ. Hồ sơ xác định ông một cách rõ ràng là một sĩ quan CIA, chủ yếu dựa trên lời khai của một người Lào đã quen biết ông rất rõ. Từ thời điểm đó trở đi, việc anh ta cố gắng phủ nhận kiến thức về CIA, các hoạt động của nó hay các đặc vụ của nó hoàn toàn là vô ích.

Việc Lew James bị phá vỡ phần lớn phản ánh sự bất tài của những người mà anh ta làm việc cùng. Viên chức CIA trẻ tuổi đã được giao một nhiệm vụ vô ích và nguy hiểm với ít sự hướng dẫn hoặc bảo vệ từ Trạm. Nếu anh ta phản bội một

số "bí mật," ban quản lý CIA, không phải James, nên chịu trách nhiệm trước tiên.

Hơn nửa năm sau khi miền Nam Việt Nam sụp đổ, James đã được Hà Nội thả (cùng với một số ít người phương Tây bị bắt ở Ban Mê Thuột) theo một "thỏa thuận chuyên nghiệp" được CIA thực hiện thông qua một tổ chức tình báo phương Tây khác. Ông thực sự là nhân viên CIA cuối cùng ở Việt Nam.

26. Trường hợp tệ nhất

Khi tin tức về sự biến mất của James lan truyền qua Trạm, một số bạn bè của anh ấy đã vội vàng lên máy bay và trực thăng mà không suy nghĩ và dành hai ngày tiếp theo để lùng sục bờ biển giữa Vũng Tàu và Phan Rang để tìm anh ấy. Cuộc tìm kiếm hóa ra vừa vô ích vừa nguy hiểm. Các lực lượng Bắc Việt, hiện đang di chuyển trên các tuyến đường ven biển vào mọi giờ, không đặc biệt thích bị máy bay Air America bay qua, và vào một thời điểm, khi một chiếc Volpar hai động cơ bay quá thấp qua một

cột quân trên một con đường phía bắc Phan Thiết, một vài viên đạn AK-47 đã xuyên qua cánh, và phi công buộc phải hạ cánh khẩn cấp trên một bãi biển cách đó vài dặm. Một chiếc Air America Huey đã bay vào và cứu được phi hành đoàn cùng viên sĩ quan CIA trên tàu. "Không có thương vong," một giọng nói vang lên qua mạng radio "Diamond". Nhưng sau đó Polgar không còn muốn mạo hiểm thêm nữa. Cuộc tìm kiếm đã bị hủy bỏ.

Trong khi đó, tại Washington, Chính quyền đang chao đảo vì những cú sốc mới của chính mình. Những nỗ lực hòa bình gián tiếp của Kissinger đã không mang lại kết quả gì. Người Liên Xô và người Trung Quốc dường như không sẵn lòng triệu tập một hội nghị hòa bình quốc tế mới về Đông Dương, và chín

quốc gia thuộc Thị trường chung vừa thông báo với Washington rằng họ sẽ không tiếp cận Hà Nội, theo yêu cầu của Chính quyền, để yêu cầu ngừng bắn, vì sợ rằng họ sẽ bị cáo buộc thiên vị trong cuộc xung đột Việt Nam.

Cùng lúc đó, một tâm trạng bi quan, thậm chí là thất vọng, đang bao trùm chính quyền. Các cố vấn hàng đầu của Kissinger, Habib và Ingersoll, giờ đây đang rất lo lắng về hiệu suất của Martin, hoặc sự thiếu hụt của nó. Bill Hyland, trưởng phòng tình báo của Bộ Ngoại giao, gần đây đã nói với một phiên họp của WSAG rằng quân đội miền Nam Việt Nam chỉ có thể trụ được vài ngày nữa, và các nhà phân tích tại Cơ quan Tình báo Quốc phòng đã riêng tư tiết lộ với các phóng viên rằng bộ chỉ huy cao cấp Sài Gòn có lẽ sẽ không thể tập hợp

được các quân nhân còn sót lại từ QK 1 và 2 kịp thời để ngăn chặn một chiến thắng của cộng sản.

Điều đặc biệt gây lo ngại cho các nhà phân tích CIA và quốc phòng là sự xuất hiện gần đây của tên lửa SA-2 ở QK 3. Một khi những vũ khí cực kỳ tinh vi này được triển khai, những phát hiện mới nhất cho thấy chúng vẫn đang được vận chuyển ở phía đông bắc của khu vực - Bắc Việt Nam sẽ có thể ngăn chặn bất kỳ cuộc di tản bằng đường không nào ra khỏi Sài Gòn. *

*[Cảm giác khó chịu đã ảnh hưởng đến ít nhất một phần của cộng đồng tình báo được phản ánh trong bản tin hàng ngày do các nhà phân tích CIA chuẩn bị cho Nhà Trắng. Chứng kiến các mục sau đây : Ngày 14 tháng 4 : “Các lực lượng cộng sản đang di chuyển thêm quân vào

vị trí để tấn công từ hướng tây vào Sài Gòn... [Họ] hiện có gần ba sư đoàn đầy đủ - Sư đoàn 3, Sư đoàn 5 và Sư đoàn 9 - dọc theo vành đai phòng thủ phía tây của Sài Gòn." Ngày 15 tháng 4 : "Các báo cáo gần đây tiếp tục đề cập đến kế hoạch của cộng sản thực hiện các cuộc tấn công [phá hoại] từ bên trong Sài Gòn trong thời gian tới." Ngày 16 tháng 4 : "Các cuộc pháo kích gần đây vào căn cứ không quân Biên Hòa cho thấy các lực lượng cộng sản có thể đang lên kế hoạch pháo kích ngoại ô Sài Gòn và căn cứ không quân Tân Sơn Nhất bằng các khẩu pháo hạng nặng của họ." Một cuộc tấn công của các sư đoàn mới đến phía bắc Sài Gòn, kết hợp với các cuộc tấn công của lính công binh và bắn phá thành phố, có thể dẫn đến sự sụp đổ nhanh chóng của vị trí chính phủ.]

Ngoài "cộng đồng chính thức", những tia sáng của sự hoảng loạn và bối rối cũng ngày càng rõ ràng hơn. Trong vài ngày qua, các đài truyền hình và nhiều tờ báo, tạp chí đã bắt đầu quấy rầy Nhà Trắng để được giúp đỡ trong việc sơ tán các nhân viên Việt Nam của họ ở Sài Gòn, tuyên bố rằng Martin sẽ không bao giờ có thể tự mình hoàn thành nhiệm vụ này. Quốc hội cũng đang trở nên bồn chồn. Lãnh đạo Đảng Dân chủ tại Thượng viện Mike Mansfield gần đây đã cáo buộc Nhà Trắng chậm trễ trong vấn đề sơ tán, và ngày càng nhiều nhà lập pháp dường như tin rằng Chính quyền đang cố tình giữ cộng đồng người Mỹ ở lại Sài Gòn để ép buộc một cuộc bỏ phiếu tích cực về dự luật viện trợ và để biện minh cho việc đưa lực lượng Mỹ vào.

Như đã xảy ra, một yếu tố chính thúc

đẩy những thái độ của Quốc hội như vậy là báo cáo thực địa do bạn tôi Dick Moose và Chuck Miessner, các điều tra viên của Ủy ban Đối ngoại Thượng viện, chuẩn bị. Vào thứ Hai, ngày mười bốn, chỉ vài giờ sau khi trở về Washington, họ đã báo cáo cho Ủy ban về những phát hiện của mình. Dựa trên những gì họ đã học được từ tôi và những người khác ở Sài Gòn, họ dự đoán rằng các lực lượng cộng sản sẽ cố gắng củng cố quyền kiểm soát xung quanh thủ đô vào đầu tháng Năm.

Cảnh báo về sự phản đối gia tăng đối với Thiệu và sự thù địch ngày càng tăng đối với cộng đồng người Mỹ, họ báo cáo rằng có một "sự đồng thuận" trong Đại sứ quán khẩn cấp ủng hộ việc sơ tán. Nhưng họ cũng chỉ ra rằng có sự phản đối ở những cấp cao nhất. "Họ đã lưu ý rằng

'Cảm giác khẩn cấp này không được chia sẻ, và thực sự đang bị Đại sứ Martin và một vài sĩ quan cấp cao của ông ấy chống đối một cách tích cực.'" "Đại sứ không coi tình hình quân sự hoặc an ninh là nghiêm trọng và do đó ông không nhận thấy hoặc thừa nhận các rủi ro mà người khác thấy." Ông lên án những gì ông coi là 'hoảng loạn' từ phía người khác. Thay vào đó, ông nhấn mạnh cần tránh các hành động có thể truyền đạt cho chính phủ Việt Nam những dấu hiệu bất an của Mỹ. Kết quả là : "Kế hoạch nghiêm túc của Đại sứ quán cho việc sơ tán toàn bộ người Mỹ và người Việt chỉ bắt đầu vào tuần trước." Đến cuối tuần, nó vẫn chưa tiến triển vượt qua giai đoạn sơ bộ. Sự phối hợp giữa các yếu tố khác nhau của Nhiệm vụ đã rất hạn chế và chủ yếu là vì việc thảo luận về vấn đề này dường như đã bị ngăn cản.

Để bù đắp cho tất cả những điều này, Moose và Miessner đề xuất rằng Quốc hội kêu gọi Chính quyền bãi bỏ mọi hạn chế nhập cư và đẩy nhanh việc sơ tán cả người Mỹ và người Việt Nam ngay cả trước khi bỏ phiếu viện trợ - điều này tất nhiên trái ngược với chiến lược của Kissinger. Họ cũng đề nghị hoãn cuộc tranh luận về việc sử dụng lực lượng quân sự cho đến khi hầu hết người Mỹ rời Sài Gòn, vì «các yếu tố trong công chúng Việt Nam đã lo lắng và khó chịu có thể sẽ rất phản cảm» với điều đó. Còn về đề xuất viện trợ : «Không ai, kể cả quân đội Việt Nam, tin rằng viện trợ nhiều hơn có thể đảo ngược dòng chảy của sự kiện."

Hai nhân viên không lạc quan hơn tôi về triển vọng của các cuộc đàm phán "tệ nhất thì chúng sẽ chỉ là những cuộc nói chuyện đầu hàng và tốt nhất thì mọi

thứ sẽ nghiêng hẳn về phía chính phủ hiện tại" - nhưng họ cảm thấy không có gì sai khi thử. Sự khác biệt giữa quan điểm của họ và của Đại sứ là họ không sẵn lòng hoãn kế hoạch sơ tán vì mưu đồ hòa bình.

Sau khi được thông báo, Thượng nghị sĩ Clifford Case đã gọi điện cho Nhà Trắng và yêu cầu Tổng thống gặp gỡ ủy ban ngay lập tức. Cuối ngày hôm đó, toàn bộ thành viên đã xuất hiện tại Phòng Bầu dục. Trong cuộc phỏng vấn, các Thượng nghị sĩ đã đề nghị hỗ trợ một khoản nhỏ trong viện trợ nhân đạo và cho phép sử dụng lực lượng để sơ tán người Mỹ, với điều kiện Nhà Trắng đồng ý rút cộng đồng người Mỹ ngay lập tức. Ford đã lưỡng lự, từ chối cam kết vào một thời hạn cụ thể. Ông cũng phản đối ý tưởng làm cho viện trợ bổ sung và việc sử dụng

lực lượng phụ thuộc vào việc rút quân hoàn toàn của Mỹ, và phủ nhận rằng ông cần sự ủy quyền của Quốc hội để bảo vệ mạng sống của người Mỹ. Ngoài ra, ông kiên quyết về "nghĩa vụ của chúng ta" trong việc giúp đỡ người Việt Nam đang gặp nguy hiểm, tuyên bố rằng con số này lên tới 174,000.

Cuộc họp kết thúc mà không đi đến kết luận nào. Thượng nghị sĩ Robert C. Byrd, Trợ lý Lãnh đạo Đảng Dân chủ, đã rất lo lắng về những gì đã xảy ra, ông quyết định ngay lập tức giới thiệu một nghị quyết hạn chế việc sử dụng lực lượng Mỹ chỉ cho việc sơ tán người Mỹ.

Đối mặt với sự kháng cự như vậy, Kissinger và các đồng nghiệp trong Chính quyền của ông giờ đây rất háo hức, thậm chí tuyệt vọng, tìm kiếm các lựa chọn thay thế. Nhưng vì họ vẫn hy

vọng có thể tập hợp Quốc hội ủng hộ đề xuất 722 triệu đô la, họ chưa thể chấp nhận lựa chọn mà Martin gợi ý : từ bỏ Thiệu.

Vào sáng ngày mười lăm, chỉ vài giờ sau khi Martin lần đầu tiên đề cập đến triển vọng này với Nhà Trắng, Kissinger và một số quan chức khác của Chính quyền đã phát động một cuộc tấn công cuối cùng, phối hợp vào các nhóm Quốc hội khác nhau nắm giữ chìa khóa cho cuộc bỏ phiếu viện trợ. Kissinger tự mình đã dành phần lớn thời gian trong ngày với Ủy ban Phân bổ Ngân sách Thượng viện, nơi ngày càng hoài nghi. Ông nhắc lại hầu hết các lập luận quen thuộc của mình và giải thích thêm một lập luận khác, tuyên bố rằng "số tiền chúng tôi đã yêu cầu sẽ cho phép chính phủ Nam Việt Nam... đàm phán trong các điều kiện phù

hợp hơn với quyền tự quyết." Khi được hỏi chính xác điều này có nghĩa là gì, ông giải thích, "Tôi cho rằng họ [người Nam Việt Nam] có thể hy vọng đạt được việc thực hiện các điều khoản của hiệp định [Paris] kêu gọi thành lập Hội đồng Hòa giải và Hòa hợp Quốc gia." Nhận xét đó rất đáng chú ý. Không ai, kể cả người Pháp, đã gợi ý rằng các Đảng viên Cộng sản có thể sẵn sàng tham gia vào một liên minh ba bên như vậy. Nguồn tin của báo cáo chính thức đầu tiên về kế hoạch của Hà Nội, báo cáo vào ngày 8 tháng 4, đã rõ ràng loại trừ điều đó. Rõ ràng là Kissinger đã nuông chiều những suy nghĩ mơ mộng của riêng mình mà không quan tâm đến tình báo.

Tướng Weyand, xuất hiện trước cùng một ủy ban, tuyên bố rằng Sài Gòn sẽ sụp đổ trong một tháng nếu

không có sự trợ giúp thêm, và Bộ trưởng Schlesinger, trong lời khai của mình, đưa ra một dự đoán còn tồi tệ hơn, cảnh báo rằng hơn 200.000 người Việt Nam (một con số thuận tiện mà Tổng thống muốn sơ tán) sẽ phải đối mặt với cái chết nếu các lực lượng cộng sản nắm quyền. Sáng hôm sau, những bản sao của Pacific Stars and Stripes, với những tuyên bố của ông được in đậm trên các tiêu đề, đã lan truyền khắp Sài Gòn, củng cố thêm nỗi ác mộng tồi tệ nhất của hàng trăm người Việt Nam.

Tuy nhiên, Quốc hội vẫn không bị lay chuyển. Ngoài tất cả những nghi ngờ cũ về tính hữu ích của viện trợ bổ sung, còn có sự hoài nghi đáng kể về tính xác thực của Chính quyền, đặc biệt là các số liệu thống kê của họ. Schlesinger đã đảm bảo với một nhóm các nhà lập pháp vào chiều

ngày mười lăm rằng số lượng người Mỹ ở Sài Gòn đã giảm một phần ba, xuống dưới 4.000, trong hai tuần qua. Nhưng chỉ trong vài giờ, Lầu Năm Góc đã buộc phải thừa nhận rằng có thể vẫn còn tới 5.000 người Mỹ ở thủ đô miền Nam Việt Nam, bao gồm cả một số người vừa mới xuất hiện trên sổ sách. Ủy ban Quan hệ Đối ngoại Thượng viện, nghi ngờ có sự lừa dối, đã hoãn bỏ phiếu về đề xuất viện trợ chờ làm rõ.

Tại Hà Nội, lãnh đạo đảng đã khéo léo tận dụng sự nhầm lẫn và tranh cãi ngày càng gia tăng ở Washington. Như thể để kích thích Quốc hội đưa ra quyết định nhanh chóng về vấn đề di tản, Bộ Ngoại giao Bắc Việt đã thông báo vào ngày mười sáu rằng "lực lượng giải phóng" luôn sẵn sàng đảm bảo việc rút quân "cố vấn quân

sự Mỹ" ngay lập tức và an toàn. Trong khi đó, một phát ngôn viên của Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam (PRG) tại Paris đã nói với một phóng viên của New York Times rằng phía ông sẽ không đặt ra "bất kỳ trở ngại nào" nếu người Mỹ muốn rút toàn bộ "25.000" cố vấn quân sự của họ ở Sài Gòn (gấp bốn lần quy mô thực tế của cộng đồng người Mỹ).

Đại sứ Martin đã xem xét những tuyên bố này, và sự phẫn nộ trong Quốc hội, với sự lo ngại sâu sắc. Chắc chắn rằng nguy cơ thất bại của Sài Gòn (Saigon's house of cards) sẽ sụp đổ xung quanh chúng ta nếu Chính quyền bị dồn vào một cuộc di tản, ông cảm thấy mình không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tiếp tục chơi trò câu giờ, trì hoãn việc rút tiền quá vội vàng cho đến khi Quốc hội đưa ra quyết định về dự luật viện trợ. Bất

kể quyết định của mình là gì, Kissinger sau đó có thể đồng ý với giải pháp chính trị mà giờ đây dường như là biện pháp bảo vệ duy nhất cho sinh mạng của người Mỹ.

Vì cuộc bỏ phiếu về viện trợ rất quan trọng, Martin cho rằng ông có nghĩa vụ phải vận động hành lang từ Sài Gòn, và chẳng mấy chốc ông bắt đầu gọi điện thoại đường dài hàng giờ cho bạn bè và đồng minh tại Quốc hội, đề nghị sơ tán người Việt Nam (hoặc người Mỹ) này hay người Việt Nam khác tùy theo lựa chọn của họ trong khi kêu gọi họ ủng hộ biện pháp viện trợ. Ông cũng cố gắng giữ khoảng cách với các đồng nghiệp trong Chính quyền bằng cách coi thường triển vọng rút lui dễ dàng hoặc nhanh chóng của nhân viên Mỹ. Trong một cuộc phỏng vấn báo chí vào ngày mười sáu,

ông đã tuyên bố thẳng thừng rằng ông sẽ không thể giảm số lượng cộng đồng người Mỹ xuống 1.100 nhanh như Nhà Trắng mong muốn, và cảnh báo rằng tác động của ngay cả những đợt cắt giảm gần đây cũng sẽ không được cảm nhận trong "hai hoặc ba ngày."

Ông cũng nghĩ ra một kế hoạch để giảm bớt một nguồn áp lực lớn khác, đó là giới báo chí Mỹ. Mặc dù ông chắc chắn không yêu thích tổ chức lâu đời này, ông nhận ra rằng cách duy nhất để giữ cho các nhà báo im lặng là nỗ lực đặc biệt để đáp ứng những mối quan tâm của họ. Vào chiều ngày mười sáu, ông đã chỉ đạo người phát ngôn báo chí của mình, John Hogan, sắp xếp một chuyến «vận chuyển hàng không đen» đặc biệt cho các nhân viên Việt Nam của các tổ chức tin tức Mỹ ở Sài Gòn.

Chuyến "xe đưa đón" của báo chí hóa ra là một trong những chiến dịch sơ tán thành công nhất của Đại sứ quán. Trong vài ngày tiếp theo, Hogan và trưởng văn phòng CBS địa phương tại Sài Gòn, người liên lạc chính về phía truyền thông, đã bí mật sơ tán khoảng 600 người Việt Nam thông qua sự bảo trợ của Air America. Không một lời nào về việc này bị rò rỉ ra công chúng. Cũng không có ai thảo luận rộng rãi về điều này trong Đại sứ quán. Martin sau đó đã nói với Quốc hội rằng đây chính xác là cách mà các phóng viên muốn. Theo lời của ông, giám đốc CBS đã đặc biệt khăng khăng rằng Alan Carter không được thông báo vì lý do "không đáng tin cậy" của ông ta.

Khi Carter biết về điều này sau sự sụp đổ của miền Nam Việt Nam, ông không hề thấy vui vẻ chút nào. Nhiều nhân viên

CIA cũng không hài lòng. Mặc dù không ai tỏ ra ghen tị với sự hào phóng của Đại sứ, nhưng sự sẵn lòng của ông trong việc mở rộng sự trợ giúp đặc biệt cho những người bên ngoài trong khi các nhân viên địa phương của Đại sứ quán đang gặp khó khăn dường như không hợp lý. Ai đang gặp nguy hiểm lớn hơn, cuối cùng thì những nhân viên văn phòng của CBS hay những người Việt Nam gắn bó với CIA hoặc các bộ phận khác của Đại sứ quán ? Rõ ràng, Đại sứ đã chọn ưu tiên cho quan hệ công chúng trước tiên. *

*[Trong việc cho phép chuyến bay đưa báo chí, Martin rõ ràng đã vi phạm các quy tắc nhập cư của Hoa Kỳ để tạo điều kiện cho một cuộc sơ tán mà ông cho là có lợi về mặt chính trị. Vào thời điểm ông khởi động cuộc không vận bí mật này, việc di chuyển đến Hoa Kỳ chỉ hợp

pháp đối với những "người phụ thuộc" Việt Nam có người thân là công dân Mỹ đang cư trú thực sự tại Việt Nam. Ít người Việt Nam được dự kiến cho chuyến bay báo chí phù hợp với định nghĩa này.]

Trong khi đó, Martin tiếp tục cố gắng hạn chế dòng chảy của người Việt Nam mà ông không có nhu cầu đặc biệt. Ngay cả khi chuyến xe buýt báo chí khởi hành, ông đã làm rõ với tất cả chúng tôi trong Đại sứ quán rằng chúng tôi không được đưa các sĩ quan quân đội đang tại ngũ, các chức năng chính phủ hoặc nam giới Việt Nam trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự lên bất kỳ chuyến bay nào ra ngoài. Đại sứ quán, ông nói, sẽ không tham gia vào việc đào ngũ hoặc bỏ bê nhiệm vụ. Ông cũng cố gắng đưa cơ chế sơ tán của Đại sứ quán dưới sự kiểm soát chặt chẽ hơn để đảm bảo tuân thủ các chỉ thị của

mình. Vào chiều ngày mười bảy, "trợ lý đặc biệt" của ông, George Jacobson, đã thông báo với một nhóm đồng nghiệp rằng ông vừa được bổ nhiệm làm "điều phối viên di tản" mới và Jim Devine, trưởng bộ phận chính trị-quân sự, sẽ làm phó của ông. Một số người trong chúng tôi cảm thấy hơi ngạc nhiên trước những lựa chọn này. Công việc của điều phối viên cho đến thời điểm này đã được đảm nhiệm bởi các quân nhân, đầu tiên là Smith và Baughn, sau đó là Đô đốc Benton. Vì DAO đã có tổ chức, máy bay và tàu hàng, việc chuyển sang quản lý dân sự dường như là vô nghĩa. Nhưng Martin rõ ràng nghĩ khác. Giờ đây khi một cuộc sơ tán thực sự đang đến gần, ông quyết tâm đưa những người của mình lên tuyến đầu. Jacobson và Devine, cả hai đều nợ ông sự nghiệp của mình, có thể được tin tưởng sẽ tuân theo chỉ

thị của ông một cách chính xác.

Đối với một thành viên trong đội ngũ của Đại sứ, sự thay đổi này có sức hấp dẫn như một cái tát vào mặt. Al Francis đã thúc giục Martin trong nhiều ngày để giữ Smith làm điều phối viên, và khi ông biết Jacobson đã được chọn thay thế, ông cảm thấy bị từ chối. Ông đã thông báo cho Martin về cảm xúc của mình và nói rằng ông sẽ rời Sài Gòn ngay lập tức. Vì vậy, cựu học trò của Đại sứ, người hùng của Đà Nẵng, đã cắt đứt mọi liên hệ còn lại với người mà sự ủng hộ của ông đã giúp anh ta trở thành một trong những ngôi sao sáng nhất trong Bộ Ngoại giao. Chỉ trong vòng một ngày hoặc hơn, Francis đã biến mất.

Đến cuối giờ làm việc vào ngày mười bảy, bàn làm việc của Martin đã chất đầy các bức điện từ Washington cảnh cáo

ông phải tăng tốc việc sơ tán và đánh giá tình hình quân sự đang xấu đi. Một trong số đó, từ Kissinger, yêu cầu đánh giá kế hoạch của Thiệu về việc phòng thủ Sài Gòn, cũng như phân tích mối đe dọa do các SA-2 gây ra. Martin đọc chúng với sự thiếu kiên nhẫn không thể che giấu. Bộ Ngoại giao và Nhà Trắng dường như vẫn chưa hiểu được tầm quan trọng của việc tiếp cận những vấn đề như vậy một cách bình tĩnh và khách quan. Ông ngồi xuống bàn làm việc và viết một câu trả lời bằng tay, thư ký của ông, Eva Kim, gõ từng đoạn khi ông viết.

Một điều có thể gây ra phản ứng dữ dội chống lại người Mỹ ở Sài Gòn, ông cảnh báo, là một nỗ lực đột ngột để sơ tán họ. Một điều khác sẽ là "một thằng ngu nào đó" ở Washington gửi lính thủy đánh bộ đến cứu viện. Hành động như

vậy, theo quan điểm của ông, sẽ gây ra "một mớ hỗn độn khủng khiếp."

Trên một tông điệu nhẹ nhàng hơn, ông hứa sẽ cố gắng đáp ứng lịch trình cắt giảm nhân sự của Tổng thống. Tất cả các bà vợ của nhân viên Đại sứ quán sẽ được đưa ra ngoài vào cuối tuần tới, ông khẳng định, và sẽ có nỗ lực để giảm số lượng cộng đồng người Mỹ xuống còn 2.000 trong vòng một tuần. Ông cũng đảm bảo với Tổng thống và Kissinger rằng theo như ông có thể xác định, sẽ không có cuộc tấn công trực tiếp nào của cộng sản vào thành phố (do đó, không cần phải đánh giá kế hoạch phòng thủ của Thiệu). Cũng như vậy, ông nói, các "cố vấn" của ông không mong đợi tinh thần sẽ sụp đổ, hoặc cảm xúc của người dân sẽ quay lưng lại với cộng đồng Mỹ trong một tuần hoặc hơn, ngay cả khi

Quốc hội bác bỏ đề xuất viện trợ.

Sau đó, ông chuyển sang chủ đề mà ông đã đề cập trong bức điện hai ngày trước. Thieu sẽ thực sự "chấm dứt," ông ta khẳng định, nếu Quốc hội bỏ phiếu không ủng hộ viện trợ. Vì vậy, Đại sứ nói, ông đề xuất sẽ gặp Tổng thống Việt Nam Cộng hòa trong một hoặc hai ngày tới và gợi ý ông từ chức trước khi các tướng lĩnh buộc ông phải làm điều đó.

Martin cũng nhắc Kissinger về những gì ông đã nói với ông ấy trong các cuộc gặp ở Washington vào cuối tháng Ba. Phải có một cái giá cho chính sách hòa bình, ông ấy nói. Liên Xô và Trung Quốc cần phải nhận ra rằng lợi ích của họ sẽ được đảm bảo bằng cách hạn chế Hà Nội.

Ngay cả theo các tiêu chuẩn hiện đã

được Martin thiết lập thì bức điện tín này cũng có phần cực đoan. "Kẻ ngốc chết tiệt" duy nhất ở Washington có thể cuối cùng điều động quân đội đến Việt Nam, xét cho cùng, chính là Tổng thống. Sau đó, lần đầu tiên Martin ở đây thúc giục một sự thay đổi trong chính quyền Sài Gòn và một sáng kiến hòa bình thực sự (thông qua các đồng minh của Hà Nội) thậm chí trước cả quyết định của Quốc hội về đề xuất viện trợ. Bản thân đề xuất này là thước đo sức thuyết phục của Mérillon.

Đối với Chính quyền, thông điệp này là giọt nước tràn ly. Âm thanh chói tai của nó đã đủ gây khó chịu, nhưng để tăng thêm phần khó chịu, nó đã đến Washington vào đúng lúc Quốc hội đang phá hủy những hy vọng cuối cùng cho đề

xuất viện trợ 722 triệu đô la. Chiều hôm đó, Ủy ban Dịch vụ Vũ trang Thượng viện đã bỏ phiếu không ủng hộ viện trợ quân sự bổ sung với bất kỳ giá nào. Mặc dù còn một số ủy ban khác vẫn chưa đưa ra ý kiến, Kissinger, với vẻ mặt chán nản, đã thừa nhận thất bại. "Cuộc tranh luận về Việt Nam đã kết thúc," ông nói với một nhóm nhà lập pháp. "Chính quyền sẽ chấp nhận phán quyết của Quốc hội mà không có sự trách móc hay thù hận."

Khoảng một giờ sau, Bộ Ngoại giao, theo chỉ thị từ WSAG, bắt đầu tập hợp một lực lượng đặc nhiệm liên ngành để đảm nhận việc sơ tán thay cho Martin. Dean Brown, một cựu sĩ quan Dịch vụ Ngoại giao năm mươi tám tuổi, đã được gọi ra khỏi hưu trí để lãnh đạo nó. Brown, người vừa rời khỏi Bộ chỉ một tháng trước, đã phục vụ tại nhiều vị trí ở

nước ngoài, và với vai trò Phó Thứ trưởng Quản lý, đã gây ấn tượng với Kissinger bằng kỹ năng quản lý của mình. *

* [Quyết định của Chính quyền về việc nắm bắt sáng kiến cũng được thúc đẩy bởi sự bi quan tiếp diễn trong giới phân tích tình báo về tình hình quân sự. Giám đốc CIA Colby đã bày tỏ sự u ám của mình với Kissinger trong một cuộc họp của WSAG vào ngày mười bảy : "Chúng tôi tin rằng các lực lượng của cộng sản sẽ được triển khai vào các vị trí để tấn công Sài Gòn trong vòng vài ngày tới." Một chiến thắng quân sự của Cộng sản có khả năng xảy ra trong vòng một đến ba tuần. Chính phủ Cách mạng Lâm thời Việt Cộng đã khẳng định rằng sự bảo vệ tốt nhất mà Hoa Kỳ có thể dành cho nhân viên của mình là rút họ ngay lập tức, và rằng việc rút lui như vậy

sẽ ‹không gặp phải bất kỳ khó khăn hay trở ngại nào.... Về việc di tản người Việt Nam, các nhà lãnh đạo Cộng sản vẫn giữ thái độ công khai thù địch, nhưng chúng tôi có những dấu hiệu mỏng manh về khả năng linh hoạt trong lập trường này.» Ở đây, Colby đã trích dẫn báo cáo gần đây từ Trần Văn Đôn. Mặc dù ông tiếp tục mô tả Đôn là một «kẻ cơ hội» và nói «chúng tôi hoài nghi về tính xác thực của ông ấy,» ông thêm vào, «tuy nhiên, có vẻ như những người cộng sản đang rao giảng rằng nếu Thiệu bị thay thế, một kết quả ít đẫm máu hơn sẽ có thể xảy ra." Chủ đề này đã xuất hiện trong một báo cáo gần đây về cuộc trò chuyện giữa lãnh đạo Phật giáo Thích Trí Quang và một cá nhân mà ông tin là đại diện của Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam (PRG). Các đại diện Bắc Việt và Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Paris đã

đưa ra những tuyên bố tương tự trong tuần vừa qua. Colby do đó đã thành công trong việc nhấn mạnh triển vọng, dù chỉ là những gì còn lại, cho một sự đầu hàng ngụy trang ngay cả khi ông đã loại bỏ Saigon về mặt quân sự.]

Để báo cho Đại sứ về sự thay đổi kế hoạch này, Kissinger đã gửi cho ông một tin nhắn qua kênh không chính thức ngay trước nửa đêm, theo giờ Sài Gòn. Mở đầu bằng giọng điệu hòa giải, ông đã trấn an Martin rằng ông và Tổng thống hiện đang nghiêm túc xem xét đề xuất của ông về việc loại bỏ Thiệu. (Trên thực tế, Bộ Ngoại giao vừa được lệnh bắt đầu khảo sát các nước «thân thiện» ở Đông Nam Á để tìm kiếm một điểm trú ẩn cho nhà lãnh đạo miền Nam Việt Nam.) Trong khi đó, Kissinger tiếp tục, tình hình ở Quốc hội đã trở nên mất kiểm

soát. Hơn nữa, các cơ quan khác nhau ngày càng trở nên tin chắc rằng «trường hợp xấu nhất» - một cuộc giải cứu bằng trực thăng trong một cuộc tấn công toàn diện của NVA vào Sài Gòn - là không thể tránh khỏi, và do đó đã gây áp lực lên Nhà Trắng để rút tất cả nhân viên đại sứ quán thừa thãi càng sớm càng tốt. «Xét về thực tế chính trị,» Bộ trưởng tiếp tục, «cần có hành động quyết liệt» để đảm bảo việc sơ tán người Việt Nam cũng như người Mỹ. Do đó, mọi nỗ lực phải được thực hiện để giảm số lượng cộng đồng người Mỹ xuống còn 1.100 trong vòng chưa đầy một tuần. Martin cũng phải lập kế hoạch ngay lập tức để sơ tán tới 200.000 người Việt Nam.

Trong những đoạn cuối cùng của thông điệp của mình, Kissinger đã yêu cầu Martin bình luận thêm về một vấn

đề mà ông đã nêu trong bức thư trước đó của mình - tính khả thi và sự khôn ngoan của việc tiếp cận Liên Xô để nhận được sự giúp đỡ trong việc đạt được lệnh ngừng bắn và một thỏa thuận.

Martin không mất thời gian để phản hồi câu hỏi cuối cùng đó. Như ông đã giải thích với tôi sau đó, ông đã gọi điện cho Washington bằng điện thoại bảo mật ngay sau khi nhận được điện tín của Kissinger và nói với Bộ trưởng "hãy tiến hành lời mở đầu với Moscow bằng mọi cách." Con bài mặc cả sẽ là sự từ chức của Nguyễn Văn Thiệu.

Tuy nhiên, ông không mấy nhiệt tình với một số điều khác được đề cập trong thông điệp của Kissinger. Sự đề cập đến mối quan ngại ngày càng tăng ở Washington về "trường hợp tồi tệ nhất" đặc biệt khiến ông lo lắng, vì ông cảm thấy

điều đó biểu thị một cảm giác hoảng loạn, thậm chí không thực tế, có thể làm rối loạn các kế hoạch được tính toán cẩn thận của ông, đặc biệt là hy vọng của ông về việc sắp xếp một khoảng thời gian thở ra nào đó thông qua việc Thiệu bị loại bỏ. Để kiềm chế những người sẽ hành động quá vội vàng, Martin đã nộp một bình luận đầy đủ về những nhận xét của Kissinger vào sáng hôm sau.

Với "cuộc không vận sẵn có," ông đã đảm bảo với Bộ trưởng rằng có thể giảm số lượng cộng đồng người Mỹ xuống còn 1.700 người vào "cuối giờ làm việc" ngày hai mươi ba. Tuy nhiên, "chúng tôi không thể," ông nói, "mở rộng các danh mục công dân Việt Nam được miễn lệnh cấm du lịch của Việt Nam [các sĩ quan quân đội đang tại ngũ và các quan chức chính phủ] mà không gây ra sự hoảng

loạn mà tất cả chúng ta đều nên cố gắng tránh." Do đó, "chúng tôi không cho rằng khả thi để cố gắng chịu trách nhiệm đưa tất cả người Việt Nam [200,000], mà Tổng thống đề cập, ra khỏi Sài Gòn." Chúng tôi sẽ chỉ đạo các nhân viên địa phương của mình đến các điểm đã được chỉ định trên bờ biển nơi họ có thể được sơ tán." Ông cũng đảm bảo với Kissinger rằng "các nguyên tắc báo chí" đã được thông báo rằng "sau khi miền Nam Việt Nam sụp đổ, chúng tôi sẽ có thể thương lượng để giải phóng và đưa những công dân Việt Nam đã làm việc cho người Mỹ ra an toàn." (Trên thực tế, người Bắc Việt chưa bao giờ đảm bảo điều này với bất kỳ ai.)

Về những "cơ quan" hoảng loạn mà Kissinger đã ám chỉ, Martin đã khéo léo gợi ý rằng việc lập kế hoạch sơ tán nên

được giao cho các sĩ quan quân đội thích hợp và cảnh báo rằng "giả định tự động" về trường hợp xấu nhất có thể "tự động xảy ra." Ông cũng khuyên không nên để bất kỳ ai ở Washington cố gắng "hướng dẫn" bất kỳ phần riêng biệt nào của Đại sứ quán. (Chắc chắn ông ấy đã nghĩ đến Alan Carter và những người liên lạc của ông ta tại USIA và CIA.) "Chúng tôi là một gia đình gắn bó chặt chẽ ở đây và những hành động lén lút như vậy sẽ không có tác dụng," ông nhấn mạnh. "Nhưng những nỗ lực liên tục có thể gây ra hỗn loạn nếu chúng tiếp tục."

Theo bất kỳ tiêu chuẩn nào, đó là một màn trình diễn kinh điển của Martin : hùng biện như một lưỡi dao sắc bén. Nhưng nếu ông ấy hy vọng cắt giảm kích thước của những kẻ báo động trong nước, ông ấy đã thất bại thảm hại. Một

số người ở Washington đã thấy thông điệp và kết luận rằng ông ấy đã trở nên mất cân bằng. Một số thành viên trong đội ngũ của Habib đã đề nghị ông ta bị loại bỏ vì "lý do sức khỏe." Kissinger thì vô cùng tức giận. "Không thể chấp nhận được !" ông gầm lên khi đọc qua bức điện và ngay lập tức ra lệnh cho Martin bắt đầu lên kế hoạch sơ tán cả người Mỹ và người Việt theo những gì ông đã chỉ định.

Điều khiến Kissinger đặc biệt tức giận, và khiến nhiều người khác sợ hãi, là cách Martin thờ ơ với vấn đề sơ tán người Việt. Chỉ vài ngày trước, Tổng thống Ford đã cam kết rõ ràng với Chính quyền về việc cứu ít nhất 200.000 người địa phương ; giờ đây Martin đơn phương từ chối ý tưởng này với lý do «không khả thi.» Ông thậm chí còn đe dọa biến dự

đoán của mình thành hiện thực bằng cách đưa tất cả các kế hoạch của mình vào một cuộc rút lui không được bảo vệ qua Vũng Tàu, một tình huống mà Lầu Năm Góc coi là hoàn toàn không thực tế.

Mặc dù có sự phản đối mạnh mẽ đối với các đề xuất sơ tán của Martin, tuy nhiên, quan điểm của ông về lựa chọn chính trị đã tìm thấy sự đồng tình. Trong một bài phát biểu trước một nhóm biên tập viên báo chí vào ngày mười bảy, Kissinger tuyên bố một cách trang trọng, "Chúng ta sẽ không quên ai là người đã cung cấp vũ khí mà Bắc Việt Nam đã sử dụng để làm nhục chữ ký của họ trên các hiệp định Paris." Với điều đó, ông đã công khai cảnh báo Moscow, như Martin đã gợi ý, rằng Việt Nam vẫn là một phần của cấu trúc détente.

Ngoài Đại sứ, không ai trong Đại sứ quán được biết đến các kế hoạch của Chính quyền đối với Thiệu hoặc đối với Liên Xô, ít nhất là không phải ngay lập tức. Nhưng sự vô ích của con đường đàm phán giờ đây dường như không còn nghi ngờ gì đối với nhiều người trong chúng tôi. Cả người Liên Xô lẫn người Trung Quốc đều không tỏ ra sẵn lòng giúp tìm ra một thỏa hiệp, và Bắc Việt thì cứng rắn nhất trong tất cả. Trong khi khăng khăng yêu cầu lật đổ toàn bộ «bè lũ Thiệu,» họ giờ đây đang thúc ép mạnh mẽ việc rút lui một số lượng lớn «cố vấn quân sự» Mỹ, mà không có bất kỳ chỉ dẫn rõ ràng nào về ai đủ tiêu chuẩn và ai không. Họ cũng không đưa ra bất kỳ điều gì cụ thể để đổi lại.

Hơn nữa, chỉ vài giờ sau khi Martin gửi tin nhắn đến Washington vào ngày

mười bảy, một trong những điệp viên thông thạo nhất của Đài đã cung cấp thông tin tình báo mới mà lẽ ra nên khiến mọi điều mà Đại sứ đang tìm kiếm trở nên nghi ngờ. Như đã xảy ra, tôi là người đã tiết lộ những thông tin của ông ấy.

Ngay trước buổi trưa, một nhân viên điều tra cao cấp đã gọi cho tôi tại văn phòng, nói rằng đặc vụ đang trở về từ hiện trường, và hỏi tôi có muốn tham gia thảo luận với anh ấy tại một nhà an toàn gần đó không. Tôi nói với anh ấy rằng tôi sẽ có mặt trong vòng một giờ.

Khi tôi lái xe qua thành phố đến điểm hẹn, tôi gần như không thể kiềm chế được sự phấn khích của mình. Đặc vụ từ lâu đã là một nguồn thông tin vô cùng chính xác. Nếu có ai có thể cho chúng ta cái nhìn sâu sắc về kế hoạch của Hà Nội,

thì đó chính là ông ấy.

Anh ấy đến trong bộ dạng hoàn toàn giả trang, và mặc dù chúng tôi đã gặp nhau vài lần trước đó, tôi hầu như không nhận ra anh ấy sau cặp kính giả và các phụ kiện khác. Anh ấy chào tôi một cách lịch sự, và sau vài ngụm Budweiser đóng hộp (một món ngon hiếm có ở phía sau hàng rào cộng sản), anh ấy bắt đầu kể câu chuyện của mình, những thông tin thu thập được từ các cuộc họp cấp cao gần đây.

Người Bắc Việt, ông nói, sẽ tiếp tục chiến đấu cho đến khi chiến thắng hoàn toàn, bất kể Thieu có bị lật đổ hay Hoa Kỳ có cung cấp thêm viện trợ hay không. Dựa trên các quyết định được đưa ra vào cuối tháng Ba, họ cảm thấy rằng việc hy sinh quân lính trong một cuộc tấn công quân sự lớn còn tốt hơn là lãng phí thời

gian cố gắng đạt được chiến thắng thông qua một chính phủ liên minh. Sẽ không có đàm phán và không có liên minh, ông nhấn mạnh (ông rất khẳng định về điều này).

Khi tôi hỏi anh ta về các cuộc tấn công dự kiến chống lại Sài Gòn, anh ta cho biết đã có sự chậm trễ. Cuộc tấn công sẽ không được tiến hành như kế hoạch, vào ngày 19 tháng 4. Nhưng ban chỉ huy cao cấp của cộng sản, ông nói, đã quyết tâm tổ chức lễ kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ, ngày 19 tháng 5, tại Sài Gòn (chính xác là mục tiêu mà Dũng và các đồng chí của ông đã đặt ra cho chính mình chỉ một ngày trước đó). Với thời gian chuẩn bị cần thiết để đáp ứng thời hạn này, ông suy đoán, họ sẽ bắt đầu cuộc tấn công cuối cùng của mình vào ngày đầu tiên của tháng Năm sớm nhất.

Mục tiêu chính của họ sẽ là các căn cứ không quân, kho đạn dược và các cơ sở quân sự. Pháo binh tầm xa và thậm chí cả không lực sẽ được sử dụng chống lại thành phố, và radar đã được thiết lập trên núi Bà Đen phía bắc thành phố Tây Ninh để giúp hướng dẫn các cuộc không kích. Ông ta thêm rằng, bộ chỉ huy cao cấp thậm chí bây giờ đang «sắp xếp» để bảo vệ các phái đoàn cộng sản tại Tân Sơn Nhất.

Khi tôi trở về Đại sứ quán, Polgar không có ở văn phòng của ông ấy, và tôi đã sang gặp Pittman ở phòng bên cạnh. Khi tôi đang nhắc lại những gì tôi đã được biết, Polgar bước vào, nghe một cách thờ ơ vài phút, rồi cắt ngang lời tôi. "Không có gì mới trong đó," ông ta lẩm bẩm. "Chúng ta đã nghe tất cả những điều đó rồi." Không cần phải phát tán nó.

Nói xong, anh ta bước ra ngoài.

Trong giây lát, tôi đứng ngây ra. Không có sự phát tán ? Chắc chắn phải có sự nhầm lẫn nào đó. Bỏ qua Pittman, tôi nhặt lấy ghi chú của mình và vội vàng chạy theo Polgar vào văn phòng của ông ấy. Khi ông ấy ngồi xuống sau bàn làm việc, tôi đã cố gắng thay đổi ý kiến của ông ấy. Vâng, chúng tôi đã nhận được những thông tin u ám như vậy trước đây, tôi thừa nhận. Nhưng nguồn tin này đã tổng hợp tất cả lại và thêm những chi tiết quan trọng - quyền phủ quyết tuyệt đối đối với các cuộc đàm phán, các cuộc không kích và các mục tiêu của chiến dịch, và trên hết : sự chậm trễ và việc điều chỉnh lại ngày ra mắt. Không báo cáo nào gần đây đã cung cấp cho chúng ta nhiều thông tin về kế hoạch mới nhất của Hà Nội như vậy.

Polgar xoa mũi một cách lo lắng và dường như không nghe thấy. Tôi đã nài nỉ với ông ấy cho phép tôi gửi ghi chú của mình về nhà qua "các kênh hoạt động" ít nhất, để các nhà phân tích tại trụ sở CIA có thể đưa chúng vào các phân tích của họ. Cuối cùng ông ấy đồng ý - nhưng "chỉ qua các kênh tác chiến," ông ấy nhấn mạnh.

Và vì vậy, báo cáo đã được truyền đi, vang lên qua các máy phát tốc độ cao của chúng tôi như một "cáp ops" nội bộ chỉ dành cho sử dụng nền tảng tại trụ sở. Không ai khác ở Washington nhận được bản sao. Hiếm khi tình báo cấp cao như vậy lại bị xếp vào loại đối xử cấp thấp như vậy.

May mắn thay, sự tiếp nhận ở Washington đã nhiệt tình hơn. Trụ sở CIA ngay lập tức đã phá vỡ định dạng "kênh

tác chiến" của báo cáo, biến nó thành một bản tin tình báo ưu tiên và gửi đi đến tất cả các người liên quan chính, bao gồm cả nhân viên của Kissinger, trụ sở của Gayler ở Honolulu và Đại sứ quán Sài Gòn. Gayler ấn tượng đến mức ông đã gọi trực tiếp đến Đài qua đường dây nóng của mình để kiểm tra một số chi tiết, đặc biệt là những chi tiết liên quan đến các cuộc không kích có điều khiển bằng radar đã được lên kế hoạch.

Đêm đó, thông tin xác thực đã đổ về qua các kênh khác. Các nguồn tin nhạy cảm tiết lộ rằng các phi công Bắc Việt đang huấn luyện với máy bay bị bắt tại sân bay Đà Nẵng, và một điệp viên đáng tin cậy xác nhận rằng cuộc tấn công vào Sài Gòn đã bị hoãn lại một thời gian ngắn, mặc dù vẫn đang ở trong tầm ngắm.

"Chúng tôi đã có thông tin từ một

cuộc thâm nhập dài hạn vào cái gọi là COSVN," Martin sau đó giải thích với Quốc hội, "cho thấy rằng bất chấp tất cả các hoạt động khác, người Bắc Việt giờ đây đã quyết tâm theo đuổi một giải pháp quân sự nghiêm ngặt." Vào thời điểm đó, báo cáo không được Giám đốc Trạm CIA đánh giá cao. Chỉ khi bị thúc giục bởi viên sĩ quan có liên hệ trực tiếp với việc thâm nhập của mình, người này mới được phép gửi báo cáo trở lại qua các kênh hoạt động.

Vấn đề, tất nhiên, là Polgar, vì những lý do nhân đạo nhất, đã trở nên quá gắn bó về mặt cảm xúc với ý tưởng về một "lối thoát" được đàm phán đến mức ông không còn có thể đánh giá thông tin mâu thuẫn một cách khách quan. Mặc dù một số thông tin mà nguồn cung cấp cho tôi đã được báo cáo ở nơi khác, nhiều chi tiết

cụ thể vẫn là mới. Cái lưới cũng vậy. Lần đầu tiên chúng tôi có một bản kế hoạch hoàn chỉnh về "trò chơi cuối cùng" của Hà Nội. Lần đầu tiên chúng tôi có một bản kế hoạch hoàn chỉnh cho "trò chơi cuối cùng" của Hà Nội. *

*[Sau sự sụp đổ của miền Nam Việt Nam, Polgar vẫn kiên quyết lập luận rằng báo cáo của tôi vào ngày mười bảy không bổ sung gì mới mẻ vào những gì chúng tôi đã biết về ý định của cộng sản, nhờ vào những tiết lộ trước đó của cùng một nguồn và những nguồn khác. Để hỗ trợ phán đoán của mình, ông lưu ý rằng các nhà đánh giá tình báo trong Bộ phận Đông Á của Shackley đã đánh giá nó với một "điểm giá trị" khá khiêm tốn khi nó lần đầu tiên được nộp. Theo quan điểm của tôi, "biện hộ" này chỉ nhấn mạnh thực tế rằng Polgar không phải là người duy

nhất trong CIA bị lừa bởi tuyên truyền hòa bình của Hà Nội trong những ngày cuối của cuộc chiến. Nhưng quan trọng hơn : ngay cả khi báo cáo của tôi không tiết lộ và hữu ích như vậy, thì việc ngăn chặn sự phát tán của nó như Polgar đã cố gắng làm là sai trái trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Vì những ngày cuối cùng đó, chúng ta bị tấn công bởi sự nhầm lẫn và những tín hiệu mâu thuẫn, các nhà phân tích tình báo và các nhà hoạch định chính sách ở Washington cần mọi mảnh thông tin có sẵn để cố gắng làm rõ ý định của Hà Nội. Ngoài nội dung của nó, báo cáo này còn quan trọng gấp đôi, vì người đã tạo ra nó là một người được công nhận rộng rãi trong chính phủ Hoa Kỳ là nguồn thông tin tốt nhất của chúng ta về ý định của cộng sản.]

Mặc dù sau này ông đã có những

phát biểu khác với Quốc hội, Martin ban đầu cũng không tiếp nhận báo cáo này hơn Polgar. Chấp nhận tính xác thực và những hệ lụy của nó có nghĩa là thừa nhận thảm họa, vì nếu Bắc Việt thực sự quyết tâm tấn công Sài Gòn trước ngày mồng một tháng Năm, thì sẽ rất ít cơ hội cho một cuộc sơ tán có trật tự của người Mỹ hoặc người Việt, hoặc cho sự thay đổi chính phủ mà Martin hiện nay coi là cần thiết. Vì vậy, thay vì thừa nhận những thực tế tuyệt vọng này, ông chọn cách đơn giản là gạt bỏ những gì điệp viên đã nói với tôi và tiếp tục như thể không có gì thay đổi. Sự nhượng bộ duy nhất của ông đối với thông tin tình báo chỉ mang tính chiến thuật. Vài giờ sau khi tôi nộp báo cáo, ông đã hủy chuyến bay liên lạc của Đội Quân sự Liên hợp đến Hà Nội để đại diện cấp cao nhất của miền Bắc Việt Nam tại Tân Sơn Nhất

không thể khởi hành, như ông ta rõ ràng đã dự định. Martin đã ngăn chặn các "sắp xếp" mà các nhà lãnh đạo cộng sản đang thực hiện để đảm bảo an toàn cho các đại diện của họ tại căn cứ không quân.

Cuộc rắc rối của tôi với Polgar khiến tôi cảm thấy cay đắng và sợ hãi. Miễn là ông ta và Martin từ chối chấp nhận sự không thể tránh khỏi của một cuộc tấn công của cộng sản, có vẻ như họ sẽ tiếp tục hạ thấp nỗ lực sơ tán so với kế hoạch hòa bình của họ. Trong sự lo lắng của mình, tôi quyết định cố gắng gửi tín hiệu đến Washington một lần nữa (như tôi đã làm trước đó qua Moose và Miessner) về việc tôi nghĩ họ đã đi sai hướng xa đến mức nào.

Alan Carter, người đứng đầu USIA

nổi loạn, đã tổ chức một bữa tiệc tối hôm đó cho một số nhà báo Mỹ. Bữa tối là một trong những hành động nổi loạn nhỏ bé của ông ấy, vì Martin đã cấm tất cả các liên lạc với báo chí ngoại trừ những liên lạc mà ông ấy cá nhân phê duyệt.

Tôi đã gọi cho Carter và hỏi liệu tôi có thể xin một lời mời không. "Không vấn đề gì," anh ấy nói. "Nhưng tôi phải cảnh báo bạn rằng hầu hết các khách mời có lẽ đã biết về mối quan hệ của bạn với các cơ quan." Họ sẽ hỏi những câu hỏi dẫn dắt. Tôi nói đó chính xác là điều tôi muốn.

Nhóm này là một mẫu hoàn hảo. Truyền thông điện tử có những người phát ngôn của mình là Garrick Utley của NBC và Bob Simon của CBS. Keyes Beech của Chicago Daily News và George McArthur của Los Angeles

Times là những người kỳ cựu của chúng tôi, cả hai đều là phóng viên chiến tranh lão luyện đã dành cả cuộc đời và sự nghiệp cho Việt Nam. Fox Butterfield, kẻ gây rối quý tộc của New York Times, người tự hào về mối quan hệ của mình với Polgar và Đại sứ, đã xuất hiện một cách phong cách muộn màng. Cũng vậy, kẻ thù không thể ngờ tới của Đại sứ quán, Phil McComb, cựu người viết diễn văn cho Thượng nghị sĩ bảo thủ New York William Buckley, người đã khiến Martin phật lòng vài tháng trước bằng cách viết một loạt bài về tham nhũng và vấn đề tinh thần trong quân đội Việt Nam Cộng hòa cho Washington Post.

Hầu hết các khách mời đã từng nghe tôi thuyết trình trước đây và biết tôi là người am hiểu. Vì vậy, họ đã lắng nghe với sự quan tâm hơn cả bình thường

những gì tôi nói với họ trong bữa tối. Sau khi tóm tắt ngắn gọn về sự cân bằng lực lượng, tôi chuyển sang chủ đề chính của mình. Không tiết lộ nguồn của mình, tôi nhấn mạnh rằng có bằng chứng rõ ràng cho thấy cộng sản đã quyết định chọn giải pháp quân sự và quyết tâm tổ chức sinh nhật Hồ Chí Minh tại Sài Gòn. Kế hoạch của họ rõ ràng không cho phép một thỏa thuận thương lượng, hoặc thậm chí là một sự đầu hàng ngụy trang. Tôi nói tôi đang nói tất cả những điều này với hy vọng họ sẽ chuyển thông điệp đến Washington.

McArthur và Butterfield đã phản đối. Cả hai người gần đây đã phỏng vấn các quan chức hàng đầu của Đại sứ quán, và họ đã chính xác truyền đạt lại cho tôi những gì họ đã được nói : (1) Cộng sản không có cả nhân lực lẫn "tài sản" chính

trị để thôn tính đất nước trong một lần ; và (2) với một số thay đổi đáng hài lòng trong chính quyền Sài Gòn, họ có thể sẵn sàng làm việc thông qua cơ cấu chính trị hiện tại trong một thời gian, nếu chỉ để tối đa hóa cơ hội thu hút viện trợ và đầu tư phi cộng sản.

Tôi thừa nhận rằng tất cả những điều này có vẻ hợp lý trong các điều khoản thuần túy suy đoán, nhưng nhấn mạnh rằng những gì tôi đã nói với họ không phải là suy đoán mà là sự thật, một phản ánh chính xác của các hướng dẫn gần đây nhất của Hà Nội.

Không có phóng viên nào viết bài về những gì tôi đã nói. Vài tháng sau, Beech đã xin lỗi tôi vì đã không làm như vậy. Đại sứ, ông giải thích, đã thực hiện một "chiến dịch tuyết trắng" đối với các phóng viên - từ chối phỏng vấn, sau đó

phân phát chúng với thời gian tinh tế đến mức không ai có thể chấp nhận những gì các quan chức khác (ngoài Polgar) đang rò rỉ cho họ.

Dù vậy, màn trình diễn của tôi không hoàn toàn vô ích. Một số phóng viên đã tham dự bữa tối bắt đầu gọi cho tôi thường xuyên để tìm thêm thông tin và truyền đạt những quan sát từ các cuộc thám hiểm của họ đến mặt trận. Khi những ngày trôi qua và các đặc vụ của Đài phát thanh biến mất, thông tin mà họ cung cấp trở thành một cửa sổ vô giá về những gì đang diễn ra chỉ cách đó vài dặm.

27. Điều kiện được kiểm soát

Sáng thứ Sáu, ngày mười tám, nội dung báo cáo của tôi đã được thảo luận một cách lo lắng tại một phiên họp chuẩn bị trước WSAG tại Bộ Ngoại giao. "Người khởi xướng là ai?" một trong những viên chức Bộ Ngoại giao nghi ngờ hơn đã hỏi. Một đại diện của CIA đã xác định tôi bằng tên và nói rằng công việc của tôi thường được coi là "đáng tin cậy." Người đàn ông của Bộ Ngoại giao gật đầu và đề nghị rằng Kissinger nên được

thông báo "sớm nhất có thể".

Đề xuất đã héo mòn trên cây nho quan liêu. Vì quy trình phân phát vòng vo do các kênh phản đối-hoạt động của Polgar gây ra trước tiên, sau đó là các kênh phân phối thông thường - báo cáo đã không đến tay Kissinger cho đến rất muộn trong ngày. Đến lúc đó, ông đã khởi động sáng kiến đàm phán mà bây giờ dường như đang bị đặt dấu hỏi lớn.

Như ông đã khuyên Martin trong cuộc điện thoại tối hôm trước, cách tiếp cận của ông không nhằm vào Hà Nội mà vào đồng minh chính của nó, Liên Xô. Gặp gỡ Đại sứ Liên Xô Anatoly Dobrynin vào khoảng giữa trưa ở Washington, Kissinger đã đưa cho ông một bức thư từ Ford gửi Brezhnev. "Quan tâm hàng đầu của chúng tôi," thông điệp cho biết, là đạt được "điều kiện có kiểm

soát" cho việc sơ tán người Mỹ và một số người Việt Nam được chọn. Với mục đích này, Hoa Kỳ đã sẵn sàng thảo luận về một lệnh ngừng bắn và "các vấn đề chính trị." Một câu trả lời ngay lập tức được yêu cầu.

Trong cuộc trò chuyện, Kissinger đã giải thích chi tiết về những điểm này. Nếu một thỏa thuận ngừng bắn được sắp xếp, ông đã nói với Dobrynin, Hoa Kỳ sẽ ngay lập tức ngừng cung cấp cho Sài Gòn. Hơn nữa, trong khi chờ đợi phản hồi cho các câu hỏi của mình, Chính quyền sẽ mong đợi phía Bắc Việt Nam kiềm chế không phát động tấn công vào Sài Gòn, Tân Sơn Nhất hoặc các máy bay sơ tán. Bất kỳ cuộc tấn công nào vào một chiếc máy bay Mỹ, ông nhấn mạnh (và ở đây ông rõ ràng đang nghĩ đến các tên lửa SA-2), sẽ tạo ra một "tình huống cực

kỳ nguy hiểm" cho Hà Nội.

Ông cũng đảm bảo với Đại sứ Liên Xô rằng không có bất kỳ động thái trực tiếp nào tới Hà Nội hoặc Trung Quốc. Hoa Kỳ, ông nói, quyết tâm chỉ giải quyết vấn đề này với Liên Xô, nhằm bảo vệ «mối quan hệ đặc biệt» của họ.

Những nhận xét của Kissinger vừa là một lời cầu xin vừa là một tối hậu thư, một yêu cầu về sự trợ giúp của Liên Xô và, ngầm hiểu, một lời cảnh báo rằng sự hòa bình có thể bị đe dọa, và Hà Nội sẽ bị đe dọa, nếu sự giúp đỡ đó không đến. Những bình luận của ông cũng đã mang lại ý nghĩa mới cho các xu hướng trên chiến trường, vì tất cả chúng ta giờ đây sẽ chú ý đến bất kỳ dấu hiệu nào của sự kiềm chế từ phía Hà Nội, một khoảng lặng trong cuộc chiến.

Khi cuộc họp kết thúc, Dobrynin hứa với Kissinger rằng Moscow sẽ cung cấp câu trả lời cho các câu hỏi của ông càng sớm càng tốt. Trên thực tế, câu trả lời đã có sẵn.

Báo cáo chính thức của điệp viên về kế hoạch của Hà Nội nộp vào ngày 8 tháng 4 đã cảnh báo rằng "cuộc nói chuyện về liên minh và đàm phán" chỉ là một mưu mẹo để giữ cho chúng ta và người Việt Nam miền Nam mất thăng bằng. Cuộc thẩm vấn gần đây của tôi với đặc vụ chính của chúng ta đã xác nhận điều này và tiết lộ rằng sự chậm trễ trong cuộc tấn công của Cộng sản vào Sài Gòn là chiến thuật, không phải chính trị : chiến dịch Hồ Chí Minh sẽ bước vào giai đoạn cao trào trong đúng hai tuần nữa.

Trong vòng vài giờ sau cuộc thảo luận giữa Dobrynin và Kissinger, New

York Times đã đưa tin từ Moscow rằng "các nhà ngoại giao Liên Xô" gần đây đã thông báo cho "các nguồn tin có vị trí tốt" ở đó rằng họ không mong đợi các nhà cộng sản sẽ cố gắng chiếm Sài Gòn hoặc giành chiến thắng trong cuộc chiến trong "chiến dịch hiện tại." Câu chuyện chắc chắn phản ánh bản chất của những đảm bảo riêng tư nhất của Dobrynin với Kissinger, hoặc ít nhất là những gì Moscow muốn chúng ta tin tưởng. Theo báo cáo của tờ báo, phân tích về ý định của Bắc Việt Nam này dựa trên các bức điện từ Đại sứ quán Liên Xô tại Hà Nội vào ngày mười ba và mười bốn. Bắc Việt, theo tờ Times, đã thông báo cho các nhà ngoại giao Liên Xô vào những ngày này rằng nguồn lực của họ đã bị kéo căng quá mức để cho phép một chiến thắng sớm.

Như Tướng Dũng đã thừa nhận trong

hồi ký của mình, ngày mười bốn thực sự có ý nghĩa đặc biệt. Chính vào lúc đó, ông và các chỉ huy chiến trường của ông đã gặp nhau tại Lộc Ninh để vạch ra bước đi tiếp theo và khẳng định lại ý định đạt được chiến thắng "trước khi mùa mưa bắt đầu," bất chấp sự chậm trễ về hậu cần. Có vẻ như, các nhà lãnh đạo Liên Xô đã cố tình đánh lừa các "nguồn tin đáng tin cậy" của Times khi gợi ý rằng sẽ không có nỗ lực nào để chiếm Sài Gòn trong "chiến dịch hiện tại," hoặc họ đã bị Bắc Việt lừa dối. Vì Moscow có các vệ tinh do thám và các đặc vụ của mình bên trong bộ chỉ huy miền Bắc Việt Nam, thực tế là không thể tưởng tượng nổi rằng lãnh đạo Liên Xô không biết những nét chính của kế hoạch thực sự của Dũng vào thời điểm Dobrynin hội đàm với Kissinger vào sáng thứ Sáu.

Dean Brown, người đứng đầu lực lượng đặc nhiệm sơ tán liên ngành mới, là một trong số ít quan chức ở Washington được thông báo đầy đủ về cuộc gặp giữa Kissinger và Dobrynin. Ông đã nói với một số cấp dưới của mình rằng có cơ hội cho các cuộc đàm phán, rằng các vấn đề chính trị đang được thảo luận ở nhiều cấp độ khác nhau, nhưng ông nhấn mạnh rằng không điều gì trong số này sẽ ảnh hưởng đến công việc của họ. Họ phải lên kế hoạch cho một cuộc di tản như thể họ đang đua với thời gian và quân đội Bắc Việt.

Brown bắt đầu đặt nền móng chỉ vài giờ sau khi nhận lệnh từ Kissinger. Sau khi sắp xếp lại các cơ quan và bàn làm việc trong phòng tình hình của Bộ Ngoại giao, ông nhanh chóng tập hợp đội ngũ

nhân viên. Vì ông đã biết về những thành tích của Rosenblatt và nhóm ăn trưa của ông, ông ngay lập tức đưa họ vào làm thành viên sáng lập. Cuối cùng, các đại diện từ mười ba cơ quan chính phủ riêng biệt cũng được tham gia. Đó là một nhóm lớn, gần như quá lớn để quản lý khủng hoảng hiệu quả, nhưng không giống như lực lượng đặc nhiệm không chính thức của Habib trước đó, nó không phải bận tâm đến những vấn đề đa dạng và chủ yếu là không liên quan như cố gắng bán dự luật viện trợ của Chính quyền cho Quốc hội. Nhiệm vụ duy nhất của nó là tổ chức một cuộc sơ tán.

Ngay từ đầu, Brown đã chấp nhận như một "điều hiển nhiên" rằng một số lượng lớn người Việt Nam sẽ phải được bao gồm trong bất kỳ chương trình sơ

tán nào. Các câu hỏi chính là bao nhiêu người và dưới quyền kiểm soát nhập cư nào.

Cũng có vấn đề phụ là nơi đặt tất cả các đối tượng thụ hưởng. Ban đầu, các quan chức Lầu Năm Góc và quân đội chỉ đề xuất một sự chuyển đổi cục bộ, một cuộc di dời hàng loạt người Việt Nam đang gặp nguy hiểm đến Cần Thơ hoặc đến Côn Sơn hoặc đảo Phú Quốc ngoài khơi đồng bằng sông Cửu Long. Nhưng điều này nhanh chóng bị bác bỏ vì vô nghĩa. Nếu cộng sản giành chiến thắng quyết định, đã được quyết định rằng họ chắc chắn sẽ kiểm soát được những khu vực ngoại vi như vậy. Một đề xuất khác tập trung vào Thái Lan, nhưng Bộ Ngoại giao đã từ chối đề xuất này với lý do hợp lý rằng Liên minh dân sự trung tả mới ở Bangkok sẽ không bao giờ chấp nhận

một lượng lớn người tị nạn Việt Nam.

Một chính phủ nước ngoài đã đề nghị hỗ trợ đáng kể, tuy nhiên. Chế độ trên Đài Loan đã thông báo riêng với Bộ Ngoại giao vào ngày mười tám rằng họ sẽ chấp nhận một số lượng lớn quân nhân Việt Nam Cộng Hòa nếu họ mang theo vũ khí, máy bay và thiết bị của mình. Kissinger đã suy nghĩ về đề xuất này, nhưng cuối cùng đã từ chối, vì sợ rằng Trung Quốc cộng sản sẽ bị xúc phạm.

Với rất ít lựa chọn thực tế có sẵn, nhanh chóng trở nên rõ ràng rằng chính Hoa Kỳ sẽ phải tiếp nhận phần lớn những người sơ tán. Nhưng ai sẽ đảm nhận trách nhiệm cho dự án khổng lồ này ? Sau một số cuộc tranh luận tại Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao, quyết định được đưa ra là giao công việc này cho Quân đội, Hải quân và Không quân, vì trong tất

cả các cơ quan của chính phủ, họ dường như là những người đủ khả năng nhất để xử lý một thảm họa quốc gia, như việc sơ tán đã được mô tả trong một số khu vực của Quốc hội. Mỗi nhánh của Lực lượng Vũ trang đã nhanh chóng được mời "tình nguyện" một cơ sở làm trung tâm tái định cư tạm thời.

Ngay cả trước khi lực lượng đặc nhiệm trở nên hoàn toàn hoạt động, một cuộc tìm kiếm đã được tiến hành cho một loạt các trạm dừng chân trên khắp Thái Bình Dương để hỗ trợ việc vận chuyển hàng không mở rộng. Vì chính phủ Marcos ở Philippines đã phàn nàn cay đắng về dòng người tị nạn tràn vào, nên không chắc rằng căn cứ không quân Clark có thể được sử dụng làm điểm trung chuyển lâu hơn nữa. Một lựa chọn hợp lý là căn cứ B-52 cũ của Mỹ trên lãnh thổ bảo hộ

của Mỹ ở Guam. Theo sự thúc giục của Bộ Ngoại giao, thống đốc của hòn đảo đã nhanh chóng đề nghị chấp nhận 25.000 người Việt Nam làm cư dân thường trú và thông báo rằng hòn đảo có thể được sử dụng làm trạm nghỉ cho những người khác nếu cần thiết.

Một trong những rào cản lớn nhất mà lực lượng đặc nhiệm phải đối mặt chính là Sở Di trú và Nhập tịch. Với nền kinh tế Mỹ đang suy thoái và tỷ lệ thất nghiệp gần chạm mức tám phần trăm, Cơ quan Di trú và Nhập tịch (INS) cùng các giám sát viên Quốc hội của họ không có tâm trạng mở cửa cho một làn sóng người tị nạn châu Á.

Chỉ nhờ vào sự can thiệp trực tiếp của Lawrence Eagleburger, trợ lý đặc biệt của Kissinger, những rào cản của cơ quan mới cuối cùng đã được vượt qua. Trong

suốt cả ngày mười tám, Eagleburger đã van xin Kissinger đến gặp Tổng thống và yêu cầu mở rộng lệnh ân xá nhập cư mới nhất. Cuối cùng Kissinger đã bị thuyết phục, và qua ông, Ford cũng vậy. Trong vài giờ tiếp theo, Tổng Chưởng lý, theo chỉ thị của Tổng thống, đã soạn thảo một lệnh ân xá mới cho phép hàng nghìn người Mỹ và Việt Nam ở Hoa Kỳ và các nơi khác ngoài Việt Nam sắp xếp việc di tản người thân ở Sài Gòn chỉ bằng cách nộp đơn xin visa với INS. Tóm lại, việc bảo lãnh người tị nạn Việt Nam từ xa trở nên khả thi, miễn là bạn có thể chứng minh được một số mối quan hệ gia đình.

Khi Bộ Ngoại giao huy động nguồn lực của mình, Lầu Năm Góc cũng làm như vậy. Trong vài ngày tiếp theo, hạm đội của Whitmire đã được mở rộng để bao gồm năm tàu sân bay, một tá tàu khu

trục, gần như nhiều tàu đổ bộ hải quân, tám tàu hàng và 4.000 lính thủy đánh bộ. Các máy bay chiến đấu Mỹ bổ sung đã được chuyển đến Thái Lan để cung cấp sự hỗ trợ trên không nếu cần thiết.

Đồng thời, các quan chức Chính quyền đã tăng cường nỗ lực để giành được sự chấp thuận của Quốc hội cho một cuộc sơ tán được hỗ trợ bởi quân đội. Trong một loạt các phiên điều trần của ủy ban vào ngày mười bảy và mười tám, Kissinger đã nỗ lực vượt qua các rào cản. Trong khi cầu xin các nhà lập pháp không trói tay Tổng thống, ông đã cố gắng khôi phục niềm tin vào khả năng phản ứng và năng lực của Martin. «Một nhà ngoại giao tài ba,» ông nói về Đại sứ. «Một người thực hiện với kỹ năng tuyệt vời công việc khó khăn là bảo vệ mạng sống của người Mỹ và duy trì tinh thần

của người Việt Nam miền Nam.»

Ông cũng bắt đầu thẳng thắn với Quốc hội về một số vấn đề quan trọng. Thảo luận về triển vọng đàm phán, ông thừa nhận rằng Hà Nội không cho thấy sự linh hoạt nào và vẫn yêu cầu ông Thiệu từ chức. «Tôi không tin rằng bất kỳ cá nhân nào sẽ là chìa khóa cho một thỏa thuận,» ông nói thêm, như thể để bác bỏ quan niệm của Pháp rằng "Minh lớn" có thể là chìa khóa. Ông cũng nói thẳng về tính hữu ích thực sự của viện trợ bổ sung, bất kỳ viện trợ nào. Chỉ là một «con bài mặc cả,» ông thừa nhận, «để đạt được các cuộc đàm phán, một cuộc chuyển giao quyền lực nhân đạo và các điều kiện được kiểm soát» cho một cuộc di tản an toàn.

Trong một nhượng bộ cuối cùng với Quốc hội, Kissinger đã cung cấp cho Ủy

ban Quan hệ Đối ngoại Thượng viện một bản sao kế hoạch của ông nhằm giảm cộng đồng người Mỹ ở Sài Gòn xuống dưới 2.000 trong vòng một tuần. Với tài liệu này trong tay, thái độ của ủy ban đã dịu lại, và vào chiều thứ Sáu, ngày mười tám, họ đã bỏ phiếu để đề xuất 200 triệu đô la cho cứu trợ và di tản cũng như việc sử dụng quân đội (trên cơ sở hạn chế) cho việc di tản cả người Mỹ và người Việt "bị đe dọa". Điều duy nhất còn lại là Quốc hội toàn thể phải phê duyệt.

*

Với việc Chính quyền hiện đang quyết tâm rút quân nhanh hơn, có nhiều không gian hơn bao giờ hết cho sự ứng biến ở Washington, và Rosenblatt cùng các đồng nghiệp của ông nhanh chóng

tận dụng điều đó. Một trong số họ, Ken Quinn, đã thể hiện mình rất khéo léo trong việc này. Vào chiều thứ Sáu, anh ta ghé qua Nhà Trắng và thuyết phục nhân viên của Tổng thống gửi một bức điện đến Sài Gòn kêu gọi một chương trình di tản đặc biệt cho bạn bè và người thân của các nhân viên Ngoại giao, chẳng hạn như gia đình vợ người Việt của Quinn. Để đề phòng thêm, anh đã gọi cho người bạn ở Bộ Ngoại giao, Lacy Wright, ở Sài Gòn và yêu cầu anh ta đưa gia đình vợ anh lên chuyến bay rời đi nếu Đại sứ không làm như vậy.

Khi Martin nhận được thông điệp mà Quinn đã truyền cảm hứng, ông đã gọi Wright vào văn phòng của mình. Mặc dù ông không biết gì về các cuộc giao tiếp riêng tư giữa hai sĩ quan trẻ, ông vẫn coi Wright là người hợp lý để tổ chức hoạt

động mà Nhà Trắng đã chỉ định, vì ông đã vận động trong nhiều tuần cho việc sơ tán các bạn bè và nhân viên người Việt.

Trong cuộc trò chuyện của họ, Martin nhấn mạnh sự cần thiết phải giữ bí mật, chỉ ra rằng một số người có khả năng sơ tán không có giấy tờ xuất cảnh Việt Nam và sẽ phải được đưa ra ngoài mà không có sự cho phép của các cơ quan di trú Sài Gòn. Wright nhíu mày và lo lắng nghịch ngợm chiếc áo gile sọc của mình. Sự bí mật có thể khó khăn, ông ta thừa nhận, đặc biệt là vì các mối liên hệ của Bộ Ngoại giao đã gửi cho ông ta danh sách hơn 200 người được gọi là "người phụ thuộc" Việt Nam.

Trong vài giờ tiếp theo, Wright điên cuồng tổ chức, tập hợp một đội tác chiến nhỏ để giúp đỡ anh ta. Kế hoạch hành động của anh ta giống như một điều gì đó

trong phim James Bond. Mỗi buổi sáng, một số ghế nhất định sẽ được chặn lại trên các chuyến bay quân sự đến Philippines hoặc Guam. Sau đó, một số lượng tương ứng những người sơ tán sẽ được tập hợp tại một trong bốn nhà an toàn (tường cao, xa đường phố) quanh thành phố, và từ đó sẽ được lén đưa thẳng đến bãi bốc hàng ở Tân Sơn Nhất mà không dừng lại ở bất kỳ trạm kiểm soát lãnh sự nào tại nhà thi đấu DAO.

Lúc đầu, Wright và nhóm của ông cố gắng tuân thủ các hướng dẫn của Martin, loại trừ những nam giới trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự và các lính đang tại ngũ. Nhưng cuối cùng danh sách hành khách của họ đã được mở rộng để bao gồm hầu hết mọi người, bao gồm cả rất nhiều cá nhân «rủi ro thấp» như tài xế, đầu bếp và người làm vườn. Sự từ thiện như vậy

không phải là không có giá phải trả. Mỗi lần một trong những trường hợp biên giới của Wright được giấu kín trên một chiếc C-141, một người Việt Nam khác, có thể cũng xứng đáng như vậy nhưng không có mối liên hệ đặc biệt nào với một viên chức Ngoại giao Mỹ, buộc phải lùi lại một chỗ trong hàng đợi của DAO.

Wright, tất nhiên, chỉ là một trong số nhiều người vi phạm quy tắc vì mục đích cao cả. Fred Gulden, một kiến trúc sư của USAID, đã từ chối rời đi vài ngày trước khi tên của anh xuất hiện trong danh sách không thiết yếu, và đã tự mình sắp xếp việc sơ tán một số nhân viên Việt Nam của mình. Tương tự như vậy, Walt Martindale, viên chức Đại sứ quán trẻ tuổi đã đóng vai trò quan trọng trong cuộc di tản khỏi Nha Trang, giờ đây đang bí mật di chuyển giữa Sài Gòn

và Đảo Phú Quốc, cố gắng xác định những người tị nạn từ Quân khu 2 để có thể đảm bảo cho họ một chỗ ngồi trên chuyến bay ra khỏi Tân Sơn Nhất.

Trong khi đó, Tướng Smith đang thúc giục Đại sứ cho phép một cuộc không vận bí mật cho những người Việt Nam vì lý do nào đó không thể có được giấy tờ xuất cảnh, hoặc việc họ rời đi, nếu bị biết đến, có thể ảnh hưởng đến tinh thần của dân chúng nói chung. Vào chiều thứ Năm, hai thuộc hạ tin cậy của ông, Legro và Đại tá McCurdy, đã đến thăm Tổng Lãnh sự Walter Burke tại Đại sứ quán để hỏi về "tính hợp pháp" của một cuộc không vận như vậy. Burke thừa nhận rằng Smith có thể tự mình yêu cầu các chuyến bay "đen", với điều kiện chúng được giữ trong giới hạn khiêm tốn và những người sơ tán có giấy tờ

nhập cư hợp pháp của Mỹ.

Sáng hôm sau, hai chiếc máy bay vận tải C-141 đã được chất đầy những người Việt Nam với các loại giấy tờ khác nhau và được đưa ra khỏi đất nước trong điều kiện hoàn toàn "bí mật". Cả chính phủ Thiệu lẫn Đại sứ, về vấn đề này, đều không được thông báo. Vài giờ sau, phó của Kissinger, Brent Scowcroft, đã gửi cho Martin một tin nhắn ngắn gọn chỉ đạo ông tự mình thực hiện một cuộc không vận "đen".

Trong vòng một giờ sau những chuyến bay "đen" đầu tiên này, George Jacobson đã ra lệnh cho một chuyến bay bí mật của Air America đến Thái Lan để đưa gia đình của các kỹ thuật viên được CIA đào tạo, làm việc cho Bộ Quốc

phòng Việt Nam, ra khỏi đó. 143 hành khách, chủ yếu là phụ nữ và trẻ em, là những người Việt Nam đầu tiên được hưởng lợi từ một chuyến bay "đen" của CIA. Thật không may, sẽ không có nhiều chuyến bay như vậy nữa. Mặc dù các nhân viên CIA cá nhân tiếp tục buôn lén bạn bè và đồng nghiệp lên các chuyến bay "đen" của DAO và xe buýt quân sự thông thường, nhưng chính Trạm không thực hiện bất kỳ cuộc không vận "đen" quy mô lớn nào của riêng mình. Những hy vọng và ảo tưởng tiếp tục của Polgar cũng một phần có lỗi, nhưng còn có những trở ngại khác nữa, những trở ngại về mặt quan liêu. Miễn là Martin từ chối "chính thức" mở cửa cho những nam giới trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự và các quan chức chính phủ, Polgar không thể ủy quyền cho việc rời khỏi của bất kỳ nhân viên hoặc nhân viên Việt Nam

nào của Trạm thuộc các loại này. Và vì rất nhiều người trong số họ đã làm như vậy, chúng tôi vẫn bị cản trở trong nỗ lực di chuyển một số lượng lớn người Việt Nam, dù là bí mật hay không. *

*[Trụ sở CIA cũng không làm gì nhiều để giúp đỡ. Có một lúc, Polgar đã yêu cầu Colby qua điện tín sử dụng quỹ dự phòng của cơ quan để trang trải chi phí di tản một nhóm người Việt "nhạy cảm". Colby từ chối. Vì ông đang chịu lệnh của Kissinger không làm gì để làm rối loạn hóa học chính trị ở Sài Gòn, ông cảm thấy sẽ không thể biện minh cho một cuộc không vận mà thực chất đã vượt qua các luật lệ của đất nước.]

Khi Đại sứ quán lúng túng bước vào giai đoạn đầu tiên của việc rút lui nhanh

chóng, lãnh sự quán ở Biên Hòa, cách đó mười lăm dặm, đang trong quá trình đóng cửa hoàn toàn. Đến sáng ngày mười tám, căn cứ CIA địa phương đã được giảm xuống còn tám sĩ quan và đoàn đại diện của Bộ Ngoại giao còn năm người, và một đám bụi từ lò thiêu phủ lên bãi đậu xe như một bùa hộ mệnh xấu số của thất bại khi các lính thủy đánh bộ đốt cháy những tài liệu mật cuối cùng.

Ngay trước buổi trưa, Taggart, Trưởng căn cứ CIA địa phương, đã thúc giục cấp dưới trẻ tuổi của mình, John Stockwell, lên một chiếc trực thăng hướng về Sài Gòn. Trong ba ngày qua, sự căng thẳng giữa hai người ngày càng gia tăng khi Stockwell tiếp tục thúc giục việc sơ tán một số lượng lớn nhân viên người Việt của họ. Cú bùng nổ cuối cùng đã xảy ra khi Stockwell, hoàn toàn phớt

lờ lệnh của Taggart, đã cố gắng tổ chức một đội tàu nhỏ để đưa những người bạn và đồng nghiệp Việt Nam của mình xuống hạ lưu ra biển. Taggart đã biết về kế hoạch trước khi nó có thể tiến xa và giờ đây quyết tâm loại bỏ cấp dưới nhiệt tình của mình trước khi anh ta làm điều gì đó có thể làm hoảng loạn dân cư thành phố.

Khi anh và Stockwell vào gặp Polgar vào cuối ngày, Taggart đã buộc tội viên chức trẻ tuổi về sự không phục tùng và yêu cầu Trưởng đồn bác bỏ kế hoạch di tản bằng đường sông một lần và mãi mãi. Mặc dù Polgar luôn tôn trọng Stockwell, ông đã quyết định hành động theo lời khuyên của Taggart, đặc biệt là khi Stockwell dường như kiên quyết chấp nhận mọi rủi ro cá nhân (đến mức theo các thuyền xuống hạ lưu) để đảm

bảo thành công của chiến dịch. Vừa mới mất Lew James vào tay cộng sản, Polgar không định để một người CIA khác tự đặt mình vào nguy hiểm.

Sau cuộc họp, Taggart trở về Biên Hòa một mình và ngay lập tức giao những chiếc thuyền mà Stockwell đã lắp ráp cho tỉnh trưởng địa phương. Sau đó, ông hoàn thành kế hoạch di tản những người Mỹ trong đội ngũ của mình.

Mặc dù một số nhân viên người Việt của Taggart cuối cùng đã tự mình đến Sài Gòn, nhưng ít người trong số họ được đưa ra khỏi thủ đô bằng máy bay. Cả Taggart và Dick Peters, Tổng Lãnh sự từ Biên Hòa, đã rời khỏi đất nước vài ngày trước khi Sài Gòn sụp đổ và chỉ để lại cho các đồng nghiệp trong Đại sứ quán chăm sóc những người Việt Nam đã phục vụ họ rất tốt.

Như Martin đã lo sợ, việc tăng cường sơ tán đã có tác động ngay lập tức và tiêu cực đến tâm trạng của dân chúng, gây ra sự lo lắng và cay đắng mới. Vào buổi tối ngày mười bảy, trong một bữa tiệc tối tại nhà cựu Thủ tướng Khiêm, Charlie Timmes đã phát hiện ra những cảm xúc này sâu sắc đến mức nào. Trong suốt bữa tiệc năm món, bà Khiêm, một quý bà mập mạp và đeo nhiều trang sức, đã khóc lóc công khai và to tiếng, cầu xin được phép rời khỏi đất nước khi người Mỹ đang rời đi. Khiêm cũng có vẻ buồn bã không kém, mặc dù vì lý do riêng của mình. Có rất ít khả năng Thiệu sẽ từ chức tự nguyện, ông đã tâm sự với Timmes. Kỳ lại đang đe dọa một cuộc đảo chính và không có bằng chứng rõ ràng rằng cộng sản sẽ sẵn sàng làm việc với "Minh lớn".

Vì vậy, ông hy vọng Timmes sẽ nhớ đến những "người bạn" Việt Nam của mình khi thời điểm đến.

Từ những bức tường của cuộc sống tách biệt của mình, Thiệu cũng bắt đầu nhìn thấy điều không thể tránh khỏi. Ông khó mà tránh khỏi điều đó. Ngay trước bình minh vào ngày mười tám, một đội biệt kích cộng sản đã tấn công vào cơ sở radar Phú Lâm ở ngoại ô phía tây Sài Gòn, đưa cuộc chiến đến tận cửa thành phố. Khoảng một giờ sau, Tướng Toàn, tư lệnh Quân đoàn 3, bay từ sở chỉ huy của mình ở Biên Hòa để thông báo với Thiệu rằng thực tế là chúng ta đã thua trong cuộc chiến. Quân đội đang trong tình trạng hỗn loạn và bị áp đảo về số lượng, ông nói, và không thể trông đợi họ giữ vững được thêm hai hoặc ba ngày nữa. Ông cũng xác nhận sự thất thủ của

Phan Rang và việc bắt giữ Tướng Nghi, và khuyên Thiệu rằng khu mộ tổ tiên của Tổng thống bên ngoài Phan Rang đã bị những người lính VNCH phá hủy ngay trước khi quân cộng sản tiến vào.

Như thể điều này chưa đủ để làm hỏng buổi sáng của Thiệu, một nhóm các nhân vật ôn hòa và đối lập nổi bật đã liên lạc với ông ngay trước buổi trưa để cảnh báo rằng thời gian cũng đã hết trên mặt trận chính trị. Họ hứa sẽ kêu gọi ông từ chức trong sáu ngày tới nếu ông từ chối từ chức.

Trong một nỗ lực vô ích để làm dịu lòng các nhà phê bình của mình, Thiệu ngay lập tức ra lệnh bắt giữ một số sĩ quan quân đội mà ông ta tuyên bố là có trách nhiệm nhiều hơn ông ta về những thất bại trong vài tuần qua. Trong số những người bị tống vào tù có Tướng Phú đáng

thương, người đã nằm liệt giường trong tình trạng gần như hôn mê tại một bệnh viện lao phổi bên ngoài Sài Gòn suốt nhiều ngày. Người đồng phạm trong thảm họa của ông, Tướng Trưởng của MR 1, không bị bắt giữ trong đợt này, tuy nhiên, vì ông vẫn được coi là một chỉ huy chiến trường quá quan trọng để bị sa thải một cách đột ngột. *

*[Không phải là Trưởng vui vẻ chịu đựng sự nhục nhã của mình. Vài ngày trước, Timmes đã đến thăm ông tại một bệnh viện dã chiến, nơi ông đang hồi phục sau một cơn lo âu. Trưởng, trong nước mắt, đã chỉ trích Thiệu vì đã thay đổi lệnh hành quân của ông ta quá thường xuyên và tùy hứng trong những ngày cuối cùng của QK 1.]

Vào cuối ngày, Đại sứ quán đã đến hỗ trợ Thiệu trong việc đẩy lùi một mối

đe dọa khác. Dựa trên những gì Timmes đã học được tại bữa tối với Khiêm đêm trước, Martin đã quyết định phải làm gì đó để kiềm chế kẻ gây rối liên tục Nguyễn Cao Kỳ. Vì vậy, khoảng giữa buổi chiều, ông và Timmes đã đến thăm Tư lệnh Không quân tại nhà ông ở Tân Sơn Nhất.

Trong suốt cuộc trò chuyện kéo dài hai giờ, họ liên tục đảm bảo với Kỳ rằng ông và những người theo ông "có vai trò quan trọng" trong việc đạt được một thỏa thuận. Trên thực tế, Martin tin tưởng điều ngược lại. Nếu Kỳ tự đưa mình vào bất kỳ chính phủ tương lai nào, sẽ không còn hy vọng cho các cuộc đàm phán. Nhưng Đại sứ cũng nhận ra rằng cách duy nhất để giữ cho con đường thông thoáng cho một cuộc chuyển giao quyền lực suôn sẻ, hoàn toàn theo hiến pháp là tạo cho Ky và những người nóng tính của ông ta ấn

tượng rằng lợi ích của họ sẽ được phục vụ trong thỏa thuận này. Như chính Kỳ sau này đã thừa nhận, Martin đã thành công rực rỡ trong việc này. Cuối cùng của cuộc trao đổi, Tướng Không quân đã đồng ý "cho phép" Thiệu tiếp tục giữ chức vụ, ngay cả khi quyền lực thực sự đã được chuyển giao cho người khác. (Ông ta tự cho mình là người đó.)

Thật buồn cho các nhà sử học, cuộc đối thoại Martin-Kỳ không bao giờ được ghi chép đầy đủ. Khi Timmes ngồi xuống vào buổi tối hôm đó để soạn một bản ghi nhớ về nó, ông phát hiện ra rằng máy ghi âm mà ông đã giấu trong cặp tài liệu của mình trong cuộc họp đã bị kẹt. Ông phải thức trắng đêm để lục lọi các chi tiết từ trí nhớ và cuối cùng cũng không sắp xếp chúng một cách chính xác, như Đại sứ đã nhấn mạnh sau này.

*

Ngoài những kẻ âm mưu và Bắc Việt, Thiệu cũng đang đối mặt với một vấn đề cấp bách khác vào lúc này - tiền bạc. Vào đầu tháng, vào ngày 2 và 3 tháng 4, ông đã chuyển hầu hết tài sản cá nhân và đồ đạc gia đình của mình đến Đài Loan và Canada. Nhưng tài sản quốc gia, mười sáu tấn vàng trị giá 220 triệu đô la, chiếm một phần lớn trong kho bạc Sài Gòn, vẫn chưa được "xuất khẩu". Nhưng vận may của quốc gia, mười sáu tấn vàng trị giá 220 triệu đô la, mà tạo thành một phần lớn của kho bạc Sài Gòn, vẫn chưa được "xuất khẩu." *

*[Thiệu không phải là người Việt Nam nổi bật duy nhất đã lo liệu đồ đạc cá nhân của mình vào giữa tháng Tư. Vào ngày mười sáu, Khiêm cũng đã gửi hàng hóa gia đình và tài sản của mình

ra khỏi đất nước. Hơi sớm hơn, vào thời điểm Đà Nẵng sụp đổ, Đại sứ Sài Gòn tại Washington đã chỉ đạo vợ mình bắt đầu tìm kiếm một nơi cư trú mới và vĩnh viễn cho họ ở Maryland.]

Ban đầu, Thiệu đã hy vọng sẽ chuyển toàn bộ kho vàng một cách bí mật đến Ngân hàng Thanh toán Quốc tế ở Basel, Thụy Sĩ, nơi đã có 5 triệu đô la vàng Nam Việt Nam được gửi, và sử dụng nó - theo lời ông ta nói với cấp dưới - làm tài sản thế chấp cho các khoản vay mua thiết bị cho quân đội. Nhưng vài ngày trước khi giao dịch được hoàn tất, Đại sứ quán đã biết về nó thông qua một trong những nguồn tình báo của CIA, và một người trong đội ngũ của Martin, người rõ ràng không tin tưởng vào động cơ của Thiệu, đã lần lượt rò rỉ thông tin này cho báo chí. Sự công khai kết quả đã làm hỏng kế

hoạch của Thiệu, vì các hãng hàng không thuê bao mà ông đã đàm phán hợp đồng vận chuyển nhanh chóng rút lui vì sợ bị công chúng chỉ trích.

Trong khi đó, Martin đã can thiệp để cố gắng hạn chế thiệt hại mà Thieu dường như quyết tâm gây ra cho bản thân và hình ảnh của mình. Với hy vọng xua tan bầu không khí nghi ngờ bao trùm toàn bộ vụ việc, Đại sứ đã gợi ý với ông rằng thay vì chuyển vàng đến Thụy Sĩ, ông nên gửi nó vào Ngân hàng Dự trữ Liên bang New York, nơi nhiều quốc gia khác duy trì các kho dự trữ vàng hợp pháp.

Thiệu, lo lắng để tự biện minh cho mình, đã nhanh chóng đồng ý, và vào ngày mười sáu, Đại sứ quán đã gửi điện tín đến Washington để yêu cầu một chuyến bay quân sự đặc biệt, kèm theo bảo hiểm, để vận chuyển vàng đến New

York. Nhưng ở đây lại xuất hiện những trở ngại. Không quân và Ngân hàng Dự trữ Liên bang đều e ngại việc bảo hiểm một số tiền lớn như vậy, đặc biệt là vì việc thu hồi sẽ được thực hiện trong khu vực chiến sự. Nhiều sự chần chừ đã xảy ra, và bây giờ, hai ngày sau, khi gần mười tám sư đoàn BV hội tụ về Sài Gòn, số vàng, khoản tiền chuộc của một vị vua, vẫn đang phủ bụi trong ngân hàng quốc gia.

28. Nút nhấn khẩn cấp

Bạn tin tưởng vào các báo cáo tình báo của mình đến mức nào ? Bạn không bao giờ có thể chắc chắn. Thứ Bảy, ngày mười chín, đã đến và đi. Không có cuộc tấn công trực tiếp nào vào Sài Gòn ; thời gian biểu của những người cộng sản đã bị trễ. Rõ ràng, phần nào đó những gì các điệp viên của chúng ta nói với chúng ta có thể tin được. Nhưng cũng không có dấu hiệu nào cho thấy cuộc tấn công của NVA đã giảm bớt. Lần đầu tiên, các pháo thủ cộng sản đã

bắn phá đảo Phú Quốc, nơi hiện có hơn 50.000 người tị nạn ; hai sư đoàn NVA đã bắt đầu tấn công Phan Thiết, cách Sài Gòn chín mươi dặm về phía đông bắc, và đáng lo ngại nhất, Những chiếc xe tải chở các khẩu đội SA-2 tiếp tục di chuyển theo hướng đông bắc về phía Sài Gòn.

Về mặt chính trị, các tín hiệu cũng đáng sợ không kém. Tại cuộc họp báo thường lệ sáng thứ Bảy, đại diện chính của Mặt trận Giải phóng miền Nam tại Tân Sơn Nhất, Đại tá Võ Đông Giang, đã tăng cường yêu cầu mà vẫn không đưa ra bất kỳ điều gì để đổi lại. Yêu cầu (như thường lệ) rút toàn bộ "cố vấn quân sự Mỹ giả dạng dân thường," ông ta đã thêm một khúc quanh mới, khăng khăng yêu cầu Martin cũng phải rời đi. "Ông ta được che đậy như một nhà ngoại giao Mỹ," Giang nói, "nhưng thực sự chỉ đạo

tất cả các chính sách quân sự, chính trị và kinh tế và chịu trách nhiệm cho tất cả các hành động tội phạm của chế độ Thiệu." Điều này có nghĩa là Hà Nội đã loại trừ ngay cả sự hiện diện nhỏ bé của người Mỹ ở Sài Gòn trong trường hợp cộng sản chiến thắng ? Giang rất mơ hồ : "Không có vấn đề gì về việc một nghìn thường dân Mỹ ở lại, nhưng sự hiện diện của một cố vấn Mỹ sẽ là một vi phạm lớn đối với hiệp định hòa bình Paris."

Polgar nghĩ rằng ông đã giải mã được ý nghĩa của Giang. Vâng, có một "lựa chọn đến cùng," ông ấy nhấn mạnh với tôi, một cơ hội để chúng ta có thể giữ lại một sự hiện diện nhỏ ở Sài Gòn, bất kể chuyện gì xảy ra, giống như Trần Văn Đôn đã đảm bảo với chúng ta vài ngày trước. Có lẽ, cũng còn chỗ cho một số cuộc thương lượng chính trị thực sự.

Tôi đã viết một bản ghi nhớ để phản bác, nhấn mạnh sự mơ hồ của Giang, việc anh ta không đề cập đến bất kỳ hình thức tương hỗ nào. Polgar đã đọc nó, xếp nó vào ngăn kéo, không bao giờ gửi đi hoặc cho Đại sứ.

Sự hoài nghi của tôi hóa ra lại là một quan điểm thiểu số. Malcolm Browne, trưởng văn phòng New York Times, viết rằng phát biểu của Giang "ngụ ý rằng vẫn còn thời gian để đáp ứng" các điều kiện của cộng sản. Đó là một sự phản ánh chính xác quan điểm của chính Polgar. Sự đồng thuận này, thực ra, không phải là ngẫu nhiên. Trong vài ngày qua, Polgar đã cung cấp cho phóng viên những ý kiến và thông tin mật. Hai người đã trở thành bạn tâm giao.

Polgar luôn thích đóng vai bình luận viên, vì vậy sự đồng cảm của anh với

Browne, sự sẵn lòng tiết lộ dữ liệu cho anh ta là điều dễ hiểu. Hơn nữa, Browne là một đồng minh tự nhiên, vì một số "nguồn tin" của ông ta đang nói chính xác những gì Polgar muốn nghe. Một trong số họ, một đại diện của Mặt trận Giải phóng miền Nam tại Tân Sơn Nhất, đã ám chỉ trong nhiều ngày rằng một kết thúc thương lượng có thể xảy ra. Như bất kỳ nhà báo có trách nhiệm nào, Browne đã kiểm tra lại câu chuyện với một người trong Đại sứ quán, Polgar, người có khả năng đánh giá về nó. Những quan sát của Polgar rõ ràng đã củng cố niềm tin của ông vào tính xác thực của nguồn tin, và vì Browne không có cách nào để phân biệt giữa suy đoán của Polgar và sự thật, ông đã bị lừa vào việc phóng đại triển vọng đạt được thỏa thuận trong các bản tin của mình. Hà Nội không thể tập hợp một đội ngũ chuyên gia thông tin sai lệch

hiệu quả hơn nếu họ cố gắng.

Ngay sau cuộc họp báo của Giang, một trong những "nguồn" của Polgar đã cung cấp một "làm rõ" thêm về lập trường của Bắc Việt. Đại tá Toth, Tùy viên Quân sự Hungary, đã gọi cho Polgar vào khoảng giữa buổi sáng và yêu cầu một cuộc gặp. Khi hai người gặp nhau khoảng một giờ sau đó, ông đã đề xuất cho Trưởng Đài một công thức hòa bình mới đầy hấp dẫn. Có thể có cơ sở cho một "thỏa thuận," ông ta khẳng định, với điều kiện Thiệu từ chức "nhanh chóng," người Mỹ chấm dứt mọi "can thiệp" quân sự, và một chế độ "tận tâm với hòa bình, độc lập và trung lập" được thiết lập ngay lập tức. Như Polgar đã kể lại cuộc trò chuyện với tôi sau đó, Toth cũng chỉ ra rằng Minh có thể là một sự thay thế chấp nhận được cho Thiệu.

Ngoài ra, ông còn đảm bảo với Polgar rằng các nhà lãnh đạo cộng sản không có ý định "xúc phạm" Hoa Kỳ và sẽ cho phép người Mỹ giữ lại một Đại sứ quán ở Sài Gòn. Ông nhấn mạnh rằng Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam, chứ không phải Hà Nội, là tác giả của tất cả những gì ông nói.

Với trọng lượng chỉ hai trăm pound, Polgar không phải là người dễ dàng bị cuốn vào quỹ đạo. Tuy nhiên, khi anh nhảy vào Đại sứ quán sau cuộc họp, chân anh gần như không chạm đất. Ông cảm thấy như mình vừa được trao chìa khóa cứu rỗi. Cho đến nay, Hà Nội chỉ đề nghị "hòa bình" để đổi lấy việc ông Thiệu từ chức. Toth đã hứa hẹn nhiều hơn thế-những giải pháp chính trị thực sự sẽ cho phép Hoa Kỳ rút lui mà không bị nhục nhã hay đổ máu.

Polgar ngay lập tức gửi một bức điện tóm tắt cuộc trò chuyện đến Washington. Sau đó, ông đã đến để báo cáo cho Đại sứ.

Martin thì kém nhiệt tình hơn. Ngụ ý trong kịch bản của Toth là một sự tháo dỡ hoàn toàn cấu trúc hiến pháp của Sài Gòn, điều mà Martin chắc chắn sẽ dẫn đến một cuộc đối đầu cuối cùng giữa người Mỹ và dân chúng. Tuy nhiên, có đủ điều gì đó trong những gì người Hungary đã nói để khiến ông bị cám dỗ. Do đó, ông thúc giục Polgar tiếp tục liên lạc và thu thập thêm thông tin, đồng thời thông báo cho Polgar về lời đề nghị của Kissinger với Dobrynin, bao gồm cả yêu cầu ngừng chiến trong khi chờ phản hồi từ Hà Nội.

Polgar rời văn phòng Đại sứ với những hy vọng và ảo tưởng vẫn còn

nguyên vẹn. Từ điểm này trở đi, những mâu thuẫn và sự mơ hồ trong thông tin tình báo đã biến mất đối với anh ta. Mọi thứ ông đọc hoặc thấy dường như đều xác nhận tầm nhìn của ông về tương lai. Sự thất bại của các lực lượng cộng sản trong việc tấn công Sài Gòn như dự kiến vào ngày mười chín, bỗng nhiên trong mắt ông trở thành một tín hiệu, một dấu hiệu cho thấy mọi thứ đã được sắp đặt và Hà Nội đã kiềm chế lực lượng của mình như Kissinger đã yêu cầu. Ông đã thông báo cho Malcolm Browne về lý thuyết này. Chẳng bao lâu sau, các nhà báo và nhà ngoại giao trong thành phố đã nghiêm túc bày tỏ ý kiến về "thời kỳ yên tĩnh," cơ hội cuối cùng cho các cuộc đàm phán.

Sau cuộc thảo luận với Đại sứ, Pol-

gar hối hả vào văn phòng của tôi để giao một nhiệm vụ mới. Tôi phải viết một bản đánh giá hiện trường khác về tình hình quân sự. "Viết cho nó thật tồi tệ," ông ấy nói, "Đại sứ sẽ dùng nó để thuyết phục Thiệu rằng đã đến lúc ông ấy phải ra đi." Tôi mệt mỏi đến mức không còn cảm giác gì và rất thất vọng với Polgar, phải mất một lúc tôi mới nhận ra ý nghĩa của nhận xét đó.

Tôi không cần phải được thúc giục để viết đánh giá theo cách ông ấy muốn. Sự ảm đạm của nó chỉ là một phản ánh đơn giản của sự thật. "Với sự sụp đổ của các phòng thủ chính phủ quanh Xuân Lộc và sự gia tăng liên tục của quân đội Bắc Việt tại QK 3, cán cân lực lượng trong khu vực lớn Sài Gòn đã chuyển dịch không thể đảo ngược theo hướng có lợi cho quân Bắc Việt và Việt Cộng," tôi kết luận.

"Mặc dù chính phủ có thể tăng cường lực lượng cho một trong những khu vực mục tiêu chính hiện đang có nguy cơ bị tấn công - Biên Hòa/Long Bình ở phía đông Sài Gòn ; các tỉnh Long An và Hậu Nghĩa ở phía tây ; hoặc tỉnh Bình Dương ở phía bắc - nhưng họ không có đủ sức mạnh để bảo vệ tất cả chúng một cách đồng đều." Mặt khác, BV/VC sẽ có khả năng trong vòng ba hoặc bốn ngày để phát động các cuộc tấn công phối hợp, đa sư đoàn vào tất cả các mục tiêu này... Do đó, chính phủ đang đối mặt với tình huống mà chính Sài Gòn có thể bị cô lập. và bị cô lập khỏi bên ngoài trong vòng hai tuần hoặc có thể rơi vào tay lực lượng BV/VC trong ba hoặc bốn tuần." (Tôi muốn gợi ý sớm hơn ; Polgar thì không.)

Đánh giá của tôi cuối cùng đã trở thành một tài liệu có giá trị lịch sử, và

không chỉ vì những lý do mà tôi đã mong đợi. Khi Thiệu cuối cùng cũng từ chức, ông đã để lại các hồ sơ của mình nguyên vẹn trong Dinh. Không ai bận tâm đến việc tiêu hủy chúng, và trong số các tài liệu mà những người cộng sản đã thu giữ khi họ chiếm lấy nơi này có một bản sao của bản đánh giá. Có vẻ như Tướng Dũng đã bị ấn tượng với nó, vì ông đã đưa vào hồi ký sau chiến tranh của mình những đoạn trích gần như nguyên văn.

Khi tôi đang bận rộn với máy đánh chữ của mình, Polgar đã đóng cửa cùng với các sĩ quan khác của Đài để thảo luận về cách đảm bảo việc chuyển giao quyền lực nhanh chóng. Sau khi Thiệu ra đi, Phó Tổng thống Trần Văn Hương phải chuẩn bị sẵn sàng để ngay lập tức trao quyền cho "Minh Lớn", và Quốc hội phải sẵn sàng chấp thuận động thái

này, để mọi việc có thể được thực hiện "theo hiến pháp" (Martin nhấn mạnh) và "nhanh chóng" (người Hungari).

Bên cạnh đó, tại Đại sứ quán Pháp, Mérillon và nhân viên của ông đã dành phần lớn buổi sáng để bàn bạc theo hướng tương tự. Martin ngay lập tức thông báo cho họ về lời đề nghị của Hungary, và Mérillon đã lên lịch một cuộc họp với Thiệu vào ngày hôm sau.

Thiệu và đoàn tùy tùng của ông không hề không biết về âm mưu đang phát triển. Sáng hôm đó, Tổng thống Lý Quang Diệu của Singapore đã gọi điện cho Hoàng Đức Nhã và mời ông bay qua ngay lập tức. "Có chuyện quan trọng cần thảo luận," ông nói. Khi Nhã đến Singapore vài giờ sau đó, Lee đã thông báo cho anh ta rằng các quan chức Mỹ đã hỏi chính phủ của anh ta và các nước khác

ở Đông Nam Á về khả năng tị nạn cho Thiệu. Nhã ngay lập tức gọi điện thoại đường dài đến Sài Gòn. "Vâng," Thiệu đáp sau khi nghe Nhã nói xong. «Tôi đã dự đoán được như vậy.»

Tại Washington, chỉ một số ít nhà hoạch định chính sách cấp cao được thông báo về cuộc trò chuyện của Polgar với Toth. Do đó, ít nhân viên bàn giấy trong Bộ Ngoại giao hoặc CIA, những người làm việc với thông tin mỗi ngày và hiểu rõ tình hình nhất, có cơ hội so sánh các dự đoán của Polgar (hoặc Kissinger) với thực tế.

Một chuyên gia đã làm như vậy là Douglas Pike, chuyên gia về Đông Dương trong Nhân viên Lập kế hoạch Chính sách của Bộ Ngoại giao. Nhưng

Pike đã tự thuyết phục rằng cộng sản sẽ thích chiếm Sài Gòn bằng mưu mẹo hơn là bằng vũ lực, và do đó ông coi nước cờ Hungary-Xô viết là "đáng tin cậy." Ông đã trấn an Ev Bumgardner, quan chức USIA trong lực lượng đặc nhiệm của Brown, rằng Hà Nội chắc chắn sẽ chọn một chế độ tương tự như Vichy ở Sài Gòn, và một cuộc tiếp quản không đổ máu, vì lợi ích của dư luận thế giới. Bumgardner không đồng ý. Ông không thể tin rằng người Bắc Việt lại đánh cược vào ngưỡng cửa của chiến thắng. Nhưng những lo ngại của ông đã không được chú ý. Ông không có quyền truy cập trực tiếp vào Kissinger. Pike thì có.

Một số chuyên gia khác về Đông Dương, tuy nhiên, đã từ bỏ sự lạc quan một lần và mãi mãi vào thứ Bảy ngày mười chín. Chỉ trong vài giờ sau cuộc

họp báo của Giang, các nhân viên thuộc bộ phận phân tích của CIA ở Washington đã được triệu tập để phân tích ý nghĩa của những phát biểu của quan chức PRG. Không bị phân tâm bởi kiến thức về mưu đồ Hung-Sô, họ nhanh chóng kết luận rằng những tuyên bố mơ hồ của Giang đã báo hiệu việc chấm dứt cuối cùng của tùy chọn đàm phán. Giống như tôi, họ đặc biệt bị ấn tượng bởi việc ông ta không đề xuất bất kỳ hình thức tương hỗ nào, và sự bỏ qua của ông ta đối với bất kỳ tham chiếu nào đến một liên minh khả thi. Dựa trên những gì ông ấy đã nói, họ đã được thúc giục xem xét lại các báo cáo tình báo mới nhất từ Sài Gòn, bao gồm cả báo cáo mà tôi đã nộp hai ngày trước đó. Sau khi xem xét kỹ lưỡng dữ liệu này, họ đã đưa ra một ước tính tình báo mới kịp thời cho phiên họp WSAG sắp tới. Lần đầu tiên họ cam

kết một cách rõ ràng rằng Sài Gòn đã bị định mệnh ; có rất ít cơ hội cho một thỏa thuận hòa bình hoặc thậm chí là một sự đầu hàng ngụy trang.

Kết luận của họ không làm hài lòng những người trong Bộ Ngoại giao hoặc các cấp lãnh đạo của CIA, những người đã nhìn thấy tia hy vọng trong thông điệp mới nhất từ người Hungary. Shackley, người mà là cấp trên trực tiếp của Polgar và cảm thấy có trách nhiệm bảo vệ những kết luận của ông, đã phản đối sự bi quan. Ông đã khuyên Giám đốc Colby rằng nên có một sự xem xét cho một bước đột phá chính trị, đặc biệt là khi xem xét những nhận xét của Toth đối với Polgar. *

*[Vào ngày mười chín, chính Colby đã nói với WSAG, “Nam Việt Nam đối mặt với thất bại hoàn toàn - và sớm thôi”

- có thể "trong vài ngày tới." Ông đã lặp lại ước tính này trong một cuộc họp WSAG hôm sau đó, và vào ngày hai mươi mốt nhấn mạnh, "tại thời điểm này, điều tốt nhất mà một chính phủ mới [ở Sài Gòn] có thể đạt được có lẽ sẽ là đầu hàng qua đàm phán dưới vỏ bọc của một giải pháp chính trị." Ông cũng chỉ ra rằng "các nhà lãnh đạo Cộng sản đã áp dụng một lập trường cứng rắn hơn trong các cuộc đàm phán," đến mức khẳng định rằng "chiến thắng cuối cùng đã cận kề và sẽ không có bất kỳ cuộc đàm phán nào hay bất kỳ hình thức chính phủ tam quyền nào." Tuy nhiên, ông không đưa ra ý kiến riêng của mình về khả năng cho một giải pháp như vậy. Các quan chức CIA cấp thấp hơn thì ít thận trọng hơn một chút. "Các nhà lãnh đạo Cộng sản dường như đang loại trừ bất kỳ khả năng nào về một cuộc đàm phán thực sự của cuộc xung

đột," họ viết trong bản tin tình báo hàng ngày cho Tổng thống vào ngày 21 tháng 4. "Các nhà lãnh đạo Cộng sản dường như loại trừ bất kỳ sự xem xét nào về một cuộc đàm phán thực sự của cuộc xung đột," họ viết trong bản tin tình báo hàng ngày cho Tổng thống vào ngày 21 tháng 4. "Tại một cuộc họp báo ở Sài Gòn vào thứ Bảy, phát ngôn viên của Việt Cộng đã cẩn thận tránh đề cập đến việc đàm phán với chính phủ hiện tại hoặc thậm chí một chính phủ tái lập như họ đã yêu cầu..." Tại một cuộc họp báo ở Sài Gòn vào thứ Bảy, phát ngôn viên của Việt Cộng đã cẩn thận tránh đề cập đến các cuộc đàm phán với chính phủ hiện tại hoặc thậm chí một chính phủ được tái cấu trúc như họ đã yêu cầu... Một lập trường cứng rắn tương tự đã xuất hiện từ một cuộc họp bí mật của các quan chức cao cấp Cộng sản tại COSVN." Ở đây các

nhà phân tích đã trích dẫn báo cáo của tôi cách đây vài ngày.]

Trong khi đó, kế hoạch và chuẩn bị cho việc sơ tán của Nhà Trắng dường như vẫn tiếp tục tiến triển chậm chạp. Ngay cả khi Polgar đang gặp Toth, Đại sứ quán đã được thông báo về lệnh ân xá mới dỡ bỏ các hạn chế nhập cư đối với các phụ thuộc người Việt của người Mỹ sống ngoài Việt Nam. Martin đọc qua bức điện giải thích với một chút khó chịu. Ông vẫn còn đau lòng vì những lời khiển trách gần đây của Kissinger yêu cầu ông tăng tốc quá trình sơ tán.

Một lát sau, một sự xúc phạm cuối cùng đã được thêm vào những tổn thương mà anh ấy vừa mới phải chịu đựng từ tay các đồng nghiệp trong Chính quyền của mình. Trong một chuyến đi muộn buổi sáng của tôi đến quán cà phê

phía sau Đại sứ quán, tôi nhận ra một cơn bão đang hình thành khi bốn hoặc năm chiếc limousine đen với ngôi sao trên cản xe dừng lại ngay bên ngoài cửa sau. Một trong số đó tôi nhận ra là của Tướng Smith. Theo một lính thủy đánh bộ đầy kính nể, chiếc lớn nhất và sáng nhất thuộc về "người có quyền lực lớn nhất trong số họ" - Đô đốc Noel Gayler, tư lệnh trưởng ở Thái Bình Dương.

Gayler, không phải là một trong những người được Martin yêu thích, đã được cử đến Sài Gòn vào sáng thứ Bảy bận rộn này để đảm bảo rằng đối thủ cũ của ông ta hiểu rõ các chỉ thị mới nhất từ Washington. Ông đã mang theo một nhóm cổ vũ, bao gồm Trung tướng John J. Burns, chỉ huy Nhóm Tư vấn Hoa Kỳ tại Thái Lan. Có lẽ Gayler đã hy vọng sẽ làm choáng ngợp Martin với tất cả những

ngôi sao và sọc của cấp bậc quân đội cao. Nếu vậy, ông ta đã nhầm lẫn một cách đáng tiếc.

Bầu không khí của cuộc họp có thể làm lạnh cả phòng tra khảo của một người thẩm vấn. Như để đảm bảo sự khó chịu của Đại sứ, Polgar bắt đầu bằng cách khẳng định rằng tình hình quân sự là vô vọng. Gayler đồng ý và cố gắng đặt "trường hợp xấu nhất" vào một khung thời gian. Phản ánh về tình báo mới nhất, ông dự đoán rằng các lực lượng Cộng sản đang trên bờ vực tấn công thành phố.

Cuộc tấn công có thể xảy ra trong vòng mười ngày, ông nói, hoặc trong ba tuần tối đa. Vì vậy, ông muốn "kéo dây" để bắt đầu cuộc di tản. Martin nên cố gắng giảm số lượng cộng đồng người Mỹ xuống còn 1.100 người một cách hợp lý. Đồng thời, tất cả người Việt Nam

sẽ được sơ tán nên được đưa lên các tàu hàng đang chờ đợi trên sông Sài Gòn và được gửi ra Vũng Tàu. Mặc dù việc sơ tán bằng đường thủy như vậy không phải là cách tốt nhất hoặc an toàn nhất để cứu người Việt Nam, nhưng hiện tại dường như không còn lựa chọn nào khác, đặc biệt là khi Nhà Trắng quyết tâm dọn dẹp để thực hiện việc vận chuyển trực thăng cho người Mỹ càng sớm càng tốt.

Martin lắng nghe, gật đầu, nhưng không cam kết. Và như thường lệ trong quá khứ khi sở thích của ông bị thách thức, ông đã phản công vào những điểm chi tiết. Có bao nhiêu người sơ tán có thể được bố trí trong cuộc giải cứu bằng trực thăng kéo dài một ngày cuối cùng ? Ông hỏi. Burns thừa nhận 1.900 người, cộng với một lực lượng an ninh Thủy quân lục chiến 800 người. Nếu đúng như vậy,

Martin đáp lại, thì không cần thiết phải cắt giảm xuống còn 1,100 ngay lập tức, như Nhà Trắng yêu cầu. Lên đến 2.000 người Mỹ có thể ở lại Sài Gòn đến phút cuối mà không làm ảnh hưởng đến khả năng thành công của việc di tản bằng trực thăng.

Nhưng còn người Việt thì sao ? Gayler đặt câu hỏi. Các tàu hàng đã sẵn sàng ra khơi. Không, Martin trả lời nhẹ nhàng, chúng không thể được sử dụng, cả bây giờ lẫn trong ngày mai hoặc ngày kia. Nếu người Việt không có giấy tờ xuất cảnh được đưa lên những chiếc tàu đó, thành phố sẽ rơi vào hỗn loạn.

Trong suốt cuộc trao đổi, Tướng Smith ngồi im lặng, không đưa ra ý kiến ủng hộ hay phản đối quan điểm của Đại sứ. Tuy nhiên, khi Martin cuối cùng (có vẻ như) đã bác bỏ lý do cho việc sơ tán

ngay lập tức bằng đường sông, ông cảm thấy có nghĩa vụ phải đưa ra một nhận xét. Nếu không thể sử dụng các tàu hàng, ông nói, thì phải tìm ra một phương tiện khác để di chuyển những người Việt Nam không đủ điều kiện trở thành người phụ thuộc của Mỹ theo quy định mới nhất về ân xá nhập cư. Như một giải pháp, ông đề xuất mở rộng đáng kể định nghĩa về "người phụ thuộc." Có lẽ một "tuyên thệ hỗ trợ" đơn giản sẽ đủ, ông nói. Nó chỉ cần là một mảnh giấy có con dấu lãnh sự của Đại sứ quán, tên của người thụ hưởng Việt Nam và chữ ký của một nhà tài trợ người Mỹ. Bằng cách ký vào tài liệu, bất kỳ người Mỹ nào ở Sài Gòn cũng có thể hợp pháp tuyên bố mình là người bảo trợ tài chính cho bất kỳ người Việt Nam nào mà họ chọn và do đó làm cho người đó đủ điều kiện trở thành "người phụ thuộc" để nhập cảnh vào Hoa Kỳ.

Martin hoàn toàn không thích ý tưởng đó. Nó có thể dẫn đến một cuộc di cư ồ ạt của người Việt và do đó gây nguy hiểm cho toàn bộ cuộc sơ tán. Tuy nhiên, trong tất cả các lựa chọn có thể, có lẽ đây là lựa chọn ít rủi ro nhất. Hơn nữa, rõ ràng là phải có một số quy định cho các bà vợ theo luật thông thường và những đứa trẻ lai Việt Nam không thể đáp ứng tiêu chí của người phụ thuộc hợp pháp. Nếu không, những người định cư Mỹ cũ ở Sài Gòn sẽ không bao giờ rời đi. Miễn cưỡng, Martin đồng ý thử nghiệm đề xuất của Smith.

Ít vấn đề nào khác được giải quyết gọn gàng như vậy. Martin nói với Gayler rằng ông sẽ xem xét các đề xuất của ông ấy và gửi điện tín các khuyến nghị của mình đến Nhà Trắng. Là đại diện cá nhân của Tổng thống tại hiện trường, ông đã

giữ quyền đó cho riêng mình.

*

Khi cuộc họp kết thúc, Tướng Smith đã hành động nhanh chóng để thực hiện sự nhượng bộ nhỏ mà ông đã đạt được từ Đại sứ. Ông dừng lại ở bàn làm việc của Eva Kim trong phòng chờ bên ngoài văn phòng của Martin và phác thảo một mẫu cho "tuyên thệ hỗ trợ." Eva ngay lập tức đánh máy nó lên giấy mẫu và hàng nghìn bản sao đã được sao in và phân phát vào chiều hôm đó.

Với việc ban hành tài liệu này, toàn bộ diện mạo của chương trình di tản người Việt đã thay đổi. Trước đây, chỉ những người phụ thuộc hợp pháp của công dân Mỹ mới đủ điều kiện để định cư tại Hoa

Kỳ. Bây giờ bất kỳ người Việt Nam nào có thể tìm được một người Mỹ sẵn sàng nhận trách nhiệm tài chính cho họ đều có thể được đưa vào theo lệnh ân xá mới của Tổng Chưởng lý. Tướng Smith ngay lập tức đã trao quyền toàn quyền cho các nhân viên cấp cao của mình ký các bản tuyên thệ hỗ trợ cho bất kỳ ai họ muốn.

Chướng ngại vật duy nhất còn lại đối với việc di tản người Việt (ngoài những hạn chế về độ tuổi và cấp bậc của Martin) là vấn đề vẫn còn khó khăn trong việc xin giấy tờ xuất cảnh, laissez-passer, từ chính phủ Sài Gòn. Để đẩy nhanh quá trình, Đại sứ quán đã mời Bộ Nội vụ Việt Nam thiết lập một văn phòng lãnh sự bên trong trung tâm sơ tán của DAO tại Tân Sơn Nhất.

Chuyến thăm của Gayler đã khiến Martin trong tâm trạng u ám, và vài giờ sau khi đô đốc rời đi, ông đã trình bày những phàn nàn của mình trong một bức điện mật tinh vi khác gửi đến Kissinger. Ông sẽ cố gắng, ông viết, để giảm cộng đồng người Mỹ xuống mức thấp nhất có thể vào thứ Ba, ngày hai mươi ba, và sẵn sàng cho một cuộc di tản hoàn toàn trong mười ngày. Tuy nhiên, ông nhấn mạnh rằng không có gì trong số này là dễ dàng. "Điểm nghẽn lớn nhất của chúng tôi," ông giải thích, là những người Mỹ có người phụ thuộc là người Việt. Miễn là họ giữ vững lập trường, cách duy nhất để giảm số lượng cộng đồng người Mỹ xuống 1,100, như Nhà Trắng mong muốn, là tước bỏ nhân sự của Đại sứ quán. Nhưng điều đó, Đại sứ chỉ ra, sẽ không còn ai để quản lý chương trình di tản. Nhắc lại những phản đối của mình

đối với việc di tản người Việt ngay lập tức, ông đã kêu gọi Gayler được chỉ đạo rút các tàu chở hàng đang đứng chờ trên sông Sài Gòn.

Ở phần khác trong thông điệp, ông đã lặp lại kế hoạch của mình cho Thiệu, nhấn mạnh tầm quan trọng của động thái từ Hungary, và cố gắng giảm thiểu mối đe dọa quân sự, khẳng định (một cách sai lầm) rằng các tên lửa SA-2 ở đông bắc MR 3 đã có mặt từ nhiều tháng trước. Mục đích của chúng, ông nói, là để bảo vệ trụ sở của Cộng sản, không phải để tấn công máy bay trên không phận Sài Gòn.

Trong những đoạn cuối cùng, ông đã thỏa mãn sở thích nổi tiếng của mình với ngôn ngữ địa phương. Mọi người ở Washington, ông ta khẳng định, dường như đều "cố gắng tự bảo vệ mình." Cộng

đồng tình báo đang nghiêng về những dự đoán "tồi tệ nhất" ; Gayler và quân đội đã đưa ra những ước tính nghiêm trọng của riêng họ ; và "ông, thưa Bộ trưởng, đã đưa cho tôi một chỉ thị [giảm xuống còn 1.100 người Mỹ trong một tuần] mà sẽ không hiệu quả." "Cái 'mông' duy nhất không được che chắn là của tôi," Martin phàn nàn. Nhưng, ông ấy thêm vào, ông đã quen với điều đó. Khi thông điệp này đến Washington, Martin không có thêm bạn mới, và một số thành viên trong nhóm đặc nhiệm của Brown đã soạn một bản ghi nhớ chính thức yêu cầu Kissinger sa thải Đại sứ ngay lập tức hoặc cử ai đó ra để hỗ trợ ông. Kissinger đã đọc nó, nhưng từ chối hành động theo bất kỳ đề xuất nào. Xét thấy tình trạng nhạy cảm của các sáng kiến chính trị mới, việc rút lui của Martin vào thời điểm này là hoàn toàn không thể.

Tuy nhiên, Kissinger không ngần ngại gửi một bức điện phản hồi cho Đại sứ để bày tỏ quan điểm của mình. Nhấn mạnh quyết tâm của mình trong việc giảm bớt cộng đồng người Mỹ càng nhanh càng tốt, ông đã bác bỏ những nhận xét tự thương hại của Martin. "Khi chuyện này cuối cùng cũng kết thúc," ông nói với Đại sứ, "tôi sẽ được treo cao hơn bạn vài thước."

Martin hầu như không thông báo cho ai trong Đại sứ quán về thông điệp của Kissinger hoặc lời khuyên của Gayler dành cho anh ta. Đối với hầu hết chúng tôi, các kế hoạch và mục tiêu của ông vẫn bị bao trùm trong một làn sương mù của tin đồn và sự lạc quan giả tạo. Tại một cuộc họp nhân viên vào chiều thứ Bảy, Alan Carter, vẫn chưa biết về các sắp xếp

riêng tư của Đại sứ với các phóng viên Mỹ, đã hỏi liệu văn phòng an ninh của Mary Garrett có thể thông báo cho các phóng viên về kế hoạch sơ tán không. Cố vấn hành chính Boudreau cho biết Garrett và nhân viên của ông không cung cấp bất kỳ thông tin nào. "Không phải vậy," Carter đáp lại. "Họ chỉ thông báo cho cộng đồng doanh nghiệp cách đây vài ngày." Nghe vậy, Joe Bennett, cố vấn chính trị, đã tỏ ra hứng thú. "Thật sao ?" anh ta chen vào. "Thế thì, có lẽ Garrett có thể tóm tắt cho chúng ta biết chuyện gì đang xảy ra."

Carter nhớ lại nhận xét đó. Đó là lần đầu tiên Bennett, người trung thành với Martin và là người kể những câu chuyện tàn bạo, bày tỏ sự không hài lòng với cách Đại sứ đang xử lý công việc. Carter, tất nhiên, cũng rất không hài lòng với chính

mình. Ông tự hỏi, Làm thế nào mà bất kỳ ai trong chúng ta có thể biết chuyện gì đang xảy ra nếu mọi tiết lộ đều là tình cờ ?

Carter và Bennett không phải là những cư dân bối rối duy nhất của Đại sứ quán. Khi «Jerry Locksley» chuyển bộ đồ dùng qua đêm của mình vào buồng làm việc của sĩ quan trực trên tầng hai vào cuối ngày, anh ta không hề hay biết về những thử thách và gian truân đang chờ đón mình. Nhờ vào sự may rủi, Locksley, một nhân viên CIA dưới sự bảo vệ hoàn toàn của Bộ Ngoại giao, sẽ là sĩ quan trực chính của Đại sứ quán trong tuần cuối cùng của cuộc chiến, có trách nhiệm giữ cho Đại sứ và các quan chức cấp cao khác được thông báo sau giờ làm việc khi mỗi cuộc khủng hoảng mới phát sinh. Mặc dù ông có một số kiến thức về

mưu kế của Hungary, ông không biết gì về kế hoạch sơ tán. Ngay khi anh ta đã ổn định ở văn phòng mới, anh ta đã yêu cầu một buổi tóm tắt từ Jacobson.

Locksley và Shep Lowman, viên chức Bộ Ngoại giao phụ trách biên soạn danh sách «người Việt nhạy cảm,» đã gặp Jacobson một giờ sau đó. Buổi họp đã tiết lộ nhiều điều, nhưng không theo cách mà Locksley mong đợi. Lowman biết nhiều hơn về cuộc không vận đang diễn ra của quân đội so với Jacobson. Nhân viên DAO, ông nói, đã bắt đầu di chuyển hàng trăm người Việt Nam không thuộc diện rủi ro cao cũng như không đủ điều kiện pháp lý. Một số người Mỹ đã ký cho tám mươi hoặc nhiều «người phụ thuộc» hơn. Jacobson có vẻ tái đi.

*

Trong khi đó, một viên chức trẻ khác của Đại sứ quán cũng đang phải chịu đựng những tiết lộ riêng của mình. Chiều hôm đó, người bạn tốt của tôi Ken Moorefield, trước đây là trợ lý của Martin, người cũng đã phục vụ tại Nha Trang và trong văn phòng liên lạc ICCS tại Đại sứ quán, lại được chuyển đi, lần này là đến DAO, để giúp xử lý người tị nạn. Giống như nhiều thứ khác trong nỗ lực sơ tán, nhiệm vụ của anh ấy cũng chỉ là tạm thời. Ông không có bất kỳ kinh nghiệm lãnh sự nào và không biết gì về quy mô của kế hoạch DAO.

Bốn hoặc năm quan chức từ Bộ Nội vụ Việt Nam đang thiết lập một bàn làm việc trong rạp chiếu phim DAO khi ông đến. Văn phòng tổng thanh tra của DAO trực tiếp phụ trách việc xử lý, và

hai đại diện chính của họ, Bill Guy và Jack Brown, đã coi ông như một kẻ xâm phạm.

«Chỗ đó hỗn loạn, cả bên trong lẫn bên ngoài,» Moorefield nhớ lại. «Guy và Brown đã tiếp nhận quá nhiều đơn xin việc của người Việt, và chính người Việt cũng đã gần như nổi loạn.»

Là một cựu sinh viên tốt nghiệp West Point và là một cựu chỉ huy bộ binh, Moorefield không phải là người dễ dàng chịu đựng sự hỗn loạn lâu dài. Ông lập tức thiết lập một cái bàn cho mình, đặt ra các quy định (không quá 300 đến 400 người Việt Nam được vào rạp chiếu phim cùng một lúc), và nhanh chóng có các ứng viên xếp hàng ngay ngắn, chờ đến lượt mình, điều này không phải là một việc dễ dàng.

«Nếu bạn không có visa xuất cảnh,» ông ấy sau này giải thích cho tôi, «bạn phải lấy một giấy phép từ các quan chức Bộ Nội vụ tại chỗ, và để làm điều đó, bạn cần con dấu lãnh sự của tôi và một 'tuyên thệ hỗ trợ' chứng nhận rằng bạn là người thân ngay lập tức của một công dân Mỹ.»

Về mặt kỹ thuật, chúng tôi chỉ được phép giải quyết cho những người Việt Nam là phụ thuộc hợp pháp của người Mỹ. Nhưng rõ ràng ngay từ đầu rằng có nhiều người không thể đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào của chúng tôi hoặc đã mất giấy tờ của họ. Trong khoảng một giờ đầu tiên, tôi đã gửi từng người không may mắn này quay lại thành phố để giải quyết vấn đề của họ với các cơ quan chức năng Việt Nam thích hợp. Nhưng tôi sớm nhận ra rằng việc soi mói của mình chỉ phục vụ cho những kẻ buôn lậu trên thị

trường chợ đen. Theo quy luật cung cầu, giá cho một cuộc hôn nhân nhanh chóng ở thành phố hoặc giấy tờ nhận con nuôi đã tăng từ tương đương bảy mươi đô la lên hơn một ngàn đô la.

Vì vậy, đến khi trời tối, tôi đã bắt đầu phải ứng biến. Tôi đã có các thư ký người Việt làm việc với tôi đánh máy các mẫu đơn khác nhau, và tôi đã phát chúng cho bất kỳ ai cần. Một người trong số họ nói đơn giản, 'Tôi đã mất giấy tờ, nhưng tôi là người phụ thuộc của người Mỹ.' Một người khác, «Đây là đứa trẻ tôi đã nhận nuôi hợp pháp.» Lúc đầu, các quan chức lãnh sự Việt Nam không muốn liên quan gì đến những giấy tờ giả mạo này, nhưng sau khi chúng tôi hứa sẽ sơ tán gia đình họ, họ trở nên hợp tác hơn và bắt đầu cấp giấy tờ xuất cảnh dựa trên những giấy tờ đó.

Với sự chen chúc tại bàn làm việc của mình, Moorefield cố gắng giải quyết mỗi trường hợp trong chưa đầy ba phút. «Đôi khi tôi phải đối mặt với những gia đình có năm mươi hoặc sáu mươi thành viên,» ông nói, «tất cả họ đều được cho là 'người thân trực tiếp' của một nhà tài trợ người Mỹ.» Ban đầu, tôi cố gắng giới hạn mỗi nhóm từ mười đến mười lăm người với lý thuyết rằng tôi phải tạo không gian cho những người khác. Nhưng làm sao bạn có thể giải thích với một người Việt Nam rằng họ sẽ phải rời xa nửa tá người thân yêu của mình ? Nhiều người trong số họ muốn tôi chọn lựa thay họ, vì họ không thể đối mặt với điều đó. Tôi đã cố gắng làm hết sức mình, với tất cả lòng từ bi mà tôi có thể có. Nhưng Chúa ơi, thật là không thể ! Hãy tưởng tượng : hàng trăm người lướt qua bạn mỗi vài phút, nước mắt chảy dài trên khuôn mặt họ,

cầu xin bạn nhận ra vấn đề riêng của họ.

Đôi khi chính người Việt Nam tự đưa ra những quyết định mà tôi không thể chấp nhận. Không ai, chẳng hạn, muốn bỏ lại người trụ cột gia đình. Thường thì đó là những người già, những người rất yếu hoặc những đứa trẻ rất nhỏ sẽ bị bỏ lại - tất cả họ đều không thể tự chăm sóc bản thân. Tôi đã cố gắng làm rõ rằng một người trụ cột gia đình sẽ phải được bao gồm trong số những người còn lại. Nhưng rồi, khi cố gắng thuyết phục họ thể hiện lòng từ bi đối với những người của họ, đối với người già và trẻ nhỏ, tôi thường tự thuyết phục mình vào những gì tôi đã cố gắng tránh từ đầu, và cho họ tất cả sự miễn trừ.

Trong vài giờ đầu tiên làm việc, Moorefield đã phê duyệt việc rời khỏi của hơn 200 người Việt Nam. Tin tức về

sự linh hoạt và hào phóng của ông nhanh chóng lan truyền khắp Đại sứ quán. Tôi đã báo cho một số đồng nghiệp CIA của mình, và nhiều người bắt đầu tập hợp bạn bè và đồng nghiệp người Việt với hy vọng đưa họ ra ngoài qua lỗ sàng của Moorefield vào ngày hôm sau.

Khi Moorefield làm việc tại trung tâm xử lý, Lacy Wright đã khởi động chuyến bay «đen» mà Martin đã cho phép hôm trước. Ngay sau hoàng hôn vào ngày mười chín, anh đã lái chiếc xe van trắng cũ kỹ chở những hành khách đầu tiên của mình, tất cả đều là người thân Việt Nam của các sĩ quan Ngoại giao, đến Tân Sơn Nhất. Một hoặc hai bà mama-san lớn tuổi đã có suy nghĩ lại ngay khi cổng chính của căn cứ không quân hiện ra trước mắt và cầu xin được thả xuống. Nhưng Wright, nhờ vào khả

năng tiếng Việt lưu loát của mình, đã làm họ bình tĩnh lại, và mọi người cuối cùng đã được đưa đi mà không có thêm bất kỳ phàn nàn hay sự cố nào.

Ngay sau giờ giới nghiêm tối hôm đó, Jerry Locksley, sĩ quan trực của Đại sứ quán, đã bị cuốn vào cuộc khủng hoảng đầu tiên của mình. Ông đang ngồi trong buồng làm việc ở tầng hai của Đại sứ quán, đọc một cuốn tiểu thuyết về chiến tranh, thì điện thoại an ninh reo lên. Kinh hoàng thay, nhân viên thông báo với anh rằng đó là Nhà Trắng gọi.

Người đàn ông ở đầu dây bên kia là Frank Wisner, một viên chức Bộ Ngoại giao trong lực lượng đặc nhiệm của Brown. Ông ấy nói rằng ông đang nói thay cho Tổng thống Hoa Kỳ. Ông ấy

muốn biết có bao nhiêu người Mỹ đã được sơ tán khỏi Sài Gòn trong ngày hôm đó.

«Tình hình là như thế này, thưa ngài,» Locksley ấp úng nói. «Rất khó để có được thông tin.» Có lẽ ngày mai.

Wisner (nổi giận): «Tổng thống muốn biết ngay bây giờ!» Locksley : «Nghe này, lệnh giới nghiêm đã được dỡ bỏ rồi.» Tôi không thể di chuyển mà không gặp nguy hiểm. Tôi có thể nghe thấy những chiếc C-130 cất cánh ở xa, vì vậy sự việc chắc chắn vẫn tiếp tục.

Wisner (rất nóng bây giờ) : «Tôi là Frank Wisner.» Tôi đang gọi cho Nhà Trắng. Cho tôi câu trả lời ngay bây giờ !

Trước đó trong ngày, một người bạn của Locksley đã đến Tân Sơn Nhất để

tiễn bạn gái người Việt của anh. Anh ấy đã nói sau đó rằng có vẻ như năm đến sáu người Việt Nam ra đi với một người Mỹ. Vì không có con số nào khác, Locksley đã trích dẫn con số đó cho Wisner. «Không đủ tốt,» viên chức Bộ Ngoại giao quát. Locksley hứa sẽ trả lời anh ta sau khoảng một giờ nữa với một con số tốt hơn.

Ông gọi một chiếc xe và một đội hộ tống có vũ trang từ văn phòng của Mission Wardens và lái xe đến biệt thự của Boudreau. Người cố vấn hành chính không biết có bao nhiêu người Mỹ đã rời đi trong ngày hôm đó. Trong cơn tuyệt vọng, Locksley quyết định hỏi Wolfgang Lehmann, nhưng Phó Trưởng Phái đoàn cũng không giúp được gì hơn. «Quay lại Đại sứ quán,» Lehmann nói với anh ta «và lấy số liệu thống kê từ hôm qua.»

Chúng ta sẽ dùng điều đó để làm hài lòng Nhà Trắng.»

Khi Locksley trở lại biệt thự của Lehmann với các số liệu trong tay, DCM không có tâm trạng tốt. Nhìn nhanh qua bảng thống kê, ông ngồi xuống bên điện thoại an toàn trong phòng làm việc của mình và gọi trực tiếp đến Washington.

Khi Wisner xuất hiện, Lehmann đã tấn công thẳng vào mặt anh ta. Sự lăng mạ bằng lời mà anh ta dành cho nhân viên Nhà Trắng khiến Locksley lạnh người. «Ông nghĩ ông đang làm gì vậy (cái tên đó), hỏi những câu hỏi đó với cấp dưới của tôi !» Lehmann hét lên. Sau đó, chuyển giọng, chế nhạo : «Chắc hẳn bạn đang chịu áp lực rất lớn.»

Sau một vài cuộc tranh luận nữa, Lehmann đã đưa ra các con số : 612 người

Mỹ đã rời đi bằng máy bay quân sự vào ngày hôm trước, nâng tổng số kể từ đầu tháng lên 2,237, cộng với 2,776 người Việt Nam và các công dân nước ngoài khác. Ông nhắc nhở Wisner rằng những con số đó chỉ áp dụng cho các chuyến khởi hành qua DAO và không tính đến những người Mỹ đã rời đi bằng máy bay thương mại mà Đại sứ quán không có số liệu. Thực tế là, ông ta thêm vào, Đại sứ quán không có cách nào biết được còn bao nhiêu người Mỹ nữa ở Sài Gòn.

Trước khi Wisner có thể phản ứng, Lehmann đã đưa ra một nhận xét cuối cùng, có phần cực đoan (đặc biệt là vì ông đang nói chuyện với một đại diện Nhà Trắng) : «Và giữ ngón tay của ông khỏi nút hoảng loạn !» Nói xong, anh ta cúp máy.

Nếu có bất kỳ vệ tinh gián điệp nào

của Liên Xô nghe lén cuộc trò chuyện đó, các chuyên gia giải mã chắc hẳn đã phải thức suốt nhiều ngày để tìm ra ý nghĩa bí mật đằng sau tất cả.

Khi Locksley leo lên xe và hướng về Đại sứ quán, anh cảm thấy một cơn buồn nôn rõ rệt. Nếu đây là một ví dụ về cách Sài Gòn và Washington giao tiếp về các vấn đề quan trọng, thì liệu chúng ta có an toàn không ?

*

Đại sứ Martin không ở nhà vào buổi tối. Mà không bận tâm thông báo cho nhân viên trực tiếp của mình, ông đã đến thăm Đại sứ Ba Lan tại ICCS, Ryzard Fialkowski. Hai người họ đã không gặp nhau một thời gian. Vài tuần

trước, Martin đã thành công trong việc xúc phạm và làm phật lòng Fialkowski bằng cách buộc tội chính phủ của ông ta cung cấp vũ khí cho miền Bắc Việt Nam để tiếp tục cuộc tấn công. Cuộc đối đầu đã được dàn dựng cẩn thận để đạt được hiệu quả tối đa. Sau khi mời Fialkowski vào văn phòng của mình, Martin đã ném một khẩu súng máy sản xuất tại Ba Lan xuống trước mặt anh ta. «Đó», Martin đã thốt lên, «được tìm thấy tại hiện trường một cuộc phục kích của cộng sản ở đồng bằng.» Fialkowski đã bỏ đi trong sự phản đối.

Nhưng bây giờ Martin muốn làm dịu mối quan hệ, ít nhất là đến mức kêu gọi Fialkowski tham gia vào nỗ lực tìm kiếm hòa bình vào phút chót của mình. Ông bắt đầu cuộc trò chuyện với một lời cảnh báo khá thẳng thắn. Nếu những chiếc

SA-2 đó được sử dụng chống lại các máy bay sơ tán, ông nhấn mạnh, Không quân Mỹ sẽ có một «lý do hoàn hảo» để ném bom Hà Nội. Sau đó, ông chuyển sang chủ đề đàm phán. Những gì hai người đã thảo luận về vấn đề này Martin không bao giờ tiết lộ cho tôi, nhưng vài ngày sau một bài báo trên tờ báo, dựa trên một thông tin rò rỉ từ Đại sứ quán, đã ghi nhận rằng cả người Ba Lan và người Hungary đều đã tham gia vào các sáng kiến hòa bình của Mỹ. Theo câu chuyện, một thông điệp được gửi đến Đại sứ quán trong cuối tuần đã đặt ra «các điều kiện nghiêm ngặt để cộng sản chấp nhận một chính phủ ba bên» và yêu cầu Thiệu từ chức trước thứ Tư, ngày hai mươi tư.

28. Một thỏa thuận đã qua thời

Bạn đã đóng vai trò gì, nếu có, trong việc thuyết phục Tổng thống Thiệu từ chức ?» người điều tra Quốc hội hỏi Martin một năm sau khi miền Nam Việt Nam thất thủ. «Không có,» Đại sứ trả lời. «Tôi đã cố gắng trình bày với ông ấy một cách thẳng thắn, chính xác và khách quan nhất có thể về tình hình mà chúng tôi nhận thấy.» «Ông ấy có hỏi vào bất kỳ lúc nào rằng liệu tôi có nghĩ ông ấy nên từ chức không ?»

«Có, ông ta đã làm vậy... Tôi nói với ông ta rằng đó là quyết định mà ông ta phải đưa ra, chỉ mình ông ta, xét theo mối quan tâm của ông đối với người dân Sài Gòn, đối với Việt Nam nói chung, đối với mọi thứ mà ông ta đã làm việc, và xét theo tình cảm và văn hóa Việt Nam.

Martin lái xe đến Dinh để gặp Thiệu vào sáng ngày hai mươi, ngay sau khi Mérillon đã vào phỏng vấn - cùng chủ đề, cùng mục đích. «Tôi đã nhận được từ Tùy viên Quốc phòng và Đài CIA,» Đại sứ sau đó nói với một ủy ban Quốc hội, «những thông tin mới nhất mà chúng tôi có về cả thực tế tình hình quân sự và cảm xúc của các lãnh đạo dân sự và quân sự cấp cao Việt Nam...» Kết luận là không thể tránh khỏi rằng nếu Hà Nội nhanh chóng tiến hành tấn công, sẽ rất khó để

Sài Gòn tồn tại hơn một tháng, ngay cả với sự phòng thủ khéo léo và quyết tâm nhất, và có lẽ không quá ba tuần. Tôi đã nói rằng mặc dù theo ý kiến của tôi, Hà Nội muốn Sài Gòn nguyên vẹn, không phải là một đống đổ nát, nhưng không thể tránh khỏi khả năng họ có thể chọn phương án sau, nếu không có động thái nào hướng tới đàm phán.

Tổng thống Thiệu đã hỏi về triển vọng nhận thêm viện trợ quân sự. Tôi nói rằng ngay cả khi bằng một phép màu nào đó nó được phê duyệt ngay bây giờ, nó có thể bảo tồn cơ hội cho một vị trí đàm phán tốt hơn, nhưng nó không thể đến kịp thời để thay đổi bảng cân đối mà ông vừa đọc. Hiện tại, cán cân chống lại ông ta quá lớn...

Tôi nói rằng tôi chỉ nói chuyện với ông ấy như một cá nhân, không phải

thay mặt Tổng thống hay Ngoại trưởng, hay thậm chí là Đại sứ Mỹ. Tôi nói rằng tôi chỉ nói với tư cách là người đã theo dõi các sự kiện ở Đông Nam Á trong một thời gian dài và là người đã nỗ lực hết sức trong hai năm qua để tìm hiểu mối liên hệ đan xen trong cấu trúc các vấn đề của Việt Nam. Tôi đã nói rằng càng lớn tuổi, tôi càng nhận ra rằng mình không biết hết mọi thứ, và luôn có một nghi ngờ hợp lý hiện hữu. Nhưng đó là một khoảng thời gian khó khăn, và có lẽ nhận thức của tôi cũng chính xác như bất kỳ người phương Tây nào khác.

«Một vài điều rất rõ ràng với tôi.» Tình hình quân sự rất tồi tệ, và người dân Việt Nam đã đổ lỗi cho ông về điều đó. Giới chính trị, cả những người ủng hộ ông và những kẻ thù của ông, đều không tin rằng ông có thể dẫn dắt đất

nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng hiện tại. Tôi nói rằng đó là kết luận của tôi rằng hầu hết các tướng lĩnh của ông, mặc dù họ sẽ tiếp tục chiến đấu, tin rằng việc phòng thủ là vô vọng trừ khi có thể đạt được một khoảng thời gian tạm nghỉ thông qua việc bắt đầu quá trình đàm phán. Và họ không tin rằng một quá trình như vậy có thể bắt đầu trừ khi Tổng thống rời đi hoặc có những bước đi để đảm bảo rằng quá trình đó bắt đầu ngay lập tức. Tôi nói rằng tôi cảm thấy nếu ông ấy không hành động sớm, các tướng lĩnh của ông ấy sẽ yêu cầu ông ấy ra đi.

Tổng thống Thiệu hỏi liệu việc ông rời bỏ có ảnh hưởng đến cuộc bỏ phiếu trong Quốc hội không. Tôi nói rằng điều đó có thể đã thay đổi một số phiếu bầu cách đây vài tháng, nhưng bây giờ nó không thể thay đổi đủ để ảnh hưởng đến

kết quả. Nói cách khác, nếu ông ấy nghĩ rằng sẽ từ chức nếu Quốc hội đảm bảo một mức độ [hỗ trợ] đủ cho sự sống còn của người Việt Nam miền Nam, thì đó là một thỏa thuận đã qua thời điểm của nó, nếu thực sự nó từng tồn tại... Điều quan trọng có lẽ là tác động của việc ông rời bỏ sẽ có đối với bên kia. Tôi nói rằng tôi không biết câu trả lời, nhưng dường như hầu hết người Việt Nam miền Nam bây giờ đều nghĩ rằng điều đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc đàm phán. Cá nhân tôi nghĩ rằng điều đó sẽ không tạo ra nhiều sự khác biệt. Hà Nội sẽ phản đối bất kỳ nhà lãnh đạo mạnh mẽ nào. Họ sẽ khăng khăng đòi một người yếu hơn nhiều, nếu thực sự họ quan tâm đến việc đàm phán. Nhưng các đồng nghiệp của ông cảm thấy điều đó có thể mua thêm thời gian, điều mà bây giờ là hàng hóa thiết yếu cho Việt Nam. Một số

người cảm thấy nếu có thể tránh được sự tàn phá của Sài Gòn, nếu một Việt Nam độc lập có thể tiếp tục tồn tại, người ta có thể hy vọng, mặc dù lý trí nhận ra rằng hy vọng đó rất mờ mịt, rằng mọi thứ có thể cải thiện. Cuộc trò chuyện kéo dài khoảng một tiếng rưỡi... Khi tôi rời đi, Tổng thống Thiệu nói ông sẽ làm những gì ông nghĩ là tốt nhất cho đất nước.»

Trong một bức điện ngắn gửi Kissinger, Martin suy đoán rằng Thiệu sẽ rút lui trong thời gian ngắn, có thể là hai hoặc ba ngày. Ông cũng bộc lộ sự ghê tởm của chính mình đối với những gì ông đã làm sáng hôm đó. Sau cuộc phỏng vấn, Martin nói, ông đã trở về nhà, trèo vào vòi sen và chà rửa mình bằng xà phòng mạnh. Sau đó, ông ấy đã ngủ một giấc dài.

Trong khi Martin nghỉ ngơi sau thử thách của mình, Kissinger đã thay đổi quan điểm, một phần là do cuộc điện thoại từ Đại sứ Liên Xô Dobrynin. Yêu cầu ngừng bắn, Dobrynin nói với ông, hiện đang «đang được tiến hành.» Xét thấy thực tế này, Kissinger đột nhiên nhận ra rằng việc Thiệu rời khỏi ngay lập tức có thể không phải là một ý tưởng hay. Thay vào đó, như ông đã chỉ ra với Martin trong một tin nhắn sau đó trong ngày, có thể sẽ hữu ích nếu giữ Thiệu lại thêm một thời gian nữa, để «lời hứa» về việc từ chức của ông có thể được sử dụng như một quân bài mặc cả trong các cuộc thảo luận tiếp theo với người Nga.

Khi Martin đọc qua bức điện, anh ta khó lòng kiềm chế được cơn giận dữ của mình. Kissinger dường như đang làm chính sách một cách tùy hứng, bắt

đầu rồi lại dừng lại, không có hướng đi rõ ràng.

Ngay sau khi bình minh ngày hai mươi mốt, những phòng thủ cuối cùng của chính phủ tại Xuân Lộc cuối cùng đã sụp đổ. Bốn tiểu đoàn cuối cùng còn sống sót của Sư đoàn 18 VNCH, cùng với chính chỉ huy, Tướng Đảo, đã được trực thăng cứu thoát khỏi đống đổ nát của thành phố. Khoảng 600 binh sĩ VNCH dưới quyền Đại tá Lê Xuân Hiền tình nguyện ở lại để che chắn cho cuộc rút lui. Trong vài giờ, họ đã bị tràn ngập bởi các đơn vị tiên phong của 40.000 quân BV trực tiếp tấn công họ.

Khoảng một giờ sau, Bộ trưởng Quốc phòng Trần Văn Đôn, trong những cuộc họp khẩn cấp với các nhà môi giới quyền

lực còn lại ở Sài Gòn, đã hình thành một liên minh không chính thức chống lại Thiệu. Người đồng minh quan trọng nhất của ông là Tướng Viên, người đã thừa nhận dưới sự thúc giục rằng quân đội không thể tiếp tục chiến đấu và không thể hy vọng giành chiến thắng. Vậy thì, Đôn đã đặt ra câu hỏi, lựa chọn duy nhất là cầu hòa. Điều đó có nghĩa là Thiệu phải bị loại bỏ và được thay thế bởi một người khác, tốt nhất là Minh, người có thể đàm phán với bên kia. Liệu Viên có sẵn lòng đồng ý không ? Tướng Viên đồng ý, và phần còn lại chỉ là hình thức. Với Viên đứng sau lưng, Đôn đã có thể thuyết phục các thành viên chính khác trong nội các Cẩn : chính Thủ tướng và Bộ trưởng Kinh tế Nguyễn Văn Hảo. Bốn người họ sau đó đã lập một thỏa thuận. Ngày hôm sau, họ sẽ yêu cầu Thiệu từ chức. Nếu ông ta từ chối, họ sẽ buộc ông

ta phải ra đi.

Thực ra, Thiệu đã đi trước họ vài nước cờ. Qua đêm, ông quyết định không cho những kẻ hành hạ mình được khoái cảm nhặt xác ông. Ông sẽ từ chức ngay lập tức và để họ xé xác nhau thành từng mảnh. «Vâng, thời điểm của tôi thật sự hoàn hảo,» ông nói với một người bạn ở Đài Loan vài tháng sau đó. «Tôi đã đợi cho đến khi bệnh nhân nằm trên giường bệnh.» Không ai có thể cứu anh ta. Rồi tôi rời đi. Tôi không muốn ai có thể vượt qua những gì tôi đã làm cho đất nước của mình.

Ngay trước buổi trưa ngày hai mươi mốt, Thiệu đã triệu tập cựu Thủ tướng Khiêm và Phó Tổng thống Hương đến văn phòng của ông. Ông ấy sẽ từ chức, ông ấy nói với họ. Ông sẽ thông báo vào tối hôm đó. Nhớ lại cuộc trò chuyện với

Mérillon và Martin hôm trước, ông nhấn mạnh rằng cả hai đều không khuyên ông rút lui. Tuy nhiên, vì tình hình quân sự, mà ông mô tả là «vô vọng» (Khiêm và Hương đồng ý), sự hiện diện của ông, ông nói, là vô nghĩa và chỉ cản trở giải pháp. Ông chỉ có một ước muốn : việc chuyển giao quyền lực phải được thực hiện «theo hiến pháp» để tránh hỗn loạn. Liệu ông có hy vọng ngăn chặn việc cài đặt đối thủ cũ của mình, «Minh lớn», hay không thì không rõ ; ông không đề cập đến bất kỳ người kế nhiệm tiềm năng nào, ngoại trừ người chắc chắn sẽ lên thay, chính là Phó Tổng thống.

Khi Thiệu giải thích quyết định của mình cho hai đồng chí cũ, các thiết bị nghe lén điện tử của CIA trong văn phòng của ông đã ghi lại từng lời nói. Ngay sau đó, khoảng 1 giờ chiều, Polgar

lao vào văn phòng của tôi. «Chúng ta đã có tin lớn nhất kể từ khi ngừng bắn, vượt qua tất cả mọi người,» anh ấy hét vào mặt tôi. «Không cần phải lo lắng về tình hình quân sự nữa. Bạn chỉ cần chuyển sang chính trị liên minh.»

Polgar không lãng phí thời gian trong việc chuẩn bị cho tình huống này. Ông đã thông báo cho cả người Pháp và người Hungary về sự ra đi sắp tới của Thiệu, và sau đó, vào khoảng giữa buổi chiều, đã gửi Tướng Timmes đến gặp Minh. Timmes đã nói thẳng : Minh có sẵn sàng tiếp quản và đàm phán hòa bình ngay khi có cách để loại bỏ Hương không ? Minh gật đầu, bày tỏ sự tự tin rằng anh có thể làm dịu bên kia, nói rằng anh muốn cử một đại diện đến Paris để bắt đầu thảo luận ngay lập tức. Timmes thò tay vào cặp tài liệu và rút ra một nắm

tiền đô la xanh mướt : một ngàn đô la, để trang trải chi phí đi lại. (Minh sẽ không bao giờ sử dụng số tiền đó, cũng như không trả lại.)*

*[Martin không bao giờ được thông báo về sự tiếp cận này với Minh. Khi tôi nói với anh ấy về điều đó sau khi Sài Gòn sụp đổ, anh ấy đã phản ứng với một sự thể hiện nhất định của sự thiên vị, tuyên bố rằng Polgar đã can thiệp vào những việc mà ông ấy không nên làm. Thật vậy, ông ta khẳng định rằng việc CIA cho Minh tiền đã phá hủy uy tín của ông với những người cộng sản và do đó làm tổn hại đến khả năng đạt được một thỏa thuận hòa bình. Như Tướng Dũng đã chỉ ra trong hồi ký của ông, các nhà lãnh đạo cộng sản đã nhận ra vào một thời điểm nào đó rằng tiền bạc là một yếu tố trong nỗ lực giành quyền lực vào phút chót của Minh

: «Và, như chúng ta đã biết,» ông viết, «các con rối chính trị của những con rối Mỹ... sẽ gợi ý điều này hay điều khác, sử dụng đồng đô la của họ để hối lộ hoặc đề nghị đóng vai trò trung gian...»]

Trong khi đó, một sĩ quan khác của Đài đã hội ý với một trong những trợ lý của Minh về chiến thuật. Có thể sẽ hữu ích, người đàn ông CIA nói, nếu Minh chấp nhận chức Thủ tướng từ Hương. Điều đó có thể làm giảm bớt sự chuyển tiếp. Người trợ lý lắc đầu. Không, ông ta nói, Minh sẽ không bao giờ gia nhập chính phủ Hương. Anh ấy phải nắm quyền theo cách của riêng mình. Những nhận xét của ông đã đưa ra một dấu hiệu đầu tiên đáng lo ngại rằng sự thay đổi chính phủ có thể không diễn ra theo kế hoạch của Đại sứ quán.

Bài phát biểu toàn quốc của Thiệu

bắt đầu lúc 7:30 tối, giờ Sài Gòn, kéo dài khoảng hai giờ, và cuối cùng đã gây ra sự xáo trộn đáng kể và nhiều cái ngáp không thể kiềm chế trong số hơn 200 quan chức cấp cao của Việt Nam Cộng Hòa có mặt tại Dinh Độc Lập. Như có thể đã được mong đợi, đó là một lời kêu gọi cho sự minh oan của lịch sử. Ông đã kháng cự việc ký hiệp định Paris, Thiệu tuyên bố, vì không có điều khoản nào về việc rút quân đội miền Bắc Việt Nam khỏi miền Nam. Ông đã nhượng bộ chỉ khi Hoa Kỳ đe dọa cắt đứt mọi viện trợ và chỉ sau khi Tổng thống Nixon hứa sẽ sử dụng lực lượng quân sự để ngăn chặn bất kỳ cuộc tấn công nào của cộng sản. Nhưng những khó khăn trong nước, bao gồm cả vụ Watergate, đã phá hủy quyết tâm của Mỹ, ông nói. Và Bắc Việt đã phản ứng bằng cách tăng cường lực lượng của họ ở miền Nam và chiếm đất đai. Nam

Việt Nam, theo quan điểm của ông, bây giờ giống như một chủ đồn điền đang chịu sự thao túng của một tên trộm, kẻ ngày nào cũng lấy trộm trái cây.

Viện trợ của Mỹ luôn rất quan trọng, Thiệu tiếp tục. Nó đã làm mất cân bằng chống lại Bắc Việt vào năm 1968 và 1972 và đã giúp ngăn chặn họ ngay sau khi ngừng bắn, và khi những cắt giảm sâu đầu tiên được thực hiện trong phân bổ viện trợ vào đầu năm 74, quá trình Việt hóa vẫn còn một chặng đường dài phía trước.

Sau một tiếng rưỡi thuyết giáo như vậy, Thiệu chuyển sang tin tức thực sự duy nhất của mình, trong nước mắt ông thông báo quyết định từ chức và trao lại chính quyền cho Phó Tổng thống Hương. Bây giờ, khi một nửa đất nước đã mất,

ông nói, ông sẵn sàng hy sinh bản thân mình vì nhân dân.

Sau bài phát biểu, Tướng Viên đã xuất hiện trên đài phát thanh quốc gia để thông báo rằng quân đội của ông sẽ tiếp tục chiến đấu để «bảo vệ tổ quốc chống lại kẻ xâm lược nước ngoài.» Tại buổi lễ nhậm chức của mình, Tổng thống mới, Trần Văn Hương, bảy mươi mốt tuổi, bị viêm khớp, gần như mù, đã cam kết sẽ kiên định cho đến khi «quân đội chết hoặc đất nước bị mất.»

Các nhà thông thái tại Đại sứ quán Mỹ đã không bận tâm đến những nhận xét cứng rắn này. «Chỉ là trò hề cho Kỳ và cánh hữu để ngăn họ can thiệp,» họ khăng khăng. «Thực ra, Hương muốn thương lượng.» Và như để chứng minh cho điều đó, chính phủ mới đã kêu gọi

ngay lập tức ngừng bắn và thành lập một «Hội đồng Quốc gia» ba bên với sự tham gia của cộng sản.

Nhưng đối với một số người trong chúng ta, những lời lẽ khoa trương đó có vẻ đáng lo ngại : Để làm hài lòng Kỳ và các yếu tố cánh hữu, chính phủ mới dường như đã bắt đầu xác định một vị trí chỉ có thể làm phật lòng các nhà cộng sản.

Thiệu từ chức, Sài Gòn vẫn yên bình», tôi đã viết trong sổ tay của mình vào buổi tối ngày 21. «Một lệnh giới nghiêm mới, từ 8 giờ tối đến 6 giờ sáng, được áp dụng để ngăn chặn các cuộc biểu tình, mặc dù tôi nghi ngờ rằng người dân thực sự quá đau buồn đến nỗi không muốn nhảy múa trên đường phố.

Một số đồng nghiệp vui mừng trước tin tức. Tôi thì không. Chỉ cảm thấy buồn, không phải vì sự ra đi của Thiệu là điều không thể tránh khỏi mà chính cảnh tượng đó. Chúng tôi đều biết rằng bằng cách nào đó điều đó là sai, sự ghép nối của chúng tôi chưa bao giờ thành công. Nhưng bạn luôn hy vọng rằng nó sẽ không bao giờ đến mức này, hoặc ít nhất là bạn sẽ không ở đây để chứng kiến nó.

Khi tin tức về việc Thiệu từ chức lan truyền khắp Washington, Kissinger đã gửi cho Martin một thông điệp buồn. Bày tỏ sự «tôn trọng» liên tục của mình đối với nhà lãnh đạo Nam Việt Nam, ông đề nghị hỗ trợ ông rời khỏi đất nước, và nhấn mạnh rằng Chính quyền không tham gia vào bất kỳ cuộc điều động nào của Pháp nhằm lật đổ ông. Và cho đến

bây giờ, ông nói thêm, vẫn chưa có phản hồi nào từ phía Liên Xô.

Trong cộng đồng chính trị của Sài Gòn, phản ứng đối với sự ra đi của Thiệu đa dạng như chính những động cơ đã dẫn đến điều đó. Một số nhân vật chủ chốt đã hoan nghênh những lời chỉ trích của cựu Tổng thống đối với người Mỹ. Những người khác, nhiều sĩ quan quân đội trẻ tuổi, đơn giản là cảm thấy xấu hổ về chúng, cảm thấy rằng Thiệu nên tự nhận trách nhiệm nhiều hơn. Không ai có vẻ hài lòng với Hương. «Quá già, lạc hậu» là sự đồng thuận, nhưng không có sự đồng ý về những gì nên làm tiếp theo. Và khi những người ủng hộ lệnh ngừng bắn suy đoán về các khả năng, họ đã làm điều đó với những từ ngữ khá tự tin, như thể họ mong đợi có thể tiếp cận người cộng sản như những người bình đẳng.

Sự đầu hàng nhục nhã vẫn còn xa lạ với họ.

Ông «Minh lớn» cũng có tội như những người khác. Trong các cuộc trò chuyện với các cộng sự vào thứ Ba, ngày hai mươi hai, ông đã nói với hy vọng về việc «đạt được thỏa thuận» với bên kia, và ở Paris, một phát ngôn viên của ông đã công khai kêu gọi ngừng bắn, nối lại các cuộc đàm phán hòa bình Paris, và thành lập một chính phủ «đại diện» thực sự. Theo cách tương tự, cựu Thủ tướng Khiêm đã nói với một người bạn CIA rằng ông muốn thành lập một nội các mới - ông và Tướng Viên là những người chủ chốt, Minh là Tổng thống bù nhìn - để ngăn chặn cuộc tấn công của cộng sản và có thêm thời gian để xây dựng tinh thần của quân đội.

Liệu có ai trong số họ thực sự tin rằng những lựa chọn như vậy là thực tế hay không chỉ có thể được đoán mò. Giả vờ luôn là một thành phần chính trong chính trị Sài Gòn, và theo như những người ôn hòa hiện nay quan tâm, sự dũng cảm chính là chìa khóa sống còn, của họ và của Cộng hòa, vì đó là cách duy nhất họ có thể hy vọng giữ cho Kỳ và những tay chân của ông ta được bình tĩnh khi chiến lược hòa bình được theo đuổi.

Martin và Polgar, tất nhiên, đều rất nhận thức rõ về những nguy hiểm mà Kỳ gây ra và cũng quyết tâm không để chúng xảy ra. Chiều thứ Ba, Polgar đã cử Timmes đến nói chuyện với Tướng Không quân và thăm dò quan điểm của ông ta. Cuộc gặp gỡ hóa ra lại càng làm tình hình tồi tệ hơn. Như sau này Kỳ thừa nhận, ông nghĩ rằng người của CIA

đã đến để chọn ông làm người kế nhiệm của Hương, nhưng khi Timmes vô tình hỏi ông về khả năng đảo chính «chống lại ‘’Minh lớn», ông nhận ra rằng Minh, chứ không phải ông, mới là ứng cử viên của Mỹ. Than phiền cay đắng với Timmes về sự «không phù hợp» của Minh, ông ta quyết định tự tạo ra một chỗ đứng mới cho bản thân. Lời nói lỡ của Timmes đã khiến những người ôn hòa mất đi chút ít khả năng linh hoạt mà họ còn lại. Phía cánh hữu giờ đây đã trong trạng thái cảnh giác cao độ.

Trong khi đó, người Pháp tiếp tục can thiệp. Pierre Brochand, trưởng phòng tình báo của Mérillon, giờ đây dành mọi phút thức dậy bên Minh, huấn luyện và khuyến khích anh ta, và ngăn chặn mọi đối thủ tiềm năng. Vào sáng ngày hai mươi hai, khi ông biết rằng Trần

Văn Đôn có một số kế hoạch mơ hồ về chức tổng thống, ông lập tức liên lạc với vị tướng Việt Nam và cảnh báo ông rằng chỉ có Minh mới được chấp nhận bởi Cộng sản.

Cuối ngày, Don đã ghé thăm Đại sứ quán Mỹ để chuyển cùng một thông điệp cho Martin. Chuyến thăm thực ra đã được người Pháp truyền cảm hứng cho một mục đích đặc biệt. Martin, vẫn quyết tâm bảo tồn một bề ngoài hiến pháp ở Sài Gòn, dường như vẫn chưa hiểu được sự cấp bách của việc đưa Minh lên hàng đầu ngay lập tức. Thay vào đó, ông muốn giữ Hương ở lại một thời gian, hoặc nếu không được, thay thế ông ta bằng Chủ tịch Thượng viện Trần Văn Lắm, người theo luật là người kế vị tiếp theo cho chức vụ tổng thống. Người Pháp coi việc tuân thủ hình thức pháp lý như vậy là tự

sát và quyết tâm truyền đạt điều này đến Đại sứ.

Phản ứng ban đầu của cộng sản đối với sự thay đổi người lãnh đạo tại Dinh ĐL rõ ràng và ít mơ hồ hơn so với phản ứng của công chúng. Một phát ngôn viên của Mặt trận Giải phóng miền Nam tại Tân Sơn Nhất ngay lập tức thông báo với các phóng viên rằng sự ra đi của Thiệu không thay đổi gì cả, và từ chối lời kêu gọi ngừng bắn của Hương. Đài phát thanh Hà Nội lên án Hương là «phản động và phản bội» và yêu cầu Hoa Kỳ «từ bỏ bè lũ Nguyễn Văn Thiệu, không chỉ riêng cá nhân Nguyễn Văn Thiệu» và «chấm dứt can thiệp vào Việt Nam, bao gồm cả viện trợ quân sự». Đây là những tối hậu thư («cách duy nhất để thoát khỏi» cho Hoa Kỳ, theo Đài phát thanh Hà Nội), khó

có thể coi là những điểm thương lượng, và dường như không có nghi ngờ gì về mối đe dọa đứng sau chúng. "Nếu Hoa Kỳ không thực sự đáp ứng các yêu cầu hợp pháp và cố gắng thực hiện các thủ đoạn để lừa dối dư luận," Đài Phát thanh Giải phóng tuyên bố, "không có gì có thể được giải quyết và họ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn." Nói cách khác, hãy đầu hàng ngay bây giờ, nếu không thì...

Các bình luận của Hà Nội dường như cũng không mang lại nhiều hy vọng cho một cuộc di tản có trật tự. Không có gợi ý nào rằng việc Thiệu rời khỏi có thể mua thêm thời gian cho việc rút quân, và chỉ vài giờ sau bài phát biểu của Thiệu, Đài Phát thanh Giải phóng đã rõ ràng siết chặt thời hạn rút lui của tất cả các "cố vấn" Mỹ - xuống còn "hai hoặc ba ngày hoặc thậm chí hai mươi bốn giờ."

Tuy nhiên, bất chấp tất cả những điều này, Martin, Polgar và Kissinger ở Washington vẫn tiếp tục tin rằng còn có không gian để điều chỉnh. Ngày hôm sau sau khi Thiệu từ chức, Polgar một lần nữa thử thách hy vọng của mình vào người Hungary. Bây giờ Thieu đã ra đi, ông hỏi Đại tá Toth, chúng ta có thể mong đợi điều gì ? Toth thì mơ hồ một cách đau đớn. Ông ấy nói rằng PRG hiện đang quan tâm đến một tuyên bố "không can thiệp" từ Mỹ. Nhưng điều đó có nghĩa là gì ? Polgar hỏi. Toth, thực tế, đã không đưa ra câu trả lời. Như Polgar sau này đã lưu ý, người Hungary đã nói đơn giản, "Nếu bạn chơi gin rummy [Gin Rummy, hay đơn giản là Gin, là một biến thể trò chơi bài hai người chơi của Rummy. Nó đã được ưa chuộng rộng rãi như một trò chơi xã hội và cờ bạc, đặc biệt là vào giữa thế kỷ XX, và cho đến ngày nay vẫn là

một trong những trò chơi bài hai người chơi được chơi rộng rãi nhất.], bạn biết rằng khi bạn đặt xuống một lá bài, đối thủ của bạn sẽ nhặt nó lên để quyết định giữ lại hay bỏ đi." Chúng tôi đã nhặt thẻ bài của bạn." Chỉ vậy thôi.

Phép so sánh với trò chơi gin rummy sau đó xuất hiện trong một bài viết của Malcolm Browne trên tờ New York Times, một câu chuyện liên quan đến "tín hiệu" mà một số "trung gian" nhận được từ phía cộng sản. Polgar lại rò rỉ thông tin cho Browne với một mục đích : để khiến Washington cảm thấy rằng ông đã nắm bắt được điều gì đó thực sự quan trọng. Tuy nhiên, tất cả những gì anh ta làm được chỉ là nuôi dưỡng ấn tượng nguy hiểm ở Washington rằng có nhiều điều hơn nữa trong chiến lược đàm phán hơn thực tế. Các bài viết của Browne trở

thành "xác nhận sai lầm" cho những gì chính Martin đang nói với Nhà Trắng qua các kênh liên lạc bí mật của mình.

Người Hungary không phải là nguồn duy nhất của sự lạc quan bền bỉ của Polgar. Một số người bạn Việt Nam của ông cũng đã góp phần vào điều đó. Vào chiều thứ Ba, Tướng Binh của Cảnh sát Quốc gia đã vui vẻ khẳng định với Polgar rằng khoảng thời gian kể từ khi Thiệu từ chức là yên tĩnh nhất kể từ khi ngừng bắn. Ông nói rằng các nhà lãnh đạo Cộng sản chắc hẳn đã chấp nhận sự thay đổi chính phủ như một "tín hiệu." Polgar, rõ ràng là đồng ý, đã lặp lại kết luận này với Malcolm Browne. Báo The New York Times đã đăng một câu chuyện vào ngày hôm sau cáo buộc rằng có sự cắt giảm trong cuộc chiến.

Lời tuyên bố đó thật vô lý. Trong ba

ngày trước và sau khi Thiệu từ chức, các lực lượng cộng sản đã đạt được những thắng lợi ngoạn mục. Phan Thiết, thị trấn cuối cùng ở QK 2, đã bị mất. Hàm Tân, một thị trấn huyện cách đó hai mươi chín dặm về phía nam, nơi các quân nhân chính phủ đang cố gắng tập hợp lại, đã bị tấn công dữ dội. Xuân Lộc cuối cùng đã bị bỏ hoang, và lực lượng cộng sản hiện đang tiến qua đó, dọc theo các xa lộ dẫn về phía đông tới Biên Hòa và về phía nam tới Vũng Tàu. Để đẩy lùi năm sư đoàn BV hiện đang hoạt động trong khu vực, quân đội Việt Nam Cộng Hòa chỉ còn lại những tàn quân đáng thương của Sư đoàn 18 VNCH và hai lữ đoàn thủy quân lục chiến ở vị trí chặn phía đông Biên Hòa, cùng với một lữ đoàn nhảy dù và hai trung đoàn bộ binh bị tổn thất nặng đang chuẩn bị giữa Xuân Lộc và Vũng Tàu. Biên Hòa vẫn đang bị pháo

kích nặng nề, và chỉ vài giờ sau khi Thiệu từ chức, Tướng Toàn, tư lệnh Quân đoàn 3, đã bắt đầu chuyển sở chỉ huy của mình từ đó về Sài Gòn.

Nếu đây chỉ là một khoảng lặng, một thời gian tạm nghỉ khỏi cuộc chiến, thì một cuộc tấn công quy mô lớn đã có thể quét sạch chúng ta khỏi bản đồ.

Tôi đã viết hai bản ghi nhớ cho Polgar vào chiều thứ Ba, trình bày quan điểm của mình về vấn đề này. Đầu tiên, tôi lập luận rằng không có sự lắng xuống nào cả ; cộng sản đang loại bỏ một cách có hệ thống các mục tiêu còn lại của họ. Thứ hai, tôi nhấn mạnh sự cứng nhắc liên tục của đường lối chính trị của họ, đặc biệt là sự thiếu vắng bất kỳ đảm bảo nào về sự tương hỗ nếu chúng ta đáp ứng yêu cầu của họ. Polgar từ chối chuyển bất kỳ bản ghi chú nào đến Washington hoặc

Martin. Ngay cả Howard Archer, hiện là cấp trên danh nghĩa của tôi với tư cách là trưởng bộ phận phân tích, cũng ngạc nhiên về điều này, mặc dù không đủ để cố gắng thay đổi ý kiến của Polgar. Cuối cùng, theo chỉ đạo của Polgar, anh ta đã viết một bức điện ngắn gọn và nhạt nhẽo gửi đến trụ sở CIA, lướt qua tất cả các điểm mà tôi đã nêu ra.

Vì vậy, lần thứ hai trong một tuần, Polgar đã cố gắng dập tắt thông tin không phù hợp với quan điểm của chính mình. Nhưng lần này, hậu quả nghiêm trọng hơn nhiều so với khi ông ta cố gắng chặn báo cáo của tôi vào ngày mười bảy. Văn phòng của tôi bây giờ là trung tâm thực sự duy nhất trong Đại sứ quán cho tình báo và phân tích về tình hình quân sự. Văn phòng Tùy viên Quốc phòng gần như đã ngừng thực hiện chức năng này,

do tập trung vào vấn đề sơ tán. Nếu tôi và các đồng nghiệp của tôi không cung cấp thông tin kịp thời cho Washington, khả năng là thông tin đó sẽ không đến được nơi cần thiết.

Chính Kissinger dường như nhận ra rằng có điều gì đó đang thiếu trong bức tranh tình báo, và đã yêu cầu Martin bằng điện báo vào thứ Ba để bình luận về gợi ý của "một số nguồn" rằng sẽ không có thỏa thuận đàm phán nào. Martin trả lời rằng "chúng tôi có nhiều nguồn tin nói như vậy" và nhấn mạnh rằng CIA đã thay đổi ước tính của mình quá thường xuyên trước đây, nên khó có thể coi là đáng tin cậy.

Vào đúng buổi tối Thiệu đọc diễn văn từ biệt, Tướng Văn Tiến Dũng, Lê

Đức Thọ và Phạm Hùng đang xem xét lại bản thiết kế cuối cùng cho chiến dịch Hồ Chí Minh tại sở chỉ huy Lộc Ninh của họ. Về mặt khái niệm, "kế hoạch thống nhất" tấn công, do phó tướng của Dũng, Tướng Lê Ngọc Hiển, vạch ra, có phần giống với việc bóc vỏ hành tây: Trước tiên, quân đội Bắc Việt sẽ phá hủy các tuyến phòng thủ bên ngoài của Sài Gòn, tiêu diệt các đơn vị chính phủ ở ngoại ô; sau đó, họ sẽ xâm nhập vào chính thành phố bằng các đơn vị cơ giới, tập trung vào năm mục tiêu, tất cả đều mang tính chất quân sự - Dinh Tổng thống, sở chỉ huy Bộ Tổng tham mưu ngay bên ngoài Tân Sơn Nhất, sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Quân sự Thành phố Sài Gòn, Tổng cục Cảnh sát và sân bay Tân Sơn Nhất. Có hai ngày dự kiến là ngày bàn đạp : ngày 27 tháng 4 cho các cuộc tấn công vào các vành đai của thành phố; ngày 29 tháng 4

cho đợt tấn công cuối cùng. Đến thứ Ba, ngày hai mươi hai, Dũng làm rõ trong hồi ký của mình, những ngày này đã được quyết định.

Chiến dịch này có một điểm tập trung duy nhất : Sài Gòn. Mục tiêu chính của lực lượng cộng sản ở Tây Ninh về phía tây bắc và ở đồng bằng phía nam chỉ đơn giản là để giữ chân các đơn vị VNCH và ngăn họ tái triển khai để giúp bảo vệ thủ đô.

Theo lời Dũng, một khía cạnh của "kế hoạch thống nhất" yêu cầu "nỗ lực lớn" - việc bố trí "tên lửa phòng không" (đọc : SA-2) xung quanh Sài Gòn. Công việc chuẩn bị cho các cuộc tấn công bằng pháo vào Tân Sơn Nhất cũng khó khăn và tốn thời gian không kém, như đã được nguồn tin của tôi dự đoán vào ngày mười bảy. Điều kiện tiên quyết là

chiếm được Nhơn Trạch, một vùng đất ngập nước ở rìa đông nam Sài Gòn, vì chính nơi đây sẽ được đặt các bệ phóng tên lửa và các khẩu pháo 130-mm. Vào chiều thứ Ba, Tướng Lê Trọng Tấn, chỉ huy mặt trận phía đông, đã đến sở chỉ huy của mình ngay phía bắc Biên Hòa để phối hợp hoạt động. Dung đã gửi cho ông một tin nhắn khẩn cấp vào một thời điểm nào đó trong ngày : «Nhơn Trạch phải được chiếm đóng vào ngày 27 hoặc 28 tháng Tư muộn nhất.»

Mặc dù Bắc Việt không muốn có chiến tranh với những người Mỹ còn lại ở Sài Gòn, để tránh Washington trả đũa quân sự, nhưng kế hoạch của họ đã bao gồm việc loại bỏ một số người trong chúng tôi, chỉ để khuyến khích những người còn lại rời đi. Ngay sau bài phát biểu của Thiệu, cảnh sát Nam Việt Nam,

dựa trên thông tin từ một người cung cấp tin, đã cảnh báo một sĩ quan cấp cao của CIA rằng các đặc công BV sẽ tấn công nhà ông ta ở trung tâm thành phố vào đêm đó. Kiệt sức vì công việc trong ngày, người đàn ông CIA đã dành vài giờ tiếp theo để nạp đạn M-16 bằng tay và chặn cửa. Khoảng nửa đêm, cảnh sát lại liên lạc với anh ta: những kẻ tấn công đã bị bắt giữ tại ranh giới thành phố. Anh ta đã an toàn - tạm thời.

Để phán đoán từ hồi ký của Dũng, ông và các chỉ huy chiến trường của ông đều nhận thức rõ về tất cả các cuộc thao túng chính trị và ngoại giao xung quanh việc Tướng Thiệu từ chức. Các chi tiết đã được trình bày rõ ràng cho họ trong một thông điệp nhanh từ Nguyễn Duy Trinh, Bộ trưởng Ngoại giao Hà Nội. Trinh

không để lại nghi ngờ nào về thái độ của mình đối với các mưu đồ hòa bình của Mỹ và Pháp, mô tả chúng đơn giản là "mưu kế xảo quyệt," một biệt danh xuất hiện gần như đồng thời trong các bài viết của báo chí cộng sản. Dũng rõ ràng cũng không ấn tượng gì. Như ông ta kể lại, những tiết lộ của Trinh chỉ làm ông ta càng thêm vững tin vào niềm tin rằng "chiến thắng hoàn toàn" phải được giành lấy càng sớm càng tốt. Một thông điệp khác, từ chính Lê Duẩn, chắc chắn đã củng cố thêm cảm giác khẩn trương của ông. Điều kiện quân sự và chính trị đã chín muồi cho một "cuộc tổng tấn công," Duẩn đã nói với ông ta. "Hành động kịp thời là bảo đảm vững chắc nhất cho chiến thắng."

Sự khinh miệt của Dũng đối với trò hề ngoại giao khá rõ ràng từ những trang

nhật ký hậu chiến của ông (mặc dù có thể đoán trước là không đề cập đến vai trò của Liên Xô hay Hungary). “Thật là một lũ người ngu ngốc và thiếu hiểu biết !” ông viết về những người ở Sài Gòn đã thay đổi chính phủ chỉ để “ngăn chặn bước tiến của quân đội chúng ta và tránh thất bại hoàn toàn”.

Đặc biệt ca ngợi Polgar : «Bè lũ CIA của Mỹ ở Sài Gòn lén lút như một con rắn độc để do thám và thực hiện nhiều âm mưu xảo quyệt,» Dũng tuyên bố. «Nó đã lan truyền một báo cáo rằng Hương sẽ là Tổng thống lâm thời và rằng Hoa Kỳ đã sẵn sàng đạt được thỏa thuận và đang chờ đợi một phản hồi [chính xác là thông điệp mà Polgar đã chuyển đến người Hungary].” Đồng cũng có những lời chế nhạo dành cho Tướng François Vanuxem, một sĩ quan quân đội Pháp

cũ đã biết Thiệu từ những năm đầu thập niên 50 và đã đến Sài Gòn vài tuần trước để "cố vấn" ông trong giờ phút cuối cùng. Mặc dù Thiệu đã từ chức, Vanuxem vẫn ở lại để thúc giục một chiến lược phản công vào chỉ huy miền Nam Việt Nam, điều mà Dũng mô tả là "những điều tầm thường."

Không có điều gì trong số này có thể được hiểu là Bắc Việt quyết tâm gây đổ máu. Chắc chắn họ sẽ chấp nhận đầu hàng vô điều kiện nếu điều đó được đề nghị với họ một cách rõ ràng và "nhanh chóng." Thực tế, có những gợi ý trong hồi ký của Dũng rằng ông và các chỉ huy chiến trường của ông không hề bỏ qua khả năng này. Có một lúc ông phàn nàn rằng "giải pháp Minh" đến quá muộn. Nếu nó đến sớm hơn, người Bắc Việt có

chấp nhận không ? Dũng không cung cấp manh mối nào.

Trong bất kỳ trường hợp nào, ngay sau khi Thiệu từ chức, sự kiên nhẫn của ông và Hà Nội đã cạn kiệt. Vào một thời điểm nào đó vào ngày hai mươi hai, Dũng và Phạm Hùng đã ký "nghị quyết tấn công" thực sự, và bộ chỉ huy cũng được chia thành hai phần. Đức và phó tư lệnh của ông, Trần Văn Trà, sẽ đến một sở chỉ huy tiền phương tại Bến Cát ở tỉnh Bình Dương, đông bắc Sài Gòn, trong khi những người già dạn dày, Lê Đức Thọ và Phạm Hùng, sẽ ở lại Lộc Ninh trong thời gian này để phối hợp "các hoạt động chính trị, ngoại giao và quân sự," và có thể để theo dõi việc đầu hàng vô điều kiện sẽ làm cho cuộc tấn công cuối cùng trở nên không cần thiết.

30. Người gọi bí mật

Chủ nhật, ngày hai mươi, một ngày trước khi Tổng thống Thiệu từ chức, cuộc tấn công lớn bắt đầu. Việc Martin có thảo luận về việc tăng cường không vận với Thiệu trong cuộc trò chuyện của họ tại Dinh TT sáng hôm đó hay không không được ghi chép lại. Dù sao đi nữa, điều đó cũng không cần thiết. Bạn có thể nghe thấy tiếng gầm rú của động cơ phản lực khi chiếc C-1418 lăn bánh khỏi đường băng ở Tân Sơn Nhất cách đó năm dặm.

Văn bản ân xá mới và bản tuyên thệ ủng hộ của Smith chịu một phần trách nhiệm cho bước tiến này. DAO và một số viên chức Đại sứ quán làm việc quá sức đã làm phần còn lại. Ken Moorefield, Lacy Wright và đội ngũ nhân viên của Tướng Smith giờ đây đang nhồi nhét người lên máy bay nhanh nhất có thể với sự sáng tạo của họ.

Kể từ chuyến vận chuyển trẻ em thảm khốc đầu tiên vào ngày 4 tháng 4, từ hai đến bốn máy bay vận tải quân sự đã liên tục di chuyển giữa Sài Gòn và căn cứ không quân Clark mỗi ngày. Bây giờ, đột nhiên, các Tham mưu trưởng Liên quân ở Washington đã tràn ngập Tân Sơn Nhất với nhiều máy bay C-1418 hơn mức mà các kiểm soát viên bay của DAO có thể xử lý hiệu quả. Đại tá McCurdy, Tùy viên Không quân, đã yêu cầu JCS

giảm bớt tốc độ và để nhân viên của ông xác định nhịp độ. Lầu Năm Góc đồng ý một cách thô lỗ.

Trong buổi sáng, khi đám đông bên ngoài rạp chiếu phim DAO trở thành một đám đông cuồng loạn, Smith đã ra lệnh chuyển toàn bộ quy trình sang bên cạnh, đến khu phụ của DAO, để giảm thiểu rủi ro xâm nhập hoặc phá hoại tòa nhà trụ sở chính. Moorefield và các quan chức lãnh sự Việt Nam ngay lập tức bắt đầu chuyển đổi công việc, đóng cửa hoạt động tại rạp chiếu phim, thiết lập lại tại các lều Quonset [Lều Quonset /ˈkwɒnsɪt/ là một cấu trúc đúc sẵn của thép mạ kẽm vân sóng trọng lượng nhẹ có mặt cắt ngang hình bán nguyệt. Thiết kế này được phát triển ở Hoa Kỳ, dựa trên lều Nissen được người Anh giới thiệu trong Thế chiến thứ nhất.] và nhà

thể dục cách đó nửa dặm. Khu phức hợp gồm những tòa nhà bằng gỗ mỏng manh và khung thiếc dùng làm trụ sở mới của họ đã từng là nơi trú ngụ xa nhà cho quân đội Hoa Kỳ, và nhiều người Việt Nam hiện đang chen chúc nhau qua các cánh cổng vẫn còn nhớ biệt danh cũ của nơi này: "Thành phố Dodge".

Ngay sau khi ca làm việc được công bố, nhân viên DAO, cô Sally Vinyard và một nhóm tình nguyện viên đã dọn dẹp nơi này bằng cây lau nhà và chổi. Nhà ăn và căng-tin được trang bị lò nướng điện và bình gaz mới ; đường chơi bowling chất đầy đồ ăn đóng hộp ; và hai bếp dã chiến được đưa vào bãi đậu xe trước PX để hỗ trợ phục vụ đồ ăn, bao gồm các món ngon không phải của Việt Nam như đậu và xúc xích, bánh sandwich phô mai và nhiều loại súp không xác định

được. Smith cũng ra lệnh đóng cửa quầy bia và rượu, và yêu cầu thêm mười lính thủy đánh bộ từ Đại sứ quán để giúp duy trì trật tự và kỷ luật trong số những đám đông đang phát triển nhanh chóng.

Phòng nhân sự của DAO chịu trách nhiệm chuẩn bị danh sách hành khách và một sĩ quan Không quân cùng một sĩ quan Hải quân chia sẻ nhiệm vụ nặng nề kiểm tra hành lý để tìm vũ khí hoặc ma túy. Theo các quy trình hoạt động đang phát triển, những người sơ tán đầu tiên được Moorefield kiểm tra tại cửa chính của nhà thi đấu. Người Việt Nam không có thị thực xuất cảnh hoặc giấy "laissez-passer" đã được gửi đến bàn lãnh sự của chính phủ nằm khuất ở một góc của tòa nhà, trong khi những người còn lại bị đẩy vào hàng dài hành khách chờ đợi kiểm tra danh sách hành lý ngay dưới

các rổ bóng rổ. Sau đó, chỉ cần đi bộ một đoạn ngắn (hoặc đi xe buýt, nếu bạn may mắn) đến khu vực tập trung gần hồ bơi DAO, nơi các thành viên ICCS Hungary và Ba Lan từng vui chơi dưới ánh nắng mặt trời nhờ vào sự đóng thuế của người dân Mỹ. Từ đó, xe buýt và xe tải chở hành khách đến đường băng bên kia đường cao tốc bên trong căn cứ không quân Tân Sơn Nhất.

Vào khoảng giữa trưa ngày hai mươi, năm sĩ quan cao cấp của Thủy quân lục chiến đã bay trực thăng đến Tân Sơn Nhất từ đội tàu sơ tán để giúp Smith sắp xếp lại mọi thứ và cố gắng tăng cường hợp tác giữa DAO và Đại sứ quán. Công việc cuối cùng đó đã chứng tỏ là khó khăn hơn nhiều. “Vấn đề chính,” họ kết luận trong báo cáo sau hành động của

mình, "là phối hợp với Đại sứ quán trong việc xác định số lượng người Mỹ và Việt Nam cần được sơ tán." Số lượng người Mỹ ước tính dao động rất lớn (từ 1.500 đến 5.000) và số liệu về người Việt Nam thì luôn không chính xác. Báo cáo không cố gắng đổ lỗi, nhưng vì Jacobson về mặt kỹ thuật là người phụ trách lập kế hoạch Nhiệm vụ, nên không có nghi ngờ gì về việc nó thuộc về ai.

Cùng buổi chiều hôm đó, Đại tá Legro đã gọi cho Shep Lowman, viên chức Bộ Ngoại giao người sẽ biên soạn danh sách các công dân Việt Nam tiềm năng để sơ tán, và hỏi ông ta một số tên. Nhưng Lowman chỉ có những lời bào chữa. Có quá nhiều tên đã được gửi cho ông ta, ông ta giải thích, không có thời gian để tổng hợp chúng.

Legro, thiếu kiên nhẫn và nản lòng,

không thèm tranh cãi với anh ta. Ông quyết định đơn giản là tự mình giải quyết vấn đề. Trong vài giờ tiếp theo, ông và các trợ lý hàng đầu của mình đã phân chia chỗ ngồi trên các chuyến bay khởi hành giữa các cơ quan khác nhau của Đại sứ quán. Hy vọng rằng, với những hạn ngạch như vậy trong tay, các quan chức ở trung tâm thành phố sẽ được thúc đẩy hành động.

Việc mở rộng không vận thường lệ không làm giảm nhu cầu hoặc yêu cầu về các chuyến bay "đen". Từ ngày 20 trở đi, một hoặc hai chuyến bay được thực hiện mỗi ngày, mặc dù hầu hết những người được hưởng lợi từ chúng không phải là người Việt Nam "nhạy cảm về mặt chính trị" mà là bạn bè và người thân của các sĩ quan DAO chỉ đơn giản là nóng lòng muốn rời khỏi đất nước.

Ngay từ đầu, một trong những khía cạnh khó khăn nhất của hoạt động vận chuyển hàng không "đen" chính là bước đầu tiên cơ bản, đó là đưa những người không có giấy tờ qua các trạm kiểm soát của cảnh sát tại Tân Sơn Nhất. Đại tá McCurdy tiếp tục hứa hẹn với cảnh sát và nhân viên an ninh tại cổng chính sẽ hỗ trợ họ trong việc di tản gia đình nếu họ "linh hoạt," nhưng hết lần này đến lần khác, các đoàn người di tản đã bị quay lại khi họ cố gắng vào. Cuối cùng, Đại sứ quán và DAO đã dùng đến một thủ đoạn khác, một thủ đoạn cũ và đáng kính ở Sài Gòn: hối lộ. Cuối cùng, hơn 50.000 đô la tiền hối lộ đã được trả cho cảnh sát và quân nhân tại sân bay để đảm bảo sự hợp tác của họ trong việc di tản đồng bào của họ.

Tiền, tất nhiên, không phải là câu trả

lời cho tất cả các vấn đề, và thỉnh thoảng người Việt Nam đã đòi hỏi một cái giá mà đe dọa làm ngừng toàn bộ hoạt động vận chuyển bằng đường hàng không. Một sự cố vào tối Chủ nhật chỉ là một ví dụ điển hình. Khoảng 10 giờ tối, trung tâm kiểm soát sơ tán của DAO nhận được một cuộc gọi từ đường băng : các sĩ quan không quân Việt Nam đang cản trở sự khởi hành của một chiếc C-141 "không có danh sách hành khách". Thiếu tá Hải quân R. J. Delligatti vội vàng chạy ra đường băng, nơi mà, với sự khó chịu vô hạn của mình, ông thấy một nhóm lớn các sĩ quan cảnh sát và quân đội Việt Nam cấp cao, được trang bị vũ khí nặng, đã tạo thành một hàng rào quanh máy bay. Trong số họ có Thiếu tướng Phan Phùng Tiến, tư lệnh Sư đoàn Không quân 5 Việt Nam. Khi Delligatti leo ra khỏi chiếc xe jeep của mình, Tiến đi bộ

đến gần anh ta, tay hắn lướt qua khẩu 45 bên hông một cách đáng ngờ. Có những người "bất hợp pháp" Việt Nam trên chuyến bay đó, hắn cười nhếch mép, và hắn cùng đồng bọn sẽ vào để kéo họ ra. Delligatti cứng người lại. "Thưa ngài," ông ta nói, "cũng có những vệ sĩ an ninh vũ trang người Mỹ bên trong, và nếu ai đó cố gắng xông vào, họ sẽ nổ súng." Khi Tiến há hốc mồm và lúng túng với bao súng của mình, Delligatti với tay lấy điện thoại vô tuyến trong xe jeep và gọi cho Tướng Smith. "Chờ một chút," Smith nói với anh ta. "Tôi sẽ làm những gì cần thiết." Vài phút sau, Tùy viên Quốc phòng gọi lại và bảo anh thông báo cho Tiến và những người khác rằng Tướng Bình đã ra lệnh cho máy bay được phép cất cánh. Tiến nhìn chằm chằm vào Delligatti, nhưng ra hiệu cho các đồng đội nhường đường.

Cuộc không vận tăng tốc không chỉ giới hạn ở việc vận chuyển người. Chiều Chủ nhật, DAO cũng bắt đầu chuyển các tài liệu hoạt động và tình báo đến US-SAG ở Thái Lan. Martin đã cho phép chuyển giao dựa trên lý thuyết rằng viện trợ quân sự thêm cho Sài Gòn là không có khả năng và rằng DAO, trong hình thức hiện tại của nó, sẽ không ở lại.

Ông không linh hoạt với các cơ quan khác. Ông từ chối, chẳng hạn, không cho phép loại bỏ các hồ sơ kinh tế của USAID, với niềm tin (như ông đã giải thích sau đó với Quốc hội) rằng Chính quyền sẽ tiếp tục viện trợ kinh tế ngay cả sau khi có một «cuộc thay đổi» trong chính phủ Sài Gòn. Nhiều hồ sơ của cơ quan này cuối cùng sẽ bị mất, tạo ra vô số vấn đề cho các quan chức USAID ở

Washington khi họ cố gắng sau sự sụp đổ của Sài Gòn để phân loại các nghĩa vụ tài chính đối với các công ty đã phục vụ họ ở Việt Nam.

Trạm CIA đã bắt đầu tiêu hủy mười bốn tấn hồ sơ rác mật, hồ sơ tiểu sử và báo cáo tình báo của mình vào đầu tháng. Nhưng cho đến nay, công việc vẫn chỉ được giải quyết phần nào, chủ yếu là do Đại sứ không muốn cho phép đốt và hủy tài liệu trong ngày. Như ông đã giải thích với nhân viên an ninh của Trạm, ông không muốn bụi từ lò đốt bay qua bãi đậu xe và làm bẩn xe limousine của Đại sứ quán.

Tuy nhiên, khi việc sơ tán đang trên đà tiến triển, thái độ của Martin đã thay đổi, và nhiều sĩ quan Trạm bắt đầu làm việc trước các lò thiêu tám giờ mỗi ngày, mồ hôi và những mảnh giấy cháy bám

vào mặt và tay họ như triệu chứng của một căn bệnh cổ xưa nào đó. Hai lò thiêu trên mái nhà ngay trên văn phòng của tôi sớm đã hoạt động liên tục, tiếng rít chói tai của chúng khiến dây thần kinh của tôi căng thẳng.

Khi Martin thông báo cho các sĩ quan cấp cao của Đại sứ quán vào Chủ nhật về yêu cầu của Kissinger về việc rút quân nhanh hơn, Tướng Smith đã ra lệnh cho nhân viên của mình chuẩn bị một danh sách không thiết yếu mới cho DAO. Bất kỳ ai có tên trong danh sách đó, ông cảnh báo, tốt hơn hết nên rời khỏi đất nước trước khi kết thúc ngày hôm đó, nếu không sẽ phải chấp nhận việc nghỉ hưu đột ngột và sớm. Chiều hôm đó, tôi gọi đến bộ phận tư vấn của DAO và yêu cầu nói chuyện với một nhà phân tích cụ

thể. Tôi được nói rằng không còn nhóm tư vấn nào nữa. Nhà phân tích duy nhất còn lại đang bận tháo các bản đồ treo tường.

Với việc cắt giảm các hoạt động tình báo của DAO, văn phòng của tôi trở nên quan trọng hơn đối với Đại sứ quán. Chúng tôi cũng không miễn nhiễm với việc cắt giảm nhân sự, tuy nhiên. Trong vài ngày qua, đồng nghiệp của tôi, Pat Johnson, đã thấy tên mình trong danh sách "không thiết yếu" mới nhất của Trạm. Việc đề cử của cô ấy, Polgar nhấn mạnh, không phản ánh chút nào về năng lực của cô ấy. Chồng cô, Bill Johnson, đã khăng khăng yêu cầu điều đó, vì ông ta rất muốn đưa cô ra khỏi đất nước để có thể tập trung năng lượng và cảm xúc vào việc ghép nối mạng lưới gián điệp ở lại của mình.

Pat đã dành hai ngày cuối cùng ở thành phố để nói lời tạm biệt. Đó là một khoảng thời gian kỳ lạ, cô ấy sau này đã nói với tôi: một bầu không khí không thực. Một số người bạn Việt Nam dường như không nhận ra những mối nguy hiểm đang cận kề. Cô tìm thấy một người trong số họ đang ở vườn vào sáng thứ Bảy, lặng lẽ chăm sóc hoa. Sau đó, cô ghé qua tiệm may của mình và mua một món quà lưu niệm, một chiếc áo dài, trang phục truyền thống của Việt Nam. Khi cô bước vào tiệm tóc của mình ngay trước buổi trưa, quản lý có vẻ ngạc nhiên. "Ôi, chị vẫn còn ở đây !" người phụ nữ thốt lên. "Nhưng bạn là người duy nhất." Những khách hàng người Mỹ đều đã đi hết rồi." Một giờ sau, tóc đã được làm, móng tay đã được chăm sóc, Pat chuẩn bị rời đi. Người quản lý lo lắng hỏi, giọng nói thường mềm mại giờ trở

nên chói tai, "Bạn sẽ quay lại chứ, phải không ?" Bạn là người cuối cùng."

Pat gặp khó khăn đặc biệt khi nói lời tạm biệt với người giúp việc của mình - bà chị ba già, chồng đã mất, năm đứa con, vài người anh em họ đều sống chung trong gia đình của Pat. Cô ấy ra bếp ngay trước khi rời đi vào Chủ nhật, ôm chầm lấy bà lão và đưa bà một nắm đô la cuối cùng. Có nước mắt khắp nơi. Pat đã cân nhắc việc đưa bà lão và gia đình bà ra ngoài và định cư ở Mỹ, nhưng đã quyết định không làm vậy. Họ sẽ không phù hợp, cô kết luận. Hơn nữa, họ là một phần của đám đông. Họ có cơ hội để sống sót. Bọn cộng sản không thể giết hết mọi người.

Pat đã rời đi trên một chuyến bay đặc biệt đến Bangkok vào buổi tối hôm đó. Có rất ít hành khách khác. Ban quản lý

của Air Vietnam đã lên lịch chuyến bay này với một mục đích đặc biệt, để vận chuyển tài sản thanh khoản của hãng hàng không, 20 triệu đô la vàng, ra khỏi đất nước. Pat ngồi xuống giữa những chiếc túi vải xám vô hại được nhồi nhét đầy kho báu. Sau khi đất nước sụp đổ, số vàng biến mất khỏi tầm mắt, chắc chắn là vào trong két riêng của một người nước ngoài nào đó.

Cô ấy đã nhảy múa ở Bangkok tối hôm đó, tiệc tùng đến sáng với những người bạn cũ. Đó là một niềm vui kỳ lạ và giả tạo, sinh ra từ sự căng thẳng. Cô nghe vào buổi tối hôm sau : Tổng thống Thiệu đã từ chức. *

*[Vào đúng ngày Pat rời Bangkok, Hoàng Đức Nhã bay vào thủ đô Thái Lan từ Singapore. Liệu ông ta có liên quan đến việc tiêu hủy kho báu trên chuyến

bay Air Vietnam của Pat hay không - gia đình Thiệu thường sử dụng hãng hàng không quốc gia như một lớp vỏ bọc cho các giao dịch cá nhân - vẫn chưa bao giờ được xác định. Tuy nhiên, Nhã đã tận dụng tốt thời gian dừng chân ngắn ngủi ở Bangkok. Vào buổi tối ngày hai mươi, ông đã gọi cho Đại sứ Sài Gòn tại Washington và yêu cầu ông ấy cầu xin CIA giúp đỡ trong việc di tản gia đình mình khỏi Sài Gòn. Đại sứ Phương đã đồng ý giúp ông, ngay lập tức liên lạc với Shackley tại trụ sở CIA. Shackley hứa sẽ làm những gì ông có thể.]

Bộ trưởng Quốc phòng Schlesinger chưa bao giờ được biết đến với sự kiên nhẫn hay dễ tính, nhưng theo các cộng sự, giờ đây tức giận hơn bất kỳ lần nào họ từng thấy. Trong vài ngày qua, ông

và Kissinger đã tranh cãi kịch liệt về tốc độ và phạm vi của việc sơ tán. Trong cơn tức giận, Schlesinger đã rò rỉ những phản đối của mình cho báo chí. Việc sơ tán khẩn cấp đã bắt đầu quá muộn, ông nói với một phóng viên, đến nỗi các kế hoạch đưa người Mỹ ra khỏi đất nước bằng máy bay dân sự và quân sự đã bị "vượt qua bởi các sự kiện." Trực thăng và lực lượng an ninh Thủy quân Lục chiến sẽ phải được sử dụng.

Kissinger đã đáp lại sự khiêu khích. Trong một phiên họp của WSAG vào sáng thứ Hai, ông đã chỉ trích Schlesinger một cách thậm tệ, khẳng định rằng Bộ trưởng Quốc phòng chỉ đang cố gắng bảo vệ danh tiếng của mình bằng những lời chỉ trích đối với báo chí. Hơn nữa, ông ta khẳng định, việc sơ tán ngay lập tức những người Mỹ còn lại ở Sài Gòn

sẽ gây ra sự hoảng loạn mà Martin đã dự đoán.

Cuối ngày hôm đó, ông đã gửi một chỉ thị cho Martin khuyến khích ông ta di chuyển phần lớn nhân viên của DAO ra ngoài càng sớm càng tốt, trước khi việc vận chuyển bằng trực thăng trở nên cần thiết. Ít nhất điều đó sẽ lấy đi một phần hào quang của Schlesinger.

Những cơn chấn động ở các cấp cao của Chính quyền đã làm một số người bên dưới lo lắng. Lionel Rosenblatt, giờ đã bám chặt vào lực lượng đặc nhiệm của Dean Brown, thấy chúng đặc biệt đáng lo ngại, vì chúng dường như báo hiệu sự do dự và nhầm lẫn liên tục ở cấp cao nhất mà chỉ có thể gây ra thảm kịch cho những người bạn Việt Nam của ông.

Sáng Chủ Nhật, ông và một đồng nghiệp trẻ tuổi tại Bộ Ngoại giao, Craig Johnstone, do đó đã đi đến một quyết định quan trọng. Tin rằng họ không còn có thể trông cậy vào bộ máy quan liêu để thực hiện nghĩa vụ của mình đối với họ, họ đã ký đơn xin nghỉ phép thường niên tại Bộ Ngoại giao, mua vé máy bay đến Sài Gòn và vài giờ sau đó đã lên đường. Khi Trợ lý Bộ trưởng Habib phát hiện ra, ông đã gửi điện tín đến Đại sứ quán và ra lệnh cho Martin gửi họ trở về. Một số viên chức trẻ của Bộ Ngoại giao đã đảm bảo rằng thông điệp này không bao giờ đến được Đại sứ..

Trong vài ngày tiếp theo, Rosenblatt và Johnstone, hoạt động từ khách sạn Caravelle, đã làm việc suốt ngày đêm, bí mật đưa người Việt vào trung tâm xử lý của DAO. Đến khi họ rời đi vào ngày hai

mươi lăm, họ đã kiệt sức và nhẹ hơn vài cân, nhưng họ đã thành công trong việc đưa lén 20 người địa phương chủ chốt và gia đình của họ, hơn 200 người, không ai trong số họ có giấy tờ xuất cảnh. Khác với nhiều «người nhập cư bất hợp pháp» khác, những người của họ thực sự là «rủi ro cao,» phần lớn trong số họ là các cựu cán bộ "trinh sát tỉnh" trước đây, những người đã chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động khủng bố chống lại cộng sản.

Thứ Hai, ngày hai mươi mốt, ngày Thiệu xuất hiện lần cuối [thành ngữ swan song : ngày nay được dùng rộng rãi trong ngôn ngữ của người Anh như một hình ảnh ẩn dụ, chỉ sự xuất hiện, trình diễn lần cuối của ai đó trước công chúng.], Đô đốc Gayler đã mở rộng hoạt động vận chuyển hàng không thành một sự kiện suốt hai mươi bốn giờ, C-141

bay vào và ra trong suốt ban ngày, C-130 vào ban đêm, để đáp ứng nhu cầu đông đảo của các ứng viên tại DAO. Ban đầu, mỗi chuyến chở khách được giới hạn ở một trăm người, nhưng các sĩ quan DAO nhanh chóng phát hiện rằng bằng cách giới hạn mỗi hành khách chỉ mang theo một chiếc vali, họ có thể gần như gấp đôi sức chứa.

Hơn 1.500 người tị nạn Mỹ và Việt Nam, gấp ba lần số lượng vào Chủ nhật, đã được đưa đến căn cứ không quân Clark ở Philippines trong vòng mười hai giờ tiếp theo, nâng số lượng người tị nạn cư trú tại đó lên 3.000 hoặc hơn. Những người mới đến đã bị dồn vào một thành phố lều tạm bợ trong sân trung tâm của căn cứ, một hình vuông có cỏ được gọi là "Happening on the Green."

Vào một ngày nào đó, doanh nhân

tháo vát Ed Daly của World Airways đã bay vào Sài Gòn để cố gắng giúp đỡ. Hơn 250 trẻ mồ côi Việt Nam tàn tật, hầu hết không có bất kỳ giấy tờ nào, đã được đưa lên một trong những chiếc máy bay 727 của ông và được đưa đến California, nơi tất cả đều được nhận nuôi bởi một nhà thờ theo phái cơ đốc giáo chính thống gần San Jose.

Với việc sơ tán nhanh chóng trở thành một vấn đề phức tạp, Martin cảm thấy có trách nhiệm bắt đầu chuẩn bị cho việc thả tự do cho một số nhân viên Việt Nam của Đại sứ quán. Theo chỉ đạo của ông, DAO đã gửi một bức điện ưu tiên đến Lầu Năm Góc vào sáng thứ Hai, yêu cầu chuyển 12,5 triệu đô la đến Sài Gòn để chi trả tiền thôi việc, và Don Hays của văn phòng hành chính được chỉ định rút

khoảng 4,2 triệu đô la từ các kho dự trữ hiện có của DAO để cung cấp một quỹ ban đầu. Vì Martin không muốn bất kỳ người địa phương nào biết về sự rạn nứt trước, văn phòng hành chính buộc phải đếm các phong bì lương bằng tay, mà không có sự trợ giúp của nhân viên hành chính Việt Nam - 1,5 triệu đô la cho hơn 3.000 nhân viên của Bộ Ngoại giao và USIA. Mười một nhân viên của Sứ quán đã chỉ làm việc này trong hai ngày.

"Có những đống tiền giấy và đô la trong két của chúng tôi," Hays nhớ lại. "Tôi nhớ đi giữa chúng, cảm thấy cực kỳ lo lắng, biết rằng nếu thậm chí một đồng đô la bị mất hoặc bị thất lạc, tôi sẽ phải chịu trách nhiệm. Đó là một suy nghĩ đáng lo ngại, khi mà có hàng ngàn quân lính BV đang ở cách Sài Gòn một ngày lái xe."

Vì số lượng chuyến bay "đen" hạn chế, Đại tá Legro và một số sĩ quan DAO khác đã đồng ý vào thứ Hai để bắt đầu cho một số "người bất hợp pháp" của họ lên chuyến bay quân sự thường xuyên. Quyết định này không mang lại lợi ích cho ai ngoài những người thụ hưởng ngay lập tức, vì dòng người hành khách bổ sung nhanh chóng phá hủy các hạn ngạch mà Legro vừa mới thiết lập, và chỉ trong vài giờ, cuộc di tản đã biến thành một cuộc chiến sinh tồn. Một số sĩ quan CIA đã "thâm nhập" vào hoạt động lãnh sự của Moorefield và các điểm quan trọng khác dọc theo tuyến xử lý để đảm bảo chỗ cho bạn bè và đồng nghiệp của họ, DAO cũng đã trả đũa tương tự, và các cơ quan khác trong Đại sứ quán bắt đầu tranh giành điên cuồng những gì còn lại.

Khi sự nhầm lẫn lan rộng trong chương trình sơ tán như một sự tê liệt, việc rút lui của Trạm cũng tiếp tục gặp khó khăn, một phần vì những lý do nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Theo một thỏa thuận lâu dài với Lầu Năm Góc, một số máy bay vận tải không quân rải rác khắp khu vực tây Thái Bình Dương lẽ ra phải luôn sẵn sàng cho CIA sử dụng. Nhưng bây giờ, khi cuộc không vận quân sự tiến triển, chúng tôi phát hiện rằng không có chiếc vận tải nào có thể được bàn giao cho chúng tôi. Như một phương án thay thế, John Pittman đã yêu cầu trụ sở CIA cho phép chuyển tất cả các chuyến vận tải của Air America đến Đài Loan, Thái Lan và Singapore, với mục đích biến các chuyến bay xuất phát thành chuyến bay chở khách. Nhưng trụ sở CIA đã từ chối. Cả Thái Lan và Singapore, Shackley lập luận, sẽ không đồng ý

với một lượng lớn người Việt được CIA tài trợ.

Nhiều người trong chúng tôi đã bị sốc bởi quyết định này, và một trong những đồng nghiệp của tôi đã bắt đầu gọi điện hàng đêm cho viên chức USIA Frank Scotton ở Washington để cố gắng thúc đẩy xem xét lại ở đầu bên kia. Người gọi điện "bí mật" này, một nhân viên cao cấp và có kinh nghiệm, đã nói với Scotton rằng chúng ta đang quá liều lĩnh, rằng cần phải có một cuộc giải cứu bằng trực thăng. Martin không đủ năng lực, và Polgar đã bị phân tâm, ông ấy nói, và ông ấy đã cầu xin Scotton thuyết phục các quan chức ở đó can thiệp. Scotton và đồng nghiệp của ông tại USIA, Ev Bumgardner, đã tin rằng có điều gì đó rất sai ở Sài Gòn, đã đến gặp phó của Brown trong lực lượng đặc nhiệm liên cơ quan, Clay

McManaway, và lặp lại những gì "người gọi bí mật" đã nói với họ. McManaway đã liên lạc với Colby và khuyên ông ấy. Nhưng Colby, mặc dù rất lo lắng về việc sơ tán, đã nhận được lệnh nghiêm ngặt từ Kissinger là để Nhà Trắng tự mình điều hành mọi việc. Vì vậy, ông đã chần chừ, yêu cầu biết danh tính của "người gọi bí mật" để ông có thể "đánh giá" giá trị của thông tin đó. McManaway miễn cưỡng cung cấp thông tin đó. Điều này đã cho Colby lý do : ông từ chối lời kêu gọi hành động ngay lập tức với lý do rằng "người gọi bí mật" không có vị trí để biết được "bức tranh tổng thể."

Thực ra, "người gọi bí mật" đã nắm rõ mọi thông tin một cách hoàn hảo. Tôi đã thông báo cho anh ta về tình hình quân sự trong suốt một tuần rưỡi qua. Với cấp bậc của anh ấy và thông tin của

tôi, tôi cảm thấy chắc chắn rằng Washington sẽ bị buộc phải phản ứng. Nhưng như thường lệ, tôi đã sai.

*

Người gọi "bí mật" và tôi không phải là những nhân viên của Trạm duy nhất cố gắng ép buộc một quyết định tại trung tâm. Larry Downs, Trưởng căn cứ CIA tại Cần Thơ, giờ đây đang bắn phá Sài Gòn bằng các bức điện yêu cầu hỗ trợ, chủ yếu dưới hình thức trực thăng, để giúp đưa nhân viên địa phương ra ngoài. Các quan chức USAID đã "đặt trước" tất cả chỗ trên các chuyến bay hàng ngày của Air America đến Sài Gòn, và Tổng Lãnh sự MacNamara, quyết tâm sơ tán nhân viên của mình xuống sông Bassac bằng thuyền cá voi nếu cần thiết, đã từ

chối yêu cầu thêm bất kỳ máy bay nào. Mặc dù Downs đã nhiều lần hỏi, nhưng không ai ở Sài Gòn thấy cần phải phản hồi.

Trong khi đó, sĩ quan trạm Bill Johnson đang đối mặt với một bức tường quan liêu tương tự, nhưng ông đã quyết tâm không bị nản lòng bởi điều đó. Tối ngày hai mươi mốt, anh ta và một vài đồng nghiệp, làm việc bí mật và hoàn toàn tự lực, đã khởi động nỗ lực sơ tán thành công nhất của Trạm - việc di tản toàn bộ nhân viên của một đài phát thanh siêu bí mật do CIA điều hành, được biết đến phổ biến trong công ty với cái tên "Nhà 7."

Chiến dịch "Nhà 7" có nguồn gốc từ những ngày đầu của lệnh ngừng bắn.

Ngay sau khi hoàn tất thỏa thuận Paris, Kissinger đã chỉ đạo CIA thiết lập một loạt đài phát thanh tuyên truyền "xám" để quấy rối Bắc Việt và Việt Cộng. Việc chỉ định "xám" có nghĩa là họ sẽ tự đại diện cho mình trước thế giới như những giọng nói đài phát thanh không cộng sản mà không có liên kết với chính phủ. Căn cứ CIA ở Sài Gòn, dưới sự chỉ đạo của Johnson, đã được giao nhiệm vụ phát sóng cho họ. Các studio được xây dựng trong một tòa nhà cũ kỹ tại số 7 đường Hồng Tập Tư - do đó có biệt danh "Nhà 7" - và cuối cùng không dưới năm đài phát thanh, mỗi đài hoạt động trên một tần số riêng biệt, đã được nuôi dưỡng thành hình. Hai trong số đó, phát sóng bằng tiếng Campuchia, đã phát các chương trình chống cộng sản một cách ngấm ngầm qua biên giới. Ba đài còn lại--"Tiếng nói Nam Bộ," "Tiếng nói Thiên

Sứ" (hình như là phương tiện của một nhóm cách mạng "độc lập") và "Mẹ Việt Nam"--đều nhắm đến khán giả bản địa ở miền Bắc và miền Nam.

"Mẹ Việt Nam" là hiệu quả nhất. Với giọng nữ quyến rũ, nhạc hoài cổ và nhiều tin tức nhẹ nhàng, nó nhằm nhắc nhở người lính Bắc Việt ngoài đồng ruộng về những gì anh ta đã bỏ lại. Thông điệp chính trị nằm sâu trong sự tình cảm - một lời kêu gọi đến cảm giác đoàn kết của người dân Việt Nam, cảm giác gia đình, ít giống như Tokyo Rose hơn là Radio Berlin : Himmler cố gắng quyến rũ người Anh vào cuối những năm 1930 với những hình ảnh về sự đoàn kết dân tộc.

Người quyến rũ không phải là một mà là hai, một cặp cô gái Việt Nam có giọng nói gần như giống hệt nhau. Người

lớn tuổi hơn là một cô gái xinh đẹp tinh tế tên là Mai Loan, người đã học phát thanh truyền hình ở Hoa Kỳ và có cha là một quan chức cấp cao trong chính phủ Thiệu. Hoàn toàn phương Tây hóa, cô ấy đã ru ngủ khán giả mỗi đêm bằng những bài giảng về một quê hương mà cô chỉ mơ hồ biết đến.

Mai Loan ngay lập tức thu hút sự chú ý của các chàng trai ở tiền tuyến và cả các nhà tài trợ người Mỹ của cô. Johnson đặc biệt bị cuốn hút bởi cô ấy và luôn mời cô ấy tham gia vào số khách mời mỗi khi ông tổ chức tiệc cho các nhân vật quan trọng của CIA đến thăm. Tiếng Anh của cô ấy hoàn hảo, cách cư xử của cô ấy không chê vào đâu được. Cô ấy là một người Việt Nam mà người phương Tây có thể "cảm nhận được."

Vào đầu tháng Tư, Johnson đã hứa

với đội "Nhà 7" rằng ông sẽ làm hết sức mình để đảm bảo an toàn cho họ. Theo đó, ông đã cố gắng thuyết phục Polgar và trụ sở CIA cho phép ông di dời toàn bộ tổ hợp radio ra khỏi Việt Nam, tốt nhất là sang Thái Lan. Nhưng Shackley đã phủ quyết ý tưởng này. Ông không nghĩ rằng người Thái sẽ chấp nhận, hoặc Quốc hội sẽ tài trợ cho một "hoạt động người nước ngoài" như vậy. Polgar đã từ chối với lý do khác, cho rằng động thái như vậy sẽ làm Bắc Việt tức giận ngay khi anh và Martin đang cố gắng thúc đẩy họ hướng tới một thỏa hiệp.

Johnson, không nản lòng, đã tiếp tục thúc đẩy, cuối cùng thuyết phục được Pittman cho phép chuyển toàn bộ nhân viên của "Nhà 7" đến đảo Phú Quốc ngoài đồng bằng. Hình như ông ta được giao nhiệm vụ thiết lập một máy phát

sóng ở đó để "Mẹ Việt Nam" có thể tiếp tục phát sóng. Mục đích thực sự của anh ta chỉ đơn giản là đưa Mai Loan và các cộng sự của cô ấy ra khỏi nguy hiểm.

Ngay sau khi màn đêm buông xuống vào ngày hai mươi mốt, cuộc không vận bắt đầu, các máy bay Air America C-46 và C-475 vận chuyển hàng chục và hàng trăm người xuống Phú Quốc. Ba người của CIA ở lại với các phát thanh viên và gia đình họ suốt thời gian, chuyển họ một cách bí mật đến Tân Sơn Nhất, bay cùng họ đến Phú Quốc, giúp họ thiết lập một kibbutz (vùng đất định cư) nhỏ trên đảo.

Khi cuộc không vận "Nhà 7" hoàn tất bốn ngày sau đó, tất cả 144 nhân viên Việt Nam của trạm và gia đình họ, tổng cộng 1.000 người, đã được di dời an toàn. Tuy nhiên, vì lỗi hành chính, con tàu chở

thiết bị phát thanh trị giá 4 triệu đô la của họ đã rời đi đến Philippines và không được nhìn thấy trong nhiều tháng.

Trong những ngày cuối tháng Tư, bạo loạn đã bùng nổ giữa 100.000 người tị nạn khác trên Phú Quốc và một trong những người phát thanh viên đã bị giết trong một cuộc đấu súng. Những người còn lại đã được tàu Pioneer Challenger đón và đưa đến Guam.

Ngoài trường hợp thương vong duy nhất đó, Johnson đã giữ lời hứa với các nhân viên người Việt của mình. Ông là một trong số ít sĩ quan của Đài làm được điều đó. Nhưng công lao cuối cùng cho sự cứu rỗi của "Nhà 7" thuộc về chính Mai Loan : sống động, mang ảnh hưởng của Mỹ, cô đã giành được tình cảm của các ân nhân CIA, và do đó có thể đảm bảo rằng cô và các đồng nghiệp của mình

sẽ không bị lãng quên.

"Bắt đầu công việc buồn bã của việc dọn dẹp hôm nay dưới sự đe dọa mất tất cả," tôi ghi lại trong cuốn sổ tay của mình vào ngày hai mươi hai. "Để tôn trọng các dịch vụ đặc biệt mà tôi đang thực hiện cho Polgar, những người phụ trách đóng gói nói rằng việc duy nhất tôi phải làm là đặt đồ đạc của mình ở giữa phòng khách.» Những người đóng gói sẽ lo phần còn lại. Đại sứ quán đã trở thành một cái vỏ rỗng ; hành lang ngổn ngang rác rưởi, sàn nhà đầy vết xước từ các thùng đóng gói. Hàng trăm người Việt Nam cắm trại trên những chiếc ghế gấp bên ngoài tòa nhà lãnh sự, lo lắng chờ đợi visa hoặc giấy cam kết hỗ trợ.

Ngay cả những người được xã hội

ban phước, những tầng lớp tinh hoa giàu có và phương Tây hóa, cũng đang tranh giành các chuyến bay tị nạn. Nhiều người trước đây chưa bao giờ bán rẻ bản thân cho chúng tôi giờ đây sẵn sàng, chỉ đơn giản là để tìm một lối thoát. Một quảng cáo trên Saigon Post hôm nay : 'Cô gái trung học xinh xắn, mười tám tuổi, có bằng tú tài, chơi piano, từ gia đình khá giả, tìm kiếm việc nhận nuôi hoặc kết hôn với người nước ngoài có quốc tịch Mỹ, Pháp, Anh, Đức hoặc quốc tịch khác có thể đưa cô ấy ra nước ngoài hợp pháp, để cô ấy tiếp tục học đại học ngoài Việt Nam, tự chi trả chi phí...'

Trong vòng hai mươi bốn giờ sau bài phát biểu từ biệt của Thiệu, tỷ lệ rời khỏi đã tăng gấp đôi. Hơn 3.000 người tị nạn đã rời Sài Gòn qua DAO vào thứ Ba, ngày hai mươi hai, nâng tổng số người

rời khỏi thành phố kể từ đầu tháng lên hơn 10.000. Các chuyến vận tải của Mỹ hiện đang đến và rời Tân Sơn Nhất với trung bình hai chuyến mỗi giờ.

Washington đã giúp tăng tốc độ bằng cách một lần nữa nới lỏng các quy tắc nhập cư. Theo khuyến nghị khẩn cấp của Kissinger, Ủy ban Tư pháp Thượng viện đã nhất trí phê duyệt, và Bộ Tư pháp đã công bố vào ngày hai mươi hai, một kế hoạch miễn các hạn chế nhập cảnh cho hơn 130.000 "người nước ngoài từ Đông Dương," bao gồm 50.000 người Việt Nam trong danh mục "rủi ro cao." Đó là một nhượng bộ vĩ đại từ Quốc hội và từ Cục Di trú và Nhập tịch. Thông thường, chỉ có 20.000 visa nhập cảnh có thể được cấp cho công dân của bất kỳ quốc gia nào mỗi năm, và không quá 130.000 cho cư dân của "bán cầu phía

đông." Lần cuối cùng một ngoại lệ như vậy được thực hiện là vào đầu những năm 1960, khi hơn 600.000 người tị nạn Cuba được nhận vào Hoa Kỳ sau thảm họa Vịnh Con Lợn.

Vì lệnh ân xá mới quy định rõ ràng về việc nhập cư của các người tị nạn "có nguy cơ cao" cũng như các phụ thuộc của người Mỹ, phần thủ tục hành chính cuối cùng của Mỹ đã được loại bỏ. Không còn cần thiết phải ghép mỗi người sơ tán với một người thân ở Mỹ nữa. Những người không có bản tuyên thệ hỗ trợ hoặc đơn thỉnh cầu từ người thân ở Hoa Kỳ có thể đơn giản được tuyên bố là "rủi ro cao" và bị đưa đi dưới hạn ngạch 50.000 người. Và, như Martin sau này châm biếm thừa nhận với Quốc hội, "sử dụng phương pháp giải thích rộng rãi của John Marshall, chúng tôi đã kéo dài quyền hạn để

giải quyết vấn đề."

Ngay sau khi biết về các quy định mới, Martin đã ra lệnh cho Tướng Smith bắt đầu di chuyển các gia đình của các sĩ quan quân đội Việt Nam cấp cao. Mặc dù chính thức các hạn ngạch mới chưa có hiệu lực trong một ngày hoặc lâu hơn, Đại sứ không thấy lý do gì để không tận dụng chúng ngay lập tức.

Tại chính trung tâm xử lý DAO, việc nới lỏng các quy định về nhập cư không có tác động thực tế nhiều, vì các quy tắc và quy định đã nhường chỗ cho sự tiện lợi. Sự thay đổi duy nhất trong thủ tục thực sự ảnh hưởng đến thói quen ở đó là việc hạ lệnh giới nghiêm ở Sài Gòn xuống còn tám giờ tối sau khi Thiệu từ chức. Vì Moorefield và các đồng nghiệp của ông

không thể hoàn thành công việc trước khi lệnh giới nghiêm mới có hiệu lực mỗi buổi tối, họ quyết định bắt đầu giữ những người sơ tán lại trong khu phụ trợ của DAO qua đêm và biến quá trình xử lý thành một công việc liên tục. Ngoài sự sẵn có của máy bay và sức bền của chính họ, chỉ có một yếu tố duy nhất đe dọa đến hiệu quả của họ. Smith khăng khăng yêu cầu dọn dẹp khu phụ vào mỗi buổi sáng trước bình minh, để nếu Tùy chọn IV được lệnh khẩn cấp, sẽ không có đám đông lộn xộn gần các bãi đáp trực thăng.

Dưới lịch trình hoạt động mới, nhà thi đấu nhanh chóng mang vẻ bề ngoài lộn xộn như một lễ hội vào giờ đóng cửa. "Trời nóng như địa ngục," Moorefield sau này nhận xét, "và khi mọi người bắt đầu cắm trại qua đêm, chúng tôi gặp một vấn đề khổng lồ trong việc kiểm soát số

lượng người." Hành lý bị bỏ lại khắp nơi, quầy đồ ăn nhẹ đã bị dọn sạch trong vài giờ đầu, nhà vệ sinh bị tắc nghẽn và tràn ra ngoài, và nhiều người Việt Nam thì sợ hãi đến mức phát ốm. Chúng tôi đã thiết lập ba hoặc bốn đường hầm để dẫn dắt mọi người đi qua, và hai nhân viên Đại sứ quán khác [Joe McBride và Bill Mosher] giờ đây đang làm việc bên cạnh tôi, nhưng vẫn không thể xử lý hết được khối lượng công việc này.

Một phần của sự hỗn loạn là có chủ ý. Với sự khởi đầu của chiến dịch vận chuyển hàng không suốt hai mươi bốn giờ, Moorefield và các cộng sự của ông đã đồng ý giữ lại càng nhiều người càng tốt để không có chuyến bay nào rời khỏi đất nước với nửa chừng trống rỗng. Nhưng một phần trong đó là sản phẩm của lòng hào phóng của Moorefield. "Nhìn này,"

anh ấy giải thích, "bạn phải tìm cách chăm sóc những người đã bị bỏ rơi." USAID lẽ ra phải đưa nhân viên của các tổ chức tình nguyện ra ngoài, nhưng có điều gì đó đã sai. Người dân địa phương từ World Vision và các nhóm từ thiện khác bị bỏ lại ở DAO, chỉ có một người đứng đầu người Việt Nam để nói thay cho họ. Nhân viên của nhiều công ty Mỹ cũng vậy. Họ sẽ bước đến bàn làm việc của tôi, cho tôi xem một loại tài liệu nào đó, và nói rằng họ đã được hứa hẹn sẽ nhận được sự trợ giúp. Và tất nhiên họ đã có, và xứng đáng với điều đó. Tôi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc cố gắng giúp đỡ họ.

Và rồi có những cái hạn ngạch chết tiệt đó, mọi người đặt chỗ trước. Chúng tôi không bao giờ biết có bao nhiêu chỗ sẽ còn lại sau khi DAO và các loại Đại

sứ quán khác đã hoàn thành việc lén lút đưa những 'trường hợp đặc biệt' của họ qua mặt chúng tôi.

Tôi đã gọi điện cho Đại sứ quán mỗi hai mươi phút để tìm kiếm sự hướng dẫn. Nhưng sớm thôi, rõ ràng là không ai kiểm soát được tình hình. Vì vậy, tôi bắt đầu áp dụng các biện pháp của riêng mình. Khi Rosenblatt hoặc ai đó từ cơ quan [CIA] đến với một người Việt mà họ nói là 'rủi ro cao,' tôi đã đóng dấu vào giấy tờ và gửi chúng đi. Không có câu hỏi nào khác."

Các quan chức hành chính Việt Nam có mặt tại hiện trường cũng đã gây ra những trở ngại. "Đến ngày thứ Hai hoặc thứ Ba," Moorefield nhớ lại, "thì rõ ràng là các anh từ Bộ Nội vụ đang làm chậm tiến độ." Họ đã gửi tất cả các đơn xin lais-sez-passer xuống trung tâm thành phố

để phê duyệt - và điều đó thường mất khoảng một ngày. Vì vậy, điều chúng tôi đã làm là tổ chức xung quanh họ. Chúng tôi đã thiết lập nhiều hàng khác nhau trong phòng tập, uốn lượn này nọ, khiến họ không thể theo dõi ai đã được xử lý và ai chưa.

"Thỉnh thoảng tôi nhìn lên khỏi bàn làm việc và thấy một hoặc hai viên chức đã thu dọn đồ đạc và rời đi. Sau đó, tôi phát hiện ra rằng một số người đã rời bỏ nơi đó với cả túi đầy các mẫu lais-sez-passer trống và đang bán chúng trên thị trường chợ đen với giá cắt cổ".

Đến chiều thứ Ba, dân số tị nạn tại căn cứ không quân Clark ở Philippines đã tràn ra khỏi khu tiếp nhận như một nồi bắp rang nổ. Lực lượng đặc nhiệm ở Washington đã nhanh chóng thông báo cho chính phủ Guam chuẩn bị tiếp nhận

số lượng người tị nạn dư thừa - 5.000 người mỗi ngày, để được bố trí chỗ ở và ăn uống trong vòng tối đa chín mươi ngày. Chỉ trong vài giờ, những người đầu tiên trong số họ đã đến căn cứ Không quân Andersen ở Guam và được bố trí trong một khu nhà ở bằng kim loại được gọi là «Thành phố Thiếc,» nơi cư trú của các phi công B-52 Mỹ khi hòn đảo này là điểm xuất phát cho các nhiệm vụ ném bom chống lại Bắc Việt Nam. Những cấu trúc giống như lò nướng này không cung cấp nhiều tiện nghi cho con người, các đơn vị điều hòa không khí của chúng đã biến mất cùng với những người thuê Mỹ cuối cùng của chúng - nhưng với mỗi ngày trôi qua, ngày càng nhiều người tị nạn cố gắng chen chúc vào, vì lựa chọn duy nhất còn lại là một chiếc lều dưới ánh nắng nhiệt đới không ngừng.

Lúc đầu, các quan chức di trú ở Guam và Clark cố gắng tuân thủ đúng theo luật pháp. Giấy tờ của từng người tị nạn đều được kiểm tra cẩn thận để phát hiện lỗi hoặc giả mạo. Tội phạm, gái mại dâm và người nghiện ma túy đã được xác định và cách ly đúng cách. Sau một ngày hoặc lâu hơn, tuy nhiên, rõ ràng là lưu lượng giao thông sẽ không chịu đựng được sự kiểm tra như vậy. Có rất nhiều cô gái quán bar trong làn sóng người đến, và không ít trong số họ có hình xăm những vết kim châm. Hơn nữa, trong nỗ lực xem xét từng trường hợp một cách đầy đủ, các nhân viên nhập cư đang gây ra tắc nghẽn giao thông tại trung tâm tiếp nhận của Guam, đe dọa làm ngừng toàn bộ hoạt động vận chuyển hàng không. Vì vậy, giống như Moorefield và nhiều người khác ở đầu Saigon, họ bắt đầu sử dụng sự thận trọng của mình.

31. Suy nghĩ phân cực

Mặc dù tốc độ sơ tán đang tăng nhanh, Quốc hội vẫn không hài lòng. Vẫn còn nhiều nghi ngờ trên Đồi Capitol rằng Chính quyền đang cố tình trì hoãn việc rút quân Mỹ để đảm bảo thời gian cho việc rút quân Việt Nam. "Chúng tôi không muốn có thêm người Mỹ nào ở Sài Gòn ngoài những người có thể được rút ra trong một lần trực thăng," một Thượng nghị sĩ cấp cao nói với các phóng viên.

Nhà Trắng đã cố gắng xoa dịu những

lo ngại này bằng cách hứa hẹn một lần nữa sẽ giảm số lượng cộng đồng người Mỹ xuống còn 1.500 trong ngày hôm sau hoặc sớm hơn. Ngoài ra, Lầu Năm Góc đã thừa nhận rằng đội tàu sơ tán đang được mở rộng thêm, để có thể triển khai một cuộc giải cứu quy mô lớn ngay lập tức nếu cần thiết. Nếu điều này nhằm xoa dịu lo lắng trong Quốc hội, thì nó đã không thành công. Một số nhà lập pháp kêu gọi rằng Chính quyền đang vấp ngã vào một cuộc chiến mới. Bắc Việt dường như cũng không kém phần lo lắng. "Con đường mạo hiểm này," Đài phát thanh Hà Nội cảnh báo, "có thể dẫn đến những hậu quả nguy hiểm."

Ford đã cố gắng xua tan những lo ngại đó trong một bài phát biểu vào tối thứ Tư tại Đại học Tulane. Tuyên bố rằng chiến tranh ở Đông Dương đã "kết thúc"

đối với Mỹ, ông kêu gọi đất nước "ngừng tái chiến các trận đánh và sự đổ lỗi" của quá khứ. "Một số người dường như cảm thấy," ông nói, "rằng nếu chúng ta không thành công trong mọi việc ở mọi nơi, thì chúng ta đã không thành công ở bất cứ nơi nào." Tôi bác bỏ cách suy nghĩ phân cực như vậy. Chúng ta có thể và nên giúp đỡ người khác tự giúp mình. Nhưng số phận của những người đàn ông và phụ nữ có trách nhiệm ở khắp mọi nơi trong quyết định cuối cùng nằm trong tay họ.

Một phát ngôn viên của tổng thống đã cố gắng giải thích cho các phóng viên về ý nghĩa của tất cả những điều đó. "Không phải là một sự thay đổi trong chính sách," ông bình luận, mà là một lời kêu gọi người dân Mỹ "chuyển sự chú ý của họ."

Ở Sài Gòn, nửa vòng trái đất, bạn có thể cảm nhận được sự hiện diện của họ bây giờ, mười tám sư đoàn Bắc Việt, được hỗ trợ bởi vô số đơn vị thiết giáp và pháo binh, đang tiến lại gần chúng ta như những cơn mưa mùa hạ sắp đến. Họ đã tự bộc lộ mình bằng những vết kim châm khi tuần lễ trôi qua: một chiếc xe buýt bị phục kích trên đường từ Tây Ninh, một vụ nổ trên Quốc lộ 4 cách Sài Gòn mười bảy dặm về phía tây nam, áp lực nặng nề trên con đường giữa Xuân Lộc và Biên Hòa. Trạm radar Phú Lâm, cách trung tâm thủ đô năm dặm, lại bị các đặc công tấn công. Lần này, những người phòng thủ thậm chí không giả vờ giữ vững. Họ đã bỏ chạy ngay từ phát súng đầu tiên.

Có tin đồn rằng khi thắng lợi, những người cộng sản sẽ bắt tất cả các cô gái

chưa kết hôn và buộc họ phải kết hôn với các cựu chiến binh tàn tật của họ. Vì vậy, trong vài ngày qua đã có một loạt các đám cưới khi những công dân xinh đẹp của thành phố tìm cách loại mình khỏi cuộc chạy đua. Những người khác, thuộc loại bình thường hơn, đã mua thuốc ngủ hoặc dao cạo thẳng.

Sân bay ở Biên Hòa giờ đây đã đóng cửa hiệu quả ; lãnh sự quán cũng vậy. John Stockwell đã thực hiện chuyến đi cuối cùng đến thành phố vào thứ Tư, ngày hai mươi ba, để tìm kiếm các nhân viên người Việt có thể đã bị bỏ lại. Chỉ còn lại vài lính gác "Nùng" người Trung Quốc ở trong khuôn viên. Dick Peters, Tổng Lãnh sự, đã chờ đến cuối ngày - phút cuối cùng để rời đi, không phải vì cảm giác trách nhiệm của một thuyền trưởng, mà vì lý do đơn giản là sự thận

trọng. Ông sẽ không lái xe đến Sài Gòn, ông đã thông báo với Đại sứ quán, cho đến khi ông được cung cấp một đoàn hộ tống bằng trực thăng. Sự thận trọng của ông là rất đúng đắn. Các binh sĩ Việt Nam không hài lòng đã bắn liên tiếp lên nóc xe của ông trên đường vào.

Khi Tướng Dũng siết chặt quyền kiểm soát Sài Gòn, Kissinger cố gắng tận dụng tối đa thời gian còn lại cho chúng ta. Có hai lựa chọn khả thi, ông nhận thấy trong một bức điện gửi Martin vào sáng sớm ngày hai mươi ba. Chúng ta có thể cố gắng giữ cho chính phủ Huong tồn tại trong thời gian này, hoặc như người Pháp (và người Hungary) đang ủng hộ, chúng ta có thể cố gắng tạo ra một chế độ mới chấp nhận được với cộng sản. Theo quan điểm của ông, lựa chọn đầu tiên

đảm bảo cho chúng ta có nhiều quyền lực hơn trong việc đối phó với người Soviet. Vì vậy, ông ấy đã thúc giục Martin làm những gì có thể để củng cố ông Hương, trong khi chờ đợi phản hồi từ Moscow về yêu cầu ngừng bắn của chúng ta.

Martin tuân theo mệnh lệnh của Kissinger một cách chính xác, và đảm bảo rằng nhân viên của ông cũng làm như vậy. Khi Polgar xin phép mua chuộc và hối lộ các thành viên của Quốc hội Sài Gòn để thúc đẩy sự thăng chức của Minh, Martin đã không đồng ý. Người Việt Nam miền Nam, ông khăng khăng, phải tự định đoạt vận mệnh của mình theo cách riêng của họ, không có sự can thiệp của Mỹ.

Người Nam Việt dường như quyết tâm làm điều đó, mặc dù thường không quan tâm nhiều đến điều gì có thể đảm

bảo sự sống sót của họ tốt nhất. Thay vì đoàn kết trước kẻ thù chung, họ tiếp tục buông lỏng vô số mối thù địch và ghen tị. Ở cánh hữu cực đoan, có Kỳ. Thuyết phục những người ủng hộ tại một bữa tiệc hôm thứ Tư, ông kêu gọi quân đội tiếp tục chiến đấu để một "nội các hòa bình" mới có thể đàm phán với cộng sản từ vị thế mạnh mẽ. Trong khi đó, Tướng Viên thực dụng hơn và Trần Văn Đôn, lo sợ một cuộc đảo chính từ Kỳ và phe của ông ta, đã đồng ý một cách thận trọng để thực hiện một cuộc đảo chính của riêng họ. Minh về phần mình tiếp tục ủng hộ một sự thay đổi ngoài hiến pháp như là cách duy nhất để bảo toàn uy tín của mình, dù chỉ là một phần nhỏ, với các đảng viên cộng sản. Ông khuyên Viên và đoàn tùy tùng ngày càng đông đảo của ông rằng ông sẽ không bao giờ chấp nhận sự bổ nhiệm vào nội các từ

Hương. Không gì khác ngoài chức tổng thống, được đề nghị bởi một "liên minh trung lập" không chính thức, sẽ làm ông hài lòng.

Còn về phần Hương, người quản lý cổ kính và bị vây hãm, ông vẫn kiên quyết đóng vai trò người đứng đầu nhà nước mà ông nghĩ mình là. "Thiệu đã chạy trốn số phận," ông nói với Đại sứ Mérillon. "Định mệnh đã đến với tôi." Như để chứng minh quyền lực của mình, ông đã ra lệnh gỡ bỏ tất cả các biểu ngữ và áp phích chống cộng sản quanh thành phố và cử một trợ lý đến Tân Sơn Nhất để cố gắng mở "đàm phán" với phái đoàn Bắc Việt trong Đội Quân sự Liên hợp.

Sáng hôm sau, thứ Năm ngày hai mươi bốn, Hương cũng cố gắng biến thất bại thành một đức tính. Theo chỉ đạo của ông, Tướng Viên đã chính thức

và với nhiều nghi thức ra lệnh cho quân đội thực hiện một "tư thế phòng thủ," để "đảm bảo" với cộng sản rằng Sài Gòn thực sự quan tâm đến hòa bình.

Dù cử chỉ đó hợp lý, nhưng một số tướng lĩnh của Viên đã phản đối nó. Dù không có ảo tưởng về sức mạnh bền bỉ của quân đội, họ vẫn muốn cho cộng sản một lần cuối nếm trải thép lạnh, chỉ để chứng minh rằng các cuộc đàm phán vẫn là một con đường hai chiều. Hai ngày trước, chỉ vài giờ sau khi Thiệu từ chức, Tướng Toàn, tư lệnh QK 3, đã đề nghị yêu cầu người Mỹ thực hiện một cuộc không kích B-52 cuối cùng. Viên đã bác bỏ ý tưởng đó vì những lý do hiển nhiên ; cuối cùng ông đã hiểu, như Toàn rõ ràng là không hiểu, rằng sẽ không có B-52. Tuy nhiên, đề xuất này đã dẫn đến một loại bắt chước nhạt nhòa của những

cuộc ném bom vĩ đại của những năm trước. Với sự giúp đỡ của các kỹ thuật viên DAO, các phi công Nam Việt Nam đã chế tạo một giá bom đặc biệt cho loại vũ khí mà Von Marbod và Weyand đã đề nghị họ vào đầu tháng : thiết bị giết người đáng sợ được gọi là CBU-55.

Hiệu quả của vũ khí tuyệt vời này đã được chứng minh không còn nghi ngờ gì vào chiều thứ Ba. Một chiếc vận tải cơ C-130 mang theo CBU đã cất cánh từ Tân Sơn Nhất, bay vòng một lần qua Xuân Lộc về phía đông, và thả bom gần như ngay trên đỉnh sở chỉ huy của Sư đoàn 341 BV ngay bên ngoài thị trấn mới bị chiếm. Số thương vong là rất lớn. Hơn 250 quân BV đã bị thiêu cháy hoặc chết vì ngạt thở trong chân không sau vụ nổ, và trong một khoảnh khắc, lực lượng

của Tướng Dũng đã loạng choạng giữa bước đi.

Đài phát thanh Hà Nội ngay lập tức phản đối, cáo buộc người Mỹ và người Việt Nam Cộng Hòa đã sử dụng đến chiến tranh sinh học "bất hợp pháp". Người Trung Quốc cộng sản phản đối với sự phẫn nộ tương đương, mô tả sự tàn phá do bom gây ra là "giết người hàng loạt" và buộc tội Hoa Kỳ đã chỉ đạo cuộc tấn công. Đó là lời chỉ trích mạnh mẽ nhất mà Bắc Kinh đã nhắm vào chúng ta trong hơn hai năm qua.

Khi các cuộc biểu tình tiếp tục, những hình phạt khác đã được áp dụng lên kẻ thù. Hàng loạt bom Daisy Cutter, những quả bom khổng lồ nặng 15.000 pound được phát triển để dọn đường cho trực thăng trong rừng rậm, và các pallet bom nặng 500 pound đã được thả

xuống các đơn vị cộng sản quanh Xuân Lộc, và vào một thời điểm, một cuộc không kích đặc biệt đã được thực hiện nhằm vào một đoàn xe phóng SA-2 di động ở phía đông bắc MR 3. Vũ khí là một loại tên lửa dẫn đường tinh vi được gọi là Wild Weasel và các máy bay tấn công là của Mỹ. Cả Polgar lẫn bất kỳ ai trong số chúng tôi trong đội ngũ của ông ấy đều không được thông báo về nhiệm vụ. Nhà Trắng không muốn công chúng biết rằng máy bay Mỹ lại tiếp tục tham gia vào cuộc chiến.

Phản ứng của cộng sản trước những khổ đau này là ngay lập tức và hiệu quả. Chỉ trong vài giờ sau cuộc tấn công của CBU, việc pháo kích vào sân bay Biên Hòa đã gia tăng đến mức các đường băng không còn hoạt động được nữa. Một vài chiếc tiêm kích F-5A ở đó đã nhanh

chóng được rút về Sài Gòn và các máy bay ném bom hạng nhẹ A-37 còn lại đã được chuyển đến Cần Thơ.

Ngay cả khi Sài Gòn phô diễn sức mạnh lần cuối, bước đột phá chính trị mà Kissinger khao khát cũng hiện ra trước mắt. Đến tối thứ Tư, Đại sứ Dobrynin đã chuyển cho Nhà Trắng bức thư được mong đợi từ Brezhnev. Kissinger ngay lập tức gửi điện văn văn bản, cùng với những bình luận của ông, đến Martin. Hiếm khi trước đây, ông nhận xét trong lời tựa của mình, ông đã bao giờ để một Đại sứ tại hiện trường được biết đến những thông tin liên lạc cấp cao như vậy với các nước Xô Viết. Là người cũng đánh giá cao sự nịnh nọt, ông rõ ràng cảm thấy rằng điều đó sẽ không bị bỏ qua đối với đặc phái viên ở Sài Gòn.

Thông điệp của Liên Xô đã đề cập đến một số điểm quan trọng. Không chỉ "phía Việt Nam" đã đảm bảo với Moskva rằng họ "không có ý định" cản trở việc sơ tán của Mỹ ; họ cũng đã chỉ ra rằng họ không có mong muốn "xúc phạm Hoa Kỳ," và sẵn sàng - về các vấn đề chính trị - "tiến hành từ các hiệp định Paris." Trong một đoạn cuối, Brezhnev bày tỏ hy vọng rằng "không có hành động nào của Hoa Kỳ" sẽ làm trầm trọng thêm tình hình ở Đông Dương.

Ngoài những đề cập đến việc sơ tán, thông điệp này là một kiệt tác của sự mơ hồ. Nó đã lảng tránh gần như nhiều câu hỏi như nó đã trả lời, và không đưa ra dấu hiệu rõ ràng nào về sự sẵn sàng đàm phán của Hà Nội. Trong ghi chú kèm theo gửi Martin, tuy nhiên, Kissinger đã cố gắng đọc những hy vọng của riêng

mình vào đó. Theo ý kiến của ông, ông nói, thông điệp có thể được hiểu là : (1) việc rút lui của cả người Mỹ và một số người Việt Nam được chọn có thể tiếp tục ; (2) chúng ta có thể giữ lại một Đại sứ quán nhỏ với 800 người ở Sài Gòn ; và (3) "PRG" đã sẵn sàng "đàm phán trong khuôn khổ ủy ban ba bên" được dự kiến trong thỏa thuận Paris. Ngoài ra, ông suy đoán, bức thư có vẻ nhất quán với ước tính của ông về khoảng thời gian có sẵn cho một cuộc di tản. Như Martin sau này giải thích, Kissinger đã đề xuất hai tuần với các nhà lãnh đạo Liên Xô. Không nhận được bất kỳ bình luận cụ thể nào về điểm này, Bộ trưởng giờ đây đã sẵn sàng giả định rằng hai tuần là chấp nhận được đối với Hà Nội.

Lời giải thích của Kissinger về thông điệp này không gì khác ngoài sự hào

phóng. Nhưng theo các viên chức Bộ Ngoại giao đã theo dõi ông đàm phán trong quá khứ, sự quá tay như vậy là đặc trưng của ông. Trong giai đoạn cuối của các cuộc đàm phán Paris năm 1972, ông đã đặt lời vào miệng Lê Đức Thọ (đặc biệt là về vấn đề Campuchia) trong nỗ lực tạo ra một cơ sở để hiểu biết. Ông bây giờ cũng đang làm điều tương tự với Brezhnev.

Theo lệnh của Kissinger, Martin đã thông báo cho một vài đồng nghiệp của mình về thông cáo của Liên Xô. Ông không thông báo cho Smith hay Legro về việc này, và mặc dù ông đã cho Polgar xem bức điện tín của Kissinger, ông đã cảnh báo ông ta một cách rõ ràng rằng nếu ông ta nói với bất kỳ ai về chuyện này, ông ta sẽ "cắt tinh hoàn của mình

và nhét vào tai mình". Polgar, không nao núng, đã ám chỉ với tôi ngay sau đó rằng có điều gì đó đang diễn ra: người Nga có thể để chúng ta rời Sài Gòn với mạng sống của mình.

Vì thông điệp của Liên Xô theo sát cách tiếp cận của Hungary đối với Polgar, nên thật tự nhiên khi cho rằng chúng là một phần của cùng một tấm vải. Như một viên chức cao cấp của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ sau này nhận xét, người Hungary và người Ba Lan đã tạo ra "tổ," và thông điệp của Brezhnev dường như là "trứng vừa khớp."

Sự kết hợp này không thể không nâng cao hy vọng của Martin và Polgar về một thỏa thuận chính trị nào đó. Dù vậy, cả hai vẫn bất đồng về một điểm thiết yếu : phải làm gì tiếp theo. Polgar, giờ đây vô cùng thiếu kiên nhẫn với mối quan tâm

của Martin về các quy định pháp lý, lại một lần nữa khăng khăng đẩy Huong sang một bên bằng bất cứ phương tiện nào cần thiết. Ngược lại, Martin càng củng cố niềm tin rằng một cuộc chuyển giao theo hiến pháp là cách hợp lý. Thật vậy, bây giờ khi Hà Nội đã đồng ý không can thiệp, theo quan điểm của ông, mối nguy hiểm thực sự duy nhất đối với người Mỹ là sự hỗn loạn của sự thay đổi không kiểm soát, một cuộc đảo chính.

Chỉ vài giờ sau khi có ghi chú của Brezhnev, một trong những giả định quan trọng của Kissinger đã được xác nhận một cách tạm thời. Trong một cuộc trò chuyện riêng với một du khách người Mỹ, Phạm Văn Ba, trưởng phái đoàn PRG tại Paris, đã nhận xét rằng "phía ông" sẽ không phản đối việc di tản

người Mỹ hoặc một số người Việt Nam được chọn - cùng một đảm bảo mà một liên lạc của PRG đã đưa cho Trần Văn Đôn ở Sài Gòn một tuần trước đó.

Ngoài điều này, tuy nhiên, không có gì khác trong các kênh ngoại giao để cung cấp sự khích lệ. Trong một bình luận riêng về thông điệp của Brezhnev, Đại sứ quán Mỹ tại Moscow đã đặt nghi vấn về giả định quan trọng nhất trong tất cả các khung thời gian dự kiến cho một cuộc di tản. Theo báo cáo của Đại sứ quán, các liên lạc ở cấp làm việc tại Điện Kremlin đã ngụ ý rằng người Bắc Việt thực sự sẽ chỉ kiềm chế hành động của họ qua cuối tuần - không quá thứ Ba, ngày 29 tháng 4.

Dự đoán đó, tất nhiên, sẽ chứng minh là hoàn toàn chính xác. Ngày hai mươi chín là ngày Dũng dự định phát

động cuộc tấn công cuối cùng vào Sài Gòn.

Khi Douglas Pike, chuyên gia về Đông Dương của Bộ Ngoại giao, nhìn thấy bức điện từ Đại sứ quán, ông đã từ bỏ những hy vọng cuối cùng của mình. Tối hôm đó, ông về nhà và nghĩ, Đây là điều cuối cùng. Sài Gòn thật sự chỉ còn năm ngày nữa thôi.

Ngay sau đó, tờ New York Times đã trích dẫn một đảng viên Cộng hòa cao cấp trong Ủy ban Đối ngoại Hạ viện nói rằng ông đã biết về một "thỏa thuận ngầm" theo đó Hà Nội đã đồng ý không tấn công Sài Gòn cho đến thứ Hai để cho phép sơ tán người Mỹ. Có vẻ như một người trong đội ngũ của Kissinger đã rò rỉ một phần thông báo từ Moscow cho nghị sĩ, và nghị sĩ đó đã rò rỉ nó cho báo chí.

Giữa cơn bão suy đoán về kế hoạch của Hà Nội, chính các nhân vật chủ chốt đã đưa ra một manh mối mới, dù có phần đáng thất vọng. Đài phát thanh Giải phóng, trong bài bình luận chính trị vào thứ năm, ngày hai mươi bốn, đã bác bỏ rõ ràng "giải pháp hiến pháp" của Martin và nhấn mạnh vào việc thành lập một "chính quyền mới" ở Sài Gòn bao gồm "những cá nhân tỉnh táo" và không "chọn phe phái nào". Nó cũng yêu cầu chấm dứt tất cả viện trợ của Mỹ và rút lui "tàu chiến Mỹ" và "nhân viên tình báo," cũng như "cố vấn quân sự ngụy trang thành dân thường."

Bản tin đã xác nhận những nghi ngờ tồi tệ nhất của tôi. Các yêu cầu của Hà Nội rõ ràng đang mở rộng như bong bóng theo từng giờ trôi qua. Các tham

chiếu đến "tàu chiến" và "nhân viên tình báo" chưa từng thấy trước đây.

Quan điểm của tôi không được chia sẻ ở văn phòng chính. Trước bối cảnh của các tín hiệu từ Hungary và ghi chú của Brezhnev, Polgar coi tuyên bố chính trị mới là "một bản kế hoạch cho sự thỏa hiệp chính trị" - ngụ ý là sự ủng hộ cho "giải pháp Minh," vì nó đã loại trừ tất cả các giải pháp khác.

Tôi gần như quá mệt mỏi để tranh luận về vấn đề này. Điều thiếu thốn, tôi nhấn mạnh với ông ấy, là điều đã thiếu thốn trong các tuyên bố của Hà Nội từ đầu tháng Tư - bất kỳ dấu hiệu nào của sự tương hỗ. Một lần nữa, theo tôi, chúng tôi chỉ đơn giản được đưa ra một tối hậu thư không thể chấp nhận được theo kiểu nhận hay từ bỏ. Tôi cũng không thể tin rằng Minh sẽ được cộng sản chấp nhận,

ngay cả như một nhân vật chuyển tiếp, không với những nhượng bộ mà ông ấy sẽ phải thực hiện với những người cánh hữu chỉ để sống sót qua ngày đầu tiên nhậm chức.

Polgar nhún vai, và yêu cầu một phân tích ngắn gọn về buổi phát sóng. Trong vòng một giờ, tôi đã gửi bản thảo của mình đến văn phòng của ông ấy. Khi tôi nhận lại nó, nó đã bị "Polgar hóa," sửa đổi đến mức không còn nhận ra. "Như đã trình bày, tuyên bố mới của PRG," Polgar đã viết trong đoạn kết luận, "mở ra khả năng đàm phán với những nhân vật như Tướng Minh, người không phải là thành viên của chính phủ Thiệu."

Polgar đã phát tán nghiên cứu này trong số các thành viên của Quốc hội vào buổi chiều hôm đó. Mặc dù Martin đã ra lệnh cho ông không can thiệp vào

cơ chế hiến pháp, Polgar cảm thấy không có gì sai khi gợi ý với một vài nhà lập pháp rằng có thể có khả năng đàm phán nếu Minh được bổ nhiệm nhanh chóng. Ông cũng đã đề cập đến ý tưởng này với Malcolm Browne. The New York Times nhanh chóng đưa tin rằng tuyên bố của PRG vào ngày hai mươi tư "gợi ý" rằng Minh có thể được chấp nhận làm người đứng đầu nhà nước.

Quan điểm của Polgar, được mở rộng bởi Times, đã có tác động ngay lập tức ở Washington. Trong một cuộc họp báo với WSAG vào ngày hai mươi tư, Colby tuyên bố rằng trong khi một "đầu hàng qua thương lượng" có lẽ là điều tốt nhất có thể đạt được từ Hà Nội, "chúng ta có thể gần đến việc thành lập một chính phủ [tại Sài Gòn] có một số cơ hội để đối phó với các nhà cộng sản trên cơ sở này."

Trong một cuộc họp báo cáo với WSAG vào ngày hai mươi bốn, Colby tuyên bố rằng mặc dù một "sự đầu hàng qua thương lượng" có lẽ là điều tốt nhất có thể đạt được từ Hà Nội, "chúng ta có thể gần đến việc thành lập một chính phủ [ở Sài Gòn] có khả năng đối phó với các nhà cộng sản trên cơ sở này." *

*[Thật không may, Colby không phải là người duy nhất tại trụ sở CIA hiện đang bị "cơn sốt hòa bình" tấn công. Vào ngày hai mươi ba, Theodore Shackley, rõ ràng là phản ánh những tiết lộ mới nhất từ phía Liên Xô, đã nói với Đại sứ Sài Gòn tại Washington rằng hiện có hy vọng việc sơ tán có thể tiếp tục trong hai tuần nữa.]

Vào đúng lúc Polgar và Colby đang thúc đẩy các lý thuyết hòa bình mới nhất của họ, Tướng Dũng đang hoàn thiện

kế hoạch tấn công của mình. Chiều thứ năm, vị chỉ huy của ông trên mặt trận Xuân Lộc-Biên Hòa, Tướng Lê Trọng Tấn, đã yêu cầu ông cho phép tiến hành đợt tấn công đầu tiên của riêng mình trước thời hạn - vào thứ bảy, ngày 26 - để ông có đủ thời gian bố trí pháo của mình ở Nhơn Trạch để chuẩn bị cho cuộc tấn công cuối cùng và pháo kích Tân Sơn Nhất ba ngày sau đó. Đức để yêu cầu này chờ đợi trong mười hai giờ tiếp theo.

Trong khi đó, chỉ huy xe tăng Quang Tấn đang điên cuồng nghiên cứu các bản đồ khu trung tâm Sài Gòn. Ông đã được thông báo từ sớm trong ngày rằng đơn vị của ông, Lữ đoàn Thiết giáp 203 của Bắc Việt, sẽ dẫn đầu cuộc tấn công cuối cùng vào thủ đô Sài Gòn và sẽ có vinh dự tối cao là chiếm giữ Dinh Độc Lập. Ông rất phấn khích khi được giao phó một

nhiệm vụ lịch sử như vậy, nhưng cũng rất lo lắng. Đến chiều ngày hai mươi bốn, lữ đoàn của anh vẫn chưa tập hợp để tấn công. Hai đơn vị vẫn đang trên đường đến phía đông bắc. Cũng không có bất kỳ "cảm giác" thực sự nào về mục tiêu của mình. Ông chưa bao giờ thấy Sài Gòn và không biết gì về các con đường của nó cũng như vùng nông thôn xung quanh. Anh chỉ có thể hy vọng rằng những nhà bản đồ ở Hà Nội, những người đã vội vàng chuẩn bị bản đồ mà anh đang cố gắng ghi nhớ, có thông tin tốt hơn anh.

Khi quân của Dũng chuẩn bị cho trận chiến, họ ngày càng trở nên bất cẩn, tràn ngập sóng phát thanh với những thông điệp thường chỉ được mã hóa mỏng manh về các kế hoạch chiến thuật của họ. Nhiều thông điệp mà các giám sát viên của chúng tôi thu được từ

không trung rõ ràng chỉ ra một cuộc tấn công sắp xảy ra vào Sài Gòn. Nhưng Polgar không thể tự thuyết phục mình tin vào chúng. Có khả năng lớn, ông ấy nói với tôi vào thứ Năm, rằng những người Cộng sản chỉ đang "giả mạo" - tức là, tạo ra những tin nhắn giả để đánh lừa và làm chúng tôi sợ hãi. Để chứng minh quan điểm của mình, ông đã gửi một tin nhắn đến Washington, yêu cầu xem xét toàn bộ gói chặn. Ông sẽ giữ lại phán quyết, ông nói, cho đến khi Washington đưa ra phán quyết của mình.

Với điều đó, ông đã quay lưng lại với các thông tin rò rỉ từ đài phát thanh, và do đó tự làm mờ đi nguồn thông tin đáng tin cậy cuối cùng của chúng tôi về kế hoạch của Hà Nội. Đến bây giờ, hầu hết các đặc vụ của chúng tôi ở hiện trường đã biến mất, hoặc đã mất liên lạc

với chúng tôi, và ngoài một vài thông tin miễn phí từ các nhà báo, không còn nhiều dữ liệu khác có sẵn, ngay cả về các phát triển chiến thuật.

Trong khi Polgar và Martin cố gắng tìm kiếm sự an ủi từ những tín hiệu chính trị mới nhất, Mérillon và nhân viên của ông tại Đại sứ quán Pháp tiếp tục tỏa ra vẻ tự tin. Đến chiều ngày hai mươi tư, họ đã cảnh báo tất cả 10.000 công dân Pháp trong thành phố lên kế hoạch ở lại, vì một lệnh ngừng bắn là "sắp xảy ra." Kết quả là, nhiều người Pháp đã chuẩn bị giúp đỡ bạn bè và đồng nghiệp người Việt trốn thoát đã quyết định không nỗ lực nữa.

Các thành phần khác của cộng đồng nước ngoài thì không dễ bị lừa như vậy.

Vào sáng thứ Năm, không dưới bốn Đại sứ quán đã đóng cửa vĩnh viễn. Không ai trong số họ rời khỏi hiện trường với danh dự. Phái bộ Anh và Canada chỉ đơn giản là bỏ rơi đội ngũ nhân viên người Việt của họ, viên đại diện Canada giải thích một cách bực bội với các phóng viên rằng ông ta không có nhiệm vụ cung cấp cứu trợ cho những người tị nạn không có giấy tờ hợp lệ. Đại sứ quán Đài Loan đã đi xa hơn, không chỉ bỏ rơi các nhân viên người Việt mà còn cả 1.000 công dân Trung Quốc yêu nước trong thành phố, nhiều người trong số họ là các điệp viên bán thời gian.

Học tập từ sự huyên náo của đại sứ quán (Embassy Row), một số công ty dầu mỏ và hãng hàng không nước ngoài đã ngừng hoạt động vào cùng ngày. Ngay cả Pan Am hùng mạnh cũng bị buộc phải

ngừng dịch vụ hai lần mỗi tuần của mình, theo lệnh của Cục Hàng không Liên bang, cơ quan này hiện coi không phận trên Campuchia và Việt Nam là không an toàn cho các chuyến bay thương mại.

Khác với giới ngoại giao, cộng đồng doanh nghiệp đã nỗ lực rất nhiều để chăm sóc cho người Việt Nam mà họ đang bảo trợ. Các đại diện của Chase Manhattan, First National City Bank và Bank of America đã trở lại Sài Gòn (sau khi rời đi vội vàng vào đầu tháng) để sắp xếp việc sơ tán nhân viên địa phương, và một số công ty nhỏ hơn đang thảo luận về việc gom góp tài nguyên để thuê một chuyến bay đặc biệt đến Bangkok.

Để giúp đỡ, cố vấn kinh tế của Martin, Dan Ellerman, đã tiếp cận IBM và ba công ty dầu mỏ phương Tây trong thành phố và đề nghị tổ chức một chuyến bay

giải cứu cho những người trong danh sách lương của họ. Tuy nhiên, ông đã làm rõ rằng thời điểm là rất quan trọng. Trong suốt nhiều năm, các công ty nước ngoài đã cắm công nghệ phương Tây vào vô số khía cạnh của đời sống Việt Nam, và nếu các kỹ thuật viên Việt Nam điều hành các «hệ thống» khác nhau bây giờ bị rút ra quá sớm, phần lớn xã hội và cấu trúc chính phủ sẽ đơn giản là tan rã. Vì Martin quyết tâm tránh điều đó bằng mọi giá, Ellerman đã thúc giục IBM và các công ty dầu mỏ trì hoãn việc rút lui của nhân viên địa phương cho đến phút cuối cùng có thể.

Sự thu hẹp liên tục của cộng đồng nước ngoài đã làm gia tăng căng thẳng đáng kể trong Đại sứ quán. Tại sao chúng ta không tiến triển nhanh hơn ? Câu hỏi vang vọng khắp các hành lang của tòa án,

và vì không có câu trả lời nào từ phòng suite tầng ba, sự cay đắng và thất vọng đã lên đến đỉnh điểm.

Thật mỉa mai, Smith và nhân viên của ông đã hứng chịu phần lớn sự chỉ trích. Với tổ chức vượt trội và sự gần gũi với đường bay, họ đã di chuyển nhiều người Việt Nam hơn bất kỳ ai khác trong Nhiệm vụ, và một số chúng tôi bắt đầu cảm thấy bị coi thường. Vào chiều thứ Năm, Jim Devine cuối cùng đã cố gắng thiết lập một loại công bằng nào đó. Ông đã lập ra một bộ hạn ngạch mới để thay thế những hạn ngạch mà Legro đã cố gắng thực thi hai ngày trước và thành lập một trung tâm kiểm soát sơ tán «phụ trợ» tại Đại sứ quán để thúc đẩy sự hợp tác giữa các kiểm soát viên bay của DAO và chúng tôi.

Nhưng như với nhiều đổi mới gần

đây khác, những điều này đến quá muộn để tạo ra sự khác biệt lớn. DAO tiếp tục vượt chỉ tiêu của mình, các cơ quan khác đáp lại bằng cách hút thêm không gian từ Lacy Wright hoặc Moorefield, và hỗn loạn cùng sự ứng biến ngự trị tối cao.

*

Trong khi đó, các nhân viên hành chính của Đại sứ quán đang cố gắng đối phó với những hệ lụy hành chính của việc chúng tôi rời đi. Không ít trong số những mối quan tâm của họ là thuần túy về tài chính. Sáng thứ Năm muộn, số tiền 12 triệu đô la mà đã được yêu cầu từ Washington để chi trả tiền thôi việc cho nhân viên địa phương và các chi phí khác đã được chuyển đến DAO bằng một chiếc hộp an toàn bay, và Don Hays cùng

các nhân viên hành chính khác ngay lập tức bắt đầu phát phong bì lương cho các nhân viên Việt Nam. Nhưng để tránh sự hoảng loạn và oán giận lan rộng, nhiều người "bị tách biệt" đã ngay lập tức được "thuê lại" và giữ lại cho đến ngày cuối cùng của cuộc chiến. Ít người trong số họ nhận ra rằng cái kết gần kề hoặc cảm thấy cần phải chuẩn bị cho nó.

Vì hầu hết các ngân hàng nước ngoài và trong nước trong thành phố đã đóng cửa, Hays và các đồng nghiệp của ông cũng buộc phải xử lý các giao dịch chuyển đổi tiền tệ cho hàng trăm người Mỹ sắp rời khỏi. Ban đầu, họ đặt một giới hạn tùy ý cho các giao dịch như vậy, từ chối đổi hơn 2.000 đô la từ tiền đồng cho mỗi người. Nhưng sau khoảng một ngày, trước áp lực ngày càng tăng, họ bắt đầu chuyển đổi bất kỳ số tiền "chấp

nhận được" nào, miễn là khách hàng có thể xuất trình một ghi chú từ nhà tuyển dụng cho thấy họ sẽ rời khỏi đất nước trong cùng ngày. Thời hạn này nhằm ngăn chặn người Mỹ rời khỏi đất nước lặp đi lặp lại việc chuyển tiền qua Đại sứ quán và thị trường chợ đen để thu lợi khổng lồ. Rõ ràng là nó đã hiệu quả. Sau này, Hays không nhớ lại trường hợp nào người Mỹ mang theo hơn vài trăm đô la tiền đồng để đổi.

Để tăng thêm gánh nặng của họ, Hays và đồng nghiệp viên chức hành chính Jim Gagnon cũng được đề cử vào chiều thứ Năm để giúp sơ tán một số người địa phương của Đại sứ quán. Gagnon lái xe đến DAO ngay sau bữa trưa để khảo sát các khu vực tập trung. «Hoàn toàn hỗn loạn,» anh ấy nói với Hays qua điện thoại. Các cơ sở vệ sinh đã

bị quá tải và nguồn cung thực phẩm thì không có gì. Hays đã liên hệ với quản lý căng tin của Đại sứ quán và yêu cầu giúp đỡ. Trong vài giờ tiếp theo, mười bốn nữ phục vụ người Việt Nam đang làm việc ở đó đã làm ra 2.000 chiếc bánh sandwich, chở chúng đến DAO, và thiết lập quầy hàng ở đường bowling ngay bên ngoài sân chính. Chẳng bao lâu sau họ đã phát miễn phí hàng hóa của mình.

Đêm đó, Hays và một số đồng nghiệp đã tập hợp một đoàn xe buýt quân đội và đón những hành khách đầu tiên của họ. Khi đoàn xe đến khu vực tập trung bên trong «Dodge City,» tuy nhiên, không có ai từ Đại sứ quán có mặt để hướng dẫn những người sơ tán hoảng sợ và bối rối qua hệ thống. Hays và Gagnon không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tự mình gánh vác công việc.

Khi Đại sứ quán bắt đầu di chuyển những người địa phương của mình một cách nghiêm túc, Martin đã bị áp lực phải sơ tán một món đồ có giá trị khác : thiết bị quân sự. Vào chiều thứ Năm, Thứ trưởng Quốc phòng Erich Von Marbod đã đến Sài Gòn để phối hợp hoạt động. Ông đã được cử đi từ Lầu Năm Góc theo lệnh của chính Schlesinger. Tin rằng ngày tận thế chỉ còn cách vài ngày nữa, Schlesinger quyết tâm ngăn chặn không để thiết bị quân sự do Hoa Kỳ sản xuất rơi vào tay cộng sản, và vì Von Marbod là một chuyên gia hậu cần lão luyện nên ông dường như là người phù hợp để đảm nhiệm công việc này. Thực tế, Von Marbod đã chuẩn bị mọi thứ từ trước khi ông ta xuất hiện tại Đại sứ quán. Hôm trước, trong một cuộc dừng chân ở Bangkok,

anh ta đã thuyết phục được quân đội Thái Lan cho phép anh ta sử dụng một số căn cứ địa phương làm nơi đỗ cho các máy bay và thiết bị mà anh ta hy vọng sẽ đưa ra ngoài.

Khi Martin biết Von Marbod đang làm gì, ông ta đã tức giận. Việc rút bất kỳ thiết bị quân sự nào, ông phản đối, sẽ phá hoại tinh thần của người Việt Nam và tiêu diệt bất kỳ cơ hội mong manh nào cho một sự thay đổi chính phủ có trật tự và hoàn toàn theo hiến pháp. Nhưng Von Marbod đã phớt lờ những lời than phiền của ông và lao vào nhiệm vụ của mình với sự nhiệt huyết. ("Đi như một tên lửa không điều khiển chết tiệt," Martin sau này đã phàn nàn về anh ta.) Vài giờ sau khi đến nơi, anh ta đã liên lạc với những người bạn cũ trong hải quân Việt Nam và đưa ra một đề nghị. Nếu điều tồi

tệ nhất xảy ra, ông nói, họ nên sẵn sàng đưa gia đình và những nhân viên hải quân được chọn lên mọi tàu thuyền có sẵn trên sông Sài Gòn và ra khơi. Với tư cách là đại diện cá nhân của Schlesinger, ông có thể đảm bảo rằng quân đội Mỹ sẽ chào đón họ và tàu của họ với vòng tay rộng mở.

Von Marbod không phải là "tên lửa không điều khiển" duy nhất đang đe dọa vũ trụ được Đại sứ dày công xây dựng. Trong vài ngày qua, Đại úy Carmody, Tùy viên Hải quân của Smith, đã cố gắng tìm ra một quỹ đạo riêng của mình, kêu gọi quyền hạn để đưa người Việt Nam lên các tàu hàng đang chờ đợi tại cảng Newport ngay ngoài ranh giới thành phố. Giống như Gayler, ông cảm thấy điều kiện cho một cuộc di tản bằng đường

sông sẽ không bao giờ tốt hơn bây giờ.

Nhưng Martin vẫn không bị thuyết phục. "Nếu chúng tôi cố gắng chất hàng lên những con tàu đó," ông sau này nói với Quốc hội, "đã có sự đồng thuận từ những người hiểu biết về Sài Gòn rằng chúng tôi sẽ gặp phải một tình huống hoảng loạn ngay lập tức." Vì vậy, ông đã ra lệnh cho Carmody đứng yên.

Trong khi đó, một vấn đề nhạy cảm không kém đang đứng trên bờ vực quyết định. Đầu tuần trước, Bộ Ngoại giao cuối cùng đã sắp xếp được bảo hiểm cho chuyến bay quân sự chở 220 triệu đô la vàng, tạo thành kho bạc của Sài Gòn, đến Ngân hàng Dự trữ Liên bang ở New

York. Các quan chức của Bộ Kinh tế đã bắt đầu đóng gói kho báu. Chiếc máy bay dự kiến sẽ đến để lấy hàng vào sáng thứ Sáu, ngày hai mươi lăm.

Nhưng bây giờ, vào phút chót, một trở ngại đã xuất hiện ; kế hoạch trở thành con tin của chính trị. Sáng thứ Năm, Bộ trưởng Kinh tế Hao đã thông báo với Dan Ellerman rằng Hương đã ra lệnh hoãn giao hàng vô thời hạn, cho đến khi một chính phủ mới được thành lập. Martin nhanh chóng lên lịch một cuộc hẹn tại Dinh TT để thảo luận về vấn đề này với Tổng thống mới. Cuộc họp không thể phá vỡ thế bế tắc. Dù có sự đồng ý của Hương hay không, Martin đã quyết định ngay tại chỗ để lại vàng tại chỗ trong thời gian này, chỉ để tạo ra một bầu không khí ổn định và bền vững cho chính phủ, và để tăng thêm tài sản

thế chấp mà nó có thể mang lại trong các cuộc đàm phán với cộng sản. Ông nói với Ellerman : "Giữ máy bay ở đây cho đến nửa đêm, ngày hai mươi bảy."

Tuy nhiên, Martin đã không tính đến một người chơi khác trên bàn cờ bạc : Bộ trưởng Kinh tế Hảo. Sau khi Sài Gòn thất thủ, một số nguồn tin đáng tin cậy đã khuyên tôi rằng Hảo từ đầu đã là một quân cờ của cộng sản. Như họ đã giải thích, vào đầu tháng Tư, anh ta đã nhận được tin từ các điệp viên Bắc Việt rằng anh ta sẽ được đối xử khoan dung bởi "chế độ mới" nếu anh ta thành công trong việc ngăn chặn việc vận chuyển vàng ra khỏi đất nước. Mặc dù Hảo không phải là một điệp viên, nhưng anh ta trẻ tuổi, dễ kích động và có phần lý tưởng hóa (hóa học chết người), và rõ ràng là anh ta đã tin tưởng vào lời nói của những người

liên lạc cộng sản của mình. Không chỉ từ chối việc tự mình được sơ tán ; anh ta còn khéo léo tránh né để ngăn chặn Ellerman buôn lậu vàng ra ngoài. Toàn bộ số vàng trị giá 220 triệu đô la sẽ vẫn nằm yên không bị động đến trong một kho hàng tại Tân Sơn Nhất khi lực lượng của Dũng tiến vào thành phố một cách hùng tráng.

Khi tôi lái chiếc Ford Pinto của mình qua dòng xe cộ đông đúc vào buổi tối thứ Năm, tôi đã nghĩ đến việc yêu cầu Polgar cho tôi ra ngoài. Rõ ràng, không ai trong Đại sứ quán còn thực sự quan tâm đến việc đánh giá tình báo nữa. Polgar và Đại sứ quyết tâm đọc các tín hiệu theo cách của họ.

Nhưng ngay khi tôi quyết định thì tôi

lại thay đổi quyết định. Năm năm tôi đã dành cho Việt Nam - năm năm và những ảo tưởng tốt nhất của tôi. Việc thu dọn và rời đi vào thời điểm này sẽ tương đương với việc chấm dứt một mối tình dài lâu, và cũng khó khăn không kém. Không, thực sự không có sự lựa chọn nào dành cho tôi : Tôi biết mình sẽ phải ở lại đến cùng, chỉ để có thể tự hào rằng mình đã chấm dứt những ảo tưởng cuối cùng.

Khi tôi bước vào căn hộ của mình, Tú Hà đang lục đục trong bếp, cố tình đập nồi chảo để át đi tiếng đập ở Biên Hòa. Cô ấy thậm chí còn không thèm chào hỏi. Cô ấy đã trở nên quá mê mẩn bởi những nỗi sợ hãi và sự không chắc chắn của chính mình trong suốt tuần qua, cô ấy có thể đã ở trong trạng thái phê thuốc vĩnh viễn. Khi tôi đứng ở hành lang lắng nghe cô ấy, tôi đã đưa ra quyết định hợp

lý duy nhất trong ngày. Nếu tôi ngu ngốc đến mức tham gia vào những hành động anh hùng vào phút chót, tôi không có quyền mong đợi điều tương tự từ cô ấy.

Theo bất kỳ tiêu chuẩn logic nào, Tú và gia đình cô không có gì để giấu giếm hay sợ hãi từ cộng sản. Họ chưa bao giờ tích cực ủng hộ chính phủ hay ca ngợi người Mỹ. Cha mẹ của Tú sẽ rất kinh hoàng nếu biết rằng cô ấy thậm chí còn nói chuyện với một "người da trắng." Trong suốt những năm tháng cô làm việc vất vả ở những quán bar ở Vũng Tàu và trên đường Tự Do, họ chưa bao giờ biết.

Và thế nhưng, nếu cộng sản hiểu sai về quá khứ của cô ấy, về những mối liên hệ của cô ấy với người Mỹ thì sao ? Khả năng vô cùng nhỏ bé đó vượt xa tất cả các cân nhắc khác, cả lý trí lẫn phi lý trí.

Khi chúng tôi ngồi xuống ăn tối, tôi hỏi cô ấy muốn làm gì. Nước mắt trào dâng trong đôi mắt hạnh nhân. "Tôi quá sợ để đi đến Mỹ," cô ấy nức nở, "nhưng cũng quá sợ để ở lại đây."

"Có những cách để đưa bạn ra ngoài," tôi lẩm bẩm, vật lộn với đôi đũa và sự dè dặt của mình. "Có cách tìm giấy tờ và một người hộ tống."

Cô ấy ngồi im lặng một lúc, không nói gì. Rồi không thể tránh khỏi, cô ấy hỏi tôi câu hỏi trung tâm, mà tôi không có câu trả lời : "VC có giết tôi không ?" Tôi nói rằng tôi không biết, và lúc đó tôi nhận ra rằng có thảo luận thêm cũng vô nghĩa. Tôi bảo cô ấy chuẩn bị sẵn sàng để rời đi trong mười hai giờ nữa. Cô ấy nhìn tôi với ánh mắt cầu khẩn. "Còn một điều nữa," cô ấy thì thầm, như thể sợ phải đề cập đến nó. "Liệu tôi có thể mang gia

đình mình theo không ?" Không nhận ra rằng các hạn chế đã bị phá vỡ đến mức nào, tôi đã nói với cô ấy rằng điều đó là không thể.

Sáng hôm sau, Joe Kingsley và tôi đã đồng ý phân chia công việc. Anh ấy sẽ lo việc sơ tán những người bạn Việt Nam chung của chúng tôi, xoay sở và thương thảo để họ qua được hệ thống. Tôi sẽ lo liệu văn phòng. "Ý tưởng tuyệt vời quá !" anh ấy kêu lên. "Đã chán cái trò phân tích này rồi." Không có lợi ích gì trong đó." Tôi biết anh ấy có ý gì.

Trong vài giờ tới, Kingsley đã thu thập tài liệu giả mạo và thuyết phục một người bạn cũ ở văn phòng ký làm người bảo trợ và hộ tống Tú. Một cuộc gọi đến Moorefield tại Tân Sơn Nhất đã đảm bảo cho họ chỗ ngồi.

Trong khi đó, Tú và cha cô cố gắng đóng tài khoản ngân hàng của cô, khoảng hơn 1.000 đô la tiền đồng. Nhưng họ phát hiện ra rằng nó đã bị đóng băng, cùng với tất cả các tài khoản khác.

Cha cô, một thương nhân, chắc hẳn đã đoán được kế hoạch của Tú, mặc dù cô không nói gì với ông, chỉ nói rằng cô có thể sẽ rời khỏi thành phố một thời gian. Khi cô trở về nhà để đóng gói, mẹ cô đang đi chợ.

Ngay sau bữa trưa, cô ấy đến căn hộ của tôi với một chiếc vali. Cô ấy đã nhờ người giúp việc của tôi mang một bức thư đến cho cha mẹ cô ấy, giải thích mọi chuyện. Hai giờ sau, Kingsley đến đón cô ấy. Trước khi anh ấy đưa cô ấy đến trung tâm xử lý, anh ấy đã đưa cho cô ấy một phong bì có 1.000 đô la từ tôi.

Vào lúc tám giờ sáng hôm sau, Tú, người bạn Mỹ của cô và tình nhân người Việt của anh ta trèo lên một chiếc C-141 của Không quân Hoa Kỳ. Chuyến bay, lạnh như tủ đông, kéo dài gần chín giờ. Một số hành khách trở nên ốm nặng ; nhà vệ sinh tràn ra ; không có thức ăn hay đồ uống. Nhưng sau đó, ký ức rõ nét nhất của Tú về cuộc hành trình gian khổ là sự im lặng sau tiếng gầm rú của động cơ. Không ai trong số những hành khách Việt Nam cùng chuyến dường như có khả năng nói chuyện. Họ chỉ khóc thầm lặng.

Khi máy bay hạ cánh xuống Guam, đã là bốn giờ chiều. Nhân viên Hải quân phát bánh quy và cốc súp cho hành khách khi họ lần lượt rời khỏi máy bay. Đêm đầu tiên đó, Tú và mười một người khác ngủ trên sàn của một túp lều gỗ cũ, rộng

ba mươi mét vuông. Lúc bình minh, tất cả họ cùng nhau, cả nam lẫn nữ, đến phòng tắm, nhưng không có thiết bị nào hoạt động.

Tú đã bị mắc kẹt ở Guam hơn một tháng rưỡi, trải qua những ngày tháng trong tòa nhà đổ nát đó. Cơ quan di trú nhanh chóng phát hiện ra giấy tờ giả của cô ấy và từ chối cho phép cô ấy tiếp tục đến Hoa Kỳ cùng với «nhà tài trợ» của mình. Trong những tuần ở dưới ánh nắng, cô ấy đã trở nên «nâu như một người chị em,» cô ấy đã nói với tôi sau này. Một số cô gái mà cô ấy quen biết đã đi ngủ với lính Hải quân hoặc các cơ quan di trú để đảm bảo có thể rời khỏi sớm hơn.

Giá của sự giải phóng của Tú chỉ là tiền mặt. Một trong những người bạn Việt Nam của cô ấy đã sắp xếp một loạt "nhà

tài trợ" ở California và đề nghị bán cho cô ấy một cái với giá 100 đô la. Những gì cô ấy nhận được là một bản kiến nghị đã ký, một địa chỉ và sự thông quan nhanh chóng từ các quan chức nhập cư.

Cặp vợ chồng đã chào đón cô ở Bờ Tây có vẻ rất thông thường, thậm chí quen thuộc - một cựu sĩ quan quân đội Mỹ và vợ ông. Nhưng sau khoảng một tuần, người đàn ông bắt đầu có những cử chỉ thân mật, và người vợ, cảm nhận được sự cạnh tranh, trở nên ghen tuông một cách âm thầm, thậm chí từ chối cả việc công nhận sự hiện diện của Tú.

Chắc chắn có những người bạn hàng xóm - những người trẻ tuổi tươi mới của California cùng tuổi với Tú, họ thấy cô ấy kỳ lạ và hấp dẫn, càng hơn nữa vì kích thước của ví tiền cô ấy. Họ đã đưa cô ấy đi ăn tối và xem phim, mời cô ấy trả tiền

một cách vui vẻ. Chẳng bao lâu sau, họ đã tiêu hết 1.000 đô la của cô ấy như thể đó là một loại từ thiện công cộng. Rồi họ bỏ rơi cô ấy.

Cuối cùng, trong tuyệt vọng, Tú đã viết thư cho một người bạn Việt Nam và chồng cô ấy ở New Orleans và nhờ họ bảo lãnh cho mình. Họ đồng ý, và cô ấy đã định cư ở đó. Khi tôi tìm được cô ấy, vài tháng sau khi Sài Gòn sụp đổ, cô ấy đã nhận một công việc làm thợ may và thuê một căn hộ cho riêng mình, và bắt đầu kết hợp những từ ngữ mới nhất của tiếng Anh vào giọng nói lơ lớ của mình.

32. Tài xế hạng sang

Lê Duẩn ám sát đối thủ chính trị hàng đầu của mình ở Hà Nội ! Quân đội Trung Quốc tràn qua biên giới vào Bắc Việt để trả thù cái chết !" Những tiêu đề chói mắt này đã được phát trên sóng của Đài Phát thanh Sài Gòn vào sáng ngày hai mươi lăm. Và bạn gần như muốn tin vào chúng. Nhưng tất nhiên chúng chỉ là một trò lừa bịp, một mảnh chiến tranh tâm lý được bịa ra bởi chính quyền Sài Gòn để làm rối loạn và làm mất tinh thần các quân đội Bắc Việt ngay

trước cửa nhà chúng ta.

Hầu hết người Sài Gòn thấy câu chuyện quá vô lý đến nỗi họ không thèm bận tâm theo dõi thêm chi tiết vào cuối ngày. Người Bắc Việt Nam có lẽ cũng không ấn tượng hơn. Những người nghe duy nhất có vẻ như đã bị lừa là các nhà báo Mỹ. Suốt buổi sáng, tôi bị ngập trong những cuộc gọi từ các bạn phóng viên tìm kiếm xác nhận. Tôi nói với họ đó chỉ là một trò đùa tồi tệ của Sài Gòn.

"Thành phố như một ngòi nổ ngắn và nóng bỏng," tôi đã viết trong sổ tay cùng ngày hôm đó. "Bộ phim mới nhất của John Wayne chiếu ở trung tâm thành phố nhưng không có ai xem." Không ai cần những cảm giác mạnh mẽ giả tạo ở thành phố này. Thực tế đang ở đây.

Tiền như thường lệ là một thước đo

tâm trạng. Bây giờ cần năm nghìn đồng để kiếm một đô la trên thị trường chợ đen, tăng từ ba nghìn chỉ cách đây một ngày hoặc hơn. Những điềm báo nhỏ hơn cũng xuất hiện khắp nơi. Theo một người bạn là phóng viên, những cô gái cuối cùng tại quán bar của Mimi đã được nhìn thấy đang đóng gói đồ đạc vào một chiếc Chevrolet cũ sáng nay. Chắc chắn rằng, một người Mỹ tài ba nào đó đã tìm ra cách để đưa tất cả họ lên chiếc 'Freedom Bird' vĩ đại.

Tại Đại sứ quán, một tình bạn giả tạo gọi là 'hội chứng Alamo' đã nảy sinh giữa những người trong chúng tôi vẫn được coi là 'thiết yếu.' Các đồng nghiệp chưa bao giờ nói chuyện với nhau trước đây bỗng trở thành bạn bè thân thiết, ăn trưa cùng nhau (nhanh chóng), trao đổi câu chuyện về nguồn gốc của Đại sứ, hành

vi của ông ấy, và về kế hoạch của cộng sản. Theo một cách nào đó, sự thân thiện mới này là kết quả của nhu cầu lẫn nhau. Sự di cư liên tục của người giúp việc, đầu bếp và người đánh giày đã khiến chúng ta mất đi những trợ giúp thường lệ; chúng ta chỉ có thể bù đắp bằng cách đoàn kết lại. Một người vợ của nhân viên Bộ Ngoại giao (một trong số ít người còn sống) đã bắt đầu làm đầu bếp bán thời gian tại nhà hàng phía sau Đại sứ quán, và người quản lý tòa nhà chung cư của tôi đã thuyết phục một người hàng xóm có kỹ năng nấu ăn thành lập một đội đặc nhiệm để cung cấp thức ăn cho những người còn lại trong chúng tôi.

"Bây giờ khi Tý Hà đang trên đường đến, tôi vẫn giữ được bình tĩnh khá tốt, mặc dù một trong những thư ký nói rằng thấy dấu hiệu căng thẳng." 'Đó là tủ quần

áo của bạn,' cô ấy đã nói với tôi hôm qua. "Những chiếc áo phom dáng may đo đó bắt đầu bị nhão như lều trong gió."

Tôi tiếp tục cố gắng giữ cho bạn bè và đồng nghiệp của mình cập nhật tin tức, với lý thuyết rằng kiến thức an ủi hơn là trí tưởng tượng hoang dã. Nhưng rõ ràng không phải ai cũng đồng ý. Eva Kim đã nói với tôi hôm nọ rằng cô ấy gần như bị suy tim mỗi khi tôi bước vào phòng suite tầng ba với một báo cáo tình báo trên tay.

Có vẻ như tôi đang chạy đôn chạy đáo khắp nơi, từ văn phòng Đại sứ đến văn phòng của Polgar và quay lại văn phòng của mình, sản xuất các phân tích ngay lập tức, lục lọi qua những thông tin tình báo ngày càng giảm sút để tìm một chút hy vọng. Polgar tự tin rằng phe đối lập sẽ sớm phát đi tín hiệu 'linh hoạt'

của họ qua Radio Hanoi hoặc Liberation Radio, vì vậy cứ mỗi giờ một lần, tôi lại băng qua bãi cỏ đến văn phòng theo dõi của Dịch vụ Thông tin Phát thanh Nước ngoài [CIA] để xem các bản dịch mới nhất.

Cho đến nay, những bản sao chép đã không hề mang lại cảm giác phấn chấn. Kịch tính thực sự nằm ở chính văn phòng giám sát. Người quản lý, một tay lão luyện ở Viễn Đông, đã đau khổ suốt nhiều ngày về số phận của các biên dịch viên tiếng Việt trong đội ngũ của ông. Ông muốn chuyển họ đến Bangkok để họ không bị mắc kẹt trong cuộc di tản cuối cùng. Nhưng Martin và Polgar phản đối, vì hầu hết những người liên quan đều là nam giới trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự. Tôi đã bảo người quản lý hôm qua gửi họ đi bất kể thế nào; Moorefield

sẽ cấp phép cho họ. Nhưng ông ấy là một quan chức CIA tận tâm không thể tưởng tượng nổi việc vi phạm quy tắc. Vì vậy, các nhân viên người Việt của ông ấy bị mắc kẹt ở đây, với những nguyên tắc của ông ấy - và toàn bộ quân đội Bắc Việt cách đó chưa đầy ba mươi dặm.

Sáng thứ Sáu, các hạn ngạch nhập cư mới đã chính thức có hiệu lực. Bộ trưởng Tư pháp tại Washington đã chính thức phê duyệt mức trần 130.000 người mà chúng tôi đã được thông báo hai ngày trước đó.

Vài giờ sau, một số lính dù Việt Nam đã cố gắng cắt đường qua hàng rào dây thép gai bao quanh trung tâm xử lý DAO. Một đại đội thủy quân lục chiến đã được điều động từ hạm đội đến để

giúp củng cố khu vực. “Sau đó chúng tôi không gặp khó khăn nào trong việc duy trì kiểm soát,” Smith nhớ lại. “Có điều gì đó về một lính thủy đánh bộ Hoa Kỳ khiến người dân Việt Nam phải tôn trọng.”

Trong số những lính thủy đánh bộ được trực thăng đưa vào có Thiếu tướng Richard Carey, chỉ huy lực lượng Thủy quân lục chiến đặc biệt sẽ đảm nhận nhiệm vụ bảo vệ theo Lựa chọn IV. Ông và Tướng Smith đã hội ý trong vài giờ về các chi tiết quan trọng. Theo nguyện vọng của Gayler, họ quyết định rằng nếu và khi chuyến trực thăng cuối cùng được lắp đặt, khu vực tập kết trung tâm sẽ là khu phức hợp DAO. Trực thăng của Air America sẽ chỉ được sử dụng để chở hành khách từ các bãi đáp trên mái nhà ở trung tâm thành phố đến đường bay.

Nhân viên của Smith đã đề xuất vào

một thời điểm rằng khuôn viên Đại sứ quán nên được biến thành một bệ phóng thay thế cho các máy bay trực thăng "Sea Knights" và các máy bay trực thăng khổng lồ khác sẽ tạo thành xương sống của hoạt động vận chuyển bằng trực thăng. Nhưng chính Gayler đã bác bỏ điều đó, lập luận rằng Đại sứ quán không bao giờ có thể được bảo vệ đúng cách. Martin (lần này) đồng ý với ông ấy. Theo ý kiến của anh ấy, không cần phải có hơn 200 người tại Đại sứ quán vào ngày N ; thực tế, một số lượng lớn hơn, anh ấy cảm thấy, có thể gây ra hoảng loạn ở trung tâm Sài Gòn. "Và trong trường hợp xấu nhất," ông nói với một cấp dưới, "tôi có thể luôn tìm nơi trú ẩn nơi Mérillon bên cạnh.»

Quyết định này suýt nữa đã hủy hoại tất cả chúng ta. Tập trung kế hoạch của

họ hoàn toàn vào DAO, Smith và Gayler sẽ không bao giờ chuẩn bị đầy đủ cho các cuộc hạ cánh trực thăng lớn tại Đại sứ quán hoặc cho việc phong tỏa khu phức hợp. Theo kịch bản làm việc của họ, Đại sứ quán chỉ đơn thuần là một trong nhiều điểm tập trung trên các tuyến xe buýt đến DAO.

Vì hiện nay có quá ít nhân viên DAO trong thành phố để điều hành và giám sát hai mươi tám điểm dừng xe buýt được chỉ định, Carey và Smith quyết định giảm số lượng xuống một nửa. Họ cũng đã thiết kế một hệ thống cảnh báo khẩn cấp mới vì lý do an ninh. Trong trường hợp Lựa chọn IV, đài phát thanh Mỹ của DAO sẽ cảnh báo thính giả bằng câu mã "Mẹ muốn bạn gọi về nhà," theo sau là một bản ghi âm bài hát "I'm Dreaming of a White Christmas" của Bing Crosby.

Mặc dù Nhà Trắng vẫn phản đối ý tưởng di tản người Việt đến Vũng Tàu, Martin vẫn tiếp tục hy vọng vào điều đó. Sáng thứ Sáu, ông đã cử George Jacobson đến văn phòng của Polgar để được thông báo về tình hình quân sự xung quanh thành phố ven biển. Tôi đã chỉ ra trong cuộc trao đổi rằng Bắc Việt vừa mới lập một sở chỉ huy mới ở khu vực Vũng Tàu - một dấu hiệu chắc chắn cho thấy họ đang lên kế hoạch hoạt động tấn công ở đó.

Martin không để sự bất tiện nhỏ này làm lung lay ông. Sau đó trong ngày, ông đã cử Đại úy Carmody đến Vũng Tàu để thảo luận về các biện pháp an ninh với chỉ huy thủy quân lục chiến, Bùi Thế Lân, người có quân lính, tất cả đều là những người lạc lõng từ QK 1, là lực lượng đồn

trú chính ở đó. Carmody đã hứa với Lân sẽ hỗ trợ sơ tán những người phụ thuộc "được chọn" của thủy quân lục chiến, nếu đổi lại, thủy quân lục chiến sẽ đảm bảo việc di chuyển an toàn cho những người sơ tán và quyền tiếp cận tự do đến các bãi biển.

Lân cảm thấy nghi ngờ. Ông muốn lính thủy đánh bộ Mỹ được đưa lên bờ để chống lại quân Bắc Việt. Ông nói rằng quân đội của mình nên được để lại để kiểm soát đám đông và các bến cảng, vì "khác với người Mỹ" - họ sẽ không ngần ngại bắn hạ những thường dân Việt Nam "vô kỷ luật".

Nhưng Carmody đã nói với ông ta một cách kiên quyết rằng sẽ không có lực lượng mặt đất của Mỹ, và sau một số

mặc cả, Lân đã đồng ý làm theo đề xuất của Carmody.

Đêm đó, Đại sứ quán đã thực hiện phần của mình trong thỏa thuận. Bất chấp sự phản đối quyết liệt của Gayler, hai chiếc C-130 đã được điều đến sân bay Vũng Tàu để đưa hàng trăm gia đình Việt Nam, tất cả đều là lính thủy đánh bộ. Về phần mình, Lân không bao giờ được yêu cầu thực hiện phần việc của mình trong thỏa thuận. Đất nước sẽ sụp đổ trước khi anh ta có cơ hội.

Đối với Washington, Việt Nam lại một lần nữa trở thành một trò chơi con số, và như những ngày mà Lầu Năm Góc và Nhà Trắng tranh luận về số lượng thương vong như những tỷ lệ cược trên đường đua, không ai chắc chắn mức độ

tin cậy của các con số. Thứ trưởng Habib đã nói với các phóng viên vào thứ Sáu rằng cộng đồng người Mỹ ở Sài Gòn đã giảm xuống còn 1.357 quan chức và công dân tư nhân. Chỉ trong vài giờ, phát ngôn viên báo chí của Martin tại Đại sứ quán đã đưa ra một bản đính chính - «thực tế là khoảng 1.500 đến 1.800.»

Sự nhầm lẫn không chỉ là biểu hiện của sự kém cỏi trong bộ máy quan liêu (mặc dù điều đó có thể đã góp phần). Như một quan chức ở Washington đã chỉ ra, người Mỹ chưa bao giờ dựa vào danh sách của ai đó mà vẫn "trườn ra từ những nơi khuất mắt."

Những con số thay đổi và mâu thuẫn đã làm nghiêng cán cân tại Quốc hội. Sau một cuộc tranh luận kéo dài mười bốn giờ đầy kịch tính, các đại biểu Hạ viện và Thượng viện đã bỏ phiếu vào sáng thứ

Sáu để áp đặt các giới hạn nghiêm ngặt lên khả năng điều hành của Tổng thống. Trong khi đồng ý hỗ trợ hơn 300 triệu đô la cho công tác cứu trợ và di tản, họ đã khăng khăng, như một điều kiện, rằng Nhà Trắng phải giảm số lượng người Mỹ ở Sài Gòn xuống mức "tối thiểu" ngay lập tức. Họ cũng quy định rằng quân đội Mỹ chỉ có thể tham gia "với số lượng, khu vực và thời gian" cần thiết để hoàn thành việc rút lui của người Mỹ. Không thể tổ chức một cuộc di tản riêng cho người Việt Nam. Như Kissinger đã lo sợ, Quốc hội đã tự đặt mình vào trung tâm của chính sách.

Vài giờ sau, Thượng viện đã phê duyệt luật bao gồm những điểm này, nhưng Hạ viện vẫn nghi ngờ và do dự. Nhiều thành viên của nó đã khăng khăng yêu cầu thêm bằng chứng về thiện chí

của Chính quyền, và do đó, ban lãnh đạo đã quyết định hoãn cuộc bỏ phiếu cuối cùng về biện pháp viện trợ thêm vài ngày nữa, đến ngày 29 hoặc 30 tháng 4.

Bị Quốc hội kiềm chế và chèn ép, các quan chức Chính quyền đột nhiên phát triển một sự đồng cảm với các đồng nghiệp đang gặp khó khăn ở tuyến đầu. Trong một cuộc họp buổi chiều tại Bộ Ngoại giao, Habib, rõ ràng là bị nản lòng bởi hành động của Quốc hội, đã từ chối không chấp nhận bất kỳ lời chỉ trích nào thêm đối với kẻ thù cũ của mình, Graham Martin. Thực ra, ông thừa nhận, Đại sứ đã làm hết sức mình để đáp ứng các chỉ thị từ Washington.

Ở Langley, Virginia, Giám đốc CIA Colby cũng cảm thấy một chút hào phóng đối với Polgar. Trong một thông điệp cá nhân gửi đến Trưởng Đài, ông

đã khen ngợi những nỗ lực của ông ấy và thông báo rằng ông đang đề xuất ông ấy cho giải thưởng cao nhất của CIA.

Đối với Nhà Trắng, sự cứng rắn trong thái độ của Quốc hội đã dấy lên bóng ma của một cuộc khủng hoảng chỉ huy nghiêm trọng, một cuộc khủng hoảng có thể đe dọa đến việc hoàn thành thành công cuộc sơ tán. Tuy nhiên, Martin lại lạc quan hơn. Theo quan điểm của ông, người Liên Xô đã đảm bảo cho chúng ta một lối thoát.

Khoảng trưa thứ Sáu, ông ta lang thang vào căng-tin phía sau Đại sứ quán để ăn súp và bánh sandwich. Ông ngồi xuống với sĩ quan Trạm Bill Johnson, và trò chuyện tán gẫu với ông ta trong nửa giờ. Vào một thời điểm, Johnson đã đề

cập rằng ông ấy đang xây dựng nền tảng cho một mạng lưới gián điệp ở lại. Martin mỉm cười. "Tôi hy vọng điều đó sẽ không cần thiết," anh ấy nói với giọng miền Nam nhẹ nhàng của mình, "mạng lưới ở lại, ý tôi là vậy." Tôi hy vọng tất cả chúng ta sẽ ở lại.

Sự lạc quan của ông đã nhận được một cú hích nữa vào sáng hôm đó. Đại diện ICCS Hungary, Toth, đã liên lạc lại với Polgar để truyền đạt một số lời khuyên mới và những gợi ý đầy hy vọng đến Đại sứ quán. Chắc chắn rằng không phải tất cả những gì ông ấy nói đều mang tính khích lệ. Nhắc nhở Polgar về sự cần thiết của hành động "nhanh chóng", ông yêu cầu một "sự cắt đứt rõ ràng" với hiến pháp Việt Nam Cộng hòa và khẳng định rằng Hoa Kỳ phải cam kết một cách rõ ràng không can thiệp quân sự. Nhưng

trong một tâm trạng hòa giải hơn, ông cũng khuyên Trưởng Đài rằng phái đoàn PRG tại Tân Sơn Nhất hiện nay muốn ông, Polgar, làm liên lạc của họ trong việc thảo luận các vấn đề chính trị, và sẵn sàng gặp ông vào Chủ nhật, hai ngày tới.

Polgar vội vã quay trở lại Đại sứ quán để truyền bá tin vui. "Ông thấy chưa," ông ấy kêu lên khi chạy qua văn phòng của tôi. "Tôi đã đúng." Có cơ hội cho một loại thỏa thuận nào đó. Họ muốn tôi làm trung gian.

Tôi đã cố gắng, một cách lịch sự, để đưa ra một lưu ý cảnh báo, nhắc nhở ông về buổi phát thanh của Đài Phát thanh Giải phóng hôm trước : đặc biệt là yêu cầu rút toàn bộ "nhân viên tình báo" Mỹ khỏi Việt Nam. Tôi không thể thấy làm thế nào điều đó có thể hòa hợp với "yêu

cầu" của Mặt trận Giải phóng rằng ông ấy hoạt động như một người trung gian. Polgar nhăn mặt, và gợi ý rằng có thể Đài Phát thanh Giải phóng không nằm trong kế hoạch tổng thể của Hà Nội.

Martin rõ ràng đã đồng ý với anh ta. Mặc dù ông không thể được an ủi bởi việc Toth từ chối hiến pháp của Sài Gòn, ông đã nhìn nhận những nhận xét về Polgar như một dấu hiệu tích cực. Đến giữa trưa, ông đã gửi đi nội dung chính của lời đề nghị mới nhất từ Hungary tới Washington.

Dựa trên những gì Toth đã nói với anh ta, Polgar lại cầu xin Đại sứ cho phép anh ta đẩy Huong sang một bên ngay lập tức. Nhưng Martin kiên quyết giữ vững lập trường. Ông lập luận rằng điều quan trọng là phải tổ chức sự thay đổi chính phủ tiếp theo theo cách phù hợp với luật

pháp và trật tự. Vài tháng sau khi miền Nam Việt Nam sụp đổ, Polgar vẫn tin rằng việc Martin từ chối cho phép một "sự phá vỡ rõ ràng" với hiến pháp đã gây ra sự thất bại của chiến lược đàm phán.

Khúc dạo đầu Hungary không phải là tín hiệu khói quyến rũ duy nhất trong ngày hôm đó. Cuối buổi sáng hôm đó, Đại tá Harry Summers, phó trưởng phái đoàn Mỹ tại Đội Quân sự Liên hợp ở Tân Sơn Nhất, đã thực hiện chuyến bay liên lạc cuối cùng của mình đến Hà Nội. Trong chuyến đi, một trong những đồng nghiệp Bắc Việt của ông đã lén lút đến gần ông để nói vài lời riêng tư. Như Summers sau này đã báo cáo, người liên lạc của ông "đã đưa ra ba nhận xét quan trọng" : (1) Nhóm Quân sự Liên quân bốn bên, và ngụ ý là phái đoàn Mỹ mười

lăm người, phải ở lại miền Nam Việt Nam, bất kể điều gì xảy ra ; 2) Văn phòng Tùy viên Quốc phòng phải giải thể toàn bộ; và (3) Đại sứ quán Mỹ phải làm việc với "chính phủ mới" để định hình tương lai của mình.

Những nhận xét đó mơ hồ đến mức khó hiểu. Liệu Bắc Việt có đang đưa ra một nhành ô liu cho người Mỹ hay chỉ đơn giản là cố gắng đảm bảo việc loại bỏ DAO ? Martin chọn cách đọc nhấn mạnh theo cách phù hợp với hy vọng của riêng mình. Những "nhận xét quan trọng" mà ông quan tâm nhất là những nhận xét liên quan đến Đại sứ quán và Đội Quân sự Liên hợp. Theo ông, Bắc Việt đang khẳng định lại sự sẵn sàng đồng ý với sự hiện diện quân sự Mỹ còn lại ở Việt Nam.

Vì vậy, ông ngay lập tức chỉ thị cho Summers và phần còn lại của phái đoàn Mỹ chuẩn bị ở lại. Như một biểu tượng của "lòng tốt," ông cũng chỉ đạo họ chuyển cho các đồng nghiệp Bắc Việt một bảng thống kê cho thấy số lượng chính xác của nhân viên DAO vẫn còn ở Sài Gòn (327), cùng với đảm bảo rằng toàn bộ nhóm, bao gồm cả Smith và những người khác, sẽ rời Sài Gòn trước ngày 30 tháng 4.

Cuối ngày, Martin đã rất phấn chấn. Những tiết lộ của Toth và Bắc Việt dường như ủng hộ cách giải thích rộng rãi và lạc quan của Kissinger về thông điệp của Brezhnev. Không chỉ còn thời gian cho một cuộc di tản của Mỹ và có thể cho một giải pháp chính trị ; dường như Hà Nội thực sự không có ý định làm nhục Hoa Kỳ.

Chiều hôm đó, Đại sứ ICCS Ba Lan Fialkowski đang tổ chức một buổi tiệc cocktail để vinh danh một trong những đồng nghiệp sắp rời khỏi. Mặc dù Martin thường tránh các sự kiện của ICCS như tránh hủi, nhưng ông quyết định xuất hiện, chỉ để củng cố thỏa thuận mà giờ đây dường như đã nằm trong tầm tay.

Khi ông bước vào biệt thự của Fialkowski, có một sự xôn xao giữa các vị khách. "Vậy là Graham Martin thật sự tồn tại !" một nhà ngoại giao ngạc nhiên thốt lên. Martin gật đầu nhẹ với đám đông rồi bắt đầu đi vòng quanh, tỏa ra sức hút và sự tự tin như chỉ một diễn viên với tài năng hoàn hảo của ông mới có thể làm được. Cuối cùng, ông ta kéo người chủ nhà sang một bên. Đã đến lúc, ông nói với Fialkowski, mọi người phải cùng nhau làm việc để chấm dứt cuộc

đổ máu. Nhà ngoại giao Ba Lan lo lắng không yên. Nếu hòa bình là điều mà người Mỹ mong muốn, ông ta đặt câu hỏi, thì tại sao họ lại tập hợp một hạm đội hải quân ngoài khơi ? "Chà," Martin đáp, "nếu Bắc Việt cố gắng can thiệp vào cuộc di tản của chúng ta, bạn sẽ biết những con tàu đó để làm gì." Fialkowski tái mét. Rõ ràng là anh ta không bỏ lỡ mối đe dọa đó. "Và nhân tiện," Martin tiếp tục, "có lẽ bạn có thể giải thích mục đích của việc tiếp tục xây dựng các hệ thống SA-2 xung quanh Sài Gòn." Fialkowski gần như tỏ ra xin lỗi. "Chúng chỉ nhằm mục đích phòng thủ, tôi xin đảm bảo với ngài Đại sứ." Chỉ để mục đích phòng thủ thôi.

Martin rời bữa tiệc cocktail với niềm tin rằng anh đã chơi bài đúng cách. Trong khi Bắc Việt rõ ràng tự tin vào

chiến thắng cuối cùng, họ giờ đây phải tính toán lại với mối đe dọa trả đũa từ Mỹ. Có lẽ điều đó sẽ ngăn họ cố gắng giành lấy phần thưởng trước khi cuộc di tản hoàn tất.

*

Theo Văn Tiến Dũng, ông và các đồng đội đã biết chính xác vào chiều thứ Sáu rằng họ sẽ chiếm đoạt giải thưởng như thế nào và khi nào. Thật vậy, như ông giải thích trong hồi ký của mình, ngày hai mươi lăm là ngày họ hoàn tất các chi tiết cuối cùng. Tướng Tấn, chỉ huy mặt trận phía đông, đã được cho phép chính thức phát động các cuộc tấn công ban đầu của ông vào Biên Hòa vào chiều hôm sau. Trong khi đó, Dũng đã gặp gỡ với phó tư lệnh lực lượng không

quân Bắc Việt, người vừa mới đến từ Hà Nội, để hoàn tất kế hoạch cho cuộc không kích dự kiến nhằm vào Tân Sơn Nhất. Đức cảnh báo viên phi công rằng anh ta chỉ có một cơ hội duy nhất, vào ngày hai mươi tám, để cho máy bay của mình tham chiến, vì giai đoạn thứ hai và cuối cùng của cuộc tấn công sẽ được thực hiện vào ngày hôm sau.

Chiều thứ Sáu muộn, phó của Dũng, Tướng Trần Văn Trà, đã rời khỏi sở chỉ huy tiền phương của quân đội tại Bến Cát, phía bắc Sài Gòn, để bắt đầu chuẩn bị cho phần còn lại của quân đội tấn công.

Trong khi BV lên kế hoạch và tập dượt cho hành động cuối cùng, Tổng thống Hương già cũng cố gắng làm điều tương tự. Trong các cuộc trao đổi bí mật với phái đoàn Bắc Việt tại Tân Sơn Nhất

trong suốt cả ngày, ông đã đề nghị gửi một người trung gian đến Hà Nội để thảo luận về lệnh ngừng bắn. Đề xuất này đã bị từ chối ngay lập tức. Tiếp theo, ông đề nghị mở cửa các nhà tù và thả tất cả «tù nhân chính trị,» bao gồm mười tám nhà báo bị giam giữ vào tháng Hai, như một dấu hiệu của thiện chí của mình. Bắc Việt thậm chí còn không thèm bình luận.

Hương cũng đã gặp bí mật với "Minh lớn" trong nỗ lực tuyệt vọng cuối cùng để thuyết phục ông gia nhập nội các với tư cách là Thủ tướng. Minh cũng không dễ dãi hơn cộng sản.

Khi Hương lúng túng, các nhân vật chính trị khác đã đoàn kết lại chống lại ông. Trần Quốc Bửu, nhà lãnh đạo công đoàn nổi tiếng đã từng là cộng tác viên của CIA, kêu gọi các tín đồ đẩy Hương

ra khỏi văn phòng. Trí Quang, người kích động cho Chùa Ấn Quang, đã cầu xin ông già nhường chỗ cho Minh. Tại một cuộc biểu tình ở ngoại ô thành phố, Không quân Đại tướng Kỳ đã kích động 5.000 tín đồ Công giáo cánh hữu thành một cơn cuồng loạn chống cộng sản, chống chính phủ. "Chiến thắng được gọi là củacCộng sản," ông ta gào lên, "là kết quả từ việc các tướng lĩnh và sĩ quan của chúng ta chọn chạy trốn ngay cả trước khi bị yêu cầu !"

Ngay sau đó, một trong những người bảo vệ cũ của Kỳ, Robert Shaplen, phóng viên của The New Yorker, đã ghé thăm văn phòng của Polgar để cố gắng tạo ra sự ủng hộ của CIA cho sự nghiệp của Tướng Không quân. Polgar khó lòng giấu được sự thiếu kiên nhẫn của mình.

Nhìn ngắm đống đổ nát của những

hy vọng và tham vọng của chính mình, Hương nhanh chóng kết luận rằng ông không có lỗi. Đó là bóng ma của Thiệu, đổ xuống chế độ của ông như một vết nhơ, đã phá hủy uy tín của ông với cộng sản, ông quyết định. Để thoát khỏi nó, ông chỉ có thể nghĩ đến một giải pháp: chính Thiệu sẽ phải bị đuổi khỏi Sài Gòn.

Kể từ khi từ chức vào ngày hai mươi mốt, Thiệu đã đóng vai Goneril trong vở King Lear của Hương. Khi đi qua đi lại trong hành lang của căn biệt thự trống trải bên bờ sông, ông hoàn toàn đắm chìm vào giấc mơ trả thù và khôi phục lại sự huy hoàng. Vợ ông, sợ hãi đến mức không thể chịu đựng nổi, đã rời Sài Gòn đến Bangkok bằng máy bay thương mại vào sáng thứ Năm, và em trai ông, Đại sứ Sài Gòn tại Đài Loan, đã bay đến để

cố thuyết phục ông rời đi. Nhưng Thiệu không nghe theo điều đó. Ông tin rằng ông vẫn còn một vai trò để đảm nhận. «Và nếu tôi đi, tôi phải đi với danh dự, với một cây gậy,» ông nói với người em họ Hoàng Đức Nhã. Nhã đã không gặp Thiệu kể từ khi trở về từ Singapore vào cuối tuần trước, và khi ông thăm lãnh đạo thất thế tại biệt thự của ông vào chiều thứ Năm, ông thấy Thiệu đã thay đổi, lạc lối trong thế giới mộng mơ của riêng mình. Và như thường lệ, Nhã cố gắng tự biến mình thành người phát ngôn cho thực tại. "Không, Tổng thống của tôi," ông nói với Thiệu, "không còn thời gian cho danh dự hay báo thù nữa." Ông phải rời đi ngay bây giờ."

Thiệu, thường lạnh lùng và kín đáo, dường như bị cảm động bởi sự quan tâm. "Chỉ có em là người duy nhất đứng

bên cạnh anh, Nhã,» ông ấy thốt lên, "và sau tất cả những tổn thương anh đã gây ra cho em - việc sa thải và sự nhục nhã."

Nhã, lặn sâu vào trí tưởng tượng phong phú của mình để tìm một lời an ủi cuối cùng, đã tìm thấy một lời, một cách thích hợp, trong lịch sử của đất nước đã đầu tiên hình thành quan điểm của Thiệu. "Chỉ cần nghĩ về tôi như Cambronne," ông nói, "tướng đã đứng bên Napoléon ở Elba." Chỉ cần nghĩ đến tôi như Cambronne," ông nói, "tướng quân đã đứng bên cạnh Napoleon ở Elba." *

*[Trần Văn Đôn cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự ra đi của Thiệu. Gặp gỡ cựu Tổng thống vào chiều ngày hai mươi lăm, ông đã nói với ông ấy rằng Kỳ và không quân muốn ông ở lại để họ có thể giết ông.]

Hương không thể tưởng tượng được việc tự mình buộc Thiệu phải lưu vong, vì sợ rằng một số người ủng hộ trung thành của cựu Tổng thống sẽ trả thù khủng khiếp ông ta. Vì vậy, ông ấy đã nhờ Martin sắp xếp một giải pháp cho mình.

Martin hầu như không mấy nhiệt tình với viễn cảnh đó. Cho đến nay, ông đã cố gắng duy trì hư cấu rằng Đại sứ quán không có bàn tay trực tiếp trong sự sụp đổ chính trị của Thiệu. Ông không muốn làm gì để thay đổi ấn tượng đó.

Tuy nhiên, bây giờ lại có một yếu tố quan trọng khác. "Đại" Minh đã trở nên tin chắc rằng sự hiện diện liên tục của Thiệu ở Sài Gòn là một trở ngại cho các bước đi của mình. Ông đã yêu cầu Timmes của CIA đảm bảo rằng Thiệu bị lưu

vong. Điều đó đã củng cố suy nghĩ của Martin.

Khoảng 5 giờ chiều ngày hai mươi lăm, Polgar đã gọi tôi, Joe Kingsley, Tướng Timmes và một sĩ quan khác của Đài đến văn phòng của ông ấy. "Các cậu có thể tìm đường quanh Sài Gòn vào ban đêm không ?" ông ấy hỏi một cách ngại ngùng. Chúng tôi đều gật đầu, mặc dù thực ra tôi không chắc chắn lắm về bản thân mình, với vô số con đường phụ và các vòng xoay giao thông kiểu Pháp của thành phố. "Tốt," ông tiếp tục, "vì tôi muốn các bạn giúp tôi đưa Thiệu và Thủ tướng Khiêm sang Đài Loan tối nay." Đối với tôi, đây là một việc dễ dàng, một phần công sức mà tất cả các bạn đã bỏ ra để hoàn thành công việc đáng khen ngợi.

Polgar chỉ mới được tham gia vào vụ này trong vài giờ qua. Ban đầu Martin dự định đây là một sự kiện hoàn toàn mang tính quân sự và hoàn toàn tin tưởng vào DAO để thực hiện mọi sự sắp xếp cần thiết, bao gồm cả một chuyến bay "tối mật" đặc biệt khởi hành từ sân bay Air America tại Tân Sơn Nhất. Nhưng vào phút chót, có lẽ vì đánh giá cao những nỗ lực của Polgar với người Hungary, ông đã quyết định giao cho Trạm một vai trò.

Martin sau đó đã tâm sự với tôi rằng anh ấy hối hận vì đã làm như vậy. "Anh ta không làm được gì đúng," ông phàn nàn về Polgar. "Tôi đã yêu cầu anh ta đánh máy các tài liệu ân xá của Thiệu và mang theo khi các anh đến Tân Sơn Nhất." Nhưng anh ta thậm chí còn không làm được điều đó. Anh ấy đã quên giấy tờ. Anh ấy nói rằng không thể tìm thấy một

cái máy đánh chữ." Kết quả là, Thiệu đã rời bỏ đất nước của mình trên một chiếc máy bay Mỹ mà không có sự cho phép của chính quyền Việt Nam hay Mỹ.

Timmes, hai sĩ quan khác và tôi đã lấy ba chiếc limousine từ các gara của Đài vào khoảng 8:30 tối và lái xe đến trụ sở quân đội Nam Việt Nam ngay bên ngoài Tân Sơn Nhất, nơi Khiêm có tư dinh riêng. Joe và tôi đã giấu súng ngắn dưới ghế ; chúng tôi đã tự làm mình hoảng sợ bằng cách suy đoán một cách hào phóng về khả năng tái diễn vụ ám sát Diệm. Chúng tôi đều có thể hình dung ra cảnh tượng một cách sống động : các sĩ quan quân đội trẻ tuổi của Việt Nam chặn chúng tôi lại tại một chốt kiểm soát, ra lệnh cho chúng tôi xuống xe và bắn chúng tôi. Ít nhất chúng tôi muốn có thể mang theo một vài người trong số họ với

chúng tôi, dù có thể nghe có vẻ kịch tính.

Ngay sau 9 giờ tối, Polgar đến nhà Khiêm bằng xe riêng và tài xế của mình. Trong khi ông ấy uống một ly nước phục hồi sức lực với Khiêm và Timmes bên trong, chúng tôi còn lại phải đứng chờ ở sân trong. Kingsley và tôi cố gắng phân tâm bằng cách trò chuyện với các lính gác người Việt Nam ở các rìa. Một số đang chơi bài. Hầu hết dường như thờ ơ với sự ra vào của tất cả những "người vĩ đại" xung quanh họ. Có tiếng súng nổ lách tách ở vành đai của căn cứ không quân cách đó không xa. Đột nhiên, một chiếc radio bỗng nhiên phát ra tín hiệu giữa sĩ quan trực của Đại sứ quán và một xe tuần tra của Mission Warden. Một cuộc giao tranh vừa bùng nổ gần nghĩa trang Việt Nam phía sau Đại sứ quán. Hai người lính Nam Việt Nam căng thẳng đã nổ

súng vào nhau. “Nhưng hình như không có thương vong,” một người gọi báo cáo. “Bây giờ mọi thứ có vẻ yên tĩnh.”

Khi tiếng nói chuyện trên radio lắng xuống, một chiếc Mercedes màu xám đã đỗ vào lối đi. Một người đàn ông cao trung bình, tóc bạc chải ngược, mặt bóng loáng, bộ vest xám được là phẳng phiu, bước ra khỏi xe. Trong ánh sáng mờ ảo, Nguyễn Văn Thiệu trông giống như một người mẫu cho phiên bản Đông Dương của tạp chí Gentleman’s Quarterly hơn là một cựu nguyên thủ quốc gia. Ông không thèm nhìn chúng tôi khi ông vội vàng bước lên bậc thềm đến cửa chính.

Chỉ vài phút sau, một vài trợ lý vạm vỡ lao ra từ một khu rừng ở rìa khuôn viên, mỗi người mang theo một chiếc vali khổng lồ. Họ yêu cầu chúng tôi mở cốp xe cho họ và khăng khăng tự xếp hành

lý. Âm thanh va chạm của kim loại vào kim loại phá vỡ sự tĩnh lặng như tiếng chuông gió bị bóp nghẹt khi họ nhấc những chiếc túi lên vị trí.

Không lâu sau đó Thiệu, Khiêm, Polgar, Timmes và một số nhân viên cao cấp Nam Việt Nam xuất hiện từ một hiên phụ và nhanh chóng tản ra các chiếc limousine. Thiệu ngồi vào ghế sau xe tôi, kẹp giữa Timmes và một phụ tá người Việt. "Ở yên đó, thưa Tổng thống," Timmes khuyên ông, "vì lợi ích của chính ông." Tôi tự hỏi liệu có cách nào tôi có thể làm điều tương tự và vẫn lái xe được không.

Chuyến đi kéo dài mười phút, mặc dù nó có vẻ như hàng giờ. Timmes đã trò chuyện với Thiệu về những chuyện nhỏ nhặt một cách đặc biệt, chủ yếu là về quá khứ. Họ đã lần đầu gặp nhau bên đống

lửa trại ở QK 1 vào khoảng năm 1961, và Timmes thỉnh thoảng đã thông báo cho ông về tiến trình bình định trong những năm tiếp theo ("một trong những thành tựu lớn của ông, thưa Tổng thống"). Vào một thời điểm, Timmes đã giới thiệu tôi là "một nhà phân tích xuất sắc của Đại sứ quán – do đó một tài xế cao cấp." Có tiếng cười gượng gạo và Thiệu lẩm bẩm bằng tiếng Anh có giọng Pháp rằng tất cả các tài xế ở Sài Gòn đều "cao cấp," nhưng "có thể là tệ nhất, thậm chí so với những kẻ điên ở Bangkok."

"Vợ và con gái của ông thế nào ?" Timmes hỏi. "Họ đã đi London để mua đồ cổ," Thiệu trả lời một cách không thành thật. Tôi có thể thấy khuôn mặt của cựu Tổng thống trong gương chiếu hậu, đôi mắt lấp lánh khi những ánh đèn đường vụt qua. Mùi Scotch treo lơ lửng

trong không gian điều hòa như một cái tang.

Khi chúng tôi tiến gần đến cổng chính của Tân Sơn Nhất, đèn pha của tôi chiếu sáng thoáng qua đài tưởng niệm Việt Nam dành cho những người lính Mỹ đã hy sinh, với dòng chữ khắc " SỰ HY SINH CAO CẢ CỦA CÁC CHIẾN BINH ĐỒNG MINH SẼ KHÔNG BAO GIỜ BỊ LÃNG QUÊN." Thiệu thở dài rõ ràng và quay đi.

Một lần nữa Timmes cảnh báo ông ta nằm yên. Thông thường, cảnh sát an ninh Việt Nam ở cổng chính sẽ không bận tâm nhìn hai lần vào một chiếc xe Mỹ có biển số ngoại giao, nhưng đã quá 9:30 tối, một giờ sau giờ giới nghiêm. Họ có thể sẽ nhút nhát. May mắn thay, lần này thì họ không như vậy.

Khi đoàn xe lướt ra đường băng bên ngoài văn phòng bán vé Air America, tài xế của chiếc xe ngay trước mặt tôi đã tắt đèn pha. Tôi cũng làm như vậy, và trong vài khoảnh khắc kinh khủng, tôi không thấy gì cả, chiếc Chevrolet lớn lao vào bóng tối như thể nó có ý chí riêng. Đột nhiên, khi mắt tôi điều chỉnh lại, tôi thấy Polgar nhảy qua đường băng cách đó vài thước. Đạp phanh để tránh đâm vào anh ta, tôi dừng lại với tiếng kêu chói tai, xe lảo đảo, Thiệu và tất cả các hành khách khác của tôi va vào ghế trước. Những chiếc xe phía sau tôi lao tới và trượt quanh nhau như những chiếc xe tuần tra trong một cảnh rượt đuổi của Keystone Cops. Polgar, hai tay đung đưa, chạy lên và mở cửa cho Thiệu.

Một chiếc C-118 bốn động cơ của Không quân Hoa Kỳ mờ mờ hiện ra cách

đó không xa. Một vài lính thủy đánh bộ Mỹ mặc thường phục, vệ sĩ riêng của Đại sứ Martin, đứng sang một bên. Đại sứ tự mình đang đứng chờ ở chân cầu thang lên máy bay.

Khi cánh cửa sau bật mở, Thiệu nghiêng người qua ghế và vỗ vai tôi. "Cảm ơn," ông ấy nói khàn khàn, đưa tay ra. Ông nắm chặt tay tôi trong vài khoảnh khắc, chớp mắt xua đi những giọt nước mắt, rồi trượt ra và chạy lên cầu thang. Khiêm và nhóm phụ tá, mang theo các gói hàng dưới cánh tay, máy ảnh và túi đeo vai va chạm vào ve áo, vội vã chạy theo ông ta.

"Tôi chỉ nói lời tạm biệt với ông ấy," Martin sau này nhớ lại cuộc trò chuyện cuối cùng của họ. "Không có gì lịch sử." Chỉ là lời tạm biệt."

Đối với Joe Kingsley và tôi, cuộc trò chuyện cuối cùng đó dường như kéo dài vô tận. Ngoài sân bay, chúng tôi đứng một mình lo lắng, quan sát các ranh giới của sân bay và đùa giỡn (một cách vụng về) về tiếng súng nổ bên ngoài. Cuối cùng Polgar và sau đó là Martin đã chui ra khỏi cửa hầm và động cơ máy bay bắt đầu gầm rú. Khi Đại sứ bước xuống bậc thang cuối cùng của cầu thang, ông quay lại nắm lấy tay vịn và bắt đầu kéo toàn bộ cấu trúc đi với tốc độ nhanh như chạy, như thể ông đang cố gắng theo một cách biểu tượng nào đó để giật lấy hiện tại từ quá khứ. «Ngài Đại sứ !» Tôi hét lên, thở hổn hển theo bên cạnh ông ấy. “Ông có thể làm điều đó cho mình không ?” Ông ấy dừng lại và đứng nhìn xuyên qua tôi, ngực phập phồng. Ông ta đang đeo cặp kính oval như thường lệ với khung màu da, và trông ông ta giống như một người

đàn ông được may đo cẩn thận hơn là một người vừa nói lời tạm biệt với dấu vết cuối cùng của ba thập kỷ chính sách tồi tệ.

32. Đến lượt chúng tôi

Cuộc di cư khỏi Biên Hòa đã diễn ra rầm rộ vào sáng hôm sau. Nhiều người bị cuốn vào dòng người di tản đã di chuyển bằng taxi và ô-tô với những biểu tượng của sự giàu có được buộc chặt phía sau, vì Biên Hòa luôn là một phần phụ thuộc của sự thịnh vượng của Sài Gòn, một phần mở rộng của thị trường tiêu dùng của nó. Đường cao tốc bốn làn chạy về phía tây hướng tới thủ đô, niềm tự hào của các kỹ sư Mỹ, dường như sống động với dòng xe nối đuôi nhau, gợn sóng và lượn lờ dưới một

lớp khói thải như một con rắn khổng lồ. Lực lượng an ninh cố gắng thiết lập các trạm kiểm soát cách nhau vài dặm để lọc ra những kẻ xâm nhập cộng sản, nhưng sớm bị quét sạch.

Tướng Viên, Trần Văn Đôn và những người khác đã dành buổi sáng tại Dinh Độc Lập cầu xin Hương từ chức. Cuối cùng, vào khoảng giữa trưa, ông lão đã đồng ý, nhưng vì sự tức giận, phản ứng theo luật lệ, hoặc để tôn trọng Martin, ông đã yêu cầu một cái giá cuối cùng cho hiến pháp. Dưới bất kỳ hoàn cảnh nào, ông nói, ông sẽ không đơn giản giao quyền lực cho Minh. Quốc hội sẽ phải "hợp pháp hóa" sự thay đổi này bằng cách bầu Minh một cách chính thức. Trong một thông điệp gửi tới Quốc hội, ông đã giải thích lập trường của mình, thêm rằng : "Nếu các ông không thể quyết định

thay thế tôi bằng Tướng Minh, và nếu chúng ta không thể thương lượng thành công và hạnh phúc, thì Sài Gòn sẽ phải trở thành một đại dương máu và chúng ta vẫn sẽ phải chiến đấu vì danh dự quốc gia của mình."

Khi Hương lại đặt ra một trở ngại nữa cho việc đầu hàng dễ dàng, những tín hiệu mới và khó hiểu liên quan đến ý định chính trị của cộng sản dường như tấn công chúng tôi từ mọi phía. Vào khoảng giữa trưa, Trần Văn Đôn đã được một trong những «người trung gian của Mặt trận Giải phóng miền Nam» liên lạc và được đảm bảo «chắc chắn» rằng một lệnh ngừng bắn sẽ có thể xảy ra nếu Minh nắm quyền ngay lập tức và người Mỹ không cố gắng sơ tán một số lượng lớn người Việt hoặc thu hồi trang thiết bị

quân sự khỏi đất nước (như Von Marbod đang cố gắng làm). Ngay sau đó, bà Binh, Bộ trưởng Ngoại giao của Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam (PRG), đã truyền đạt cho các liên lạc viên Pháp rằng Việt Cộng thực sự sẽ xem xét việc đàm phán với Minh, với điều kiện chính phủ mới của ông không bao gồm bất kỳ ai có thiện cảm với Thiệu. Các nhà ngoại giao Pháp cũng nhận được lời cam kết tương tự từ trưởng đoàn của Chính quyền Nhân dân Cách mạng Lào tại Paris, Phạm Văn Ba. Trong một thông điệp phấn khởi gửi đến Washington vào ngày hai mươi sáu, chính phủ Pháp báo cáo rằng Ba vừa khuyên họ rằng một «công thức chính trị» để Minh nắm quyền một chế độ «lấy cảm hứng từ tinh thần hòa giải dân tộc» sẽ được chấp nhận.

Sự nở rộ đột ngột của những nhành

ô liu này tự nhiên đã gây ra một cơn chấn động lớn ở cả Washington và Sài Gòn. Nhưng có nên coi trọng chúng không ? Sự tương đồng của các lời đề nghị khác nhau đã dấy lên suy đoán rằng chúng chỉ đơn thuần là một phần của chiến dịch lừa đảo có phối hợp. Hơn nữa, cho mỗi tuyên bố hòa giải, một tuyên bố cứng rắn, cứng rắn có thể được tìm thấy trong các phương tiện truyền thông của cộng sản hoặc trong các kênh ngoại giao. Chỉ trong vài giờ sau khi Ba phát biểu, chẳng hạn, Đài phát thanh Hà Nội đã yêu cầu bãi bỏ hoàn toàn chính phủ Sài Gòn và quân đội của nó, và kêu gọi tất cả các nhân vật "lực lượng thứ ba" tham gia cùng nhân dân trong một "cuộc nổi dậy tổng lực." Không có bất kỳ đề cập nào đến khả năng thành lập một "chính quyền" mới ở Sài Gòn (như đã có trong một bản phát thanh tương tự hai ngày trước đó),

và vì Minh thường tự gọi mình là một "người trung lập của lực lượng thứ ba," nên tuyên bố này dường như ngụ ý từ chối bất kỳ loại giao dịch nào với ông.

Cũng có những tiếng kêu thất vọng từ các phát ngôn viên của Mặt trận Giải phóng miền Nam tại Tân Sơn Nhất. Tại một cuộc họp báo vào khoảng giữa trưa, Đại tá Võ Đông Giang, khi được hỏi về triển vọng đàm phán, chỉ nói, "Quân đội của chúng tôi tiếp tục tiến lên."

Giang biết rõ mình đang nói về điều gì. Ông và các đại biểu PRG của ông đã được thông báo trong một tin nhắn bí mật từ tổng hành dinh của Dũng hôm trước rằng cuộc tấn công vào Sài Gòn sắp xảy ra, và ông cùng các đồng nghiệp của ông thậm chí bây giờ đang đào hầm trú ẩn dưới khuôn viên của họ như một nơi trú ẩn chống lại cuộc pháo kích mà

họ giờ đây biết rằng chỉ còn chưa đầy ba ngày nữa.

Không ai trong số chúng tôi, những người đã lục lọi sự mơ hồ trong các tuyên bố của ông ấy, có thể biết sự thật nào bị che giấu. Điều tốt nhất mà bất kỳ ai cũng có thể làm là đoán, và tùy thuộc vào những hy vọng và giả định mà bạn đã phải chịu đựng ngay từ đầu, có đủ bằng chứng để hỗ trợ gần như bất kỳ trường hợp nào.

Tại Washington, xu hướng là đọc thấy một chút hy vọng trong sự hỗn loạn. Ngay sau khi biết được những bình luận của bà Bình, Colby đã khuyên WSAG : "Chúng tôi hiện nay tin rằng Hà Nội đã cố tình kiềm chế quân sự để tạo thời gian cho quá trình sơ tán và để một chính phủ đầu hàng được thành lập ở Sài Gòn..." Tóm lại, hành động hiện tại

đã chuyển sang lĩnh vực chính trị. Trong khi đó, Kissinger đã gửi cho Đại sứ quán một bản tóm tắt về thông điệp của Pháp liên quan đến những tiết lộ gần đây của Ba ở Paris. Ông cũng đính kèm một lời cảnh cáo nghiêm khắc. Vì sự tinh tế ngày càng tăng của quá trình đàm phán, ông khẳng định, ông giờ đây đang tự đưa mình ra trước. Bất kỳ sáng kiến chính trị nào tiếp theo sẽ được thực hiện ở Paris - bởi ông, không phải ở Sài Gòn. Đại sứ quán sẽ hạn chế các trao đổi của mình với Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam (PRG) chỉ vào các vấn đề quân sự chiến thuật.

Polgar không cần phải được nhắc nhở để nhận ra rằng những lời khiển trách này đang nhắm vào anh ta. Mặc dù PRG có thể muốn ông làm người hòa giải, nhưng Washington rõ ràng thì không.

Vấn đề, Martin đã nói với tôi, là sự nhiệt tình của Polgar. Nếu ông ta đạt được mục đích, Hương và hệ thống hiến pháp của Sài Gòn sẽ nhanh chóng bị loại bỏ để đổi lấy một nền hòa bình dễ dàng. Sẽ không có sự nhượng bộ với các nhà lãnh đạo cộng sản, không có nỗ lực nào để biến khả năng từ chức của Hương thành một quân bài mặc cả. Và với thông điệp gần đây từ Brezhnev, Kissinger tin rằng việc thương lượng vẫn còn là một khả năng.

Bất chấp những lời phản đối của Kissinger, Polgar tiếp tục kêu gọi cho "hòa bình dễ dàng" mà ông cảm thấy là cần thiết, và suốt buổi chiều ngày hai mươi sáu, ông đã thúc giục Martin cho phép tiếp cận với các nhà lãnh đạo cộng sản, hoặc ít nhất là một cử chỉ biểu tượng nào đó, để trấn an họ rằng chúng tôi đang

cố gắng đáp ứng các yêu cầu của họ. Tuy nhiên, Martin vẫn không tiếp nhận và từ chối tất cả các đề xuất của Polgar, ngoại trừ một : ông đồng ý để Trạm thực hiện một cuộc khảo sát qua điện thoại khiêm tốn nhằm giúp Trần Văn Đôn và những người khác thuyết phục Quốc hội rằng một lệnh ngừng bắn ngay lập tức là cần thiết.

"Chết tiệt !" "Ông già đó bệnh tật, cáu kỉnh," Polgar kêu lên với tôi khi anh ta lầm lũi đi qua văn phòng của tôi sau một trong những cuộc cãi vã của anh ta với Đại sứ. "Ông ấy không hề ngủ được, và ông ấy trút giận lên tất cả chúng ta."

Thật trớ trêu, bình luận tiêu cực thực sự đầu tiên về các tuyên bố mới nhất của cộng sản, ít nhất là ở Sài Gòn, lại đến từ Đại sứ quán của Mérillon. Trong một cuộc trò chuyện với Polgar vào khoảng

giữa trưa, Brochand đã thổ lộ rằng ông đang nhanh chóng mất niềm tin vào triển vọng hòa bình và lo sợ rằng ngay cả cơ hội cho một cuộc đầu hàng thương lượng cũng đã bị mất do sự mặc cả của các chính trị gia Sài Gòn.

Cũng không chỉ có Brochand là thành viên duy nhất của nhóm vận động hòa bình địa phương mà sự tự tin đang giảm sút. Cùng chiều hôm đó, Đài đã nhận được thông tin từ một nguồn đáng tin cậy rằng phái đoàn ICCS của Ba Lan đã quyết định, ba ngày trước đó, sẽ sơ tán khỏi Sài Gòn. Một chiếc IL-18 của Ba Lan, dự kiến sẽ đến trong vài giờ tới, sẽ đưa tất cả 280 đại biểu Ba Lan đến Warsaw qua Bangkok vào sáng hôm sau, ngày 27 tháng 4.

Trong khi các nhà quan sát ở Sài Gòn và Washington tranh luận về ý định của Hà Nội, Tướng Dũng đang tránh những ổ gà trên một con đường đất ở miền bắc QK 3. Ngay sau khi bình minh ló dạng vào ngày hai mươi sáu, ông và các trợ lý cấp cao của mình đã xuất phát bằng xe từ sở chỉ huy phía sau tại Lộc Ninh và hướng về phía nam tới trại lính chính phủ bỏ hoang ở Bến Cát, cách Sài Gòn ba mươi dặm về phía bắc, nơi sẽ trở thành căn cứ tiền phương của họ. Chính tại đây, từ một túp lều tranh, Dũng sẽ phối hợp giai đoạn cuối cùng của chiến dịch Hồ Chí Minh.

Khi ông đến sở chỉ huy ngay trước buổi trưa, ông thấy phó của mình, Tướng Trần Văn Trà, đang phác thảo các đường tấn công trên bản đồ địa hình. Tại một sở chỉ huy khác ở phía đông hơn, Tướng

Lê Trọng Tấn, tư lệnh mặt trận Biên Hòa, đang giám sát những chuẩn bị gấp rút vào phút chót cho cuộc tấn công ban đầu của mình, sẽ diễn ra vào chiều hôm đó.

Chỉ còn hai thành viên của đội chỉ huy cộng sản chưa đảm nhận vị trí của họ trên các bức tường thành. Các ủy viên Bộ Chính trị Phạm Hùng và Lê Đức Thọ vẫn ở hậu phương tại Lộc Ninh, chắc hẳn đang thực hiện những biện pháp cuối cùng cho những luồng gió chính trị.

Ngoài Brochand và đội ICCS Ba Lan, nhiều người khác ở Sài Gòn giờ đây dường như cảm nhận được sự vô vọng của các cuộc thao túng chính trị. Trong vòng hai mươi bốn giờ qua, số lượng người Mỹ và Việt Nam xếp hàng chờ chỗ ngồi tại trung tâm sơ tán DAO đã vượt quá khả năng của "hệ thống," và vào sáng ngày hai mươi sáu, McCurdy buộc phải

đóng cửa tạm thời để cho phép nhân viên của mình có thời gian xử lý lượng công việc tồn đọng.

Đối với ba nhân viên lãnh sự hiện đang làm việc với Moorefield trong khu vực xử lý, áp lực đã trở nên gần như không thể chịu đựng nổi. Không ai trong số họ có thể ngủ được hơn ba hoặc bốn giờ mỗi đêm, và những yêu cầu của công việc đòi hỏi nhiều hơn những gì hầu hết họ đã quen. «Mỗi vài phút,» Moorefield nhớ lại, «chúng tôi phải đưa ra những quyết định sống còn, chia rẽ các gia đình, từ chối những người mà chúng tôi biết sẽ phải đối mặt với sự trả thù từ VC nếu bị bỏ lại." Là một cựu sĩ quan tác chiến, tôi có một chút kinh nghiệm với loại trách nhiệm này, nhưng các đồng nghiệp của Bộ Ngoại giao thì không.

Một trong những đồng nghiệp của

Moorefield, một viên chức lãnh sự, đã thực sự gục ngã dưới áp lực. Khoảng giữa trưa, anh ta đột nhiên đứng bật dậy khỏi bàn làm việc và đập vỡ một chai Coca vào tường, la hét chửi bới hàng trăm người Việt Nam hoảng loạn đang chen lấn để đến gần anh ta và con dấu lãnh sự quý giá của anh. Moorefield lập tức gọi điện cho Đại sứ quán và yêu cầu thay thế người đàn ông đó.

Những người khác phản ứng với áp lực một cách bình tĩnh và tính toán hơn. "Tôi nhớ một người Mỹ," Moorefield tuyên bố, "người đã xuất hiện trước cửa nhà tôi vào lúc sáu giờ ba mươi sáng một trong những buổi sáng cuối cùng đó." Anh ta có một người bạn Trung Quốc, anh ta nói, người sẵn sàng biến chúng ta thành những thanh niên rất giàu có nếu tôi chỉ cần đóng dấu vào giấy tờ của anh

ta. Tôi đã nói với anh ta rằng tôi không thể làm điều đó. Tôi đã ngạc nhiên khi anh ta thậm chí còn hỏi. Anh ấy là một người bạn của tôi, một người có phẩm hạnh. Nhưng tôi đoán áp lực cũng đã ảnh hưởng đến anh ấy.

Đến chiều ngày hai mươi sáu, Jim Devine, phó điều phối viên Nhiệm vụ, đã cử một nhóm giám sát viên nhỏ tại trung tâm DAO để đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu mới được thiết lập của mình, và Don Hays cùng Jim Gagnon - hiện đang làm việc toàn thời gian để di chuyển các nhân viên địa phương của Bộ Ngoại giao - đã bắt đầu phát các thẻ nhận dạng tự chế, mỗi màu khác nhau cho mỗi giai đoạn của trò chơi xử lý, nhằm cố gắng theo dõi các đối tượng của họ. * Tại Đại sứ quán, trong khi đó, Shep Lowman và các nhân viên khác chịu trách nhiệm ghi

chép về các nhân vật quan trọng của Việt Nam đang ngày càng tụt lại phía sau. Vô số tên đã được thu thập từ các cơ quan của Phái bộ khác nhau. Thẻ căn cước được xếp thành từng hàng trên bàn và ghế. Nhưng Lowman và các cộng sự của anh vẫn chưa tìm được thời gian để lập danh sách chính. Vấn đề chỉ đơn giản là khối lượng, Lowman sau này giải thích, quá nhiều tên để xử lý.

*[Các giám sát viên của Devine nhanh chóng rơi vào những xu hướng "hào phóng" tương tự như những gì đã xảy ra với Moorefield. Mặc dù họ đã được phân công đến DAO để thực thi các hạn ngạch của Đại sứ quán và đảm bảo việc sơ tán người Việt Nam mà chúng ta có nghĩa vụ đặc biệt, họ đã dành phần lớn thời gian của mình chỉ để buôn lậu bạn bè người Việt lên máy bay.]

Đầu buổi chiều, Walt Martindale đã đến thăm Nay Luette, một cựu bộ trưởng chính phủ và là người tự xưng là phát ngôn viên của người dân tộc miền núi mà viên chức trẻ của Đại sứ quán đã quen biết rất rõ trong thời gian phục vụ của mình ở vùng cao nguyên QK 2. Luette nắm chặt tay Martindale và cầu xin ông đảm bảo việc di tản ít nhất một trăm trẻ em miền núi «để hạt giống của dân tộc chúng tôi được bảo tồn.» Martindale biết rằng tuyên bố đó không chỉ là một lời nói kịch tính thông thường. Xét về sự thù địch truyền thống của người Việt Nam đối với người miền núi, ông không nghi ngờ gì rằng đội quân chiến thắng của Hà Nội sẽ bắt những người đồng hương của Luette trả một cái giá khủng khiếp.

Ngay sau phiên họp, Martindale lái xe đến Đại sứ quán để tìm kiếm sự trợ giúp mà Luette đã yêu cầu. Jacobson lắng nghe những lời cầu xin của ông ta và rõ ràng là bị xúc động. Nhưng ông ấy không đưa ra nhiều lời khích lệ. "Tôi e rằng, Walt," ông ta nói sau một lúc lâu, "chúng ta là những người duy nhất trong Đại sứ quán này quan tâm đến người miền núi."

Jacobson cũng không có vẻ thuyết phục về sự cần thiết của hành động ngay lập tức. Ông ta đảm bảo với Martindale rằng một "thỏa thuận" đang đến gần, và khuyên ông ta bắt đầu lên kế hoạch cho sự ra đi của mình.

Martindale rất kinh ngạc và cầu xin Jacobson cho phép anh ở lại để giúp đỡ. Cuối cùng Jacobson đã nhượng bộ và cho phép anh ta thực hiện một chuyến đi nữa đến đảo Phú Quốc để đón thêm

những người bạn Việt Nam của mình từ Qk 2 để họ có thể được đưa ra khỏi Sài Gòn. Trong vòng một giờ, Martindale đã lên đường.

Với ngày càng nhiều người sơ tán chen chúc lên chuyến bay C-1418, áp lực ở đầu tiếp nhận của cuộc không vận bắt đầu gần giống với áp lực tại điểm xuất phát. Cuối cùng, vào chiều muộn ngày hai mươi sáu, các quan chức ở Washington đã ra lệnh chuyển hướng một số chuyến bay sơ tán từ Guam đến Đảo Wake, cách đó 1.300 dặm về phía đông bắc, để đội tiếp nhận ở Guam có thể nghỉ ngơi.

Từ sở chỉ huy của mình ở phía đông Sài Gòn, Tướng Lê Trọng Tấn cố gắng theo dõi hoạt động vận chuyển hàng không của Mỹ khi ngày dần khép lại, qua

các báo cáo radio từ các biệt kích cộng sản trên vành đai Tân Sơn Nhất. Một câu hỏi vẫn luôn hiện hữu trong tâm trí ông : Liệu máy bay chiến đấu của Mỹ có nằm trong số các máy bay đang bay vào và ra khỏi Sài Gòn không ? Cho đến nay, những người quan sát của ông chưa phát hiện thấy chiếc nào.

Lúc 5 giờ chiều, chỉ huy BV liếc nhìn đồng hồ, rồi gật đầu với nhân viên vô tuyến của mình. Chỉ trong vài giây, một thông điệp mã hóa báo hiệu sự khởi đầu của cuộc tấn công của cộng sản vào Nhơn Trạch và các vùng ngoại ô phía đông Sài Gòn đã được gửi đến các chỉ huy của sáu sư đoàn dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Tấn. Chiến dịch «Giải phóng Sài Gòn của Hồ Chí Minh» giờ đây đã thực sự bắt đầu.

*

Khi cuộc tấn công bắt đầu, các chính trị gia ở Sài Gòn vẫn tiếp tục tranh cãi. Đến cuối ngày, các phe phái khác nhau trong Quốc hội vẫn đang tranh cãi về việc có nên và bằng cách nào để thay đổi chính phủ theo yêu cầu của cộng sản. Một số nhà lập pháp, những người từng liên minh chặt chẽ với Thiệu, đã phản đối ứng cử của Minh vì sợ bị trả thù từ ông ta. Những người khác, những người cánh hữu, ủng hộ Kỳ thay thế Huong. Cuối cùng, trong tình trạng bế tắc không thể giải quyết, hai viện của Quốc hội đã đồng ý trả lại vấn đề cho chính Hương, và nhất trí thông qua một nghị quyết chung ủy quyền cho vị Tổng thống cũ làm bất cứ điều gì ông cảm thấy cần thiết để giải quyết cuộc khủng hoảng. Đó không phải là một mệnh lệnh rõ ràng cho sự thay

đổi mà Hương đã mong muốn.

Ngay trước giờ giới nghiêm, tôi lái xe đến khách sạn Duc. Những báo cáo đầu tiên về cuộc chiến xung quanh Biên Hòa đã bắt đầu đổ về Đài, nhưng vẫn còn ít chi tiết, và tôi quyết định rằng mình cũng nên ăn một bữa ngon và ngủ một giấc thật sâu để chuẩn bị cho những áp lực không thể tránh khỏi của ngày hôm sau.

Cảnh tượng đêm đó tại quán bar Duc có thể đã được lấy từ một bi kịch Brecht. Đám đông đồng nghiệp đã tụ tập để uống một ly rượu bổ dưỡng, nhưng không có chút không khí thân thiện nào mà thường thấy ở đám đông sau giờ làm việc. Bây giờ đã trở thành điều hiển nhiên rằng cái gọi là "thời kỳ yên tĩnh"

đã kết thúc, nếu nó từng bắt đầu, và một số sĩ quan đứng im lặng buồn bã bên cửa sổ nhựa, nhìn những tia sáng lóe lên dọc theo đường chân trời. Những người khác nói chuyện nhỏ nhẹ với nhau, trao đổi những câu chuyện ghê rợn về quá trình xử lý tại DAO và sự thiếu thốn trong kế hoạch của Trạm.

Tôi kéo một chiếc ghế đẩu bên cạnh một người bạn cũ, một tay lão luyện người Mỹ Latinh, người đã được điều động đến Việt Nam vào một thời điểm xa xôi trong sự nghiệp của anh ta. Khuôn mặt ông ta trắng bệch như phấn, đẫm mồ hôi, và tay ông ta run rẩy khi nâng ly Scotch đôi lên. Tôi hỏi anh ấy có ổn không (tôi biết anh ấy có tiền sử bệnh tim). Vâng, anh ấy đã trấn an tôi, đó chỉ là do căng thẳng thôi. Anh ấy đã ở DAO cả ngày để cố gắng giúp một số người

bạn Việt Nam của mình tìm chỗ trong các ống trượt. Thật là một cuộc hành xác ! Cả ngày dưới nắng, chỉ có một chút bia để uống. Chỉ có vậy thôi. Bạn sẽ nghĩ rằng...

Tôi đã ngắt lời anh ấy, không thực sự muốn nghe những chi tiết kinh hoàng. Còn vợ và gia đình người Việt của anh ấy thì sao ? Tôi hỏi. Họ đã được sơ tán chưa ? Ông gật đầu. Vâng, vài ngày trước. Rồi anh ấy cười, thêm rằng họ không mấy hài lòng với các nhân viên điều khiển bay của DAO. Bạn thấy đấy, gia đình đã nuôi một bầy lợn trong sân sau và muốn mang ít nhất một hoặc hai con đến Mỹ. Vợ anh ta không chịu từ bỏ và đã bọc hai con lớn hơn mang theo họ đến trung tâm xử lý DAO. McCurdy và những người của ông, không cần phải nói, đã vạch ra ranh giới.

Tôi cười, và chúng tôi đùa về tính thực dụng bẩm sinh của người Việt Nam và tôi đã mua cho anh ấy một ly Scotch nữa. Anh ta nhìn chằm chằm vào nó một lúc, khuôn mặt lại trở nên căng thẳng. Tôi chúc anh ấy ngủ ngon. Anh ấy đang khóc.

*

Tôi đã ngủ được khoảng bốn tiếng trong giấc "ngủ ngon" của mình thì điện thoại trên bàn đầu giường reo. Đó là sĩ quan trực ban của CIA tại Đại sứ quán. Đài Hà Nội vừa phát đi một tuyên bố chính trị "có thẩm quyền" khác : một lời cảnh báo tới chính quyền Sài Gòn yêu cầu đáp ứng ngay các yêu cầu của Mặt trận Giải phóng miền Nam. Tôi bảo anh ấy đừng làm phiền Polgar với chuyện đó. Anh ấy đã biết rồi, và đã bác bỏ các thời hạn của Hà Nội.

Khoảng một giờ sau, thời hạn này đã đến hạn. Cú nổ đầu tiên vang rền khiến tôi lăn khỏi giường. Khi tiếng nổ thứ hai làm rung chuyển không khí, tôi đã mò mẫm xung quanh sàn nhà trong bóng tối để tìm áo giáp và súng M-16 của mình. Sau đó, với tiếng nổ vang lên bên cửa sổ, tôi bò đến bàn đêm của mình, cầm lấy điện thoại và gọi đến Đại sứ quán. "Số lượng tên lửa không xác định," viên sĩ quan trực ban lắp bắp. "Tất cả đều ở trung tâm thành phố." Tôi nói với anh ấy rằng tôi sẽ vào ngay khi tôi có thể mặc đồ.

Tôi mặc một chiếc áo sơ mi và quần jeans, và đang chuẩn bị thắt lại áo giáp khi một tiếng gõ cửa điên cuồng làm rung cửa chính. Tôi mở cửa một cách thận trọng, tắt chế độ an toàn trên khẩu M-16 của mình. Người hàng xóm và

đồng nghiệp của tôi, Joe Kingsley, đang đứng đó trong ánh sáng mờ mờ với áo giáp, mũ bảo hiểm và quần lót. "Trông như chiến tranh," anh ta tuyên bố, mỉm cười rộng rãi. "Anh có vào không ?" Tôi nói với anh ấy là tôi sẽ vào và gợi ý anh ấy ở lại chỗ cũ, để nếu có lệnh sơ tán, sẽ có người ở đó để giúp đỡ việc đưa trực thăng lên khỏi mái nhà như chúng tôi đã lên kế hoạch.

Tên lửa 122 mm, một vật thể hình ống dài bảy feet do Liên Xô hoặc Trung Quốc sản xuất, có một nhược điểm lớn : độ chính xác kém. Nhưng Bắc Việt đã cố gắng bù đắp trong suốt những năm qua bằng cách sử dụng nó chủ yếu chống lại các mục tiêu "mềm", chẳng hạn như dân thường. Kể từ tháng 12 năm 1971, Sài Gòn chưa từng cảm nhận được tác động chết người của nó.

Khi tôi đến Đại sứ quán, các chi tiết đang đổ về từ các nguồn cảnh sát : tổng cộng năm quả tên lửa, hai quả ở trung tâm thành phố, phần còn lại ở khu ngoại ô Tàu Chợ Lớn ; sáu thường dân chết, hai mươi hai người bị thương. Một trong những quả tên lửa đã đâm vào căn hộ sang trọng tại Khách sạn Majestic bên bờ sông, để lại một vết máu trên sàn nhà của người gác đêm. Một quả khác đã lao vào một khu ổ chuột gần đồn cảnh sát trung tâm, gây ra một cơn bão lửa giữa 500 hoặc hơn những túp lều dễ cháy.

Polgar bước vào phòng tình huống của CIA khoảng bảy giờ, nhìn tôi và lắc đầu, lẩm bẩm điều gì đó về một "phát súng cảnh cáo." Tôi biết ông ấy muốn tin rằng đó chỉ là một lời cảnh báo, không phải là điềm báo cho những điều sắp xảy ra, vì chỉ cần nghĩ đến một cuộc tấn công

bằng tên lửa hoặc pháo kích quy mô lớn vào trung tâm thành phố cũng đủ làm lạnh xương sống. Khu phố giờ đang bốc cháy là điển hình của nhiều nơi khác : những dãy nhà gỗ san sát nhau. Hai hoặc ba phát súng ngẫu nhiên cũng đủ để biến chúng thành một biển lửa.

Khi buổi sáng kéo dài, Polgar đã cử một số sĩ quan CIA ra khắp thành phố để đánh giá tâm trạng và tìm kiếm dấu hiệu hoảng loạn trong tro tàn. Nhưng người Việt Nam phản ứng như người Việt Nam, một cách triết lý, gần như định mệnh. Một bà lão có túp lều đã biến mất trong cuộc thảm sát vào buổi sáng đã nói ngắn gọn với một nhà báo rằng, "Trong tuần qua, chúng tôi đã nhìn thấy những người tị nạn ngủ dưới lều. Chúng tôi không thể chịu đựng được cảnh tượng đó. Hôm nay đến lượt chúng tôi."

Với cuộc tấn công ban đầu của Tướng Tấn ở phía đông đã diễn ra được vài giờ, phần còn lại của quân đội Bắc Việt bắt đầu vào guồng. Ngay sau bình minh vào ngày hai mươi bảy, "Đơn vị Tác chiến" 232 BV dưới sự chỉ huy của Tướng Lê Đức Anh đã vượt qua một thị trấn trên Đường 4, cách Sài Gòn mười hai dặm về phía tây nam. Về phía tây bắc, các đơn vị của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đã cắt đứt đường cao tốc Tây Ninh-Sài Gòn, chặn đứng một phần Sư đoàn 25 của Quân lực Việt Nam Cộng hòa tại làng Củ Chi. Vài giờ sau, một đơn vị khác của BV đã cắt đứt con đường giữa Sài Gòn và Vũng Tàu, khiến kế hoạch sơ tán của Martin qua các bãi biển trở nên không thể thực hiện được.

Như Dũng đã hình dung, các lớp

phòng thủ bên ngoài của Sài Gòn đang bị bóc tách một cách có hệ thống và hiệu quả như lớp vỏ hành. Tuy nhiên, Dũng vẫn chưa hoàn toàn hài lòng. Ông đã gửi một tin nhắn khẩn cấp đến Tướng Tấn. Tất cả "khó khăn," ông nhắc nhở ông ấy, phải được vượt qua ngay lập tức nếu quân đội muốn có vị trí cho cuộc tấn công cuối cùng vào thủ đô vào ngày hai mươi chín.

Đến giữa buổi sáng, lực lượng cộng sản đã ở rìa Biên Hòa và di chuyển nhanh chóng. Hai nhà báo Pháp, những người đã chần chừ hy vọng có một câu chuyện hay, đã bị các đơn vị tiên phong bắt giữ. Phía tây thành phố, một nhóm nhỏ lính đặc nhiệm cộng sản đã tấn công một cây cầu quan trọng trên đường cao tốc đến Sài Gòn. Các binh sĩ chính phủ vội vã đặt thuốc nổ tại các điểm vượt sông quan

trọng khác ở xa hơn.

Những kẻ lạc lõng từ Sư đoàn 18 VNCH và các đơn vị nhảy dù vốn được giao nhiệm vụ bảo vệ Biên Hòa đã rút lui vào thành phố và bắt đầu cướp bóc và đốt phá. Erich Von Marbod đã điều một chiếc C-130 đến sân bay để thu hồi các thiết bị quân sự còn lại, và sau đó tự mình bay trực thăng vào để giám sát. Nhưng ngay khi ông hạ cánh, vài quả đạn pháo đã rơi xuống chỉ cách vài mét. Ông ra lệnh cho C-130 rời đi, và lao về phía chiếc Huey của mình.

Trong khi đó, Đài Phát thanh Giải phóng đã đưa ra một loạt yêu cầu mới đối với Washington. Ngoài việc rút lui tất cả "tàu chiến, nhân viên tình báo và cố vấn quân sự," người Mỹ giờ đây phải "kiềm chế" không can thiệp thêm vào "các vấn đề của Việt Nam." Một số người

trong chúng tôi hiểu rằng Đại sứ quán sẽ phải ngừng hoạt động.

Nhà Trắng sớm bày tỏ sự không hài lòng với một bên mà họ đã dựa vào sự giúp đỡ. Một phát ngôn viên của Chính quyền đã thông báo rằng Tổng thống Ford và Lãnh đạo Cộng sản Liên Xô Brezhnev đã "đồng ý" hoãn cuộc họp thượng đỉnh dự kiến vào mùa hè tới đến mùa thu.

Giữa lúc tất cả những điều này, Tổng thống Hương già lại bị một cơn bốc đồng pháp lý khác. Ông thông báo với Chủ tịch Thượng viện Trần Văn Lắm ngay trước buổi trưa rằng mặc dù ông đã sẵn sàng chỉ định ông Minh là người kế nhiệm, nhưng ông vẫn quyết tâm trình quyết định này lên toàn thể Quốc hội để

phê duyệt để ông không phải chịu toàn bộ trách nhiệm về quyết định này.

Lắm ngay lập tức triệu tập 134 nhà lập pháp vẫn còn ở trong thành phố và triệu tập họ vào phiên họp bất thường. Để đảm bảo rằng họ nhận thức được sự cần thiết phải hành động kịp thời, ông đã mời Viên, Trần Văn Đôn và Bộ trưởng Kinh tế Hảo đến để thông báo cho họ. Tuy nhiên, những ghen tị chính trị và địa phương vẫn tiếp tục gây rối loạn quyết tâm, và cuộc tranh luận kéo dài suốt buổi chiều. Ở một vài thời điểm, Lắm đã rời khỏi đồng nghiệp để hội ý với Minh. Nếu Đại hội không thể đạt được sự đồng thuận nhanh chóng, họ đồng ý rằng Hương sẽ phải bị lật đổ bằng vũ lực.

Cuối cùng, sau nhiều giờ tranh cãi, Đại hội đã đạt được một quyết định nào đó. Với một phần ba các nhà lập pháp

vắng mặt, hai Viện đã bỏ phiếu nhất trí trao quyền lực đầy đủ cho Minh theo đề xuất của Hương. Lễ nhậm chức được lên lịch vào ngày hôm sau. Hương khăng khăng yêu cầu lễ nhậm chức được hoãn lại đến chiều để ông ta thể khoe với gia đình và bạn bè rằng anh đã là Tổng thống của nước Cộng hòa ít nhất một tuần.

Minh ngay lập tức bắt đầu phỏng vấn các ứng viên cho nội các của mình. Đó là một nhiệm vụ phức tạp, vì hầu hết các chính trị gia có sẵn đều theo một cách nào đó là người thừa kế của "nhóm Thiệu." Chỉ có một sự lựa chọn rõ ràng. Minh tuyên bố thẳng thừng rằng học trò cũ của ông, Vũ Văn Mẫu, sẽ trở thành Thủ tướng. Không quân trưởng Kỳ, nhận ra rằng không còn vai trò nào cho ông, đã ủng hộ Minh và ra lệnh cho những người ủng hộ ông làm như vậy.

Ngay trước cuộc bỏ phiếu của đại hội, Đại sứ Mérillon, trong một nỗ lực tuyệt vọng cuối cùng vì hòa bình, đã thực hiện một chuyến đi bí mật đến Camp Davis tại Tân Sơn Nhất để gặp gỡ trực tiếp các phái đoàn cộng sản ở đó. Nhưng thật thất vọng, các quan chức BV và PRG chỉ lặp lại lập trường cứng rắn mới nhất từ Đài phát thanh Hà Nội. Trong khi đề nghị "hòa bình" để đổi lấy việc rút quân hoàn toàn của Mỹ, họ từ chối cam kết tham gia đàm phán với Minh.

Ngay cả khi những hy vọng cuối cùng của Mérillon bị dập tắt, Polgar đã liên lạc với Đại tá Toth và đội ICCS Hungary để thăm dò ý kiến của họ một cách riêng lẻ. Đây là ngày, sau tất cả, họ đã mời ông gặp gỡ với tư cách là "người trung gian" với phái đoàn PRG tại Tân Sơn Nhất.

Nhưng bây giờ, khi mọi thứ mà Polgar đã làm việc dường như cuối cùng cũng đang vào đúng chỗ, người Hungary có một tin xấu. Họ nói rằng thời gian đã hết ; một thỏa hiệp với bên kia là không thể.

Phản ứng của Polgar là sự sốc và không thể tin được. Làm sao mà kế hoạch lại bị hỏng ngay vào lúc Minh chuẩn bị nắm quyền ? Liệu ông ấy không đã làm hết sức mình để đảm bảo rằng các yêu cầu của Cộng sản được đáp ứng ? Chắc chắn Hà Nội sẽ xem xét điều đó.

Sự hoài nghi và lạc quan không ngừng của ông được phản ánh trong một bức điện mà ông gửi về Washington ngay sau khi cuộc bỏ phiếu của Đại hội. "Câu hỏi lớn vẫn còn đó", ông viết, "liệu những thay đổi [trong chính phủ] có diễn ra kịp thời hay không và liệu những người Cộng sản có coi chúng là

đủ quyết định để chuyển hướng họ khỏi giải pháp quân sự mà họ vẫn hoàn toàn có khả năng thực hiện hay không" (như thể điều đó từng có thể xảy ra). Trong một thông điệp khác, ông đã cố gắng đọc ra một ý nghĩa chính trị từ các sáng kiến quân sự mới nhất của NVA : "Cộng sản rõ ràng đang gây áp lực đáng kể... để thể hiện sự không hài lòng của họ với tốc độ chuẩn bị chậm chạp của Sài Gòn cho các cuộc đàm phán nhằm chấm dứt xung đột." Rõ ràng là ông ta không nghĩ đến điều này và giờ đây ông ta đã vượt xa việc hỏi ý kiến của tôi về vấn đề này rằng cộng sản có thể đang gây áp lực quân sự vì lý do quân sự thuần túy.

Tại Washington, ít nhất một vài nhà quan sát vẫn kiên trì lạc quan như ông. Mặc dù Schlesinger có sự hoài nghi riêng, các nhà phân tích cấp cao trong Cơ quan

Tình báo Quốc phòng đã bình luận trong Bản tóm tắt Tình báo Hàng ngày của họ vào ngày hai mươi bảy : "Những cuộc tấn công bằng rocket [buổi sáng] này... có thể được thiết kế để thúc giục người Việt Nam miền Nam tiến hành đàm phán vào thời điểm này." Có vẻ như cộng sản sẽ trì hoãn một cuộc tấn công toàn diện vào Sài Gòn khi họ đánh giá các diễn biến chính trị. Vào thời điểm đó, các sư đoàn của Văn Tiến Dũng đã ở trong giai đoạn đầu tiên của một cuộc tấn công toàn diện.

Mặc dù cộng đồng tình báo vẫn dường như chưa nắm bắt được tầm quan trọng của các sự kiện trên chiến trường, các nhà phân tích và nhà hoạch định chính sách ở Washington đã đồng ý về một điểm. Trong một bức điện gửi cho

Martin vào buổi chiều ngày hai mươi bảy, Kissinger nhận xét rằng hiện không còn nhiều "tình cảm" trong số các "nguyên thủ" của WSAG đối với việc di tản số lượng lớn người Việt Nam. Cơ hội đã bị mất ; một hành động như vậy bây giờ được coi là vừa không thực tế vừa nguy hiểm. Hải quân tin rằng tình hình quân sự xấu đi ở phía đông và nam Sài Gòn đã loại trừ việc sử dụng Vũng Tàu làm điểm xuất phát, ngay cả cho một cuộc di tản bằng đường thủy từ thủ đô. Do đó, các tàu chở hàng neo đậu tại Newport phải được rút ngay lập tức, trước khi toàn bộ hành lang sông Sài Gòn trở thành mục tiêu của pháo binh Bắc Việt.

Ngay sau khi thông điệp được gửi đi, Nhà Trắng đã chỉ thị cho Đô đốc Gayler sẵn sàng để khởi động một cuộc không vận được tăng tốc mạnh mẽ. Đồng thời,

Kissinger nhắc nhở các đồng nghiệp lo lắng rằng vẫn còn phụ thuộc vào Martin để quyết định khi nào nên "rút phích cắm".

Khi Martin nhận được điện tín của Bộ trưởng, ông ngay lập tức chỉ đạo Đại úy Carmody thả các tàu chở hàng tại Newport, như Lầu Năm Góc muốn, và gửi chúng xuống hạ lưu để an toàn - không có hành khách. Sau đó, ông soạn một bức thư trả lời Kissinger, đảm bảo với ông rằng cộng đồng người Mỹ ở Sài Gòn đã gần đến điểm mấu chốt, không quá 1.000 người (một dự đoán sẽ chứng minh là sai lệch nghiêm trọng). Ông cũng khuyên không nên tăng tốc thêm nữa việc vận chuyển bằng đường hàng không, hay còn gọi là Lựa chọn IV, lập luận rằng thời điểm chưa chín muồi cho cả hai. "Martin nói sau này : 'Tôi tin rằng

tôi có thể đưa ra số lượng tối đa người Việt Nam và người Mỹ ra ngoài vào ngày ba mươi, mà không cần phải sử dụng các biện pháp đặc biệt.'" "Ngày ba mươi là ước tính tối đa của tôi về thời gian mà quân Bắc Việt có thể tấn công vào Sài Gòn."

Trên thực tế, động cơ của Đại sứ cho sự trì hoãn cuối cùng này bắt nguồn từ những cân nhắc về chính trị cũng như quân sự. Như ông ấy đã giải thích với tôi, ông không muốn tạo ra một trở ngại thêm cho chính phủ mới của Minh vì ông chắc chắn rằng một cuộc không vận tăng tốc sẽ diễn ra ngay lúc chính phủ này đang điều đình để đạt được thỏa thuận. Ông cũng không tin rằng việc tháo dỡ hoàn toàn sự hiện diện của Mỹ là cần thiết, bất chấp những lời tuyên bố hùng hồn mới nhất từ Đài phát thanh

Hà Nội và Đài phát thanh Giải phóng. Giống như Polgar, ông vẫn tin rằng một sự thỏa hiệp vẫn nằm trong tầm tay. Ông đã trấn an Tướng Smith vào ngày hai mươi bảy, "Chúng tôi sẽ ở đây đến tháng Bảy hoặc tháng Tám." Tôi không được phép nói cho ông biết tôi biết điều đó như thế nào." Smith chỉ mơ hồ biết về các sáng kiến của Hungary, và không thể tự mình đánh giá. Vì vậy, ông chấp nhận những lời đảm bảo của Đại sứ một cách thẳng thắn. Ông đã gửi điện tín cho vợ mình ở Bangkok và khuyên bà trở về Sài Gòn ; có vẻ như có thể đạt được một thỏa thuận. Chiều hôm đó, cô ấy đã đến bằng máy bay quân sự.

Sự tự tin của Martin vào lựa chọn đàm phán cuối cùng đã khiến ông mâu thuẫn với chính người đàn ông dường như đang nắm giữ tương lai chính trị

của Sài Gòn trong tay. Vào buổi tối ngày hai mươi bảy, Tướng Minh đã yêu cầu và được phép gặp Đại sứ thông qua cố vấn chính trị của Đại sứ quán, Joe Bennett. Khi Martin xuất hiện tại biệt thự của ông, nhà trung lập già nói thẳng rằng vì lợi ích của việc làm hài lòng các nhà cộng sản, ông muốn tất cả người Mỹ gắn bó với DAO rời khỏi Sài Gòn trước khi ông nhậm chức vào ngày hôm sau. Martin phản đối, giải thích rằng ông đã làm rõ với Hà Nội qua Đại tá Summers và Nhóm Quân sự Liên hợp rằng DAO sẽ đóng cửa vào ngày thứ ba mươi. Người Bắc Việt, ông nói, dường như đã chấp nhận điều đó ; vì vậy không cần thiết phải đóng cửa DAO sớm hơn. Cuối cùng, Minh đã nhượng bộ trước những lập luận này và đồng ý cho DAO thêm hai mươi bốn giờ nữa - đến ngày thứ ba mươi - để hoàn tất việc rút lui.

Với điều đó, Minh đã cam kết với một sai lầm chính trị có thể là nghiêm trọng nhất trong cuộc đời ông. Nếu có một yêu cầu mà cộng sản giờ đây dường như quyết tâm thực hiện ngay lập tức, đó là việc loại bỏ tất cả "cố vấn quân sự Mỹ" ở Sài Gòn. Bất kỳ sự kéo dài nào của sự tồn tại của DAO đều là một lời mời gọi thảm họa.

Trong khi Minh và Kissinger tiếp tục nhường quyền cho Đại sứ về việc sơ tán, trụ sở CIA đột nhiên trở nên ít khoan dung hơn với Polgar. Trong suốt cả ngày hôm hai mươi bảy, họ đã dồn dập gửi điện tín cho ông, thúc giục ông tăng cường việc rút lui những người không cần thiết và những người Việt Nam quan trọng. Để cung cấp thêm động lực, các quan chức của cơ quan đã thuyết phục

Lầu Năm Góc cho phép một máy bay được sử dụng độc quyền cho Trạm.

Ngay sau khi màn đêm buông xuống, theo chỉ đạo của tổng hành dinh, Polgar và một số sĩ quan khác của Đài đã thu thập các VIP Việt Nam và dẫn họ lên một chuyến bay đặc biệt "đen" hướng đến Philippines. Trong số các hành khách đặc quyền có Nguyễn Khắc Bình, Hoàng Đức Nhã và Nguyễn Bá Cẩn. Trong tuần qua, Cẩn đã cầu xin Trạm cứu ông ta, nhưng Martin vẫn từ chối để Polgar làm bất cứ điều gì cho ông ta cho đến tận bây giờ. Không ai trong số các nhà lãnh đạo nổi bật của đất nước, Đại sứ đã lập luận, có thể được rời đi cho đến khi Minh được đảm bảo chức vụ tổng thống.

Khi tôi lảo đảo ra khỏi văn phòng vào lúc tám giờ tối hôm đó, tôi không còn nghi ngờ gì rằng ngày tận thế đã đến với chúng tôi. Con đường giữa Sài Gòn và Vũng Tàu đã bị cắt đứt ở nhiều điểm, 700 quân lính còn lại của Sư đoàn 18 VNCH phía đông Biên Hòa đã mất liên lạc trong vài giờ, và Đường 4 ra khỏi đồng bằng đã bị cản trở bởi các chốt kiểm soát của BV. Sài Gòn đã trở thành một hòn đảo tự thân, chỉ còn một cây cầu nối ra bên ngoài là không vận.

Tôi không có tâm trí cho chuyến đi thường lệ sau giờ làm việc đến quán bar và nhà hàng Duc. Thay vào đó, tôi ghé qua căn hộ của Joe Kingsley, cách nhà tôi vài căn, để uống một ly martini và chia sẻ nỗi buồn. Joe đang trong tâm trạng đặc biệt vui vẻ, bất chấp những sự kiện trong ngày. Tôi nhanh chóng phát hiện

ra lý do. Chúng tôi vừa mới uống xong ly martini thứ hai và kể xong một trăm câu chuyện chiến tranh thì chuông cửa reo. "Cô ấy tên là Tuệ," anh ta nói, mỉm cười, khi mở chốt cửa và dẫn vào một cô gái Việt Nam xinh đẹp mười chín tuổi với nụ cười tươi và vòng một đầy đặn. "Một người tị nạn từ quán bar của Mimi." Cô ấy không muốn rời khỏi thành phố cùng với những cô gái khác và đang tìm kiếm công việc, nên tôi quyết định giúp cô ấy một tay - và cả bạn nữa. Cô ấy là của bạn trong đêm nay, miễn phí từ nhà hàng.

Chủ nghĩa khoái lạc và sự mệt mỏi không bao giờ hòa hợp tốt với nhau - ít nhất là với tôi - và tôi cảm thấy tiếc vì Joe đã chu đáo như vậy. Tôi đã cố từ chối "món quà" của anh ấy nhưng anh ấy không nghe. Và vì bây giờ đã quá giờ giới nghiêm, không có chuyện đơn giản là để

bé Tuệ ở lại qua đêm.

Tất cả các lựa chọn khác đều đã cạn kiệt, vì vậy tôi nắm tay cô ấy và dẫn cô ấy về căn hộ của mình. Cô ấy thở hắt ra khi chúng tôi bước vào. Nơi này đã bị bọn đóng gói lục lọi trong suốt cả ngày ; thùng và vật liệu đóng gói vương vãi khắp nơi. Tôi pha cho cô ấy một ly đồ uống và chúng tôi ngồi xuống nói chuyện, và sau một lúc tôi bắt đầu cảm thấy, ừm, có lẽ đây không phải là một ý tưởng tồi tệ lắm. Rồi điện thoại reo : sĩ quan trực như thường lệ. Đài Hà Nội đã cho chúng tôi thêm một chút nhảm nhí ; ông ấy muốn tôi vào xem.

Tôi bảo Tuệ cứ tự nhiên như ở nhà và lái xe đến Đại sứ quán. Các con phố vắng vẻ ngoại trừ một vài hàng rào dây thép gai và những nhóm thanh niên dân quân ngủ gật trên lề đường.

Bản phát sóng dự đoán là rất nghiêm khắc, mô tả việc cải cách chính phủ sắp tới, sự ra đi của Hương và sự lên ngôi của Minh, như một "kế hoạch rất độc hại và nguy hiểm nhằm thay thế Thiệu và Hương và phân công lại tay chân của họ để cứu vãn chính quyền Sài Gòn." Nếu Polgar cần thêm bất kỳ bằng chứng nào nữa rằng các cuộc đàm phán đã kết thúc và Minh không thể chấp nhận được, điều này sẽ đủ. Tôi đã gọi điện cho anh ấy ở nhà và đọc cho anh ấy nghe tuyên bố qua điện thoại. Anh ta chỉ ậm ừ rồi cúp máy.

Khi tôi trở về căn hộ của mình, tôi thấy người khách đang ngủ say giữa giường tôi. Tôi không cố đánh thức cô ấy - ngay cả khi một loạt tên lửa khác phá vỡ sự yên tĩnh trước bình minh. Sáng hôm sau, sau khi cô ấy đi rồi, tôi phát hiện cô

ấy đã bỏ túi một số khuy măng-sét và những món trang sức nhỏ mà những người đóng gói đã bỏ qua hôm trước. Chúng sẽ là một trong những đóng góp cuối cùng của tôi cho công cuộc tái thiết sau chiến tranh ở miền Nam Việt Nam.

34. Họ đang ở trong sảnh

Đó là một buổi sáng mát mẻ với sương mù, điều không bình thường ở Sài Gòn. Ngay sau khi bình minh ló rạng, các biệt kích NVA đã tấn công và đốt cháy một kho hàng của USAID ở phía bên kia sông Sài Gòn và chiếm hai tiền đồn của chính phủ ở đầu xa cầu Saigon chỉ cách trung tâm thành phố vài dặm. Sau đó, họ thiết lập một ổ súng máy giữa cầu và bắt đầu bắn vào bất cứ thứ gì di chuyển. Các máy bay trực thăng vũ trang đã được gọi đến để cung

cấp hỏa lực phản công, và Joe và tôi đã lên mái nhà Đại sứ quán với những tách cà phê đầu tiên của buổi sáng để xem chúng lao xuống và lật ngược con mồi. Kể từ năm 1968, chiến tranh chưa bao giờ đâm sâu vào Sài Gòn như vậy.

Cuộc tấn công vào cây cầu đã đóng cửa hiệu quả đường cao tốc Sài Gòn-Biên Hòa. Biên Hòa giờ đây đang bị pháo kích liên tục, và những kẻ lẻn lút đã tràn vào trụ sở bỏ hoang của bộ chỉ huy MR 3.

Về phía nam, các đơn vị BV đang dồn dập tiến lên Đường 4 ra khỏi đồng bằng và lan rộng về phía ngoại ô phía nam Sài Gòn. Thành phố Tây Ninh, về phía tây bắc, đang chao đảo sau cú sốc của một cuộc tấn công pháo kích lớn vào rạng sáng, và sư đoàn 25 VNCH vẫn đang vật lộn một cách vô vọng để phá vỡ một chốt chặn của BV trên đường cao

tốc đến Sài Gòn.

Việc cắt đứt các tuyến đường chính vào thủ đô là cú đòn cuối cùng, làm suy giảm tinh thần quân đội, phá hủy các tuyến cung cấp và rút lui cuối cùng của họ. Nhưng điều đó không phải là không có lợi cho những người còn lại trong chúng ta. Khi từng đơn vị chính phủ một bị kẹt lại ở vùng sâu vùng xa, chính Sài Gòn được hưởng một khoảng thời gian tạm hoãn thi hành án. Bắc Việt sẽ không cần phải thiêu rụi thành phố. Chúng ta cũng sẽ không phải đối mặt với sự oán giận và tàn phá của một đội quân thất bại trong những cơn hấp hối của nó. Bằng cách bóc bỏ các lớp vỏ ngoài của củ hành một cách sạch sẽ và có hệ thống, Tướng Dũng thực sự đã cứu sống chúng ta.

Tại sở chỉ huy tiền phương của

Dũng, cách đó ba mươi dặm về phía bắc, Lê Đức Thọ và Phạm Hùng vừa mới đến để nhận vị trí lãnh đạo. Họ nhanh chóng phác thảo những tin tức chính trị mới nhất, khuyên người chỉ huy BV rằng không có lựa chọn nào khác ngoài giải pháp quân sự. Dũng gật đầu, quay lại với bản đồ chiến đấu của mình.

*

Thủ đô thì căng thẳng như một cái trống. Âm thanh lách cách của súng đạn ở Newport vang vọng khắp trung tâm thị trấn. Giao thông trên đường phố nhanh chóng trở nên tắc nghẽn vô vọng khi hàng nghìn binh sĩ bộ binh và dân thường đi bộ, cưỡi ngựa và đạp xe từ vùng nông thôn vào. Dọc theo những con đường hẻo lánh hơn, cảnh sát và sĩ

quan quân đội đã bỏ đồng phục và thay vào đó là quần áo dân sự để tránh bị phát hiện và trả thù bởi những kẻ chiến thắng.

Hơn 6.000 người Việt Nam hoảng sợ đã chen chúc lên máy bay vận tải ra khỏi DAO trước khi chiếc máy bay cuối cùng cất cánh vào chiều muộn hôm đó. Các chuyến bay của người Mỹ tiếp tục chậm lại - chỉ có 123 chuyến trong suốt cả ngày - khi những người không cần thiết và những người khác hoãn rời đi để giúp đỡ bạn bè người Việt.

Martin không hài lòng với lòng hảo tâm của cấp dưới. Ông ấy muốn tất cả những thứ không cần thiết phải được dọn dẹp ngay lập tức, không chậm trễ, đặc biệt là những thứ ở DAO. Ông quyết tâm thực hiện lời hứa với Bắc Việt về việc thanh lý DAO trước ngày ba mươi.

Trên đảo Guam và Wake, số lượng người tị nạn tại các trung tâm tiếp nhận tiếp tục gia tăng. Chỉ có 1.200 trong số 20.000 người đã đăng ký kể từ đầu tháng Tư được chuyển đến Căn cứ Không quân Travis ở California cho đến nay. Phần còn lại bị vướng vào thủ tục giấy tờ. Dịch vụ Nhập cư và Quốc tịch một phần cũng có lỗi. Không quá chín mươi quan chức đã được gửi đến Guam để xử lý thủ tục.

Ngay sau cuộc tấn công vào Newport, bốn trong số năm tàu hàng tại các bến cảng gần đó đã rời đi hướng về Vũng Tàu, tất cả đều không có hàng hóa. Một tàu hàng còn lại, ba tàu kéo và bốn xà lan đã chuẩn bị di chuyển đến các bến tàu hải quân an toàn hơn gần trung tâm thành phố.

DAO vẫn coi các chiếc xà lan là không thực tế như một phương tiện thoát hiểm,

nhưng một số quan chức Đại sứ quán giờ đây bắt đầu xem xét chúng một cách nghiêm túc, đặc biệt khi rõ ràng rằng việc vận chuyển bằng máy bay trực thăng không thể đáp ứng tất cả những người sơ tán tiềm năng trong danh sách của họ. Pittman đã hỏi Jacobson trong một cuộc họp sáng rằng Trạm có thể sử dụng một hoặc hai chiếc tàu để di chuyển các gia đình của các mối liên hệ với cảnh sát không. Jacobson đồng ý. Vì bản thân ông chưa bao giờ coi trọng những chiếc xà lan, ông không thấy có gì sai khi để CIA làm gì thì làm với chúng. Pittman ngay lập tức liên lạc với các quan chức cảnh sát cấp cao và hứa hẹn sẽ cho họ lối thoát nếu họ giúp bảo vệ bến cảng.

Hai người đàn ông đã biến những chiếc xà lan thành một lựa chọn khả thi không được tham khảo ý kiến về bất

kỳ điều gì trong số này. Và khi Trạm và những người khác trong Phái bộ bắt đầu mặc cả về không gian hành khách mà họ đã chăm sóc rất cẩn thận, Mel Chatman và Bob Lanigan của USAID đã báo cho các nhân viên Việt Nam của họ chuẩn bị lên tàu.

Vào buổi sáng, một đám đông lớn và hỗn loạn đã tụ tập tại khu vui chơi giải trí phía sau Đại sứ quán khi ngày càng nhiều người Việt Nam, hầu hết là nhân viên của nhiều cơ quan truyền giáo, xuất hiện theo bản năng hoặc được chỉ dẫn để chen chúc đến sân bay. Nước trong hồ bơi, không được sử dụng và không có ai trông coi trong vài ngày, đã chuyển sang màu vàng sáng của nước tiểu, nhưng một số người mới đến bắt đầu lội hoặc giặt quần áo trong đó để giết thời gian.

Nhà ăn đã bị đóng cửa từ hôm trước và những nữ phục vụ cuối cùng đã được đưa đi Guam. Một người Mỹ liên quan đến bộ phận hành chính của Đại sứ quán đã lợi dụng sự chen chúc vào phút chót để bán các bản tuyên thệ hỗ trợ nhằm kiếm lợi.

Khoảng giữa buổi sáng, một cô gái Trung Quốc, một người quen cũ, đã gọi điện cầu cứu tôi. Chồng người Mỹ của

cô ấy đã bỏ rơi cô và các con, cô ấy giải thích trong nước mắt ; cô ấy không còn ai khác để nhờ vả ngoài tôi. Tôi nói với cô ấy một cách mệt mỏi rằng tôi không thể làm gì vào lúc này. Tôi bị trói chân tại bàn làm việc. "Nhưng hãy liên lạc với tôi lại sau một giờ," tôi nói. "Tôi sẽ xem tôi có thể làm gì." Có một khoảng im lặng ngắn trên đầu dây bên kia. Rồi giọng nói của cô ấy vang lên, lạnh lùng và xa cách. "Nếu anh không giúp tôi," cô ấy nói, "Tôi sẽ chết. Tôi sẽ tự tử và giết cả con tôi. Tôi đã mua thuốc rồi.» Tôi liếc nhìn đống giấy tờ chất cao trước mặt. Polgar muốn có một bản phân tích vô ích khác được viết ra càng sớm càng tốt. Không, tôi không thể thoát ra được. "Nghe này," tôi nói, "chỉ cần gọi điện sau một tiếng nữa." Tôi sẽ giúp bạn sau đó."

Đúng theo lịch trình, một giờ sau,

cô ấy gọi lại. Thật trùng hợp, tôi đang không có mặt ở bàn làm việc. Cô ấy đã để lại một tin nhắn với nhân viên trực : «Tôi đã mong đợi ở bạn nhiều hơn thế.» Tạm biệt.» Đó là lần cuối cùng tôi nghe thấy cô ấy.

Nhiều đồng nghiệp của tôi giờ đây đang đổ mồ hôi và căng thẳng trước các lò thiêu, phá hủy những đống tài liệu mật. Chỉ trong vài giờ, những chiếc limousine thường sáng bóng trong bãi đậu xe đã bị phủ một lớp tro bụi.

Các quan chức USAID, không muốn từ bỏ những hồ sơ quý giá của mình, một lần nữa đã xin phép Đại sứ cho phép họ mang chúng đến Thái Lan hoặc Philippines. Một lần nữa Đại sứ từ chối. Ông ta trấn an họ rằng sẽ có đủ thời gian để

củng cố và xóa bỏ hồ sơ sau khi ngừng bắn.

Trong khi các lò đốt vẫn hoạt động, nuốt chửng một gia tài hồ sơ, báo cáo tình báo và các tài liệu chính thức khác, một số nhân viên bận rộn lật qua những đống tiền mặt lạnh lẽo. Văn phòng Hành chính đã rút thêm 3 triệu đô la từ các két DAO trong buổi sáng để chi trả tiền thôi việc cho những nhân viên địa phương cuối cùng của Đại sứ quán. Đến trưa, chỉ còn hai mươi trong số 900 nhân viên Việt Nam của Bộ Ngoại giao chưa nhận được khoản tiền của họ. *

*[Điều này không đúng với nhân viên của các cơ quan khác của Đại sứ quán. Vào sáng ngày hai mươi tám, hai đại diện của văn phòng Mission Wardens đã thông báo cho các nhân viên bảo vệ người Việt Nam đứng gác tại các khu cư

trú của Đại sứ quán quanh thành phố (Đại sứ quán sử dụng người Việt Nam cho mục đích này, trong khi CIA dựa vào người Nùng Trung Quốc) rằng họ có thể nhận phong bì lương vào ngày hôm sau. Tuy nhiên, do sự nhầm lẫn trong đợt không vận cuối cùng, các phong bì lương không bao giờ được phát, và nhân viên an ninh Việt Nam cùng các nhân viên khác đã bị tước đoạt hơn 800.000 đô la tiền lương.]

Trong khi đó, xe của nhân viên chính phủ bắt đầu lách qua cổng sau của Đại sứ quán. Một vị tướng, đại tá hoặc chính trị gia cấp cao người Việt Nam sẽ lén lút đi ra và gật đầu ngượng ngùng với các lính thủy đánh bộ, sau đó vội vã vào thang máy đang chờ sẵn. Không ai trong chúng tôi cần phải được nói rằng họ đang trên đường ra đi. Từ lúc bình minh, các trực

thăng Air America đã hạ cánh và cất cánh không ngừng từ sân thượng, chở các nhân vật ưu tú của Sài Gòn đến Tân Sơn Nhất và gặp gỡ với các máy bay Mỹ đang rời khỏi.

Một trong những vị khách nổi bật nhất của chúng tôi sáng hôm đó là Tướng Cao Văn Viên, Chủ tịch JGS. Khi ông bước vào sảnh Đại sứ quán, ông chào các lính thủy đánh bộ và bắt tay với người hộ tống của Bộ Ngoại giao đang giữ thang máy cho ông. Rồi ông bước vào, cửa đóng lại sau lưng ông, và ông bắt đầu hành trình cuối cùng của mình ra khỏi Việt Nam. "Ông ấy là một người rất vui vẻ," Tướng Smith sau này đã nhận xét về ông ấy. "Khi ông ấy đến DAO, bạn sẽ nghĩ rằng chúng tôi đang có một đứa trẻ trong tay." Ông ấy gần như không thể kiềm chế được bản thân khi thay đồng

phục sang thường phục. Ngay sau đó, Viên được trực thăng đưa ra khỏi sân quần vợt DAO và được chuyển đến lực lượng tác chiến ngoài khơi. Trong khi đó, Tổng thống Hương, như một trong những hành động cuối cùng của mình, đã chỉ định Tướng Lam Sơn làm người thay thế Viên. Trong khi chờ đợi sự thay đổi chế độ vào cuối ngày, Tướng Khuyên, tham mưu trưởng tại JGS, kiêm nhiệm luôn quyền chủ tịch. Trên thực tế, quân đội không có người lãnh đạo.

Chắc chắn rằng không phải tất cả những người vĩ đại và gần vĩ đại của Sài Gòn đã rời khỏi. Tướng Quang, người bạn thân cận của CIA và cựu cố vấn an ninh của Thiệu, đi đi lại lại quanh trụ sở JGS suốt buổi sáng, gào thét những lời chửi bới Thiệu và người Mỹ. Ông ta tức giận vì cả hai đều không thấy cần thiết

phải đảm bảo cho ông một chuyến đi miễn phí ra ngoài. Nguyễn Cao Kỳ, cũng cảm thấy một chút bất lực và không được chào đón, đã cân nhắc việc bắt Quang với lý do chung chung, chỉ để ngừng tiếng ồn. Nhưng khi một số sĩ quan không quân đến khuôn viên JGS để thực hiện nhiệm vụ, Quang, với sự khéo léo của mình, đã lẩn ra cửa bên và thoát khỏi họ.

Trong bữa sáng, Bill Johnson đã viết một bức thư nhanh cho vợ mình, Pat, vẫn đang ở Bangkok. "Chúng ta sẽ có một thỏa thuận hòa bình," anh ấy trấn an cô ấy. "Không cần phải lo lắng." Sau đó, anh lái xe qua thành phố để gặp một số sĩ quan hàng đầu trong Cục Cảnh sát Đặc biệt Việt Nam và Tổ chức Tình báo Trung ương. Đã biết rằng Đài sẽ kiểm soát một chuyến bay "đen" trong ngày

hôm đó, ông muốn tất cả họ đều có mặt trên chuyến bay đó. Nếu một chính phủ liên minh được thành lập, ông cảm thấy họ sẽ có ích hơn ở nơi khác. "Tôi thực sự không quan tâm đến việc giúp đỡ những người này vì lý do nhân đạo," ông nhớ lại. "Tôi làm vậy vì họ có thể giúp thiết lập các mạng lưới tình báo vào Sài Gòn từ bên ngoài."

Trong các cuộc trò chuyện với các sĩ quan, Johnson không đề cập đến khả năng sơ tán cấp dưới của họ, khoảng 800 người Việt Nam có nguy cơ cao làm việc tại trụ sở CIO và Chi nhánh Đặc biệt. Họ cũng không làm vậy. "Những mối quan tâm của chúng tôi hoàn toàn mang tính chuyên môn, không phải nhân đạo," ông giải thích.

Về mặt kỹ thuật, Johnson đã hành động không đúng lúc, dù sao đi nữa. Phil

Custer, người thay thế ông làm Trưởng căn cứ Sài Gòn, chính thức chịu trách nhiệm chăm sóc cảnh sát địa phương và các nhân viên tình báo trong thành phố. Nhưng Custer lại đang diễn lại cảnh Đà Nẵng, trì hoãn mọi hành động quyết định đến phút cuối cùng. Sau khi miền Nam Việt Nam sụp đổ, ông khẳng định rằng ông không còn lựa chọn nào khác. Nếu 400 sĩ quan Cảnh sát Đặc biệt được sơ tán, ông khẳng định, Sài Gòn sẽ rơi vào hỗn loạn.

Lập luận của ông có một số giá trị, nhưng chỉ một phần. Trong khi các sĩ quan của Đơn vị Đặc biệt có thể là những người bảo vệ thiết yếu cho luật pháp và trật tự trong thành phố, thì 400 đồng nghiệp của họ trong CIO thì không. Vì họ hoạt động trong một thế giới nhỏ hẹp của gián điệp và âm mưu, sự ra đi của họ khó

mà được chú ý. Tuy nhiên, Custer không nỗ lực hơn để sơ tán họ so với việc ông đã làm với cảnh sát.

Ông cũng không chú ý đến những việc vụn vặt cơ bản. Trong vài năm qua, Trạm đã giúp cảnh sát và CIO lập ra các hồ sơ khổng lồ xác định những kẻ đào ngũ, kẻ cộng tác, tù nhân, bất kỳ ai đã giúp chúng tôi hoặc có vẻ có khả năng làm như vậy. Một tù nhân Bắc Việt từng nói với tôi rằng tất cả bọn họ sẽ là một danh sách lý tưởng để thanh trừng nếu cộng sản chiếm quyền. Bất kỳ sĩ quan tình báo có tầm nhìn xa nào cũng phải sắp xếp để tiêu hủy chúng vài ngày, thậm chí vài tuần trước chiến thắng của cộng sản; thực ra, nhiệm vụ này tương đối dễ dàng, vì chúng ta "kiểm soát" hầu hết các quan chức Việt Nam kiểm soát các hồ sơ.

Nhưng cho đến nay Custer vẫn chưa

hành động về vấn đề này, một phần vì không quen thuộc với "khí hậu hoạt động" của Sài Gòn và một phần vì Polgar từ chối phê chuẩn bất kỳ động thái nào có thể báo hiệu sự tuyệt vọng cho các đồng minh của chúng ta. Do đó, các hồ sơ, nhiều trong số đó đã được số hóa để dễ dàng truy xuất, sẽ bị lực lượng của Dũng chiếm giữ nguyên vẹn. *

*[Những thất bại và thiếu sót của các nhân viên CIA như Custer trở nên nhỏ bé so với những sai lầm do chính các quan chức cấp cao Việt Nam gây ra. Người ta có thể tự hỏi, chẳng hạn, tại sao Tướng Binh, trưởng Cảnh sát Quốc gia, lại không bận tâm đến việc tiêu hủy các tệp tin máy tính trước khi rời đi trên chuyến bay "đen" của CIA hôm trước. Chúng là trách nhiệm trực tiếp của ông ấy, sau cùng. Thực tế là nhiều quan chức

cao cấp trong lực lượng cảnh sát và tình báo đơn giản là quá bận rộn với công việc của riêng họ để lo lắng về những vấn đề kỹ thuật như vậy. Chẳng hạn, được biết rằng hai người đứng đầu lực lượng cảnh sát đã dành những ngày cuối cùng của họ trong thành phố để đi vòng quanh các cửa hàng vàng, buộc các chủ cửa hàng phải đóng góp lớn bằng vàng "cho sự phòng thủ cuối cùng của Sài Gòn." Chiến lợi phẩm, không cần phải nói, đã được đưa ra khỏi đất nước trong chính vali của các viên cảnh sát. Và trong suốt thời gian đó, các hồ sơ tình báo mà họ chịu trách nhiệm đã bị bỏ mặc và phớt lờ.]

Ngay trước buổi trưa, Johnson ghé qua khuôn viên của Cảnh sát Đặc nhiệm để nói lời tạm biệt với viên cảnh sát hiện đang phụ trách. "Ông ấy đã khóc," John-

son nhớ lại. "Ông ấy là người đứng đầu bây giờ, nhưng ông ấy biết điều đó có ý nghĩa với cuộc sống của mình." Tôi bắt tay anh ấy, vỗ vai anh ấy và nói, 'Cố gắng giữ vững tinh thần nếu có thể.'"

Hai ngày sau, cùng viên sĩ quan đó sẽ đặt nòng súng Browning tự động vào cằm và bắn nát đầu mình. **

** [Ngoài việc gặp gỡ các bạn cảnh sát vào sáng ngày hai mươi tám, Johnson đã hoàn thành kế hoạch cho một số "mánh khóe bẩn thỉu" nhằm làm rối trí cộng sản nếu và khi họ chiếm Sài Gòn. Ông đã ra lệnh cho cấp dưới chuẩn bị một loạt "tài liệu bí mật" giả mạo và giấu chúng trong các két sắt trống quanh Đại sứ quán để nếu những người Cộng sản có vào được tòa nhà, họ sẽ tin rằng họ đã tình cờ phát hiện ra kho báu của CIA. Hai hoặc ba trong số các tài liệu đó đã

xác định sai các quan chức cấp cao của cộng sản là các đặc vụ CIA, với mục đích khiến các thành viên cộng sản quay lưng lại với nhau. Thật không may, kết thúc đến quá nhanh, không tài liệu nào được phân phát. Ngược lại, khi các sĩ quan tình báo Mỹ và Pháp rời Hà Nội vào năm 1954, họ đã nỗ lực rất nhiều để làm cho cuộc sống của những người chiến thắng cộng sản trở nên khó khăn, thậm chí còn cho đường vào các kho dầu để lại.]

Polgar chọn cách nhìn nhận sự hỗn loạn buổi sáng một cách triết lý. Tại một cuộc họp ngắn với nhân viên, ông đã đùa về sự gần gũi của lực lượng BV - "thậm chí cả người Hungary cũng cảm thấy không thoải mái" - và khi Joe Kingsley lo lắng nhắc đến tổ súng máy trên cầu Saigon, Polgar đã gợi ý anh ta lái xe qua đó

để xem trực tiếp, như thể ông đang giao anh ta cho một cuộc giám sát thường lệ. "Thôi, cho tôi một tay súng để hỗ trợ," Joe lắp bắp, mặt anh ta tái mét. Polgar bảo anh ta chọn một người từ văn phòng của Custer, rồi vẫy tay đuổi anh ta đi.

"Chúng tôi đã đến cách cái cầu chết tiệt đó chỉ vài trăm thước," Joe nhớ lại. "Tôi đã hút thuốc lá với một trong những người cảnh sát và chúng tôi cổ vũ cho những người bạn khi các tàu chiến bắn phá quân VC bằng tên lửa mini." Khoảng năm hoặc mười phút sau khi tôi đến đó, một tên VNCH ngu ngốc nhảy qua các bao cát và lao ra cầu, la hét cái gì đó về 'mẹ và tổ quốc.' Tôi nghĩ là hỏa lực của chúng tôi đã bắn trúng hắn.

Ngay sau khi Joe lên đường thực hiện nhiệm vụ, Polgar gọi tôi đến văn phòng của ông và giao cho tôi một "nhiệm vụ

rất đặc biệt". Tôi được giao nhiệm vụ chuyển một tin nhắn đến "người bạn cũ" của ông, Malcolm Browne, tại văn phòng của New York Times ở trung tâm thành phố. Đó là một câu hỏi cho "nguồn" PRG của Browne tại Tân Sơn Nhất, cầu xin như tất cả những câu hỏi trước đó. Liệu các nhà lãnh đạo cộng sản có chấp nhận Minh làm người đứng đầu nhà nước mới không ? Họ có đồng ý với sự hiện diện tiếp tục của người Mỹ ở Sài Gòn không ? Tốc độ là điều cần thiết, Polgar nhấn mạnh với tôi. "Đừng bận tâm lấy xe của mình." Dùng xe của tôi đi. Tài xế của tôi, Út, có thể điều khiển giao thông nhanh hơn bạn rất nhiều.

Ông ấy đã đúng. Út lao qua rừng xe Peugeot và Honda trên đường Tự Do trong chưa đầy năm phút.

Browne không có mặt khi tôi đến văn

phòng Times lộn xộn. Hai nhà báo, mà tôi đoán là nhân viên của Times, đang ngồi trong phòng chờ của ông ấy. Tôi đã đưa cho họ thông điệp của Polgar và yêu cầu họ chuyển nó cho Browne. Họ có vẻ bối rối, nhưng cảm ơn tôi rất nhiều. Sau đó tôi mới biết họ là phóng viên từ Washington Post. Tôi đã giao thông điệp tuyệt mật của Polgar cho đối thủ ! Không có gì ngạc nhiên khi hai người đó rất biết ơn. Dù sao đi nữa, thông điệp nhanh chóng đến tay Browne và ông đã chuyển nó đến phái đoàn PRG tại Tân Sơn Nhất.

Không có phản hồi ngay lập tức. Hà Nội đã gửi cho chúng tôi một thông điệp ngầm, tuy nhiên. Trong một bản tin thường lệ, dịch vụ phát thanh trong nước của Hà Nội đã đảm bảo với khán giả trong nước rằng Văn phòng Tùy viên Quốc phòng sẽ rời Sài Gòn trước ngày

ba mươi. Rõ ràng ngay cả các biên tập viên tin tức tại Đài Phát thanh Hà Nội cũng đã được thông báo về việc rút lui sắp tới của DAO.

Mặc dù Polgar vẫn hy vọng tuyệt vọng vào một giải pháp vào phút chót, nhưng ông cũng bắt đầu cân nhắc các lựa chọn khác. Suốt buổi sáng, anh ta và Martin đã tranh luận kịch liệt về một số trong số đó, và các điều kiện tiên quyết. Nhiều cuộc mặc cả của họ xoay quanh một điều dường như không quan trọng : số phận của một cây me tây gồ ghề ở giữa bãi đỗ xe của Đại sứ quán. Polgar muốn nó bị chặt đi để nếu một cuộc vận chuyển bằng trực thăng quy mô lớn phải diễn ra từ chính Đại sứ quán, sẽ có không gian hạ cánh.

Martin đã từ chối. Việc chặt cây, ông nói, sẽ được coi là sự suy yếu quyết tâm

của Mỹ, một tín hiệu cho mọi người thấy rằng người Mỹ đang rời đi. Hơn nữa, Đại sứ quán sẽ không hơn gì một trạm xe buýt vào ngày E: chỉ có tối đa 200 hành khách tiềm năng ở đó. Cái cây sẽ đứng vững.

Cách đó vài dãy phố, trong biệt thự riêng của mình tại số 3 đường Trần Quý Cáp, Tướng Minh, Tổng thống mới nhậm chức, đang vật lộn với những lựa chọn của riêng mình. Người phát ngôn báo chí của ông đang thúc giục ông tuyên bố đầu hàng vô điều kiện và kết thúc mọi chuyện. Nhưng Minh không sẵn lòng nhượng bộ đến mức đó. Anh ấy cảm thấy quân đội vẫn có thể đóng vai trò như một tài sản chính trị.

Tuy nhiên, trong một cử chỉ hòa

giải, ông đã chỉ đạo Phó Tổng thống mới được bổ nhiệm, cựu Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn Huyền, công bố quyết định đã được thỏa thuận với Martin vào đêm trước. Vào khoảng giữa trưa, Huyền tuyên bố công khai rằng chính phủ mới của Minh sẽ "không phản đối" nếu các cố vấn quân sự Mỹ rời khỏi đất nước trong vòng hai mươi bốn giờ.

Suốt buổi sáng, Minh cũng tiếp tục lục lọi trong đống đổ nát của đấu trường chính trị từng nhộn nhịp của Sài Gòn để tìm kiếm các ứng viên cho nội các. Từng người một, các ứng cử viên ghé thăm biệt thự của ông để nài nỉ cho trường hợp của họ. Minh chào đón từng người bằng một cái bắt tay và một cái gật đầu không cam kết, sau đó dẫn họ vào khu vườn riêng của mình, nơi ông tiến hành cuộc phỏng vấn một cách lịch sự và thờ

ơ, ngay cả khi ông đang mải mê chăm sóc những chậu lan quý giá của mình. Tuy nhiên, không ai trong số những người ông đã nói chuyện thực sự phù hợp với ông - một số thì quá hiếu chiến, một số thì quá ôn hòa - và cuối cùng ông quyết định hoãn lại các lựa chọn của mình cho đến khi ông tuyên thệ nhậm chức. Ông sẽ chỉ nhậm chức cùng với Phó Tổng thống Huyền và Thủ tướng Vũ Văn Mậu bên cạnh.

Vào một thời điểm trong buổi sáng, Tướng François Vanuxem, viên sĩ quan quân đội Pháp cũ, đã đến thăm Minh và khuyên ông tiếp tục chiến đấu. Minh cố gắng làm ông vui bằng một tách trà. Tướng Timmes cũng xuất hiện - thực tế là ba lần - trước giữa buổi chiều. Ông hỏi Minh về các cuộc bổ nhiệm nội các của ông, đảm bảo với ông rằng DAO sẽ rời

đi, và sắp xếp để thiết lập một đường dây nóng giữa văn phòng mới của ông trong Cung điện và Đại sứ quán.

Khi Timmes hỏi Minh về quan điểm của ông về tương lai, vị tướng già mỉm cười. Vẫn còn cơ hội cho các cuộc đàm phán, ông nói, vì Sài Gòn, Tây Ninh và đồng bằng vẫn còn "tồn tại".

"Nhưng nếu không thì sao ?" Timmes trả lời. "Bạn sẽ làm gì ?" Đại sứ quán sẽ vui lòng cung cấp tị nạn nếu bạn muốn." Một lần nữa Minh mỉm cười, lắc đầu. "Người Việt Nam là dân tộc của tôi," anh ấy nói. "Tôi không thể rời bỏ." Tuy nhiên, ông đã yêu cầu Timmes sắp xếp việc sơ tán cho các cháu và con gái của ông, người đã kết hôn với một đại tá quân đội Việt Nam.

Ngay trước giờ ăn trưa, Erich Von

Marbod chen lấn qua đám đông trong phòng suite tầng ba của Đại sứ quán để có một cuộc trò chuyện ngắn với Đại sứ. Ông bị sốc bởi vẻ ngoài của Martin. Xám xịt, tiều tụy, Martin đang mắc phải một trường hợp viêm phổi ngày càng nặng, giọng nói của anh ta gần như không thể nghe thấy vì khàn tiếng. Vì vậy, Von Marbod đã đề cập đến chủ đề của mình một cách nhẹ nhàng nhất có thể. Ông muốn xin phép rút toàn bộ vật tư chiến tranh còn lại ra khỏi Sài Gòn.

Martin nghiêng người qua bàn làm việc và lật qua một chồng điện tín. Cuối cùng, anh ta tìm thấy thứ mình cần : thông điệp từ Kissinger về hành động của Brezhnev. Ông đưa nó cho Von Marbod. “Tôi đã nhắc lại yêu cầu mà tôi đã từng đưa ra với ông Von Marbod,” Martin sau này nói về cuộc trò chuyện, “rằng

chúng tôi không làm gì để làm suy yếu khả năng của lực lượng vũ trang Việt Nam Cộng Hòa trong việc kháng cự miễn là họ còn có ý chí và khả năng làm như vậy." Rõ ràng, không còn khả năng nào, thực tế hay tiềm năng, tồn tại vào ngày 28 tháng 4 để đánh bại lực lượng Bắc Việt. Tuy nhiên, lực lượng vũ trang miền Nam Việt Nam đã cung cấp một quân bài quan trọng trong bất kỳ cuộc đàm phán nào mà chính phủ Minh có thể thực hiện. Ông tiếp tục phác thảo cho viên chức Lầu Năm Góc đang kinh ngạc những ý tưởng của mình về một thỏa thuận. Sẽ có một lệnh ngừng bắn tại chỗ trong vòng ba ngày, Martin nói. Sau đó, chúng ta sẽ có ba mươi ngày để thành lập một chính phủ mới, một liên minh. Một trong những điều khoản thỏa thuận với cộng sản là phi quân sự hóa Nam Việt Nam và loại bỏ toàn bộ thiết

bị chiến tranh. Von Marbod sẽ có "tất cả thời gian trên thế giới" để cứu vớt thiết bị của Mỹ.

Von Marbod lướt qua nhanh chóng các bức điện. Ông không thể tìm thấy điều gì trong đó có vẻ biện minh cho sự lạc quan như vậy. Martin, rõ ràng cảm nhận được sự nghi ngờ của anh, đã chỉ ra rằng quan điểm của ông dựa trên những đảm bảo từ phía Pháp và các mối liên hệ khác nhau với người Việt.

Sau buổi họp, Von Marbod đã lái xe cùng Đại sứ đến biệt thự của ông để ăn trưa nhanh chóng. Ông kinh hoàng phát hiện ra rằng Martin đã không gửi đi bất kỳ đồ đạc nào trong nhà của mình - ngoại trừ một con báo gấm nhồi bông quý giá - và bà Martin thì vẫn còn ở trong thành phố. "Vì Chúa, Graham," Von Marbod kêu lên, "đặt Dottie lên máy bay ngay

bây giờ !" Nhưng Martin từ chối. Sự hiện diện liên tục của vợ ông, ông nói, là một "ảnh hưởng ổn định" cho người Việt.

Một giờ sau, Von Marbod nhanh chóng hành động để vượt qua những ràng buộc mà Đại sứ đã đặt ra cho ông. Mặc dù Martin đã ra lệnh cho ông không được di chuyển các kho quân sự ở Sài Gòn, nhưng ông ta không nói gì về các kho còn lại ở Biên Hòa. Nhân cơ hội này, Von Marbod ngay lập tức gửi trợ lý của mình, Rich Armitage, đến Biên Hòa bằng trực thăng để thực hiện nhiệm vụ.

Trong khi đó, chính ông đã đến thăm Tướng Khuyên tại trụ sở JGS. Ông đã thông báo cho Khuyên về kế hoạch rút thiết bị tại Biên Hòa và đề nghị không quân chuẩn bị bay một số máy bay thừa tại Tân Sơn Nhất đến Cần Thơ hoặc đảo Phú Quốc. Ông cũng yêu cầu Khuyên

lên kế hoạch không kích vào sân bay Biên Hòa vào cuối ngày để phá hủy bất kỳ trang thiết bị nào mà Armitage không thể mang đi. Khuyên đồng ý làm những gì có thể.

Ngay khi Von Marbod đang chuẩn bị rời đi, vị tướng nhận được một cuộc gọi từ Minh. "Tôi muốn anh giữ quân đội lại một chút nữa," Minh nói với ông ta. "Chúng ta sẽ sớm có một lệnh ngừng bắn tại chỗ."

"Khi tôi đến Biên Hòa, có năm mươi người Việt Nam làm bảo trì ở sân bay," Armitage kể lại. "Tôi hứa sẽ đưa họ đến Sài Gòn nếu họ giúp tôi bốc dỡ hàng, và bảo họ bắn bất kỳ ai cố gắng trèo qua hàng rào và can thiệp." Trong khoảng nửa giờ tiếp theo, một vài kẻ lạc lõng đã

cố gắng trèo qua hàng rào. Chúng tôi đã giữ họ lại, và trong khi đó, đã đóng gói mười lăm pallet.

Chúng tôi sắp sửa giải quyết thêm vài cái nữa thì Von Marbod gọi tôi qua radio. 'Ra ngoài ngay !' ông ấy hét lên. 'Tôi không thể nói với bạn lý do trên sóng được.' Sau đó tôi mới biết có ai đó ở DAO đã nghe được một thông điệp radio của BVA nói rằng : "Chúng tôi đã bao vây kẻ thù ở Biên Hòa." Đừng để hắn thoát !

Tôi đã nói với Erich rằng tôi không thể rời đi mà không có năm mươi người Việt Nam của tôi. Ông ấy nói, 'Được rồi, chất chúng lên trực thăng.' Nhưng cút ngay đi !" Chúng tôi đã làm." Vậy là các hoạt động cứu hộ của Von Marbod tại Biên Hòa đã kết thúc.

Trong vòng một giờ tiếp theo, Von

Marbod đã đề nghị chuyển giao cho Tướng Smith và Polgar một số chiếc máy bay vận tải mà ông đã định dành cho việc vận chuyển hàng hóa đến Biên Hòa. Smith đã nhanh chóng chấp nhận đề nghị này, ngay lập tức sử dụng các máy bay để vận chuyển thiết bị và tài liệu ra ngoài. Polgar phản ứng kém quyết đoán hơn. "Tôi sẽ trả lời anh về vấn đề này", ông đảm bảo với Von Marbod. Ông ấy đã không làm như vậy, do đó đã bỏ lỡ cơ hội để đưa thêm vài chiếc máy bay vào nỗ lực phút chót của mình để sơ tán các bạn bè và nhân viên người Việt của Đài.

Khi Armitage, mệt mỏi nhưng vẫn nguyên vẹn, trở về Tan Son Nhut từ Bien Hoa bằng trực thăng, Von Marbod đang chờ anh ta trên đường băng. "Thêm một điểm dừng nữa," ông ta nói với anh ta. "Vào đi." Armitage chui vào xe jeep bên

cạnh Von Marbod và cả hai lái xe xuống trung tâm thành phố đến trụ sở hải quân Việt Nam.

Đô đốc Chung Tấn Cang, tư lệnh hải quân, là một người bạn cũ của Von Marbod và nhanh chóng dẫn ông và Armitage vào văn phòng của mình. Không ai lãng phí thời gian vào những nghi thức xã giao. Sài Gòn có thể không còn nhiều thời gian nữa, Von Marbod giải thích. Hải quân nên sẵn sàng ra khơi với mọi thứ có thể nổi. Điểm hẹn cho tất cả các tàu sẽ là đảo Côn Sơn ngoài khơi bờ biển phía đông của đồng bằng. Khi họ cập bến ở đó, lực lượng tác chiến của Đô đốc Whitmire sẽ dẫn họ đến nơi an toàn.

"Chúng ta có đi ngay bây giờ không ?" Cang hỏi. Von Marbod nói không, chưa phải lúc này. Có thể là ngày mai

hoặc ngày kia, tuy nhiên. Chuẩn bị sẵn sàng.

Vào khoảng giữa trưa, tôi leo lên chiếc Ford Pinto của mình và từ từ lướt qua bốn khối phố đông đúc để đến Le Cercle Sportif, nơi tôi đã trải qua nhiều buổi chiều thư giãn trong quá khứ. Với sự tò mò của một kẻ đồng lõa, tôi muốn xem có ai người Việt giàu có nào còn ở trong thành phố cảm thấy đủ an toàn để có một bữa trưa thư giãn của riêng họ không. Chỉ có kẻ ngu ngốc hoặc một điệp viên Cộng sản mới có thể phung phí như vậy.

Thật thất vọng, sân thượng và quán cà phê bên hồ bơi vắng vẻ ngoại trừ một nhóm nhỏ người Pháp. Họ nhìn tôi với ánh mắt thù địch từ một bàn ở góc phòng như thể bị xúc phạm vì một người Mỹ

dám xâm phạm vào thế giới riêng tư của họ.

Khi tôi lội bộ qua vài phút bơi tự do, tôi cảm thấy lộ liễu và dễ bị tổn thương, như một con ruồi trên kính. Thật đáng sợ làm sao cho những người bơi lội buổi sáng sớm ba tuần trước khi những phi công bất mãn đó đã bắn phá và ném bom Dinh TT bên cạnh ! Những suy tư của tôi, hóa ra, là một dạng điềm báo. Trong ba giờ nữa, Sài Gòn sẽ hứng chịu một cuộc không kích thứ hai, lần này là của quân Bắc Việt.

Cách một giờ bay, tại thành phố Cần Thơ ở đồng bằng, Tổng Lãnh sự Terry MacNamara đang có những suy nghĩ khác. Tuy nhiên, không phải tính khả thi của kế hoạch sơ tán hạ lưu của ông

đã khiến họ lo lắng (ông tự tin rằng nó sẽ thành công), mà là vị Chỉ huy Căn cứ nóng tính của ông. Ngày hôm trước, anh ta và Larry Downs đã có một cuộc đối đầu căng thẳng về một nỗ lực sơ tán riêng của CIA. Vì không có sự giúp đỡ hoặc hướng dẫn nào từ Sài Gòn, Downs đã bắt đầu bay một số nhân viên Việt Nam của mình đến đảo Phú Quốc bằng trực thăng Air America. MacNamara, khi phát hiện ra âm mưu, đã mất bình tĩnh và "sa thải" nhân viên CIA ngay tại chỗ, buộc tội anh ta không tuân lệnh. Nhưng bây giờ MacNamara bắt đầu cảm thấy lo lắng. Suy cho cùng, Downs chỉ làm tròn bổn phận của mình khi sắp xếp những chuyến bay trái phép đó. Hơn nữa, với tình hình quân sự xấu đi từng giờ, thật khó mà khôn ngoan khi tước bỏ chức vụ Trưởng căn cứ CIA của lãnh sự quán.

MacNamara gọi Downs đến văn phòng của ông ngay trước buổi trưa, xin lỗi và cho phép ông tiếp tục thực hiện cuộc vận chuyển bằng trực thăng đến Phú Quốc. Downs gật đầu, bắt tay, phát ra những âm thanh hòa giải. Nhưng ông ta không hề nguôi giận. Cuộc thù địch với MacNamara đã khiến anh ta mất một ngày quý giá.

Đến giữa buổi chiều, Sài Gòn đã phải đối mặt với cơn bão mùa hè đầu tiên. Bầu trời đã trở nên u ám và đáng sợ, và những tiếng sấm thỉnh thoảng vang lên át cả tiếng súng pháo ở Biên Hòa. Khoảng 4 giờ chiều, các nhân vật nổi bật bắt đầu tập trung tại phòng tiếp tân của Dinh Tổng thống. Cuối cùng có hơn 200 người trong số họ - các nhà lập pháp, các tướng lĩnh đã nghỉ hưu và đang tại vị,

cùng một số lượng lớn các nhân vật đối lập, nhiều người trong số họ đã không đặt chân vào những nơi trang nghiêm này trong nhiều năm. Tất cả đều đến để chào đón vị lãnh đạo mới, Tổng thống Dương Văn Minh.

Tổng thống đương nhiệm Huong đã mở đầu buổi lễ với một bài phát biểu dài dòng, tự mãn. Khi ông ta kết thúc, hai sĩ quan quân đội lập tức tiến lên, tháo bỏ con dấu tổng thống chính thức và thay thế nó bằng huy hiệu cá nhân của Minh : một phiên bản cách điệu của biểu tượng hòa giải của Khổng giáo, âm và dương, những đối lập bổ sung cho nhau. Một làn sóng tán thưởng lan tỏa khắp khán giả.

Bài phát biểu nhậm chức của Minh nổi bật vì sự ngắn gọn và thiếu tính thực tế. Đưa ra những nhận xét của mình một

cách rõ ràng đến "PRG" - lần đầu tiên bất kỳ nhà lãnh đạo Sài Gòn nào cũng chính thức thừa nhận sự tồn tại của nó, ông kêu gọi ngừng bắn ngay lập tức và đàm phán hòa bình trong khuôn khổ hiệp định Paris, và hứa hẹn sẽ thành lập một chính phủ có nền tảng rộng rãi bao gồm những cá nhân "có lập trường rõ ràng cho hòa giải." Một trong những hành động đầu tiên của nó, ông nói, sẽ là thả "những người đã bị giam giữ vì lý do chính trị và chấm dứt hệ thống cưỡng chế áp đặt lên báo chí." Lời hứa rõ ràng nhằm đáp ứng yêu cầu gần đây của Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam về việc "tháo dỡ toàn bộ bộ máy cưỡng chế của chính phủ," nhưng ngay cả khi chỉ là một động thái xoa dịu, nó cũng chắc chắn đã khiến Đại sứ Martin cảm thấy đau lòng khi ông nghe bản dịch đồng thời trong văn phòng của mình. Ông

đã khẳng định với Quốc hội và những người khác bao nhiêu lần rằng không có tù nhân chính trị ở miền Nam Việt Nam và rằng báo chí Sài Gòn là một trong những tự do nhất thế giới ? Sau khi giới thiệu Phó Chủ tịch nước và Thủ tướng, Thủ tướng Minh gật đầu chào khán giả.

Một tia chớp lóe lên trong hội trường Đại hội giữa những tràng vỗ tay hồi hộp. Đúng năm giờ năm mươi chiều.

Trong vòng mười phút tới, lãnh đạo cánh cộng sản đã lao máy bay của mình vào cuộc tấn công.

Trái với những gì một số quan sát viên đã nói sau đó, cuộc không kích chiều hôm đó không phải là phản ứng đối với bài phát biểu của Minh. Như nguồn tin

của tôi đã báo cáo vào ngày 17 tháng 4, nó đã được lên kế hoạch từ nhiều tuần trước. Việc nó trùng với lễ nhậm chức của Minh chỉ là một sự trớ trêu cuối cùng.

Báo cáo chính thức sau hành động của DAO ngắn gọn và đi thẳng vào vấn đề : "Ngày 28 tháng 4, lúc 18 giờ: một đội bay gồm năm chiếc máy bay A-37 [máy bay chiến đấu của Việt Nam Cộng Hòa bị bắt] được trang bị vũ khí MK 81 đã tấn công khu vực đường băng của Tân Sơn Nhất." Tổng cộng có sáu quả bom đã rơi xuống khu vực đỗ của không quân Việt Nam, phá hủy nhiều máy bay [ít nhất ba chiếc AC-119 và một số chiếc C-475]. Hai quả bom cuối cùng rơi giữa trung tâm điều hành căn cứ và tháp điều khiển. Không có máy bay nào của Không quân Hoa Kỳ bị hư hại. Các máy bay A-37

được trang bị cả bình nhiên liệu ở đầu cánh và bốn bình nhiên liệu treo dưới cánh. Chiến thuật ném bom bổ nhào đã được sử dụng với độ cao ước tính khi lăn là 5.000 feet và độ cao thả bom là 2.500 feet. Việc rút lui được ước tính là dưới 2.000 feet.

Trong hồi ký của mình, Tướng Dũng mô tả cuộc tấn công là một "cuộc tấn công phối hợp tuyệt vời, là chiến dịch chung hoàn hảo nhất từ trước đến nay của lực lượng vũ trang và các đơn vị của chúng ta." Một phần công lao cho sự thành công của nó, ông thừa nhận, thuộc về phi công chính, Nguyễn Thành Trung. Một người mới đào ngũ từ phía chính phủ, Trung rất quen thuộc với Sài Gòn và Tân Sơn Nhất. Cuối cùng thì chính anh ta đã thực hiện nhiệm vụ ném bom vào Dinh Độc Lập chỉ ba tuần trước đó.

Tôi đang ngồi ở bàn làm việc trên tầng cao nhất của Đại sứ quán khi chiếc máy bay đầu tiên đến. Nó được báo hiệu bởi tiếng lách cách của vài viên đạn lạc. Rồi đột nhiên thế giới dường như nổ tung trong một bản giao hưởng hỗn loạn của súng đại bác và súng máy. Tôi cố gắng đứng dậy, nhưng đầu gối tôi khuỵu xuống. Tôi cố gắng lần nữa và chạy khom người vào hành lang bên trong, giữ đầu và vai mình dưới các cửa sổ kính nhựa. Các đồng nghiệp bên cạnh đang chen chúc vào hành lang một cách hỗn loạn. Một số người ngã xuống sàn, cào cấu như thể đang cố gắng chui vào trong. Tôi hít một hơi thật sâu, quay lại văn phòng của mình, quỳ bên cạnh chiếc điện thoại an toàn sau bàn làm việc, bấm số DAO, tắt đèn trên trần bằng tay còn lại. Tôi gần như không nghe thấy giọng nói ở đầu dây bên kia vì tiếng ồn của bom đạn và súng

tự động. “Chúng tôi đang bị tấn công trực tiếp,” người liên lạc DAO của tôi hét lên. “Nhiều chiếc A-37 đang lao xuống đường băng.” Một hoặc hai chiếc F-5 có thể đã cất cánh nhưng hầu hết vẫn còn trên mặt đất. Rất tệ. Không biết trung tâm tị nạn có bị đánh trúng không. Bạn bị thương nặng đến mức nào ?

“Chưa thể nói được,” tôi nói. “Máy bay dường như đang ở trên đầu chúng ta.” Mọi người trên đường phố đang bắn loạn xạ.

Tôi cúp máy và chạy đến văn phòng của Polgar ở cuối hành lang. Hai thư ký của ông ấy đang ngồi bất động tại bàn làm việc trong khu vực tiếp tân, chỉ cách cửa sổ vài bước chân. “Dưới bàn làm việc của các cô!” Tôi hét lên khi chạy vụt qua họ.

Polgar đang đứng ở cửa sổ của mình, cố gắng nhìn thấy chiếc máy bay. Tôi lắp bắp nói ra những gì tôi đã học được từ DAO, rồi chờ đợi một câu trả lời. Ông chỉ đứng một lúc, nhìn chằm chằm vào màn hình bê tông bên ngoài cửa sổ của mình. "Thưa ngài," tôi nói, "có lẽ ngài nên rời khỏi đó." Một viên đạn lạc..." Đột ngột anh ta tỉnh lại. Anh ta quay lại và theo tôi vào phòng chờ. Pittman đang cố gắng trấn an các thư ký. Đột nhiên, một giọng nói vang lên từ cầu thang ở hành lang bên ngoài : "Họ đang ở trong hành lang !" Chúng đang ở trong hành lang !" Rõ ràng tôi không phải là người duy nhất bị sốc khi nhớ lại những hình ảnh của năm 1968, khi các đặc nhiệm NVA đã cố gắng xâm nhập vào Đại sứ quán. Lên xuống hành lang có âm thanh chát chúa của kim loại va chạm vào nhau khi một sĩ quan sau một sĩ quan nạp đạn. Tôi

với tới khẩu súng lục .38-caliber có nòng ngắn ở hông sau lưng. Có ai đó lao ra từ một văn phòng bên với khẩu M-16 trong tay. Có tiếng chân lộc cộc trên cầu thang. Hai lính thủy đánh bộ mặc áo giáp lao ra và chạy qua chúng tôi lên cầu thang nhỏ dẫn lên mái nhà. Một người nói lướt qua : "Còi báo động giả." Đại sứ quán an toàn."

Vào lúc đó, Bill Johnson và Jerry Locksley, sĩ quan trực của Đại sứ quán, đang chạy tìm chỗ trú ẩn trong khu Norodom bên cạnh tòa đại sứ chính. Họ đã đầu tiên nhầm tiếng súng với tiếng sấm, nhưng khi tiếng nổ thứ hai và thứ ba vang vọng khắp tòa nhà, họ nhận ra đó là gì. Johnson giật khẩu súng trường AK-47 Trung Quốc khỏi tường khi họ lao xuống dưới cầu thang. Có thể các

lính dù ở đường phố gần sở thú chỉ đang tập luyện ? Locksley đoán. "Chúa ơi, không !" Johnson gầm gừ, cố gắng đẩy một viên đạn vào buồng đạn. "Đây là một cuộc tấn công trên mặt đất." Ngay cả lính thủy đánh bộ trên mái nhà cũng đang nã đạn. Như thể theo hiệu lệnh, có một loạt tiếng súng máy từ các lô cốt trên mái nhà của tòa đại sứ. Họ bật radio di động của Locksley. "Chào, Tiger, chào, chào !" Locksley gào lên vào ống nghe. "Cái quái gì đang xảy ra vậy ?" Một giọng nói lắp bắp qua mạng Mission Warden : "Tấn công mặt đất không có. Đó là một cuộc không kích tại Tân Sơn Nhất.

Trên tầng cao nhất của Đại sứ quán, Polgar đang cố gắng khôi phục trật tự. "Được rồi," ông nói, giơ tay lên. "Đặt vũ khí xuống." Chúng ta là sĩ quan tình báo,

không phải là lực lượng tấn công. Chúng tôi sẽ không cố gắng ngăn chặn quân đội Bắc Việt.

Khi mỗi người trong chúng tôi miễn cưỡng cất súng, Pittman rút ra một điếu xì gà, châm lửa và hút vài hơi suy tư. Có lẽ chúng ta nên thiết lập một trung tâm điều hành tạm thời ở tầng dưới, ông ấy gợi ý; ít nguy hiểm hơn từ máy bay ở đó. Polgar lẩm bẩm đồng ý, rồi ra hiệu cho tôi. "Tôi sẽ xuống dưới để viết báo cáo này," anh ta nói. "Tiếp tục gửi dữ liệu cho tôi và cố gắng liên lạc với một số người của chúng ta ở DAO." Vì tất cả các đường dây bảo mật và radio của chúng ta đều ở phòng tình huống tầng sáu bên cạnh văn phòng của tôi, tôi nhận ra, với sự khó chịu, rằng tôi vừa mới được chỉ định ở lại trên mặt đất.

Don Hays đã không ngủ trong ba ngày, và khi những quả bom đầu tiên nổ ra, ông cảm thấy thần kinh của mình bị căng thẳng hơn một chút. Ông đang ở trên sân thượng của khu giải trí phía sau Đại sứ quán, giữa đám đông người Việt Nam. Khi tiếng súng nổ ngày càng dữ dội, anh ta xua đuổi mọi người xuống cầu thang đến nhà hàng và vội vã đưa bọn trẻ vào phòng tắm bên trong. Sau đó, ông ra lệnh cho những người còn lại bắt đầu lật bàn làm chỗ trú ẩn, phòng trường hợp cửa kính bị vỡ. Một lát sau, Wolfgang Lehmann, Boudreau và Jazyn-ka bước vào. Hays sẽ luôn nhớ biểu cảm trên khuôn mặt của Boudreau. Ông ta đang cười khúc khích một mình như thể đang ở một thế giới khác. “Cậu đang làm cái quái gì vậy ?” Lehmann quát lên khi

nhìn thấy viên chức hành chính trẻ tuổi ngồi trên sàn nhà với lưng dựa vào một cái bàn bị lật. “Không cần phải sắp xếp lại đồ đạc.” Vào lúc đó, tiếng nổ từ một vụ nổ xa xôi làm cửa trước rung lên trên bản lề. Lehmann gần như lao vào lòng Hays.

Khi tôi chạy quanh văn phòng, thu thập các ghi chú, nhận các cuộc gọi điện thoại, tôi bỗng nhớ đến Joe Kingsley. Nếu tôi từng cần sự giúp đỡ của anh ấy, và bản năng chiến binh của anh ấy, thì chính là bây giờ.

Nhưng Joe hiện đang “không có mặt.” Khoảng một giờ trước, anh đã lái xe vào trung tâm thành phố để lấy một chiếc nhẫn cho vợ và ghé qua vài quán bar. Bây giờ anh ta đang ở giữa mọi chuyện.

"Anh ấy đã nói với tôi sau này rằng : 'Tôi đang lái xe trên đường Tự Do thì máy bay tấn công.'" "Ngay lập tức tôi biết chuyện gì đang xảy ra." Tôi nhảy ra khỏi xe và chạy quanh ra phía cốp xe. Tôi có một kho vũ khí ở đó - Thompson, M-16 và lựu đạn, và tôi đã kéo ra một bó. Ngay lúc đó, hai lính thủy đánh bộ từ Đại sứ quán bước ra lảo đảo từ một quán bar ở góc phố. Họ mặc thường phục và say như điếu đổ. "Hãy cho chúng tôi đi nhờ !" họ hét lên, và tôi đồng ý, ném cho họ một hoặc hai khẩu súng tự động 45 để giữ họ vui vẻ. Sau đó chúng tôi nhảy vào ; tôi đạp ga và lao về phía Đại sứ quán, đụng phải xe cộ trên đường như họ dạy trong các bài tập lái xe vượt chướng ngại vật. Thỉnh thoảng, hành khách của tôi lại bắn súng vào ai đó trên đường đi. Tôi hy vọng họ không giết ai cả.

Khi chúng tôi đến Đại sứ quán, cổng đã bị khóa chặt. Một trong những người đi cùng tôi đã rút khẩu .45 ra và chĩa vào người gác cổng Việt Nam. 'Không có chìa khóa !' 'Không có chìa khóa !' cậu bé hét lên bằng tiếng Việt. Người của tôi không hiểu, và sắp sửa bắn vào đầu hắn. Tôi chộp lấy khẩu .45 và bảo anh ta bình tĩnh lại. Sau đó, đột nhiên, một tên ngốc ở cuối phố, gần Đại sứ quán Anh, bắt đầu bắn vào chúng tôi. Chúng tôi núp sau một cái cây trong khi các lính thủy đánh bộ bên trong tìm chìa khóa. Cuối cùng họ tìm thấy một cái và mở cổng. Khi nó mở ra, chúng tôi lao qua đường vào khuôn viên, với những viên đạn lạc vù vù bên tai. Tôi không tin là tôi đã thấy nhiều hành động như vậy kể từ Quảng Ngãi năm 68.

Trong cơn bão, tại Tân Sơn Nhất, ít nhất một số người đang bị tấn công đã tìm thấy sự hài lòng trong đó. Ngay trước khi cuộc không kích diễn ra, các phái đoàn Bắc Việt và Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Trại Davis đã lặng lẽ vào các hầm ngầm mà họ đã xây dựng trong suốt tuần qua. Họ ở lại đó suốt, nhận các cuộc gọi điện thoại từ các liên lạc ở trung tâm thành phố và chúc mừng nhau về kỹ năng của các phi công của họ.

Khoảng một dặm xa, tại trụ sở DAO, Đại tá Legro kém hài lòng hơn rất nhiều bị mắc kẹt trong khu vực chỉ huy cùng với một vài nữ phục vụ người Việt. Một trong số họ đang khóc không ngừng. "Em không sao đâu," anh ấy trấn an cô ấy, vỗ về lưng cô. "Bắc Việt không có ở đây."

"Đó không phải lý do tôi khóc," cô ấy nức nở. "Bây giờ tôi biết các bạn sẽ đều rời đi vào ngày mai."

Các thành viên của phái đoàn Mỹ đến Đội Quân sự Liên hợp, chỉ ba ngày trước đã được cộng sản mời ở lại, giờ đây đang chạy từ tòa nhà này sang tòa nhà khác trong khuôn viên chính của DAO, kéo những người Việt Nam hoảng loạn vào trong, đẩy họ vào các góc và dưới bàn, cố gắng khôi phục sự bình tĩnh. Cách đó vài trăm thước, ngay tại trung tâm xử lý, một người Samaritan tốt bụng miễn cưỡng khác chỉ đang cố gắng làm công việc của mình. "Chúng tôi đã làm việc như điên như mọi khi," Moorefield sau này bình luận, nhớ lại khoảnh khắc chiếc máy bay đầu tiên lao xuống. "Đột nhiên có những tiếng nổ lớn và đèn từ trần nhà rơi xuống." Một trong số đó rơi

ngay xuống bàn làm việc của Joe McBride, trên vai anh ấy. Nhưng ông ấy vẫn tiếp tục làm việc.

Nhưng rồi có thêm nhiều tiếng nổ, và những người Việt Nam với chúng tôi - có thể khoảng một trăm người - bắt đầu la hét và chạy quanh như những con gà bị chặt đầu. Tôi nhảy lên và cầm lấy khẩu súng lục của mình, và McBride và tôi bắt đầu dồn họ ra khỏi tòa nhà của chúng tôi và vào một tòa nhà kiên cố hơn ở phía bên kia đường.

Khi chúng tôi lao nhanh, tôi thấy vài chiếc máy bay đang quay lại để thực hiện lượt tấn công thứ hai. Có ba hoặc bốn chiếc và khói cùng các vụ nổ trên không đã vương vãi khắp bầu trời. Vì khu vực mục tiêu chỉ cách đó một phần tư dặm, nên cú sốc rất mạnh.

Tôi đoán chúng tôi đã phải nằm rạp xuống khoảng một hoặc hai giờ, mặc dù các cuộc không kích chỉ kéo dài không quá mười lăm hoặc hai mươi phút. Một điều khiến tôi đặc biệt nản lòng : khoảng thời gian dài giữa cuộc không kích đầu tiên và thời điểm các máy bay tiêm kích Nam Việt Nam cất cánh để truy đuổi. Trợ lý Tùy viên Không quân sau đó đã nói với tôi rằng cuộc tấn công đã hiệu quả đánh sập trung tâm tác chiến không quân, vì vậy những máy bay đã cất cánh đều bay trong tình trạng mù quáng.

Tôi nhớ đã nghĩ về sự mỉa mai của tất cả những điều này. Bao nhiêu lần trong hai năm làm sĩ quan chiến đấu của tôi ở đồng bằng, tôi đã gọi không kích chống lại VC ! Bây giờ tôi biết cảm giác ở phía nhận đòn như thế nào, và hoàn toàn không có khả năng tự vệ.

Trong khoảng một giờ đầu tiên, các cơ chân đã được vận động. Chắc hẳn tôi đã đi lên đi xuống cầu thang trong Đại sứ quán hai mươi lần hoặc hơn, mang các báo cáo radio và điện thoại đến cho Polgar ở nơi trú ẩn trên tầng năm, mang các tin nhắn từ ông ấy đến những người khác trong tòa nhà.

Một tù nhân Bắc Việt từng cố gắng truyền đạt cho tôi cảm giác mà bạn có được trong một cuộc không kích : cảm giác bất lực và không gian chật chội. Tôi giờ đã hiểu ý anh ấy. Khi tôi vội vã chạy quanh Đại sứ quán theo lệnh của Polgar, tôi không khỏi rùng mình trước viễn cảnh bất trắc: ngay cả khi cuộc di tản diễn ra trong giờ tiếp theo, máy bay của Bắc Việt vẫn có thể nhanh chóng chặn đường ra vào Tân Sơn Nhất, nhốt chúng

tôi ở bên trong mãi mãi.

Trong phòng tình huống bên cạnh chỗ làm việc của tôi, ba sĩ quan CIA khác nhanh chóng tiếp quản các máy phát radio. Tất cả họ đều buộc phải làm việc gần cửa sổ một cách nguy hiểm, vì các bảng điều khiển được cố định tại chỗ, không thể di chuyển. Người điều hành chính, một thư ký thường được phân công đến một văn phòng khác, đã thực hiện một cách dũng cảm, ngồi bình tĩnh trước micro hàng giờ liền, truyền đạt các thông điệp cho nhân viên của Trạm đang hoảng loạn bên ngoài khi những viên đạn lạc bay qua cửa sổ bên cạnh cô.

Ban đầu Polgar tin rằng cuộc không kích là phát súng khai màn cho một cuộc đảo chính. Hàng chục chiếc A-37 vẫn

còn sẵn có cho không quân miền Nam Việt Nam, và Nguyễn Cao Kỳ chắc chắn vẫn có ý định trở thành tổng thống. Chỉ vài phút sau khi cuộc không kích đầu tiên diễn ra, người bạn cũ của Kỳ, Robert Shaplen từ The New Yorker, đã gọi từ khách sạn Continental ở trung tâm thành phố để đảm bảo với tôi rằng không có sự tham gia của Tư lệnh Không quân. "Nhưng hãy nói với Polgar," ông ấy hét lên qua điện thoại, giọng nói khàn khàn của ông ấy gần như không thể nghe thấy giữa tiếng súng nổ, "Tôi sẽ kiểm tra với Kỳ ngay lập tức để đảm bảo." Ông ấy nhanh chóng gọi lại để nói rằng viên phi công màu mè đã phủ nhận một cách dứt khoát bất kỳ vai trò nào trong cuộc tấn công.

Không lâu sau đó, một đồng nghiệp đã đưa cho tôi một báo cáo tình báo

chứng minh sự đồng lõa của Bắc Việt không còn nghi ngờ gì nữa. Các máy bay, theo báo cáo, đã được phóng từ căn cứ không quân bị chiếm đóng ở Phan Rang trên bờ biển. Tôi mang báo cáo và tin nhắn của Shaplen xuống cho Polgar ở tầng dưới. Ông ấy đang ngồi ở bàn làm việc của một thư ký trong một văn phòng mượn, gõ một bức điện gửi về trụ sở trên một chiếc máy đánh chữ cũ kỹ. Ông vừa chạy lên cầu thang từ phòng của Đại sứ ở tầng ba; những giọt mồ hôi lấm tấm trên đầu hói của ông và ông đang thở hổn hển. Ông đã đưa các ghi chú và thông tin tình báo của tôi vào bức điện của ông và bảo tôi liên lạc với Malcolm Browne tại New York Times để xem liệu ông ấy có nhận được phản ứng nào từ phái đoàn PRG tại Tân Sơn Nhất không.

"Có tin gì từ Toth không ?" anh ta hét

lên với một sĩ quan khác, người đang cố gắng liên lạc với Tùy viên Quân sự Hungary của ICCS qua điện thoại. "Không, thưa ngài," viên sĩ quan trả lời, đập mạnh ống nghe xuống. "Có vẻ như người Hungary không trả lời."

Trước khi tôi kịp gọi điện đến văn phòng Times, Browne đã gọi cho chúng tôi. Khi tôi nhấc máy lên, ông ấy nghe có vẻ phấn khích và hoảng loạn. Nhân viên của ông đã phát hiện một chiếc MIG-19 bay qua nhà thờ chỉ cách Đại sứ quán ba dãy nhà, ông lắp bắp nói, và một vài chiếc A-37 đã thực hiện các cuộc tấn công qua Cung điện. Nhưng tin xấu nhất mà ông có được là từ Mặt trận Giải phóng miền Nam. Một phát ngôn viên của đội ngũ của họ tại Tân Sơn Nhất vừa thông báo cho ông qua điện thoại rằng "Đại" Minh hoàn toàn không thể chấp nhận được đối

với phía họ. "Mỹ phải tuân thủ các điều khoản I, IV và IX của hiệp định Paris và tôn trọng ý chí và quyền lợi cơ bản của nhân dân Việt Nam," người phát ngôn đã giải thích, nhắc lại các điều khoản của hiệp định quy định việc rút quân hoàn toàn của Mỹ, ngừng bắn và tổ chức bầu cử. "Thứ hai, Hoa Kỳ phải hủy bỏ chính quyền Sài Gòn, một chính quyền chiến tranh và đàn áp. Những tuyên bố của Tướng Minh không đáp ứng được những yêu cầu này."

Polgar tái mặt khi tôi chuyển tin nhắn này cho anh ta. Đó là bằng chứng cuối cùng rằng tất cả những mưu đồ của ông ta đều vô ích. Như thông tin vào đầu tháng Tư đã chỉ ra, các nhà lãnh đạo Cộng sản đã quyết tâm giành chiến thắng hoàn toàn, mà không hề có một chút nào về sự thỏa hiệp chính trị.

Dễ đoán thôi, các cuộc không kích đã làm dừng hoàn toàn hoạt động vận chuyển bằng đường hàng không. Chỉ vài phút sau khi chuyến bay đầu tiên, Tướng Smith đã cho hai chiếc C-130 đang đến hạ cánh vào một vòng chờ phía đông nam Tân Sơn Nhất. Ông cũng chỉ đạo nhân viên của mình di chuyển tất cả các xe buýt có sẵn đến các khu vực tập kết đã được sắp xếp trước. Vì ông ta được lệnh tháo dỡ toàn bộ cửa hàng trong vòng hai mươi bốn giờ tới, ông ta muốn có thể gửi các đoàn xe vào thành phố ngay lập tức để đón những nhân viên còn lại khi tiếng súng ngừng lại.

Vào khoảng bảy giờ mười lăm, Đại sứ Martin đã gọi cho Smith từ Đại sứ quán để đánh giá thiệt hại ban đầu. Trung tâm tị nạn có bị tấn công không ? Không, vị

tướng nói. Không có thương vong nào mà ông biết. Vậy còn các đường băng thì sao ? Chúng có đủ tình trạng tốt để cho phép tiếp tục các chuyến bay C-130 không ? Tướng quân do dự ; ông chưa thể tiến hành một cuộc kiểm tra trực tiếp. Nhưng dựa trên các báo cáo sơ bộ và những gì ông có thể thấy từ văn phòng của mình, vẫn còn đủ chỗ cho những con chim lớn cơ động. Ông đã trấn an Martin như vậy.

Đại sứ thở phào nhẹ nhõm. Một số nhân viên cấp cao của ông, bao gồm cả Polgar, đã bắt đầu kêu gọi một cuộc giải cứu bằng trực thăng ngay lập tức, Lựa chọn IV. Nhưng với các đường băng vẫn còn sử dụng được, ông có thể tranh luận để họ từ bỏ ý định đó. Một cuộc vận chuyển bằng trực thăng sẽ khiến người Việt hoảng loạn, phá hủy mọi hy vọng

về một thỏa thuận hòa bình. Tốt hơn là tiếp tục với việc vận chuyển bằng máy bay cánh cố định như đã kế hoạch ; ít rủi ro hơn.

Tại Washington, chậm nửa ngày so với Sài Gòn, trời còn sáng sớm. Kissinger đã báo cáo cho Tổng thống Ford về vụ ném bom và nói rằng Martin tin rằng việc vận chuyển bằng máy bay cánh cố định vẫn khả thi.

Tổng thống không hài lòng. Như ông đã tiết lộ với các trợ lý sau này, ông không hiểu điều gì đã đưa người Việt Nam miền Nam đến tình trạng khủng khiếp này. Ông cũng không chắc chắn về sự khôn ngoan khi để Martin một mình quyết định quá nhiều vấn đề quan trọng. Việc đàm phán này thật sự gây bối rối.

Schlesinger không thấy có cơ hội thực sự nào cho việc đó. Ngay cả Kissinger cũng ngày càng hoài nghi. Chỉ có Martin vẫn tin rằng hạt dẻ có thể được kéo ra khỏi lửa. *

*[Thái độ của Colby vẫn là một sự thỏa hiệp giữa Schlesinger và Martin. Vào ngày hai mươi tám, ông nói với WSAG : "Biên Hòa và căn cứ không quân của nó sẽ sụp đổ trong vài giờ nếu quân Bắc Việt tiếp tục tấn công." Kháng cự tại Long Bình [một căn cứ quân sự gần Biên Hòa] có lẽ sẽ sớm kết thúc. Tây Ninh và Tân An sẽ sớm rơi vào tay cộng sản. Tóm lại, quân đội Bắc Việt đã tái khởi động áp lực quân sự lên Sài Gòn. Nỗi dilemma của Minh là liệu ông có thể sắp xếp một sự đầu hàng trong đó những người không theo cộng sản có một vai trò nào đó trong một chính phủ mới trước khi

người Bắc Việt làm sụp đổ hoàn toàn chính phủ Sài Gòn. Có vẻ như không còn nhiều thời gian để đạt được một kết thúc như vậy - có thể chỉ còn một đến ba ngày nữa."]

Cuối cùng, sau khi bày tỏ những lo ngại của mình với Kissinger, Ford đã quyết định một thỏa hiệp. Trong khi Martin sẽ quyết định xem liệu và khi nào tất cả người Mỹ nên rời đi, một chiến dịch vận chuyển hàng không lớn bằng máy bay cố định, nhằm giảm bớt tình trạng ùn tắc, sẽ được khởi động trong vòng hai mươi bốn giờ tới. Kissinger cũng sẽ hỏi lại các nhà lãnh đạo Liên Xô, để xem liệu họ có thể đảm bảo sự hợp tác của Hà Nội hay không.

Vào khoảng 8 giờ tối, giờ Sài Gòn,

Tướng Smith đã cho phép hai chiếc C-130 đang bay vòng trên bầu trời Tân Sơn Nhất hạ cánh. Khoảng 360 hành khách đã nhanh chóng được đưa lên máy bay và hai chiếc máy bay cất cánh mà không gặp sự cố nào. Trong khi đó, Đô đốc Gayler đã liên lạc với Smith từ Honolulu để thông báo cho ông về những quyết định mới nhất của Washington. Tất cả các chuyến bay C-141, ông nói, sẽ bị ngừng ngay lập tức để nhường chỗ cho khoảng sáu mươi chuyến bay C-130 trong vòng hai mươi bốn giờ tới. Mười nghìn người, bao gồm tất cả nhân viên DAO, sẽ được di chuyển bằng chúng.

Các sĩ quan cấp cao khác của Phái bộ đã nhanh chóng được thông báo về kế hoạch. Theo chỉ thị của Martin, Jim Devine đã chỉ đạo tất cả các trưởng cơ quan bắt đầu thông báo và tập hợp

những người mà họ dự định gửi đi. Đại sứ đã giả định, ông ấy nói, rằng chúng ta sẽ có ít nhất hai ngày, cho đến ngày ba mươi, để hoàn thành việc sơ tán các nhân sự chủ chốt người Việt.

Một số lãnh đạo cơ quan đã phản đối. Cảnh sát Sài Gòn vừa mới áp đặt lệnh giới nghiêm kéo dài hai mươi bốn giờ. Vậy họ có thể tập hợp những người sơ tán như thế nào ? Devine đề xuất phần lớn người sơ tán được đưa đến Đại sứ quán và các khu vực của các cơ quan lân cận để giảm thiểu thời gian di chuyển. Vào buổi sáng, họ có thể được đưa bằng xe buýt đến chính sân bay Tân Sơn Nhất.

Trong vài giờ tới, khoảng 1.000 người Việt Nam đã được tập trung tại Đại sứ quán và thêm 200 người nữa tại khuôn viên USIA trên đường Lê Quý Đôn. Don Hays và các sĩ quan khác đã đếm đầu và

cầu nguyện rằng hệ thống đoàn xe sẽ giữ vững vào ngày hôm sau. Như tất cả họ đều đã biết, kế hoạch sơ tán hiện tại chỉ dự kiến cho 200 hành khách tiềm năng tại Đại sứ quán vào ngày E. Một số lượng lớn hơn đáng kể sẽ cần một cuộc di tản trực thăng quy mô lớn ra khỏi khuôn viên đại sứ quán, điều mà không ai đã lên kế hoạch.

Trên thực tế, vai trò của Đại sứ quán theo Lựa chọn IV đã được xem xét và điều chỉnh lại. Sau các cuộc không kích, Gayler đột nhiên trở nên tin rằng Đại sứ quán có thể phải được sử dụng như một điểm đón trực thăng chính, và ông nhanh chóng báo cho Tướng Smith về khả năng này. Smith sau đó đã khuyên các lính thủy đánh bộ ở trung tâm thành phố dọn sạch tất cả các xe ra khỏi Đại sứ quán trong đêm để bãi đậu xe có thể

nhanh chóng được chuyển đổi thành một bãi đáp nếu cần thiết. Khi Mary Garrett, nhân viên an ninh của Đại sứ quán, biết được điều này, ông biết rằng ông không thể trì hoãn điều không thể tránh khỏi thêm nữa. Cây me lớn, tỏa bóng như một chiếc ô che chở trên chiếc limousine của Martin, sẽ phải bị chặt bỏ.

Nửa giờ sau, một vài cấp dưới của Garrett lén lút đi qua bãi đậu xe với một chiếc cưa máy. Họ rút nó ra, đặt nó vào thân cây và bật công tắc. Thật thất vọng, không có gì xảy ra ; cái cưa bị kẹt. Một trong những lính thủy đánh bộ của Đại sứ quán mang ra một bó rìu cứu hỏa và tất cả mọi người đều lao vào sử dụng chúng, tiếng lách tách của mỗi nhát rìu vang vọng khắp bãi đậu xe. Vài phút sau, Lehmann, cà vạt lệch, lao ra khỏi tòa nhà, giơ nắm đấm về phía họ. "Anh nghĩ

mình đang làm gì vậy !" anh ta lắp bắp, gần như không thể nói rõ vì cơn giận dữ. "Không ai bảo mày chặt cái cây đó." Garrett và những người bạn của anh ấy đặt rìu xuống. Cái cây đã được tạm tha cho đến lúc này.

Khi tiếng súng cuối cùng lắng xuống, Erich Von Marbod rời văn phòng của Tướng Smith, nơi ông đã tìm nơi trú ẩn trong suốt cuộc không kích, và lái xe đến trụ sở JGS. Ông rất lo lắng để xác định xem không quân Việt Nam Cộng Hòa có thể thực hiện cuộc không kích dự phòng ở Biên Hòa mà ông đã yêu cầu trước đó trong ngày hay không, trong bối cảnh hỗn loạn.

Khi Von Marbod bước vào phòng tình huống hỗn loạn, Không quân

trưởng Kỳ, với bộ đồ bay được may đo tinh tế, đang lục lọi qua những chồng tài liệu rải rác trên mặt bàn. Những bản đồ treo tường, từng là minh chứng cho những huyền thoại về bình định và vinh quang của vũ khí Nam Việt Nam, giờ đây trở thành những tác phẩm trừu tượng của Kandinsky với những dấu phấn đỏ và hồng thể hiện những bước tiến mới nhất của quân đội cộng sản. Viết nguệch ngoạc ở góc của một trong số đó là các chữ số "308," kèm theo một dấu chấm hỏi lớn. Sư đoàn 308, sư đoàn tốt nhất trong quân đội Bắc Việt, đã không được nghe thấy trong nhiều tuần ; thực tế, đây là đơn vị BV duy nhất sẵn sàng chiến đấu mà chưa được đưa vào cuộc tấn công. Như các nguồn tình báo sẽ tiết lộ sau này, nó vẫn đang được giữ lại ở Bắc Việt, như một biện pháp phòng ngừa cho những tình huống bất ngờ. *

* [Ngoài sư đoàn 308, một sư đoàn huấn luyện ở miền Bắc Việt Nam cũng đang được chuẩn bị cho chiến đấu và có lẽ đã được đưa vào cuộc tấn công nếu như Sài Gòn không sụp đổ quá nhanh.]

Von Marbod bắt tay với Kỳ và nhanh chóng đi vào vấn đề. Ông tự hỏi liệu tướng Không quân có thể "sử dụng ảnh hưởng của mình" để đảm bảo các cuộc không kích tại Biên Hòa không. Ông cũng đã yêu cầu ông ấy cố gắng thuyết phục chỉ huy không quân điều tất cả các máy bay thừa - trừ các máy bay F-5 - đến căn cứ không quân Takli ở Thái Lan.

Kỳ đồng ý giúp đỡ. Nhưng tại sao lại để lại những chiếc F-5 ? Ông ta đã hỏi. Von Marbod giải thích rằng Martin muốn ông không làm gì để "hạ thấp" khả năng chiến đấu của không quân. Các

máy bay F-5 sẽ phải ở lại đến phút cuối cùng.

Trong lời khai sau đó trước Quốc hội, Martin đã buộc tội Von Marbod vi phạm thỏa thuận đó. "Tôi sau đó đã biết rằng sau khi cuộc không kích vào căn cứ không quân," Đại sứ nói, "ông ấy đã gặp tướng Không quân Kỳ và thuyết phục ông ấy ảnh hưởng đến tư lệnh không quân Việt Nam để cho một phần lớn máy bay còn hoạt động bay ra vào chiều hôm đó.» Kết quả cuối cùng dường như là sự sụp đổ của kỷ luật tại căn cứ không quân. Việc không kích dữ dội vào căn cứ không quân sáng hôm sau [vào ngày hai mươi chín] để ngăn chặn bất kỳ cuộc di tản nào tiếp theo cũng là một hệ quả.» Điều mà Martin ngụ ý là tên lửa không điều khiển của ông, Von Marbod, đã đẩy người Bắc Việt vào tình thế khó khăn và

thúc đẩy cuộc tấn công cuối cùng của họ vào Sài Gòn bằng cách sắp xếp việc loại bỏ các máy bay của Việt Nam Cộng Hòa. Điều này rõ ràng là không đúng sự thật. Không có máy bay nào của Nam Việt Nam hạ cánh tại Takli cho đến giữa buổi sáng ngày hôm sau, sau khi Bắc Việt đã tiến hành cuộc tấn công cuối cùng.

Kỳ, về phần mình, cũng đã lừa dối Von Marbod. Không chỉ ông ta không sắp xếp cho sự ra đi của các máy bay quan trọng của Việt Nam Cộng Hòa ; ông ta cũng đã bỏ qua việc thiết lập cuộc không kích vào Biên Hòa, như ông ta đã hứa. Do đó, một tỷ lệ lớn trang thiết bị và máy bay của lực lượng không quân đã bị bỏ lại cho quân đội miền Bắc chiến thắng.

Như Kỳ sau này giải thích, tối hôm đó ông đã bận tâm với một việc khác. Ngay sau cuộc trò chuyện với quan chức

Lầu Năm Góc, ông lái xe đến một nhà chứa máy bay gần đó và giúp trang bị cho một số máy bay chiến đấu F-5 để thực hiện một cuộc tấn công trả đũa vào Phan Rang, nơi lực lượng tấn công A-37 đã xuất phát.

Trong khi đó, Tướng Văn Tiến Dũng và các trợ lý của ông đang xác định các mục tiêu cuối cùng của họ. "Vào tối ngày 28 tháng 4," ông báo cáo trong hồi ký của mình, "ban chỉ huy chiến dịch, phân tích tình hình tổng thể, nhận thấy rằng kẻ thù rất bối rối, chỉ huy của họ đã trở nên hỗn loạn..." Trong hai ngày đầu của chiến dịch, các cánh quân của chúng tôi đã hoạt động theo kế hoạch. Do đó, chúng tôi đã ra lệnh phát động tổng tấn công trên tất cả các mặt trận vào sáng ngày 29 tháng 4 và tiến vào Sài Gòn." Các

thông điệp phản ánh quyết định này đã được gửi đi kịp thời đến Hà Nội và tất cả các sở chỉ huy tiền phương.

Một lát sau, Lữ đoàn Tăng 203, đơn vị sẽ dẫn đầu cuộc tấn công vào thủ đô, đang lăn bánh về điểm xuất phát tại Biên Hòa, đi theo con đường 1, phía đông thành phố, với đèn pha tắt ngúm khi những chiếc máy bay Nam Việt Nam bay lượn vô mục đích trên đầu.

Đến 10 giờ tối, chúng tôi đã bắt đầu lấy lại bình tĩnh. Các đoàn xe hơi và xe limousine đã len lỏi qua các chốt kiểm soát của cảnh sát quanh thành phố, một số đưa nhân viên Đại sứ quán mệt mỏi về nhà, một số khác đón những nhân viên Việt Nam đầu tiên sẽ ra đi trên các chuyến bay C-130 vào ngày hôm sau. Với

lệnh giới nghiêm kéo dài suốt hai mươi bốn giờ đã được thực thi, các con phố trở nên hoang vắng và u ám với hàng rào dây thép gai.

Alan Carter ghé qua khuôn viên USIA trên đường Lê Quý Đôn để giúp các cấp dưới sắp xếp chỗ ngủ cho những người Việt Nam đã tập trung sẵn. Khi ông đi qua đám đông, ông chỉ nhận ra một vài người địa phương của mình. Phần lớn là nhân viên USAID và những người lạ mặt khác đã đơn giản lẻn qua cổng chính. Anh ta cố gắng nghĩ ra cách nào đó để phong tỏa khu phức hợp. Không có ích gì : văn phòng quan hệ công chúng của Đại sứ quán không được xây dựng như một pháo đài.

Tại khu giải trí phía sau Đại sứ quán, Don Hays và hai đồng nghiệp của anh đang đóng gói những hộp thực phẩm

đông lạnh vào cốp sau của một chiếc xe station wagon cũ kỹ. Hays mệt mỏi đến mức gần như ốm yếu, nhưng biết rằng anh không thể gục ngã vào lúc này. Ông đã được triệu tập đến trung tâm xử lý DAO để thay thế hai đồng nghiệp đã làm việc suốt cả ngày căng thẳng này, và vẫn còn hơn 700 người sơ tán của Bộ Ngoại giao cần được cho ăn và xử lý trước khi bắt đầu chuyến bay C-130 trong vài giờ tới.

Ngay khi anh ta đang leo lên xe, Boudreau và Jazynka đi dạo qua bãi đậu xe, vừa cười vừa nói. Sao lại vội vàng thế ? họ gọi với anh ấy. Không cần phải làm quá lên. Tại sao, họ thậm chí còn đi dự tiệc cocktail muộn vào buổi tối. Tham gia cùng họ đi.

Hays chỉ đứng nhìn, quá mệt mỏi để phản ứng.

Trong vài giờ tới, ba chiếc C-130 nữa hạ cánh tại Tân Sơn Nhất, mỗi chiếc chở "hàng nóng," thêm nhiều Daisy Cutter cho lực lượng không quân miền Nam Việt Nam không tồn tại. Xét về thời gian cần thiết để dỡ hàng, không chiếc máy bay nào có thể ngay lập tức đón hành khách. Đám đông nhốn nháo trong trung tâm xử lý nhanh chóng tăng lên hơn 2,800 người.

Với ngày càng nhiều người đổ vào khu phụ, Ken Moorefield tìm kiếm những thứ làm dịu lòng. Tất cả những gì cần để làm chậm lại tất cả các "hệ thống" điều hành việc sơ tán là bạo loạn quy mô lớn ở đó, trong khuôn viên, và anh ta cùng với mọi người khác đều tuyệt vọng tránh điều đó bằng mọi giá. Vì nhiều người sơ tán giờ đã cách bữa ăn cuối cùng của họ

hàng giờ và đang thể hiện sự căng thẳng, anh quyết định, như Hays đã làm, rằng thức ăn là câu trả lời. Khoảng mười giờ ba mươi, anh ta và một số viên chức lãnh sự khác đã đột kích vào kho thực phẩm đóng hộp trong khu vực chơi bowling và mang chúng đến bếp trong một trong những tòa nhà lớn hơn. Sau đó, họ đã cho một đội đầu bếp người Mỹ và Việt Nam làm việc để chuẩn bị một bữa ăn gồm cơm và đậu cho đám đông.

Trong khi tình hình đang sôi, Moorefield đã thực hiện một chuyến kiểm tra cuối cùng quanh khu phụ và các ranh giới của nó. Hơi sau mười một giờ, anh đi ra đến chốt kiểm soát ngay bên ngoài cổng chính. Ông thấy khoảng ba mươi hoặc bốn mươi người Việt Nam tụ tập ở đó, và ông đã dẫn họ đi xuống con đường vào khuôn viên để trong trường

hợp có một cuộc không kích khác, họ sẽ không bị bắt ở nơi trống trải. Ông cũng đã nói chuyện ngắn gọn với hai lính thủy đánh bộ trẻ tuổi đang trực. Cả hai đều lo lắng và bồn chồn, như có thể mong đợi. Lance Corporal Darwin Judge chỉ mới ở Việt Nam được một tháng ; người bạn đồng hành của anh, Corporal Charles McMahon, cũng chỉ mới lâu hơn một chút. Hạ sĩ Darwin Judge chỉ mới ở Việt Nam được một tháng ; đồng đội của anh, hạ sĩ Charles McMahon, chỉ mới lâu hơn một chút. Moorefield cố gắng nâng cao tinh thần của họ, đảm bảo rằng mọi thứ đều nằm trong tầm kiểm soát. Ông là người cuối cùng nhìn thấy họ còn sống.

Tại Đại sứ quán ở trung tâm thành phố, điều phối viên sơ tán George Jacobson đã dành nửa giờ qua để gọi điện cho tất cả các trưởng cơ quan, thông báo cho

họ về một hội nghị khẩn cấp vào nửa đêm. Mỗi người đều phải cử một đại diện đặc biệt để giúp lập kế hoạch cho cuộc không vận vào ngày hôm sau.

Ngay khi Dan Ellerman, cố vấn kinh tế, nhận được tin về cuộc họp, ông bắt đầu lục lọi trong đống đổ nát trên bàn làm việc của mình để tìm danh sách nhân viên cộng đồng doanh nghiệp. Trong vài ngày qua, các đại diện của nhiều công ty Mỹ đã kịp đưa hơn 300 người Việt Nam ra nước ngoài, hầu hết trong số họ là nhân viên ngân hàng. Vẫn còn lại : những người làm việc cho Esso, Shell và IBM.

Một thời gian ngắn sau, Ellerman được triệu tập đến văn phòng Đại sứ để nhận một cuộc gọi đường dài từ một đại diện cấp cao của IBM ở Bangkok. Người đàn ông rất tức giận. Ông dự định bay vào Sài Gòn trong ngày để sắp xếp việc

sơ tán người dân địa phương trong công ty, nhưng giấy phép hạ cánh của ông đã bị thu hồi vì tình trạng tắc nghẽn ở Tân Sơn Nhất và các cuộc không kích. Bây giờ anh ta muốn biết Đại sứ quán sẽ làm gì để giúp anh ta. Có gần 300 nhân viên người Việt của IBM cùng với gia đình họ cần được chăm sóc.

Ellerman cố gắng làm anh ta bình tĩnh lại. Ông sẽ làm những gì có thể, ông hứa, nhưng ngay bây giờ, với lệnh giới nghiêm kéo dài hai mươi bốn giờ, ông không thể làm gì hơn. Đại diện của IBM hỏi liệu ông có thể bay vào ngay lập tức không. Ellerman từ chối ; có quá nhiều người Mỹ ở Sài Gòn rồi. "Thế thì, nếu ông không đưa người của chúng tôi ra," người đàn ông IBM phản bác, "tôi sẽ gọi điện cho Nhà Trắng." Ellerman thở dài : "Thì cứ làm đi."

Tại Washington, các giám đốc điều hành của IBM đã làm đúng như vậy, liên lạc với Nhà Trắng và yêu cầu hỗ trợ. Không có ai đến giúp, và tất cả nhân viên địa phương của IBM cuối cùng đều phải tự lo cho bản thân. Các đại diện công ty phàn nàn "không chính thức" sau khi Sài Gòn thất thủ rằng các nhân viên Việt Nam của họ đã bị làm con tin cho những giấc mơ viển vông của Đại sứ. Vì lợi ích của việc thúc đẩy một giải pháp chính trị, họ nói rằng ông đã cố tình để lại các kỹ thuật viên IBM được đào tạo bài bản tại chỗ, như một cử chỉ hòa giải đối với cộng sản. Đại sứ đã thẳng thừng phủ nhận điều này.

Vì phần lớn các đồng nghiệp của tôi giờ đây đang bận rộn với việc lập kế hoạch ứng phó, tôi không còn nhiều việc

để làm nữa. Tôi đã cân nhắc việc ra DAO để giúp Moorefield, nhưng Polgar đã ra lệnh cho tôi "ở lại sẵn sàng" để nếu có bất kỳ diễn biến quân sự nào nghiêm trọng trong đêm, tôi có thể đảm nhận việc phủ sóng cho trụ sở. Tôi đã nói với sĩ quan trực ban CIA rằng tôi có thể được liên lạc tại căn hộ của mình nếu cần, và sau đó lái xe đến số 6 công trường Chiến Sĩ với một người hộ tống từ văn phòng Giám sát Nhiệm vụ.

Trước khi đi ngủ, tôi sang nhà bên cạnh để uống một ly rượu và trò chuyện với Joe Kingsley. Chiếc radio di động trên thắt lưng của tôi phát ra một tiếng rì rầm đơn điệu, nhưng ngoài ra vẫn im lặng. Khi Joe mở cửa, anh ta đã uống đến ly martini thứ ba. "Chỉ cố gắng quên đi sự cố suýt nữa xảy ra hôm nay," anh ta lẩm bẩm. Vào lúc đó, một trong những người

bạn cũ của anh ta trong lực lượng Green Beret loạng choạng đi tới sau lưng tôi. Anh ta đã say khướt, và câu hoàn chỉnh duy nhất mà anh ta có thể nói được là "Tao sẽ ở lại Sài Gòn, chết tiệt, để cùng chìm với con tàu." Joe pha cho anh ta một ly chaser và chúng tôi ngồi xuống để xem xét kế hoạch sơ tán trên mái nhà lần cuối, mỗi người trong chúng tôi đồng ý sẽ đảm bảo hai người kia tỉnh táo và di chuyển nếu có bất kỳ tình huống khẩn cấp nào xảy ra trong đêm.

Khi tôi trở về căn hộ của mình một thời gian ngắn sau đó, tôi đã dành vài phút để sắp xếp mũ bảo hiểm, áo giáp và súng M-16 trên sàn nhà bên cạnh bàn đêm để tôi có thể dễ dàng tìm thấy chúng trong bóng tối.

35. Buổi sáng

Cuộc họp được triệu tập tại phòng hội nghị của Đại sứ quán ngay trước nửa đêm. Họ là một nhóm mệt mỏi và tả tơi, tất cả hai mươi người, và khi George Jacobson ngồi vào ghế Đại sứ ở phía bên kia của bàn để chủ trì thay Martin, một trong những người của Bộ Ngoại giao đã thầm cầu nguyện rằng các đồng nghiệp của ông sẽ bớt dài dòng hơn bình thường.

Anh ta không ngạc nhiên. Buổi họp kéo dài hơn một giờ, khi từng chuyên

gia sơ tán tiềm năng của Đại sứ quán lần lượt đến lượt mình.

Jacobson đã có lời đầu tiên. Đại sứ tự tin, ông nói, Bắc Việt sẽ chờ thêm bốn mươi tám giờ nữa trước khi đưa ra quyết định cuối cùng về việc có tấn công hay không. Do đó, Đại sứ quán có một khoảng thời gian để sơ tán 10.000 người mà họ đã chọn.

Nhưng có một vấn đề : chất lượng. Quá nhiều chỗ ngồi đã được dành cho các đầu bếp và người rửa chai. Đại sứ quyết tâm rằng 10.000 người sơ tán tiếp theo phải thực sự là "rủi ro cao". Jacobson nhìn về phía Shep Lowman, người lập danh sách chính của Đại sứ quán. "Xem xem anh có thể tìm ra tên của 2.000 người Việt Nam 'thật sự' xứng đáng được giúp đỡ không," ông nói với anh ta. Lowman cảm thấy kinh ngạc. Đó là lần đầu tiên

anh ấy được giao một chỉ tiêu cụ thể cho các VIP.

Cuộc thảo luận sau đó chuyển sang các tuyến xe buýt, điểm đón và hàng trăm vấn đề kỹ thuật khác. Cuối cùng, Lacy Wright đã giơ tay. "Có ai có kế hoạch nào để đưa chúng ta ra ngoài không ?" anh ta hỏi. "Nếu có, chúng là gì ?" Jacobson mỉm cười, lẩm bẩm điều gì đó không ai nghe thấy.

Khi cuộc họp kết thúc, Lowman đã chặn Alan Carter, người của USIA, và yêu cầu anh ta cung cấp một danh sách mới về "các mối liên hệ ưu tiên" của riêng mình. "Trời ơi !" Carter kêu lên. "Tôi đã nộp một cái cách đây vài ngày."

"Tôi biết," Lowman đáp. "Nhưng bảng tính của chúng ta đã bị hỏng." Chúng ta sẽ phải bắt đầu lại.

Trước khi bất kỳ cấp dưới nào của mình có thể trốn thoát vào ban đêm, Lowman đã triệu tập một số người trong số họ lại và thành lập một đội ngũ nhỏ "tình nguyện viên" để giúp đỡ việc nhận và giao người vào sáng hôm sau. Sau đó, ông và đồng nghiệp Don Brewster bắt đầu gọi điện cho những người Việt Nam đầu tiên được đề cử.

Tại Washington, trong khi đó, Đại sứ Liên Xô Anatoly Dobrynin đang suy nghĩ về một câu hỏi mới từ Kissinger. Ngoại trưởng vừa thông báo cho ông về việc mở rộng không vận, và lại hỏi liệu Hà Nội có thương lượng với Minh, cho phép một sự hiện diện quân sự Mỹ còn lại ở Sài Gòn và đảm bảo cho những người sơ tán một lối thoát tự do - đặc biệt là một hành lang không khí mở trên

đường cao tốc Sài Gòn-Vũng Tàu. Trong lúc này, nhà ngoại giao Liên Xô không có câu trả lời.

Các phát ngôn viên của Hà Nội thì không bị câm lặng như vậy. Đài Phát thanh Giải phóng tuyên bố khoảng một giờ sau đó : "hành động quan trọng và đúng đắn nhất bây giờ là nhân dân chúng ta phải hoàn toàn dựa vào lực lượng chính trị và vũ trang của mình để tiến lên một cách dũng cảm... và giải phóng toàn bộ lãnh thổ miền Nam Tổ quốc." Một bản phát thanh khác đã bác bỏ chính phủ Minh là "một chính quyền không trung thực và một cỗ máy chiến tranh hùng mạnh" mà "các thành viên của lực lượng thứ ba [đọc : chính Minh] là nạn nhân."

Hà Nội cũng có những lời nói không khuyến khích đối với người Mỹ. "Chỉ để

xuất [của Washington] rằng Hoa Kỳ chỉ duy trì một đại sứ quán [tại Sài Gòn], với số lượng nhân viên bình thường, không thể được coi là một sự đình chỉ sự can thiệp của Mỹ," đài Phát thanh Giải phóng nói. "Câu hỏi là đại sứ quán như vậy có quyền làm gì và tại sao người Mỹ không được rút ngay lập tức và khẩn cấp." [Không có sự phân biệt ở đây giữa các cố vấn quân sự và những người khác] ... Câu hỏi là liệu các đế quốc Mỹ có đồng ý bồi thường và chữa lành những vết thương sâu sắc và rộng lớn mà họ đã gây ra cho nhân dân Việt Nam không." Tóm lại, nếu người Mỹ muốn giữ bất kỳ loại hiện diện chính thức nào ở Việt Nam, họ sẽ phải trả tiền mặt ngay lập tức và đồng ý bị trói tay trước. Những yêu cầu này rõ ràng đã loại trừ bất kỳ sứ mệnh ngoại giao bình thường nào. Lựa chọn "kết thúc đắng cay," việc giữ lại một đại

sứ quán nhỏ của Mỹ, giờ đây đã không còn khả thi, mặc dù Nhà Trắng sẽ mất thêm vài giờ nữa để nhận ra điều đó.

Ngoài tuyên truyền, các nhà hoạch định chính sách và nhà phân tích ở Washington còn có điều gì đó đáng lo ngại hơn để suy ngẫm khi ngày làm việc của họ sắp kết thúc. Các chuyên gia tình báo vừa mới hoàn thành việc xem xét các thông điệp liên lạc của cộng sản mà Polgar đã yêu cầu vài ngày trước, và đã xác nhận các phát hiện ban đầu. Các thông điệp không phải là giả mạo, như Polgar nghi ngờ, mà là phản ánh hợp lệ các kế hoạch và di chuyển quân đội cộng sản. Không còn nghi ngờ gì nữa rằng toàn bộ quân đội Bắc Việt đang tiến vào Sài Gòn từ mọi hướng và chuẩn bị pháo kích vào các mục tiêu quan trọng, bao gồm cả Tân Sơn Nhất.

Đến 2:30 sáng, giờ Sài Gòn, ngày 29 tháng 4, hơn 2.000 người Việt Nam trong khu vực phụ trợ của DAO đang nhai ngấu nghiến những hạt cơm và đậu mà các chuyên gia ẩm thực của Moorefield đã chuẩn bị. Cuộc không vận đã bị ngừng lại do vụ đánh bom và các kỹ thuật viên của DAO vẫn đang dỡ hàng từ ba chiếc C-130 đã đến vài giờ trước.

Bản thân Moorefield cũng mệt lả, và sau khi đi một vòng cuối cùng quanh khuôn viên, ông leo lên chiếc xe của nhân viên cũ nát và lái xe về căn hộ của mình. "Tôi có bản năng muốn về nhà", ông nói sau đó. "Tôi phải quay lại lần cuối, dù chỉ để lấy túi đồ chạy trốn và khẩu súng trường của mình.

Trong một tiếng rưỡi tiếp theo, hai chiếc C-130 cuối cùng đã được phép lên đường. Don Hays, làm việc với các đường trượt tại trung tâm xử lý, đã mệt mỏi đến mức không thể đếm được số lượng hành khách theo quy định. Cuối cùng một chiếc, rồi một chiếc nữa của các máy bay lăn bánh khỏi đường băng. Chiếc thứ ba bắt đầu lăn bánh về phía bến tải hàng. Hays liếc nhìn đồng hồ : 4 giờ sáng. Vài giây sau, quả tên lửa đầu tiên lao đến với tiếng gào thét.

Vụ nổ làm rung chuyển căn hộ của tôi. Tôi lăn ra khỏi giường, mò mẫm quanh sàn nhà trong bóng tối để tìm mũ bảo hiểm và áo giáp. Khi tôi bò đến cửa sổ, tôi cố gắng đo khoảng cách của loạt vụ nổ nhỏ hơn tiếp theo : cách vài dặm, có lẽ là Tân Sơn Nhất. Trên những tán

cây, tôi có thể thấy những quả cầu lửa khổng lồ lao vào bầu trời đêm, đường chân trời nhấp nháy với những tia pháo sáng. Chiếc máy thu phát radio trên bàn tôi kêu lên một tiếng "bẹp" và sống dậy với một tiếng "bleeep !" chói tai ! Một giọng nói xuyên qua tiếng nhiễu : "Tan Son Nhut đang bị tên lửa và 130-mm tấn công !" Rồi một khoảng im lặng ngắn xuất hiện khi một thông điệp khác cắt ngang kênh. Tôi vội vàng đứng dậy, xỏ vào quần và giày, rồi lao ra hiên nhà. Trên các con phố bên dưới, cảnh sát Việt Nam đang nhìn ra một cách nhút nhát từ dưới những chiếc xe đỗ và từ sau những bao cát. Tôi chạy lom khom qua một lối đi nhỏ bắc ngang mặt tiền của tòa nhà và gõ cửa Joe Kingsley để chắc chắn rằng anh ta đã thức. Anh ấy chỉ vừa mới tỉnh táo. "Trông như đây là lúc kết thúc rồi," anh ta nói trong trạng thái mơ màng khi

kéo áo giáp vào. "Và bạn biết không." Tôi bị đau đầu kinh khủng." Chúng tôi sau đó vội vàng leo lên cầu thang bên ngoài lên mái nhà.

Một trong những quả tên lửa đầu tiên rơi chỉ cách chiếc C-130 đang lăn bánh vài bước chân, làm méo mó một phần thân máy bay như một mảnh giấy nhôm. Một quả thứ ba, rồi một quả thứ tư đâm vào trạm gác mà Moorefield đã đến thăm chỉ vài giờ trước đó. Hạ sĩ Mc-Mahon và Hạ sĩ Judge đã bị giết ngay lập tức.

Một quả tên lửa khác xoay vòng qua trung tâm xử lý và lao vào sân bóng của DAO. Một trăm năm mươi người Việt bị mắc kẹt ngoài trời gần bể bơi bị cuốn đi qua lại, như những bông lúa trong cơn gió mạnh. Hays cố gắng giữ chặt những người gần nhất với mình và ép họ xuống

đất, nhưng suýt bị giẫm đạp khi hàng trăm người xô đẩy qua anh. Vài giây sau, một quả tên lửa khác đâm vào góc của nhà thi đấu, cắt một mảnh mái và đè một phụ nữ Việt ở sân dưới. Ba hoặc bốn trăm người tị nạn bị mắc kẹt bên trong tòa nhà đã xé rách và cào cấu các bức tường kim loại, cố gắng thoát ra ngoài. Cách đó vài trăm thước, mặt đất bùng nổ thành một cột lửa khi một tên lửa khác chui vào. Tướng Smith và Erich Von Marbod ở gần đó trong căn cứ chỉ huy DAO đã bị ném xuống sàn. Ở trên lầu, một chiếc máy điều hòa không khí đã rơi ra khỏi tường và rơi xuống chân giường của một sĩ quan khác. Người lính bị chấn động đã cầm khẩu M-16, lao ra khỏi tòa nhà và nhảy vào một cái rãnh. Chỉ vài khoảnh khắc sau, anh ta mới nhận ra mình đã quên mặc quần.

Trên mái nhà của tòa chung cư của tôi, cách ba dặm, bạn có thể đếm gần năm giây giữa mỗi tia lửa và cú va chạm. "Chắc chắn là pháo 130-mm," Joe bình luận gần như với sự tôn kính. "Không có tên lửa nào có thể gây ra loại thiệt hại đó." Một trong những kho nhiên liệu ở rìa Tân Sơn Nhất đã bị trúng đích và ngay lập tức bùng nổ thành một đám mây rực rỡ, rải dầu mỏ cháy bỏng theo hàng trăm hướng khác nhau. Vài giây sau, một quả tên lửa khác lao ra từ bóng tối vào cuộc thảm sát.

"Chắc chắn cũng có đạn rơi ở đó !" Joe hét lên, chỉ về phía khu phố người Hoa của thành phố. Quả thật, bầu trời đêm trên Chợ Lớn đang nhấp nháy với ánh sáng hồng kỳ quái, một cơn bão lửa đang hình thành.

Vụ nổ đầu tiên đã đánh thức Moorefield khỏi giấc ngủ sâu và hất anh ra khỏi giường. Trong vài khoảnh khắc, anh nằm trên sàn nhà, ngửa lưng, bối rối hơn là sợ hãi, không chắc chắn liệu mình có đang mơ không. Khi những tiếng vang từ vụ nổ thứ ba hoặc thứ tư vang lên trong không khí, Lacy Wright, tại biệt thự của mình cách đó vài dãy nhà, đã đang vật lộn để mặc một bộ vest cũ. Âm thanh của chiếc điện thoại của anh ta cắt ngang sự ồn ào. "Vào ngay lập tức !" Shep Lowman hét qua điện thoại. "Hệ thống nâng C-130 đang gặp nguy hiểm."

Trong khi đó, Bill Johnson đang háo hức thu gom những vũ khí khác nhau mà anh đã giấu quanh phòng ngủ của mình. Biệt thự của anh ta nằm ngay gần đường Công Lý, trên con đường mà lực

lượng Việt Cộng đã đi qua từ Tân Sơn Nhất vào năm 1968. Ông chắc chắn rằng hôm nay ông sẽ thấy một số hành động; thực tế, ông rất mong chờ điều đó.

Trong vài phút tới, chính Đại sứ Martin đã gọi điện cho sĩ quan trực của Thủy quân lục chiến tại Đại sứ quán. "Cái quái gì đang xảy ra vậy ?" ông hỏi, giọng nói bình tĩnh như đá, gần như đáng sợ. "Chúng tôi không chắc, thưa ngài," người lính thủy đánh bộ lắp bắp trả lời. "Có vẻ như là tên lửa ở Tân Sơn Nhất." Martin ngắt lời ông ta giữa chừng và gọi điện cho Eva Kim tại nơi cư trú gần đó. Tất cả các thành viên cao cấp của Hội đồng Sứ mệnh, anh ta nói với cô ấy, đều phải được triệu tập ngay lập tức đến Đại sứ quán.

Thật không may, Jerry Locksley, sĩ quan trực của Đại sứ quán, đã không có mặt tại vị trí của mình vào sáng thứ Ba không thuận lợi này. Ông đã quyết định không ở lại qua đêm tại Đại sứ quán. Với tất cả các nhà hoạch định dự phòng khác xung quanh, điều đó dường như không cần thiết. Nhưng đến 4:25 sáng, anh ta đang tự mắng mình vì đã quá thiển cận. Không chỉ bây giờ anh ta hoàn toàn mất liên lạc với những gì đang diễn ra ; anh ta dường như không thể liên lạc với ai biết rõ hơn. Cuối cùng, sau vô số cuộc gọi hoảng loạn trên radio của mình, anh ta đã liên lạc được với một trong những sĩ quan Giám sát Sứ mệnh của Mary Garrett tại Tân Sơn Nhất. Anh ta biết được không nhiều hơn những gì anh ta có thể đoán : việc bắn phá vẫn tiếp tục ; một vài người Việt Nam bị thương. Ông ngay lập tức gọi cho Polgar để báo tin ít ỏi

này. “Giữ cho tôi được cập nhật,” Trưởng trạm lẩm bẩm trong giấc ngủ.

Trong nửa giờ tiếp theo, Tướng Smith và các nhân viên của ông bắt đầu kéo mình ra khỏi đống đổ nát để đánh giá tình hình. Đại tá Bill Michler, Trợ lý Tùy viên Không quân, là một trong những người đầu tiên chạy ra đường băng. Sau khi kiểm tra nhanh, ông vội vàng quay lại trung tâm điều khiển để phát tín hiệu báo cáo thiệt hại tới “ban tham mưu chiến đấu” của Không quân Thái Lan và đội tàu sơ tán.

Smith, vẫn còn hơi rung động, đã gọi Michler từ phòng của mình và hỏi về ước tính tỷ lệ bắn và các chi phí phát sinh. Ông được thông báo ngay sau đó - gần một vòng mỗi phút ; vị trí bắn ước

tính : Nhơn Trạch, phía đông nam thành phố.

Jerry Locksley gọi cho Polgar lần nữa lúc 4:45 sáng : không có tin gì về tình trạng của các đường băng. Tên lửa vẫn đang rơi. "Đã có thể tự mình tìm ra hầu hết những điều đó," Polgar càu nhàu. Ông ta nghe có vẻ khó chịu, bực bội. Rõ ràng là ông ấy không thích nhận thông tin theo cách này - gián tiếp, qua Locksley. Nhưng các sĩ quan Mission Warden của Marv Garrett đã quên không đưa cho Polgar một chiếc radio có thể kết nối vào mạng của họ. Vì vậy, Locksley là lựa chọn duy nhất của anh ta. Ông bảo viên sĩ quan trẻ thu dọn đồ đạc và chuẩn bị đến Đại sứ quán ngay lập tức. Anh ấy và tài xế của mình, Út, sẽ đến đón anh ấy trong vài phút nữa.

Hầu hết mười ba người Mỹ sống chung tòa nhà với tôi đã nhanh chóng tụ tập quanh Kingsley và tôi trên mái nhà. Ba người phụ nữ trong nhóm đã trang bị cho mình mũ bảo hiểm và áo giáp và bình tĩnh như bất kỳ ai trong số chúng tôi. Những chiếc radio hai chiều cỡ nhỏ của chúng tôi kêu lách tách với dòng tin nhắn giữa Đại sứ quán và Tân Sơn Nhất, nhưng giữa tiếng sấm của cuộc ném bom, thật gần như không thể nghe được điều gì đang được nói. Người bạn cũ của Joe, một lính Green Beret, bạn nhậu của anh chỉ vài giờ trước, cứ lắc đầu, lầm bầm, "Sẽ cùng con tàu chết tiệt này chìm xuống."

Sau khoảng hai mươi phút đầu tiên, Joe nghiêng người và hét vào tai tôi, "Tôi nghĩ chúng ta nên đến Đại sứ quán." Tất cả chúng ta. Nếu quân đội Bắc

Việt sử dụng những thứ đó vào thành phố, chúng ta sẽ bị hầm trong nước sốt của chính mình." Hình ảnh của anh ấy dường như chỉ phù hợp với bối cảnh của những đám mây lửa cuồn cuộn trên Tan Son Nhut. Tôi nói với anh ấy rằng tôi sẽ vào ngay lập tức để bắt đầu xử lý thông tin tình báo ; anh ấy đồng ý ở lại để đảm bảo mọi người trong tòa nhà đều nhận được thông tin.

Từ khoảnh khắc tên lửa đầu tiên được phóng về phía kẻ thù, Tướng Văn Tiến Dũng đã theo dõi tiến trình của cuộc ném bom qua một loạt báo cáo từ các đội biệt động quân BV ngay phía bắc Tân Sơn Nhất. Khoảng 5 giờ sáng, ông được gọi đến điện thoại.

"Trong khi các đoàn quân của ta

đồng loạt nổ súng tấn công", ông kể lại trong hồi ký, "chúng tôi ở sở chỉ huy nhận được điện của Bộ Chính trị, gồm lời kêu gọi và chỉ thị sau: toàn thể cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, công đoàn viên phải thể hiện quyết tâm cao nhất, tiến hành tấn công nhanh và trực diện vào cứ điểm cuối cùng của địch, dùng sức mạnh của một đội quân vô địch đập tan mọi sức kháng cự của địch, giải phóng hoàn toàn đô thị Sài Gòn - Gia Định, giành thắng lợi hoàn toàn cho chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại".

Sau khi đọc lại thông điệp cho những người khác trong sở chỉ huy, Dũng và các đồng nghiệp cấp cao của ông đã soạn thảo một "lệnh huy động" cuối cùng. Phạm Hùng, với tư cách là thành viên cao cấp của Bộ Chính trị có mặt tại chỗ, đã vinh dự ký tên vào văn bản đó, chỉ thị

đã định đoạt số phận của Sài Gòn.

Trong một loạt các thông điệp tiếp theo, lãnh đạo ở Hà Nội đã thông báo cho Dũng về những cuộc trao đổi mới nhất của Kissinger với các nhà lãnh đạo Liên Xô. Một số lượng lớn người Mỹ và Việt Nam, ông được thông báo, sẽ được bay ra khỏi Sài Gòn trong vài giờ tới, bao gồm cả những "cố vấn quân sự" Mỹ cuối cùng. Mặc dù quân đội sẽ tiếp tục thắt chặt vòng vây quanh thành phố, họ không nên cố gắng tấn công vào chính cuộc không vận.

Dũng hầu như không hào hứng với sự hạn chế này. Anh ta đã lâu nghi ngờ về việc sơ tán, coi đó chỉ là một mưu kế để từ chối chiến thắng cuối cùng của mình và có thể là để biện minh cho sự can thiệp của Mỹ vào phút chót. Và có phải là một sự trùng hợp khi người Mỹ

lại yêu cầu một sự khoan hồng vào lúc cuộc tấn công đang bước vào giai đoạn quyết định ?

Tướng đã bày tỏ sự lo ngại của mình với Bộ Chính trị, nhưng Lê Duẩn và những người khác đã bác bỏ ông. Khác với Dũng, họ lập luận rằng việc hoàn thành không vận sẽ giảm thiểu nguy cơ can thiệp của Mỹ, chứ không phải tăng lên.

Trên tinh thần này, cuộc tranh luận từ xa đã bị ngắt quãng, và Dũng quay lại với bản đồ chiến trường của mình. Như bất kỳ một chỉ huy chiến trường giỏi nào, ông quyết tâm chuẩn bị cho điều tồi tệ nhất. Ông ngồi xuống một cái bàn mây và ghi lại một tin nhắn gửi Tướng Tấn, chỉ huy mặt trận phía đông : Nếu việc di tản bị kéo dài một cách cố ý - hoặc nếu người Mỹ biến nó thành cái cớ để can

thiệp – Tấn nên sẵn sàng pháo kích vào trung tâm Sài Gòn.

Trong khi Dũng soạn thảo bản án tử hình này, Đại tá John Madison, trưởng phái đoàn Mỹ tại Nhóm Quân sự Liên hợp, đã gửi một thông điệp qua radio đến các đồng nghiệp Bắc Việt và Mặt trận Giải phóng miền Nam tại trại Davis gần đó. "Phái đoàn Hoa Kỳ," ông tuyên bố, "mạnh mẽ phản đối các mối đe dọa đến sự an toàn của chúng tôi do các cuộc bắn phá vô tội vạ của các bạn, và kêu gọi các bạn ngay lập tức đảm bảo sự an toàn của chúng tôi theo yêu cầu của các thỏa thuận về quyền ưu đãi và miễn trừ." Các đại diện cộng sản, những người đã một lần nữa rút vào hầm trú ẩn của họ, chắc hẳn đã có một trận cười sảng khoái về điều này, nhưng trong tin nhắn phản

hồi của họ, họ đã giả vờ vô tội. "Ngay cả chúng tôi cũng không biết lý do cho tất cả những điều này," họ nói với Madison. "Chúng ta đều ở trong tình cảnh giống nhau."

Không xa, tại khuôn viên ICCS, một số người khác "cùng cảnh ngộ" không vui vẻ gì về điều đó. Các thành viên còn lại của đội Ba Lan và Hungary đã dành phần lớn buổi tối hôm trước để uống rượu, tiệc tùng và chúc mừng những người anh em Cộng sản ở mặt trận. Nhưng khi những quả tên lửa đầu tiên bay vào ngay trước bình minh, các lễ hội đã dừng lại đột ngột ; giờ đây các đại biểu Hungary và Ba Lan, những người đã lừa Polgar và Martin một cách tinh vi, đang chạy quanh như những con cừu hoảng sợ, tìm chỗ trú ẩn ở bất cứ đâu họ có thể tìm thấy. Các đồng chí của họ ở mặt trận

dường như không thấy cần thiết phải thông báo cho họ biết trước về bất ngờ nhỏ mà họ đã lên kế hoạch cho Tân Sơn Nhất sáng nay.

Ngay sau 5 giờ sáng, Tướng Smith, mặc trang phục chiến đấu và mang súng .45 bên hông, đã chạy bộ qua sân tennis đến tòa nhà trụ sở DAO. Ông vẫn còn thở hổn hển khi một trong những trợ lý của ông gọi ông lên điện thoại để nói chuyện với Martin tại Đại sứ quán. "Vâng, chúng tôi vẫn đang bị tấn công bằng rocket," ông nói với Đại sứ, "và một chiếc C-130 đang bốc cháy." Sau đó, ông nhớ lại chi tiết tồi tệ nhất : hai lính thủy đánh bộ thiệt mạng tại cổng. Có một khoảng lặng ở đầu dây bên kia. Không chắc Martin đã nghe thấy, Smith bắt đầu lặp lại mình. "Vâng, đã hiểu," Đại

sứ ngắt lời, giọng nói bị nghẹn vì viêm thanh quản. Ông sau đó nhắc nhở Smith về ưu tiên hàng đầu : tất cả nhân viên DAO phải rời khỏi Sài Gòn trong vòng mười hai giờ tới, dù có bị pháo kích hay không. Việc vận chuyển bằng máy bay C-130 phải bắt đầu ngay lập tức. Điều gì đang cản trở nó ? "Các đường băng," Smith nói nhỏ. "Chúng tôi không chắc là chúng có thể sử dụng được."

Trở về căn hộ của mình, tôi tắm rửa và cạo râu một cách bình tĩnh nhất có thể, mặc vào chiếc quần cũ, áo sơ mi và áo khoác thể thao, đội lại chiếc nồi thép lên đầu, và nhét hai khẩu súng lục .38 vào thắt lưng và bao súng trên vai. Sau khi chui lại vào chiếc áo giáp của mình, tôi liếc nhìn lần cuối đầy tiếc nuối quanh căn hộ, những bộ quần áo còn lại, những

chiếc radio, những vật dụng của một thực dân Mỹ trong giờ phút cuối cùng. Sau đó, tôi đi về phía thang máy.

Các lính gác "Nùng" người Việt và Trung Quốc ở cổng vào tầng dưới đã chào tôi khi họ mở khóa cổng và dẫn tôi ra ngoài vào buổi sáng ảm đạm. Người Nùng đã lâu được tuyển dụng làm nhân viên an ninh tại các khu cư trú chính thức của CIA và được coi là "đáng tin cậy" chống cộng sản, vì nhiều người là người tị nạn từ Bắc Việt Nam hoặc Lào. Tất cả những người chào đón tôi sáng nay đều đã được hứa hẹn một chỗ trên chuyến bay sơ tán, và họ mong đợi điều đó. Một trong số họ, chồng của người giúp việc Việt Nam của tôi, đã giúp tôi chất đồ chiến đấu vào cốp sau của chiếc Ford Pinto của tôi. Anh ấy lại chào tôi khi mở cửa cho tôi. "Nhớ chúng tôi

nhé," anh ấy nói lắp bắp trong một trong những câu tiếng Anh ít ỏi của mình. Đó là lần cuối cùng tôi thấy anh ấy. Anh ấy và tất cả những người khác sẽ bị bỏ lại.

Căn hộ của tôi chỉ cách Đại sứ quán ba phút lái xe, nhưng khi tôi lao qua những con phố vắng vẻ, tôi cảm thấy như mình sẽ không bao giờ đến nơi. Khi cuối cùng tôi dừng lại phía sau khu giải trí, một lính thủy đánh bộ trong trang phục chiến đấu chỉ cho tôi một chỗ đậu xe trên đường phố. Tôi vác càng nhiều đồ đạc của mình càng tốt, khóa xe lại, và lảo đảo đến cổng sau. Một lính thủy đánh bộ mở cửa đủ để tôi đi qua. Khi tôi vội vã đi qua tòa nhà căng tin có song sắt và cửa đóng kín ở khu giải trí, tôi để ý thấy một bóng người đơn độc ở phía trước - George McArthur, một trong những phóng viên tại bữa tối Carter hai tuần

trước, người đã từ chối chấp nhận phiên bản của tôi về ý định của Hà Nội. "Chào anh, bạn !" anh ta nói với giọng miền Nam, giọng nói của anh ta bay lượn như khói qua không khí ẩm ướt buổi sáng. "Có vẻ như anh đang bị gánh nặng một chút." Vài phút trước, McArthur đã biết về việc mở rộng không vận từ người bạn cũ Eva Kim ; rõ ràng, ông ấy quyết tâm không bị bỏ lại phía sau. Tôi gật đầu và vội vàng đi tiếp.

Polgar chưa có mặt trong văn phòng khi tôi lê bước vào phòng tác chiến trên tầng sáu. Viên sĩ quan trực ban đưa cho tôi một loạt các bức điện và tin nhắn radio, bao gồm cả các tuyên bố tuyên truyền mới nhất của Hà Nội, và một bản sao của bản đánh giá thông tin liên lạc của Washington. Tôi ngồi xuống bàn làm việc và viết vội hai bài bình luận cho

Washington. Các cuộc nghe lén, tôi kết luận, không để lại chút nghi ngờ nào về ý định của Hà Nội trong việc chiếm Sài Gòn ; tuyên truyền dường như đã đóng cửa hoàn toàn đối với bất kỳ loại thỏa hiệp nào. Đó là những phân tích toàn diện cuối cùng, chính trị, quân sự hoặc các loại khác, mà bất kỳ ai cũng đã nộp từ Đại sứ quán Mỹ tại Sài Gòn.

Mệt mỏi với việc chỉ đứng nhìn, Ken Moorefield rời khỏi mái nhà của tòa chung cư vào khoảng 5:45 sáng và trèo xuống dưới căn hộ của mình để gọi xe từ bãi xe. “Tôi muốn đến Đại sứ quán và nói chuyện với những người phụ trách an ninh,” ông nói sau đó. “Nhưng có lẽ tôi nên tiết kiệm công sức của mình.” Garrett và nhân viên Mission Warden của anh ta cũng ngu ngơ về tình trạng

của cuộc không vận như tôi. Vì vậy, tôi đã nói, 'Cái quái gì vậy ! Tôi sẽ đi đến nơi có hành động,' và đã nhờ Garrett cung cấp cho tôi một người hộ tống đến Tân Sơn Nhất.

Chuyến đi ra ngoài thì khá dễ dàng. Không có nhiều người quá lo lắng để ra ngoài đường lúc này. Nhưng khi chúng tôi đến cổng chính của sân bay, chúng tôi gặp phải một vấn đề - vấn đề đầu tiên trong ngày của tôi: các nhân viên bảo vệ không cho chúng tôi vào. Có thể họ nghĩ chúng tôi là phóng viên, hoặc chỉ đơn giản là quá lo lắng để suy nghĩ rõ ràng. Không thể trách họ vì điều đó được. Tên lửa đang bắn tới tấp khắp nơi. Các máy bay Việt Nam đang cất cánh hàng loạt, và mọi người trên mặt đất, phi công và cảnh sát an ninh, dường như đang bắn phá một cách tùy ý.

Thành thật mà nói, tôi nghĩ chúng tôi sẽ không bao giờ vào được. Nhưng ngay khi chúng tôi đang chuẩn bị quay lại hướng thị trấn, hai quả tên lửa đã bay cách đó chỉ vài trăm mét và tất cả chúng tôi đã nhảy xuống một rãnh thoát nước. Khi chúng tôi kéo nhau ra, các lính gác đã quá hoảng sợ đến nỗi họ không còn quan tâm đến việc chúng tôi làm gì nữa.

Đến 6 giờ sáng, các quan chức cấp cao của Phái bộ đã lần lượt đến Đại sứ quán. Polgar đã đến vài phút trước đó và đã có mặt trong văn phòng của Đại sứ, cập nhật cho ông về những tin tức mới nhất từ Tân Sơn Nhất. Có lẽ đã đến lúc xem xét việc vận chuyển bằng trực thăng, ông ta đề nghị - «Ít nhất, hãy chặt cây đó trong sân.» Đại sứ thậm chí không bận tâm tranh cãi với anh ta. Ông ta khăng

khăng rằng việc vận chuyển bằng máy bay C-130 vẫn còn khả thi. Chỉ vậy thôi. Polgar, bực bội, kéo George Jacobson sang một bên. «Chúng ta cứ chặt cái cây đó đi,» anh ta lầm bầm, «để cho chắc ăn.»

Vào lúc đó, Tổng thống Ford đang tổ chức một cuộc hội thảo vào cuối buổi chiều với các cố vấn năng lượng chính của ông tại Nhà Trắng. Ngay khi một trong những chuyên gia bắt đầu nói một cách ảm đạm về triển vọng của một lệnh cấm vận dầu mỏ Arab khác, Tướng Brent Scowcroft, phó chính của Kissinger, lén lút bước vào và đưa cho Tổng thống một mảnh giấy. Tan Son Nhut đang bị tấn công bằng pháo, nó viết. Hai lính thủy đánh bộ thiệt mạng. Việc sơ tán tạm thời bị hoãn lại. Ford hắng giọng, suy nghĩ một lúc, rồi bảo Scowcroft triệu tập tất cả các thành viên của Hội đồng An ninh

Quốc gia đến một cuộc họp khẩn cấp trong một giờ.

Tại trụ sở của mình ở Honolulu, Đô đốc Noel Gayler đang đi đi lại lại. Ông rất muốn chuyển sang Lựa chọn IV, nhưng có vẻ như Martin vẫn đang trì hoãn. Anh ta đã cố gắng gọi trực tiếp đến Đại sứ quán vài phút trước, nhưng được thông báo rằng Đại sứ "không có mặt."

Vào lúc 6:30 sáng, Tướng Smith đã phát đi chỉ thị mới cho nhân viên của mình : tất cả nhân viên DAO còn lại phải sẵn sàng rời đi ngay khi chuyến vận tải bằng máy bay C-130 được tiếp tục. Đại tá Wahle, Tùy viên Quân đội, nhanh chóng soạn thảo một thông điệp cảnh báo để được gọi điện hoặc phát qua radio đến các điểm tập trung ở trung tâm thành phố, và chỉ đạo Đại úy Thủy quân lục chiến Tony Woods bắt đầu tổ chức các

đoàn xe buýt. "Chính thức" chỉ có nhân viên DAO được đón, nhưng nếu bất kỳ người Mỹ nào khác muốn lên tàu, Wahle nhấn mạnh, họ có thể.

Ngay trước bảy giờ, một sĩ quan Thủy quân lục chiến lao vào từ đường băng để báo cáo tình hình cập nhật cho Smith. Mọi thứ bên ngoài rất tồi tệ, anh ta nói. Rất tệ. Máy bay Việt Nam đang lượn lờ khắp đường băng như những con chim què quặt. Các thùng nhiên liệu bị vứt bỏ, bom còn nguyên và các thiết bị khác bị vứt bừa bãi khắp nơi, và một chiếc máy bay F-5, động cơ vẫn đang chạy, đã bị bỏ lại trên đường lăn ngay trước đường dốc xếp hàng. Smith cứ lắc đầu khi nghe. Làm thế nào mà những chiếc C-130 có thể hạ cánh trong sự hỗn loạn này, anh ta không thể tưởng tượng nổi. Sau khi nghe xong viên sĩ quan, ông gọi cho

Gayler ở Honolulu. Những chuyến vận chuyển tiếp theo, ông nói với đô đốc, tốt hơn hết nên có sự hộ tống của máy bay chiến đấu.

Cách trụ sở của Smith vài trăm thước, Moorefield vừa mới lái xe vào trung tâm xử lý DAO. "Địa điểm đó như một nhà điên," anh ấy nhớ lại, "hỗn loạn từ tường này sang tường kia." Không có an ninh, không có kiểm soát, không có gì cả. Có một đại úy thủy quân lục chiến - tên là Woods - ở trung tâm điều hành, người này đáng lẽ phải giúp đỡ trong việc sơ tán. Tôi quyết định đến gặp anh ta và xin thêm một số lính thủy đánh bộ để kiểm soát khu phụ. Nhưng khi tôi tìm thấy anh ta, tôi thấy anh ta không có khả năng cung cấp bất kỳ sự trợ giúp nào. Chúa ơi, anh ta cần giúp đỡ ngay cả bản

thân mình ! Anh ta vừa được lệnh tập hợp một số đoàn xe. Nhưng anh ta thậm chí còn không biết các điểm tập trung ở quanh thành phố. Tôi thì biết, tất nhiên rồi. Vì vậy, tôi tình nguyện giúp anh ấy một tay.

Vào khoảng 7:23 tối theo giờ Washington, Hội đồng An ninh Quốc gia đã được triệu tập trong phiên họp khẩn cấp tại Nhà Trắng. Tất cả họ đều có mặt ở đó, tất cả các nhân vật chủ chốt của cơ quan quốc phòng và tình báo : Ford ở cuối bàn ; Kissinger bên phải ông ta ; sau đó, theo chiều ngược kim đồng hồ, Thứ trưởng Ngoại giao Ingersoll ; Giám đốc CIA Colby ; Schlesinger và phó chính của ông ta, James Clements ; Tướng George Brown, chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân ; và cuối cùng, một

vài người khác ít nổi bật hơn. Kissinger mở đầu bằng một lời kêu gọi thận trọng. Không có lý do gì để ngay lập tức chuyển sang vận chuyển bằng trực thăng, ông lập luận (nhắc lại lời của Martin). Các đường băng tại Tân Sơn Nhất có thể vẫn còn sử dụng được. Schlesinger và Brown không đồng ý, khẳng định rằng Lựa chọn IV đã quá hạn.

Cuối cùng, trong một nỗ lực hòa giải, Brown đã đề xuất một cuộc thử nghiệm : bảy chiếc C-130 sẽ được đặt hàng từ Philippines và Thái Lan đến Sài Gòn. Nếu chúng có thể hạ cánh, việc vận chuyển bằng máy bay cánh cố định sẽ được thực hiện. Nếu không, phải là Lựa chọn IV. Ông cũng thúc giục gửi một đội hộ tống máy bay chiến đấu để hộ tống các máy bay vào, như Smith đã đề xuất với Gayler. Nhưng Kissinger đã phản

đối. Bất kỳ biểu hiện sức mạnh nào, ông nhấn mạnh, sẽ bị Hà Nội hiểu lầm.

Đã giải quyết xong vấn đề đó, chủ đề tiếp theo trong chương trình nghị sự là tình trạng của Đại sứ quán. Những tuyên bố gần đây của Hà Nội dường như khiến bất kỳ sự hiện diện nào còn lại của người Mỹ trở nên không thể tưởng tượng nổi, nhưng Martin vẫn không bị thuyết phục. Có lẽ Martin đã sai và người Bắc Việt đã đúng, một người nào đó đã chế nhạo. Kissinger nhăn mặt ; Ford định cười nhưng rồi không cười. Cuối cùng, một quyết định đã được đưa ra - lại là một sự thỏa hiệp : Đại sứ quán sẽ được giảm xuống còn 150 quan chức «cốt cán». Những người còn lại sẽ được chuyển ra ngoài trong ngày cùng với các đồng nghiệp DAO của họ.

Sau buổi họp, Kissinger đã trở về

trung tâm điều hành của Nhà Trắng để gọi điện cho Martin. Tổng thống, rõ ràng hài lòng rằng các nhà quản lý khủng hoảng của ông đã nắm bắt được tình hình, đã cùng vợ thưởng thức một ly martini trước bữa tối trong khu vực sinh hoạt tầng hai của họ.

Khi Alan Carter đến Đại sứ quán vào khoảng 7:30 sáng, hầu hết các đồng nghiệp của anh đã tụ tập đông đúc trong phòng của Đại sứ. "Cho tôi tham gia cùng các bạn được không ?" anh hỏi khi bước vào. Đại sứ chỉ tay về phía một chiếc ghế sofa. Polgar vừa mới hoàn thành việc nhấn mạnh cho nhóm phân tích của tôi về các tuyên bố tuyên truyền mới nhất của Hà Nội. Ông ta thêm vào, như một suy nghĩ thoáng qua, "Người của tôi ở Tân Sơn Nhất nói rằng các đường băng

không thể sử dụng được." Có lẽ chúng ta nên xem xét Lựa chọn IV." Phó của ông, Pittman, ngồi không yên trong ghế ; ông ta và mọi người khác đều thấy điều gì sắp xảy ra. Khuôn mặt của Martin đột nhiên căng thẳng như da thuộc cũ. "Làm sao ông biết các đường băng bị hỏng ?" Đại sứ khẽ nói. "Ông định tin lời của một cấp dưới qua điện thoại sao ?" Polgar cố gắng trả lời, nhưng Đại sứ đã phớt lờ ông, lướt qua một cách mượt mà vào một lối đi lạc đề. "Dù sao đi nữa," ông ta nói, "tôi vẫn nghĩ Hà Nội có ý định thương lượng."

Vào lúc này, một bàn tay giơ lên ở phía sau phòng. "Bạn tìm thấy bằng chứng ở đâu ?" Joe Bennett, cố vấn chính trị, hỏi, cố gắng nghe có vẻ quyền lực. Hai hoặc ba đồng nghiệp của ông nhìn nhau với vẻ ngạc nhiên. Joe Bennett, người

trung thành với Martin, chống Cộng sản đến tận xương tủy, khó có thể là người nghi ngờ những phán đoán của Đại sứ. Nhưng anh ta đã để lộ những nghi ngờ của mình.

Martin không thèm trả lời trực tiếp. "Tôi có thể nói với bạn điều này," anh ta nói, "trước khi tôi đưa ra bất kỳ quyết định nào, tôi sẽ đến Tân Sơn Nhất để tự mình xem xét." Carter cảm thấy miệng mình há hốc ra bất chấp bản thân. Có những tiếng phản đối lẩm bẩm, nhưng trước khi ai đó có thể đưa ra một phản đối rõ ràng, Martin đã được gọi điện để nhận cuộc gọi khác từ Kissinger.

Khi ông ta trở lại sau vài phút, khuôn mặt ông đã mất đi một phần sự cứng rắn. «Tổng thống đồng ý sử dụng máy bay cánh cố định cho đến bây giờ,» anh ta lẩm bẩm. Rồi ông dừng lại, và thêm

vào với một tiếng thở dài chấp nhận, «Nhưng TT muốn chúng ta giảm số nhân viên của Đại sứ quán này xuống còn một trăm năm mươi người, một nhóm cốt lõi nhỏ."

Mọi người đột nhiên nói chuyện cùng một lúc. Polgar bắt đầu nói điều gì đó, nhưng rõ ràng đã nghĩ lại. Thay vào đó, ông chỉ ngồi lại, lắc đầu. Vậy đây là cách Washington quản lý khủng hoảng. Một nhóm cốt cán nhỏ ! Điều đó có nghĩa là anh ta và mọi người khác sẽ phải dành vài giờ tiếp theo để lập bảng phân công nhân sự mới. Chơi nhạc trong khi Rome đang cháy. Đó là điều mà nó đã trở thành.

Khi nhóm tản ra, Jim Devine ra hiệu cho Shep Lowman. Anh ấy đang làm gì với những VIP người Việt Nam đó ? anh ấy hỏi. Lowman đã đảm bảo với anh

ta rằng hầu hết các nguyên tắc đã được liên lạc. Tuy nhiên, ông ấy lo lắng : Nếu những chiếc C-130 không thể hạ cánh thì sao ? Thế thì sao ? Không có chiếc trực thăng nào có thể đưa tất cả các ứng viên ra ngoài. Devine suy nghĩ một lúc. Luôn có những chiếc xà lan, anh ta gợi ý. Tốt hơn hết là bắt đầu xây dựng một kế hoạch xung quanh chúng.

Mười phút sau, Lacy Wright và những người còn lại trong nhóm đặc nhiệm của Lowman đã gọi điện thoại, liên lạc với hàng trăm người Việt Nam mà họ đã gọi điện nhiều giờ trước đó. Một cuộc không vận có thể không thực tế, họ cảnh báo. Nhưng có một phương án thay thế, mạo hiểm hơn nhiều. (Các xà lan không được đề cập một cách rõ ràng.) Ai sẽ sẵn sàng thử nó ? Những người đồng ý được bảo bỏ qua lệnh giới nghiêm hai

mươi bốn giờ và nhanh chóng đến một trong những biệt thự được chỉ định xung quanh thành phố. Một viên chức Đại sứ quán sẽ sớm có mặt để cung cấp hướng dẫn.

Khi Wright quay số cho người Việt Nam thứ hai mươi hoặc ba mươi, anh cảm thấy nghi ngờ nghiêm trọng. "Chúng ta gọi quá nhiều," anh ấy nói với một đồng nghiệp. "Chúng ta sẽ bị ngập lụt." Thật buồn, ông ấy đã đúng.

Trên đường trở về từ văn phòng Đại sứ, Polgar ghé qua văn phòng của tôi để nói rằng tôi sẽ là một phần của "cốt lõi cứng" năm mươi người của Trạm. Chúng ta có thể sẽ chịu tổn thất, ông ấy nhận xét một cách gần như thờ ơ. Liệu tôi có sẵn sàng mạo hiểm không ? Tôi gật đầu. Đến bây giờ tôi đã mệt mỏi đến mức và đã quen với những cơn ác mộng diễn ra

xung quanh tôi đến nỗi tôi cảm thấy gần như không thể bị tổn thương.

Trong khi đó, George Jacobson đang điên cuồng tìm kiếm một chiếc trực thăng để đưa Martin đến DAO. Ông gọi đến trạm Air America tại Tân Sơn Nhất, nhưng người điều phối bay mệt mỏi và kiệt sức ở đầu dây bên kia nói rằng ông chưa thể cho bất kỳ chiếc máy bay nào của mình cất cánh. Vào thời điểm pháo kích bắt đầu, chỉ có hai phi công Air America đang làm nhiệm vụ tại sân bay; những người còn lại vẫn đang được triệu tập và thông báo. Hơn nữa, một số trực thăng vẫn đang bị kẹt ở Cần Thơ, đang thực hiện nhiệm vụ tại căn cứ CIA.

Khi Martin được thông báo về điều này, anh ta tức giận kéo áo vest lên và bước ra thang máy. "Chết tiệt," anh ta lầm bầm, "Tôi sẽ lái."

Lúc 7:30 sáng, Trợ lý Tùy viên Không quân, Đại tá Michler, và một số sĩ quan khác đã thực hiện một vòng chạy bộ nữa quanh khu vực bốc dỡ hàng đối diện với khuôn viên DAO. "Theo ý kiến của họ," Tướng Smith sau này nhận xét, "việc khôi phục một cuộc di tản bằng máy bay cánh cố định là không thể vào thời điểm đó." Tướng coi đây là phán quyết cuối cùng và ra lệnh cho tất cả nhân viên DAO chuẩn bị cho việc di tản bằng trực thăng ra khỏi sân quần vợt. Ông đã gọi điện cho Đại sứ quán để báo động cho Martin. Nhưng Đại sứ "không có mặt," Eva Kim giải thích. Ông ấy đã trên đường đến Tân Sơn Nhất để tự mình khảo sát các đường băng. Smith thực sự phải bám vào mép bàn để giữ thăng bằng khi tiếp nhận tin xấu này.

Vài phút sau, vị tướng lại gặp một cú sốc khác. Không có bất kỳ cảnh báo nào, năm hoặc sáu sĩ quan cấp cao trong không quân Việt Nam đã xông vào trụ sở DAO và yêu cầu tị nạn cũng như giúp đỡ để rời khỏi đất nước. Smith chào đón họ một cách lạnh lùng, tước vũ khí của họ, và sau đó đẩy họ vào một văn phòng trống. Sẵn sàng từ bỏ cuộc chiến, phải không ? Chưa phải lúc này. Họ vẫn có thể thực hiện một chức năng hữu ích. Smith đã ra lệnh cho nhân viên của mình giữ các phi công dưới sự giám sát chặt chẽ cho đến khi DAO hoàn thành việc rút quân của họ, chỉ để đảm bảo sự hợp tác của phần còn lại của quân đội Việt Nam.

Moorefield chưa bao giờ lái xe buýt trong đời. Nhưng khi anh và Đại úy Woods lướt vào bãi xe DAO như những

kẻ trộm cơ sở, anh ngay lập tức biết rằng sự thiếu kinh nghiệm sẽ là điều ít đáng lo ngại nhất của anh sáng nay. Mặc dù Smith đã cảnh báo vào đêm trước, nhưng không chiếc xe buýt nào trong số chục chiếc dự kiến sẽ đón khách ở trung tâm thành phố có đầy đủ nhiên liệu. Các trạm xăng tự động đã bị khóa chặt và các tài xế và nhân viên người Việt đã bỏ trốn. Tệ nhất là, anh ta và Woods dường như đang ở giữa tâm điểm của cuộc tấn công. Moorefield nhớ lại, "Tên lửa bắt đầu bắn xuống xung quanh chúng tôi, một quả cách chúng tôi không quá bốn mươi mét. Rõ ràng là VC đã xác định được vị trí của chúng tôi, và tôi nhớ đã nghĩ khi tôi chạy về phía bãi cỏ cao. Hôm nay sẽ không có cuộc sơ tán nào đâu. Họ sẽ thổi bay chúng ta. Có một người Việt Nam run rẩy trong bùn bên cạnh tôi. Tôi nắm lấy anh ta và hỏi anh ta có biết lái xe không.

Anh ta sợ đến mức không nghĩ ra được gì để nói ngoài ‹Có.› Tôi kéo anh ta dậy, ném anh ta vào một trong những chiếc xe buýt, và nói, ‹Được rồi, chứng minh đi !› Woods tìm thấy một số người khác và làm điều tương tự. Chúng tôi sau đó nhảy vào một chiếc jeep và một chiếc xe nhân viên và lao đi về Sài Gòn, bốn hoặc năm chiếc xe buýt theo sau.

Thời gian là 8:15 sáng. Về mọi mặt, giai đoạn đầu tiên của cuộc di tản cuối cùng của Việt Nam đã bắt đầu.

Tại trung tâm xử lý DAO, Don Hays đang ôm một đứa bé Việt Nam đang khóc dưới một cánh tay, hai chiếc va li dưới cánh tay kia, và đang tuyệt vọng tìm kiếm chủ trong đám đông. Qua làn khói và sương mù trên sân bay, anh nhìn thấy

một chiếc máy bay nhỏ trúng đạn trực tiếp và quay tròn trên bầu trời như một thiên thạch cháy hết. Chỉ vài phút sau, một đại tá Không quân Mỹ chen lấn qua đám đông tiến về phía anh ta. "Chúng tôi có lệnh," ông ta hét lên với Hays. "Tất cả người Mỹ phải rời khỏi khu vực này ngay bây giờ và tập hợp lại ở các bãi đỗ trong khu vực chính của sở chỉ huy."

"Không thể làm vậy," Hays kêu lên, thả những chiếc vali xuống. "Có lẽ có khoảng ba nghìn người Việt Nam ở đây." Bạn không thể chỉ bỏ rơi họ." Viên đại tá dồn mặt về phía anh ta. "Tôi không nhận lệnh từ cấp dưới !" ông ta gầm lên. "Di chuyển !"

Hays, từng là một người lính bộ binh, biết rằng không có lý do gì để tranh cãi với một đại tá. Anh ta đưa đứa bé cho sĩ quan và chạy đi tìm một chiếc điện

thoại. Cuối cùng anh ấy cũng liên lạc được với Jazynka ở Đại sứ quán. "Không cần lo lắng," Jazynka nói với anh ấy. "Đại sứ sẽ đến đó để đánh giá cá nhân." Ông ấy sẽ biết phải làm gì." Hays cúp máy và quay lại chỗ đại tá. "Được rồi, tôi sẽ hợp tác," anh thở dài, "miễn là anh giữ cho tôi được thông báo." Viên đại tá gật đầu, giao đứa bé cho Hays, rồi đi lang thang. Hays bắt đầu lặng lẽ truyền đạt thông tin cho khoảng năm mươi người Mỹ đang lẫn trong đám đông để di chuyển về phía nhà thi đấu. Một nhân viên CIA đang chờ để dẫn họ ra cửa sau.

Tại trung tâm thành phố, ở dinh Tổng thống, Tướng Timmes bước ra khỏi xe limousine của Đại sứ quán và theo sau một viên chức già nua lên cầu thang đến văn phòng của Minh. Ngạc nhiên thay,

không có một sĩ quan quân đội hay nhân viên bảo vệ nào được nhìn thấy.

Tổng thống mới của nước Cộng hòa, trong bộ tunic giản dị, đã chào đón ông một cách nồng nhiệt. Timmes xin lỗi vì đã làm phiền ông ; ông chỉ đến để xem liệu người Mỹ có thể làm gì thêm không. Minh nhíu mày suy tư, rồi lắc đầu. Sáng kiến đã chuyển sang tay người Pháp, ông ấy nói. Mérillon sẽ đến để phỏng vấn trong vài phút nữa. Anh cảm thấy vẫn còn một chút cơ hội cho một thỏa thuận.

Timmes cúi người về phía trước, ghi chú. Điều gì đã khiến người Pháp tin điều này ? ông ta hỏi. Trước hết, Minh trả lời, họ cho rằng người Trung Quốc vẫn phản đối sự bá quyền của miền Bắc Việt Nam trên toàn bộ Việt Nam và sẽ sử dụng ảnh hưởng của họ để ngăn chặn một chiến thắng hoàn toàn của Cộng

sản. Thứ hai, Hà Nội không có một bộ máy hành chính đủ mạnh để cai trị toàn bộ đất nước và do đó có thể sẽ chấp nhận một chế độ chuyển tiếp. Điều quan trọng nhất, chính PRG cũng phản đối sự thống trị của miền Bắc Việt Nam. Timmes thở dài. Tất cả những điều này đều là những lập luận mệt mỏi mà người Pháp đã rao giảng trong suốt tháng qua, nhưng không có tác dụng gì. Nhưng bây giờ không có ích gì khi tranh luận về chúng. Timmes đảm bảo với Minh rằng anh ta sẽ chuyển thông tin này cho Martin.

Cách đó ba dãy phố tại Đại sứ quán, Polgar cuối cùng đã có một quan điểm hoàn toàn khác. Ông đã nói với cuộc họp sáng của nhân viên rằng cuộc tấn công vào Tân Sơn Nhất là "một tín hiệu quan trọng."

"Như một viên đạn xuyên qua não,"

ai đó thì thầm ở phía sau phòng. Có một tiếng cười khúc khích vang lên. Pittman nhai điếu xì gà, điều chỉnh lại kính. "Bất kỳ ai có người Việt Nam cần chăm sóc nên gửi họ đến Newport hoặc các xưởng đóng tàu hải quân", ông nói. "Chúng tôi có những chiếc xà lan ở đó để đưa họ đi." Một vài sĩ quan đã thốt lên kinh ngạc. Ít người trong chúng tôi từng nghe về những chiếc xà lan trước đây.

Khoảng 8:30 tối, theo giờ Washington, Nancy Kissinger đến Nhà Trắng trong trang phục buổi tối. Bà và Ngoại trưởng đã có vé xem vở Present Laughter, một tác phẩm phục hồi của Noël Coward, và đã lên kế hoạch cho một buổi tối vui vẻ ở thành phố. Nhưng Kissinger đã nói với cô ấy rằng buổi tối giải trí đã bị hủy bỏ. Việt Nam đang ở giờ phút cuối cùng.

Vài phút sau, khi Tổng thống và bà Ford ngồi xuống ăn tối, Kissinger và Tướng Scowcroft đi qua bãi cỏ Nhà Trắng đến Tòa nhà Văn phòng Điều hành bên cạnh. "Có tin gì không ?" một phóng viên gọi với họ. Kissinger mỉm cười một cách hiền từ, nhưng không nói gì.

Bên kia sông Potomac, Bộ trưởng Schlesinger và Tướng Brown vừa mới ăn ngấu nghiến những chiếc bánh hamburger từ căn tin của Lầu Năm Góc và đang hướng về trung tâm điều hành ở tầng hai. Khi họ bước vào, những chiếc loa trên tường đang kêu gào và rít lên với những tín hiệu radio đường dài từ Task Force '76, USSAG ở Thái Lan, và DAO ở Sài Gòn.

Khoảng 8:47 tối, một cuộc gọi đã được chuyển tiếp từ Gayler. Có lẽ nên có một đội hộ tống chiến đấu cho những

chiếc C-130 sắp đến Sài Gòn ? anh ta đề nghị. Brown cầm lấy micro và đưa cho anh ta tin xấu : Tổng thống phản đối bất kỳ hành động đe dọa nào không cần thiết. Những khoảnh khắc im lặng ở đầu dây bên kia đã nói lên rất nhiều điều.

Dưới những điều kiện tốt nhất, chuyến đi từ căn cứ không quân Tân Sơn Nhất chỉ là một màn khởi động mười lăm phút cho "Indy 500." Nhưng sáng nay, khi Moorefield và Đại úy Woods dẫn đoàn xe buýt của họ vào trung tâm thành phố, mười lăm phút đã kéo dài thành một giờ ; toàn bộ dân số dường như đã phớt lờ lệnh giới nghiêm hai mươi bốn giờ và đổ ra đường trong nỗ lực điên cuồng cuối cùng để tự cứu mình. "Các xe hơi và xe tải đang lao đi khắp nơi," Moorefield ghi chú. "Các bà già mù và những sĩ quan

quân đội hoảng loạn đều ngồi sau tay lái." Và cảnh sát ở các trạm kiểm soát không ngần ngại bắn vài phát lên không trung chỉ để giữ bạn tỉnh táo.

Giữa đường vào thành phố, chúng tôi nhận được một tin nhắn qua radio từ trung tâm điều hành DAO : 'Đi ngay đến nơi ở của Đại sứ.' Woods suýt đâm vào cây khi nghe thấy điều đó. Anh ấy chưa được thông báo về bất kỳ cuộc đón nào tại nhà Đại sứ, thậm chí còn không biết chỗ đó ở đâu. Tôi thì biết, tất nhiên rồi, và nói với anh ấy rằng chúng tôi có thể ghé qua mà không gặp khó khăn gì. Chúng tôi nhanh chóng phát hiện ra lý do cho việc đi vòng : đó là để đón nhân viên gia đình của Đại sứ và gia đình họ.

Woods thực sự đã rất tức giận về điều đó. Cả hai chúng tôi đều cảm thấy chúng tôi đang lãng phí thời gian quý báu.

Nhưng thực tế chuyến đi lại trở thành một điểm cộng. Khi chúng tôi đến Khu cư trú, một nhân viên bảo trì của Đại sứ quán đã có mặt với một xe bồn nhiên liệu, vì vậy chúng tôi đã có thể đổ đầy xăng cho những chiếc xe buýt mà chúng tôi đã mang từ DAO còn nửa bình.

"Đại sứ không có ở đó. Bà Martin có thể ở đâu đó trong nhà, nhưng chúng tôi không nhìn thấy bà ấy. Một trong hai nhân viên bảo vệ đang làm nhiệm vụ nói rằng chúng tôi phải đưa các nhân viên dọn dẹp và người giúp việc xuống bến tàu.

"Cảng !" Tôi đã hét lên. 'Tôi không biết bạn đang nói về cái gì.' 'Bạn biết đấy, những chiếc xà lan,' anh ấy nói. Chà, điều đó làm tôi hơi lo lắng một chút. Woods cũng vậy. Chúng tôi không có chút ý tưởng nào về cái gì, hoặc ở đâu, những

'bè' này là gì. Điều duy nhất chúng tôi biết là chúng tôi được bảo phải đi đường vòng khác và lại phải hoãn việc đón khách.

Tôi quyết định gọi điện cho Đại sứ quán để làm rõ mọi chuyện. Jim Devine đã nghe điện thoại. 'Tôi nói, 'Nghe này, thuyền trưởng và tôi đều không biết gì cả.' 'Chuyện gì đang xảy ra vậy ?' Devine có vẻ rất căng thẳng. 'Ông có một mệnh lệnh, trực tiếp từ Đại sứ,' ông ta trả lời. 'Đừng hỏi tại sao.' Anh ấy thậm chí còn không nói cho tôi biết xà lan ở đâu ! May mắn thay, các nhân viên bảo vệ đã có một số thông tin chi tiết.

Tôi quay lại bên ngoài để thảo luận về chiến thuật với Woods. Chúng tôi đồng ý nhồi nhét tất cả người Việt vào hai chiếc xe buýt và gửi họ xuống bến cảng cùng với một trong những nhân

viên an ninh. Chúng tôi sẽ đưa hai người còn lại và tiếp tục hành trình của mình. Khi mọi thứ đã được sắp xếp, tôi quay lại Nhà ở để xem ai còn lại. Tôi thấy người hầu số một của Martin, ông Chinh, và đầu bếp của ông, ông Canh, ngồi im lặng trong bếp. 'Ông Chính, ông không đi sao ?" Tôi hỏi. Anh ấy nhún vai. "Có thể tôi đi ngày mai," anh ấy nói. 'Tôi không có ngày mai đâu,' tôi nói với anh ấy. Nhưng tôi thấy anh ấy thực sự không hiểu. Vì vậy, tôi bắt tay anh ấy và chúc anh ấy may mắn. Rồi tôi đã lên đường.

Trong khi Moorefield và Woods đang chờ đợi tại nhà Đại sứ, các nhân viên khác của DAO và Đại sứ quán đã đưa những chiếc xe buýt còn lại ra đường. Đến 9 giờ sáng, một đoàn xe đã thực hiện chuyến chở khách đầu tiên và đang quay

trở lại Tân Sơn Nhất để dỡ hàng. Chẳng bao lâu sau, các nhân viên Đại sứ quán ở trung tâm thành phố bắt đầu bắn phá trung tâm điều hành DAO bằng những mệnh lệnh và yêu cầu, đòi hỏi đón khách tại địa chỉ này hoặc địa chỉ kia. Lehmann khăng khăng yêu cầu bốn chiếc xe buýt phải được chuyển hướng đến Đại sứ quán và đặt dưới quyền sử dụng của ông. DAO đã tuân thủ một cách tận tâm, nhưng sau khoảng một giờ, Lehmann đã mất dấu các phương tiện, và tất cả chúng vẫn đậu, không được sử dụng, phía sau Đại sứ quán suốt phần lớn trong ngày, ngay cả khi DAO điên cuồng xáo trộn và sắp xếp lại các đoàn xe còn lại để đảm bảo bao phủ tất cả các điểm tập trung đã được chỉ định.

Theo kế hoạch "trích xuất bề mặt" của DAO, các trực thăng Air America

sẽ hoạt động song song với các đoàn xe buýt để di chuyển những người sơ tán từ khu vực trung tâm thành phố đến đường bay tại Tân Sơn Nhất. Nhưng vì những khó khăn trong việc báo động và tập hợp phi công tại nhà ga Air America, chỉ một vài chiếc trực thăng cất cánh khi đoàn xe đầu tiên phân tán khắp thành phố. Trong nửa giờ tiếp theo, đường băng của Air America đã bị tấn công bởi vài quả rocket, và trong cơn hoảng loạn và nhầm lẫn, một nhóm lính dù vũ trang Việt Nam đã chiếm bốn chiếc trực thăng của công ty, chỉ để lại mười tám chiếc cho vòng quay trên mái nhà.

Tướng Smith ngay lập tức chỉ đạo Air America chuyển trung tâm điều khiển bay của họ đến khu vực an toàn hơn trong khuôn viên của DAO. Nhưng điều này cũng tạo ra vấn đề. Vài tuần trước,

ban quản lý hãng hàng không đã từ chối lời mời của Smith về việc lắp đặt máy bơm nhiên liệu phụ bên trong khuôn viên DAO. Các thùng hàng dự trữ khẩn cấp đã được cất giấu tại một số trong mười ba bệ mái nhà quanh thành phố, nhưng không cái nào được trang bị máy bơm và đồng hồ cần thiết cho việc tiếp nhiên liệu nhanh chóng. Do đó, khi từng chiếc trực thăng một hết xăng, chúng phải tách ra và bay ra đội tàu ngoài khơi để lấy thêm. Ban đầu, điều này có vẻ như một trở ngại, đe dọa làm phức tạp và kéo dài vô hạn toàn bộ kế hoạch khai thác bề mặt. Nhưng sớm thôi, Tướng Smith và các điều phối viên bay của ông nhận ra rằng họ có thể kiếm lời từ điều đó. Thay vì thả hành khách tại Đại sứ quán hoặc DAO trước khi ra khơi, mỗi chiếc trực thăng bắt đầu thực hiện chuyến bay bốn mươi phút với đầy tải. Air America

do đó đã bắt đầu vận chuyển người Mỹ và người Việt ra khỏi thành phố từ lâu trước khi quân đội tự mình tham gia vào hành động.

Ngay sau 9 giờ sáng, chiếc limousine Chevrolet đen chống đạn của Đại sứ đã lăn bánh vào khuôn viên DAO. Tướng Smith nhanh chóng dẫn Martin vào hầm chỉ huy ở tầng dưới, nơi một số sĩ quan Việt Nam và Mỹ đang tập trung để thông báo cho ông. Đại tá Luong, trưởng phòng tình báo của JGS, không lãng phí nhiều lời. Tình hình quân sự là vô vọng, ông nói, quân đội đang sụp đổ và các biệt kích NVA đã thâm nhập vào các vành đai phía bắc của căn cứ không quân. Legro và McCurdy đã phác thảo tình trạng đáng buồn của các đường băng.

"Có quân đội nào để bảo vệ Tân Sơn Nhất không ?" Martin hỏi. Không, Legro trả lời. Luong đã đúng. Quân đội đang tan rã. Đại sứ gật đầu, rồi ra hiệu cho Smith theo ông vào một văn phòng bên. Ông ta quyết tâm, ông ta nói với tướng rằng sẽ sơ tán càng nhiều người Việt Nam càng tốt. Một cuộc vận chuyển bằng trực thăng sẽ không bao giờ đủ cho việc đó. Các máy bay C-130 sẽ phải hạ cánh.

Khi Smith cố gắng phản đối, Martin quay lưng lại, cầm điện thoại an toàn lên, và gọi trực tiếp đến Washington. Scowcroft đã lên tiếng. Đại sứ đã lặp lại quan điểm của mình với ông ấy : việc khôi phục vận tải hàng không cánh cố định là bắt buộc. Scowcroft cố gắng tỏ ra đồng cảm. Hội đồng An ninh Quốc gia, ông ta đảm bảo với Đại sứ, hoàn toàn ủng

hộ lựa chọn đó vào lúc này. Cuộc không vận C-130 sẽ tiếp tục trong thời gian dài nhất có thể. Trước khi gác máy, Martin vội vàng ghi lại những lời cuối cùng đó và đọc lại to cho Smith nghe. Sau đó, anh ta ném mạnh ống nghe xuống và bước vào phòng điều hành chính.

Erich Von Marbod đang ngồi trên một chiếc bàn ở góc xa, nhâm nhi cà phê. Mặc bộ đồ bay màu kaki, với khẩu súng máy Thụy Điển K vắt qua vai, anh ta trông giống như một chiến binh du kích tí hon hơn là một Thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Martin, người có bộ vest được may đo hoàn hảo, đã nhìn anh ta với ánh mắt khiển trách và bắt đầu đi qua. Nhưng ngay khi anh ta đến cửa, anh ta quay lại và đi về phía Von Marbod, khuôn mặt đột nhiên trở nên mềm mại. “Chà, Erich, sáng nay anh thế nào,”

ông nói, mỉm cười, khi đặt tay lên vai Von Marbod. "Tôi không biết liệu bạn có thể giúp tôi một việc không." Nó liên quan đến vợ tôi, Dottie. Thế còn sắp xếp một chuyến bay cho cô ấy ra nước ngoài thì sao ? Bạn có rất nhiều bạn bè ở trụ sở Không quân số 7 tại Thái Lan. Bạn có nghĩ là bạn có thể nhờ họ gửi một chiếc máy bay đặc biệt cho cô ấy không ?

Von Marbod nhìn chằm chằm vào ông ta. "Chết tiệt, Graham !" anh ta lắp bắp. "Ông không nhận ra chuyện gì đang xảy ra sao ?" Chúng ta đang phải chịu đựng một đống rắc rối ngoài sân bay. Không có thời gian cho một hoạt động cánh cố định. Bất kỳ chiếc máy bay nào sống sót sau mười phút đầu tiên trên những đường băng đó sẽ bị người Việt vây quanh trong mười phút tiếp theo. Cách duy nhất để tôi đưa Dottie hoặc bất

kỳ ai khác ra ngoài là bằng trực thăng.

Đôi mắt mệt mỏi trở nên lạnh lẽo. «Tôi vừa nói với Tổng thống rằng chúng ta sẽ đi máy bay cánh cố định,» Martin nói một cách châm biếm, rồi bắt đầu đi ra.

Von Marbod nắm lấy tay áo của anh ta. "Tại sao không ra ngoài đường bay với tôi và tự mình xem thử ?" Martin lắc đầu và cố gắng rút lui. Vào khoảnh khắc đó, một vụ nổ khủng khiếp vang lên khắp tòa nhà. Von Marbod cảm thấy một cơn rùng mình chạy dọc cánh tay của Đại sứ. "Vẫn muốn đi với máy bay cánh cố định chứ ?" ông hỏi.

Martin chỉ nhìn anh ta, miệng anh ta chuyển động không lời. Sau đó, ông quay lại và không nói gì, đi thẳng đến cửa. Von Marbod sau đó nói với một cấp

dưới rằng ông ta đã tin rằng vào lúc đó Đại sứ đã thay đổi ý định.

Smith không chắc chắn lắm, và ngay khi ông đã cho Martin lên chiếc Chevrolet của mình, lần này với một đội hộ tống vũ trang đầy đủ, ông đã gọi điện cho Gayler ở Honolulu. Trở lại Washington, tại Nhà Trắng và Lầu Năm Góc, các quan chức khác đã lắng nghe cuộc trò chuyện khi nó được phát lại qua các màn hình giám sát đường dài của họ.

Khi Smith đã giải thích xong quan điểm của Đại sứ, Gayler hắng giọng, nói rằng mọi thứ dường như phụ thuộc vào những chiếc C-1308 đang hướng về Sài Gòn. Nếu họ có thể hạ cánh, Đại sứ sẽ có chuyến vận tải hàng không của mình.

Smith đặt điện thoại xuống và triệu tập Đại tá John Madison của Đội Quân

Đội Liên Hợp. Madison và phó của ông, Đại tá Harry Summers, sẽ đưa các chàng trai của họ xuống trung tâm thành phố đến Đại sứ quán, ông nói. Vì người Bắc Việt đã chỉ ra rằng họ muốn phái đoàn Mỹ ở lại ngay cả sau khi DAO rời đi, có lẽ sẽ khôn ngoan nếu họ thiết lập văn phòng gần trung tâm thần kinh hơn - và gần Đại sứ.

Vài phút sau, một sĩ quan Thủy quân lục chiến, đội mũ bảo hiểm và mặc áo giáp, vội vã chạy đến chỗ Smith. Chẳng có cách nào những chiếc C-130 có thể hạ cánh được, ông ta nói với tướng. Có mảnh vụn khắp các đường băng. Tệ hơn nữa, các binh sĩ Việt Nam vừa tấn công và chiếm lấy một trong những khu vực bốc dỡ chính.

"Trời ơi !" Smith thốt lên. "Kéo tất cả mọi người ra khỏi đó ngay lập tức -

hành khách, lính thủy đánh bộ, tất cả mọi người !" Sau đó, ông cầm một chiếc micro và ra lệnh cho các máy bay C-130 đang đến phải bay theo vòng tròn chờ.

Tại Washington, Schlesinger đã gọi điện cho Nhà Trắng. "Vì Chúa, hãy đến trực thăng," ông ta hét lên với Scowcroft. Lần đầu tiên, trợ lý của Kissinger dường như sẵn sàng đồng ý.

Smith đã gọi trực tiếp cho Gayler vào lúc 10:25 sáng, giờ Sài Gòn. "Phải là Phương án IV", ông nhấn mạnh. Đô đốc thở dài một tiếng lớn có thể nghe thấy qua điện thoại ở Sài Gòn. Ông sẽ ngay lập tức chuyển đề xuất này đến Lầu Năm Góc, ông hứa.

Smith sau đó đã gọi cho Martin, người đã trở lại Đại sứ quán. Cuộc không vận C-130 đã thất bại, anh ta lắp

bắp. Đó là Lựa chọn IV hoặc không có gì cả. Chà, Đại sứ đáp, giọng ông ấy khàn đặc vì viêm thanh quản, ông sẽ xem xét ý kiến của Smith. Ông sẽ đi bằng trực thăng nếu cần thiết.

Trong khi đó, Kissinger vừa gọi cho Ford từ văn phòng của ông tại Tòa nhà Văn phòng Điều hành để nói rằng Lựa chọn IV là điều bắt buộc. Nhưng Ford cảm thấy bối rối ; các tín hiệu giờ đây thay đổi quá nhanh khiến ông không thể chắc chắn tín hiệu nào là đáng tin cậy. Trước khi đưa ra quyết định cuối cùng, ông nói, ông sẽ hỏi ý kiến Martin lần cuối cùng.

Lúc 10:43 tối, khi Nhóm Hành Động Đặc Biệt Washington bắt đầu phiên họp khẩn cấp, Kissinger đã liên lạc với Martin qua một đường dây bảo mật. Ông giải thích quan điểm của mình và chờ đợi

ông ấy nhận tín hiệu. Sau một khoảng lặng dài, Đại sứ nói đơn giản, "Chúng ta chọn Lựa chọn IV." Kissinger lẩm bẩm đồng ý và hứa chỉ cần một giờ chuẩn bị trước khi những chiếc trực thăng đầu tiên đến. *

*Phán quyết được đưa ra bởi các sĩ quan tình báo tại phiên họp WSAG buổi sáng chỉ củng cố thêm cho trường hợp của Lựa chọn IV. Giám đốc CIA Colby nói, "Các lực lượng cộng sản hiện đang ở ngoại ô Sài Gòn và rõ ràng có khả năng chiếm giữ nó." Chính phủ Minh đã bị các sự kiện vượt qua, và một cuộc tiếp quản quân sự hoàn toàn của Bắc Việt Nam ở Sài Gòn dường như là điều không thể tránh khỏi trong hôm nay hoặc ngày mai."

Với Martin đã cam kết, Kissinger đã liên lạc với Ford để thông báo cho

ông ấy. Tổng thống ngay lập tức chỉ đạo Schlesinger khởi động hoạt động. Lúc 10:51 tối, theo giờ Washington, lệnh thực hiện cho Lựa chọn IV, "Frequent Wind," đã được phát đi qua các kênh chỉ huy.

Tại trung tâm điều hành của Bộ Ngoại giao, có người bước ra khỏi phòng truyền thông và nói với các sĩ quan đang tập trung, "Có vẻ như đây là Mã 3 - di tản hoàn toàn bằng trực thăng." Agence France-Presse vừa phát hiện ra thông tin này trên sóng phát thanh." Lúc đầu không ai có thể tin được, nhưng vài phút sau một bức điện từ Gayler ở Honolulu đã xác nhận điều đó. Frank Scotton, viên chức USIA đã dành phần lớn sự nghiệp của mình ở Việt Nam, cảm thấy không hề vui mừng. Ông tự hỏi : Liệu có còn thời gian không ?

Trong vòng nửa giờ tiếp theo, Đài

Phát Thanh Dịch Vụ Hoa Kỳ ở Sài Gòn đã phát một bài hát ballad quen thuộc "Tôi Mơ Về Một Giáng Sinh Trắng." Sau khi để bài hát phát qua vài lần, nhân viên của đài đã cho phát một băng dài các bản nhạc Sousa và rời đi đến Tân Sơn Nhất.

Tin tức về việc trực thăng sắp tới chỉ được lan truyền không chính thức trong Đại sứ quán. Ít người trong chúng tôi được cảnh báo một cách có hệ thống, và một số vẫn không biết cho đến khi những chiếc trực thăng lớn thực sự bay qua đầu. Shep Lowman, người có vai trò rất quan trọng trong việc sơ tán người Việt, đã không biết về Lựa chọn IV cho đến giữa buổi chiều. Khi gọi cho những vị khách VIP người Việt cuối cùng, ông chỉ biết rằng có hai chiếc trực thăng, có lẽ là từ phi đội Air America, sẽ có mặt để đón họ vào cuối ngày. Các liên lạc của

anh ấy sẽ phải chủ yếu dựa vào các xà lan.

Khi Lowman đã hoàn thành việc thông báo cho ứng viên cuối cùng trong danh sách của mình, anh ta đã cúp điện thoại, rút nó ra khỏi tường, và khoác vào một chiếc áo khoác tweed nhẹ. Ông đã chọn trang phục của mình một cách cẩn thận sáng nay. Nếu ông ăn mặc như một nhà ngoại giao, ông tự nhủ, người Việt Nam sẽ đối xử với ông như một nhà ngoại giao. Sau đó, anh xuống cầu thang và vào sân tòa Đại sứ quán, chen qua cổng bên, và leo lên chiếc xe cũ kỹ của mình khi hàng trăm người dân Việt Nam đứng xem xung quanh anh. Lùi lại từng chút một, với tiếng còi xe vang lên, anh lái xe đến một biệt thự cách đó không xa nơi anh đã bảo một nhóm các VIP tập trung.

Vào khoảng thời gian đó, một đồng

nghiệp của anh ta cũng bắt đầu một nhiệm vụ tương tự. Sau khi thông báo cho những người Việt Nam trong danh sách của mình, Lacy Wright đã mượn chiếc Toyota của Eva Kim và len lỏi qua dòng xe cộ đến một biệt thự mà anh đã sử dụng làm điểm tập trung cho bạn bè và người thân của các nhân viên Ngoại giao. Tại đó, anh ta đã thu thập các danh sách tên còn lại và những người Việt Nam đã giúp đỡ anh ta. Sau đó, ông lái xe cùng họ trở lại Đại sứ quán. Có một đám đông lớn bên ngoài cổng chính khi anh dừng xe, và Wright cùng các bạn của anh buộc phải lén lút vào qua khu giải trí phía sau.

Khi họ chen lấn qua đám đông bên cạnh bể bơi, ba sĩ quan Mission Warden và một số lính thủy đánh bộ vật lộn đi qua họ với những chiếc túi vải lớn trên

vai. Wright sau đó biết rằng những chiếc bao chứa hơn 2 triệu đô la trong quỹ dự phòng của Đại sứ quán. Đại sứ vừa ra lệnh tiêu hủy số tiền.

Các thủy quân lục chiến đổ tiền vào các thùng kim loại ở cuối khuôn viên, rắc một ít xăng lên, và châm lửa.

Nhưng ngay khi ngọn lửa xoáy vào thùng chứa đầu tiên, Boudreau đã chạy xuyên qua đám đông. "Ngừng lại ! Ngừng lại !" ông ta hét lên. Đại sứ đã thay đổi ý định. Ông muốn giữ tiền lại một thời gian nữa, phòng khi ông có thể thỏa thuận vào phút chót. Các lính thủy đánh bộ đè nắp lên đám cháy, cố gắng dập tắt nó.

Một phần tiền đã được cứu vớt, nhưng phần lớn trong số đó bị bẩn và cháy xém. Vào cuối ngày, khi những

chiếc trực thăng đầu tiên đến, luồng gió mạnh đã xé mở một số túi tiền bị bỏ lại ở rìa bãi đậu xe, làm rải rác phần lớn số tiền còn lại ra bốn phương. Trong khi đó, một viên chức Đại sứ quán đã kịp giấu ít nhất 80.000 đô la trong tay. Bạn gái người Việt của anh ta đã giấu số tiền dưới váy và đưa lén lên một trong những chiếc trực thăng. Khi lên tàu sơ tán, anh ta bị kiểm tra hàng cấm nhưng cô ấy thì không. Hàng trăm tờ tiền 20 đô la hơi bị hư hỏng sau đó đã xuất hiện tại các điểm tái định cư cho người tị nạn ở Guam và quần đảo Wake.

Trong số những người di tản đầu tiên mà Tướng Smith cử đến hạm đội của Đô đốc Whitmire khi tàu con thoi

Air America tăng tốc vào buổi sáng có vợ ông và hai sĩ quan hải quân cấp cao, Đô đốc Hugh Benton và Owen Oberg, những người đã tham gia vào đội ngũ lập kế hoạch của DAO từ đầu tháng 4. Sự thận trọng đơn giản đã quyết định việc bà Smith rời đi. Đô đốc Gayler, mặt khác, đã khăng khăng rằng Benton và Oberg phải được rút lui. Như ông đã giải thích với Smith, ông không muốn có bất kỳ "sĩ quan cờ" nào của Mỹ ở Sài Gòn khi tình hình xấu đi.

Erich Von Marbod cũng được đưa vào nhóm sơ tán sớm này - theo sự lựa chọn của chính ông. Kể từ khi bình minh ló rạng, ông đã tuyệt vọng muốn ra ngoài hạm đội để sắp xếp việc di tản khỏi Sài Gòn những gì còn lại của không quân Việt Nam Cộng Hòa.

Trực thăng Air America của Von

Marbod vừa đặt bánh lên boong tàu USS Blueridge, tàu chỉ huy của Whitmire, thì ông đã lao đi với tốc độ tối đa. Ông lập tức hướng thẳng đến phòng vô tuyến và gửi một tin nhắn khẩn cấp đến Bộ trưởng Schlesinger ở Washington. Giải thích rằng anh vừa mới rời Sài Gòn với một trong những chuyến trực thăng đầu tiên, anh đã yêu cầu hỗ trợ ngay lập tức để hoàn thành hoạt động cứu hộ mà Schlesinger đã giao cho anh một tuần trước đó. Điều ông ta muốn nhất, ông ta nói, là sử dụng một trong những tàu sân bay của Whitmire.

Một câu trả lời "chỉ được nhìn thấy" từ Bộ trưởng nhanh chóng lan truyền qua các mạch vô tuyến của tàu. Whitmire ngay lập tức gọi Von Marbod lên boong tàu của thuyền trưởng. Ông không hoàn toàn hài lòng với thông điệp của

Schlesinger. Không chỉ Bộ trưởng Quốc phòng đã xác nhận lại nhiệm vụ của Von Marbod ; ông còn giao cho ông ta quyền chỉ huy trực tiếp tàu USS Dubuque, một trong những «tàu vận chuyển đổ bộ» của Whitmire, một tàu chở trực thăng. Chuyện gì đang xảy ra vậy ? Whitmire phun ra khi nhìn Von Marbod trong khi cả hai đọc qua tin nhắn. Đặt một thường dân chỉ huy một tàu chiến của Hải quân Hoa Kỳ ! Tại sao, điều đó không thể nào xảy ra được !

Nhưng nó đã được thực hiện, vì bức điện từ Lầu Năm Góc đã được chính Schlesinger ký.

Von Marbod cảm ơn Whitmire vì sự thông cảm của ông và sau đó đã bay trực thăng đến USS Dubuque. Con tàu nhanh chóng rời bến hướng về đảo An Thới, gần Phú Quốc ngoài đồng bằng, nơi Von

Marbod dự định thiết lập một mạng lưới thông tin liên lạc để giúp hướng dẫn các máy bay Việt Nam lạc đường đến Thái Lan.

Trong khi đó, trợ lý của ông, Rich Armitage, đã lên một con tàu khác của Whitmire và điều khiển nó đến đảo Côn Sơn, ngoài khơi bờ biển phía đông của đồng bằng, để gặp gỡ với các tàu hải quân Việt Nam sẽ rời Sài Gòn trong vài giờ tới.

Khoảng giữa buổi sáng, đoàn xe buýt của Moorefield cuối cùng đã trở lại DAO để cho hành khách đầu tiên xuống xe. "Khi chúng tôi tiến đến tòa nhà bưu điện, những quả rocket bắt đầu rơi xuống như ngày Độc lập", anh ấy kể lại. "BV rõ ràng đã có một quan sát viên tiền phương để gọi pháo mỗi khi một đoàn xe tiến vào."

Như bạn có thể tưởng tượng, hành khách của chúng tôi đã phát điên lên vì tiếng pháo kích. Tất cả họ đột nhiên la hét, cúi xuống dưới ghế, khóc lóc để thoát khỏi những chiếc xe buýt đó. Một người Mỹ khác và tôi kéo họ ra nhanh nhất có thể và nhét họ vào bưu điện. Có những người không thể đi được - trẻ em và phụ nữ già - nên chúng tôi đã bế họ, trong khi liên tục đá những hành lý thừa ra khỏi đường. Và những tên phóng viên báo chí khốn kiếp đi cùng chúng tôi - chúng bị vướng vào thiết bị của chúng. "Để đó đi !" Tôi đã hét lên với họ. "Trời ơi, bỏ đi !" Nhưng không ai trong số họ chịu rời bỏ chân máy quý giá hay túi xách của mình, cũng như không ai chịu giúp đỡ người Việt.

"Đến khi chúng tôi nhét tất cả mọi người vào tòa nhà, tài xế người Việt của

tôi đã bỏ chạy và tôi phải mặc cả với một thằng khốn khổ khác để thay thế anh ta." Chỉ bằng cách hứa sẽ sơ tán anh ta và gia đình, tôi mới có thể thuyết phục anh ta hợp tác. Thật không may, anh ấy sau đó đã bị lạc trên đường và tôi không bao giờ có thể thực hiện lời hứa đó. Dù sao đi nữa, dù tốt hay xấu, chúng tôi lại lên đường lần nữa.

Ngay cả vào những ngày tốt nhất, Joe Kingsley cũng khó mà làm hài lòng một nhà thiết kế thời trang. Nhưng khi anh ta lê bước vào văn phòng vào khoảng sau mười giờ, anh ta trông như một người vừa bị cuốn vào cơn gió ngược của một chiếc máy bay chiến đấu F-5. Tóc đen ướt đẫm mồ hôi, áo sơ mi rách nát và dính đầy dầu mỡ, và đôi mắt trông như lò xo đỏ, và khi anh ta ném đống lựu đạn và súng

máy xuống bàn, có lẽ anh ta cũng đang vứt bỏ gánh nặng của thế giới. Anh ấy đã dành ba giờ qua để giúp đỡ người Mỹ và người Việt tại tòa nhà chung cư của chúng tôi bám víu để đến Đại sứ quán. "Có thể vẫn còn một số người trong tòa nhà, theo như tôi biết," anh ta lầm bầm. "Mỗi lần tôi gửi ai đó ra ngoài, có người khác lén lút vào." Người Việt đều nghĩ rằng một chiếc 747 sẽ hạ cánh trên mái nhà và đưa họ ra ngoài. Tôi đã cố gắng nói với họ điều ngược lại, nhưng...

Âm thanh của hệ thống liên lạc nội bộ đã làm gián đoạn anh : Pittman-văn phòng chính. «Tôi sẽ xử lý anh ta,» Joe nói, rồi lảo đảo đi xuống hành lang. Pittman có một nhiệm vụ mới cho anh ta, khó khăn không kém gì nhiệm vụ trước. «Xuống gặp Jacobson,» Pittman nói với anh ta. «Cố gắng sắp xếp để đưa

một số người Việt của chúng ta ra các xà lan ở Newport.»

"Newport !" Joe thốt lên. "Chúa ơi, chỗ đó đã bị cấm từ hôm qua rồi." VC khắp nơi. Chắc chắn là chúng ta sẽ không thể đưa người đến đó.

Nhưng Pittman kiên trì, và Joe, một người lính tốt như anh ta, đã làm theo những gì được chỉ thị. Anh ấy xuống văn phòng của Jacobson ở tầng ba để tìm kiếm sự hướng dẫn. Và Jacobson đã xác nhận nghi ngờ của anh : ngay cả ở bên này cầu, các con đường đến Newport cũng không thể đi qua được. Carmody, Tùy viên Hải quân, đã chỉ đạo rằng vài tàu còn lại ở đó phải được chuyển đến bến tàu Khanh Hoi ở trung tâm thành phố, nơi Mel Chatman và Bob Lanigan đã neo đậu những chiếc thuyền đáy bằng của họ.

Trong khi Joe cố gắng thúc đẩy sự hiểu biết giữa tầng ba và tầng sáu của Đại sứ quán, tôi tiếp tục lãng phí năng lượng của mình một cách ít hữu ích hơn. Trong vài giờ qua, tôi đã lật giở các tài liệu và cố gắng hiểu những thông tin ít ỏi mà có. Mỗi khi một bức điện hoặc tin nhắn radio được đưa vào hộp thư đến của tôi, tôi nhanh chóng lướt qua, ghi nhớ những gì có ý nghĩa, và sau đó ném nó vào một "túi đốt" để đưa đến lò thiêu. Mỗi mảnh thông tin đều chỉ ra kết luận mà tôi đã đạt được từ nhiều tuần trước : những người Cộng sản dự định chiếm thành phố này trong thời gian ngắn nhất có thể.

Tôi cũng bắt đầu tiêu hủy những bản đồ tình hình cuối cùng và các tài liệu mật của mình.

Mặc dù tôi sẽ là một phần của lõi

cứng của Trạm, tôi không có mong muốn phải đối mặt với một quân đội Bắc Việt chiến thắng với chỉ một ngăn kéo đầy dữ liệu nhạy cảm. Hầu hết các bản đồ đều được gắn trên những "bảng thông tin" nặng nề và chỉ có một cách để phá chúng ra - bằng lưỡi lê. Tôi cảm thấy gần như phấn khởi khi chém và cắt qua những kiến thức tích lũy của hai năm qua. Đến giữa buổi sáng, văn phòng của tôi trở thành một đống rác, những mảnh bìa cứng vương vãi khắp nơi. Chỉ có một món đồ còn nguyên vẹn, một bức áp phích cỡ lớn chụp một cô gái Nhật Bản mặc áo phông kéo lên đến vai. Joe và tôi thường nói đùa rằng có hai cách để nhìn tấm áp phích đó. Vào những ngày đẹp trời, không nghi ngờ gì nữa, người mẫu rám nắng, tươi cười đang cởi áo. Nhưng vào những ngày xấu, bạn phải chấp nhận rằng cô ấy có thể đang mặc lại áo. Bây

giờ tôi chỉ thấy lớp vải che.

Ở nơi khác trong Đại sứ quán, các nhân viên khác đang điên cuồng xé nát các tài liệu còn lại của họ. Một thư ký vui vẻ ném một chiếc máy đánh chữ trị giá 500 đô la xuống cầu thang. Âm thanh lấp lánh của hai lò đốt trên mái nhà tiếp tục làm giảm âm thanh của các vụ nổ tại Tân Sơn Nhất.

Bên ngoài, trong khuôn viên Đại sứ quán, các lính thủy đánh bộ đang đi đi lại lại lo lắng dọc theo các bức tường. Vô số bàn tay mò mẫm vào hàng rào của cổng chính khi hàng trăm người Việt Nam van xin được vào, nhiều người cầm những mảnh giấy trắng, chắc chắn là một loại yêu cầu để được qua cửa. Bên trong, một số đồng bào may mắn hơn của họ, hầu hết là đầu bếp và tài xế đã đến cùng với các chủ nhân của họ từ Đại sứ quán

vào lúc bình minh, đứng kiên nhẫn bên lề bãi đậu xe chờ xe buýt đến Tân Sơn Nhất. Trong khu vực giải trí, gần một nghìn người Việt Nam nữa đang lang thang không theo trật tự nào. Một vài người trong số họ đã công khai và bình tĩnh đột nhập vào cửa hàng tạp hóa nhỏ và giờ đây đang lén lút lấy đi hàng hóa. Một vài đồng nghiệp CIA của tôi quyết định tham gia cùng họ, và chẳng bao lâu đã xuất hiện trong văn phòng của Polgar với những cánh tay đầy rượu và phô mai mà họ đã "giải phóng" từ đám đông.

Ngay trước mười một giờ, tôi đã đi thang máy xuống tầng trệt. Sảnh chờ, tràn ngập các gia đình Việt Nam và Mỹ, trông giống như boong kinh tế trên một chiếc tàu hàng hạng ba. Các phóng viên truyền hình mang ba lô lớn lê bước qua lại trong bãi đậu xe bên ngoài, và các

nhân viên CIA lẩn tránh cái nhìn thờ ơ của ống kính khi họ ra vào tòa nhà. Hai phóng viên của New York Times, ngồi trên một thùng hàng ở góc phòng, bắt đầu nhảy lên khi họ nhìn thấy tôi. Nhưng tôi đã quay lưng lại với họ. Trong sự háo hức run rẩy của họ, họ làm tôi nhớ đến những con linh cẩu đang săn mùi tử thần. Tôi đơn giản là không có dạ dày cho sự tò mò của một nhà báo nữa.

Trong khi đó, Polgar, vị chỉ huy trưởng năng động của tôi, mặc dù không phải lúc nào cũng tách biệt, đang bắt đầu thể hiện sự căng thẳng. Không phải nỗi sợ hãi hay căng thẳng đã phá vỡ sự kiềm chế của anh ấy, ít nhất không phải chỉ riêng điều đó, mà là một mối lo ám ảnh cuối cùng mạnh mẽ như niềm đam mê cho một thỏa thuận đã chi phối anh ấy trong vài tuần qua.

Trong số các thành viên cấp cao của Hội đồng Truyền giáo, Polgar là một trong số ít người thực sự "ghi nhớ về Việt Nam" trong chuyến công tác của mình, phát triển mối quan hệ cá nhân chặt chẽ với người Việt Nam ở mọi cấp, vượt ra ngoài những yêu cầu của nghề nghiệp. Bây giờ, khi buổi sáng trôi qua và trật tự cũ sụp đổ xung quanh anh ta, những cảm xúc và sự gắn bó của anh ta bắt đầu xé nát anh như một ký ức tội lỗi. Giờ này qua giờ khác, tôi chứng kiến sự phân rã diễn ra, người đàn ông nhỏ bé cứng rắn mà tôi biết rõ đang tan biến thành một người mà tôi hầu như không nhận ra. Tôi bị xúc động sâu sắc ; tôi muốn giúp đỡ, nhưng biết rằng cố gắng là vô ích. Như chính Polgar đã nói với tôi sau này, ông đang nhanh chóng chìm vào một "cơn hôn mê cảm xúc."

Một nhóm người Việt Nam đặc biệt thu hút sự chú ý của ông - ba mươi người bạn và cộng sự cũ mà ông đã hứa sẽ giúp đỡ vài ngày trước. Đó là một nhóm lạ lùng và đa dạng : các chính trị gia, cảnh sát và chỉ một vài mối quan hệ xã hội cũ, bao gồm một người phụ nữ làm việc cho Bộ Nội vụ Việt Nam mà ông rất ngưỡng mộ.

Ông đã gọi tất cả họ vào tối hôm trước và chỉ thị họ tập trung tại nhà ông vào lúc mười một giờ sáng hôm sau. Nhưng bây giờ, khi giờ hẹn đã đến gần và ông chuẩn bị ra ngoài đón họ, ông bỗng nhiên phát hiện mình bị khóa bên trong.

Các rào chắn ở cổng bên đã hạ xuống ngay khi tài xế của Polgar đang lái xe limousine đến cửa sau của Đại sứ quán. Tất cả đã xảy ra quá nhanh : một ai đó trên đường đã kích nổ một quả lựu đạn, và

sau đó, không một chút do dự, các thủy quân lục chiến ở cổng đã khóa chốt và ngăn mọi phương tiện ra vào. Khi Polgar thấy chuyện gì đang xảy ra, anh chạy đến một hạ sĩ Thủy quân lục chiến và van xin được phép lái xe ra ngoài. Nhưng hạ sĩ nói không "và tôi không quan tâm bạn là ai !" Vậy là Polgar bị mắc kẹt trong Đại sứ quán vào đúng lúc những người Việt Nam mà ông yêu thích đang tụ tập tại biệt thự của ông cách đó mười dãy phố.

Khi anh đứng bên cổng, nhìn chằm chằm vào biển người với ánh mắt vô vọng, anh nghe thấy một giọng nói quen thuộc từ đám đông vọng lại gần mình. Đó là một giọng nói cao, không đều, có chút ngữ điệu. Một lúc sau, Tướng Đặng Văn Quang, cựu cố vấn an ninh của Thiệu, xô mình đến cổng. Ông ta mặc một chiếc áo khoác dài và kính râm, mang theo hai

chiếc cặp nặng trĩu. "Để người đó qua !" Polgar quát mắng hạ sĩ. Một cuộc tranh cãi nảy lửa đã xảy ra, nhưng cuối cùng người lính thủy quân lục chiến đã làm theo lệnh, mở cổng vừa đủ để ông Quang béo lách qua.

Trong vài giờ tiếp theo, Quang lang thang quanh phòng suite tầng sáu của Polgar, trông giống như một quả quất mập mạp trên đôi chân dài, trong bộ vest xanh hải quân được may đo và những viên kim cương của mình. Ông ta đã dành nhiều thời gian trên điện thoại, vì trong lúc vội vàng lẻn vào Đại sứ quán, ông đã để con trai và cháu trai ở bên ngoài. Bây giờ ông đang cố gắng liên lạc với bạn bè để nhờ họ giúp đỡ.

Hầu hết chúng tôi cố gắng phớt lờ Quang khi vội vã ra vào văn phòng chính, vì giờ đây ông ta không còn là

người Việt Nam được yêu thích của ai nữa. CIA đã trả tiền và chiều chuộng ông ta trong nhiều năm và đảm bảo vị trí của ông ta với Thiệu, nhưng cuối cùng ông ta đã phản bội chúng tôi, không thông báo cho chúng tôi về quyết định của Thiệu rút khỏi vùng cao nguyên. Vì vậy, Quang trong những giờ phút cuối cùng ở Sài Gòn đã làm việc và đau khổ một mình, và khi ông được trực thăng đưa khỏi mái nhà vào cuối ngày - không có con trai bên cạnh - một số người trong chúng tôi đã nghĩ. Thật tốt khi thoát khỏi ông ta.

*

Khi Polgar rời sân và trở lại văn phòng của mình, ông trông như già đi cả chục tuổi. "Giờ tôi phải làm gì ?" ông ta lặp đi lặp lại trong khi đi đi lại lại trong

phòng chờ. “Tôi đã hứa với những người Việt Nam đó là tôi sẽ đón họ ở nhà tôi.” Tôi không thể chỉ để họ ở đó.” Pittman nắm lấy tay anh ta và bắt đầu liệt kê các phương án thay thế. “Có thể chúng ta có thể gửi một chiếc trực thăng đến để cứu họ ra ?” anh ấy đề nghị. “Không được đâu,” tôi ngắt lời. Văn phòng Giám sát Nhiệm vụ báo cáo có bắn tỉa bừa bãi trong khu vực. Không có trực thăng hay xe buýt nào có thể vào được lúc này.

Sau đó, tôi nhớ đến số 6 công trường Chiến Sĩ, nơi tôi cư trú, không xa Polgar lắm, và đề xuất một cuộc đón ở đó. Mái nhà đã được trang bị cho trực thăng ; nó có vẻ là một lựa chọn hợp lý như bất kỳ lựa chọn nào khác. Polgar gật đầu. “Tốt, tốt, tôi sẽ gửi Út đến hướng dẫn họ qua đó.” Một chiếc trực thăng có thể vào và đưa họ ra ngoài. Tốt, tốt.

Một lát sau, Ut, tài xế người Việt Nam cao năm feet năm inch của Polgar, lén lút ra khỏi cổng Đại sứ quán với một chiếc vô tuyến cầm tay trong túi sau. Từ thời điểm đó, mối bận tâm hàng đầu của Polgar là cuộc hành trình của ba mươi người Việt Nam khi họ cố gắng tìm đường đến nơi an toàn.

"T. D. Latz" không trông giống một người hùng. Một cựu phi công U-2 với giọng Arkansas, ông đi khập khiễng, mù một mắt, và bộ râu xám lởm chởm của ông có tất cả sự hấp dẫn của một miếng bùi nhùi bẩn. Nhưng với tư cách là sĩ quan cao cấp của Air America tại Đại sứ quán, ông biết rõ giới hạn và khả năng của các trực thăng Air America có sẵn mà không ai trong số chúng tôi biết, và với thời điểm và hoàn cảnh hiện tại, ông

là người mà Polgar cần nhất lúc này.

Ngay sau khi gửi Út đi, Polgar đã gọi Latz qua vô tuyến hai chiều. Người lính không quân già lúc đó đang bay cao trên thành phố trong một chiếc Air America Huey, hướng dẫn phi công đến một nhóm người Mỹ hoảng sợ trên một bãi đáp trên mái nhà. Trong vòng hai mươi phút tiếp theo, chiếc trực thăng của ông hạ cánh xuống mái nhà của Đại sứ quán và Latz đi vào phòng chờ của Polgar, lẩm bẩm điều gì đó về đồng hồ đo nhiên liệu và thời gian bay bị mất. Polgar nắm lấy tay anh ta. "Nhìn này," ông ấy nói. "Tôi muốn bạn đến số 6 công trường Chiến Sĩ và đón ba mươi người của tôi.» Latz nhìn tôi một cách thận trọng. Vài ngày trước, chúng tôi đã thảo luận về cuộc diễn tập sơ tán tại Chiến Sĩ và đã kết luận rằng khả năng thực hiện an toàn là rất mỏng

manh, đặc biệt là khi xem xét kích thước của bệ và khả năng xảy ra hỏa hoạn trên mặt đất.

"Anh ta nên mang theo một số lính thủy đánh bộ," tôi chen vào khi Latz suy nghĩ về ý tưởng đó. "Còn một số người Việt Nam trong tòa nhà đó." Họ cũng sẽ tìm kiếm một chuyến đi.

Polgar không nghe thấy, hoặc chọn không nghe. "Được chứ ?" anh ta nói, nắm chặt tay người đàn ông to lớn.

"Được rồi, ông Polgar," Latz đáp, "nhưng tôi sẽ phải mang theo một khẩu súng bên hông để đảm bảo an toàn."

Hai mươi phút sau, T. D. Latz trèo lên trực thăng của mình và bay đến 6 công trường Chiến Sĩ, để chờ đợi Út và nhóm nhỏ của anh ấy.

*

Ngay sau đó, Polgar đã phải đối mặt với một vấn đề "nhạy cảm" khác. Tôi đang trong một trong những chuyến đi vô số lần đến văn phòng của ông ấy khi tôi gần như vấp phải nó. Khi tôi bước vào phòng tiếp tân, tôi nhận thấy một vị khách không ngờ đang ngồi ngả trên một trong những chiếc ghế sofa. Tôi đã thấy ông ấy tại các bữa tiệc cocktail và các sự kiện khác của Đại sứ quán, nhưng bây giờ, trong chiếc áo sơ mi xám ướt đẫm mồ hôi và quần nâu, Đại tá Toth trông chẳng giống gì ngoài một sĩ quan quân đội Hungary cấp cao mà ông ta từng là.

"Anh ta đang làm cái quái gì ở đây vậy !" Tôi thì thầm với một trong những thư ký khi Toth đứng dậy và đi vào văn

phòng của Polgar. Chắc chắn đây là lần đầu tiên một người cộng sản có cấp bậc và vị trí như ông ta được vào khu vực nội bộ nhất trong tất cả các khu vực nội bộ của Polgar. "Ông ấy đang cố thuyết phục Ông già cứu các thành viên đội Hungary và Ba Lan tại Tân Sơn Nhất," thư ký nói một cách khô khan. "Họ đã bị pháo kích từ lúc bình minh."

Tại các văn phòng phụ của CIA trong khu phức hợp Norodom bên cạnh đại sứ quán chính, Jerry Locksley, cựu sĩ quan trực, đang bận rộn với các lò thiêu. Ông ta và vài đồng nghiệp đã làm việc cật lực ở đó suốt nhiều giờ, xé nhỏ và thiêu hủy các hồ sơ nhân sự của Đài, mà vì lý do nào đó đã bị bỏ lại đến phút chót. Còn có một thứ khác, cũng nhạy cảm không kém, vẫn chưa được tiêu hủy : hàng ng-

hìn tấm thẻ tên đã được in ra để phục vụ như vé ngồi cho những người Việt Nam có nguy cơ cao vào ngày E. Không có cái nào từng được phát, và khi Locksley ném từng cái một vào lò thiêu, anh cảm thấy như thể mình đang giao phó những người nhận dự kiến vào sự hư vô. Ông biết rằng họ sẽ bị bỏ lại, mỗi người trong số họ đều là một điệp viên hoặc cộng tác viên lâu năm.

Khi viên sĩ quan trẻ và các đồng đội của anh ta ném thêm một bao nữa vào ngọn lửa, Bill Johnson, đội mũ câu cá trắng kéo xuống tai, khuôn mặt nhăn nheo như một quả táo khô, lững thững đi qua thùng thiêu rác và biến mất vào văn phòng Norodom. Khi Locksley thấy ai đang đi cùng anh ta, anh phải chớp mắt hai lần: đó chính là Đại tá Toth, vị khách của Polgar. Locksley sau đó đã

biết rằng Polgar đã giao cho Johnson tổ chức nhiệm vụ cứu hộ mà Toth đã yêu cầu, chuyến đi đến và từ Tân Sơn Nhất để «cứu» người Hungary và người Ba Lan.

Trong khi Johnson lục lọi văn phòng của mình để tìm tài xế tình nguyện và chìa khóa xe dự phòng, Toth ngồi phịch xuống ghế bành và bắt đầu gặm những móng tay bẩn. Các sĩ quan CIA khác ra vào vội vã, vô tình gọi tên và địa chỉ của các đặc vụ, mật danh và tiêu đề vụ án, không ai nhận ra rằng người dân thường mập mạp, đổ mồ hôi ở góc phòng là một điệp viên cộng sản.

Trên chuyến đi dài đến Tân Sơn Nhất, Toth đã xin lỗi Johnson. “Xin lỗi,” anh ấy nói, chuyển từ tiếng Đức sang tiếng Anh rồi lại trở lại. “Nó chỉ không thành công.” Nó hoàn toàn không thành công. Điều

mà ông ấy đang ám chỉ, Johnson không bao giờ chắc chắn, vì nếu nhiệm vụ của Toth là đánh lừa người Mỹ tin rằng một thỏa thuận hòa bình là có thể, thì ông ta đã thành công một cách hoàn hảo.

Khi đoàn xe kéo vào khu trại ICCS tại Tân Sơn Nhất, Johnson gặp một số khó khăn trong việc tập hợp những "người sơ tán" của mình. Một quả tên lửa gần đây đã phá hủy hai trong số các nhà ở tạm bợ; một số người Ba Lan bị sốc vì bom đạn, và hầu hết những người còn lại đều đang trốn. Trong khi đó, những người Hungary đang lo lắng uống cạn những chai barack. Khi Johnson nhét họ vào hai mươi chiếc xe và xe jeep của mình, một vài người trong số họ đã không còn cảm thấy đau đớn.

Bất chấp đám đông và giao thông, Johnson đạp ga chiếc Ford Maverick của

mình và lao về phía thị trấn, đoàn tùy tùng lác đác theo sau. Một viên cảnh sát trẻ người Việt đã làm việc cho Đài từ lâu và thường xuyên liều mạng vì các ông chủ của mình "nói chuyện" với đoàn xe qua một loạt các trạm kiểm soát quân đội dọc đường, giải thích cho các binh sĩ lo lắng rằng các thành viên ICCS đang trên đường đến Dinh «để sắp xếp một lệnh ngừng bắn.» Một hoặc hai lần lời nói dối không hiệu quả, và sau đó Johnson chỉ cần rút súng tự động ra và chĩa súng vào các lính gác cho đến khi đoàn xe đi qua.

Cuối cùng, cách bến cảng vài dãy phố trong thành phố, người đàn ông CIA tách khỏi đoàn xe và lái xe trở lại Đại sứ quán. Người Ba Lan và người Hungary tiếp tục đến Khách sạn Majestic, nơi họ ăn uống và vui chơi cho đến khi lực lượng BV vào thành phố vào ngày hôm sau.

Vài tháng sau, chính phủ Hungary đã trao tặng một bằng khen anh hùng đặc biệt cho Johnson vì những nỗ lực của anh thay mặt cho các thành viên đội ICCS vào buổi sáng cuối cùng đó. Chắc chắn đây là lần đầu tiên Budapest ca ngợi một nhân viên CIA vì đã cứu những đảng viên trung thành khỏi một cuộc tấn công bằng pháo của cộng sản.

Johnson không thấy hài hước với sự mỉa mai cũng như không cảm thấy vinh dự với danh dự đó. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cứu hộ phi thường của mình vào sáng ngày hai mươi chín, ông đã bị tách khỏi viên cảnh sát Việt Nam dũng cảm, người đã dẫn đoàn xe vào an toàn. Viên sĩ quan sẽ bị bỏ lại.

Đối với nhiều người xung quanh,

Graham Martin giờ đây trông như một xác sống. Viêm phổi và các loại kháng sinh cứng nhắc của bác sĩ đang gây ảnh hưởng đến ông. Mặt tái nhợt, hốc hác, ông thậm chí còn khó khăn khi đứng thẳng. Và giờ đây khi Washington đã ra lệnh cho Lựa chọn IV, một phần nào đó của ngọn lửa cũ, của cuộc chiến, dường như đã tắt trong anh ta. Về mặt thực tiễn, quân đội và Gayler giờ đây đã nắm quyền kiểm soát. Chỉ còn một quyền ưu tiên duy nhất thuộc về Martin - đảm bảo vào thời điểm muộn màng này rằng càng nhiều người Việt Nam càng tốt được sơ tán.

Tuy nhiên, ngay cả điều đó cũng sẽ phải chờ khoảng một giờ nữa, cho đến khi làn sóng trực thăng đầu tiên từ hạm đội đến nơi. Hiện tại, Martin thực sự là một người đàn ông tự do, không có bất

kỳ trách nhiệm nào, có lẽ là lần đầu tiên kể từ khi anh được điều động đến Sài Gòn. Anh quyết định tận dụng khoảng thời gian nghỉ ngơi để giải quyết một vấn đề cá nhân. Ông sẽ trở về biệt thự để đón vợ.

Các vệ sĩ thủy quân lục chiến mặc thường phục của ông đã phản đối kịch liệt khi ông công bố ý định của mình. Họ sẽ đưa bà Martin về cho ông, họ nói. Không cần thiết cho ông ấy phải tiếp xúc với sự hỗn loạn bên ngoài một lần nữa. Nhưng Martin đã từ chối. Ông là Đại sứ ; ông sẽ không bị giam giữ.

Khi chiếc xe limousine của ông lăn bánh qua bãi đậu xe, đám đông người Việt Nam trên đường phố bên ngoài trở nên điên cuồng, nhiều người trong số họ còn lao vào cổng. "Không sao đâu," Martin nói khi được thông báo. Ông sẽ đi bộ

để thực hiện chuyến đi. Trước khi giám đốc an ninh của ông có thể lấy lại bình tĩnh, Martin đã gọi ba trong số những vệ sĩ Thủy quân lục chiến lớn nhất của mình và hướng về thang máy. Với đội hộ tống bao quanh từ mọi phía, ông lén lút rời khỏi Đại sứ quán qua khu giải trí và đi bộ bốn dãy phố về nhà. Người giúp việc của ông, ông Chinh, đã chào đón ông ở cửa. Bà Martin, một người phụ nữ thấp bé, nghiêm nghị, đã chuẩn bị hành lý và sẵn sàng. Martin chỉ thị cho người hầu chuẩn bị một túi đồ dùng qua đêm cho ông.

Sau đó, ông nhìn quanh lần cuối ngôi biệt thự Pháp cổ đã từng là nơi ở của ba Đại sứ trước ông. Có tin đồn rằng nơi này bị ma ám - thậm chí đã có một buổi trừ tà ở đây một lần - nhưng những bóng ma giờ đây thoáng qua trong ký ức

thì lại mang tính hiện tại hơn nhiều. Bức ảnh có chữ ký của Tổng thống Nixon và gia đình ông vẫn còn trên cây đàn piano trong phòng khách. Đồ đạc cá nhân của Đại sứ, đồ nội thất và những kỷ vật của bốn mươi năm phục vụ chính phủ, đều ở đúng chỗ của chúng.

Khi Martin đi lang thang trong nhà, ông nhận thấy một món đồ cổ yêu thích, một mô hình chùa Trung Quốc. Ông nhặt nó lên và bỏ vào túi. Sau đó, ông ấy khoác tay vợ và bước ra đường. Các lính thủy đánh bộ tiến lại gần họ khi ông Chinh lật đật theo sau với chiếc vali qua đêm. Họ trở lại Đại sứ quán trong chưa đầy năm phút.

Trước khi trở về văn phòng, Martin đã lách qua cánh cửa trong bức tường giữa khu phức hợp Pháp và Mỹ và đi tìm Mérillon. Đại sứ Pháp không có mặt tại

văn phòng sáng nay. Ông đã quyết định tách biệt mình trong biệt thự riêng bên cạnh. Như ông đã giải thích với nhân viên của mình, ông cảm thấy sự vắng mặt của mình tại Đại sứ quán sẽ ngăn chặn những kẻ xấu và chính trị gia tìm kiếm nơi trú ẩn ở đó, như đã xảy ra tại Phái bộ Pháp ở Phnom Penh vào ngày Campuchia sụp đổ.

Mérillon chào Martin trong phòng làm việc riêng của mình. Hai người bắt tay và trao đổi xã giao một cách ngắn gọn. Martin sau đó tập trung vào những điều cốt yếu. Cuộc phỏng vấn của Mérillon với "Big" Minh vào sáng sớm hôm đó có hiệu quả không ? Có bất kỳ tín hiệu hòa bình mới nào từ Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam không ? Người Pháp châm điếu thuốc lá quen thuộc và hít một vài hơi, mùi thuốc lá

cay nồng của Algeria lan tỏa khắp phòng như một bức màn. Không, ông ta nói sau một lúc, không có gì đáng khích lệ để báo cáo. Minh vẫn tiếp tục thăm dò phía bên kia, nhưng PRG vẫn chưa phản hồi. Martin nhìn chằm chằm một lúc, rồi hạ giọng xuống như thể đang tiết lộ bí mật. Trong trường hợp đó, ông có một gợi ý, ông nói. Ông ấy muốn gặp gỡ phái đoàn PRG trực tiếp. Mérillon có thể giúp sắp xếp không ?

Người Pháp gõ tẩu thuốc của mình vào một cái gạt tàn. Ông có thể thử, ông nói một cách do dự, nhưng ông không thể hứa hẹn gì. Martin gật đầu, cảm ơn ông ta, và đứng dậy để đi. Khi làm vậy, ông rút chiếc chùa cổ ra khỏi túi và đặt lên bàn làm việc của Mérillon. Ông muốn Mérillon nhận nó như một biểu tượng của lòng biết ơn của mình đối

với tất cả những gì Phái bộ Pháp đã làm trong tháng qua để thúc đẩy sự nghiệp hòa bình.

Khi Martin bước vào phòng riêng của mình ở tầng ba, vợ ông đang thì thầm nói chuyện với các thư ký về một mối quan tâm quan trọng của riêng bà. Cô ấy không thích cách Graham nhìn chút nào, cô ấy nói. Chẳng chút nào. Ông ấy rõ ràng là rất ốm. Ông ấy cần một bữa trưa đầy đủ chất. Cô ấy muốn trở về Tòa Đại sứ để nấu cho ông một ít bò hầm. Một trong những trợ lý của Đại sứ đã nhẹ nhàng khuyên cô ấy : Tòa Đại sứ có thể sớm bị đám đông tràn vào. Khoảng một giờ sau, bà Martin được đưa lên một chiếc trực thăng Air America trên mái nhà Đại sứ quán và được đưa ra tàu USS Denver, một trong những con tàu của đội tàu sơ tán.

Ngay trước 2 giờ sáng, Tướng Timmes đã thực hiện một chuyến đi khác đến Dinh, lần này mang theo một bức thư cá nhân từ Martin. Đó là một phản hồi đối với yêu cầu chính thức từ Minh rằng tất cả các sĩ quan quân sự Mỹ phải rời Sài Gòn trong vòng hai mươi bốn giờ. Vì việc DAO rời đi đã là điều chắc chắn, Martin giờ đây không còn do dự gì khi đưa ra một đảm bảo chính thức cho Tổng thống mới về điều này. Thật vậy, ông cảm thấy điều này có thể củng cố vị thế thương lượng của Minh với các nhà lãnh đạo cộng sản.

Tại sở chỉ huy của mình phía bắc Sài Gòn, Tướng Văn Tiến Dũng ngày càng trở nên thiếu kiên nhẫn. Đã nhiều giờ

trôi qua kể từ khi Bộ Chính trị thông báo cho ông về việc rút lui của các "cố vấn quân sự" Mỹ. Tuy nhiên, các quan sát viên tiền phương của ông tại Tân Sơn Nhất báo cáo rằng Văn phòng Tùy viên Quốc phòng vẫn đang nhộn nhịp hoạt động.

Dũng, cẩn thận và tỉ mỉ như anh ta vốn có, quyết định không mạo hiểm. Ông đã ra lệnh cho các chỉ huy pháo binh của mình ở mặt trận phía đông một thông điệp khác, đề xuất các mục tiêu và một thời hạn cụ thể cho cuộc tấn công pháo kích vào trung tâm Sài Gòn mà ông đã đề xuất vài giờ trước đó. Nếu người Mỹ không rút lui trước khi trời tối, ông sẽ khiến họ phải trả giá đắt cho sự lừa dối của mình.

Ngay cả khi thông điệp của Dũng được truyền đến chỉ huy tiền phương của ông tại Biên Hòa và Nhơn Trạch, một vài đồng nghiệp và tôi đang xé nát những bản đồ tình hình cuối cùng của tôi và chuẩn bị tấn công vào điện thoại. Không lâu sau đó, khi chúng tôi đang thu dọn những mảnh vụn và nhét chúng vào một túi "đốt", một sĩ quan trạm, mặt tái mét và run rẩy, lao vào và đưa cho tôi một mảnh teletype nhỏ. Đó là bản sao của một báo cáo tình báo được nộp ngay trước đó. Khác với hầu hết những báo cáo khác mà chúng tôi đã nhận được trong vài giờ qua, báo cáo này đề cập đến điều gì đó hơn cả các động thái quân sự chiến thuật của quân BV. Nó thông báo bằng cú pháp lộn xộn của tiếng Việt dịch rằng các xạ thủ BV đang chuẩn bị bắn 200 phát pháo 130mm vào Dinh Độc Lập vào đúng 6 giờ chiều, giờ Sài Gòn - còn

hơn sáu giờ nữa. Tôi nhìn chằm chằm vào văn bản, không thể nào tin nổi. Hai trăm phát đạn 130mm không chỉ biến Dinh thành một hố sâu dưới đất, mà còn xóa sổ cả Đại sứ quán Mỹ và Pháp. Khi tôi đọc lại báo cáo lần thứ ba, chân tôi đã bắt đầu run lên. Tôi lao xuống hành lang, trượt vào văn phòng của Polgar qua những thư ký đang ngạc nhiên, và đẩy văn bản vào mũi Polgar. Ông ta nhìn chằm chằm vào nó một lúc, đôi mắt ông ta mở to sau cặp kính dày. "Đến Tòa Đại sứ !" ông ấy nói khàn khàn, đẩy nó trở lại tay tôi. "Ngay Bây giờ !"

Tôi lao xuống cầu thang lên tầng ba và chạy dọc theo hành lang nội bộ đến phòng của Đại sứ. Martin đang đứng ở bàn tiếp tân của Eva Kim trong khu vực tiếp tân. Tôi vẫn còn thở hổn hển khi anh ấy đọc tài liệu. Biểu cảm của anh ấy

không thay đổi. Anh ấy nhún vai, đưa lại cho tôi mà không nói một lời.

Trở lại tầng sáu, tôi thở hổn hển kể cho Polgar những gì đã xảy ra. "Đưa Timmes đến đây," ông ấy nói. "Anh ấy sẽ gọi cho 'Big' Minh và bảo anh ấy truyền đạt cho những người cộng sản không được tiếp tục bắn phá." Vài phút sau, Timmes bước vào. Anh ta trao đổi ngắn gọn với Polgar, rồi cầm điện thoại lên và bắt đầu quay số.

Hầu như tình cờ, Đại sứ Martin nhận được một cuộc gọi khẩn cấp từ Kissinger. Tùy chọn "đến cùng cực" đã bị loại bỏ, ông nói với Đại sứ. Tất cả người Mỹ, bao gồm 150 người cốt cán và cả Martin, đều phải rời Sài Gòn trước khi trời tối. Rõ ràng là báo cáo về việc bắn phá hoặc một số thông tin nghiêm túc khác đã cuối cùng thuyết phục Washington rằng

sự hiện diện của người Mỹ ở Việt Nam không còn khả thi nữa.

Khi Garrett, trưởng phòng an ninh của Đại sứ quán, được thông báo về sự thay đổi kế hoạch, ông quyết định chống lại bộ máy quan liêu. Ngay cả khi quân đội tin rằng tất cả người Mỹ có thể được đưa ra qua DAO, ông thì không. Đại sứ quán cũng phải được trang bị để xử lý trực thăng. Cây me lớn trong sân phải bị chặt bỏ.

Vào khoảng giữa trưa, Đại tá John Madison và bốn thành viên khác của phái đoàn Mỹ đến Đội Quân sự Liên hợp đã đẩy qua cổng khu giải trí của Đại sứ quán và lội vào đám đông đang xôn xao. Đại úy Stuart Herrington, một sĩ quan trẻ tóc vàng trong quân đội với khả

năng ngoại ngữ và hồ sơ chiến đấu xuất sắc, đã bị sốc bởi những gì anh thấy. Bọn cướp đã đột nhập vào kho rượu của nhà ăn và đang uống rượu Pinot Chardonnay trong bãi đậu xe.

Bên trong khuôn viên Đại sứ quán, các lính thủy đánh bộ đang di chuyển chiếc xe limousine cuối cùng của Bộ Ngoại giao qua đám đông ở cổng chính. Những người khác đang chặt cây lớn ở giữa bãi đậu xe, những mảnh gỗ bay xung quanh họ như mảnh đạn.

Jim Devine đã thông báo cho Madison và các đồng đội của anh ta về các chỉ thị mới nhất từ Washington. Một cuộc sơ tán toàn diện đã được thực hiện. Lehmann có trách nhiệm tổng thể trong việc sơ tán Đại sứ quán ; Jay Blowers từ bộ phận chính trị-quân sự sẽ xử lý các chi tiết hoạt động. Madison nhìn Blow-

ers từ đầu đến chân và ngay lập tức tình nguyện giúp đỡ anh ta.

Vài phút sau, khi Herrington đi lang thang trở lại sân trong, ông đã lấy ra một vài ổ khóa từ ba lô của mình. Như một cú đấm đầu tiên của mình để thiết lập trật tự và kỷ luật tại Đại sứ quán, ông sẽ khóa những tủ rượu trong khu giải trí và ném các chai rượu qua tường.

*

Khi buổi sáng nhanh chóng trôi qua, Pittman và tôi đi xuống tầng ba để kiểm tra tình trạng sơ tán. Khi chúng tôi bước vào văn phòng của Jacobson, những hàng ảnh chụp ông trong các tư thế thân mật với những nhân vật nổi tiếng và ít nổi tiếng của Việt Nam vẫn còn bám chặt

vào tường như một ký ức không thể phai mờ. Jacobson, tự mình mặc như thường lệ trong chiếc áo sơ mi sọc xanh, đang cúi người qua một điện thoại bảo mật nói chuyện với các điều phối viên bay tại DAO. Khi anh ta cúp máy, Pittman hỏi anh ta nghĩ rằng cuộc sơ tán sẽ kéo dài bao lâu. Jacobson lắc đầu. "Tôi chỉ là cảnh sát giao thông," anh ta nói. "Đi hỏi Wolf Lehmann." Ông ấy chắc biết."

Lehmann, điềm tĩnh và không hề nao núng trong bộ vest đan bông màu xám xanh, không có câu trả lời nào tốt hơn. "Tại sao bạn không lên tầng bốn và hỏi những người ở trung tâm sơ tán," ông ấy nói với chúng tôi.

"Nhưng, ông Lehmann," tôi đáp, "không còn trung tâm sơ tán nào ở tầng bốn nữa." Mọi người đều lo cho bản thân mình.

"Nghe này," Pittman ngắt lời. "Chúng ta phải biết còn bao nhiêu thời gian nữa." Sẽ mất ít nhất ba giờ để phá hủy phần lớn thiết bị vô tuyến của chúng ta, và nếu việc sơ tán sắp kết thúc, chúng ta phải bắt đầu ngay bây giờ.

"Tôi chỉ không biết," Lehmann lắp bắp. "Chúng ta có thể còn một nghìn, hai nghìn hoặc thậm chí mười nghìn người Mỹ nữa cần sơ tán, theo như tôi biết." Sử dụng phán đoán của bạn." Với điều đó, ông ra hiệu cho chúng tôi rời khỏi văn phòng của ông. Khi chúng tôi đi qua phòng chờ của Đại sứ, một người trong đám đông nhỏ đang tụ tập ở đó đã nâng ly chúc mừng chúng tôi. Những người được ưu ái sẽ được chia sẻ sự hiện diện của Đại sứ trong vài giờ tới đã mở một chai rượu whisky.

Ngay khi chúng tôi bước ra khỏi

phòng chờ của Martin, Alan Carter, giám đốc USIA, vấp ngã đi ngang qua chúng tôi. Ông ta bơ phờ và thở hổn hển, bộ râu muối tiêu của ông ta lấp lánh mồ hôi. Ông vừa lái xe qua năm khối phố đầy căng thẳng từ khu phức hợp USIA trên phố Lê Quý Đôn. Ông không muốn đến đây - vẫn còn hàng trăm người Việt Nam bị nhồi nhét trong khuôn viên đó và chỉ có ông cùng hai người Mỹ khác để giữ họ bình tĩnh cho đến khi xe buýt đến - nhưng Lehmann đã không cho ông lựa chọn nào khác. "Đi ngay đến Đại sứ quán !" Một tình huống khẩn cấp !" Lehmann đã hét vào điện thoại với anh ta, và lần này Carter đã tuân theo một cách nghiêm túc.

"Có chuyện gì đang xảy ra vậy ?" anh ta gầm gừ với trợ lý của Martin, Brunson McKinley, khi viên chức trẻ tuổi của Bộ

Ngoại giao ném thêm một túi "đốt" vào đống ở giữa phòng. McKinley nói rằng anh ta không chắc ; có vẻ như mọi người đều đang rời đi. Ông ấy gợi ý Carter kiểm tra với Lehmann.

"Ôi, bạn không biết sao ?" Lehmann lắp bắp khi Carter cuối cùng đã dồn ông vào chân tường. "Chúng tôi đều đang sơ tán."

"Chết tiệt, Wolf !" Carter quát. "Đó có phải là lý do bạn gọi tôi đến đây không ?" Bạn không biết tôi vẫn còn người Việt trong khuôn viên của mình và chỉ có hai nhân viên để trông coi họ sao ? Bạn nên để tôi yên."

Lehmann thẳng người lên. "Hai nhân viên ?" ông ta nói một cách lạnh lùng. "Được rồi, hãy mang họ tới đây luôn. " Ông không đề cập gì đến người Việt.

Carter giơ tay lên. “Làm thế quái nào tôi có thể đưa họ đến đây, Wolf ?” anh ta kêu lên. “Các con phố đang hỗn loạn và những người dân trong khu của tôi sẽ phát điên nếu họ phát hiện ra rằng họ đang bị bỏ rơi.”

Vào lúc đó, Lacy Wright bước vào và hỏi bằng giọng điệu nhẹ nhàng như thường lệ xem có điều gì anh ấy có thể làm không. Carter nhìn anh ta và đặt tay lên vai anh ta. «Có lẽ bạn có thể cho tôi biết, Lacy, làm thế nào tôi có thể đưa hai người của mình từ Lê Quý Đôn đến đây.»

“Chắc chắn rồi,” Wright trả lời. “Tôi sẽ lái xe qua và đón họ.” Carter không phản đối. Vài tháng sau, khi được hỏi tại sao anh ta, chứ không phải Carter, đã thực hiện chuyến đi, viên chức trẻ của Bộ Ngoại giao chỉ nhún vai. “Tôi đoán Carter nghĩ rằng ở đó nguy hiểm hơn

nhiều so với thực tế." Nhưng bạn phải nhớ rằng. Điều kiện luôn thay đổi liên tục. Có thể ông ấy đã đi qua thành phố vào một thời điểm không tốt và cho rằng mọi nơi đều như vậy. Dù sao đi nữa, tôi vừa mới ra ngoài và biết rằng không phải như vậy.»

Trong vòng hai mươi phút tiếp theo, Wright đã điều khiển chiếc Toyota của Eva Kim qua dòng xe cộ đến khuôn viên USIA trên đường Lê Quý Đôn. John Swenson và Ken Jackson, hai nhân viên của Carter, đang chờ anh ở cổng. Hàng trăm người Việt Nam trong sân lao theo họ khi họ chạy về phía xe.

Ở Washington lúc này đã quá nửa đêm. Tổng thống Ford, mệt mỏi và căng thẳng sau một ngày dài, lên giường và

với tay về phía bàn cạnh giường lấy đồ uống trước khi đi ngủ như thường lệ : một cốc sữa bơ ấm.

Ở dưới, Kissinger vẫn đang đọc qua các báo cáo từ mặt trận. Theo báo cáo mới nhất từ văn phòng của Smith, quân đội Sài Gòn đang sụp đổ và bộ chỉ huy của họ không còn tồn tại.

Thực tế, trụ sở của Bộ Tổng tham mưu liên quân ở ngoại ô Tân Sơn Nhất giờ đây gần như đã bị bỏ hoang. Không quân trưởng Kỳ lang thang một mình qua những hành lang đầy rác rưởi, tìm kiếm Tướng Khuyên, tham mưu trưởng sắp mãn nhiệm. Kỳ đã gửi vợ và gia đình mình ra khỏi Sài Gòn sáng hôm đó và bây giờ (như ông đã kể lại sau này) muốn lái một chiếc máy bay lên thực hiện một cuộc không kích cuối cùng chống lại kẻ thù. Nhưng Khuyên đã biến mất, và khi

Kỳ gọi điện đến văn phòng của tư lệnh không quân, anh được cho biết mọi người đã rời bỏ đến Đà Nẵng. Khi ông tắt máy, Tướng Ngô Quang Trưởng, cựu tư lệnh MR 1, giờ đây là một người đàn ông cay đắng và tan vỡ, ngã khuỵu vào phòng tác chiến. «Tôi không biết phải làm gì nữa,» ông thở dài. Kỳ gật đầu, đặt tay lên vai Trưởng. "Đi theo tôi," ông nói. Họ bước ra khỏi tòa nhà trụ sở, leo lên trực thăng riêng của Kỳ, và bay đến USS Midway ở Biển Đông.

Tại khuôn viên DAO, một nhân vật nổi bật khác của quân đội Việt Nam đang đến thăm lần cuối cùng Đại tướng Smith. Ông đứng trước người Mỹ, trong bộ quân phục được là phẳng phiu, những huy chương chiến dịch lấp lánh trên ngực. Sau đó, Tướng Phạm Văn Phú, người đã đầu hàng vùng cao nguyên mà

không chiến đấu và đã bỏ rơi chỉ huy của mình đến chỗ diệt vong, thực hiện một cái chào chậm rãi và trang trọng, quay gót lại và bước ra ngoài. Ông đã yêu cầu Tướng Smith di tản một số thành viên trong gia đình mình. Ông không yêu cầu gì cho bản thân mình. Một lúc sau, Phú đã bắn một viên đạn vào đầu.

Tại trung tâm thành phố, Tổng thống Minh nhìn một cách buồn bã vào đồng chí cũ của mình, Đô đốc Diệp Quang Thủy, tham mưu trưởng hải quân, và bắt tay ông lần cuối cùng. Thủy đã đến cầu xin ông rời khỏi thành phố cùng với hạm đội hải quân đang đón hành khách tại bến cảng. Minh nói không, ông phải ở lại đến cùng, nhưng ông đã thúc giục Thủy - ra lệnh cho anh - phải tự cứu mình và những người khác trong bộ tư lệnh hải quân. Nếu người Mỹ sẵn lòng tiếp nhận

họ, họ nên lên đường ngay lập tức. Thủy gật đầu, chỉnh lại áo, và chào vị tư lệnh cuối cùng của mình.

Khi John Swenson và Ken Jackson bước vào phòng Tổng Lãnh sự, họ thấy sếp của mình, Carter, đang nói chuyện điện thoại. Ông ấy đang nói chuyện với Mel Chatman trong văn phòng của Giám đốc Nhiệm vụ ở phía bên kia bãi đậu xe của Đại sứ quán. "Có hàng trăm người Việt Nam ở khuôn viên USIA," Carter đang nói. "Làm thế nào chúng ta có thể di chuyển họ ?"

"Có người Mỹ nào trong số họ không ?" Chatman hỏi.

"Không còn nữa," Carter nói, liếc nhìn những người mới đến. Chatman

do dự. “Chà, chúng tôi sẽ cố gắng đưa một số xe buýt đến đó khi có thể.” Carter hỏi liệu anh có nên tự mình quay lại khu phức hợp không. Chatman khuyên không nên làm vậy.

Pittman đi lang thang qua vài phút sau đó và nói với ai đó rằng các xà lan đã bắt đầu chất hàng. «Các xà lan !» Carter kêu lên. «Các xà lan nào ?» Đó là lần đầu tiên anh ta nghe thấy chúng. Một trong những trợ lý của Đại sứ đã thông báo cho anh ta, thêm rằng các tàu sẽ khởi hành không muộn hơn 3 giờ chiều.

Carter ngay lập tức gọi điện đến khuôn viên của mình và hỏi nhân viên người Việt Nam đã trả lời xem xe buýt đã đến chưa. Người Việt Nam đang khóc. «Vừa nãy,» ông ấy nói, «nhưng họ bị vây kín.» Không ai trong số nhân viên USIA có thể lại gần họ.

Carter lại liên hệ với văn phòng Giám thị Nhiệm vụ, nhưng được thông báo là không còn xe buýt nào nữa. Ông và các phó của mình sau đó đã thảo luận về các phương án thay thế. Họ có thể gửi nhân viên của mình xuống bến cảng mà không có người hộ tống, nhưng nếu làm vậy, nhóm này có thể bị quay lại ở cổng vào nhà máy hải quân. Hơn nữa, thời gian quá ngắn. Các tàu sẽ rời bến lúc ba giờ. Những người của USIA sẽ không bao giờ đến kịp, không thể đi bộ qua thành phố. Cuối cùng Carter quyết định ra lệnh cho nhóm di chuyển đến nơi cư trú của ông, chỉ cách Đại sứ quán vài dãy phố. Một đoàn xe buýt có thể vượt qua khoảng cách đó.

Nhưng khi Carter gọi lại cho Mel Chatman và phác thảo ý tưởng, anh lại

được trả lời, «Không có xe buýt nào khả dụng.»

Trong phần lớn buổi sáng, Larry Downs và các đồng nghiệp CIA của anh ở thành phố Cần Thơ đã điều hành một chuyến trực thăng tạm thời từ một cánh đồng lúa ở rìa thành phố. Cứ vài phút lại có một trực thăng của Air America bay đến từ đội bay, đón một nhóm nhân viên địa phương và đưa họ lên tàu hoặc xuống Phú Quốc, theo như Tổng lãnh sự MacNamara đã cho phép vào ngày hôm trước.

Tuy nhiên, một số phi công đã bắt đầu càu nhàu. Họ có thể nghe thấy những cuộc trò chuyện qua kênh từ Sài Gòn trên vô tuyến và rất háo hức muốn tham gia vào cuộc vui.

Ngay sau khi Lựa chọn IV được ra lệnh, Jacobson đã gọi điện cho lãnh sự quán từ Sài Gòn, chỉ đạo MacNamara thực hiện kế hoạch sơ tán bằng đường thủy của ông, và khăng khăng yêu cầu tất cả các trực thăng phải được chuyển hướng ngay lập tức đến thủ đô.

MacNamara vừa mới đặt ống nghe xuống thì đã bắt đầu ra lệnh. «Tập hợp nhân viên !» Chuẩn bị thuyền ! Một trong những đồng nghiệp của ông có một hình ảnh thoáng qua về Tướng Patton vào đêm trước cuộc tấn công Bastogne.

Khi MacNamara bước vào phòng họp báo của lãnh sự quán, anh ta thực sự có phần giống với ông Patton già. Ông ta mặc một chiếc áo sơ mi bush được may đo riêng, một khẩu súng tự động 45 bên hông, và một chiếc mũ bảo hiểm được chế tạo đặc biệt theo yêu cầu của ông.

Chiếc mũ bảo hiểm có lẽ là phần nổi bật nhất trong trang phục của ông ; nó bóng loáng màu đen, với một dây đeo bằng da và một ngôi sao vàng duy nhất ở phía trước như một biểu tượng của cấp bậc. Một số nhân viên của ông ta cảm thấy xấu hổ ngay khi nhìn thấy nó.

Nhưng MacNamara không quan tâm đến những cảm xúc như vậy trong hàng ngũ. Bây giờ ông chỉ lo công việc. Dễ dàng đảm nhận vai trò chỉ huy hiện trường, anh ta thông báo mệnh lệnh đầu tiên trong ngày : việc vận chuyển bằng trực thăng của Downs sẽ bị hủy, và mọi người sẽ tập trung tại bến tàu trên sông Bassac trong một giờ. Hai chiếc thuyền «mike» chạy bằng động cơ, mỗi chiếc có sức chứa 300 hành khách, sẽ chờ sẵn để đưa họ lên. Bất kỳ hành khách nào quá số lượng có thể được đưa lên một chiếc

xà lan gạo cũ và năm chiếc thuyền Boston của CIA.

Tom Franklin, phó của Downs, đã ngắt lời với một gợi ý : «Thế còn việc gửi một số phụ nữ và trẻ em Việt Nam ra ngoài cùng những chiếc trực thăng cuối cùng thì sao ?» MacNamara lắc đầu. «Mọi người hãy ra thuyền đi», ông nhấn mạnh. Nói xong, ông kết thúc cuộc họp.

Franklin và Downs ngay lập tức báo động cho năm nhân viên còn lại của họ. Tất cả trừ nhân viên truyền thông của họ đều phải lái xe ngay lập tức đến khu vực hậu cần. Người phát thanh viên sẽ gia nhập cùng họ ở đó khi thiết bị liên lạc của lãnh sự quán đã bị phá hủy.

Mọi người dường như đã hiểu rõ về quy trình. Nhưng sau đó, người liên lạc đã quên chi tiết quan trọng nhất : điểm

hẹn. Sau khi phá hủy thiết bị radio, anh ta lao xuống phố, đón bạn gái người Việt và gia đình cô ấy, và sau đó, thay vì đến khu vực hậu cần, anh ta quay trở lại lãnh sự quán. Vài phút sau, phó của MacNamara, Hank Cushing, thấy anh ta đang khóc lóc ở một góc, đau khổ vì bị các đồng nghiệp CIA «bỏ rơi». Cushing kéo người đàn ông đứng dậy và chỉ cho anh ta hướng đến bến tàu.

Khi Tom Franklin điều khiển chiếc jeep của mình qua những đám xe buýt và xích lô ở trung tâm Cần Thơ, anh bật radio cầm tay và gọi cho một trong những chiếc trực thăng đang đến. «Đừng vào đây,» anh ta nói với người CIA trên máy bay. «Chúng tôi sẽ ra ngoài theo cách đã định trước.» Quay trở lại tàu.» Viên sĩ quan ở đầu dây bên kia đáp lại một cách ngắn gọn : «Roger.» Nhưng vài phút sau,

Franklin tình cờ nghe được viên sĩ quan đó trao đổi với người kiểm soát trên tàu rằng trực thăng sẽ hạ cánh ở Cần Thơ để tiếp nhiên liệu. Franklin đã liên lạc với Downs tại khu vực hậu cần qua vô tuyến và khuyên ông ấy thu xếp một số hành khách. Ít nhất thư ký và một hoặc hai sĩ quan lớn tuổi có thể được được đi trên chiếc «Nữ hoàng châu Phi» của MacNamara.

Khi Tổng Lãnh sự đến bến cảng, đã có hơn 200 người Việt Nam và hầu hết nhân viên lãnh sự mười tám người của ông có mặt. Mặc dù chưa có ai trong phái đoàn CIA xuất hiện, ông vẫn quyết định bắt đầu chất hàng. «Không có thời gian để lãng phí,» anh ta gầm gừ với một cấp dưới.

Nhưng khi các hành khách bắt đầu xếp hàng trên bến cảng, MacNamara

phát hiện rằng Downs và những người của ông không phải là những người vắng mặt đáng chú ý duy nhất. Những tài công người Việt mà ông đã thuê để đưa đoàn tàu ra sông Bassac không thấy đâu cả. Một số người Mỹ bắt đầu loay hoay với các đồng hồ đo xăng và các núm điều chỉnh, cố gắng tìm cách để khởi động các chiếc thuyền. «Chúng tôi chỉ cầu nguyện và nhấn nút khởi động,» một trong những viên chức lãnh sự trẻ tuổi nhớ lại. «May mắn thay, mấy cái máy chết tiệt đó đã khởi động.»

Gần trưa thì những người sơ tán cuối cùng mới lên tàu. Mac- Namara vẫn chưa nghe tin gì từ Downs hay các nhân viên CIA khác, nhưng cảm thấy không thể trì hoãn thêm được nữa. Chắc chắn rằng ông sẽ thấy họ đợi ông ở hạ lưu với những chiếc thuyền cá voi của họ, như kế

hoạch sơ tán của ông đã chỉ định. Dù sao đi nữa, đã đến lúc phải lên đường. Vài phút sau, khi đoàn tàu nhỏ nhích ra giữa kênh, Tom Franklin đã liên lạc được với MacNamara qua radio. Anh ấy gần như không thể tin vào những gì Tổng Lãnh sự nói với anh : những chiếc thuyền đã lên đường rồi ! «Ít nhất ông ấy cũng có thể đợi để biết chúng tôi có an toàn không !» Franklin sau đó nhận xét một cách chua chát.

Việc MacNamara rời bỏ đã để lại cho các nhân viên CIA tự lo liệu cho bản thân. Franklin ngay lập tức ra lệnh khôi phục hoạt động trực thăng và yêu cầu thêm một vài chiếc nữa để đưa những nhân viên Việt Nam cuối cùng của căn cứ ra ngoài.

Trong khi đó, chiếc trực thăng đang trên đường vào để tiếp nhiên liệu đã gặp

rắc rối. Khi nó lơ lửng vào nhà ga Air America, vài kẻ lạ mặt có vũ trang lao ra từ phía sau một nhà chứa máy bay và ra hiệu cho nó rời khỏi các trạm bơm nhiên liệu bằng súng. Phi công, nhớ đến một bơm phụ ở kho hàng gần đó, đã hướng đến đó. Sau khi đổ xăng ở đó, anh ta quay chiếc máy bay lại, đón Downs, Franklin và một số người khác tại khu vực logistics, rồi hướng về bờ biển.

Khi chiếc trực thăng lượn lên trên dòng sông, Franklin nhìn thấy những chiếc thuyền «mike» của MacNamara ở giữa dòng. Anh ấy đã phát tín hiệu xuống để đảm bảo rằng người thông tin liên lạc của CIA đã có mặt trên tàu và hỏi xem họ có cần giúp đỡ không. MacNamara trấn an anh ta rằng người phát thanh viên vẫn ổn, và mọi thứ khác cũng đang được kiểm soát tốt. Không cần giúp đỡ.

Nhưng rõ ràng MacNamara đã nói quá sớm. Trong vài phút tiếp theo, một số tàu tuần tra của hải quân Việt Nam đã lao xuống đội tàu ọp ẹp của ông như những con chim săn mồi, súng máy của họ xé nước bên phải và bên trái. Chỉ huy của chiếc thuyền đầu tiên, Chuẩn tướng Thắng từ Cần Thơ, ra lệnh cho MacNamara dừng lại và chuẩn bị lên tàu. Cách đó vài trăm feet, trực thăng Air America của Downs đang cố gắng tăng độ cao. Vài trăm feet phía trên, trực thăng Air America của Downs cố gắng đạt độ cao.

Thắng chen lấn qua những hành khách hoảng sợ trên chiếc thuyền của MacNamara và đứng vững trước mặt Tổng Lãnh sự. Tư lệnh QK 4, Tướng Nam, ông nói, đã chỉ thị cho ông chặn tàu di tản để đảm bảo không có lính đào ngũ trên tàu. Trái tim MacNamara chùng

xuống khi nghe điều đó, vì nhiều người sơ tán xung quanh anh thực sự là sĩ quan quân đội trong trang phục dân sự.

Nhưng ngay khi anh ta sắp đưa ra một phản đối ngu ngốc nào đó, Thắng bỗng nở một nụ cười rộng, hoàn toàn bất ngờ. «Đừng lo lắng,» anh ta tiếp tục, «tôi thấy không có nhân viên quân đội ở đây.» Sau đó, anh ta bắt tay MacNamara và trèo lên chiếc thuyền tuần tra của mình. Khi lực lượng hải quân nhỏ rời đi, MacNamara chỉnh lại mũ bảo hiểm và thở phào nhẹ nhõm. Vài ngày trước, ông đã giúp sơ tán một số thành viên trong gia đình của Thắng đến Sài Gòn. Rõ ràng là người lính hải quân đã quyết định trả ơn bằng cách không nhìn quá kỹ vào nhóm người tị nạn hiện tại của MacNamara.

Trong khi đó, theo sự thúc giục của các nhân viên CIA trên trực thăng phía trên, Hải quân Hoa Kỳ đã điều động một số máy bay Phantom để đến cứu Mac-Namara. Nhưng khi những chiếc máy bay chiến đấu của Mỹ bay qua sông Bassac, những chiếc thuyền của Tổng Lãnh sự đã lại tiếp tục hành trình, từ từ nhưng chắc chắn lướt qua dòng sông bị bùn lấp đầy để ra biển.

36. Buổi chiều

Đô đốc Donald Whitmire là một người khổng lồ. Khổng lồ, cơ bắp, bụng phệ tràn ra ngoài biểu tượng Hải quân trên thắt lưng, ông trông giống như một tiền vệ già nua hơn là chỉ huy của một lực lượng hải quân tinh nhuệ đang đứng bên bờ chiến tranh. Bất chấp vẻ bề ngoài, ông đã thực hiện nhiệm vụ của mình cho đến nay với tất cả kỹ năng và sự cống hiến mà Hải quân nổi tiếng. Ông đã cứu người Việt Nam trên biển, lắp ráp máy bay và tàu chiến, và giữ vững kỷ luật của binh lính trong những hoàn

cảnh khó khăn và nhạy cảm nhất. Đối với những cấp dưới trực tiếp của ông trên tàu Lực lượng Đặc nhiệm ‹76, ông là hình mẫu điển hình của một chỉ huy hiệu quả trên biển.

Tuy nhiên, vào buổi sáng ngày hai mươi chín, kỹ năng và hiệu quả mà ông đã thể hiện một cách hoàn hảo đến nay đã gặp phải hoàn cảnh không thuận lợi. Vấn đề phát sinh từ sự nhầm lẫn xung quanh chính cuộc khủng hoảng. Cho đến vài giờ trước, Lựa chọn IV, «Gió Thường Xuyên», dường như là một tình huống xa vời chỉ được thực hiện nếu tất cả các cuộc thao túng chính trị đều thất bại. Vì vậy, khi vào lúc 10:51 Tổng thống thực sự đã khởi động việc vận chuyển bằng trực thăng, Whitmire và các đồng đội của ông chưa hoàn toàn chuẩn bị cho điều đó. Trước khi một chiếc trực thăng

quân sự nào có thể được gửi vào Sài Gòn, tất cả tám mươi mốt chiếc trên tàu phải được kiểm tra chéo để chuẩn bị cất cánh, lính thủy đánh bộ đã lên tàu, và các máy bay chiến đấu phải được gọi từ Thái Lan.

Sau đó, cũng có một câu hỏi về việc chính xác khi nào việc phóng tên lửa sẽ diễn ra. Ở đâu đó giữa Washington và chính lực lượng đặc nhiệm, các thông điệp đã bị lộn xộn và các chỉ thị bị nhầm lẫn. Khi Kissinger nói với Martin rằng việc sơ tán sẽ bắt đầu lúc 11:51 – một giờ sau khi lệnh thực hiện được ban hành – ông ấy đang tính toán dựa trên giờ Washington, giờ chuẩn Greenwich hay giờ Sài Gòn ? Không ai trong lệnh của Whitmire dường như hoàn toàn chắc chắn. Do đó, đến trưa mười hai giờ, không một chiếc trực thăng quân sự nào đã rời khỏi cho đến lúc này để đến Sài Gòn.

Martin gọi trực tiếp cho Gayler và yêu cầu một lời giải thích. Điều đó rõ ràng đã kích hoạt cỗ máy. Mười lăm phút sau, các lính thủy đánh bộ trên tàu được lệnh lên đường. Vào khoảng 12:30 trưa, đợt đầu tiên gồm ba mươi sáu máy bay trực thăng hạng nặng rời khỏi boong tàu USS Hancock cùng với một số trực thăng chiến đấu Cobra bay hộ tống. Một phút sau, những chiếc máy bay chiến đấu Phantom đầu tiên từ các căn cứ ở Thái Lan đã vượt qua không phận Việt Nam để cung cấp thêm sự bảo vệ.

Đến giờ, đã một tiếng rưỡi trôi qua kể từ khi Tổng thống yêu cầu thực hiện Lựa chọn IV. Sự chậm trễ có thể không nghiêm trọng đến vậy, ngoại trừ hai rắc rối khác. Vì lo ngại về sự nhạy cảm của các nước cộng sản, Lầu Năm Góc đã chỉ đạo Whitmire giữ tàu của ông cách xa giới

hạn mười hai dặm hợp pháp của Nam Việt Nam. Thời gian bay vào Sài Gòn do đó đã được kéo dài đến bốn mươi phút hoặc hơn. Ngoài ra, Whitmire đã làm phức tạp thêm vấn đề của mình vào phút chót bằng cách khăng khăng đòi thêm thời gian để hoàn tất các chuẩn bị cho việc vận chuyển bằng trực thăng. Ngay cả sau khi làn sóng trực thăng đầu tiên cất cánh, ông vẫn gửi lời cho các chỉ huy phi đội của mình rằng các cuộc đón đầu tiên sẽ bị hoãn đến hai giờ.

Kissinger đã đánh thức Tổng thống Ford trước 1:00 A.M., giờ địa phương, để làm rõ nội dung của một thông báo báo chí đề xuất về việc sơ tán. Ông cũng đã thông báo cho Tổng thống về sự chậm trễ trong thời gian khởi động. Trên bãi cỏ Nhà Trắng, trong Tòa nhà Văn phòng

Điều hành, các trợ lý và thư ký đang bận rộn gọi điện cho các Thượng nghị sĩ và Hạ nghị sĩ nổi tiếng để thông báo trước cho họ.

Ở Sài Gòn, ít người trong số chúng tôi tại Đại sứ quán biết rằng Phương án IV thậm chí đã ở số một, chứ đừng nói đến việc gặp khó khăn. Martin và các nhân viên cấp cao của ông giờ đây quá bận tâm với các vấn đề trước mắt là thu thập và di chuyển người đến các điểm tập trung thích hợp, họ quên mất việc thông báo cho những người còn lại trong chúng tôi.

Sự chú ý của tôi vẫn gần như hoàn toàn tập trung vào các báo cáo tình báo vẫn đang nhỏ giọt vào văn phòng của tôi. Tôi cẩn thận xem xét từng báo cáo, hy vọng tìm thấy bằng chứng nào đó rằng cuộc tấn công pháo binh đã được hủy

bỏ. Sự chăm chỉ của tôi đã bị lãng phí. Hình ảnh xuất hiện trên các tờ báo Manila cho thấy sự phá hủy có hệ thống các tuyến phòng thủ bên ngoài thành phố.

Ngay sau buổi trưa, một nguồn tin đáng tin cậy xác nhận rằng hai sư đoàn BV đã chiếm đóng tỉnh Tây Ninh, cô lập và bao vây sở chỉ huy của Sư đoàn 25 VNCH tại Củ Chi. Ở nơi khác, các lực lượng chính phủ khác đang chạy trốn vô vọng từ vị trí này sang vị trí khác, như những con cua trong thủy triều lên. Chỉ có các đơn vị VNCH ở phía tây nam là đang chiến đấu một cách nào đó. Hai trung đoàn của Sư đoàn 22, đã bị tiêu diệt ở QK 2 bốn tuần trước và được phục hồi trong vài ngày qua, vẫn đang giữ một tuyến phòng thủ lỏng lẻo ở các vùng ngoại ô phía nam Sài Gòn.

Trong một văn phòng cách văn

phòng của tôi vài cánh cửa, Tướng Timmes đang bối rối trước một thông điệp vừa được phát trên Đài phát thanh Sài Gòn, một lời kêu gọi từ Thủ tướng mới, Vũ Văn Mẫu, kêu gọi tất cả người Mỹ rời Sài Gòn ngay lập tức. Chưa đầy một giờ trước, chính Tổng thống Minh, trong cuộc gặp cuối cùng với Timmes, đã chỉ nhấn mạnh đến việc rút lui ngay lập tức của DAO. Bây giờ, rõ ràng là ông ta đang tìm cách đạt được lợi thế chính trị tối đa với cộng sản bằng cách đóng cửa với tất cả chúng ta.

Timmes vội vàng chạy lên văn phòng của Polgar để báo cho ông ta biết về sự thay đổi, nhưng hầu như không thể có được hai phút trò chuyện với ông ta. Trưởng đồn lúc này hoàn toàn đắm chìm vào chuyến hành trình của ba mươi người Việt Nam được ông sủng ái.

Khoảng mười hai giờ ba mươi, Út, tài xế dũng cảm của Polgar, đã phát đi báo cáo tiến độ đầu tiên từ điểm hẹn tại tòa nhà căn hộ của tôi tại công trường Chiến Sĩ. Vâng, có một chiếc trực thăng trên mái nhà, anh ấy đã khẳng định với chúng tôi. Ông ấy có thể nhìn thấy nó. Nhưng cả anh ta lẫn ba mươi người Việt Nam đi cùng đều không thể vượt qua cổng chính. Hơn 300 người khác muốn sơ tán đang đi lại bên ngoài. Nếu cánh cổng được mở, tòa nhà sẽ bị tràn ngập.

Polgar nhìn chằm chằm vào loa radio. Ông có vẻ như đang chớp mắt để xua đi những giọt nước mắt. Cuối cùng, anh ấy quay lại và lê bước trở về văn phòng của mình. Có một chai cognac trên bàn làm việc của ông. Ông cầm lấy và uống. Một số sĩ quan khác bên ngoài phòng chờ đã

bắt chước và bắt đầu lấy ra những chai Scotch và cognac mà Đài thường giữ để đãi các mối quan hệ ở Dinh vào những ngày tốt đẹp hơn.

Nhìn chằm chằm một cách thận trọng vào 3.000 người Việt Nam đang nóng bức xung quanh mình, Don Hays cảm thấy nổi bật và dễ bị tổn thương như một người dẫn đường trong một cuộc tuần tra dài hạn. Anh ta, hai người Úc và một đại tá Không quân giờ là những người phương Tây duy nhất còn lại ở trung tâm xử lý.

Mặt trời chỉ mới qua đỉnh điểm giữa trưa và khu vực tập trung không có bóng râm đang lung linh với hơi nóng bốc lên như một ảo ảnh ở Sahara. Hays thò tay vào túi sau, lấy ra một chiếc khăn tay. Một

trong những nguy hiểm của việc hói đầu sớm, anh ta suy nghĩ một cách không vui vẻ khi quấn khăn quanh đầu : điều cuối cùng anh ta cần vào lúc này là một vết cháy nắng độ hai dọc theo đường chân tóc. Những người Việt Nam chen chúc xung quanh anh ta đang đổ mồ hôi như anh ta và lầm bầm đòi nước. Lần cuối cùng các nguồn cung cấp được rút cạn cách đây vài phút, và một nhóm lính dù Việt Nam vừa phá vỡ hàng rào và đang lục lọi các kho thực phẩm còn lại trong đường bowling. Mấy cái trực thăng chết tiệt đâu rồi ?

Đột nhiên, từ hướng những túp lều Quonset ở phía bên kia của khuôn viên, tiếng ho khan lặp đi lặp lại của một khẩu M-16 vang lên trên những tiếng thì thầm của đám đông. Những mảng đất nhỏ nở ra thành một đường thẳng gọn gàng trên

bãi đậu xe khi Hays lao mình sau một thùng thiếc. Người Việt Nam lao xao quanh anh trong cơn cuồng loạn, những tiếng la hét của họ làm át đi tiếng súng nổ. Từ khóe mắt, anh thấy hai sĩ quan Không quân Hoa Kỳ lao ra từ phía sau nhà thi đấu, bắn súng trường từ hông. Ngay khi họ đang chĩa vũ khí vào một trong những mái nhà bên kia khuôn viên, vài viên đạn lạc đã nảy gần khuỷu tay của Hays và anh đã chôn mặt vào cánh tay mình. Khi anh ngẩng đầu lên lần nữa, một lính VNCH duy nhất, tay bắn tỉa, bị thương nặng, đang ngã nhào khỏi mái nhà, khẩu M-16 của anh ta rơi xuống đất chỉ vài giây trước khi anh ta rơi xuống.

Hays cầm một cái loa phóng thanh và loạng choạng đứng dậy. «Giữ bình tĩnh !» «Giữ bình tĩnh !» anh ta hét lên

bằng tiếng Việt với đám đông. «Đã xong rồi.» Người Mỹ sẽ không rời bỏ bạn. Tôi sẽ không rời bỏ bạn.

*

Không xa, đoàn xe của Ken Moorefield đang len lỏi qua cổng chính của Tân Sơn Nhất trên đường trở về thành phố. «Đường phố đông đúc như cà phê Ban Mê Thuột,» anh ấy nhớ lại, «và lực lượng an ninh dọc theo đường Cách Mạng quyết tâm giữ cho giao thông tiếp tục di chuyển ngay cả khi họ phải bắn một số chúng tôi trong quá trình đó.» Đại úy Woods và tôi cố gắng tấp vào lề đường để đón một nhóm hành khách, nhưng một cảnh sát Việt Nam chạy tới và chĩa súng vào thắt lưng tôi. 'Không thể dừng lại !' Không thể dừng lại !» anh ta cứ la hét. Woods đã cố gắng thương lượng với anh ta. Tôi nhảy ra khỏi chiếc jeep của

mình, chạy đến phía trước đoàn xe, và đẩy mọi người đi tiếp. Sau đó, tôi lấy xe công vụ của Woods và hai chiếc xe buýt rồi tiến lên phía trước để toàn bộ đoàn xe không bị kẹt lại. Chỉ vài phút sau tôi mới nhớ ra : tôi đã để lại túi thoát hiểm của mình, với bảy trăm đô la bên trong, trên xe jeep. Không bao giờ thấy nó nữa.

Tôi quay xe đoàn xe hộ tống lại và hướng về phía Tân Sơn Nhất. Nhưng khi chúng tôi đang tiến đến cổng dân sự, một số xe buýt khác chen chúc vào phía trước chúng tôi. Các nhân viên an ninh Việt Nam, có lẽ khoảng nửa trung đội, đã rất phấn khích, khóa chốt và nạp đạn vào súng hướng về phía chúng tôi và bắn vài phát lên không trung. Chà, tôi đã từng đối mặt với vũ khí đã nạp đạn trước đây, nhưng chưa bao giờ ở tình huống mà tôi bị áp đảo về số lượng như vậy. Tôi

đã ra lệnh cho tài xế rời khỏi đó và chúng tôi bắt đầu lao vòng quanh mê cung giao thông ngay bên ngoài cổng. Chúng tôi sắp hết xăng, không thể cho hành khách xuống xe, và tôi không biết chúng tôi sẽ làm gì tiếp theo.»

Bên trong Tân Sơn Nhất, tại trụ sở DAO, Tướng Smith sớm biết về cuộc ẩu đả từ một nhân viên phát thanh vô tuyến với một trong các đoàn xe khác. Ông ta đã tóm lấy chỉ huy căn cứ Việt Nam, người đã lén lút vào tòa nhà tổng hành dinh vài giờ trước, và cảnh báo ông ta rằng nếu không tìm được cách đưa những chiếc xe buýt qua các trạm kiểm soát, ông ta sẽ ném ông ta cho Việt Cộng và gọi không quân tấn công vào lực lượng an ninh ở đó. Viên sĩ quan, rất lo lắng và bối rối, đã phát tín hiệu đến cổng chính và được cho biết rằng trưởng đồn cảnh sát từ một

khu vực gần đó đã ra lệnh phong tỏa sân bay cho đến khi người Mỹ hứa sẽ sơ tán ông và phó của ông. Smith, nghe thấy điều này, lập tức đồng ý.

Khi cánh cổng mở ra, đoàn xe của Moorefield đã đang lăn bánh trở lại Sài Gòn. «Tôi có hai xe buýt đầy người và không có chỗ nào để giấu họ,» ông ấy nhận xét. «Tôi nghĩ có thể tôi sẽ tìm thấy Woods ở một điểm hẹn mà chúng tôi đã thỏa thuận, nên tôi đã đến đó.» Nhưng anh ấy không bao giờ xuất hiện.

Dân cư lúc này thực sự rất căng thẳng, và mỗi khi tôi dừng lại vì đèn đỏ hoặc vì kẹt xe, hàng chục cảnh sát hoặc lính vũ trang lại vây quanh xe tôi, van xin giúp đỡ hoặc xin đi nhờ. Tôi đã khóa cửa và cố gắng vẫy tay đuổi họ đi, và trong suốt thời gian đó tôi cứ nghĩ đến sự mỉa mai của việc sau tất cả những lần thoát chết

gần kề khi làm sĩ quan chiến đấu ở đồng bằng, lại bị một nhóm đồng minh của chính mình ở trung tâm Sài Gòn hạ gục.

Khi Moorefield tiếp tục cuộc hành trình nguy hiểm của mình, hai đồng nghiệp của anh tại Đại sứ quán đang chuẩn bị bắt đầu một cuộc hành trình của riêng họ. Gần một giờ chiều, Lacy Wright và một quan chức Bộ Ngoại giao khác, Joe McBride, leo lên hai chiếc xe buýt nhỏ màu trắng đỗ trên phố bên cạnh Đại sứ quán và lái đến số 62 Trương Minh Giảng để đón những vị khách VIP đầu tiên của Việt Nam.

«Wright sau này ghi chú, 'Nơi đó đông đúc khi chúng tôi đến, có lẽ khoảng ba trăm người tổng cộng.'» «Chúng tôi đã gọi quá nhiều người, vì vậy chúng tôi phải bắt đầu cắt giảm nhóm ngay tại chỗ.» Chúng tôi đã tách riêng trẻ em và

các bà lão, gửi họ về nhà, cắt giảm các gia đình lớn xuống kích thước có thể quản lý được. Cuối cùng, sau nhiều lần thúc ép và đau đớn, Wright và McBride đã cho hành khách đầu tiên lên xe tải và hướng xuống cảng ở Khánh Hội, gần câu lạc bộ buồm Pháp cũ, Le Club Nautique, nơi họ sẽ chuyển họ lên những chiếc xà lan huyền thoại.

Đến chuyến thứ ba hoặc thứ tư của họ, những người lính gác già nua với mái tóc bạc ở cổng vào xưởng hải quân đã bắt đầu đùa giỡn với nhau về hai người Mỹ đang đổ mồ hôi. «Ê, sao không mang cho chúng tôi một ít rượu cognac !» một người gọi vui vẻ với Wright. «Chắc chắn rồi, chắc chắn rồi,» Wright hét lại, cố gắng tỏ ra thân thiện, hy vọng rằng anh sẽ không phải mang theo một chai như một cái giá phải trả cho lần chạy tiếp

theo của mình.

Trong khoảng một giờ đầu tiên, đám đông bên bến tàu cư xử khá đúng mực. Một số xà lan Việt Nam đã được buộc chặt và đang nhận hành khách, giá chỗ ngồi dao động từ 5.000 đến 10.000 đô la Mỹ. Các tàu của Mel Chatman được neo đậu cách đó không xa, và ngay khi Wright và McBride gửi chuyến đầu tiên của họ, việc sắp xếp cũng bắt đầu ở đó, tất cả đều diễn ra một cách rất bình tĩnh và có trật tự.

Trong khi đó, ở phía bên kia thành phố, một đồng nghiệp của tôi, «Harvey Mitchell,» đang đối mặt với cuộc khủng hoảng thực sự đầu tiên trong ngày. Khoảng một giờ, người đàn ông CIA hút xì gà đã thực hiện chuyến đi thứ năm

hoặc thứ sáu ra cổng khách sạn Duc để do thám đường phố tìm kiếm một đoàn xe buýt hoặc xe van của Đại sứ quán. Lần này anh ta đã gặp phải một bất ngờ, một bất ngờ cực kỳ khó chịu. Chưa kịp bước ra vỉa hè thì lực lượng an ninh chính phủ bên kia đường Pasteur đã nổ súng liên tiếp từ những khẩu M-16 của họ. Chỉ trong chớp mắt, anh ta đã quay lại qua cổng và ra lệnh cho các lính Nùng khóa chặt cổng lại.

Sáng nay ở Duc đã rất căng thẳng. Tất cả trừ mười ba sĩ quan CIA trú đóng ở đó đã rời khỏi Đại sứ quán vào lúc bình minh. Nhưng trong ba giờ qua, khách sạn đã bắt đầu đầy ắp người Việt Nam, nhiều người trong số họ là bồi bàn, nhân viên văn phòng, và nhân viên phục vụ phòng đã làm việc lâu dài tại cơ sở này. Mitchell, ngày càng lo lắng, đã ra lệnh

đóng cổng vào khoảng giữa buổi sáng để ngăn chặn dòng người, nhưng thỉnh thoảng cả anh và những người khác đã nhượng bộ trước lòng từ bi của chính mình và cho phép «một vài người bạn» hoặc đồng nghiệp vào. Bây giờ có hơn một trăm người Việt Nam rải rác trong tòa nhà sáu tầng và vẫn chưa có xe buýt nào đưa họ đến Đại sứ quán hoặc DAO.

Một giờ trước, các binh sĩ Việt Nam đã thiết lập các ổ súng máy trong sân chơi bên kia đường Pasteur để hỗ trợ lực lượng an ninh tại Dinh Tổng thống cách đó một khối. Mitchell đã ngay lập tức thông báo cho Đại sứ quán và tình nguyện ở lại khách sạn để giúp di chuyển người Việt. Về lý thuyết, Polgar nên đã nói không với anh ta. Vài tuần trước, ông đã bổ nhiệm Mitchell làm «điều phối viên» cho chương trình sơ tán chung của Trạm. Và

bây giờ, nếu Mitchell cần ở đâu đó, thì đó chính là tại Đại sứ quán, giám sát việc cứu hộ tất cả người Việt của Đài. Ông là một trong số ít sĩ quan trong chúng tôi biết chi tiết về các kế hoạch sơ tán khác nhau của DAO. Nhưng vì lý do nào đó, trong sự hỗn loạn của ngày cuối cùng u ám này, Polgar đã kết luận rằng Trạm có thể hoạt động mà không cần đến điều phối viên của mình, và đồng ý để Mitchell ở lại Duc để tổ chức buổi biểu diễn phụ ở đó.

Một hoặc hai lần trong buổi sáng, một chiếc Air America Huey đã hạ cánh tạm thời trên bãi đáp tạm thời gần hồ bơi trên mái khách sạn, nhưng cho đến nay vẫn chưa có người Việt Nam nào được đưa ra ngoài. Vì bãi đáp chỉ có thể chứa một chiếc trực thăng nhỏ tại một thời điểm, Mitchell đã quyết định dành

chỗ trực thăng cho bản thân và một vài người Mỹ khác vẫn còn trong tòa nhà. Người Việt Nam sẽ phải được di tản bằng xe buýt.

«Robert Kantor,» trưởng phòng hành chính của Polgar, vừa mới tiếp quản các bảng điều khiển radio trong phòng tình huống của CIA khi Mitchell gọi vào khoảng một giờ rưỡi để nhắc nhở chúng tôi lần nữa về nhu cầu cần xe buýt. Kantor, một người miền Nam điềm tĩnh với mái tóc đỏ xoăn và bộ râu tương ứng, hứa sẽ gửi ngay một đoàn xe.

Polgar đi vào ngay sau đó. «Có ai nghe tin gì từ Út không ?» anh ta hỏi, giọng khàn khàn vì mệt mỏi và lo lắng. «Không, Tom,» Kantor đáp. «Nhưng có một vấn đề ở Duc.» Sau đó, anh ta giải thích những gì Mitchell đã nói với anh ta. Polgar lắng nghe trong vài phút,

nhưng có vẻ như bị phân tâm. Sau khi lướt qua một hoặc hai câu hỏi hời hợt, anh ta nhún vai và đi ra ngoài.

Giữa hành lang, một trong những nhân viên cung ứng của Trạm chạy tới và nắm lấy cánh tay ông. «Thưa ngài,» anh ta thở hổn hển, «đó là về các nhân viên người Việt của tôi - hai trăm năm mươi người.» Họ đang ở khu vực kho vận. Làm thế nào để tôi có thể đón họ ?

«Im đi !» Polgar quát, lướt qua anh ta. "Tôi không có thời gian cho chuyện đó." Như nhiều người khác, 250 người đó cuối cùng sẽ bị bỏ lại.

Trên mái nhà của số 6 công trường Chiến Sĩ, T. D. Latz nhìn đồng hồ thêm một lần nữa. Trong nửa giờ qua, anh ta và phi công của mình đã chờ đợi ở đó, chờ đợi một cách vô vọng cho ba mươi

người Việt Nam của Út và Polgar. Bây giờ Latz đang rất lo lắng. Mỗi phút anh ta lãng phí trên nóc nhà đó là một phút ít hơn mà anh ta có thể dành để cứu người Mỹ và người Việt Nam ở nơi khác trong thành phố. Và Chúa biết, anh ta đã nói với một người bạn sau đó, không có trực thăng nào để dành.

Kantor đặt micro xuống và ngả người ra ghế. Một đám khói thuốc lá lơ lửng, bất động, trên đầu ông như một bong bóng thoại trong một bức tranh biếm họa. Anh ta cố gắng xua tan nó bằng một cái vẫy tay, nhưng không có tác dụng. Với sự rung chuyển liên tục của các lò đốt rác trên mái nhà, hệ thống thông gió lệch tâm của Đại sứ quán bắt đầu hỏng, khiến hơi thở cuối cùng của mọi người lơ lửng giữa không trung.

Khi Kantor lại cúi xuống micro trước

mặt, một trong những đồng nghiệp cấp cao của anh ta xông vào phòng tình huống. "Vấn đề lớn ở dưới kia !" ông ta kêu lên to. Đại sứ đã đợi đến phút cuối cùng mới ra lệnh hủy những bức điện tín nhạy cảm nhất của mình. Bây giờ một tấn hoặc hơn những thứ đó đang nằm, bị xé nát một nửa, khắp phòng liên lạc ở tầng bốn. "Đó là một mối nguy hiểm cháy nổ khủng khiếp !" viên sĩ quan gào lên.

Kantor giơ tay lên trong một cử chỉ giả vờ tuyệt vọng. "Chà, nếu có nguy cơ cháy nổ," ông ấy nói, "tôi đề cử bạn lo liệu việc đó."

Viên sĩ quan nhăn mặt, định phản đối, nhưng rồi suy nghĩ lại, và không nói thêm lời nào, vội vàng đi làm theo lời Kantor. Trong hai giờ tiếp theo, anh ta và một tá sĩ quan Đại sứ quán khác

bò quanh phòng thông tin nhét rác mật vào những túi nhựa lớn. Khi họ đã quét dọn sạch sẽ, họ mang những bao rác xuống sân và xếp chúng gọn gàng bên tường của cửa hàng đồ ăn vặt Việt Nam gần văn phòng của nhân viên quản lý sứ quán. Sau đó họ quên mất chúng. Vài giờ sau, khi những chiếc trực thăng đầu tiên đến, luồng gió ngược đã xé toạc các túi và thổi tung nội dung ra khắp sân. Các từ mã và các đoạn văn đầy đủ từ những thông điệp tối mật nhạy cảm nhất của Đại sứ quán vẫn còn rõ ràng trên nhiều mảnh giấy khi chúng rơi xuống bụi cây, cây cối và những kiểu tóc cầu kỳ của một số quý bà giàu có người Việt đang chờ đợi một chuyến đi ra ngoài.

Đến 1:45 sáng theo giờ Washington, Tổng thống Ford đã ngủ thiếp đi. Theo

gương ông, một số trợ lý đã ném mình xuống ghế và ghế sofa bên ngoài trung tâm điều hành ở tầng dưới để cố gắng chợp mắt một chút trước khi các ưu tiên của cuộc di tản khiến họ lại phải chạy đi.

Lúc 1:50 chiều, giờ Sài Gòn, làn sóng trực thăng đầu tiên từ Lực lượng Đặc nhiệm *76 đã quay về phía tây từ Biên Hòa và tiến về Tân Sơn Nhất. Họ giờ chỉ còn mười phút nữa là đến điểm hạ cánh theo lịch trình. Trong chiếc trực thăng dẫn đầu, Thiếu tướng Richard Carey, chỉ huy lực lượng an ninh Thủy quân Lục chiến, đang kiểm tra trang bị chiến đấu của mình lần cuối.

Trên tàu của đội tàu sơ tán, Đô đốc Whitmire, tuy nhiên, vẫn đang có những suy nghĩ khác về thời gian biểu của mình. Chuẩn bị cho việc phóng đợt trực thăng tiếp theo đang bị chậm trễ nghiêm trọng,

và các chỉ huy phi đội nghi ngờ rằng tất cả bốn mươi chiếc còn lại trên boong tàu không thể được đưa vào Sài Gòn ngay cả trong vòng một giờ tới. "Để định vị đúng lực lượng an ninh mặt đất, đưa đúng số lượng trực thăng lên không trung, và tập hợp đúng các đợt máy bay [để bảo vệ], cần có thời gian chuẩn bị hai giờ như đã quy định trong kế hoạch hoạt động hàng không," một báo cáo sau hành động giải thích.

Sau khi cân nhắc tất cả các yếu tố này, Whitmire đã đưa ra một quyết định quan trọng. Chỉ còn vài phút nữa, ông đã ra lệnh lùi thời gian bắt đầu sơ tán thêm một giờ nữa, đến ba giờ. Bằng bất kỳ tiêu chuẩn nào, dù lý do gì đi chăng nữa, đó là một sự thay đổi kế hoạch phi thường. Đến sau sự chậm trễ ban đầu, điều này đã đặt nhiệm vụ vận chuyển trực thăng

vào một tình huống rất căng thẳng, vì khi hoạt động bắt đầu sau một giờ nữa, các phi công sẽ phải bay trong một cuộc đua với thời gian, sự xuất hiện của bóng tối và sự kiên nhẫn đang giảm dần của Bắc Việt. Họ cũng sẽ phải đối mặt với một trở ngại khác : một trung tâm bão mạnh vừa được phát hiện đang quét vào Sài Gòn từ biển.

Chỉ vài phút sau khi Whitmire áp dụng lịch trình mới, Tướng Carey trên trực thăng chỉ huy của mình đã nhận được cảnh báo qua radio từ hạm đội: ông và toàn bộ phi vụ của mình sẽ bay theo đội hình chờ trên sân bay Tân Sơn Nhất cho đến khi cuộc di tản chính thức được tiến hành một giờ sau đó. Điều này cũng là một sự thay đổi kế hoạch kỳ lạ, vì ba mươi sáu chiếc trực thăng của Carey đã ở trên các khu vực hạ cánh và có thể dễ

dàng hạ cánh như không. Và một cách khôn ngoan, Carey đã chọn cách phớt lờ nó. Trong khi những chiếc trực thăng khác bắt đầu bay vòng quanh phía nam sân bay, chiếc Huey của anh ta lao vào khu phức hợp DAO.

Tướng Smith đứng từ cửa sổ quan sát trong vài khoảnh khắc khi trực thăng hạ cánh ; sau đó ông bắt đầu sửa đổi kế hoạch của mình một cách cuống cuồng để phù hợp với thời gian biểu mới của Whitmire. Theo kịch bản sơ tán hiện tại, mỗi trực thăng trong làn sóng đầu tiên sẽ thả lính thủy đánh bộ của mình và sau đó quay trở lại nhanh chóng để đón phần còn lại của lực lượng an ninh. Nhưng khi buổi chiều đang nhanh chóng trôi qua, Smith quyết định tận dụng tối đa mỗi chuyến bay. Ông đã nói với nhân viên của mình rằng ngay khi trực thăng của

Carey hạ cánh, hành khách nên được lên máy bay ngay lập tức và được đưa ra đội tàu trong chuyến quay đầu.

Chính Carey đã nghĩ ra một lối tắt khác. Vì sự bùng phát gần đây tại cổng chính của Tân Sơn Nhất và những khó khăn trong việc đảm bảo dịch vụ xe buýt tiếp tục đến DAO, ông đã đề nghị với Whitmire rằng một số trực thăng nên được chuyển hướng đến Đại sứ quán để đưa những người sơ tán ra khỏi đó. Đô đốc và các nhân viên của ông ấy một cách dễ hiểu đã lo lắng, vì chỉ có 200 người được dự kiến sẽ có mặt tại Đại sứ quán vào ngày E, và không có lực lượng an ninh thực sự nào được cung cấp. Trước khi đồng ý với đề xuất, Whitmire đã gửi một tin nhắn theo dõi cho Carey, hỏi chính xác có bao nhiêu người tị nạn đã tập trung tại tòa đại sứ và liệu

bãi đáp trên mái nhà có thể hỗ trợ các trực thăng quân sự lớn hơn không. Đại tá Smith lần lượt đã hỏi Lehmann. Đối với câu hỏi đầu tiên, Lehmann đã trả lời với sự không chính xác mà giờ đây đã trở thành điển hình. "Có thể một nghìn, có thể hai nghìn." "Tôi chỉ không biết," ông nói về đám đông người sơ tán tại Đại sứ quán. Đối với câu hỏi thứ hai, anh ta hoàn toàn không có câu trả lời nào. Một thư ký, nghe lén cuộc trao đổi, nghe thấy Smith lầm bầm một cách chán ghét ở đầu dây bên kia, "Ý bạn là bạn không thể cho tôi biết Đại sứ quán có thể tiếp nhận trực thăng lớn hay không !" Rõ ràng, sự nhầm lẫn vẫn là điều thường thấy trong văn phòng của Đại sứ.

Tại Washington, Kissinger vừa mới biết về quyết định hoãn lần nữa việc vận chuyển bằng trực thăng. Theo các trợ lý,

ông ấy đã rất tức giận. Ông đã hứa với Martin lúc 10:51, giờ Sài Gòn, rằng chiến dịch sẽ bắt đầu trong một giờ. Bây giờ, ba giờ sau, quân đội vẫn còn do dự.

Út đâu rồi ? Những người Việt Nam đó đâu rồi ? Polgar thì thầm nửa miệng khi ông đi đi lại lại trong phòng chờ bên ngoài văn phòng của mình. Đã gần một giờ trôi qua kể từ khi cuộc đón tiếp thất bại tại công trường Chiến Sĩ, và Út cùng ba mươi đồng đội của anh vẫn còn ở đó, bị mắc kẹt trong đám đông trên phố, chờ đợi mệnh lệnh mới. Pittman châm một điếu xì gà nữa và nhai nó một cách trầm tư. "Có một sân thượng nhỏ trên mái nhà của tòa chung cư của tôi trên đường Gia Long," anh ta cuối cùng nói. "Nó không đủ lớn để hạ cánh hai điểm, nhưng nếu bạn có thể đặt một chân máy bay trực thăng lên mép của nó, bạn có thể đủ thời

gian để đối phó với Út và nhóm của anh ta."

Khuôn mặt của Polgar sáng lên. Ngay lập tức, ông bắt đầu đưa ra các chỉ thị : Gọi Latz ! Gọi Út và bảo anh ta đi đâu !

Chỉ trong vài phút, chiếc Air America Huey của Latz đã kêu vù vù hạ cánh xuống mái nhà Đại sứ quán. Khi anh ta chạy vào phòng chờ, mồ hôi đầm đìa, khẩu súng tiểu liên Thụy Điển K treo lủng lẳng trên tay. "Không thể nào tôi có thể đưa ba mươi người Việt ra khỏi Chiến Sĩ," anh ta xin lỗi Polgar. "Các lính canh đã khóa cổng chính, họ không mở nó ngay cả khi tôi vẫy cái này trước mặt họ [vừa nói vừa chỉ vào vũ khí của mình]." Không thể trách họ được. Chắc hẳn có đến năm trăm người Việt bên ngoài đường, gõ cửa để vào. Chúng tôi đã bị giẫm đạp trước khi chúng tôi tháo

mái nhà." Anh ấy nhìn tôi. "Một số cậu bé từ văn phòng Giám thị Truyền giáo vẫn còn trong tòa nhà, tuy nhiên." Đã ở đó từ sáng sớm khi những người khác trong các bạn rời đi. Họ đang chờ tin từ Đại sứ quán để sơ tán. Tôi đã bảo họ đi cùng tôi. Không, họ nói, có lệnh giữ nguyên vị trí. Có ai đó tốt hơn nên nói với Đại sứ hoặc Jacobson để ra lệnh cho bọn khốn đó rời khỏi đây và gửi một chiếc trực thăng đến đón chúng."

"Có hỏa lực mặt đất không ?" Tôi hỏi.

"Các con mèo hoang," Latz nói, kéo mạnh một hơi thuốc lá. "Nhưng hầu hết người Việt đều quá lo lắng để rời khỏi thành phố này nên họ không gây hại cho chúng ta như họ có thể."

Polgar vội vàng giải thích kế hoạch đón mới, trong khi Kantor liên lạc với

Út qua radio và truyền đạt chỉ thị cho anh ta. Sau đó, Polgar lững thững quay lại văn phòng của mình, uống một ngụm dài rượu cognac, và ngồi xuống ghế sau bàn làm việc để chờ tin tức.

Trở lại trên mái nhà, Latz leo lên trực thăng của mình và bay về điểm hẹn trên nóc tòa nhà căn hộ của Pittman. Vào buổi chiều muộn, một nhiếp ảnh gia tin tức đã chụp được một bức ảnh ngoạn mục về anh ấy - một bức ảnh telepho-to chụp từ phía sau - khi anh đang giúp người Việt Nam leo lên một cái thang nhỏ đến bệ hạ cánh không ổn định đó (hoặc một cái giống hệt như vậy). Được phát lại trên hàng nghìn tờ báo trên khắp thế giới, nó trở thành một trong những hình ảnh bất hủ của ngày cuối cùng hối hả đó. *

*[Trong số những người đã thực hiện

cuộc leo trèo nguy hiểm đến trực thăng của Latz có Trần Văn Đôn, Bộ trưởng Quốc phòng cuối cùng của Sài Gòn, người đã cùng với người Pháp làm rất nhiều để nuôi dưỡng ảo tưởng rằng tình hình sẽ không bao giờ đến mức này.]

Trong sân Đại sứ quán, Đại tá Madison và bốn người khác từ Đội Quân sự Liên quân vừa được thông báo về kế hoạch trực thăng đưa ra khỏi khuôn viên đại sứ quán và đang bận rộn chuẩn bị cho nó. Không ai nghi ngờ rằng đây sẽ là một nhiệm vụ khó khăn và phức tạp. Không chỉ gây ra những vấn đề hậu cần và kỹ thuật khổng lồ, mà nó còn đe dọa làm phức tạp các tuyến chỉ huy đã được thiết lập. Mặc dù Madison giờ đây là sĩ quan quân sự cao cấp nhất tại Đại sứ quán, nhưng chỉ huy của đơn vị Thủy quân lục chiến, Thiếu tá J. H. Kean,

người đã đến vài ngày trước, vẫn khăng khăng với quyền hạn của mình, và chỉ sau một cuộc tranh luận căng thẳng, một sự phân chia công việc mới được đồng ý. Thủy quân lục chiến sẽ chỉ đạo việc hạ cánh của trực thăng tại bãi đậu xe ; Madison và nhóm của ông sẽ giám sát việc tập hợp hành khách.

Để làm phức tạp thêm tình hình, các nhân viên cấp cao của Đại sứ quán cũng tiếp tục khao khát một vai trò lãnh đạo nhất định, như Madison sớm phát hiện ra. Ngay sau khi biết về việc mở rộng việc vận chuyển bằng trực thăng, ông đã cử một trong những sĩ quan của mình lên tháp phát thanh của Đại sứ quán để cắt bỏ các dây cáp có thể cản trở các trực thăng đến. Khi Lehmann phát hiện ra, ông đã mắng mỏ anh ta một trận, la hét và nổi giận rằng không ai trong văn

phòng Đại sứ đã ủy quyền cho những «biện pháp cực đoan» như vậy. Madison đã xin lỗi một cách lịch sự nhưng vẫn cắt đứt các dây điện.

Đến 2:30 chiều, Bob Kantor, vẫn đang làm việc trước các máy vô tuyến trong phòng tình huống của CIA, bắt đầu mất đi sự bình tĩnh thường ngày của mình. Chính cuộc khủng hoảng tại khách sạn Duc đang đè nặng lên ông lúc này, thử thách cả sự kiên nhẫn và thần kinh của ông. Trong nửa giờ qua, các con phố xung quanh khách sạn đã trở nên tắc nghẽn đến mức không một chiếc xe buýt hay phương tiện chính thức nào có thể di chuyển được đoạn đường ngắn từ Đại sứ quán. Vài phút trước, Harvey Mitchell đã gọi điện để nói rằng các lính Việt Nam bên kia đường Pasteur lại

đang bắn súng vào những người đi qua. Và khi anh ta giải thích, một số người Mỹ đi cùng anh ta bắt đầu hoảng loạn. Trực thăng sẽ phải được gửi đến để cứu họ ngay bây giờ !

Kantor vừa mới dập điện thoại thì Polgar bước vào hỏi lại về Út. Phớt lờ những câu hỏi của ông ta, Kantor nhắc nhở ông ta về cuộc khủng hoảng tại Duc và hỏi nên làm gì. "Thế thì, nếu quân đội VNCH đang bắn ở đó," Polgar đáp, "rút họ ra."

"Người Mỹ ?" Kantor hỏi.

"Đúng rồi, kéo chúng ra," Polgar lặp lại, rồi lảo đảo đi. Nghe lén cuộc trao đổi từ cửa ra vào, tôi đột nhiên cảm thấy vô cùng khó chịu. Thực tế, Polgar vừa ra lệnh rằng hơn một trăm người Việt Nam tại Duc sẽ bị bỏ rơi. Mitchell và một số

ít người Mỹ khác ở đó phải tự cứu lấy mình.

Kantor do dự một lúc, như thể anh ta cũng gặp khó khăn trong việc chấp nhận phán quyết đó. Cuối cùng, anh ta cầm điện thoại lên và truyền đạt chỉ thị của Polgar cho Mitchell. Sau đó, anh ta nhấn nút phát sóng và lặp lại lời mình qua sóng để đảm bảo những người Mỹ khác ở Duc hiểu.

Trước đó trong ngày, nhiều khách thuê người Mỹ của khách sạn đã quên tắt bộ đàm hai chiều khi họ vội vàng rời khỏi để đến Đại sứ quán, và bây giờ, khi thông điệp của Kantor vang lên qua các mạch điện, những người Việt Nam đã thay thế họ trong các phòng và hành lang nghe thấy và nhận ra những gì các nhà tài trợ CIA của họ đã chuẩn bị cho họ. Mitchell vội vã từ tầng này sang

tầng khác, cố gắng làm họ bình tĩnh lại. "Không có vấn đề gì," anh ta trấn an họ khi thu dọn hàng chục vũ khí cũng đã bị bỏ lại. "Còn nhiều xe buýt và trực thăng sẽ đến sớm thôi." Đồng thời, anh ta lặng lẽ khuyên các đồng nghiệp người Mỹ của mình nhanh chóng di chuyển lên sân thượng.

Nhiều người Việt Nam đứng nhìn bất lực khi người Mỹ bắt đầu biến mất vào các cầu thang là những nhân viên CIA lâu năm. Một số trong số họ là những điệp viên chân chính hoặc là họ hàng của những người đó. Những người khác là các nữ phục vụ khách sạn đã từ chối những cơ hội rời đi trước đó, với điều kiện họ sẽ được chăm sóc nếu họ giúp giữ cho khách sạn hoạt động đến phút cuối cùng. Một số thậm chí đã bán mình cho các sĩ quan CIA này nợ trong

vài ngày qua để tăng cường cơ hội thoát khỏi đây. Những người bạn giường của họ giờ đây cố tình lờ đi khi họ lén lút lên mái nhà để chờ đợi những chiếc Huey đến.

Ở đâu đó trên cầu thang trung tâm, Mitchell bị chặn lại bởi một đại tá và một trung úy quân đội Việt Nam. Như sau này anh ta kể lại câu chuyện, một trong số họ đã đưa tay vào dưới áo và rút ra một khẩu súng nhỏ. "Hãy đưa chúng tôi đi cùng," họ được cho là đã nói với anh ta, "hoặc là anh không được rời đi." Các nhân viên CIA khác sau đó đã phủ nhận rằng có bất kỳ vũ khí nào. Họ tuyên bố rằng thực ra Mitchell đã mời hai người Việt Nam đi cùng. Dù sao đi nữa, đây là những người địa phương duy nhất trong số tất cả những người ở khách sạn

đã thấy một chuyến bay sơ tán vào ngày hôm đó.

Khi Mitchell và các bạn của anh đến tầng năm, họ kéo cửa an ninh kim loại lại, tắt thang máy, rồi nhảy lên vài bậc thang còn lại lên mái nhà và bị kéo lên chiếc UH 1 của Air America đang chờ sẵn. Vài giây sau, họ đã cất cánh, hướng về đội tàu.

Trong suốt phần còn lại của buổi chiều, những người Việt Nam tại Duc đã gọi điện liên tục đến Đại sứ quán qua các bộ đàm hai chiều bị bỏ lại. "Cứu tôi !" Cho tôi biết đi đâu ! "Tôi là ông Hai, đầu bếp." "Tôi là ông Anh, tài xế ; gia đình tôi đang ở đây." Kantor và một thư ký CIA, người đang làm việc bên cạnh ông, cố gắng làm họ bình tĩnh lại và dụ dỗ họ giải phóng các mạch, vì các cuộc gọi của

họ đang làm gián đoạn các thông điệp "khẩn cấp" hơn. "Trở về nhà của bạn," Kantor nói với họ đi nói lại qua sóng radio. "Các xe buýt và trực thăng sẽ đến đón các bạn." Cuối cùng, một giọng nói hoảng loạn cắt ngang kênh : "Lính Việt Nam đã đột nhập vào các tầng dưới." Họ đang đốt phá và cướp bóc." Sớm thôi, liên lạc qua radio với khách sạn đã bị mất.

Sáng hôm sau, khi quân đội BV tiến vào Sài Gòn, một số người Việt Nam đã ở lại trong Duc qua đêm bắt đầu bắn tỉa vào họ. Người Bắc Việt ngay lập tức mang lên súng máy hạng nặng và tên lửa B-40 và bắn phá vào mặt tiền, giết chết hoặc làm bị thương nhiều người bên trong.

Trong các cuộc điều tra sau cái chết của Duc, không ai có thể đồng ý về việc điều gì đã sai. Mitchell tuyên bố rằng một số đồng nghiệp CIA của ông đã hoảng

loạn khi nghe tiếng súng, khiến việc rút lui ngay lập tức trở nên cấp bách. Các sĩ quan CIA khác đã ở cùng khách sạn với anh ta khẳng định rằng chính Mitchell đã hoảng sợ, và trong các cuộc gọi của anh ta đến Kantor, anh ta đã phóng đại mức độ nguy hiểm mà các lực lượng chính phủ đối diện bên kia đường gây ra. Dù sự thật là gì, nếu bất kỳ ai trong văn phòng của Polgar có mặt kịp thời để xem xét các lựa chọn thay thế, chắc chắn đã có thể làm gì đó để giúp đỡ những người Việt Nam bị bỏ lại. Một số người có thể được hướng dẫn hoặc thậm chí hộ tống đi bộ đến một điểm tập kết khác, chẳng hạn như Đại sứ quán cách đó bốn dãy nhà ; một số lượng lớn thậm chí có thể được trực thăng đưa ra ngoài mặc dù bãi đỗ xe trên tầng thượng của khách sạn rất rộng. Như vậy, chúng tôi chỉ làm một việc là cứu những quý ông có làn

da trắng. Đó là một hành động phản bội đáng xấu hổ và tàn nhẫn như bất kỳ ai trong chúng ta đã phạm phải ngày hôm đó.

Vào đúng lúc những người Mỹ cuối cùng được đưa khỏi mái nhà khách sạn Duc, Lacy Wright và Joe McBride đang thực hiện chuyến đi thứ năm của họ đến bến cảng ; T. D. Latz đang nhồi nhét hành khách vào trực thăng của mình khi nó lơ lửng trên rìa hiên mái nhà của Pittman; và đoàn xe buýt của Moorefield vẫn đang lượn lờ qua thành phố. Vào một thời điểm, đoàn xe đã dừng lại trước một biệt thự rợp bóng cây không xa Đại sứ quán, nơi Shep Lowman đang chờ đợi cùng với 1.000 VIP mà ông đã gọi vào sáng hôm đó. Lowman đã van xin Moorefield cho phép một số người Việt Nam lên tàu.

"Tôi đã gọi xe buýt từ mấy tiếng trước," anh ta lắp bắp. "Chúng tôi cần giúp đỡ gấp." Nhưng Moorefield lắc đầu. "Không thể chở thêm hành khách nào nữa," ông ta hét từ cửa sổ xe công vụ của mình. "Sẽ có một cuộc hỗn loạn." Với điều đó, anh ta tiếp tục lái xe.

Trong khi đó, nhiều nhà báo Mỹ và nước ngoài tạo thành đội ngũ báo chí đa dạng của Sài Gòn đang hội tụ tại một điểm tập trung được chỉ định ở trung tâm thành phố. Robert Shaplen, một phóng viên kỳ cựu với hơn hai mươi năm báo cáo về Đông Dương, đang vừa cười vừa khóc. Lo lắng vì phải rời xa Sài Gòn yêu quý của mình, ông vẫn thấy mình rơi vào một tình huống dở khóc dở cười. Trong cơn vội vàng dọn dẹp khỏi khách sạn Continental vào buổi sáng hôm đó, anh đã làm hỏng khóa kéo quần và giờ

không thể giữ chúng lên được. Vì anh ta luôn xây dựng hình ảnh phong trần và bảnh bao, một số đồng nghiệp trẻ tuổi của anh ta nghĩ rằng thật hợp lý khi anh ta vấp ngã vì "cửa sổ" quần.

Malcolm Browne, người từng là liên lạc của Polgar, đặc biệt nổi bật giữa các đồng nghiệp báo chí của mình với áo giáp và mũ sắt. Ông và nhân viên của mình tại New York Times, thực tế, là những thành viên duy nhất của phái đoàn báo chí có vẻ như đã mặc đồ chiến tranh. Sáng hôm đó, theo sự thúc giục của các cấp trên ở New York, họ đã quyết định rời đi cùng với những người sơ tán khác, vì không ai muốn kết thúc như nhiều đồng nghiệp của họ ở Campuchia, bị giam cầm vô vọng trong một khuôn viên Đại sứ quán khi lực lượng cộng sản tiến vào và chiếm lấy.

Một vài phóng viên Mỹ ở thành phố, tuy nhiên, đã chọn ở lại. Trưởng văn phòng của Associated Press thậm chí đã nghĩ ra một trò lừa phức tạp để đánh lừa các đối thủ của mình tại United Press International, khiến họ nghĩ rằng ông ta đang rời đi, để họ cũng làm theo. Sau khi đóng cửa văn phòng trung tâm, ông cùng nhân viên đi bộ đến điểm tập hợp, rồi lén lút quay lại giữa đám đông để mở cửa hàng trở lại. Mưu kế, như đã hóa ra, là vô ích. Các nhân viên của UPI đã chờ đợi quá lâu để cố gắng đến Đại sứ quán và cuối cùng đã bị khóa ngoài. Cả UPI và AP do đó đã ở lại Sài Gòn để đưa tin về cuộc tiếp quản của cộng sản.

Trong số các nhà báo tập trung tại bến xe buýt vào buổi chiều hỗn loạn này có Keyes Beech, trưởng ban phóng viên Mỹ tại Sài Gòn. Giống như Shaplen, ông

không mấy hứng thú với việc phải quay đầu và chạy trốn, nhưng vì các bài tường thuật của ông chưa bao giờ đặc biệt đồng tình với "cuộc cách mạng", nên có rất ít khả năng ông sẽ được chào đón như một vị khách ở một nước Việt Nam do cộng sản thống trị.

Khi một đoàn xe buýt nhỏ cuối cùng đã ghé qua để đón Beech và các đồng nghiệp của anh, nhiều người trong số họ chắc chắn đã cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm mặc dù còn nhiều cảm xúc khác. Ít nhất họ cũng đang trên đường đi. Nhưng thực tế, thử thách của họ chỉ mới bắt đầu. "Không ai trên chiếc xe buýt đó sẽ bao giờ quên vài giờ tiếp theo," Beech sau đó đã viết trong một bản tin. "Chúng tôi là một xe buýt đầy những kẻ ngốc được điều khiển bởi một người chưa bao giờ lái xe buýt và phải nối dây khởi

động khi nó chết máy vì tài xế người Việt đã bỏ chạy với chìa khóa vào đêm hôm trước." 'Tôi đang cố gắng hết sức có thể,' Bill Austin từ Miami, Oklahoma, người đang cầm lái nói, khi chúng tôi lao qua những con phố hẹp, đụng ngã các người bán hàng ven đường, va chạm với các phương tiện đi ngang qua, và khiến người Việt Nam phải chạy tán loạn như lá rụng trong gió.

Tại mỗi điểm dừng, người Việt Nam gõ vào cửa và cửa sổ cầu xin được vào trong... Mỗi lần chúng tôi mở cửa, chúng tôi phải đánh và đá họ lùi lại. Không có lý do gì khác ngoài việc chúng tôi đang theo sau một chiếc xe buýt khác, chúng tôi đã đến khu vực cảng Sài Gòn, một trong những phần khó khăn nhất của thành phố, nơi đám đông còn xấu xí hơn những nơi khác... Tôi xuống xe buýt và đi

đến chỗ John Moore, nhân viên an ninh Đại sứ quán, người đang ngồi trong một chiếc sedan với đèn nhấp nháy trên nóc. "Ông có biết tại sao chúng tôi ở đây và ông sẽ làm gì với chúng tôi không ?" Tôi hỏi anh ta. Moore nhún vai bất lực. "Có tàu," anh ta nói, chỉ tay về phía những chiếc tàu Việt Nam được chèn bao cát nằm bên cạnh bến tàu. Tôi nhìn quanh đám đông đang tụ tập. Những cậu bé nhỏ tuổi đang giật lấy máy đánh chữ và túi phim. Điều này, như người Trung Quốc thường nói, trông giống như một điềm xấu. Tôi không biết bằng cách nào hoặc liệu tôi có thể rời khỏi Sài Gòn hay không, nhưng tôi chắc chắn rằng tôi sẽ không ở lại đây. Tôi lên xe buýt... Tôi thấy mình đang đẩy một người phụ nữ Việt Nam trung niên, người đã ngồi bên cạnh tôi và đã nhờ tôi trông chừng bà ấy vì bà ấy làm việc cho người Mỹ và Việt

Cộng sẽ cắt cổ bà ấy. Đó là những gì họ đều nói và có thể họ đúng. Nhưng cô ấy đã chiến đấu để quay lại bên tôi. "Tại sao anh lại đẩy em ?" cô ấy hỏi. Tôi không có câu trả lời.

Vào khoảng 3 giờ sáng theo giờ Washington, Trợ lý Đặc biệt Lawrence Eagleburger đã thông báo cho Kissinger rằng những chiếc trực thăng đầu tiên đã hạ cánh ở Sài Gòn. Tướng Carey cuối cùng đã đưa cuộc xuất kích bị trì hoãn lâu dài của mình vào. Lựa chọn IV, "Gió Thường Xuyên," cuối cùng cũng đã được triển khai.

Trong sân trong nắng cháy của khu phức hợp DAO, các lính thủy đánh bộ trang bị vũ khí nặng đã nhanh chóng phân tán ra các rìa khi từng chiếc CH-468 và CH-53 Sea Knights lần lượt hạ cánh. Có ba khu vực hạ cánh trong toàn

bộ bãi đậu xe bên trong khu phụ DAO, một sân bóng chày gần đó và các sân quần vợt bên cạnh rạp hát DAO trong khu chính - và các hàng đợi hành khách nhanh chóng hình thành tại mỗi khu vực. Một đại tá Không quân đang tổ chức việc vận chuyển tại khu vực ít thân thiện nhất, sân bóng chày, đã nhanh chóng bị phủ kín từ đầu đến chân bởi một lớp bồ hóng nhờn, giống như một diễn viên hài kịch trong trang phục mặt đen. Vài ngày trước, trong nỗ lực vô ích nhằm làm ẩm bề mặt bụi bặm của sân chơi, các kỹ thuật viên DAO đã phun dầu lên đó. Bây giờ, luồng gió từ những chiếc trực thăng đang đến đã khuấy lên một đám bụi bẩn và cát bụi bám vào mọi thứ và mọi người mà nó chạm vào.

Khi một cặp trực thăng hạ cánh từ trên trời và dừng lại ở khu vực phụ, Don

Hays cảm thấy như muốn cổ vũ. Đối với anh và 3.000 người sơ tán xung quanh, lính thủy đánh bộ đã đến không một giây nào quá muộn. Các lính dù Việt Nam vừa mới cắt thêm một lỗ nữa trên hàng rào an ninh và đang lọt vào đám đông, và chắc chắn sẽ tràn vào khu vực này trong mười lăm hoặc hai mươi phút nữa. Nhưng bây giờ các thủy quân lục chiến đã xông vào họ, đánh họ ngã xuống đất, tước vũ khí của họ.

"Những người này là ai ?" một lính thủy đánh bộ có vóc dáng như một công nhân đúc hỏi Hays, chỉ tay vào những người dân thường trong khuôn viên.

"Tất cả những người sơ tán hợp pháp," Hays hét lên qua tiếng quay của các cánh quạt. Người lính thủy đánh bộ gật đầu và ra lệnh cho các đồng đội của mình bắt đầu tổ chức tải hành khách

là sáu mươi người. Ông cũng thúc giục Hays tự mình rời đi. "Chưa," Hays trả lời một cách nghiêm nghị. "Tôi đã hứa với những người Việt Nam này." Tôi sẽ ở lại cho đến khi người cuối cùng trong số họ lên trực thăng.

Vào khoảng 3:12 chiều, giờ Sài Gòn, một chiếc CH-538 lớn đã cất cánh ra khỏi khu vực DAO và hướng về đội tàu, đi theo một lộ trình song song với đường cao tốc Sài Gòn-Vũng Tàu. Một chiếc trực thăng khác, chở đầy lính thủy đánh bộ, đã rẽ sang hướng Đại sứ quán. Chỉ trong vài phút, nó đã hạ cánh rung rinh xuống bãi đậu xe phía sau tòa đại sứ, khi những người dân Việt Nam và phóng viên báo chí vây quanh nó như những mảnh giấy vụn bị thổi bay. Polgar lao đến một cửa sổ ở tầng sáu và áp mặt vào tấm kính nhựa. "Cảm ơn Chúa !" anh ấy

nói đi nói lại nhiều lần. "Tôi nghĩ bây giờ chúng ta có cơ hội."

Sự lạc quan của anh ta thực ra là quá sớm. Trong một giờ rưỡi tiếp theo, việc trực thăng rời khỏi sân Đại sứ quán bị hoãn lại khi các lực lượng thủy quân lục chiến tăng cường, cuối cùng lên tới 130 người, được đưa từ DAO đến để bổ sung cho lực lượng bảo vệ bốn mươi bốn người đã có mặt.

Sự xuất hiện của các lực lượng bổ sung chắc chắn đã giúp đe dọa và khuất phục đám đông ngay bên ngoài cổng, nhưng nó cũng làm tăng thêm các vấn đề chỉ huy và kiểm soát bên trong khuôn viên. Không thể giải thích được, không có đơn vị tổng hành dinh nào được cử đi cùng với lực lượng Thủy quân Lục chiến, vì vậy chỉ huy, Thiếu tá Kean, đột nhiên phải đối mặt với trách nhiệm

kiểm soát một lực lượng an ninh lớn cũng như chuẩn bị cho việc vận chuyển bằng trực thăng. Ông không thể dành toàn bộ sự chú ý cho cả hai nhiệm vụ.

Mặc dù việc di tản bằng trực thăng ra khỏi sân đã bị trì hoãn, nhưng các trực thăng của Air America giờ đây đang hạ cánh và cất cánh mỗi vài phút từ mái Đại sứ quán, và sớm thôi, nội thất mê cung của tòa nhà trở thành một hầm mộ rộn ràng khi hàng trăm người sơ tán chen chúc trong các hành lang để chờ chuyến bay ra ngoài. Thỉnh thoảng, một người quen của Polgar lại rời khỏi hàng và lao vào văn phòng của ông để bày tỏ lòng kính trọng cuối cùng. Ted Sarong, vị chuẩn tướng người Úc đã nghỉ hưu, người đã giúp thuyết phục Thiệu nhiều tháng trước áp dụng chính sách "Nhẹ ở trên, nặng ở dưới», đã ghé thăm cùng

với bạn gái của một thành viên cấp cao trong Hội đồng Truyền giáo. Đại sứ Hàn Quốc, người đã rời bỏ Đại sứ quán của mình vài giờ trước và đã chờ đợi trong văn phòng của Martin ở tầng dưới, cũng xuất hiện. Một nhà ngoại giao Nhật Bản hoảng loạn bước vào và yêu cầu một cách vô ích được phép quay trở lại Sứ quán của mình cách đó vài dãy phố. Ông ta đã đến với một nhiệm vụ ngoại giao vào buổi sáng và giờ đây thấy mình bị nhốt bên trong. Chúng tôi đã khuyên anh ấy, với tình hình hỗn loạn bên ngoài ngày càng gia tăng, hãy chấp nhận rủi ro cùng chúng tôi - điều mà anh ấy miễn cưỡng làm, rời đi bằng trực thăng để gia nhập đội tàu sơ tán một thời gian ngắn sau đó.

Ở dưới tầng ba, Martin lang thang buồn bã quanh phòng riêng của mình, lục lọi qua những tập hồ sơ cuối cùng,

nhét những điện tín tốt nhất vào các bìa hồ sơ màu vàng. Trước đó, khoảng hai giờ rưỡi, ông đã tắm trong phòng vệ sinh nhỏ bên cạnh văn phòng của mình, và vẫn đang trong quá trình mặc quần áo khi những chiếc trực thăng Thủy quân lục chiến đầu tiên bay vào khuôn viên DAO. Ngay sau đó, Eva Kim đột ngột xông vào phòng, và dù cô ấy rất nghiêm túc và đứng đắn, nhưng gần như ngã quỵ vì xấu hổ khi thấy Đại sứ cuối cùng của Mỹ tại Cộng hòa đứng sau bàn làm việc với quần chưa cài cúc và không có gì khác. Martin, mải mê với đống giấy tờ, không hề chớp mắt.

Vài phút sau, với bộ vest và cà vạt chỉnh tề, ông bước vào phòng chờ và đưa những tập hồ sơ màu vàng cho một trong những thư ký. Cô ấy phải bảo vệ chúng bằng cả mạng sống của mình, ông nói,

và đảm bảo chúng được sơ tán. Chúng chứa đựng những thông tin liên lạc gần đây nhất của ông với Kissinger, "để được lưu giữ cho lịch sử."

Sau đó, ông quay sang các vệ sĩ Thủy quân Lục chiến và nói với họ một cách lịch sự nhưng kiên quyết rằng ông dự định sẽ trở lại Tòa nhà một lần nữa. Vâng, ông nói, khi bị tấn công bởi những lời phản đối, ông biết rằng các con phố đang trong tình trạng hỗn loạn và ông sẽ lại phải đi bộ để trở về. Dù vậy, ông vẫn quyết tâm thực hiện. Anh ấy vừa nhớ ra một số công việc quan trọng chưa hoàn thành ở nhà.

Martin và đoàn lính thủy đánh bộ hộ tống hồi hộp bước qua cổng ngôi biệt thự rộng lớn của ông ngay sau 3 giờ chiều. Một trong những người hầu trong nhà đã chọn ở lại đang đợi họ ở cửa. Dưới

cánh tay của anh ta là một con poodle đen đang quẫy đuôi tên là Nit Noy ("Thứ Nhỏ" trong tiếng Thái), đã là một phần không thể thiếu của gia đình Martin trong nhiều năm. Trước đó trong ngày, Martin đã quyết định để con chó lại tại Tòa Đại sứ, với giả định rằng một thỏa thuận chính trị có thể được sắp xếp và bản thân ông sẽ ở lại. Nit Noy lẽ ra sẽ là bạn đồng hành của anh khi anh đứng gác cho lợi ích của Mỹ sau khi đạt được thỏa thuận. Nhưng giờ đây khi Đại sứ quán sẽ bị đóng cửa hoàn toàn, cả Đại sứ lẫn Nit Noy đều không còn vai trò gì ở Sài Gòn nữa. Martin bế con chó lên, quay gót lại, và lê bước trở ra đường phố khi các lính thủy đánh bộ của anh ta chạy theo sau.

Những người Việt Nam giẫm đạp, la hét giờ đã chen chúc hai mươi, ba mươi người trước mỗi cổng của Đại sứ quán,

và Martin cùng các vệ sĩ của ông không còn lựa chọn nào khác ngoài việc lén lút vào khuôn viên qua Đại sứ quán Pháp bên cạnh. Martin đã lợi dụng đường vòng để ghé thăm Mérillon một lần nữa.

Người Pháp, vẫn còn bị giam mình trong phòng làm việc riêng, không có gì khích lệ để nói với ông ta. Các quan chức của Mặt trận Giải phóng miền Nam tại Tân Sơn Nhất đã từ chối lời đề nghị gặp mặt của Martin. Và mặc dù Tổng thống Minh đã cử bốn đặc phái viên của mình đến khu vực của họ vào khoảng giữa trưa để đề xuất một công thức đàm phán mới - một hội nghị hòa bình ở Sài Gòn để giải quyết "các vấn đề quân sự" và một hội nghị khác ở Paris để giải quyết "các vấn đề chính trị" - thì đến nay Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam vẫn tỏ ra không phản hồi.

Martin nhún vai. Có lẽ đã quá muộn rồi, anh thở dài. Có lẽ những cộng sản đang quyết tâm giành chiến thắng hoàn toàn. Dù sao đi nữa, ông cũng không còn nhiều việc để làm. Sự hiện diện của người Mỹ sẽ bị tháo dỡ. Sau khi cảm ơn Mérillon một lần nữa vì "tất cả sự giúp đỡ của ông ấy," Martin bước ra sân trong và đi đến bức tường giữa khu vực của Pháp và Mỹ, gõ ba lần lên cánh cửa kết nối, và lại được phép vào nơi trú ẩn đang thu hẹp của mình.

Một lần Jean-Marie Mérillon đã đúng về ý định của cộng sản. Thực tế, PRG không hề quan tâm đến những đề xuất mới nhất của Minh. Khi bốn sứ giả của ông đến Tân Sơn Nhất chiều hôm đó, các đại biểu của Mặt trận Giải phóng miền Nam đã gạt bỏ những lời đề nghị của họ và mời họ ngồi xuống chia sẻ một

ít chuối mà họ đã trồng trong vườn của khuôn viên. Các sứ giả miễn cưỡng đồng ý. Cuối cùng, sau khoảng một giờ tán gẫu vô ích, họ đứng dậy ra về, hứa sẽ công khai kêu gọi cho các cuộc đàm phán mà Minh hình dung. Các đại biểu cộng sản mỉm cười một cách hiền hậu và tiếp tục nhai chuối của họ.

Ngay sau khi Martin rời khỏi Đại sứ quán trong cuộc hành trình cuối cùng của mình, Lehmann đã gọi Alan Carter vào văn phòng của ông và nói thẳng rằng đã đến lúc anh và các nhân viên USIA còn lại phải rời đi. Vì việc di tản bằng trực thăng bắt đầu quá muộn, ông nói, sẽ không còn nhiều thời gian cho các chuyến bay trước khi trời tối. Vì vậy, việc bắt đầu di chuyển ngay cả các quan chức cấp cao của Đại sứ quán là điều cần thiết.

Carter nhăn mặt và nhắc Lehmann về nhóm nhân viên địa phương của USIA đang tụ tập tại biệt thự của mình cách đó vài dãy phố. "Đừng lo lắng về họ," Lehmann trấn an anh ta. "Văn phòng Giám sát Sứ mệnh sẽ làm những gì có thể để chăm sóc họ." Trong khi đó, tốt nhất là bạn nên tuân theo mệnh lệnh. Chúng ta phải bắt đầu dọn dẹp khu vực này ngay bây giờ.

Một thời gian ngắn sau, khi Carter chen chúc giữa đám đông ở tầng sáu, anh ấy nhìn thấy tôi trong phòng chờ của Polgar và vào chào tạm biệt. "Tôi đã được bảo phải ra ngoài," anh ta càu nhàu. "Có vẻ như tôi không còn gì để làm nữa." Tôi nói với anh ấy rằng Polgar cũng đang trong tình trạng tương tự - không thể cử động. Carter gật đầu, nắm tay tôi, rồi đi trở lại hành lang. Nhưng ngay khi anh ta

được dẫn lên sân thượng, sự lạc quan vô hạn của anh ta đã chiếm ưu thế. "Chết tiệt, tôi không thể rời đi bây giờ," anh lẩm bẩm khi đưa chiếc vali cho một cấp dưới. "Chắc chắn có điều gì đó tôi có thể làm cho người dân địa phương." Trong phần còn lại của buổi chiều, anh ta đã tìm kiếm một giải pháp, van xin các sĩ quan DAO và Mission Warden gửi xe buýt đến nơi cư trú của mình cho họ. Nhưng khi anh ta thực hiện cuộc gọi thứ ba hoặc thứ tư đến DAO, thì đã quá muộn. Hệ thống đoàn xe cuối cùng cũng đang sụp đổ.

Trong vài giờ qua, đám đông người Việt Nam hoảng loạn đã tấn công các đoàn xe khi họ đi qua trung tâm Sài Gòn, và các sĩ quan của Mission Warden làm nhiệm vụ hộ tống lúc này trở nên lo lắng và sẵn sàng nổ súng. Cuối cùng, vào

khoảng 3:35 chiều, Tướng Smith quyết định ngừng tất cả dịch vụ xe buýt đến DAO từ khu vực trung tâm thành phố để tránh sự hỗn loạn.

Vào khoảng thời gian đó, Đại úy Carmody đã ra lệnh cho vài tàu Mỹ còn lại tại cảng Newport rời đi Vũng Tàu hoặc rút lui về bến tàu hải quân Khánh Hội an toàn hơn gần trung tâm thành phố. Không lâu sau đó, khi chiếc đầu tiên trong ba chiếc kéo của Mỹ vào khu vực bốc dỡ hàng ở Khánh Hội, sự hỗn loạn bùng nổ trên bến cảng khi hàng trăm người Việt Nam lo lắng xô đẩy nhau để được đứng đầu hàng. Người lái tàu đã quay lại giữa dòng để chờ đợi sự náo loạn lắng xuống. Trong khi đó, một tàu kéo khác đã đến với hai xà lan nữa. Như đã hóa ra, không gian hành khách bổ sung mà họ cung cấp vượt xa những gì cần thiết. Trong

phần còn lại của buổi chiều, chỉ khoảng 6.000 người, ít hơn nhiều so với sức chứa tổng hợp của các chiếc xà lan, đã được đưa lên tàu. Trong những cuộc gọi liên tiếp đến Đại sứ quán, Carmody đã kêu gọi rằng các người tị nạn bổ sung cần được tập hợp lại và đưa xuống bến cảng. Nhưng với những con phố trung tâm Sài Gòn giờ đây là một bãi lầy của nhân loại, những lời kêu gọi của ông đã trở nên vô ích. Khi Carter, Polgar và nhiều người khác trong Đại sứ quán tuyệt vọng tìm kiếm chỗ cho hành khách, những chiếc xà lan vẫn nằm yên và trống phân nửa.

Giữa dòng người ra vào và các sĩ quan Đồn cảnh sát bận rộn, Polgar tiếp tục đi đi lại lại trong văn phòng như một con gấu nhỏ bị nhốt trong lồng. Út đâu rồi ? Tại sao không có thêm trực thăng cho Đại sứ quán ? Có tin gì từ Dinh không ?

Ông ta liệt kê ra những câu hỏi mà không có câu trả lời như thể để tự phân tâm và làm chúng tôi phân tâm khỏi những hệ lụy nghiêm trọng của từng câu hỏi. Cuối cùng, Howard Archer, cựu chỉ huy căn cứ QK 2, đã giơ tay lên và nói với tôi rằng ông ấy sẽ rời khỏi đó trên chiếc trực thăng Air America tiếp theo. Ông đã thấy sự hỗn loạn như vậy trước đây, ở Nha Trang, và không có ý định ở lại để chứng kiến một lần nữa.

Những người khác trong văn phòng cũng bắt đầu chịu thua trước sự lo lắng của họ. Một trong những thư ký của Polgar đã trở nên quá kích động, cô ấy không còn hoạt động theo cách thực tế và hiệu quả như thường lệ nữa. Có một lúc tôi bắt gặp cô ấy đang đập mạnh vào khung của một bức tranh treo tường trong văn phòng của Polgar bằng cán của một

khẩu súng lục 38mm đã lên đạn. "Cô chỉ đang tháo những bức tranh xuống cho ông P. thôi," cô ấy lẩm bẩm khi tôi nắm lấy tay cô ấy và mở chốt an toàn. Tôi đẩy cô ấy trở lại phòng chờ và gợi ý rằng cô ấy và thư ký kia nên bắt chuyến trực thăng Air America tiếp theo. Có nhiều phản đối kịch liệt từ cả hai người, nhưng cuối cùng, theo sự khăng khăng của Polgar, họ đã làm theo lời tôi khuyên. Ngay khi họ gia nhập những người sơ tán khác trong hội trường, tôi lùi lại phía sau quầy lễ tân và bắt đầu nhận cuộc gọi cũng như xử lý các cuộc gọi. Từ khoảnh khắc đó, tôi trở thành điểm tập trung cho bất kỳ đường dây chỉ huy và kiểm soát nào còn tồn tại trong Trạm.

Vào khoảng trước 4 giờ chiều, Ken Moorefield đã kết thúc chuyến lang thang của mình qua khu trung tâm Sài

Gòn và hướng dẫn đoàn xe buýt nhỏ của mình đến bãi đậu xe bên kia đường đối diện với Đại sứ quán. Khi hành khách của anh ta trèo xuống, anh ta khuyên họ cố gắng vào khuôn viên qua lối vào bên hông, hoặc trèo qua tường nếu cần thiết. Rõ ràng, trong cả hai trường hợp, điều đó sẽ không dễ dàng. Đến giờ, hàng nghìn người Việt đã bao vây khuôn viên Đại sứ quán.

Trong số những người lảo đảo ra bãi đậu xe và nhìn chằm chằm qua đường vào đám đông với vẻ thận trọng có Keyes Beech và người phụ nữ Việt Nam đã ở bên cạnh ông từ đầu cuộc hành trình. "Tôi đã làm việc cho chính phủ Hoa Kỳ suốt mười năm," cô ấy nói với anh ta, "nhưng anh không tin tôi và tôi cũng không tin anh." Ngay cả khi chúng ta có thể đến Tân Sơn Nhất, họ cũng sẽ không

cho tôi lên máy bay. Tôi sẽ về nhà tự tử.

Khi người phụ nữ biến mất vào đám đông, Beech đã rút sổ tay ra và lật qua để tìm một số điện thoại. Ông biết rằng ông sẽ cần thêm sức mạnh để vào bên trong Đại sứ quán đó. Có lẽ CIA có thể cung cấp nó.

Khi tôi nhấc điện thoại ở bàn lễ tân trong văn phòng của Polgar, tôi ngay lập tức nhận ra giọng nói khàn khàn của người miền Trung Tây ở đầu dây bên kia. "Làm thế quái nào tôi leo lên tường được !" Beech nói lắp bắp với tôi, giải thích rằng ông ấy đang ở bên kia đường với người bạn cũ Bud Merick của tờ U.S. News & World Report và một vài phóng viên Việt Nam và Nhật Bản.

Tôi bảo anh ta đi vào con phố bên cạnh cánh đông của Đại sứ quán, và tìm

đường đến trụ sở nhỏ của đồn cảnh sát Việt Nam nằm ở đó. Văn phòng Giám sát Sứ quán đã hối lộ trưởng đồn cảnh sát vài ngày trước, và theo như lời đồn, cảnh sát đã sẵn sàng giúp đỡ bất kỳ người Mỹ lạc lối nào vượt qua tường và vào bên trong Sứ quán.

Beech gọi lại sau vài phút. Cảnh sát đã đuổi anh ta đi ! anh ta hét lên. Bây giờ thì sao ? Giữ anh ta trên đường dây, tôi ra hiệu cho Phil Custer, người vừa mới bước vào. Với tư cách là Trưởng Căn Cứ Sài Gòn, ông ấy nên biết tại sao cảnh sát không hợp tác. Nhưng khi tôi hỏi anh ta, anh ta chỉ nhún vai. «Họ đã bị hối lộ,» anh ta nói một cách thờ ơ, rồi quay lưng đi. Tôi nhấc ống nghe lên lần nữa. «Đi đến cổng Đại sứ quán,» tôi nói với Beech. «Có thể chúng ta có thể kéo bạn lên.»

«Khi chúng tôi bước vào đám đông sôi sục đó, chúng tôi không còn là những phóng viên nữa,» Beech ghi lại. «Chúng tôi chỉ là những người đàn ông chiến đấu cho sự sống của mình, cào cấu, bám víu, tiến gần hơn đến bức tường đó...» Chúng tôi giống như những con thú. Bây giờ, tôi nghĩ, tôi biết cảm giác trở thành một người Việt Nam. Tôi là một trong số họ. Nhưng nếu tôi có thể vượt qua bức tường đó, tôi sẽ lại là một người Mỹ.

Có ai đó nắm lấy tay áo của tôi và không chịu buông ra. Tôi quay đầu lại và nhìn vào khuôn mặt của một thanh niên Việt Nam. 'Anh nhận nuôi tôi và đưa tôi đi cùng anh, tôi sẽ giúp anh,' anh ta hét lên. «Nếu không, anh không đi đâu cả.» Tôi đã nói tôi sẽ nhận nuôi cậu ấy. Tôi đã có thể nói bất cứ điều gì. Có phải điều này đang xảy ra với tôi không

? Đột nhiên cánh tay của tôi được tự do và tôi tiến lại gần bức tường. Có một cặp lính thủy đánh bộ trên tường. Họ đang cố gắng giúp chúng tôi và đá người Việt xuống. Một trong số họ nhìn xuống tôi. 'Giúp tôi,' tôi cầu xin. 'Xin hãy giúp tôi.'

Người lính thủy đánh bộ đó đã giúp tôi. Anh ấy với tay xuống bằng cánh tay dài và cơ bắp của mình và kéo tôi lên như thể tôi là một đứa trẻ vô dụng. Tôi nằm trên mái tôn, thở hổn hển như một con cá mắc cạn.

Beech và Merick lảo đảo bước vào phòng chờ của Polgar vài phút sau đó. Cả hai đều ướt đẫm mồ hôi và khó thở, và Merick trông như một xác chết đi bộ, khuôn mặt anh ta trắng bệch như cao su. Tôi lấy cho họ một ít nước ngọt từ tủ lạnh y tế ở tầng năm và chỉ họ đến bãi đáp trực thăng trên mái nhà. Beech

quay sang nhìn tôi. «Cảm ơn,» anh ấy nói, không ám chỉ đến điều gì cụ thể. Rồi anh ta dừng lại và chạy tay một cách lo lắng lên đầu hói của mình. «Chết tiệt thật !» Những người lính thủy đánh bộ đã để lại những người bạn Việt Nam và Nhật Bản của chúng tôi bên ngoài bức tường. Họ không thể, hoặc không muốn, kéo họ qua bức tường.»

Tại một biệt thự trên đường Trần Cao Văn, cách Đại sứ quán vài dãy nhà, Shep Lowman bước ra cổng chính để quan sát sự hỗn loạn trên đường phố phía bên ngoài. Sau gần bốn giờ, không có một chiếc xe buýt nào - ngoại trừ đoàn xe quá tải của Moorefield - xuất hiện, và 1.000 VIP người Việt Nam tập trung quanh ông bắt đầu trở nên hoảng loạn. Lo lắng và tuyệt vọng, anh ta lại gọi điện cho Mel

Chatman tại Đại sứ quán. Vâng, những chiếc xà lan vẫn còn ở Khánh Hội, ông được cho biết, nhưng về phần xe buýt, thì sẽ không có chiếc nào cả. Lowman từ từ cúp máy và quay sang một vài người Việt Nam gần đó. Tin rằng sự thẳng thắn là chính sách tốt nhất, anh ta đã lặp lại tin buồn cho họ. Nếu bất kỳ ai trong số họ muốn ra ngoài bằng xà lan, ông nói, họ sẽ phải đi bộ đến Khánh Hội.

Có một điệp khúc phản đối. «Có lẽ chúng ta nên ở lại đây,» một người trong số họ lập luận. «Có thể xe buýt sẽ đến.» Lowman lắc đầu. Và rồi, khi những người Việt Nam mặc cả với nhau, anh ta lén lút rời khỏi khuôn viên và hướng về Đại sứ quán, chen lấn và xô đẩy qua đám đông ồn ào trên đường phố.

Cách đó một đoạn, ông đi ngang qua biệt thự của mình và thấy hai người

bạn Việt Nam cũ, Đỗ Kiến Nhiễu, cựu thị trưởng Sài Gòn, và Thượng nghị sĩ Nguyễn Văn Ngãi, đang đứng ở cổng trước. Ông gọi họ và mời họ cùng đi với ông đến Đại sứ quán. Cả hai đều rất háo hức, nhưng Nhiễu hỏi liệu họ có thể chờ tại biệt thự vài phút cho vợ ông không. Ông đã gửi cô ấy xuống bến tàu vào buổi sáng sớm, và bây giờ muốn đón cô ấy về và đưa cô ấy đến Đại sứ quán nữa. Lowman đồng ý, và tất cả họ ngồi xuống trong phòng khách của ông trong khi phụ tá của Nhiễu chạy ra bến cảng để đón bà.

Lowman cố gắng nói chuyện phiếm để giảm bớt căng thẳng, nhưng ngay khi anh bắt đầu nói về thời tiết thì một vụ nổ làm rung chuyển ngôi nhà và một mảnh đạn bay vào qua cửa sổ, va vào tường phía sau ghế của Thượng nghị sĩ Ngãi. «Anh thực sự nghĩ chúng ta nên chờ đợi

sao ?» Lowman hỏi với vẻ lo lắng. Hai người Việt Nam nhìn nhau, rồi nhìn lại anh ta, và lắc đầu. Ngay lập tức cả ba lao về phía cửa. May mắn thay (như họ sẽ biết sau này), bà Nhiễu đã lên đường.

Vì sự chen lấn ở cổng chính của Đại sứ quán, Lowman và những người bạn của anh đã sang bên cạnh để cố gắng vào qua khuôn viên của Pháp. Ban đầu, các lính gác Pháp đã đuổi họ đi, vì Mérillon đã ra lệnh rõ ràng không cho phép bất kỳ người tị nạn nào vào. Nhưng cuối cùng, sau nhiều lần nài nỉ, Lowman đã có thể thuyết phục họ làm một ngoại lệ trong trường hợp của mình. Chỉ trong vài phút, anh ta và hai người bạn Việt Nam của mình đã chen chúc qua cánh cửa nối liền trong bức tường dẫn vào tòa đại sứ quán Mỹ.

Trong khi đó, Lacy Wright đang lang thang xuống một con hẻm cụt trong nhiệm vụ nhân đạo cuối cùng của mình. Ông đã hứa với một đồng nghiệp ở Washington rằng ông sẽ làm mọi thứ có thể để cứu cha vợ người Việt của anh ta. Nhưng trong tất cả những cuộc đi dạo của mình vào buổi chiều, anh vẫn chưa gặp được người đàn ông đó. «Cuối cùng tôi đã cố gắng lần cuối để tìm ông ấy,» anh ấy nhớ lại. «Nhà của ông ấy nằm trong một con hẻm ở khu phố trung lưu, đối diện với Bộ Y tế.» Tôi để xe tải bên ngoài và đi vào tìm ông ấy. Thật ngạc nhiên, cuộc sống ở đó vẫn diễn ra như thể không có cuộc khủng hoảng nào cả. Ở nơi khác, khắp thành phố, người Mỹ đang chạy trốn để bảo toàn mạng sống, trực thăng bay từ các mái nhà, sân bay đang bốc cháy. Nhưng ở đây mọi thứ thật yên tĩnh ; trẻ con thậm chí còn chơi

đùa trên đường phố.

Wright thò đầu vào một vài ngôi nhà nhỏ dọc theo con hẻm để hỏi về hành khách của mình, nhưng không ai dường như biết ông ta. Cuối cùng, anh ta bỏ cuộc và đi bộ trở lại chiếc xe van của mình. Lái xe chậm rãi qua đám đông trên phố, anh ta lái xe về biệt thự của mình gần Đại sứ quán. Những người lính gác Việt Nam của anh ta đã biến mất từ lâu, và vì anh ta không có chìa khóa riêng để mở cổng chính, anh ta buộc phải trèo qua tường. Bên trong, thế giới nhỏ gọn gàng mà anh đã tạo ra cho mình trong suốt năm rưỡi qua vẫn còn nguyên vẹn. Những cuốn sách, quần áo, đồ dùng gia đình - gần như tất cả những gì anh sở hữu - đều ở đúng chỗ của chúng, vì trong hai tuần qua anh chưa bao giờ tìm được một khoảnh khắc nào để gửi đi bất kỳ

đồ đạc cá nhân nào của mình. Anh ấy đã quá bận rộn để sơ tán người Việt.

Sau khi nhét một chiếc bàn chải đánh răng và một số đồ lót vào cặp tài liệu, anh gọi cho Eva Kim tại Đại sứ quán. Anh biết rằng 150 người Việt Nam vẫn đang chờ được đón tại một điểm hẹn gần đó và tự hỏi liệu anh có thể giúp được gì không. Nhưng Eva nói với anh rằng thời gian để giúp đỡ đã qua rồi. Điều kiện khắp thành phố đang nhanh chóng xấu đi, cô ấy nói. Đến Đại sứ quán ngay lập tức.

Wright mất chưa đầy ba phút để chạy bộ khoảng cách ngắn từ biệt thự của mình đến bức tường phía sau Đại sứ quán. Giống như Keyes Beech và nhiều người khác, anh ta bị lính thủy đánh bộ Mỹ kéo lên trên bờ tường khi những người Việt Nam hoảng loạn túm lấy và cào vào gót chân anh.

Một viên chức Bộ Ngoại giao khác mệt mỏi, người đã dành cả ngày trên đường phố, đã ở trong khuôn viên Đại sứ quán, cố gắng lấy lại hơi thở. Vài phút trước, Moorefield cũng đã bị kéo vào qua bức tường, và bây giờ, sau vô vàn cuộc phiêu lưu và những lần thoát hiểm trong mười hai giờ qua, dây thần kinh và cảm xúc của anh đang đòi hỏi một khoảng thời gian nghỉ ngơi. Anh ngồi trên bậc thềm sau của Đại sứ quán với đầu gục trong tay, và tự hỏi liệu mình có đủ sức để làm thêm gì nữa không. Có lẽ ông ấy chỉ nên lên tầng cao nhất của Đại sứ quán và chờ chỗ trên trực thăng để đi. Nhưng ngay khi suy nghĩ đó đến với anh, anh đã gạt bỏ nó. Anh ta là một cựu sinh viên tốt nghiệp West Point, sau cùng, một cựu sĩ quan chiến đấu. Chắc

chắn tài năng và đào tạo của anh ấy có thể được sử dụng vào một việc gì đó. Anh đứng dậy và nhìn chằm chằm với đôi mắt đờ đẫn vào hàng chục lính thủy đánh bộ đang đi đi lại lại dọc theo bức tường của khu vực. Vâng, đó chính là điều đó, anh ta nghĩ thầm trong lòng. Ít nhất thì anh ta có thể làm điều mà anh ta biết rõ nhất : đóng vai lính.

«Chúng tôi có một đại đội Thủy quân lục chiến bên trong khuôn viên bây giờ,» anh ấy nhớ lại, «nhưng chỉ có một vài sĩ quan, và không ai trong số họ quen thuộc với bố cục.» Với đào tạo và kinh nghiệm của mình, tôi cảm thấy có trách nhiệm phải giúp họ giữ trật tự nơi này, cố gắng giữ cho các binh sĩ trong hàng ngũ được thoải mái nhất có thể để họ không bị cám dỗ bắn vào đám đông.

«Một số vấn đề nghiêm trọng đã phát

sinh.» Bạn sẽ thấy một người Việt Nam bên trong hàng rào, phần còn lại của gia đình ở bên kia, và họ đều đang khóc lóc và van xin bạn mở cổng. Nhưng bạn biết rằng không thể cho một hoặc hai người vào mà không phải đẩy lùi hàng trăm người khác.

Trái với những gì một số câu chuyện trên báo chí đã nói, việc một người Mỹ vào trong khuôn viên không phải lúc nào cũng khó khăn như vậy. Thường thì người Việt Nam chỉ đứng sang một bên và để bạn tự leo qua tường. Có thể họ nghĩ rằng chúng tôi có quyền hơn họ - hoặc chỉ đơn giản là sợ rằng không ai sẽ vào được nếu người Mỹ không vào. Và tất nhiên là chúng tôi được trang bị vũ khí.

«Họ không khoan dung với những người đồng hương của mình.» Cố gắng

đưa một người Việt Nam qua cổng hoặc qua tường và đó sẽ là một cuộc hỗn loạn. Những người còn lại có lẽ nghĩ rằng họ cũng có quyền vào, và thực tế là nhiều người trong số họ đã có. Một số người trong số họ đang vẫy những tài liệu mà chính tôi đã đóng dấu vào ngày hôm trước.

Khi tôi bắt đầu di chuyển, Đại tá Madison từ Đội Quân sự Liên hợp đã phụ trách khu vực và những người của Marv Garrett từ Ban Quản lý Nhiệm vụ đã được giao nhiệm vụ kiểm soát dòng người từ khu vực giải trí đến các khu vực hạ cánh trong sân. George White, Tom Gramatikus và Steve Bray đã xếp hàng hành khách để họ có thể đưa họ đến bãi đáp trực thăng khi mỗi chiếc trực thăng hạ cánh.

Chạng vạng dường như đến khá

sớm, và chúng tôi nhanh chóng nhận ra sẽ có vấn đề về tầm nhìn cho các phi công. Các thủy quân lục chiến đã di chuyển một vài chiếc xe lên phía tiếp cận của bệ hạ cánh và bật đèn pha lên. Sau đó, chúng tôi mang ra một cái thang rất cao và tôi bò lên đỉnh và nối một đèn chiếu sáng vào phần tường giữa Đại sứ quán Pháp và của chúng tôi. Trong khi đó, một vài người bạn của Garrett quỳ xuống bốn chân và bắt đầu nhặt những mảnh gỗ chết tiệt từ cây đã bị chặt xuống vào buổi sáng. Chúng nằm rải rác khắp sân. Bạn có thể tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra nếu một trong số chúng bị cuốn vào luồng gió của trực thăng và đập vào mặt hoặc mắt bạn.

Khoảng 5 giờ chiều, Tướng Smith lại gọi điện cho Đại sứ quán để kiểm

tra số lượng người tị nạn ở đó. Lần đầu tiên ông nhận được một câu trả lời khá thẳng thắn. Một trong những cấp dưới của Jacobson vừa hoàn thành việc kiểm đếm số người ở sân trong và khu giải trí, và tính toán rằng có khoảng 1.500 đến 2.000 người cần phải sơ tán.

Tâm trạng của đám đông nhân loại này đã bắt đầu trở nên bất ổn và nguy hiểm. Mới chỉ có ba chiếc trực thăng quân sự đến để đón hành khách, và sẽ mất thêm bốn mươi phút nữa trước khi các chiếc CH-46 và CH-538 liên tục chở người giữa Đại sứ quán và hạm đội. Trong khi đó, những tin đồn về sự bỏ rơi và phản bội lan truyền qua đám đông như những tia lửa ngẫu nhiên, và hết lần này đến lần khác, để tăng thêm sự căng thẳng, tiếng súng vang lên qua các bức tường khi những kẻ cướp bóc và những

người lính lạc lõng tàn phá Đại sứ quán Anh bị bỏ hoang bên kia đường.

Trên tầng sáu của văn phòng chúng tôi, tôi cố gắng gạt bỏ những hỗn loạn xung quanh khi lúng túng qua những cuộc gọi điện thoại và lưu lượng cáp đang giảm dần. Nhưng bất kỳ sự tách biệt nào, tôi nhận thấy, đều là điều không thể. Như Polgar, tôi nhanh chóng trở thành nạn nhân của những cảm xúc khủng khiếp của khoảnh khắc.

Tôi vừa mới cúp máy với người Việt Nam thứ một trăm hay hơn đang hoảng loạn thì «Harry Linden,» một đồng nghiệp ở Đài, chen lấn qua đám đông ở hành lang bên ngoài và đẩy thêm một vấn đề nữa vào tay tôi. Khi anh ta nghiêng người về phía tôi qua bàn lễ tân, anh ta run rẩy, cặp kính kim loại dày của anh ta lấm tấm mồ hôi. «Các phiên dịch viên

của chúng tôi.» Họ đã bị lãng quên,» anh ta thở hổn hển. «Tất cả bảy mươi người họ và gia đình của họ.» Họ vẫn đang chờ được đón tại khuôn viên của họ gần Duc.

Linden, một phiên dịch viên kỳ cựu của CIA, cảm thấy có một cam kết nghề nghiệp đối với những người Việt Nam đã làm việc với ông, vì nhiều người trong số họ là chuyên gia trong lĩnh vực của họ, những người song ngữ xuất sắc đã thường xuyên hỗ trợ nhân viên của Đài trong việc dịch các tài liệu quan trọng và phỏng vấn các ứng viên tiềm năng. Trong số tất cả các nhân viên người Việt của chúng tôi, họ có lẽ là những người quen thuộc nhất với các hoạt động và nhân sự của CIA. Và thế nhưng, như Linden giờ đây thở hổn hển giải thích với tôi, viên sĩ quan CIA chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho họ đã rời khỏi bằng trực thăng

vào buổi sáng.

Tôi đẩy Linden vào văn phòng của Polgar và lắng nghe khi anh ta lặp lại các chi tiết cho Polgar. Nhưng Polgar nhanh chóng trở nên mất kiên nhẫn. «Đưa ai đó ra ngoài để giải quyết vấn đề,» ông ta ngắt lời, chỉ tay về phía chục sĩ quan CIA đang ngồi trên ghế và ghế sofa trong phòng chờ, uống Scotch và đùa giỡn với những câu chuyện hài hước. Tôi nắm lấy tay Harry và kéo anh ấy lại gần điện thoại. «Gọi họ đi,» tôi nói. «Bảo họ đến chỗ [Pittman].» Polgar đã gửi ba mươi người bạn của mình đến đó để đón trên mái nhà. Các phiên dịch viên có thể phải xếp hàng, nhưng ít nhất họ cũng sẽ có cơ hội.» Linden gật đầu, cầm điện thoại lên và bắt đầu quay số.

Khi anh ta liên tục đưa ra chỉ thị cho ai đó ở đầu dây bên kia, tôi có thể nghe

thấy tiếng búa đập và những tiếng nổ nhỏ vang vọng lên cầu thang từ tầng bốn của Đại sứ quán. Các sĩ quan truyền thông CIA đã bắt đầu phá hủy thiết bị radio kết nối chúng tôi với Washington. Họ chưa được chính thức cho phép làm như vậy, nhưng đã quyết định tiếp tục làm, chỉ để lại những thiết bị thiết yếu nhất đến cuối cùng. Chỉ vài phút sau khi bắt đầu sử dụng rìu và lựu đạn, Đại sứ Martin đã lao lên cầu thang từ văn phòng của mình ở tầng dưới. «Ngừng ngay cái tiếng ồn đó đi !» ông ấy nói khàn khàn qua cơn viêm thanh quản. «Tôi không thể nghe thấy chính mình đang nghĩ gì !» Các nhân viên CIA tiếp tục gõ vào máy tính, mặc dù nhẹ nhàng hơn.

Tôi ngồi đó trong phòng tiếp tân, lắng nghe Harry và tiếng búa đập, và tự hỏi không biết chúng tôi đã gần đến hồi

kết chưa. Tôi thò tay vào túi và rút ra một mảnh giấy nhăn nheo rồi đọc lại nó. Đó là báo cáo tình báo tuyên bố ý định của những người Cộng sản sẽ pháo kích vào Dinh Tổng thống lúc 6 giờ chiều. Tôi nhìn đồng hồ : còn chưa đầy một tiếng nữa!

Tướng Timmes đã gọi điện đến Dinh ngay sau 5 giờ chiều để hỏi Minh về những liên lạc gần đây của ông với Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam (PRG). Các đại diện của ông đã học được gì ở Tân Sơn Nhất ? Liệu cộng sản có quyết tâm thực hiện cuộc tấn công bằng pháo binh của họ không ? Minh vẫn như thường lệ, mơ hồ và không chắc chắn. Anh ấy đã cố gắng sắp xếp một cái gì đó, anh ấy nói, nhưng cho đến nay các đại biểu của Mặt trận Dân tộc

Giải phóng miền Nam Việt Nam đã từ chối thương thảo, cho rằng với tư cách là quân nhân, họ không thể giải quyết các vấn đề chính trị. Nhưng mọi thứ vẫn chưa mất hết, ông ta thêm vào. Ba người tự xưng là «người trung lập» thậm chí đang trên đường đến khu phức hợp của PRG để cố gắng thương thảo một lệnh ngừng bắn riêng. Khi Timmes nghe thấy những cái tên, anh không thể không cảm thấy một chút chua chát. Cả ba người - Trần Ngọc Liêng, một luật sư ; Giáo sư Chu Tâm Luân; và Cha Chân Tín, một linh mục Dòng Chúa Cứu Thế - đã từ lâu là những nhà phê bình nhiệt thành về vai trò của Mỹ ở Việt Nam. Việc số phận của những người Mỹ còn lại ở Sài Gòn giờ đây nằm trong tay họ có lẽ là sự mỉa mai cuối cùng của cuộc chiến.

Timmes biết rằng anh sẽ không

bao giờ gặp lại người bạn cũ Minh nữa, nhưng anh quyết tâm không chìm đắm trong những lời tạm biệt ủy mị. «Chào tạm biệt,» anh nói đơn giản, rồi cúp máy. Cuộc trò chuyện thực sự là cuộc cuối cùng của họ.

Theo hồi ký của Tướng Dũng, các đại biểu «trung lập» của Minh đã bị đối xử với những lời lẽ lảng tránh giống như bốn sứ giả của ông đã gặp phải vào buổi chiều trước đó. Trong một thông điệp qua đài phát thanh gửi cho Dũng, các thành viên của phái đoàn PRG sau đó đã hả hê về cách họ xử lý những vị khách. «Đồng chí Võ Đông Giang [người phát ngôn chính của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam] đã tiếp đón họ và xác nhận quan điểm của chúng tôi được nêu trong tuyên bố ngày 26 tháng 4 [kêu gọi bãi bỏ hoàn toàn chính quyền

Sài Gòn].» Sau cuộc nói chuyện, họ xin phép rời khỏi trại, nhưng khi chúng tôi nói với họ rằng pháo binh của chúng tôi đang nã pháo vào sân bay Tân Sơn Nhất và tốt hơn hết là họ nên ở lại qua đêm với chúng tôi, họ đã đồng ý ở lại.

Sứ mệnh của những người trung lập đã là hy vọng cuối cùng của Minh. Ông đã quyết định không thực hiện bất kỳ sáng kiến chính trị nào nữa, hoặc đầu hàng, cho đến khi ba người trở về. Quyết định của họ ở lại với phái đoàn PRG khiến ông ta bị tê liệt, không thể và không muốn hành động gì cả.

Với buổi chiều giờ đã gần hết, những chiếc kéo và xà lan Mỹ cuối cùng ở Khánh

Hội đã rời bến và hướng về phía nam đến Vũng Tàu, hầu hết trong số chúng vẫn chỉ đầy một nửa. Trong số những người trên tàu có một trong những viên chức của Đại sứ quán đã làm cho chuyến đi này trở nên khả thi ngay từ đầu, Bob Lanigan. Ngoại trừ một vài phát súng bắn tỉa rải rác gần cửa sông, chuyến đi xuôi dòng ra biển của ông diễn ra nhàn nhã như một chuyến đi chơi vào Chủ Nhật.

Một lát sau, đoàn xe buýt cuối cùng của DAO, với 800 người chen chúc bên trong, lao qua cổng chính của Tân Sơn Nhất. Đối với người đàn ông trong chiếc xe dẫn đầu - Captain Tony Woods, người bạn đồng hành cũ của Moorefield - chuyến đi cuối cùng này chắc chắn là một trong những chuyến tồi tệ nhất trong ngày. Các lính gác ở cổng đã từ chối năm lần không cho xe buýt vào, và

chỉ sau khi Tướng Smith lại đe dọa sẽ gọi không quân hỗ trợ, các lính gác mới vẫy tay cho họ đi tiếp.

Hai dặm xuống đường, tại chính trung tâm xử lý, Don Hays vẫn đang tải người Việt lên trực thăng nhanh nhất có thể với sức lực đang dần cạn kiệt của mình. Khoảng 5:30 chiều, Tướng Smith đã thông báo cho đội tàu sơ tán rằng vẫn còn khoảng 1.300 người sơ tán tiềm năng trong khu phụ và khuôn viên, bao gồm cả lực lượng bảo vệ Thủy quân Lục chiến, hiện có 840 người. Các nhà phân tích tại sở chỉ huy Không quân Thái Bình Dương số 7 ở Thái Lan ước tính sẽ mất ít nhất hai giờ nữa để đưa tất cả họ ra ngoài.

Giữa vòng tay thế giới, Tổng thống Ford, vẫn còn mơ màng sau bốn giờ ngủ không yên, thậm chí lúc đó đã gọi đến

trung tâm điều hành Nhà Trắng để nhận tin tức mới nhất từ khu vực chiến sự.

Ngay sau khi chạng vạng, thời tiết trở nên xấu đi, cái nóng ngột ngạt của buổi chiều nhường chỗ cho những cơn gió mạnh và thỉnh thoảng có sấm chớp. Cho đến bây giờ, các lính thủy đánh bộ trong sân Đại sứ quán đã hướng dẫn các máy bay trực thăng bằng tín hiệu tay và ngôn ngữ cơ thể, nhưng khi tầm nhìn giảm xuống, họ đã bật máy bộ đàm của mình - chỉ để phát hiện, với sự kinh hoàng, rằng không ai đã cung cấp tần số radio của các máy bay trực thăng cho họ. Sau vài cuộc gọi điện hoảng loạn đến DAO, Thiếu tá Kean cuối cùng đã xác định được kênh tần số chính xác.

Khi Lacy Wright lang thang vào văn phòng Đại sứ vào một thời điểm sau khi trời tối, anh đã bị sốc trước những gì mình thấy. «Có rất nhiều sự nhầm lẫn ở đó,» anh ấy sau này thổ lộ với sự khiêm tốn điển hình. Mười lăm hoặc hai mươi người chỉ đứng quanh đó, vặn vẹo tay chân hoặc khum khum khuỷu tay theo kiểu tiệc cocktail. Walter Burke, Tổng Lãnh sự, đang pha một ly đồ uống. Martin trông như một người đang mơ màng khi trò chuyện vô tư với George McArthur, người của Los Angeles Times. Chỉ có Eva Kim là dường như đang làm việc chăm chỉ, vừa phải xử lý ba hoặc bốn cuộc gọi điện thoại cùng một lúc. Ngay khi cô ấy tắt cuộc gọi trên một đường dây, đèn tín hiệu trên một đường dây khác bắt đầu nhấp nháy điên cuồng. «Tôi sẽ nhận,» Wright nói, nhấc ống nghe lên. Người gọi hầu như không thể nói rõ vì

khóc nức nở. «Chúng tôi đã ở đây cả ngày và không ai đến cứu chúng tôi,» anh ta lẩm bẩm, tự giới thiệu mình là một nhân viên người Việt của DAO. Anh ta và 200 người khác như anh ta đang ở trên một mái nhà nào đó trong trung tâm Sài Gòn, vẫn đang tìm kiếm sự cứu rỗi.

«Quá muộn cho xe hơi hoặc trực thăng rồi,» Wright nói với anh ta một cách mệt mỏi. «Bạn sẽ phải đi bộ xuống bến tàu.» Một số tàu có thể vẫn đang bốc hàng.

Có một khoảng im lặng ngắn trên đường dây, rồi : «Ý bạn là bạn sẽ để chúng tôi ở đây chết sao ?»

«Nghe này,» Wright đáp, «bạn chỉ có một cơ hội thôi.» Bạn sẽ phải rời khỏi tòa nhà và xuống các bến tàu.

Vậy là bạn sẽ không giúp chúng tôi. Chúng ta sẽ đều chết ở đây.

Wright lặp lại hướng dẫn của mình, cố gắng trấn an người gọi, nhưng trước khi anh có thể chắc chắn rằng người đàn ông đã hiểu, đường dây đã ngắt.

Trên bậc thềm phía sau Đại sứ quán, Ken Moorefield đang vội vàng hoàn thành bữa ăn C-rations và cố gắng tận hưởng một khoảnh khắc thư giãn. Nhưng ngay khi anh đang gắp miếng đậu cuối cùng và xúc xích, một nhân vật quen thuộc đã tách khỏi đám đông trong sân và lao tới. Đó là một trong những thành viên ICCS người Iran mà Moorefield đã gặp khi phục vụ như một sĩ quan liên lạc cho phái đoàn vài tháng trước, mặc dù bây giờ anh ta hoàn toàn

không phải là nhà ngoại giao điềm tĩnh và xa cách mà Moorefield nhớ. Vài phút trước, anh ta và các đồng đội đã được vào khuôn viên qua cánh cửa bí mật từ Đại sứ quán Pháp và giờ đây đang bị kẹt giữa đám đông người Việt đang chen lấn tại bệ. Họ rõ ràng không thích hòa mình vào đám đông và muốn được đối xử đặc biệt. Moorefield có giúp được không ?

«Chà, tôi không có nghi ngờ gì,» Moorefield nói sau đó, «rằng với tầm quan trọng của vị trí của họ, chúng tôi phải đảm bảo rằng các đại diện của chính phủ của Ngài được chăm sóc.» Vì vậy, tôi đã tự mình dẫn họ qua đám đông và lên văn phòng của Martin. Nhưng không may, như chúng tôi sớm phát hiện ra, họ đã mang theo một cuộc khủng hoảng nhỏ. Trong quá trình chen chúc qua cánh cửa từ Đại sứ quán Pháp, họ đã

làm rơi thiết bị mã hóa của mình và để lại bên phía Pháp. Cánh cửa đã đóng lại quá nhanh đến nỗi họ không thể kéo nó qua được. Bây giờ người phụ trách thiết bị, người chịu trách nhiệm về thiết bị, đang hoàn toàn phát điên ! Đó là chức năng duy nhất trong cuộc đời của anh ta là bảo vệ an ninh của thiết bị đó, và ý tưởng về việc nó rơi vào tay một chính phủ nước ngoài - đặc biệt là Pháp - khiến anh ta rất lo lắng. Tôi đoán ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ bị đưa ra trước một đội xử bắn ngay khi trở về Tehran. Đại sứ Iran đã nói với Martin về vấn đề này và Martin đã gọi cho Mérillon. Không có ích gì. Chúng tôi không lấy lại được thiết bị. Người Iran đã rời đi trên chiếc trực thăng tiếp theo mà không mang theo nó.

«Sau sự cố nhỏ đó, tôi lại nghỉ ngơi một chút.» Tôi lấy một cái ghế và ngồi

xuống bậc thang sau của Đại sứ quán để ngắm cảnh. Đây là cơ hội đầu tiên sau mười ngày tôi có thể tham gia cùng khán giả và tôi đang cố gắng tiếp nhận cảnh tượng và những hệ lụy của nó. Hệ thống trực thăng đang hoạt động hết công suất, mặc dù việc cất cánh vẫn tiếp tục là một vấn đề. Không có nhiều không gian chạy trong sân và điều đó có nghĩa là mỗi phi công phải cho máy bay của mình hết công suất, sau đó nâng nó lên qua tường với một góc nghiêng nhẹ. CH-53 là một chiếc trực thăng nặng, và các lính thủy đánh bộ đang chở khoảng bảy mươi người trên mỗi chiếc, gần như là tải trọng tối đa.

Một vài lần, các luồng không khí suýt nữa đã mang lại thảm họa cho chúng tôi. Một chiếc trực thăng sẽ bay lên cao khoảng mười feet rồi lại hạ xuống, bay

lên khoảng mười feet rồi lại hạ xuống, trong khi tất cả chúng tôi đều nín thở. Cuối cùng, phi công sẽ có đủ sức mạnh và không khí bên dưới để cất cánh. Nhưng tất cả chúng tôi đều có những cơn ác mộng về một trong những chiếc máy bay đó đâm vào tường của Đại sứ quán. Và nếu một cánh nào đó rơi xuống sân, thì sẽ có một cuộc hảm sát.

Những phi công Hải quân đó đã làm một công việc tuyệt vời. Đó là cách duy nhất để mô tả điều đó - đặc biệt khi bạn xem xét tất cả những gì họ phải đối mặt. Không chỉ họ điều hành một chuyến xe đưa đón không ngừng giữa sân, mà họ cũng nhanh chóng tiếp quản công việc đón khách trên mái nhà từ Air America. Cái mệt mỏi ập đến chắc hẳn phải khủng khiếp lắm.

Và, tất nhiên, các chàng lính Thủy

quân Lục chiến và Lục quân trên mặt đất cũng đã làm một công việc tuyệt vời. Việc điều phối phải được thực hiện nhanh chóng và hiệu quả để không có chiếc trực thăng nào ở lại trên bãi đỗ lâu hơn mức cần thiết. Điều đó có nghĩa là ngay khi bánh xe chạm đất, mọi người phải chạy ngay đến cửa sau. Hơn nữa, bạn có lẽ biết rằng luồng gió từ một trong những chiếc đó mạnh như chín mươi dặm một giờ, vì vậy có nguy cơ thực sự rằng một số phụ nữ và trẻ em sẽ bị thổi bay.

Thỉnh thoảng, một trong những sứ giả của Đại sứ - Wolf Lehmann, George Jacobson, Brunson McKinley - lại xuống để thể hiện sự hiện diện và đưa ra lời khuyên. Tất cả bọn họ đều tỏ ra rất quan trọng, với những chiếc radio nhỏ và vẻ mặt lo lắng, như thể họ đang kiểm soát mọi thứ. Nhưng thực tế, quân đội đang

điều hành mọi thứ một cách rất hiệu quả mà không cần sự giúp đỡ của họ chút nào.

Một lần, George McArthur bước ra ngoài bậc thềm, với cặp kính hai tròng, rất điềm tĩnh, rất lịch lãm, hoàn toàn không bị rối loạn, bạn biết đấy, không tốn chút sức lực nào cả. Ông ấy không ghi chép hay chụp ảnh. Ông ấy chỉ đang quan sát.

Tôi biết họ đang uống rượu ở trên lầu. Có một quầy bar mở ở văn phòng Đại sứ và tôi đoán cũng có ở văn phòng của Polgar. Dựa trên những trải nghiệm của tôi trong mười ngày qua, điều này khiến tôi cảm thấy chua chát. Đây là những người không có trách nhiệm với những tiến bộ mà chúng tôi đã đạt được, cố gắng nuôi dưỡng ảo tưởng rằng họ đã kiểm soát được - ngay cả khi họ đang ở

trong phòng Tổng lãnh sự để tham gia giờ xã giao. Tôi không nói Đại sứ là như vậy. Tôi tưởng tượng ông ấy chưa bao giờ uống một giọt nào. Bạn biết tính cách của anh ấy mà. Nhưng đối với phần còn lại...

Dù sao thì, tôi cũng chỉ là một người quan sát lần đầu tiên sau nhiều ngày, ngồi trên bậc thang, mổ xẻ trải nghiệm này, nghĩ rằng mình không có vai trò gì để đóng. Một lần nữa, tôi nghĩ rằng mình nên rời đi. Nhưng tôi đã hứa với bản thân một tuần trước rằng tôi sẽ ở lại đến cùng, và theo như tôi thấy, cái kết vẫn chưa đến.

Tôi nhớ đã nghĩ rằng chúng tôi thật may mắn. Rõ ràng là Bắc Việt đã quyết định để chúng tôi tiếp tục cuộc di tản này, vì việc đơn giản nhất trên thế giới là một kẻ khủng bố ném một quả bom

qua tường, hoặc một tay súng đơn độc trong một trong những tòa nhà bên kia đường bắn hạ một chiếc trực thăng. Tôi vẫn mang theo khẩu M-16 và khẩu 38 Smith and Wesson của mình, nhưng tôi biết không ai trong chúng tôi có thể bảo vệ khu vực này nếu VC muốn loại bỏ chúng tôi khỏi hoạt động.

Trên thực tế, Moorefield đã đánh giá cao Bắc Việt Nam hơn mức cần thiết. Kể từ khi bình minh, ba hoặc bốn máy bay Nam Việt Nam đã bị hỏa lực mặt đất của quân cộng sản bắn hạ ngay ở ngoại ô Sài Gòn, và chỉ một tiếng rưỡi trước đó, lực lượng BV cách thành phố mười hải lý về phía đông bắc đã khai hỏa vào hai chiếc máy bay Phantom của Mỹ bằng một loạt tên lửa SA-7. Các máy bay chiến đấu đã đáp trả bằng cách tấn công các vị trí phóng tên lửa bằng chính tên lửa của họ,

những «Wild Weasels» tìm kiếm nhiệt. Lửa từ các vụ nổ thứ cấp vẫn đang bùng cháy. Thực tế, người Mỹ đã trở lại cuộc chiến.

37. Buổi tối

Kim đồng hồ treo tường trong phòng chờ tạo thành một đường thẳng gần như hoàn hảo - gần sáu giờ. Tôi ngồi xuống bàn lễ tân và nghịch ngợm một cách vô thức với các dây đai của một chiếc áo giáp bỏ đi. Liệu cộng sản có nhận được thông điệp của Timmes kịp thời không ? Hay chúng ta chỉ còn vài phút nữa là bị một trận pháo kích lớn của BV ? Không có ai trong số bốn hoặc năm sĩ quan CIA khác ở phía bên kia phòng biết gì về báo cáo tình báo dự đoán cuộc tấn công. Sự thờ ơ của họ gần

như khiến tôi cảm thấy khó chịu không kém gì viễn cảnh của cuộc tấn công.

Đúng sáu giờ, một tiếng nổ lớn vang vọng khắp tòa nhà, và theo bản năng, tôi trượt xuống vài inch trong ghế của mình, như thể tôi có thể đào sâu vào để tránh khỏi cơn bão tàn phá mà tôi chắc chắn sẽ theo sau. Nhưng những khoảnh khắc trôi qua - những khoảnh khắc dài đằng đẵng và đau đớn - và tiếng vang dần tắt mà không có một tiếng súng đơn lẻ nào để đánh dấu nó. Polgar bước ra khỏi văn phòng và liếc nhìn tôi. Rõ ràng, trong tất cả sự nhầm lẫn của buổi chiều, ông ấy đã quên báo cáo tình báo. Chỉ có vụ nổ đó mới khiến anh nhớ lại.

Ken Moorefield thậm chí vào lúc đó đang loạng choạng đi qua bãi cỏ của Đại sứ quán với khẩu M-16 sẵn sàng. «Tôi nghĩ rằng một quả lựu đạn hoặc một quả

bom đã nổ,» anh ấy nhớ lại, «nhưng khi tôi đến cổng chính, tôi thấy một chiếc xe Volkswagen camper bốc cháy dữ dội bên kia đường.» Một tên ngu ngốc người Việt đã thả một que diêm xuống bình xăng. Rồi thì - bùm ! Một vài người đã bị thương, nhưng tôi không quá háo hức để lại gần và tìm hiểu có bao nhiêu người. Hai hoặc ba người lính thủy đánh bộ ở cổng muốn cung cấp sơ cứu, nhưng tôi đã bảo họ quên đi. Họ sẽ trở thành mục tiêu dễ dàng cho bất kỳ tay bắn tỉa nào trong đám đông.

Trong khi đó, cách đó ba dặm tại Tân Sơn Nhất, đã xảy ra giao tranh tại khu vực phụ trợ của DAO. Don Hays, hai công dân Mỹ khác và một số lính thủy đánh bộ đang bận rộn thu gom một nhóm hành khách khác thì sự cố xảy

ra. Ngay lập tức, lính dù Việt Nam đã tràn vào qua các lỗ hổng trên hàng rào ở phía xa của khu nhà bắt đầu nã đạn vào họ. Các thủy quân lục chiến đã phản ứng nhanh chóng và hiệu quả, đầu tiên là bắn trả, sau đó là khống chế các tay bắn tỉa trong một cuộc rượt đuổi điên cuồng qua đám đông. Khi Tướng Smith tại tòa nhà tổng hành dinh biết chuyện gì đã xảy ra, ông đã ra lệnh cho nhân viên của mình di chuyển tất cả những người sơ tán ngay lập tức đến khu vực an toàn hơn của khu phức hợp DAO. Phần phụ lục sẽ được đóng cửa hoàn toàn.

Một đại tá Thủy quân lục chiến đã báo cho Hays về sự thay đổi và nói với ông rằng xe buýt sẽ đến ngay lập tức, để đưa 1.000 người sơ tán còn lại đến khu chính. Hays và hai người dân thường khác ngay lập tức bắt đầu tập hợp hành

khách. Nhưng chưa kịp tập hợp được chuyến xe buýt đầu tiên chở năm mươi người thì một thông điệp radio từ trung tâm điều khiển DAO đã vang lên. Các lính dù Việt Nam vừa mới chiếm lĩnh đoạn đường cao tốc giữa khu phụ và khuôn viên. Những chiếc xe buýt sẽ không thể đi qua.

Chỉ còn một lựa chọn thực tế duy nhất mở ra cho Hays và các đồng đội của anh. Một hàng nhà Quonset đứng dọc theo rìa phía nam của khu phụ, và phía bên kia là sân bóng chày DAO và một trong các khu vực hạ cánh. Nếu những người sơ tán được dẫn ra qua các tòa nhà, họ có thể chạy bộ mà không bị phát hiện một đoạn ngắn đến bãi đáp. Vài phút sau, những người sơ tán đầu tiên đã được đưa lên đường.

Trong vòng nửa giờ, khu phụ đã bị

bỏ trống và lính thủy đánh bộ bắt đầu rút lui về phía các tòa nhà gần sân bóng chày. Nhưng khi các hàng ngũ của họ sụp đổ và những người cuối cùng trong số họ rút lui qua bãi đậu xe, một nhóm lính dù Việt Nam đột nhiên phá vỡ hàng rào ở phía bên kia của khuôn viên và lao theo họ. Một trong số các lính thủy đánh bộ đã ném một ngọn đuốc vào dãy nhà ở gần nhất, từng là nơi trú ngụ của quân đội Mỹ. Ngay lập tức, nó bùng cháy, ngăn cách các lính dù khỏi quân đội Mỹ khi họ lén lút ra khỏi khu phụ và hướng về khu vực hạ cánh.

Bên trong khuôn viên DAO, cách đó vài trăm thước, Nelson Kief, nhân viên DAO từ Pleiku, vẫn đang bình tĩnh tiêu hủy các tài liệu mật còn lại của mình. Anh vừa mới lục vào ngăn kéo cuối cùng của mình thì thấy hai sĩ quan quân đội bên

ngoài cửa sổ, đang đổ xăng vào hai thùng thiếc. Đó là một cơ hội, anh ta nghĩ thầm trong lòng, và bắt đầu gom rác lại. Khi anh ta mang nó ra ngoài, các sĩ quan đã biến mất và hai thùng đứng không có ai trông coi. Kief lén lén lại gần một trong số chúng và mở nắp ra, suýt nữa ngất xỉu khi thấy những gì bên trong. Nhét ở đáy, trong những bó gọn gàng, là hàng triệu đô la tiền mặt. Xăng đã thấm vào một vài tờ tiền, nhưng phần còn lại dường như vẫn còn mới nguyên.

Kief nhìn chằm chằm vào kho báu một lúc, không thể tin vào mắt mình. Ông biết rằng vào đầu ngày hôm đó, Tướng Smith đã ra lệnh tiêu hủy số tiền mặt cuối cùng của DAO. Rõ ràng, những gì nằm ở đáy các thùng là kho báu thực sự, hơn ba triệu rưỡi đô la bằng tiền lẻ. Chỉ còn thiếu một điều : một que diêm

duy nhất sẽ đốt cháy tất cả chúng. Theo hồ sơ của DAO, Kief nghĩ rằng trận đấu đó đã được áp dụng ; tiền đã được xóa bỏ. Vì thế, ông ta có thể với tay vào và lấy ra một nắm mà không ai hay biết.

Anh ta cho tay vào túi quần và đi vòng quanh cái trống. Liệu có thật sự là không trung thực không, anh ta tự hỏi, nếu chỉ lấy vài trăm đô la ? Chính thức thì số tiền đó đã không còn tồn tại nữa, sau tất cả. Và anh ta không xứng đáng nhận một chút đền bù cho tất cả những mất mát và hy sinh của mình trong vài tuần qua sao ? Trong hai lần sơ tán mà anh đã trải qua - ở Pleiku và Nha Trang - anh đã bị buộc phải bỏ lại mọi thứ mình sở hữu, thậm chí cả chiếc quần lót cuối cùng. Bây giờ anh ta có thể thực hiện tất cả những điều đó. Nhưng càng suy nghĩ về khả năng đó, anh càng cảm thấy

không thoải mái với nó. «Nhiều điều khác, cơ bản hơn, dường như quan trọng hơn rất nhiều vào lúc đó,» anh ấy nói sau đó. «Cuộc sống mà tôi đã biết trong ba năm qua đang tan rã xung quanh tôi.» Nhiều người bạn Việt Nam của tôi đã mất. Mình cần tiền làm gì chứ ? Anh ta đậy nắp lại lên các thùng và bỏ đi.

Trong phòng tiếp tân của Polgar, tôi vẫn đang cố thuyết phục bản thân rằng BV đã hủy bỏ cuộc tấn công bằng pháo khi điện thoại trên bàn trước mặt tôi reo. Trên tiếng ồn ào bên ngoài đường phố, tôi chỉ vừa nghe thấy giọng nói ở đầu dây bên kia. Đó là Út, tài xế của Polgar.

«Harry,» tôi hét lên, đưa ống nghe cho Linden, người đang dựa vào bàn đối diện với tôi. «Út đang ở đầu dây.» Xem

xem bạn có thể hiểu anh ta đang nói gì không ! Anh ấy đang la hét ầm ĩ bằng tiếng Việt.

Linden nói vài lời vào ống nghe, lắng nghe, rồi nhìn về phía tôi. «Nói rằng cầu thang lên mái nhà ở Gia Long đông nghẹt người.» Không thể di chuyển ba mươi người Việt Nam của anh ấy đến chỗ đệm. Anh ấy nên làm gì ? Polgar nghe lén cuộc trao đổi từ cửa văn phòng của mình. «Để hắn đến trước mặt Đại sứ quán, chết tiệt !» ông ta hét lên. «Tôi sẽ kéo anh ta và tất cả bọn họ qua tường ngay cả khi điều đó gây ra một cuộc bạo loạn.»

Khi Linden lặp lại thông điệp qua điện thoại, Polgar ra hiệu cho Phil Custer, Bill Johnson và một số sĩ quan trẻ tuổi đang tập trung trong phòng chờ. «Các bạn đều đi cùng tôi xuống bức tường,»

ông ấy nói. Tôi đứng dậy để gia nhập nhóm, nhưng Polgar lắc đầu. Pittman và tôi sẽ ở lại văn phòng, ông ấy chỉ ra, để xử lý những gì còn lại của công việc.

Một vài người được chỉ định ngay lập tức nhét súng lục và gậy vào thắt lưng của họ. Một trong những thuộc hạ đáng tin cậy của Custer đã quấn một băng đô trắng quanh đầu. Chỉ trong vài phút, họ đã chen lấn nhau ra khỏi đám đông trong hành lang. Harry Linden nhìn chằm chằm vào tôi, như thể đang chờ đợi một sự hướng dẫn nào đó, rồi quay lại và đi theo họ ra ngoài.

Nửa giờ sau, Polgar và các đồng nghiệp của ông vẫn đang kéo người Việt qua tường, với sự trợ giúp của một vài lính thủy đánh bộ miễn cưỡng. Trong

suốt quá trình đó, chính Polgar đứng dựa vào cổng chính, chỉ ra những người bạn trong đám đông. Trong khi đó, Bill Johnson đã trèo lên chính bờ tường để kéo phụ nữ và trẻ em qua. Ông ta dễ bị tổn thương và nổi bật như một bóng đen mục tiêu trên một bãi tập bắn. Nhưng kỳ diệu thay, không ai bắn vào anh ta. Thay vào đó, những người Việt Nam trên vỉa hè ngay bên dưới anh bắt đầu chen lấn và đánh nhau trong cuộc tranh giành điên cuồng để đến được vị cứu tinh người Mỹ cuối cùng này. Thỉnh thoảng, một người Việt Nam không mong muốn lại nắm lấy tay hoặc tay áo của anh ta và cố gắng kéo mình lên, nhưng lại bị một trong những người CIA hoặc lính thủy đánh bộ đá ra.

Khi Polgar và những người khác cuối cùng trở lại phòng chờ ở tầng sáu, họ đều có vẻ hơi choáng váng. Có hàng chục

khớp ngón tay bị chảy máu và móng tay bị xé rách trong số họ, và một vài thành viên của nhóm, những người rõ ràng đã chán ngấy với những hành động anh hùng, nhanh chóng thu dọn đồ đạc của họ và lảo đảo vào hành lang để chờ một chiếc trực thăng ra ngoài. Khi Polgar tự mình bước vào với dáng đi khập khiễng, ông mang theo một đống va li dưới cánh tay và bốn hoặc năm phụ nữ và trẻ em Việt Nam theo sau, và khi ông nhét tất cả họ vào một văn phòng bên, nước mắt và mồ hôi lấp lánh trên má ông như những đường chỉ thủy tinh nhỏ.

Một cuộc điểm danh nhanh đã cho thấy lý do cho sự u ám của anh ta. Bất chấp mọi nỗ lực của họ, Polgar và các đồng nghiệp chỉ kéo được một vài trong số ba mươi người được chọn qua bức tường. Và trong số những người họ đã

bỏ lỡ có một số người được yêu thích nhất, bao gồm Ut, người lái xe dũng cảm đã tổ chức cuộc giải cứu từ đầu. Polgar đi lang thang đến một cửa sổ và nhìn ra ngoài vào bóng tối. «Tôi nghĩ tôi đã thấy anh ấy trong đám đông,» anh ta cứ lẩm bẩm với chính mình, «nhưng tôi không thể đến gần anh ấy.» Tôi đơn giản là không thể.»

Khi anh ta lặp đi lặp lại những lời này, Harry Linden lê bước đến bàn tiếp tân và cố gắng giữ thăng bằng trên mép bàn. Ông ta nhìn tôi bằng đôi mắt vô hồn đáng sợ. «Không có ai trong số họ,» anh ta thì thầm. «Tôi không thấy ai trong số các phiên dịch viên của chúng ta ở đó.» Họ vẫn ở bên ngoài. Lost.»

Mười hoặc mười lăm phút sau, T. D.

Latz xô cửa bước vào phòng chờ. «ĐM bọn Việt,» anh ta gầm gừ khi băng bó bàn tay phải đang chảy máu. «Chạy tới chỗ tôi trên mái nhà ở Gia Long.» Tôi phải đấm một hoặc hai người để họ xếp hàng, một cách lịch sự. Chúng nhiều vô kể, thật đấy. Một số chuyến, tôi thậm chí không thể chen chân lên trực thăng. Phải ngồi trên bánh xe.»

Ông nhìn Polgar và nhăn mặt. «Tôi không biết liệu tôi có được bất kỳ đồng nghiệp nào của bạn không,» anh ta thêm vào. Polgar nhún vai tỏ vẻ từ bỏ và lê bước vào văn phòng của mình. Latz và tôi theo sau ông ấy. «Các phiên dịch viên vẫn chưa được nghe tin gì,» tôi nói. «Có lẽ chúng ta nên thử một lần đón trên mái nhà khác.»

Polgar không nói gì. Ông đứng ở bàn làm việc với đầu cúi xuống. Latz không

kiên nhẫn chen vào sự im lặng. «Không đời nào tôi có thể ra ngoài lần nữa,» anh ta khẳng định. «Không dễ gì hạ cánh trực thăng xuống một bãi đỗ lạ ngay cả khi trời sáng.» Sau khi trời tối, đó là tự sát.

Tại Washington, trong khi đó, Kissinger vừa gọi điện cho Tổng thống Ford trong phòng ngủ của ông để thông báo rằng việc sơ tán đang diễn ra suôn sẻ - mặc dù có thể chậm hơn so với kế hoạch.

Khoảng sáu giờ ba mươi, Air America đã kết thúc các hoạt động «triển khai» trên nóc nhà ở trung tâm Sài Gòn. Hầu hết các trực thăng của nó giờ đây đang cạn kiệt nhiên liệu một cách nguy hiểm, và như T. D. Latz đã nhấn mạnh với Polgar, sự xuất hiện của bóng tối khiến việc hạ cánh trên nóc nhà trở thành một canh bạc chết người.

Đối với một số nhân viên Đại sứ quán đã làm việc trên các bệ mái nhà suốt cả ngày, tuy nhiên, việc ngừng hoạt động đến quá sớm. Walt Martindale, một người trong số đó, đã khăng khăng trong suốt một tiếng rưỡi qua rằng cần phải điều thêm trực thăng để kéo người Việt ra khỏi khu chung cư của chính mình, không xa sân bay Tân Sơn Nhất. Từ vị trí của mình trên đỉnh tòa nhà, ông có thể thấy hàng nghìn người Việt Nam chen chúc trên các con phố bên dưới. Vào một thời điểm, nửa giờ trước, hai nhà thầu người Mỹ say rượu đã xô đẩy để vào cổng, và Martindale cùng một vài người bạn Việt Nam đã buộc phải xuống dưới và kéo họ ra ngoài. Hành động từ thiện chọn lọc này đã khiến đám đông bên ngoài trở nên cuồng loạn, và một

người phụ nữ Việt Nam, trong nỗ lực tự leo qua hàng rào xung quanh, đã bị mắc kẹt trên một cột kim loại. Bây giờ cô ấy treo lơ lửng như một con cá bị đâm, máu từ từ chảy ra trên áo dài trắng của cô.

Khi Martindale nhìn về phía những ánh lửa lấp lánh của Tân Sơn Nhất, ông thoáng thấy bóng dáng yếu ớt của một chiếc Air America Huey đang lao về phía tòa nhà. Hầu như ngay lập tức, một tiếng va chạm lớn vang lên từ sân, và đột nhiên hàng trăm người Việt Nam hoảng sợ đang tràn qua cánh cổng bị hỏng hướng về lối vào của tòa nhà.

Hai trung úy quân đội Việt Nam, những người đã giúp Martindale chất hàng lên trực thăng từ đầu buổi chiều, đã rút súng ra khỏi áo sơ mi của họ. «Chúng tôi sẽ giữ đám đông lại cho anh,» họ hứa với anh, «nếu anh đảm bảo chúng tôi sẽ

ra khỏi đây an toàn.»

Martindale gật đầu, và cả ba người họ nhảy vào cầu thang bộ bên trong tòa nhà để cố gắng khóa các cửa chớp thép gần trên cùng. Nhưng họ đã quá muộn. Hàng chục người Việt Nam đã bò lên cầu thang về phía họ. Martindale lùi lại lên mái nhà trong khi hai người bạn của anh chĩa súng vào đám đông. Vào lúc đó, chiếc Air America Huey lảo đảo hạ cánh xuống bãi đáp. «Nhanh lên !» «Đi nào !» phi công hét lên với Martindale. Nhưng viên chức trẻ của Đại sứ quán lắc đầu. Ông gọi hai lính VNCH trong ánh sáng mờ mờ của cầu thang. «Bắt đầu tổ chức một chuyến trực thăng.» Chúng ta sẽ chất hết những gì có thể lên máy bay !

Chỉ trong vài phút, mười người Việt Nam ôm chặt túi và trẻ em đã lảo đảo lên mái nhà và Martindale nhanh chóng

dẫn họ đến trực thăng. Phi công tiếp tục phản đối : «Chúng tôi cần các bạn ! Không thêm người Việt Nam nữa.» Nhưng Martindale và cặp sĩ quan quân đội đã phớt lờ ông ta. Họ đã bắt đầu đếm một đợt khác.

Cuối cùng chiếc Air America Huey lăn bánh đi, chất đầy gấp đôi công suất bình thường của nó. Martindale nhìn nó mờ dần trong khoảng cách, rồi tiếp tục đếm lại. Nhưng ngay khi anh làm vậy, kỷ luật nghiêm ngặt của người Việt trên cầu thang đã bị phá vỡ. Có người hét lên, đám đông loạng choạng rồi lao lên mái nhà khi hai người bạn Việt Nam của Martindale vung súng của họ một cách vô ích. Martindale bị đám đông đẩy gần tới mép của tấm đệm. Một bà lão, một mama-san, đã đánh vào bên đầu của anh ta, và trong một luồng ánh sáng, thế giới

trở nên im lặng. Mọi người và mọi thứ xung quanh dường như đều chậm lại. Khóe mắt anh nhìn thấy một chiếc trực thăng Huey khác của Air America bay tới từ trong bóng tối. Đám đông xung quanh anh ta rút lui khỏi nó, tạo thành một khoảng trống khi nó hạ cánh. Phi công bây giờ đang ra hiệu cho anh ta, tất cả đều như đang diễn ra trong chuyển động chậm, miệng lẩm bẩm những từ «Lại đây ! Lại đây !» Đi nào !» Một người khác trong buồng lái đang cầm một khẩu M-16 chĩa vào đám đông. Sự khẩn trương của khoảnh khắc dường như đột ngột biến mất. Martin-dale đứng thẳng dậy, ra hiệu cho hai trung úy quân đội theo sau, và đi bộ thong thả về phía trực thăng. Khi anh và hai người bạn bị kéo qua cửa hầm, âm thanh và sự kinh hoàng của cảnh vật xung quanh anh lại ùa về trong tâm trí như một sự tiết lộ. Anh ta

khóc không kiểm soát được khi chiếc trực thăng bay lên trời, những người Việt Nam bị bỏ lại trên mái nhà bên dưới ném những lời cầu xin và chửi bới theo anh.

Nhưng cuộc phiêu lưu của Martindale vẫn chưa kết thúc. Phi công, lo lắng về nguồn nhiên liệu đang cạn kiệt, đã quyết định cố gắng hạ cánh tại Tân Sơn Nhất, tại nhà ga Air America đã bị bỏ hoang cho các binh lính Việt Nam tấn công trước đó trong ngày. Khi chiếc trực thăng quay vào khu vực bốc dỡ hàng, không có quân đội nào được nhìn thấy, và một trong những thợ máy của Air America trên tàu nhảy ra và bắt đầu lục lọi với các bơm nhiên liệu. Một người khác, là người Philippines, lao về phía doanh trại gần đó nơi đặt văn phòng của công ty. Khi ban quản lý của hãng hàng không

rời khỏi khu vực vào sáng hôm đó, họ đã bỏ quên việc tiêu hủy 50.000 đô la được cất giấu trong một chiếc két nhỏ trong văn phòng. Đội bay của trực thăng Martindale giờ đây quyết tâm bù đắp cho sự sơ suất đó. Nhưng khi người Philippines đang tuyệt vọng vặn vẹo khóa kết hợp, một số lính lẻ tẻ của quân đội Việt Nam xuất hiện ở phía xa của đường băng và bắt đầu bắn vào chiếc trực thăng đang đứng yên. Chỉ trong chốc lát, tất cả hành khách đã quay lại trên tàu mà không có tiền. Bốn mươi phút sau, họ đang trèo ra boong tàu của USS Midway ở Biển Đông.

Chiếc Huey đã đưa Martindale và các đồng đội của anh đến nơi an toàn là một trong những chiếc trực thăng Air America cuối cùng rời Sài Gòn vào buổi tối hôm đó. Kể từ giữa buổi sáng, khi các

chuyến đón trên nóc nhà bắt đầu, các phi công dũng cảm và anh hùng của công ty đã vận chuyển hơn 1.000 hành khách đến Đại sứ quán, DAO hoặc hạm đội. Đó chắc chắn không phải là một thành tựu nhỏ, đặc biệt là khi xem xét thực tế rằng sức chứa tối đa của mỗi chiếc Huey chỉ khoảng mười hai người.

Xuống phố từ Đại sứ quán, tại Dinh Tổng thống, Minh giờ đang đi đi lại lại lo lắng quanh văn phòng trống rỗng của mình. Vẫn chưa có tin tức gì từ phái đoàn PRG tại Tân Sơn Nhất, và một số trợ lý thân cận nhất của ông đang thúc giục ông tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Nhưng ông không thể tự mình làm điều đó. Quá nhiều đồng bào của ông sẽ nghĩ xấu về ông, ông nói. Ông sẽ hoãn bất kỳ quyết định nào như vậy cho đến khi ông

thành lập nội các của mình. Ít nhất, như vậy, những người khác cũng sẽ bị buộc phải chia sẻ sự nhục nhã.

Tại Đại sứ quán, những người từng là trụ cột trước đây cũng không ngần ngại từ bỏ vị trí của mình. Shep Lowman đã bắt một chiếc trực thăng từ mái nhà lúc 7 giờ tối, và một số đồng nghiệp của anh ấy đã theo sau. Một người nữa đã quyết định rằng thời gian đã hết là người bạn cũ và đồng nghiệp phân tích của tôi, Joe Kingsley. Từ giữa buổi chiều, anh đã giúp lính thủy đánh bộ trong sân để đưa hành khách lên trực thăng, nhưng lúc này cơn say kéo dài mười hai giờ đã khiến anh không thể chịu đựng nổi. Giọt nước tràn ly, hóa ra, là một phóng viên Mỹ.

Mỗi chiếc trực thăng quân sự bây giờ đang chở từ sáu mươi đến tám mươi hành khách, vượt quá sức chứa, và

khoảng một giờ trước, lính thủy đánh bộ đã quyết định không chở hành lý để đảm bảo tối đa chỗ ngồi. Nhưng một số phóng viên ảnh trong sân đã không nhận được thông báo, hoặc đã chọn phớt lờ nó, và giờ đây đang yêu cầu được mang tất cả thiết bị của họ lên máy bay.

Tuy nhiên, họ đã không tính đến Joe Kingsley. Khi một trong số họ cố gắng đẩy một bà lão Việt Nam sang một bên và đẩy máy ảnh cùng chân máy vào cabin, Kingsley đã vỗ vai anh ta, đấm thẳng vào hàm anh ta và ném máy ảnh của anh ta vào bụi rậm. Với điều đó, Joe nghĩ rằng anh đã làm được việc tốt cho ngày hôm đó và tự kéo mình lên chiếc CH-53 tiếp theo. Ngay sau gót chân của anh ta là người bạn Green Beret, người đã quyết định, sau tất cả, không «đi xuống cùng con tàu.»

Tầng ba của Đại sứ quán, trong phòng của Đại sứ, Lacy Wright vẫn đang giúp Eva Kim với điện thoại. Ngay sau 7 giờ tối, một người Pháp, người đã trú ẩn trong Đại sứ quán New Zealand bỏ hoang đối diện với nơi ở riêng của Martin, đã gọi điện cầu cứu để giúp di tản một số người Việt Nam cùng với anh ta. «Chỉ cần giữ họ lại đó,» Wright khuyên anh ta. «Tôi nghi ngờ rằng người Bắc Việt sẽ tôn trọng các phái bộ ngoại giao nước ngoài.»

Người Pháp dừng lại một chút, rồi yêu cầu Wright chuyển một tin nhắn cá nhân đến Martin. Những kẻ cướp người Việt, ông báo cáo, vừa mới đột nhập vào biệt thự của Đại sứ. Trong sự hỗn loạn, chính ông ấy đã kịp cứu vớt ít nhất một món đồ và sẽ gửi nó cho Martin tại Bộ

Ngoại giao. Đó là một bức ảnh có chữ ký của cựu Tổng thống Nixon.

Trong hành lang bên ngoài phòng chờ của Polgar, hàng người sơ tán đã gần như hoàn toàn là người Việt Nam. Có rất ít người Mỹ trong số họ, và thậm chí còn ít hơn trong văn phòng chính của Polgar, có lẽ không quá mười lăm người, bao gồm cả Polgar, Pittman, Timmes, Custer, Bill Johnson, một số nhân viên truyền thông và vài người cấp dưới được chọn như tôi. Ngoài nhóm người bám theo trong văn phòng Đại sứ, có thể khoảng một tá sĩ quan Bộ Ngoại giao vẫn còn ở Đại sứ quán, giúp các lính thủy đánh bộ dẫn dắt hành khách lên sân thượng.

Đám đông người Việt Nam giờ đây chen chúc ở mọi góc của tòa nhà là một bức tranh ghép của những hy vọng đã tàn. Nhiều người mang theo tất cả những

gì họ có trong những chiếc túi giấy nâu nhỏ. Một số người mang theo chó và mèo dưới cánh tay. Những đứa trẻ nhìn chằm chằm trong sự bối rối trước sự hỗn loạn xung quanh chúng, và khi hệ thống điều hòa không khí của Đại sứ quán hỏng, mùi hôi và cái nóng trong các hành lang trở nên không thể chịu nổi. Thỉnh thoảng tôi đi dọc theo hàng, phát nước hoặc khẩu phần C từ kho dự trữ khẩn cấp của Trạm, không cái nào (may mắn thay) đã bị khóa lại. Thỉnh thoảng Polgar bước ra khỏi văn phòng để đọc thông tin trên mạng lưới truyền thông của chúng tôi hoặc kiểm tra nhóm người Việt Nam mà ông đã đưa lên từ bức tường. Một trong số họ, một người phụ nữ xinh đẹp phi thường có cha mẹ người Việt-Pháp, ngồi khóc suốt buổi tối tại một bàn làm việc trong một văn phòng bên với một đứa trẻ nhỏ trong tay. Trong đám đông

ở bức tường, cô đã bị tách khỏi chồng là một sĩ quan quân đội Việt Nam và hai đứa con lớn hơn. Họ đã bị bỏ lại trong đám đông bên ngoài.

Các lính thủy đánh bộ trên mỗi tầng tiếp tục làm việc nhanh chóng và hiệu quả, dẫn dắt những người Việt Nam đã tập trung lên mái nhà. Hầu hết các lính, ở độ tuổi cuối teen hoặc đầu hai mươi, quá trẻ để đã từng chiến đấu trong cuộc chiến hoặc đã từng diễu hành cùng những người biểu tình bảy hoặc tám năm trước, và từ vị trí của tôi trong phòng chờ, tôi quan sát họ với sự ngưỡng mộ và một chút ghen tị. Đối với họ, đây chỉ là một công việc. Họ cuối cùng sẽ có thể rời khỏi đó với một kỳ nghỉ phép hoặc vài huy chương thêm và không cảm thấy mất mát gì.

Một trong số họ nhìn thấy một đồng

nghiệp của tôi trong phòng chờ đang rót mạnh vào chai cognac. «Chuyện gì đang xảy ra ở đây vậy ?» anh ta hỏi, bước nhanh đến bàn làm việc của tôi. «Các cậu không biết là đang có chiến tranh à ?» Các cậu nên rời khỏi đây đi.» Tôi nhẹ nhàng dẫn anh ấy quay lại cửa, giải thích rằng chúng tôi đang tham gia vào việc sơ tán «đặc vụ.» Anh ấy nhìn tôi với một sự kính nể nhất định. «Các anh là điệp viên à ?» anh ta hỏi một cách bí mật. Tôi gật đầu. «Vậy thì, nếu vậy, thì cứ ở lại đi,» anh ấy nói, rồi quay lại với đám đông trong hội trường.

Tướng Smith đã dự định ở lại vị trí của mình miễn là Martin cần ông. Mặc dù ông đã nhận được lệnh từ Gayler để sơ tán, ông vẫn cảm thấy trách nhiệm đầu tiên của mình là với Đại sứ. Nhưng

ngay cả khi các thủy quân lục chiến tại khu vực hạ cánh gần đó trên sân bóng chày DAO gửi những người sơ tán cuối cùng của họ đi, Smith vẫn buộc phải thay đổi kế hoạch của mình.

Yếu tố quyết định là mất điện - điện năng. Khoảng 7:15 tối, đèn trong trung tâm điều hành sâu bên trong tòa nhà trụ sở DAO bỗng nhiên tắt ngấm. Một trong những nhân viên của Smith sớm phát hiện ra rằng một kẻ phá hoại người Việt đã làm ngắn mạch một đường dây điện vào bằng một cây gậy gỗ dài. Một máy phát điện khẩn cấp đã được khởi động ngay lập tức, nhưng các kỹ thuật viên của DAO, khi khảo sát thiệt hại, phát hiện rằng dòng điện tăng đột biến trên các mạch đã làm hỏng trạm vệ tinh hỗ trợ liên lạc của DAO với Washington và phần còn lại của thế giới. Smith được

thông báo rằng sẽ mất khoảng bốn mươi phút để đưa trạm phát sóng trở lại hoạt động. Với chỉ ba mươi nhân viên còn lại bên cạnh, ông quyết định rằng không đáng để cố gắng.

Lúc 8 giờ tối, giờ Sài Gòn, Smith dẫn nhân viên của mình ra khu vực hạ cánh trên sân tennis. Khi họ đang xếp hàng để lên chiếc trực thăng đang chờ, một chiếc xe buýt chở đầy người Việt Nam dừng lại bên ngoài cổng. Smith đứng sang một bên và để những người đến muộn này chiếm chỗ của mình. Ông và vài nhân viên còn lại của mình đã lên chiếc trực thăng tiếp theo. Họ đã cất cánh lúc 8:15.

Trong số những người bay cùng với tướng và nhóm của ông có Don Hays, người rất mệt mỏi. Khi chiếc CH-53 lớn lao lên qua rìa của khuôn viên, viên chức trẻ của Đại sứ quán đã nhìn lần cuối vào

Tân Sơn Nhất. Theo như anh thấy, sân bay rải rác những quả cầu lửa, mỗi quả chuyển từ màu xanh sang màu xanh lá cây rồi đến màu trắng sáng khi chúng lăn qua những hàng máy bay đang đậu. Anh nhìn chằm chằm vào những hình ảnh giống như trong phim Disney trong vài khoảnh khắc, không thể tin rằng chúng, và mọi thứ khác mà anh đã chứng kiến trong ngày hôm nay, giờ đây đã trở thành quá khứ không thể lấy lại. Cuối cùng, anh cúi đầu và ngủ, lần đầu tiên sau bốn ngày.

Từ điểm này trở đi, khu phức hợp DAO thuộc về Tướng Carey và lực lượng bảo vệ Thủy quân lục chiến của ông, và trong giờ tiếp theo họ tiếp tục đưa những người Việt Nam sơ tán phút chót lên những chiếc trực thăng ngày càng ít ỏi hướng về hạm đội. Chỉ có một cấp dưới

của Smith, một kỹ sư hợp đồng từ Công ty Điện lực Liên bang, đã ở lại để hỗ trợ. Nhiệm vụ của anh ta là đảm bảo rằng tất cả thiết bị truyền thông tinh vi của DAO đều được phá hủy đúng cách.

Từ khoảnh khắc chiếc trực thăng quân sự đầu tiên hạ cánh xuống sân Đại sứ quán vào khoảng giữa buổi chiều, Martin đã khăng khăng rằng việc sơ tán phải được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước ; người Mỹ sẽ không được ưu tiên. Nhưng như với hầu hết mọi khía cạnh của cuộc khủng vận, các chỉ thị của Đại sứ cuối cùng cũng không có giá trị gì trước áp lực của các sự kiện. Trong suốt buổi chiều muộn và buổi tối sớm, các viên chức Đại sứ quán với thiện chí đã kiên trì giúp đỡ bất kỳ ai họ chọn theo bất kỳ cách nào họ

có thể. Một số người đã đưa bạn bè Việt Nam lên đầu hàng chờ ; những người khác, như Polgar, đứng bên cổng, yêu cầu lính thủy đánh bộ mở cửa mỗi khi họ nhìn thấy một người bạn hoặc đồng nghiệp trong đám đông bên ngoài.

Cuối cùng, một trong những sĩ quan Giám sát Sứ quán đã không thể chịu đựng thêm được nữa, và đã lao lên tầng ba của Đại sứ quán để bày tỏ mối quan ngại của mình với Jacobson. Giữa lúc ông ta đang lên lớp, Martin bước vào. «Tôi không biết rằng có ai được ưu tiên về chỗ ngồi,» Đại sứ tuyên bố một cách bình thản. «Mọi người đều được coi là bình đẳng ở đây.» Viên chức Giám thị Nhiệm vụ bị sốc bởi nhận xét đó đến mức không thể kiềm chế bản thân. «Vâng, thưa ngài,» ông ta nói, «rõ ràng là ngài không biết chuyện gì đang xảy ra ở ngoài kia.» Mọi quy tắc

đều đang sụp đổ.» Sau đó, không chờ đợi câu trả lời, anh ta bỏ đi. Martin rõ ràng đã mất liên lạc, anh ta nghĩ một cách tức giận khi lội ngược vào đám đông trong sân. Cuộc di tản đã trở thành một cuộc hỗn loạn.

Đến 8:45, Moorefield đang đi lang thang quanh khuôn viên Đại sứ quán, tìm kiếm một thử thách mới để biện minh cho sự hiện diện của mình. Các thủy quân lục chiến và Đại tá Madison dường như đã kiểm soát được việc hạ cánh và bốc dỡ hàng hóa, và đám đông trong khu giải trí, mặc dù vẫn đang gia tăng, nhưng vẫn giữ được trật tự như mong đợi, vì vậy ông không cần thiết phải ở đó. Ông quay lại và đi bộ về phía cổng chính của Đại sứ quán, và lúc đó ông nhìn thấy vài sĩ quan Mission Warden trên bức tường ở

cuối khuôn viên. Ông quan sát trong vài khoảnh khắc khi họ với tay xuống trong bóng tối bên kia và bắt đầu kéo những viên cảnh sát Việt Nam phấn khích lên và qua đỉnh tường. Khi cảnh sát thứ ba được kéo ra khỏi bóng tối, Moorefield đã ở trên tường, đang căng thẳng cùng những người còn lại. «Vài ngày trước,» ông kể lại, «Người quản lý Sứ quán đã hứa với các sĩ quan trong khu cảnh sát lân cận rằng chúng tôi sẽ chăm sóc họ nếu họ giúp giữ gìn trật tự xung quanh Đại sứ quán.» Bây giờ chúng tôi đang trả nợ.»

Mọi thứ diễn ra suôn sẻ lúc đầu. Một viên chức cảnh sát thứ chín, rồi thứ mười được kéo vào khuôn viên mà không có sự cố hay nhầm lẫn nào. Nhưng ngay khi Moorefield và các đồng đội của anh ta đang cúi xuống để nắm lấy một

bàn tay khác đang chìa ra, có một sự náo động trong đám đông lo lắng bên dưới họ. Một số sĩ quan cảnh sát đột nhiên trở nên rất kích động và cố gắng leo lên tường, và chỉ trong vài giây, vô số bàn tay và những ngón tay mò mẫm đã bị khóa chặt qua lan can. Một số người Việt Nam khỏe mạnh hơn đã tự mình lách qua, va chạm và xô đẩy những người Mỹ ở trên cùng. Moorefield suýt nữa thì mất thăng bằng. «Giúp chúng tôi một tay ở đây !» anh ta hét lên với một nhóm lính thủy đánh bộ trong sân. «Giúp chúng tôi một tay !» Bốn người lính thủy đánh bộ đã ở bên cạnh anh ta ngay lập tức. Họ bắt tay vào công việc với sự chính xác quân sự thích hợp, đập đầu bằng báng súng, dẫm lên tay và ngón tay khi từng đợt sóng nhân loại ập vào bức tường dưới chân họ như một cơn bão. Họ mất chưa đầy ba hoặc bốn phút để khôi phục sự

bình tĩnh, nhưng đối với Moorefield, những phút đó giống như hàng thiên niên kỷ. Cuối cùng, anh ta đứng thẳng dậy và đứng cạnh các lính thủy đánh bộ khi họ vung vẩy khẩu M-16 về phía cảnh sát mà không thể trèo qua được. «Họ chỉ đứng lại, nhìn chằm chằm lên chúng tôi,» Moorefield nhớ lại. «Tôi không biết đó có phải là sự thù địch, khinh thường, thờ ơ hay gì khác không.» Khuôn mặt họ trống rỗng, như mặt nạ chết chóc.

Ngay sau 9 giờ tối, Jim Devine đi qua phòng tổng thống. «Đã đến lúc hầu hết các bạn không cần thiết phải rời đi,» ông nói, nửa đùa nửa thật, chỉ tay về phía một vài đồng nghiệp của mình. Với Đại sứ quán đã bị khóa, các xà lan đã đi và Tướng Smith đang trên đường đến, không còn nhiều việc gì cho họ làm nữa.

Lacy Wright và Dan Ellerman, cố vấn kinh tế, đã nhặt va li của họ và đi về phía cầu thang. Alan Carter, kiệt sức và cay đắng sau nhiều nỗ lực vô ích để tìm kiếm sự giúp đỡ cho các nhân viên USIA bị mắc kẹt của mình, không đi xa phía sau, và Eva Kim, thư ký của Martin, sớm gia nhập họ ở mép của sân thượng. Lần đầu tiên trong sự nghiệp, Eva trông có vẻ hơi lộn xộn, tóc hơi rối, phong thái tự tin và thoải mái đã biến mất. Nhưng không có gì khác trong thái độ của cô ấy để lộ ra rằng cô ấy đang chuẩn bị quay lưng lại với ngôi nhà và nơi trú ẩn của mình trong mười một năm qua. Thư ký cho ba đại sứ trước Martin, cô ấy có lẽ biết nhiều bí mật của Đại sứ quán hơn bất kỳ ai còn sống, và ít có khả năng tiết lộ, vì cuối cùng như lúc bắt đầu, cô ấy vẫn là một cấp dưới hoàn toàn trung thành, kín đáo, tự giác, nếu không hoàn toàn

không nghi ngờ gì.

Khi cô ấy đi qua bệ hạ cánh đến chiếc trực thăng đang nổ máy, George McArthur, người của Los Angeles Times, đã vấp ngã theo sau cô, dựa vào luồng gió từ cánh quạt để giữ thăng bằng. Anh ta gần đến cửa hầm thì một gói nhỏ dưới cánh tay anh ta bỗng nhiên có vẻ sống động, quằn quại, xoắn xuýt, và cuối cùng phát ra vài tiếng kêu thảm thương. «Được rồi, mọi chuyện sẽ kết thúc trong vài phút thôi», anh ta dịu dàng nói với con chó đen đang lo lắng ẩn mình trong nếp gấp của chiếc áo khoác. Sau đó, anh ta đưa Nit Noy, con poodle của Đại sứ, cho Eva và nâng cả hai vào cabin. Như một ân huệ cá nhân đối với Martin, McArthur đã đồng ý làm người hộ tống cho con chó trong chuyến đi ngắn cuối cùng này ra khỏi đất nước.

CH-47 cất cánh gần như ngay lập tức và bay vòng một lần để tăng độ cao. Nhìn ra ngoài cửa sổ về thành phố mà anh rất quen thuộc, Lacy Wright không cảm thấy hối tiếc cá nhân nào. Ông đã làm hết sức mình cho những người bạn Việt Nam và cho chính sách của Mỹ trong vài tuần qua. Tuy nhiên, ông không thể không tự hỏi về những người Việt Nam mà ông đã không thể tìm thấy trong ngày hỗn loạn cuối cùng này. Thật khủng khiếp cho họ bây giờ, nỗi kinh hoàng khi biết rằng họ sẽ không thể thoát ra được ngay cả khi những chiếc trực thăng quân sự lớn vẫn tiếp tục rền rĩ trên bầu trời đêm phía trên họ.

Anh cố gắng gợi lại từ những ký ức mờ mịt của ngày hôm đó những khuôn mặt mà anh đã thấy trên đường phố, những tiếng ồn, mùi hương và cảm giác

lo lắng. Anh ta cố gắng ghi nhớ tất cả chúng trong tâm trí, không thể phai mờ theo thời gian, vì anh biết chúng là duy nhất đối với một người Mỹ, di sản và nỗi nhục của thất bại hoàn toàn.

Lúc 9:30 sáng theo giờ Washington, các quan chức tại Bộ Ngoại giao, trụ sở CIA và Lầu Năm Góc đang vật lộn với những tách cà phê đầu tiên của buổi sáng và cố gắng tập trung vào các ưu tiên của ngày làm việc mới. Tại Nhà Trắng, Kissinger đã nói với Ford rằng việc sơ tán khỏi DAO đã hoàn tất. Hơn 4.500 người, bao gồm 450 người Mỹ, đã được đưa ra khỏi Sài Gòn kể từ khi bắt đầu thực hiện Lựa chọn IV. Điều đó tự nó đã là một thành tựu ngoạn mục - mặc dù không phải không có chi phí : chỉ một thời gian ngắn trước đó, theo báo cáo từ hạm

đội, một trong những chiếc CH-53 đã bị mất trên biển, ngay trước mũi của một tàu vận tải hải quân. Không có người sơ tán nào trên tàu, nhưng phi công và phi công phụ đã mất tích và được cho là đã chết. Người ta tin rằng sự mệt mỏi của phi công là nguyên nhân gây ra tai nạn. Cuộc không vận đã kéo dài gần sáu giờ ; thời tiết giờ đây đang xấu đi, với tầm nhìn cũng giảm sút. Có vẻ như, trong cơn mệt mỏi, phi công đã đơn giản là tính sai khoảng cách còn lại đến boong tàu.

Ford đã hỏi Kissinger về sự khôn ngoan của việc hoãn vận chuyển hàng không đến sáng hôm sau. Đó là điều quân đội muốn, phải không ? Kissinger nói có, nhưng còn nhiều yếu tố khác cần được xem xét. Sự «hiểu ngầm» với Bắc Việt, đảm bảo an toàn cho các máy bay

trực thăng, chỉ là điều mong manh nhất. Nếu việc sơ tán bị ngừng lại và sau đó được tiếp tục, Hà Nội có thể sẽ hiểu sai ý định đằng sau nó. Và nếu điều đó xảy ra, sự mệt mỏi của phi công và lỗi điều hướng sẽ là những mối lo ngại nhỏ nhất của mọi người.

Kissinger đã gọi điện thoại đường dài cho Martin để xin ý kiến của ông, nhưng lần này Martin không có mặt. Đại sứ thậm chí lúc đó đang đi lang thang trong khu giải trí, tự mình kiểm tra số lượng người.

Khi tôi đi qua cửa văn phòng của Polgar, tôi thấy ông ấy quỳ trên một chiếc vali, cố gắng đóng nó lại. «Chúng ta sắp đến đích rồi,» anh ấy nhẹ nhàng nói trong khi vật lộn với chốt cửa. Tôi

hỏi ông ấy liệu tôi có thể giúp không. Ông ấy nói không ; ông ấy có thể tự lo được. Ông ấy đã sẵn sàng rời đi.

Tôi quay lại phòng chờ và bắt đầu thu gom những mảnh vụn của các bức điện mật trên bàn lễ tân. Tôi đang định châm lửa vào chúng thì một người quen cũ bước vào. Đó là Moorefield, người mà tôi đã không gặp trong nhiều ngày. Anh ta bước ra khỏi đám đông trong hành lang như một vị thần chiến tranh nhỏ bé, khuôn mặt và tóc vàng của anh ta bám đầy thuốc súng, khẩu M-16 được đặt lỏng lẻo trên cánh tay phải. Bộ đồ liền màu xanh của anh ta được cắt may giống như một bộ quân phục và anh ta mặc nó với một phong cách đầy tự tin, như một người lính mà anh ta từng là. «Tôi tưởng anh đã rời khỏi Tân Sơn Nhất rồi,» tôi nói khi chúng tôi bắt tay nhau. «Không,

tôi quyết định quay lại Đại sứ quán để xem nửa kia sống như thế nào,» anh ta trả lời một cách không hài hước, nhướng mày chỉ trích về phía các đồng nghiệp còn lại của tôi, nhiều người trong số họ đang ngồi dựa lưng một cách thờ ơ trên ghế và sofa quanh phòng chờ, cầm ly trong tay. «Các bạn sao vậy ?» Trên này giống như một bữa tiệc cocktail vậy.

«Đó là cách mà chúng tôi, những người làm việc bí mật, hoạt động - qua những ảo tưởng khéo léo,» tôi nói khi đẩy anh ta trở lại cửa. Thực ra, tôi cảm thấy xấu hổ về cảnh tượng xung quanh mình và không muốn chia sẻ nó với người ngoài, ngay cả với một người bạn tốt như Moorefield. «Nghe này, tôi sẽ gặp cậu bên ngoài,» tôi nói với anh ta. «Chúng tôi đang bận ở đây.» Anh ấy mỉm cười và gật đầu như thể anh ấy hiểu. Rồi anh ta

quay người và lẩn đi xuống hành lang, khẩu súng trường vẫn nằm gọn trong khuỷu tay. Khi tôi nhìn theo anh ta, tôi có cảm giác như mình đang nhìn thấy cái kết của một dòng dõi dài. Moorefield, sau tất cả, là tinh túy của những gì từng là một nhân vật điển hình ở nơi này - chiến binh chuyên nghiệp người Mỹ tìm kiếm một số bằng chứng và sự thỏa mãn cho bản thân từ cuộc chiến cuối cùng còn lại. Và bây giờ anh ta là một người lạc lõng, giống như tất cả chúng ta.

Polgar ngồi xuống bàn đánh máy của mình vài phút sau đó và gõ một thông điệp gửi đến Washington, giải thích rằng ông đã sẵn sàng đóng cửa, vì không còn vai trò nào cho các sĩ quan tình báo ở đây nữa. Sau đó, ông mang thông điệp xuống tầng ba để thông qua với Đại sứ. Khi anh ta trở về, anh ta không

nói gì, chỉ đơn giản là cầm lấy chiếc vali của mình. Điều đó đã làm tín hiệu cho những người còn lại. Tôi với tay xuống dưới bàn lễ tân để lấy hai chiếc cặp nhỏ mà tôi đã cố gắng giải phóng từ đống lộn xộn trong văn phòng của mình vào buổi sáng. T. D. Latz bước vào với hai chiếc radio Zenith xuyên đại dương dưới cánh tay. «Muốn một cái không ?» anh ấy nói với tôi. «Thật đáng tiếc khi để lại cho bọn cộng sản.»

«Vâng, hãy lấy mọi thứ bạn có thể,» Polgar lẩm bẩm khi anh đá một chiếc radio hai chiều General Electric nhỏ trị giá 700 đô la qua sàn nhà. «Cơ quan đã mất hơn năm triệu đô la giá trị thiết bị ở đây trong hai tháng qua.» Điều đó đã làm cho ngay cả những người đã bị tê liệt nhất trong số chúng tôi còn lại trong phòng chờ - những người cuối cùng của đoàn

300 người từng tự hào của CIA ở miền Nam Việt Nam - cũng phải giật mình.

Polgar chen lấn qua đám người Việt trong hành lang để tập hợp nhóm đặc biệt của mình. Tôi quay lại văn phòng của mình để nhìn lần cuối. Một bản sao cuốn sách của Don Oberdorfer, Tet ! đang nằm trên bàn làm việc của tôi. Tôi bắt đầu nhặt nó lên, sau đó quyết định để lại cho người thuê tiếp theo. Có thể anh ta sẽ cảm thấy hơi buồn cười khi biết người Mỹ đã nghĩ gì về cuộc tấn công lớn cuối cùng đó. Trong một khoảnh khắc, tôi có thể hình dung ông ấy ở đó - tóc đen vuốt ngược, bộ đồng phục xanh nhăn nhúm không có phù hiệu, cây bút bi của ông ta lướt qua một tờ giấy chứng nhận của Đại sứ quán trên một mặt bàn trống trải, cô gái trong lịch treo tường cỡ lớn sẽ không còn ở đó. Tất cả sẽ rất tẻ nhạt và hiệu quả

: chiến lợi phẩm xứng đáng với kẻ chiến thắng.

Mười hai chúng tôi xếp hàng tại cửa dẫn lên mái nhà khi các lính thủy đánh bộ trong hành lang đẩy những người Việt Nam đang chờ đợi ra khỏi đường của chúng tôi. Tôi không dám nhìn vào mặt họ. Một trong số các lính thủy đánh bộ hỏi chúng tôi có vũ khí không. Nếu vậy, chúng tôi sẽ phải để lại chúng ở đây. Có nhiều lời lầm bầm giữa chúng tôi khi chúng tôi giao nộp kho vũ khí của mình.

Polgar rút khẩu Browning tự động của mình ra khỏi bao da bên hông và nhìn chằm chằm vào nó một lúc. Cuối cùng, anh ta thở dài một cách tuyệt vọng. «Tôi phải ở lại,» anh ấy nói. «Đại sứ khăng khăng ở lại một chút nữa để đảm bảo quân đội rút hết người Việt Nam trong khuôn viên.» Tôi nên chờ và

ra ngoài cùng với ông ấy. Và tôi nghĩ bạn cũng nên vậy.» Ông ấy đang nhìn vào phó của mình, Pittman, người chỉ gật đầu và đặt xuống chiếc vali. Polgar sau đó quay sang tôi. «Đảm bảo những người Việt Nam của tôi lên tàu,» ông ấy nói. «Anh muốn tôi ở lại không ?» Tôi hỏi.

«Không,» anh ấy trả lời. «Trụ sở đã ra lệnh cho tất cả chúng ta rời khỏi đây.» Tôi sẽ chỉ giữ lại [Pittman] và một người phụ trách thông tin để xử lý liên lạc với Washington.» Lần cuối cùng tôi thấy Polgar tối đó, ông ấy đang đi bộ chậm rãi xuống hành lang về phía văn phòng của mình với một trong những người lính thủy đánh bộ bên cạnh. Ông ta đang van xin viên sĩ quan trẻ giúp ông giải phóng một thùng bia Heineken bị khóa trong một trong những kho hàng ở dưới tầng.

Mái nhà của Đại sứ quán là một cảnh

tượng như trong cơn ác mộng. Ở giữa bãi đáp trực thăng mờ mờ ánh sáng, một chiếc CH-47 đã chờ sẵn chúng tôi, động cơ của nó phát ra tiếng gầm rú như một tiếng thét nguyên thủy. Đội ngũ và các điều khiển viên đều đội những chiếc mũ bảo hiểm bóng đá cỡ lớn, và trong ánh sáng nhấp nháy của tín hiệu hạ cánh, họ làm tôi nhớ đến những con côn trùng kỳ quái đang đứng trên hai chân sau. Ngoài rìa của tòa nhà, một chiếc máy bay Phantom lao vút qua chân trời khi những viên đạn bắn lên đây đó vào bầu trời đêm.

Tôi loạng choạng leo lên cái thang ngắn đến cabin của trực thăng, với tay ra sau để giúp đỡ những người bạn Việt Nam của Polgar. Tướng Timmes ngồi xuống bên cạnh tôi ở phía mạn phải, cùng với Bob Kantor, viên chức hành chính. Bill Johnson, cựu nhân viên kỳ

cựu của CIA, người đã dành buổi sáng chở người Hungary và người Ba Lan đến nơi an toàn, ngồi lăn ra trong một chiếc giường võng đối diện chúng tôi, chiếc mũ câu cá vành rộng vẫn che khuất đôi mắt ông.

Hầu như không thể nhận thấy, chiếc trực thăng bắt đầu bay thẳng lên. Qua cánh cửa bên ngoài mở, nơi người bắn súng ở đuôi trực thăng đang cúi xuống bên vũ khí của mình, tôi đứng như trời trồng khi nhìn thấy mép của bệ hạ cánh từ từ chìm vào tầm nhìn. Rồi đèn cabin mờ đi, và chiếc trực thăng nghiêng mình và vươn lên trên trung tâm thành phố. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, tôi nhìn thấy, được đóng khung trong ô cửa sổ phía sau vai tôi, Khách sạn Kim Đô cũ trên đại lộ Nguyễn Huệ, ngôi nhà đầu tiên của tôi ở Việt Nam, nằm đối diện

với Mimi's Flamboyant. Những chiếc đèn đường chiếu những vệt sáng dọc theo những vỉa hè vắng vẻ.

Chiếc trực thăng đã định hướng dọc theo con đường cao tốc mà tôi đã thường lái xe trên những chuyến đi Chủ nhật đến Vũng Tàu. Khi chúng tôi rẽ về phía đông, qua thành phố Biên Hòa, kho đạn ở Long Bình gần đó đang bùng nổ trong một chuỗi các vụ nổ nguyên tử mini, và dọc theo mạng lưới đường cao tốc dẫn vào từ Xuân Lộc, tôi có thể thấy hàng nghìn xe tải và xe tăng, có lẽ là của miền Bắc Việt Nam, đang từ từ tiến lên, đèn pha sáng rực.

Người phụ nữ Việt Nam ngồi đối diện với tôi kéo con lại gần, quàng tay quanh đầu nó để che đi tiếng rền rĩ chói tai của động cơ. Ra khỏi cửa sau của cabin, ánh đèn của Sài Gòn trở thành những ký tự

nhấp nháy khi thành phố dần lùi xa.

Ngay bên ngoài thị trấn nhỏ Bà Rịa, phía bắc Vũng Tàu, họ đã nổ súng vào chúng tôi. Lúc đầu tôi nghĩ rằng những đường chỉ lửa trong cửa sổ nhựa đối diện với tôi chỉ là phản chiếu của một số ánh sáng trong cabin, nhưng khi tôi nhìn kỹ, sự phân tán của các tín hiệu semaphore màu vàng và đỏ đã hình thành một bản sao hoàn hảo của màn hình radar. Tôi thúc elbow vào Timmes. «Chúng ta đang bị bắn từ mặt đất !» Tôi hét vào tai anh ấy qua tiếng động cơ. Anh ấy gần như nhảy khỏi ghế. «Ôi, gần như là Normandy !» ông ta hét lên với tôi, đôi mắt lấp lánh. Timmes đã từng là một chỉ huy Airborne xuất sắc tại Normandy vào năm 1944, một trong những người lính dù đầu tiên nhảy xuống phía sau chiến tuyến, và người lính già nhìn chằm chằm

vào hình xăm bên ngoài cửa sổ như thể đó là một người bạn thân quen từ quá khứ của ông. Chiếc trực thăng mò mẫm tìm độ cao khi các động cơ kêu gào phản đối. Một màn hình radar nhỏ phía sau ghế phi công bắt đầu nhấp nháy với ánh sáng xanh nhạt, biến khuôn mặt của người dẫn đường thành một chiếc mặt nạ ma quái.

Trong ba hoặc bốn phút, những viên đạn sáng tiếp tục vươn tới chúng tôi, từ từ tắt ngấm khi chúng không đủ sức. Rồi có một loạt đạn nữa nổ ra bên phải, và tôi tự nhủ, Thật vô lý. Bị bắn hạ trên đường ra. Tôi cố gắng phân tâm bằng cách nhớ lại một trò chơi nhỏ mà tôi thường chơi khi còn nhỏ trong khi chờ đợi ở phòng khám bác sĩ để tiêm thuốc. Tất cả sẽ kết thúc trong vài phút nữa, tôi lặp đi lặp lại với bản thân mình, và rồi bạn sẽ cảm

thấy nhẹ nhõm, nỗi sợ hãi và đau đớn sẽ không còn quan trọng nữa.

Khoảng sau 10 giờ tối, chiếc trực thăng bắt đầu hạ cánh xuống hạm đội ở Biển Đông. Có một sự xôn xao trong cabin khi một vài hành khách cùng tôi căng thẳng nhìn ra cửa sổ để thoáng thấy những con tàu. Đột nhiên một chiếc lộ ra hoàn toàn, đứng im trong cửa ra vào bên ngoài. Đèn hạ cánh sáng rực và tôi có thể thấy các máy bay trực thăng đang lơ lửng ở mạn trái và mạn phải. Dần dần chúng tôi bị bao trùm bởi ánh sáng, cấu trúc siêu hình xám xịt của USS Denver gập lại xung quanh chúng tôi như một cái kén kim loại. Một làn sóng buồn bã ập đến với tôi. Tôi thậm chí không cảm thấy rung động của việc hạ cánh.

Đến 10 giờ sáng theo giờ Washington, James Schlesinger đã tự đẩy mình vào một cơn thịnh nộ huyền thoại của mình. Việc sơ tán khỏi Đại sứ quán ở Sài Gòn giờ đây đang có nguy cơ trở thành một thảm họa suốt ngày đêm. Thời tiết ngoài khơi Vũng Tàu trở nên nguy hiểm và khó lường; gần một nửa số trực thăng đã phải ngừng hoạt động để bảo trì; và các phi công rõ ràng đang kiệt sức. Việc hạ cánh khẩn cấp của chiếc CH-53 cách đây một giờ chỉ làm nổi bật thêm nguy hiểm của việc tiếp tục hoạt động qua đêm. Tệ hơn nữa, chính Martin dường như không nắm bắt được các ưu tiên. Số lượng lớn người sơ tán trong mười giờ qua chủ yếu là người Việt Nam. Cộng đồng người Mỹ vẫn chưa được giảm bớt xuống mức có thể chở bằng trực thăng.

Schlesinger đã ghi nhận những phàn

nàn của mình trong một cuộc gọi điện thoại chua chát đến Đại sứ quán, tiếp theo là một tin nhắn bằng văn bản được chuyển qua Trung tâm Chỉ huy Quốc gia của Lầu Năm Góc và phòng vô tuyến của tàu chỉ huy của Đô đốc Whitmire. Bày tỏ sự không hài lòng của chính mình, và của Tổng thống, về việc tiếp tục cuộc không vận bằng trực thăng, Schlesinger đã khăng khăng đặt một thời hạn cho nó. Toàn bộ hoạt động, ông nói, sẽ bị dừng lại vào nửa đêm, giờ Sài Gòn, còn hai giờ nữa, và sẽ được tiếp tục vào sáng hôm sau. Trong thời gian chờ đợi, mười chín chiếc trực thăng sẽ được gửi đến Đại sứ quán để đón những người Mỹ còn lại ở đó, bao gồm cả Đại sứ.

Phản ứng của Martin là cực kỳ tiêu cực. «Chúng tôi có khuôn viên Đại sứ quán đầy người dân địa phương Việt

Nam,» ông sau này giải thích với một ủy ban Quốc hội. «Về tình hình ở Sài Gòn, vì hoạt động của chúng tôi đã diễn ra trong nhiều giờ, nên việc chúng tôi rời đi đã được biết đến rõ ràng.» Yếu tố hoảng loạn lại luôn hiện diện và chúng tôi có hàng trăm người Việt Nam bên ngoài cố gắng vào Đại sứ quán... Thật sự sẽ không an toàn hoặc khả thi để ngừng sơ tán vào giữa đêm và tiếp tục vào sáng hôm sau.»

Martin đã thông báo điều đó với Kissinger trong một cuộc gọi trực tiếp đến Nhà Trắng. «Tôi đã nói, và Washington đã đồng ý,» ông sau này nói với Quốc hội, «rằng chúng ta nên tiến hành sơ tán cho đến khi hoàn tất.» Thực tế, nội dung yêu cầu của ông ấy cụ thể hơn một chút : ông ấy yêu cầu thêm ba mươi chiếc trực thăng nữa được gửi đến Đại sứ quán. Theo ước tính của ông, điều đó sẽ đủ

để giải phóng khuôn viên. Chính vào đề xuất này mà Washington đã đồng ý.

Lúc 10:50 tối, giờ địa phương, những người lính thủy đánh bộ cuối cùng tại DAO bắt đầu lên trực thăng của họ khi tiếng súng xe tăng vang lên dọc theo các ranh giới phía bắc của Tân Sơn Nhất. Tư lệnh Thủy quân lục chiến, Tướng Carey, đã bay ra hạm đội để phối hợp việc rút lui. Người chỉ huy cấp hai của ông, Đại tá A. M. Gray, ở lại để giám sát việc phá hủy khu phức hợp.

Khi từng chiếc trực thăng một bị chuyển hướng đến DAO để đưa người của Carey ra ngoài, việc di tản bằng trực thăng khỏi Đại sứ quán đã dừng lại. Nhiều người Việt Nam chen chúc trong sân và khu giải trí ngay lập tức nghĩ đến điều tồi tệ nhất, thì thầm lo lắng với nhau rằng người Mỹ đang chuẩn bị bỏ rơi họ.

Trong hơn một tiếng rưỡi qua, Trung sĩ Juan Valdez cùng một số lính thủy đánh bộ khác đã giữ một hàng rào ngay bên trong khu giải trí, cố gắng giữ đám đông tụ tập tránh xa cổng mắt cáo dẫn vào sân của Đại sứ quán. Nhưng bây giờ, khi căng thẳng gia tăng và những tin đồn cùng những câu chuyện bi thảm lan truyền giữa đám đông tụ tập bên cạnh bể bơi trước mặt họ, các thủy quân lục chiến buộc phải lùi dần. Đột nhiên, một người Việt Nam hoảng sợ đã túm lấy một trong số họ, một lính thủy đánh bộ khác vung báng súng của mình, và chỉ trong vài giây, đám đông nhỏ chật chội của người Mỹ và người Việt Nam giờ đang bị dồn vào cổng đã bùng nổ thành một mớ hỗn độn của những cú đấm và cánh tay vung vẩy. Phần còn lại của đám đông lao về phía hồ bơi và trong vài khoảnh khắc kinh hoàng dường như đứng trên bờ vực

của một cuộc bạo loạn. Cuối cùng, với sự giúp đỡ của lực lượng tăng cường, Valdez và các đồng đội của ông đã quản lý để dọn dẹp khu vực ngay trước cổng. Nhưng trật tự và kỷ luật mà họ thực thi chỉ là ảo tưởng mà thôi. Sự cay đắng và căng thẳng tiếp tục âm ỉ dưới bề mặt bình yên, như một than hồng bị gió thổi.

Khoảng 11:30 tối, Đại tá Gray và một số ít lính thủy đánh bộ vẫn ở DAO bắt đầu phá hủy có hệ thống cuối cùng tòa nhà trụ sở và các bộ phận quan trọng của nó. Không có gì giá trị được rơi vào tay của những kẻ cộng sản. Thiết bị vệ tinh truyền thông tinh vi đã mang rất nhiều thông điệp và cảnh báo tối mật của Tướng Smith đến Washington là một trong những mục đầu tiên được «trung lập.» Các đội phá hủy đã đặt chất nổ công suất cao xung quanh chân đế của

đĩa anten, và ngay khi lệnh phá hủy được ban hành, toàn bộ cấu trúc, với lớp phủ magiê của nó, bùng cháy và bị thiêu rụi ngay lập tức trong một ngọn lửa trắng nóng, khiến một trong những lính thủy đánh bộ nhớ lại phần bên trong bùng cháy của lò Bessemer.

Vài phút sau, Đại tá Gray và các đồng đội của ông đã kích hoạt các kíp nổ trì hoãn trên các quả bom thermite rải rác quanh tầng trệt của tòa nhà trụ sở chính. Sau đó, họ lao ra sân bay trực thăng trên sân quần vợt và leo lên trực thăng của mình. Chỉ vài khoảnh khắc sau khi họ cất cánh, những làn lửa bùng lên khắp khu phức hợp khi các quả bom phát nổ. Nhiệt độ từ các vụ nổ mạnh đến nỗi mái nhà của pháo đài huyền thoại này của quyền lực Mỹ ở Việt Nam đã bị bẹp dúm và sụp đổ như một dải thiếc rẻ tiền.

Ttrước nửa đêm, Graham Martin, mặt tái mét, bước ra sân tòa Đại sứ quán, và cùng với một vài trợ lý của mình, bắt đầu dồn những người Mỹ còn lại vào văn phòng đại diện. Không ai đưa ra lời giải thích cho động thái này, nhưng tin đồn trong số các lính thủy đánh bộ cho rằng một thông điệp vô tuyến của Cộng sản dự đoán một cuộc tấn công lớn của NVA vào thành phố đã bị chặn cách đó vài phút.

Ba mươi dặm về phía bắc, tại sở chỉ huy của ông ở Bến Cát, Tướng Dũng và các chỉ huy chiến trường của ông thực ra đang vừa hoàn thành một cuộc tổng kết về những thành tựu gần đây nhất của họ. «Sau một ngày tổng tấn công trên tất cả các mặt trận,» Dũng sau này viết trong hồi ký của mình, «chúng tôi nhận ra rằng

tình hình đã phát triển rất thuận lợi, như chúng tôi đã dự đoán.... Đến nửa đêm ngày 29 tháng 4, toàn bộ lực lượng tấn công của chúng tôi đã sẵn sàng hoàn toàn cho cuộc tấn công vào Sài Gòn. Không khí căng thẳng, như thể đang chuẩn bị cho một nhát rìu ma thuật.

Khi đã nắm chắc chiến thắng trong tay, Dũng gọi điện cho cấp trên ở Hà Nội để xin chỉ thị. Bộ Chính trị, sau khi nghe báo cáo tiến độ của ông, đã ban hành lệnh mà ông đã chờ đợi một cách sốt ruột cả ngày : Người Mỹ đã mất quá nhiều thời gian để hoàn thành việc sơ tán. Thời gian đã đến để quân đội thực hiện nhiệm vụ của mình. Tấn công !

Cúp máy, Dũng lập tức gửi một thông báo qua đài phát thanh đến các chỉ huy pháo binh của mình ở phía đông Sài Gòn. Việc ném bom Tân Sơn Nhất

phải được đình chỉ ngay lập tức để quân đội có thể tiến vào thành phố mà không gặp nguy hiểm từ chính pháo binh của mình. Ông cũng chỉ đạo các chỉ huy chiến trường «thực hiện các đợt tấn công sâu, tiến tới các điểm đã định sẵn» trong thành phố, và nếu cần thiết, bỏ qua bất kỳ mục tiêu thứ yếu nào có thể làm chậm họ lại.

Trạm chỉ huy nhanh chóng trở nên nhộn nhịp với hoạt động. «Đèn pin, đèn bão và đèn pha thắp sáng các con hẻm dẫn đến đó,» Dũng nhớ lại. «Đèn điện chiếu sáng phòng chỉ huy.» Các sĩ quan tóc bạc và tóc đen cẩn thận nghiên cứu một bản đồ, vạch các mũi tên đỏ chỉ thẳng vào các mục tiêu chính đã được chọn trước ở Sài Gòn. Phía sau phòng tác chiến, một hàng điện thoại cải tiến đang hoạt động liên tục. Trưởng phòng

tác chiến của Dũng, Tướng Lê Ngọc Hiền, người đã thực sự vạch ra kế hoạch tấn công, «đang thực hiện nhiệm vụ chỉ huy, nhận tin từ tất cả các đơn vị,» theo dõi công việc của mình cuối cùng cũng được thực hiện.

Khi Dũng phát động cuộc tấn công cuối cùng, Kissinger đang gặp gỡ các phóng viên tại Bộ Ngoại giao để nhấn mạnh rằng việc sơ tán đang diễn ra thuận lợi. Cuối buổi họp báo, ông hứa sẽ tổ chức một buổi họp báo khác vào lúc 2 giờ chiều hôm đó, vào thời điểm đó ông hy vọng sẽ có thể thông báo rằng tất cả người Mỹ đã rời Sài Gòn.

Khi Kissinger trở lại trung tâm điều hành Nhà Trắng, đã là bốn mươi lăm phút sau nửa đêm ở Sài Gòn và một vài

người Mỹ trong sảnh Đại sứ quán bắt đầu quay trở lại sân trong. «Không ai bảo chúng tôi quay lại làm việc,» Moorefield nhớ lại, «nhưng sau vài phút, rõ ràng là những tin đồn về một cuộc tấn công bằng bộ binh hoặc pháo kích sắp xảy ra là sai.» Vì vậy, chúng tôi nghĩ rằng tốt nhất là nên khởi động lại việc sơ tán.

Trên văn phòng của Đại sứ, cảm giác nhẹ nhõm chỉ kéo dài rất ngắn, vì một thông điệp nghiêm trọng khác vừa được gửi đến từ hạm đội : một chiếc trực thăng thứ hai, một chiếc Cobra gunship, đã bị rơi ở Biển Đông. Lần này tất cả các thành viên phi hành đoàn đã được cứu. Nhưng Whitmire và Gayler giờ đây đang tuyệt vọng để kết thúc cuộc giải cứu bằng trực thăng. Có bao nhiêu người tị nạn vẫn còn ở Đại sứ quán ? họ yêu cầu.

Martin thực sự không có ý tưởng rõ

ràng. Nhưng với hy vọng làm hài lòng các đô đốc, ông bắt đầu đưa ra những con số không có căn cứ. Năm trăm người Việt Nam, 75 người Mỹ và 181 lính thủy đánh bộ vẫn còn lại để được sơ tán, ông nói với Whitmire. Sử dụng những số liệu thống kê này, các nhà phân tích tại trụ sở USSAG ở Thái Lan đã nhanh chóng lập ra một lịch bay mới. Chín chiếc CH-53 nữa, họ tính toán, sẽ đủ để giải tỏa Đại sứ quán khỏi tất cả các thường dân. Khi Martin được thông báo về điều này, ông nhận ra rằng mình đã tự dồn mình vào thế khó. Khi gọi điện trực tiếp đến Nhà Trắng, ông bắt đầu tăng số liệu của mình lên. Số lượng người Việt Nam vẫn còn trong khuôn viên, ông ấy nói, có lẽ gấp đôi so với ước tính của ông.

Ngoài khu vực giải trí, Đại tá Madison và bốn sĩ quan khác từ Đội Quân

Đội Liên Hợp đã lội vào đám đông. Chiếc trực thăng vẫn chưa lấy lại được đà, và bất chấp sự chăm sóc của Trung sĩ Valdez và các thủy quân lục chiến, một số người Việt Nam lại đang tiến gần đến cánh cổng mở ra bãi đậu xe trong sân Đại sứ quán.

Đại tá Summers, phó của Madison, cầm một cái loa phóng thanh. «Đừng lo lắng !» ông ấy hét lên với đám đông. «Chúng tôi ở bên các bạn.» Chúng tôi sẽ không rời đi cho đến khi các bạn rời đi !» Khi anh ta lặp đi lặp lại lời hứa này, Đại úy Herrington và Thượng sĩ William Herron di chuyển từ nhóm người Việt Nam hoảng sợ này sang nhóm khác, làm họ bình tĩnh lại, trấn an họ, từ từ nhưng chắc chắn điều khiển họ thành hai nhóm lớn, một bên bể bơi, để họ có thể được kiểm soát dễ dàng hơn.

Tuy nhiên, bất chấp sự khéo léo và nhạy bén của mình, Madison và những người đàn ông của ông không thể cạnh tranh với sức hấp dẫn của những chiếc trực thăng, và vài phút sau khi một chiếc CH-53 đột ngột xuất hiện trên đỉnh cây và bắt đầu hạ cánh xuống sân, đám đông xung quanh họ lại bắt đầu xôn xao. Bị đám đông vây quanh, một công nhân hợp đồng người Mỹ già bỗng ngã xuống đất, ôm lấy ngực. Ngay sau đó, trên một chiếc trực thăng đang trên đường đến hạm đội, ông đã qua đời vì một cơn đau tim dữ dội và chết trong vòng tay của một đồng nghiệp.

«Chúng tôi cũng gặp một số rắc rối với một nhóm các nhà ngoại giao Hàn Quốc trong sân,» Moorefield nhớ lại, người hiện đang làm việc với đội của Madison. «Họ nghĩ rằng họ có thể lên

tàu trước bất kỳ ai khác, và vào một thời điểm nào đó, quan chức hàng đầu của Hàn Quốc đã cố gắng chen lên đầu hàng.» Một trong những lính thủy đánh bộ đã thấy chuyện gì đang xảy ra, túm lấy anh ta và nói rằng anh ta sẽ đánh cho anh ta một trận nếu anh ta thử lại lần nữa. Điều đó rõ ràng đã có tác dụng. Người Hàn Quốc ngoan ngoãn trở lại vị trí của họ.

Mặc dù Moorefield không biết vào thời điểm đó, quan chức Hàn Quốc gây ra tất cả rắc rối là Thiếu tướng Rhee Dai Yong, từng là phó tư lệnh lực lượng Hàn Quốc tại Việt Nam và từng là phó trưởng KCIA. Bị Đại sứ của chính mình bỏ rơi vào đầu ngày hôm đó, ông và các đồng nghiệp của ông đã buộc phải, mặc dù hơi muộn màng, tìm kiếm sự giúp đỡ từ Đại sứ quán Mỹ, và bây giờ họ hoàn toàn

lo lắng rằng họ có thể bị bỏ lại.

Trong khi Moorefield, Madison và các thủy quân lục chiến cố gắng tạo ra một chút trật tự từ sự hỗn loạn trong sân Đại sứ quán, một chiến dịch sơ tán khác vừa mới kết thúc. Hơn một trăm dặm về phía nam Sài Gòn, tại cửa sông Bassac, đoàn thuyền nhỏ của Tổng Lãnh sự MacNamara từ Cần Thơ cuối cùng cũng đã ở trong tầm gọi của sự cứu rỗi.

Trong suốt mười ba giờ qua, MacNamara, đoàn thủy thủ và hành khách của ông đã vượt qua vô số nguy hiểm khi họ di chuyển xuống sông Bassac ra biển. Họ đã nhiều lần bị bắn tỉa từ bờ sông, bị bão lớn tấn công, và cuối cùng bị lực lượng đặc nhiệm của Đô đốc Whitmire lãng quên. Sau khi đến cửa sông Bassac

ngay sau khi trời tối, họ đã trôi dạt vô vọng và bị bỏ rơi từ đó, phát đi một tín hiệu Mayday sau tín hiệu khác, mà không có phản hồi nào. Nhưng bây giờ, ngay sau nửa đêm, họ cuối cùng đã nhìn thấy tàu hàng Mỹ Pioneer Contender.

Khi MacNamara lần đầu tiên nhìn thấy ánh đèn của con tàu qua màn đêm, anh đã gọi radio cho thuyền trưởng, thông báo rằng sau khi dỡ hàng cho hành khách, anh dự định sẽ quay ngược dòng về Cần Thơ để thực hiện một nhiệm vụ cứu hộ khác. Nhưng một sĩ quan Hải quân Hoa Kỳ đang nghe cuộc trò chuyện đã không chấp nhận điều đó. «Ông MacNamara, thưa ông,» ông nói, giọng nói của ông cắt ngang qua kênh, «nếu ông không rời khỏi chiếc thuyền đó ngay lập tức, tôi sẽ phải nổ súng vào ông.» Hắn vừa mới nói xong thì vài chiếc xuồng

nhỏ đã lướt qua những đợt sóng trắng hướng về chiếc thuyền của MacNamara. Khi họ kéo sát bên, Tổng Lãnh sự, vẫn đội mũ bảo hiểm đen với ngôi sao đơn ở phía trước, được thấy đang tranh cãi sôi nổi với một trong những cấp dưới của mình về việc ai sẽ có vinh dự mang lá cờ Mỹ cuộn lại của lãnh sự quán lên tàu. Trên một nốt nhạc gần như hài hước này, cuộc trốn chạy táo bạo của MacNamara từ Cần Thơ theo dòng sông đã kết thúc.

Khi giờ đầu tiên của buổi sáng trôi qua, các nhân viên cao cấp của Đại sứ quán đã chọn ở lại với Đại sứ Martin trong những giờ phút cuối cùng của Sài Gòn thực sự phải tìm kiếm một việc gì đó để làm. Pittman đi tìm một lọ bơ đậu phộng để củng cố sức mạnh cho bản thân và đồng đội ; Polgar đi lang thang trong

các hành lang trong khi Boudreau, Lehmann và những người khác thay phiên nhau trả lời điện thoại. Một trong những cuộc gọi cảm động hơn là từ một nhóm sáu mươi nhân viên Việt Nam của USIA vẫn đang chờ đợi tại nhà Carter. Đại sứ tự mình lắng nghe những lời cầu xin của họ trong vài khoảnh khắc khi Boudreau cố gắng trấn an họ. Một lát sau, một tin nhắn từ các giám đốc điều hành của IBM ở Bangkok đã đến. Họ cũng đang cầu xin, nhưng Martin không thể làm gì hơn cho những nhân viên bị mắc kẹt của họ hơn những gì anh có thể làm cho của Carter.

«Vào một thời điểm nào đó, tôi đã lên văn phòng của Đại sứ,» Moorefield nhớ lại. «Tôi không biết tại sao.» Tôi đoán là tôi chỉ tò mò thôi. Khi tôi bước vào, Boudreau đang nói chuyện điện thoại

với một cô gái Việt Nam, người nói rằng cô ấy có hộ chiếu Mỹ và ba đứa trẻ với một người Mỹ. Cô ấy muốn biết khi nào đến Đại sứ quán để sơ tán. Bạn biết rằng giờ đây cô ấy sẽ không bao giờ đến được nơi đó, có hộ chiếu hay không. Boudreau bảo cô ấy đến vào lúc bình minh.

Tôi đã gặp Đại sứ một cách ngắn gọn và bị sốc bởi sự khàn giọng của ông, ông gần như không thể nói được. Căn viêm phổi gần như đã đánh gục ông ấy.

«Tôi đã nghĩ đến việc ở lại để cố gắng giúp anh ấy, nhưng nhanh chóng nhận ra rằng thực sự không có gì tôi có thể làm.» Vì vậy, tôi quyết định thực hiện một chuyến tham quan ngắn tại Đại sứ quán. Tôi nghĩ đó sẽ là chuyến tham quan cuối cùng của mình.

Trong khi Moorefield tiếp tục lang thang, Martin, mặc dù đang bị bệnh, vẫn tiếp tục câu giờ, tìm cách tiếp tục đưa trực thăng đến cho đến khi khu nhà được dọn sạch. Không ai có thẩm quyền trên tàu tác chiến hải quân hoặc ở Washington có ảo tưởng gì về những gì ông đang làm - hoặc ủng hộ nó. Đô đốc Steele, tư lệnh Hạm đội 7, người đang giám sát chiến dịch từ tàu chỉ huy của Whitmire, tiếp tục thúc giục kết thúc sớm chiến dịch này. Whitmore cũng vậy. Kissinger bản thân ông ấy cũng không kiên nhẫn chờ đợi một thời điểm chấm dứt rõ ràng vào khoảng 2:30 chiều, giờ Washington, vì ông đã lên lịch cho một cuộc họp báo vào giờ đó. Mỗi vài phút, ông lại gọi cho Habib tại trung tâm điều hành của Bộ Ngoại giao để báo cáo tiến độ. Việc sơ tán có gần hoàn tất không ? Có tin gì từ Graham không ? Một số sĩ quan trẻ

hơn cùng với Habib bắt đầu đùa giỡn với nhau: «Ông già Martin vừa mới sơ tán sáu trăm người cuối cùng trong số bốn trăm người sơ tán của ông ấy.»

Cuối cùng, Gayler đã từ bỏ việc cố gắng thay đổi quyết định của Đại sứ. Lúc 1:41 sáng, ông đã cảnh báo các đơn vị cấp dưới trong chỉ huy của mình rằng việc sơ tán phải được thực hiện đến cùng, bất kể sự mệt mỏi của phi công hay bất cứ điều gì khác. Trực thăng sẽ bắt đầu hạ cánh tại Đại sứ quán với khoảng cách mười phút một lần.

Trong khi đó, Kissinger lại hỏi Martin về số người vẫn đang chờ tại Đại sứ quán để được sơ tán. Một lần nữa, Martin đã bịa ra con số : khoảng 726, anh ta cho biết.

Dựa trên những con số này, Nhà

Trắng và Lầu Năm Góc đã quyết định một kế hoạch hành động mới. Một chuyến bay trực thăng đủ để đưa tất cả 726 người sơ tán ra khỏi đó sẽ được gửi đến Sài Gòn. Nhưng sau đó, sẽ không còn nữa. Việc sơ tán sẽ được hoàn tất vào lúc 3:45 sáng, giờ Sài Gòn. Đại sứ tự mình sẽ lên chiếc trực thăng gần cuối cùng. Kissinger đã nói trực tiếp với Martin : «Tôi muốn các anh hùng của tôi trở về nhà.»

Lúc 2:22 sáng, Gayler đã truyền đạt các chỉ thị thích hợp đến hạm đội. Trong khi đó, một phát ngôn viên của Chính quyền đã thông báo với các phóng viên ở Washington rằng cuộc họp báo của Kissinger sẽ được lùi lại đến 5 giờ chiều hôm đó. Một số nhà báo bày tỏ sự ngạc nhiên trước việc hoãn lại. Có vấn đề gì xảy ra trong việc sơ tán không ? Không có gì cả, một phát ngôn viên chính thức trả lời.

Mọi thứ đều diễn ra theo kế hoạch.

Qua bộ đàm trong văn phòng, Martin có thể nghe lén cuộc trò chuyện qua radio giữa các lính thủy đánh bộ trong khu giải trí và những người ở sân.

«Này, có một thằng ngốc khác đang leo qua tường.» «Bắn hắn đi !» một người gọi đã thốt lên vào một lúc nào đó.

«Tôi không thể bắn anh ta,» câu trả lời vang lên. «Trời ơi, để anh ta qua đi.» Với sự thiếu kiên nhẫn ngày càng tăng ở Washington, Martin biết rằng ông sẽ phải chấm dứt sự hào phóng như vậy. Nếu việc vận chuyển bằng đường không phải kết thúc trong một khoảng thời gian hợp lý, thì dòng người liên tục vào khu phức hợp Đại sứ quán không thể tiếp tục. Vì vậy, ông đã chỉ thị cho Thiếu tá Kean phong tỏa khu giải trí và di chuyển tất

cả những người sơ tán còn lại vào chính sân trong của Đại sứ quán. Ít nhất, điều đó sẽ giúp lính thủy đánh bộ dễ dàng hơn trong việc ngăn chặn những người Việt Nam khác vào qua các bức tường.

Khi Đại tá Madison và nhóm của ông được thông báo về việc này, họ ngay lập tức bắt đầu di chuyển những người di tản đã tập trung từ khu vực giải trí vào sân trong. Đó là một quá trình tốn nhiều công sức. Có rất ít chỗ quanh bãi đáp trực thăng cho tất cả hành khách mà họ đã đếm được - tổng cộng là 1.200 người, nhiều hơn rất nhiều so với số mà Martin đã báo cáo với Washington. Một số người Việt Nam phải chen chúc lên mái nhà của trạm cứu hỏa nhỏ ở một bên sân. Những người khác bị nhét vào bãi đậu xe nhỏ bên cạnh văn phòng của các Giám thị Truyền giáo. Chỉ sau nhiều lần

xô đẩy và vật lộn, khu giải trí mới được dọn dẹp và phong tỏa. Và trong suốt thời gian đó, Madison, Summers và Herrington đã đi vòng quanh đám đông, cố gắng trấn an họ, hứa đi hứa lại : «Các bạn sẽ không bị bỏ rơi.»

Sau khi rời văn phòng Đại sứ, Moorefield đã dành mười lăm hoặc hai mươi phút chỉ đi lang thang trong các hành lang của Đại sứ quán, thỏa mãn sự tò mò của mình về một khoảnh khắc rõ ràng là lịch sử. Tầng sáu, anh gặp Jay Blowers, một đồng nghiệp có râu của Bộ Ngoại giao, người chịu trách nhiệm giám sát người Việt Nam trong các hành lang khi họ chờ đợi chuyến bay từ mái nhà. Trong vài phút, anh đã giúp Blowers với nhiệm vụ của mình, dẫn dắt một nhóm người từ trực thăng vào cầu thang nội bộ, nhưng vì

việc đón người trên mái nhà bây giờ diễn ra rất chậm, anh nhận ra rằng mình thực sự không còn cần thiết nữa. Vì vậy, anh tiếp tục di chuyển, trôi xuống tầng hai, đến các văn phòng của bộ phận chính trị nơi anh từng được phân công. «Chỗ đó đã trở thành một bia mộ, một hiện vật bảo tàng tối tàn,» anh nhớ lại. Thiết bị bị vứt bừa bãi khắp sàn nhà. Đồ đạc và rác rưởi nằm la liệt khắp nơi. Và nó yên tĩnh đến mức đáng sợ, ngoại trừ tiếng ầm ầm của trực thăng khi chúng đến và rời đi.

Tôi tò mò muốn xem mọi người đã để lại những gì, những gì mà một người đàn ông không coi là quan trọng đủ để mang theo trong chuyến đi cuối cùng của anh ta. Một trong những người bạn của tôi đã bỏ lại nửa hộp thuốc lá ống. Tôi đã chiếm lấy nó, vì tôi nghĩ rằng VC sẽ ít có nhu cầu sử dụng nó hơn tôi. Người khác

đã để lại sách, đủ loại đồ vật.

Khi tôi đi vòng quanh các văn phòng, tôi có một cảm giác lạ lùng, như thể mình không còn thân xác. Trong sự hỗn loạn của vài tuần qua, tôi chưa bao giờ có thời gian để đóng gói. Tôi đã mất mọi thứ, thậm chí cả túi đồ chạy trốn mà tôi đã chuẩn bị vào sáng hôm đó. Và tôi nghĩ, đây tôi đây, ba mươi mốt tuổi, với thực sự không có tài sản nào mang tên mình. Đột nhiên, tôi bị một khao khát lạ lùng chiếm lấy, muốn sở hữu một cái gì đó, rời Việt Nam với cái gì đó ngoài chiếc áo trên lưng. Và vì vậy, khi tôi đang lục lọi qua đống rác, tôi nhặt được một cuốn sách có tên là Nguyên Tắc Chiến Tranh và nhét nó vào túi. Tôi nghĩ rằng nó có thể là một cuốn sách thú vị để đọc trên tàu. Tôi đã mang nó theo suốt chặng đường còn lại. Đó là thứ duy nhất tôi cứu

được từ Việt Nam, cuốn sách này về các nguyên tắc chiến tranh.

Khi Moorefield lê bước trở lại tầng trên hướng về mái nhà, anh đã chấp nhận viễn cảnh rời đi. Bây giờ anh ta dường như chỉ đang cản đường.

Nhưng bất chấp quyết tâm mới tìm thấy này, anh ta không dễ dàng thoát khỏi tình huống. Khoảng 2:30 sáng, một trong những người điều khiển Thủy quân lục chiến trên mái nhà đã ngủ gật trong khi làm việc. Trong lúc ngủ gật, anh ta loạng choạng bước qua mép bãi đáp trực thăng và rơi xuống lan can xung quanh mái tòa nhà từ tầng một. Anh ấy bị gãy nhiều xương và ngay lập tức được đưa ra ngoài bằng máy bay trực thăng cứu thương. Khi Moorefield lang thang lên tầng sáu, một trong những lính thủy đánh bộ đã chặn anh lại và yêu cầu anh thay thế cho

người lính bị thương. Moorefield mệt mỏi đồng ý.

«Thực sự thì đó không phải là một công việc lớn,» anh ấy giải thích sau đó. «Khi mỗi nhóm nhỏ người sơ tán đến cửa dẫn lên mái nhà, tôi sẽ thông báo cho họ, sau đó dẫn họ lên bệ hạ cánh và giúp họ lên trực thăng.»

Ký ức rõ nét nhất của tôi là tôi đã mệt mỏi như thế nào, rất rất mệt mỏi. Tôi đã không ngủ trong hơn hai ngày, ngoại trừ một giờ tôi đã chợp mắt ở nhà đêm hôm trước. Nhưng tôi biết tôi không thể ngủ được. Không có ai thay thế tôi.

Tất cả đều là công việc trên mái nhà đó. Không ai nói chuyện và tất cả chúng tôi đều làm việc với sự cẩn thận và chú ý cực kỳ cao. Luồng gió từ các trực thăng, tất nhiên, mạnh như bão, và vì không

có lan can quanh bệ, bạn phải cẩn thận không vấp ngã và bị thổi bay xuống như lính thủy đánh bộ.

Ở mép mái nhà, các ống khói từ lò đốt ở tầng dưới vẫn đang hoạt động hết công suất, phun ra ngọn lửa và khói cao lên không trung. Và khi cất cánh, các phi công trực thăng phải quay ngoắt tránh xa chúng để không bị mù mắt. Cảnh tượng làm tôi nhớ đến một giàn hỏa táng, mái của Đại sứ quán bùng cháy giữa đêm tối.

Ngay sau khi tôi lên vị trí trên mái nhà, lính thủy đánh bộ đã cắt đứt khuôn viên Đại sứ quán khỏi khu giải trí phía sau và niêm phong cửa lại. Nhưng đèn vẫn sáng bên đó, và từ chỗ đứng cao của tôi, tôi có thể thấy những kẻ cướp bóc vui vẻ lục lọi qua đống đổ nát. Bầu không khí gần như giống như một lễ hội. Các bà mẹ đang mang đi mọi thứ không

được buộc chặt - rèm cửa, ghế, đồ bạc, thực sự là mọi thứ ! Bể bơi bị đầy rác, và trong bãi đậu xe bên cạnh nhà hàng, tất cả các xe ô tô bị bỏ rơi đều đang chạy. Những kẻ cướp bóc đang chơi trò xe đụng với chúng.

Ở phía bên kia của Đại sứ quán, ngoài đường phố, tôi có thể thấy những người mà tôi tin là các cán bộ chính trị của VC đang hô hào đám đông. Sẽ có một bài diễn thuyết dài từ năm đến mười phút, thỉnh thoảng bị ngắt quãng bởi những tràng pháo tay. Tôi không thể nghe rõ những gì đang được nói, nhưng sự mỉa mai thì thật ấn tượng. Hãy tưởng tượng điều đó : ở phía sau, một phần của thành trì đang bị cướp bóc bởi những bà lão và những cậu bé, và ở phía trước, điều tồi tệ nhất trong số những điều tồi tệ, các cán bộ chính trị đang thực hiện hành động

của họ ngay trước cửa Đại sứ quán.

Ở xa, tôi có thể thấy những đám cháy vẫn đang bùng lên trong khu vực Tân Sơn Nhất-Biên Hòa, và những viên đạn sáng thỉnh thoảng bắn lên theo sau máy bay của chúng tôi. Trên những tán cây, tôi thoáng thấy thành phố - thật chết chóc, thật tĩnh lặng. Nó giống như chúng tôi đang ở trong một khoảnh khắc chuyển tiếp giữa sự thay đổi của đội ngũ bảo vệ, chế độ cũ, lối sống cũ nhường chỗ cho cái mới.

Dưới bãi đáp trực thăng, trong văn phòng bỏ hoang của mình trên tầng sáu của Đại sứ quán, Tom Polgar vừa mới hoàn thành việc đánh một bức điện gửi đến Washington trên chiếc máy đánh chữ cũ kỹ của mình. Đó là một thông

điệp mang tính lịch sử, như ông đã chỉ ra trong vài dòng đầu tiên : «Với thông điệp của tổng thống thông báo rằng việc di tản Đại sứ quán Hoa Kỳ phải hoàn tất trước 03 giờ 45 phút giờ địa phương ngày 30 tháng 4, xin thông báo rằng đây sẽ là thông điệp cuối cùng từ Đài Sài Gòn. Chúng tôi sẽ mất khoảng hai mươi phút để phá hủy thiết bị. Do đó, khoảng 0320 giờ theo giờ địa phương, chúng ta phải chấm dứt truyền tin mật.

Trong đoạn tiếp theo, ông đã chuyển sang triết lý một cách hùng hồn, như thể ông biết mình đang viết cho thế hệ sau này. Nhưng giống như nhiều thông điệp khác mà ông đã gửi đến Washington trong những tuần gần đây, những gì ông nói tiết lộ nhiều hơn về những ảo tưởng của chính ông hơn là về hoàn cảnh và thực tế của thời điểm đó. Hiện tại, cũng

như vào đầu cuộc tấn công của Cộng sản ba tháng trước, Polgar vẫn tin rằng sự keo kiệt của Quốc hội - «những biện pháp nửa vời keo kiệt» là câu cửa miệng của ông - là nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Sài Gòn. «Đó là một cuộc chiến dài và khó khăn và chúng ta đã thua,» ông viết. «Trải nghiệm này, độc nhất trong lịch sử Hoa Kỳ, không nhất thiết báo hiệu sự sụp đổ của Hoa Kỳ như một cường quốc thế giới.» Tuy nhiên, mức độ nghiêm trọng của thất bại và các hoàn cảnh xung quanh nó dường như đòi hỏi một sự đánh giá lại các chính sách nửa vời keo kiệt đã đặc trưng cho phần lớn sự tham gia của chúng ta ở đây, mặc dù cam kết về nhân lực và tài nguyên chắc chắn là hào phóng. Những ai không học hỏi từ lịch sử sẽ bị buộc phải lặp lại nó. Hãy hy vọng rằng chúng ta sẽ không có thêm một trải nghiệm như ở Việt Nam

nữa và rằng chúng ta đã rút ra bài học cho mình.

«Saigon xin tạm biệt.»

Tại Washington, gần như cùng một lúc, Giám đốc CIA Colby đang hoàn thành thông điệp cuối cùng của mình gửi đến Polgar, mà theo cách của nó cũng đáng nhớ không kém. «Khi chúng ta tiến gần đến việc kết thúc liên lạc với Sài Gòn,» ông khẳng định, «tôi muốn ghi nhận niềm tự hào và sự hài lòng của Cơ quan về công việc mà các đại diện của mình đã làm ở đó, và chưa bao giờ trong suốt hơn hai mươi năm lịch sử của mình điều này lại đúng hơn là trong vài tuần vừa qua.» Sự dũng cảm, liêm chính, cống hiến và năng lực cao mà Cơ quan đã thể hiện trong nhiều tình huống trong

những năm qua đã được bạn hoàn toàn đáp ứng và thậm chí còn vượt qua trong giai đoạn khó khăn cuối cùng này. Hàng nghìn người Việt Nam nợ cuộc sống và hy vọng tương lai của họ cho những nỗ lực của bạn, Chính phủ của bạn đã thu lợi rất nhiều từ độ chính xác và phạm vi rộng lớn của báo cáo của bạn và đất nước của bạn sẽ một ngày nào đó học hỏi với sự ngưỡng mộ về cách bạn đại diện cho những bản năng và lý tưởng tốt nhất của nó. Chúc bạn may mắn và cảm ơn rất nhiều.

Ngay trước 3 giờ sáng, lại có một khoảng lặng ngắn trong việc vận chuyển bằng trực thăng từ sân. Martin, lo sợ rằng quân đội Mỹ cuối cùng đã đến giới hạn của họ, đã cầu xin ít nhất sáu chiếc CH-535 lớn nữa - một con số mà ông khẳng

định sẽ cuối cùng chứa đủ tất cả các dân thường trong khuôn viên. Miễn cưỡng, Whitmire đồng ý. Trong vòng bốn mươi phút tiếp theo, nửa tá trực thăng hạ cánh liên tiếp. Trong khi đó, các sĩ quan truyền thông còn lại của Đại sứ quán đã phá hủy những gì còn lại của thiết bị radio của họ và gia nhập vào hàng ngũ hành khách đang giảm dần ở tầng sáu.

Lúc 3:45 sáng, đúng vào thời điểm chót của Nhà Trắng cho việc sơ tán, Martin bước ra sân trong Đại sứ quán, quan sát đám đông, rồi ra hiệu cho Đại tá Madison. Tất cả người Việt Nam còn lại, ông nói với sĩ quan quân đội, sẽ được đưa ra bằng máy bay CH-53. Những người vẫn còn chờ đợi bên trong Đại sứ quán sẽ được dồn ra sân trong. Việc trực thăng cất cánh từ mái nhà giờ chỉ dành

riêng cho người Mỹ.

Boudreau, người đã đi cùng Martin vào bãi đậu xe, đã nhìn qua đám đông và hài lòng rằng việc sơ tán có thể sớm kết thúc. «Không thấy bất kỳ khuôn mặt nào trắng ở đó,» anh ấy sau đó nói với tôi.

Với máy phát radio của Đại sứ quán giờ đã ngừng hoạt động, liên lạc duy nhất của Martin với thế giới bên ngoài là hệ thống bộ đàm mà lính thủy đánh bộ đang sử dụng để liên lạc với trực thăng. Bằng cách chuyển tiếp tin nhắn qua các phi công, anh ta vẫn có thể giao tiếp với hạm đội, và ngược lại. Nhưng đó là một quá trình dài dòng và vòng vo, và Martin suy luận rằng vào thời điểm Whitmire hoặc Kissinger có thể gửi tin nhắn đến ông, phản đối việc ông không kết thúc cuộc di tản đúng thời hạn, những người di tản cuối cùng tại Đại sứ quán sẽ đã lên

máy bay.

Khi những người Việt Nam còn lại trong tòa nhà sứ quán lảo đảo bước vào sân, Madison và các thủy quân lục chiến đã bắt đầu chia đám đông thành những nhóm đủ kích thước cho trực thăng. Vài phút sau, Madison đã gửi tin nhắn cho Lehmann ở văn phòng Đại sứ : Thêm sáu chiếc CH-53 nữa sẽ đủ để sơ tán mọi người. Toàn bộ hoạt động có thể được hoàn thành trong vòng hai mươi phút.

Trong trường hợp đó, Lehmann trả lời, sự trợ lực cần thiết sẽ được cung cấp.

Lúc 4:20 sáng, một chiếc CH-53 khác đã đến. Madison và đội của anh ấy đã nhanh chóng đưa hành khách lên máy bay và gửi nó đi, sau đó lo lắng chờ chiếc trực thăng tiếp theo theo lịch trình.

Họ đã chờ đợi một cách vô ích. Ở đầu kia của chuỗi chỉ huy, Gayler và Whitmire cuối cùng đã quyết định thách thức Martin. Tin rằng ông ta vẫn đang cố gắng trì hoãn việc đóng cửa, họ từ chối chấp nhận những lời phản đối của ông ta rằng chỉ còn vài người Việt Nam nữa cần được sơ tán. Theo chỉ thị của Nhà Trắng, việc vận chuyển bằng trực thăng sẽ được chấm dứt ngay lập tức, ngay khi Martin có thể được đưa ra ngoài.

«Đã có một thời gian không có trực thăng nào hạ cánh, không ở sân trong, không ở mái nhà,» Moorefield lưu ý. «Tôi nhớ nhìn xuống sân và đếm số người còn lại - hơn bốn trăm một chút, chỉ cần thêm vài chuyến trực thăng nữa.» Không phải tất cả đều là người Việt Nam. Có một vài người Hàn Quốc và một số

người khác - tôi nghĩ là người Philippines - trong nhóm.

Trong thời gian tạm nghỉ này, tôi đã xuống tầng sáu. Thiếu tá Kean vừa nhận được một thông điệp từ hạm đội qua mạng tác chiến của mình. Có vài người chúng tôi đứng đó, và đại tá nói với chúng tôi, một cách rất kịch tính, rằng tin nhắn đến từ Nhà Trắng : 'Tôi vừa nhận được lệnh từ Tổng thống.' Chỉ có nhân viên Đại sứ quán mới được sơ tán từ bây giờ trở đi. Đừng hoảng loạn ! Anh ấy đã rất kịch tính về điều đó. «Đừng hoảng loạn,» anh ấy nói, như thể bất kỳ ai trong chúng tôi có tâm trí hoặc sức mạnh để hoảng loạn vào lúc này. Và tôi nhớ đã quay sang Jay Blowers và nói một cách châm biếm, 'Đừng hoảng loạn Chỉ có người Mỹ sẽ được sơ tán khỏi đây !' Chúng tôi không di tản thêm ai nữa !»

Sau đó, tôi quay lại mái nhà và ước lượng bằng mắt một lần nữa số xác trong sân : chỉ hơn bốn trăm. Tôi biết bây giờ rằng không ai trong số họ sẽ bao giờ ra ngoài được nữa.

Vào lúc đó, Brunson McKinley, trợ lý của Đại sứ, không biết về quyết định của Whitmire ngừng dòng chảy, bước ra sân và hứa với Madison và Summers rằng sẽ có thêm trực thăng đến. Hai sĩ quan Quân đội Hoa Kỳ quay lại đám đông và lặp lại lời đảm bảo.

Trong văn phòng Đại sứ, John Pittman bị đánh thức khỏi giấc ngủ ngắn khi Thiếu tá Kean xông vào với vẻ mặt hùng hổ. Hét lên bằng cả giọng, viên sĩ quan Thủy quân lục chiến trẻ tuổi đã đọc to thông điệp từ Nhà Trắng. Tổng thống

Ford đã chỉ thị rằng Đại sứ phải rời khỏi bằng trực thăng tiếp theo từ mái nhà !

Martin chỉ gật đầu và nhặt chiếc vali của mình lên. «Có vẻ như đây là lúc kết thúc,» anh nói với những người khác, rồi đi ra thang máy. Một số nhân viên còn lại của ông đã vội vã theo sau ông - Polgar, Pittman, Jacobson, John Bennett của USAID, Joe Bennett, cố vấn chính trị, và Brunson McKinley. Lehmann, Boudreau và Jim Devine ở lại thêm một lúc nữa để trông chừng những gì còn lại của cuộc sơ tán.

«Tôi đang nằm trên mái nhà gần cầu thang, chờ chiếc trực thăng tiếp theo,» Moorefield giải thích. «Và đột nhiên tôi thấy một vài người đang di chuyển trên cầu thang.» Trời rất tối, nhưng tôi có thể thấy Polgar, McKinley và Đại sứ.

Tôi ngồi xổm ở lối vào và đếm được hai mươi lăm hành khách. Thật không may, như số phận đã định, Đại sứ không nằm trong số họ. Vài phút sau, khi một chiếc trực thăng hạ cánh, tôi vội vàng dẫn nhóm đầu tiên qua mái nhà để bắt đầu lên máy bay. Nhưng sau đó đã xảy ra một cuộc cãi vã lớn, các lính thủy đánh bộ và phi công la hét với nhau qua tiếng gió của cánh quạt. Có vẻ như Nhà Trắng đã chỉ đạo rằng Đại sứ phải ở trên chiếc trực thăng này, và tôi đã làm hỏng mọi thứ khi để ông ấy ra ngoài danh sách hành khách. Tôi quay lại cầu thang để nói chuyện với ông ấy. Tôi không nghĩ là anh ấy hiểu tôi. Anh ấy nhìn tôi với vẻ nghi hoặc - bạn biết đấy, cái cách mà anh ấy có thể nhìn bạn - rồi gật đầu. Anh ấy không hiểu, nhưng tôi đoán anh ấy đang nhường cho tôi.

Trực thăng đứng yên trong vài phút khi phi công nói chuyện với đội bay. Cuối cùng có ai đó nói với tôi, 'Lệnh là lệnh.' Đại sứ sẽ phải lên máy bay - và càng sớm càng tốt, vì có khả năng quân đội VNCH ở dưới đường có thể nổi giận và bắn vào chúng ta nếu chiếc trực thăng này ở lại đây quá lâu. Vào lúc đó, tôi quay lại cầu thang và hộ tống Đại sứ ra bậc thang. Khi tôi nâng ông ấy qua cửa trực thăng, ông ấy trông... yếu ớt, thật sự rất yếu ớt.

«Khi trực thăng bay đi, tôi quay lại cầu thang và nói với Polgar và những người khác rằng họ sẽ ra ngoài sớm.» Cuối cùng một chiếc trực thăng khác đến và tôi đã đưa họ lên. Sau đó, tôi quay lại mép bãi đáp và nhìn xuống sân trong những người đang chờ đợi ở đó. Đại tá Summers, Madison và những người khác trong Đội quân sự chung vẫn ở lại với

họ. Và tôi tự nhủ rằng không còn gì tôi có thể làm nữa. Rằng mọi thứ đã được thực hiện rồi...»

Ở ngoài sân, Summers cảm thấy bối rối. Những chiếc trực thăng hứa hẹn đâu rồi ? Cuối cùng, Thiếu tá Kean bước ra và đưa cho anh ta một câu trả lời : sẽ không còn nữa, ông ta nói, ngoại trừ những chiếc dành cho lính thủy đánh bộ và một vài nhân viên còn lại của Đại sứ quán và Quân đội. Khi Madison nghe điều đó, anh gần như không thể kiềm chế bản thân. Còn sáu chuyến hành khách nữa, anh ta nói khàn khàn. Ông sẽ không rời đi mà không có họ. Đại sứ ở đâu ? Ông ấy sẽ bàn bạc về vấn đề này với ông ấy.

Kean lắc đầu. «Đại sứ vừa mới rời khỏi,» anh thở dài. Tất cả người Mỹ đều đang rời đi.

Madison gần như không thể tin vào điều đó. Chưa đầy nửa giờ trước, cả Lehmann và McKinley đều đã đảm bảo với anh ta rằng sẽ có phương tiện cần thiết cho người Việt. Bây giờ, đột ngột, mọi kế hoạch đã bị thay đổi.

Madison, sốc và không thể tin nổi, nhìn thẳng vào mắt Kean. Cả anh ta và đội của anh ta, anh ta nói cẩn thận, sẽ không rời đi cho đến khi những người Việt Nam còn lại đã được sơ tán. Kean và đội của ông sẽ giữ các vòng ngoài cho đến khi việc đó hoàn thành.

Nhưng Kean lại lắc đầu. Tổng thống đã ra lệnh cho Đại sứ rời đi và chấm dứt hoạt động không vận, ông khăng khăng. Ông sẽ không chống lại Tổng thống. Cũng như vậy, ông sẽ không đặt những người của mình vào tình thế nguy hiểm hơn nữa. Với điều đó, ông quay lại và ra

lệnh cho các lính thủy đánh bộ của mình bắt đầu rút lui vào Đại sứ quán.

Madison chỉ có bốn sĩ quan quân đội với mình, quá ít để bảo vệ ngay cả một phần nhỏ của khuôn viên Đại sứ quán mà không có sự giúp đỡ của Kean. Vì vậy, ông không còn lựa chọn nào khác ngoài việc rút lui. Ông lặng lẽ báo động cho các đồng đội của mình, và trong vài phút tiếp theo, họ đều lén lút rời khỏi Đại sứ quán. «Ở lại trong khu vực hạ cánh bãi đỗ xe,» Madison tuyên bố trong báo cáo cuối cùng của mình, «là sáu đợt nâng tổ chức có khoảng 420 nhân viên, bao gồm các thành viên của Đại sứ quán Hàn Quốc [Thiếu tướng Rhee Dai Yong và các đồng nghiệp], Đại sứ quán Mỹ, nhân viên phòng cháy chữa cháy đã tình nguyện ở lại làm nhiệm vụ cho đến đợt nâng cuối cùng trong trường hợp có hỏa

hoạn trong khuôn viên, một linh mục người Đức đã làm việc với các nhóm tị nạn và đã hỗ trợ rất nhiều trong việc tổ chức khu vực CRA [giải trí], và các nhân viên quốc gia địa phương khác của Đại sứ quán Mỹ cùng với gia đình họ.» Tất cả những nhân viên này đã bỏ lại hành lý của họ theo lệnh của chúng tôi để có thể được đưa ra dễ dàng hơn. Rõ ràng vào thời điểm này rằng cam kết đạo đức đối với những người sơ tán này và nghĩa vụ của nhân viên Hoa Kỳ trong việc tôn trọng cam kết của chính phủ họ không được chia sẻ rộng rãi ngoài phái đoàn [Đội Quân sự Liên hợp] của Hoa Kỳ. Vào thời điểm này, rõ ràng rằng cam kết đạo đức đối với những người sơ tán này và nghĩa vụ của nhân viên Hoa Kỳ trong việc tôn trọng cam kết của chính phủ họ không được chia sẻ rộng rãi bên ngoài phái đoàn [Đội Quân Đội Liên Hợp]. *

* [Nhóm bị bỏ lại trong sân cũng bao gồm một số chính trị gia nổi bật của miền Nam Việt Nam, trong đó có một cựu bộ trưởng tài chính trong chính phủ Thiệu, người sau đó đã tự mình trốn khỏi Sài Gòn. Tướng Hàn Quốc Yong thì không may mắn như vậy. Bị lực lượng BV giam giữ khi họ vào thành phố, ông vẫn còn trong nhà tù của cộng sản hai năm sau đó.]

Khi Madison, Đại tá Summers và phần còn lại của nhóm Quân đội lên đến đỉnh cầu thang của Đại sứ quán, Moorefield đã đợi ở bệ để giúp họ lên máy bay. «Marv Garrett và một vài sĩ quan Mission Warden cũng đi lên cầu thang về phía tôi,» Moorefield ghi chú. «Họ đã ngồi ở một nơi nào đó trong Đại sứ quán và cũng đã được thông báo rời đi.» Có một cô gái Mỹ đi cùng họ và tôi nhớ rõ

tôi đã kinh ngạc như thế nào khi thấy vẫn còn một cô gái trong Đại sứ quán. Hóa ra, Summers đã cố gắng suốt cả ngày để thuyết phục cô ấy rời đi. Cô ấy đã kết hôn với một quan chức Việt Nam nào đó mà chưa thoát ra được. Cuối cùng Summers đã thuyết phục được cô ấy.

Sau khi đưa tất cả họ lên trực thăng, tôi quay lại cầu thang. Không ai khác đến nữa. Tôi quay lại và đi bộ về phía trực thăng rồi lên. Khi chiếc trực thăng xoay vòng lên khỏi mái nhà, tôi nhìn đồng hồ : 5:24 sáng, ngày 30 tháng 4. Từ cửa sổ cabin, tôi có thể thấy những người tị nạn Việt Nam vẫn đang chờ đợi trong sân dưới.

Chúng tôi bay qua Sài Gòn và tôi cố gắng ghi lại ấn tượng cuối cùng về thành phố trong tâm trí mình. Tôi nhớ đã nghĩ rằng nó có thể là một cộng đồng ngoại ô

ở Hoa Kỳ. Mọi thứ đều yên bình và tĩnh lặng, ngoại trừ những đám cháy đang bùng lên ở xa.

Khi chúng tôi hạ cánh xuống hạm đội sau bốn mươi lăm phút, ánh bình minh đang ló rạng trên bờ nước, và một hạm đội tàu đánh cá, chở đầy người tị nạn, kéo dài về phía bờ biển xa tít tắp. Khi chúng tôi bước ra boong tàu, các sĩ quan an ninh Hải quân ngay lập tức tước vũ khí của chúng tôi. Vì tôi không có giấy tờ tùy thân, họ muốn biết tôi là ai. Ai đó đã bảo lãnh cho tôi, nói rằng tôi là một thành viên của nhân viên Đại sứ quán. Các thủy quân lục chiến sau đó đi đến lan can của con tàu và ném vũ khí của chúng tôi xuống biển.

Khi lên tàu USS Okinawa, Đại tá Madison đã cố gắng thuyết phục chỉ huy của một phi đội trực thăng thực hiện

thêm sáu chuyến bay đến Đại sứ quán. Ông không thành công. Không ai trong đội ngũ của Đại sứ thấy cần thiết phải thông báo cho hạm đội về đám đông nhỏ vẫn còn trong sân, và các chỉ huy bay giả định rằng số lượng họ sẽ phải sơ tán nếu họ quay lại là vô hạn. Vì vậy, họ quyết định không nỗ lực thêm nữa.

Vào khoảng 5:30 sáng theo giờ địa phương, Lữ đoàn Tăng NVA 203 đã vượt qua cầu Newport và từ từ tiến vào Sài Gòn, trong khi chỉ huy phi đội chăm chú xem bản đồ, cố gắng xác định mục tiêu chính của mình, Dinh Độc Lập. Một lát sau, Đô đốc Gayler, theo dõi tiến trình của lực lượng xâm lược từ Honolulu, đã ra lệnh điều một trực thăng được trang bị đặc biệt đến Sài Gòn để cung cấp sự bảo vệ tại Đại sứ quán trong khi các thủy quân lục chiến còn lại phá hủy những

thiết bị văn phòng cuối cùng.

Tại Washington, Henry Kissinger vừa mới khai mạc cuộc họp báo chiều đã được lên lịch từ lâu. Việc sơ tán tất cả người Mỹ ở Sài Gòn đã hoàn tất, ông tuyên bố một cách hãnh diện. Vài phút sau, một trong những trợ lý của ông đã đưa cho ông một mảnh giấy : thực tế, vẫn còn lính thủy đánh bộ trong Đại sứ quán. Kissinger đã chọn không đề cập đến chi tiết này với báo chí, nhưng ngay khi đèn klieg tắt, ông đã vội vã đến trụ sở nhân viên của mình trong Tòa nhà Văn phòng Điều hành và nổi cơn thịnh nộ. Đưa những lính thủy đánh bộ đó ra khỏi Sài Gòn ngay lập tức ! ông ta hét lên. Nếu thậm chí chỉ một người bị mất sau khi ông ta đã tuyên bố một cách rõ ràng rằng chiến dịch thành công, ông ta sẽ chặt đầu ai đó !

Lúc 7:30 sáng theo giờ Sài Gòn, các sĩ quan của Thiếu tá Kean đã đập mạnh vào cánh cửa gỗ sồi khổng lồ của Đại sứ quán, chặn chúng lại và chạy vào cầu thang. Ở tầng một và tầng bốn, họ ném lựu đạn hơi cay vào các giếng thang máy và kéo các cửa thép chắn lại sau lưng họ trên các bậc thang. Nhưng ngay khi họ nhảy lên vài bậc cuối cùng đến sân thượng, những người Việt Nam hoảng loạn từ sân trong đang phá cửa tầng trệt và tràn lên theo sau họ.

Ở đỉnh cầu thang, các thủy quân lục chiến đã kịp khóa và chốt cửa nhỏ dẫn ra bãi đáp, tạo cho mình vài khoảnh khắc quý giá để leo lên chiếc trực thăng đang chờ đợi. Nhưng khi người cuối cùng trong số họ chui vào cabin, một vài người Việt Nam đã leo lên mép bệ phóng. Ngay

khi những người dẫn đầu lao về phía bánh xe, trực thăng đã cất cánh. Đó là 7:53 sáng, giờ Sài Gòn, ngày 30 tháng 4.

Trên tàu USS Denver, tôi vừa leo lên một chiếc giường võng cứng. Tôi đã thức cả đêm, ngồi ở một cái bàn thép trong nhà bếp, uống cà phê và nhìn những phi công trực thăng mệt mỏi ra vào. Con tàu bị nhồi nhét đến mức không còn đủ chỗ trong các cửa hầm để nằm xuống. Chúng tôi đều phải ngủ theo ca ba hoặc bốn tiếng một lần, phải chia sẻ chỗ nằm trên giường tầng. Lượt của tôi đến rất muộn sau khi bình minh đã lên. Tôi nằm xuống và lập tức thiếp đi, mặc dù có một ống nước rò rỉ trên đầu. Nhưng tôi không ngủ lâu. Khoảng một giờ sau, một đồng nghiệp của tôi đi lảo đảo qua khu vực của các thành viên phi hành đoàn. «Chúng tôi vừa nghe tin trên BBC,» anh

ấy nói. «BV đang ở Sài Gòn.» Họ đã đổi tên thành 'Thành phố Hồ Chí Minh.' Họ đã đổi tên thành «Thành phố Hồ Chí Minh.»

Chú thích : Xuất huyết nội bộ

SỐ LƯỢNG NGƯỜI THAM GIA

Như chính Tướng Dũng đã thừa nhận trong hồi ký của ông, cuộc không vận vào ngày 29 và 30 tháng 4 năm 1975 là một thành tựu ngoạn mục, «cuộc di tản bằng trực thăng lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ.» Theo số liệu cuối cùng, lực lượng cứu hộ gồm 70 trực thăng và 865 lính thủy đánh bộ đã thực hiện hơn 630 «phi vụ» trong mười tám giờ cuối cùng đó và đã sơ tán 1.373 người Mỹ, 5.595 người Việt Nam Cộng Hòa và 85 «công dân nước thứ ba.» Trong số này, gần 2.100 người, bao gồm 978 người Mỹ, đã

được trực thăng đưa ra khỏi sân Đại sứ quán.

Ngày hôm sau sau khi hoàn thành cuộc không vận, Tổng thống Ford đã nêu rõ các chi tiết trong một bức thư gửi Quốc hội và thừa nhận rằng lực lượng di tản đã «thỉnh thoảng» giao tranh với các đơn vị BV. Để tránh những hành động này bị coi là vi phạm Đạo luật Quyền Lực Chiến Tranh, ông đã cẩn thận chỉ ra rằng toàn bộ hoạt động đã được thực hiện theo quyền hạn của ông với tư cách là Tư lệnh Tối cao của Lực lượng Hoa Kỳ. Đó là cùng một lập luận mà ông đã sử dụng trước đó trong tháng để cố gắng biện minh cho việc cam kết lực lượng Mỹ tham gia một cuộc sơ tán mà không có sự chấp thuận của Quốc hội, và như trước đây, nhiều nhà lập pháp vẫn thấy điều đó không thỏa đáng. Trong khi khô-

ng có tranh cãi về quyền của Tổng thống trong việc bảo vệ mạng sống của người Mỹ ở nước ngoài, tính hợp pháp của việc ông sử dụng tàu chiến, máy bay chiến đấu và binh lính để sơ tán người nước ngoài vẫn còn rất nhiều tranh cãi. Liệu Tổng thống có thực sự vi phạm pháp luật khi cứu 5.595 người Việt Nam mà không có một mệnh lệnh rõ ràng từ Quốc hội không ? Cuối cùng, Ford đã mệt mỏi với cuộc tranh luận. Người phát ngôn báo chí của ông tuyên bố một cách cáu kỉnh rằng Tổng thống đã hành động dựa trên «cơ sở đạo đức, không phải pháp lý» và trích dẫn lời của Nhà điều hành rằng, «Tôi đã làm điều đó vì người dân sẽ bị giết và tôi tự hào về điều đó.»

Tâm trạng tự mãn của Tổng thống đã lan tỏa đến các thành viên khác trong Chính quyền. Đại sứ Martin và các trợ lý

thân cận của ông đều sẵn sàng chấp nhận điều đó. Trong những cuộc trò chuyện với tôi nhiều tháng sau cuộc di tản, Lehmann, Boudreau, Jazynka, McKinley và Shep Lowman đều mô tả đó là một «thành công lớn». Chính Martin, trong lời khai trước Quốc hội sau này, đã nhấn mạnh cùng một điểm với sự hùng biện điển hình và chú ý đến từng chi tiết. Tổng cộng, ông nhận xét, hơn 51,888 người - 6,763 người Mỹ và 45,125 người Việt Nam cùng các người nước ngoài khác đã được đưa ra khỏi Sài Gòn trong tháng Tư trên các máy bay quân sự Mỹ. Hơn nữa, ông lưu ý, nếu tính cả những người Mỹ đã rời đi bằng hãng hàng không thương mại, những người Việt Nam đã rời đi bằng các chuyến bay «đen», và 6.000 người khác đã ra ngoài bằng xà lan vào ngày cuối cùng, tổng số người tị nạn mà Đại sứ quán có trách nhiệm sẽ vượt

quá 65.000 người. *

*[Thêm 65.000 người nữa đã tự mình trốn thoát, ngay trước khi cuộc tiếp quản của Cộng sản diễn ra và trong hai năm tiếp theo, nâng tổng số người tị nạn lên hơn 140.000.]

«Khi toàn bộ câu chuyện được ghi lại,» Martin nói với Quốc hội khi tóm tắt vai trò của mình, «nó chắc chắn sẽ chứng minh điều mà người dân Mỹ đã cảm nhận rằng đó là một công việc tuyệt vời.»

Tuy nhiên, một số nhà lập pháp thì không chắc chắn như vậy. Mặc dù không ai phủ nhận những khó khăn mà Đại sứ đã phải đối mặt, nhưng vẫn tồn tại sự nghi ngờ rộng rãi rằng ông đã tự tạo ra rất nhiều trong số đó. Xa rời việc thúc đẩy việc sơ tán trong những tuần

đầu tháng Tư, dường như ông đã giúp trì hoãn nó một phần bằng cách thúc đẩy ý tưởng (với sự giúp đỡ của Kissinger và Weyand) rằng một khoản viện trợ nữa có thể ngăn chặn thảm họa. Chỉ khi Chính quyền muộn màng thay đổi quyết định và buộc ông hành động vào ngày 19 tháng Tư, ông mới bắt đầu tiến hành sơ tán.

Ngay cả lúc đó, không phải là sự sáng tạo của Martin mà là trí tưởng tượng và sáng kiến của các nhân viên cấp dưới đã giữ cho hoạt động tiếp tục diễn ra. Nếu không có «cảm hứng» của Tướng Smith, có lẽ sẽ không có cuộc di tản nào cả. Và nếu Moorefield, Joe McBride và một số ít các viên chức lãnh sự làm việc với họ tại DAO đã chờ chỉ thị từ Đại sứ quán, thì cuộc không vận chắc chắn đã dừng lại. Theo ước tính của chính Moorefield,

ông và các đồng nghiệp của mình đã trực tiếp chịu trách nhiệm sơ tán hơn 20.000 người Việt Nam, những người có thể đã bị mắc kẹt trong thủ tục hành chính.

Tai nạn và một loại vận may kỳ quặc cũng đã giúp đỡ vô cùng lớn. Nếu Tướng Dũng chọn tấn công Sài Gòn trực diện, thay vì loại bỏ các phòng thủ bên ngoài trước đó, thành phố sẽ trở thành một chiến trường, và việc vận chuyển hàng không sẽ trở nên không thể thực hiện được. Cũng quan trọng không kém là quyết định của các sĩ quan CIA, bao gồm Ted Shackley, vào đầu tháng Tư để cô lập Sài Gòn khỏi dân tị nạn đang hoành hành ở vùng nông thôn.

Bố cục của thành phố và vị trí của Tân Sơn Nhất cũng đóng vai trò trong những gì đã xảy ra, và những gì không xảy ra. Khác với sân bay ở Đà Nẵng, Tân

Sơn Nhất cách xa khu vực trung tâm thành phố và được bao quanh bởi các khu quân sự có thể được phong tỏa để hạn chế truy cập. Phía sau hàng rào và các trạm kiểm soát của nó, Tướng Smith đã có thể thiết lập trung tâm sơ tán của mình và di chuyển hàng nghìn người ra ngoài mà không để dân cư thành phố nhận ra hoàn toàn.

Tuy nhiên, trong tất cả các yếu tố tạo nên sự cứu rỗi của chúng ta, có lẽ yếu tố quyết định nhất chính là thái độ của chính người Việt Nam. Ở Đà Nẵng và Nha Trang, những người bạn và đồng nghiệp Việt Nam của chúng tôi biết rằng vẫn còn những nơi khác để trốn thoát, và một chút sáng kiến có thể đưa họ đến đó, ngay cả khi không có sự giúp đỡ của chúng tôi. Nhưng khi Sài Gòn bị tấn công, những lựa chọn đó đã biến mất, và

những người muốn tự cứu mình không còn lựa chọn nào khác ngoài việc đứng lại và nhường cho chúng tôi.

Tính chất ứng biến và tùy tiện của cuộc di tản tất nhiên đã có cái giá của nó. Làm việc dưới áp lực khủng khiếp, không có sự hướng dẫn thích hợp, Moorefield, Lacy Wright, Rosenblatt và hàng chục người khác như họ không thể sàng lọc những người sơ tán như Washington đã dự định. Do đó, các cô gái quán bar và người giúp việc thường được ngồi ở những chỗ lẽ ra nên dành cho những cá nhân «có nguy cơ cao». Ngay cả những chuyến bay «đen», đặc biệt được sắp xếp cho những người sơ tán «ưu tiên», cũng bị lạm dụng. Như Đại tá Legro đã thừa nhận sau khi Sài Gòn thất thủ, chỉ có hai mươi phần trăm trong số 2.000 người Việt mà ông và nhân viên trực tiếp của

ông đã lén lút đưa ra ngoài thực sự có thể được coi là «rủi ro cao.»

Đại sứ Martin đã cố gắng giảm thiểu những vấn đề này trong lời khai của ông trước Quốc hội, tuyên bố rằng khoảng 22.294 người Việt Nam làm việc cho các cơ quan Mỹ hoặc có liên quan đến những người đó đã được sơ tán tính đến ngày 30 tháng 4 năm 1975. Bề ngoài, con số này có vẻ đáng kính, nhưng thực tế thì nó rất nhỏ bé, đặc biệt là khi xem xét tổng số nhân viên cũ và hiện tại của Đại sứ quán và gia đình họ - hơn 90,000 theo ước tính cuối cùng của Bộ Ngoại giao. Để đánh giá từ các số liệu của Martin, chưa đến một phần ba trong số này thực sự được hưởng lợi từ cuộc không vận. Phần còn lại bị bỏ lại, hoặc buộc phải tự mình trốn thoát.

Dễ đoán, Văn phòng Tùy viên Quốc

phòng là cơ quan duy nhất trong Phái bộ gần như đã sơ tán hết tất cả người địa phương trong biên chế của mình - khoảng 1.500 trong số 3.800 người. Bảng điểm cho những người còn lại trong chúng tôi thì kém ấn tượng hơn nhiều. Tính đến mùa hè năm 1977, sự phân chia như sau :

Bộ Ngoại giao : 900 người; 225 người được cứu, trốn thoát; 675 người còn ở VN.

SAFFO (trước đây là CORDS) : 1122 - 218 - 907.

USIA : 167 - 55 - 112

USAID : 924 - 362 -562

VP Mission Wargen : 3500 - 200 - 3300 **

*Tổng số không bao gồm hàng nghìn người Việt Nam đã làm việc cho các cơ quan khác nhau theo hợp đồng

** Cuộc di tản khỏi Cần Thơ, được tiến hành độc lập với cuộc không vận Sài Gòn, đã mang lại những kết quả tương tự. Trong số 573 người địa phương trong danh sách sơ tán của lãnh sự quán (không bao gồm những người làm việc cho CIA), chỉ có 47 người trong số 200 người đã cùng MacNamara đi thuyền xuống sông Bassac ra biển.

Vì George Jacobson, Trợ lý Đặc biệt của Đại sứ về Các hoạt động Tại trường (SAFFO), về mặt kỹ thuật là người phụ trách các giai đoạn cuối của cuộc sơ tán, thật đáng chú ý khi một số lượng lớn những người sơ tán của ông (904) không thể ra ngoài. Điều đó tự nó đã cung cấp một bình luận đáng chú ý về loại lãnh

đạo mà Đại sứ đã áp đặt lên chúng tôi trong những ngày cuối cùng ở Sài Gòn.

Trong số những người trong danh sách sơ tán của Jacobson bị bỏ lại có một kẻ đào tẩu cộng sản rất am hiểu, người đã cung cấp cho chúng tôi trong nhiều năm qua những dữ liệu toàn diện nhất về COSVN và các nhân vật của nó. Cuối tháng Tư, Jacobson đã đề nghị di tản ông ta, nhưng không phải hai con trai của ông, vì chúng đã đến tuổi nhập ngũ. Người đào tẩu, không cần phải nói, đã từ chối rời bỏ mà không có họ.

Jacobson cũng đã làm hỏng việc sơ tán Nay Luette, lãnh đạo người miền núi, người mà ông đã nhận trách nhiệm. Luette đã đến một điểm hẹn được chỉ định vào ngày cuối cùng của cuộc chiến, nhưng không bao giờ được đón. Người cộng sản sau đó đã bỏ tù ông ấy. *

*Các đồng bào Thượng của Luette cũng không khá hơn, mặc dù Jacobson chắc chắn không phải là người duy nhất chịu trách nhiệm cho điều này. Trong số khoảng 5.000 người Thượng đã trốn khỏi vùng cao nguyên vào giữa và cuối tháng Ba, chỉ khoảng tám mươi người đã được ghi nhận tại trung tâm tiếp nhận Guam tính đến ngày 8 tháng 7 năm 1975. Còn về các dân tộc thiểu số khác của Việt Nam : chỉ khoảng bảy mươi người Nùng gốc Hoa và bốn mươi người «Thái đen» miền Bắc đã xuất hiện ở Guam vào cùng thời điểm đó. Kể từ đó, một số lượng không xác định đã tự mình trốn khỏi Việt Nam.

Vì tính nhạy cảm của công việc của họ, danh sách các nhân viên CIA địa phương đã được sơ tán hoặc bỏ lại vẫn được giấu kín trong các kho lưu trữ của

cơ quan trong những tháng sau chiến thắng của Cộng sản. Tuy nhiên, một số đồng nghiệp cũ của tôi, những người đã phẫn nộ trước những gì đã xảy ra, đã đảm bảo rằng một số thống kê cơ bản được cung cấp cho tôi. Theo các bảng thống kê này, chỉ khoảng 537 trong số 1.900 «nhân viên bản địa» của Trạm cuối cùng đã được sơ tán, cùng với 2.000 người khác bao gồm cả các thành viên gia đình đã có mối quan hệ đặc quyền với cơ quan trong nhiều năm.

Như đã đúng với các yếu tố khác của Nhiệm vụ, sáng kiến cá nhân đã đóng góp vào những nỗ lực cứu hộ thành công nhất của Trạm. Bằng cách thách thức Tổng Lãnh sự MacNamara và các lệnh từ Sài Gòn, «Larry Downs» của căn cứ CIA ở Cần Thơ đã thành công trong việc sơ tán bằng trực thăng tất cả 300 người

Việt Nam trong danh sách của mình. Tương tự, bằng cách phớt lờ Polgar và hoạt động bí mật, Bill Johnson đã thành công trong việc di chuyển các nhân viên của đài phát thanh House 7 và gia đình họ (khoảng 1.000 người) đến đảo Phú Quốc, nơi họ sau đó đã được giải cứu. Vô số nhân viên CIA khác, thường làm việc một mình hoặc với sự hướng dẫn tối thiểu, cũng đảm bảo rằng các bạn bè và đồng nghiệp người Việt Nam lên được chuyến bay sơ tán.

Thật không may, tuy nhiên, trí tưởng tượng và sự kiên trì của những cá nhân như vậy không thể bù đắp cho sự kém cỏi của ban quản lý Trạm nói chung. Do đó, nhiều nhóm người Việt Nam phải đối mặt với mối nguy hiểm khôn lường từ Cộng sản hoặc việc bắt giữ họ có thể gây phương hại đến lợi ích tình báo của

Hoa Kỳ đã bị bỏ lại phía sau. Trong số họ : 400 thành viên của Đội Cảnh sát Đặc biệt, mà CIA đã tài trợ và giám sát đào tạo ; 400 thành viên của tổ chức Trung ương Tình báo, cũng là những người được chúng tôi bảo trợ ; một đội ngũ lớn gồm các nhân viên văn thư và điều hành máy tính mà Trạm đã thiết lập để theo dõi các nhân vật của Mặt trận Giải phóng miền Nam ; những người Việt trẻ tuổi phục vụ như các nhân viên phát thanh bí mật của chúng tôi tại Đại sứ quán ; đội ngũ duy trì các liên lạc vô tuyến đặc biệt của chúng tôi với trụ sở cảnh sát Việt Nam ; hàng trăm người Việt, bao gồm cả người giúp việc, phục vụ và các đặc vụ, đã tập trung tại Khách sạn Đức vào ngày cuối cùng; một số đặc vụ từ Biên Hòa ; 70 thông dịch viên mà «Harry Linden» đã cố gắng cứu; hàng trăm người đào tẩu cấp cao đã làm việc chặt chẽ với Trạm

trong nhiều năm để xác định và truy lùng các đồng chí cộng sản cũ của họ ; và vô số đặc vụ chống khủng bố - có thể lên tới 30.000 người được đào tạo đặc biệt để hoạt động với Chương trình Phượng Hoàng.

Rồi cũng vậy, để làm tăng thêm những sai lầm và chi phí của chúng tôi, chúng tôi đã phạm phải sai lầm không thể tha thứ là không đảm bảo việc tiêu hủy các hồ sơ nhân sự và hồ sơ tình báo mà chúng tôi đã giúp chính phủ thu thập - và những hồ sơ này đã xác định được rất nhiều người bị bỏ lại trên đường băng hoặc bên ngoài cổng Đại sứ quán. Thật không may, việc bắt giữ và thẩm vấn viên chức CIA trẻ tuổi «Lew James» đã dẫn đến việc lộ thông tin trực tiếp ảnh hưởng đến các hoạt động của chính chúng ta.

Mặc dù Trạm không chịu trách nhiệm ngay lập tức, một cơ quan khác về các hoạt động của cơ quan cũng đã bị mất vào tay cộng sản vào thời điểm sụp đổ. Trong tuần cuối cùng của tháng Tư, một cựu sĩ quan CIA tên là Tucker Gougelmann, người đã từng làm việc ở Sài Gòn, trở lại để tìm kiếm những người bạn Việt Nam, nhưng bằng cách nào đó đã bỏ lỡ chuyến trực thăng cuối cùng, và sau đó bị bắt bởi quân đội Bắc Việt. Bị thẩm vấn bởi KGB Liên Xô và các tổ chức tình báo khác, ông đã chết trong tình trạng bị giam giữ một năm sau đó. Những gì ông tiết lộ dưới sự thẩm vấn vẫn chưa được xác định. Kiến thức của ông về các hoạt động và nhân sự của CIA cả ở Việt Nam và các nơi khác ở châu Á là rất đáng kể.

Tác động đầy đủ của những tổn thất

và thất bại của CIA ở Việt Nam có lẽ sẽ không bao giờ được biết đến. Có quá nhiều câu hỏi chưa được trả lời. Nhưng dựa trên những gì có thể xác định, không quá khi nói rằng về mặt lãng phí mạng sống, lộ bí mật và sự phản bội của các điệp viên, bạn bè và cộng tác viên, cách chúng tôi xử lý việc sơ tán là một sự ô nhục của tổ chức. Kể từ cuộc xâm lược Vịnh Con Lợn thất bại năm 1961, cơ quan này chưa bao giờ đặt cược nhiều như vậy và mất mát vì sự ngu ngốc và quản lý kém.

Nhưng mạng sống và bí mật không phải là những thứ duy nhất bị mất do kế hoạch kém của người Mỹ. Mặc dù Erich Von Marbod đã nỗ lực cứu vãn vào phút chót, nhưng thiệt hại về trang thiết bị do thất bại của Sài Gòn gây ra là rất lớn. Theo ước tính của Lầu Năm Góc, lực

lượng NVA đã chiếm được hơn 5 tỷ đô la vũ khí quân sự do Hoa Kỳ cung cấp, bao gồm 550 xe tăng, 73 máy bay chiến đấu phản lực F-5, 1.300 khẩu pháo, 1.600.000 khẩu súng trường và đủ vật liệu khác để triển khai toàn bộ quân đội, không quân và hải quân. Mặc dù Lầu Năm Góc tuyên bố rằng nhiều thiết bị này sẽ sớm không còn sử dụng được nếu không có phụ tùng thay thế của Mỹ, nhưng ngay cả một phần nhỏ trong số đó cũng sẽ giúp các phong trào nổi dậy hoặc khủng bố ở châu Á hoặc Trung Đông hoạt động trong một thời gian.

HẬU QUẢ

Trong những tháng ngay sau chiến thắng của cộng sản, những người trong chúng tôi đã tham gia vào cuộc di tản và

biết rõ những thiếu sót của nó đã lo lắng theo dõi các báo cáo về người tị nạn từ Việt Nam để tìm manh mối về cách mà cộng sản dự định xử lý những người bạn và đất nước mà chúng tôi đã rời bỏ. Theo mọi dấu hiệu, cuộc tắm máu mà Nhà Trắng đã dự đoán không bao giờ xảy ra. Tuy nhiên, ít ai trong chúng ta có thể tìm thấy sự an ủi từ những gì thực sự đã xảy ra. Bởi vì nếu các nhà lãnh đạo Cộng sản kiềm chế không thực hiện những «giải pháp» cực đoan nhất, thì có đủ bằng chứng cho thấy họ có ý định nghiền nát mọi dấu vết của tư tưởng và hành động độc lập ở miền Nam.

Sư đoàn 324 của Quân đội Nhân dân Việt Nam là đơn vị cộng sản lớn đầu tiên tiến vào Sài Gòn vào sáng ngày 30 tháng 4. Vào lúc 12:15 chiều, theo giờ địa phương, cờ của Mặt trận Dân tộc Giải

phóng được treo lên trên Dinh Độc Lập và «Big» Minh bị bắt giữ. Ngay sau đó, Đại sứ quán Mỹ bị lục soát. Một nhà báo Mỹ, người đã ở lại để đưa tin về cuộc tiếp quản, đã kịp cứu tấm biển kim loại treo ở sảnh tầng dưới để tưởng nhớ năm quân nhân bị giết trong cuộc tấn công của Cộng sản vào Đại sứ quán vào năm 1968.

Ngày hôm sau, Tướng Dũng lái xe từ sở chỉ huy ở Bến Cát đến Sài Gòn. Chắc chắn ông đã tự thưởng cho mình một hoặc hai điếu thuốc để ăn mừng chiến thắng phi thường của mình. Trong vài ngày tiếp theo, Lê Duẩn và nhiều nhân vật nổi bật khác của miền Bắc Việt Nam cũng xuất hiện để khảo sát chiến lợi phẩm. Về mặt thực tiễn, sự xuất hiện của họ đánh dấu sự khởi đầu của quá trình tiếp nhận sẽ tạo ra một Việt Nam thống

nhất chính thức một năm sau đó.

Vào thời điểm chiến thắng của cộng sản, bộ máy đảng ở miền Nam đã bị tàn phá nặng nề, một phần nhờ vào những tàn phá của Chương trình Phượng Hoàng. Quân đội do đó vẫn là công cụ kiểm soát chính. Mặc dù một hoặc hai sư đoàn BV sẽ được rút lui trong hai năm tới, hơn 150.000 quân nhân vẫn ở lại để đảm bảo lòng trung thành của những người dân mới của Hà Nội. Cũng có một làn sóng tràn vào của cảnh sát mật và khoảng 30.000 cán bộ hành chính từ miền Bắc để giúp củng cố cấu trúc đảng và tái tổ chức nền kinh tế.

Trong chín tháng đầu tiên, Tướng Trần Văn Trà, phó chính của Dũng, đã đóng vai trò đại diện cho Hà Nội tại Sài Gòn, mặc dù Phạm Hùng và Lê Đức Thọ vẫn là những người thực sự hoạch định

chính sách. Khi một bộ máy hành chính dân sự cuối cùng được thiết lập ở thành phố vào đầu năm 1976, ba vị trí hàng đầu đều thuộc về các quan chức cũ của COSVN.

Trong khi đó, Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam (PRG) đã bị quét vào thùng rác của lịch sử. Vào tháng 3 năm 1976, toàn thể nhân dân Việt Nam đã đi bỏ phiếu bầu quốc hội mới, nhưng chỉ có một số ít đảng viên PRG hoặc «lực lượng trung lập thứ ba» có tên trên lá phiếu, và danh sách ứng cử viên đều đã được đảng sàng lọc kỹ lưỡng trước đó. Vài tuần sau, vào ngày 2 tháng 7, sự tàn lụi của «cuộc cách mạng» miền Nam và các phát ngôn viên của nó trở nên hoàn toàn. Hà Nội chính thức tuyên bố đất nước đã được thống nhất dưới sự kiểm soát của mình. Chủ tịch Mặt trận Dân

tộc Giải phóng đã bị hạ xuống một vị trí phó chủ tịch nghi lễ tại Hà Nội và Bộ trưởng Ngoại giao nổi tiếng của Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam, Nguyễn Thị Bình, cũng rơi vào một vị trí ít quan trọng hơn. Cuối cùng, Mặt trận Dân tộc Giải phóng đã bị giải thể.

Trong vòng một năm sau chiến thắng của họ, cộng sản cũng đã hành động quyết đoán để nghiền nát mọi sự phản đối tiềm tàng hoặc thực tế. Tôn giáo có tổ chức là một trong những mục tiêu đầu tiên của họ. Các lãnh đạo của giáo phái Phật giáo Hòa Hảo, vốn rất chống cộng, ở đồng bằng đã bị bỏ tù ; Chùa Ấn Quang, từng là trung tâm của phong trào đối kháng mạnh mẽ với chế độ Sài Gòn, đã bị đóng cửa ; các ấn phẩm tôn giáo bị ngừng phát hành và hơn 200 giám mục Công giáo

đã bị bắt và giam giữ, bao gồm Giám mục Đà Nẵng và Nha Trang cùng với Linh mục Trần Hữu Thanh, vị linh mục nổi tiếng chống tham nhũng đã dẫn đầu phong trào chống tham nhũng chống lại Thiệu vào mùa thu năm 1974. Thật trớ trêu, các nhà lãnh đạo cộng sản đã bắt Thanh với cáo buộc là «đặc vụ CIA.»

Tuy nhiên, các biện pháp an ninh nghiêm ngặt nhất của Hà Nội lại nhắm vào các cựu quan chức chính phủ và quân nhân. Theo thừa nhận của chính quyền Hà Nội, hơn 200.000 người trong số họ đã bị gửi đến các trại cải tạo trong năm đầu tiên. Nằm ở những khu vực hẻo lánh, thường gần các căn cứ cũ của cộng sản, các trại giam này giống như một cảnh trong tác phẩm của Solzhenitsyn. Trong một trại, gần Tây Ninh, các tù nhân bị buộc phải thực hiện mọi loại

công việc hèn hạ và nguy hiểm, từ dọn dẹp nhà vệ sinh của các cán bộ đảng đến gỡ bom mìn, thường không có đào tạo hoặc trang thiết bị phù hợp. Trong một nhà tù khác, bên ngoài Nha Trang, hơn năm mươi người bị giam trong mỗi buồng giam. Khẩu phần thức ăn hàng ngày chỉ khoảng 200 gram gạo, chỉ đủ để tồn tại, hiếm khi có thịt hoặc thậm chí nước mắm để cung cấp protein cần thiết. Suy dinh dưỡng và các bệnh liên quan như bệnh tê phù do đó trở nên phổ biến. Mỗi sáu tháng, mỗi tù nhân nhận được một bộ đồ ngủ mới, và mỗi tuần một xô nước để tự tắm rửa. Mỗi hai tháng, anh ta và gia đình được phép trao đổi những bức thư ngắn, định dạng của chúng do chính quyền quy định.

Đôi khi, những kẻ cứng đầu còn bị tra tấn và thậm chí bị xử án tử hình.

Theo một tài khoản của người tị nạn được lặp đi lặp lại nhiều lần, một trại gần Sài Gòn, nơi đã được giao cho các quan chức cảnh sát cũ, đã bị thiêu rụi cùng với các tù nhân bên trong sau khi các nhà chức trách phát hiện ra rằng sự thiếu thốn đơn thuần không thể làm suy yếu tinh thần của họ. Cũng có thông tin cho rằng lực lượng BV đã loại bỏ có hệ thống nhiều người đã «tập hợp» về phía chính phủ khỏi hàng ngũ của họ trong suốt cuộc chiến.

Vào tháng 6 năm 1976, Hà Nội thông báo rằng mười hai loại người vẫn đang bị giam giữ (không chính thức, một quan chức cộng sản ở Sài Gòn thừa nhận rằng số lượng này vẫn khoảng 200.000) sẽ bị xét xử bởi các tòa án nhân dân và «bị trừng phạt nặng nề.» Trong số những người bị chỉ trích có «những kẻ tay sai của chủ

nghĩa đế quốc» và những cựu chiến binh của chế độ bù nhìn Thiệu, những người từ chối «ăn năn tội ác» hoặc «nợ máu với nhân dân». Danh sách này giống như một danh sách những người mà Đài CIA và Đại sứ quán đã bỏ lại. Trên thực tế, một số tên xuất hiện trong các báo cáo tị nạn sau đó không phải là điều xa lạ đối với ban quản lý CIA. Một trong số đó là Trần Ngọc Châu - nhà lãnh đạo đối lập mà CIA đã giúp vu khống là một người cộng sản vào đầu những năm 1970 và đã từ chối sơ tán vào những ngày cuối của cuộc chiến.

Ngoài việc đàn áp các đối thủ thực sự hoặc tưởng tượng, các nhà lãnh đạo cộng sản đã cố gắng trong hai năm sau khi nắm quyền để cải cách xã hội và nền kinh tế miền Nam theo ánh sáng tư tưởng của họ. Những vấn đề họ phải đối

mặt thật sự rất lớn lao. Hơn 3.500.000 người đã bị thất nghiệp do sự tan rã của chính phủ và quân đội Thiệu, và mặc dù đã có sự viện trợ nước ngoài khổng lồ được dành cho Hà Nội và Sài Gòn trong suốt cuộc chiến, Việt Nam thống nhất vẫn nằm trong số hai mươi lăm quốc gia nghèo nhất thế giới.

Một trong những mục tiêu đầu tiên (không được nói ra) của cộng sản là cố gắng bình đẳng hóa sự nghèo đói. Vào tháng 6 năm 1975, tất cả các tài khoản ngân hàng ở miền Nam đều bị đóng băng, và bốn tháng sau, tất cả công dân chỉ được phép đổi tiền cũ lấy tiền mới trong đúng mười hai giờ. Việc chuyển đổi này đã thực sự làm giảm tiết kiệm cả đời của hầu hết mọi người xuống dưới bốn mươi đô la. Cùng lúc đó, tầng lớp trung lưu ở miền Nam, lâu nay là lực lượng chống

cộng sản mạnh mẽ nhất trong cả nước, đã bị tước quyền, mất việc làm, lương hưu và nhà ở do nhà nước cấp, và bị từ chối quyền tiếp cận bệnh viện và trường đại học.

Trong khi đó, khi các nhà chức trách mới bắt đầu tiếp quản việc phân phối và tiếp thị các hàng hóa thiết yếu, lạm phát đã tăng lên năm mươi phần trăm. Vào mùa hè năm 1977, một con gà giá mười đô la, bằng một nửa mức lương trung bình hàng tháng của người dân miền Nam, và một chiếc áo sơ mi khoảng gấp đôi.

Để đối phó với những vấn đề khủng khiếp của các thành phố, Cộng sản cũng đã cố gắng giảm quy mô dân số đô thị xuống mức có thể quản lý được. Hơn 1.500.000 cư dân thành phố - bao gồm 200.000 người từ Sài Gòn - đã bị buộc

phải di chuyển đến những «khu kinh tế mới» ở nông thôn, với hơn 5.000.000 người nữa sẽ được tái định cư vào năm 1980. Bất chấp những tuyên bố chính thức, những thành trì hoang dã này hoàn toàn khác xa với bất kỳ xã hội lý tưởng nào của cộng sản. Nhà ở, thực phẩm và cơ sở y tế gần như không tồn tại, và các bệnh như sốt rét, đã được người Mỹ kiểm soát, nhanh chóng tái phát.

Các chính sách của chế độ Cộng sản không hoàn toàn bị bỏ qua ở Hoa Kỳ. Vào tháng 12 năm 1976, một nhóm cựu nhà hoạt động chống chiến tranh đã phát đi một lời kêu gọi công khai yêu cầu Hà Nội «tôn trọng mối quan tâm về nhân quyền mà các bạn đã bày tỏ cả trong các thỏa thuận chính thức và trong vô số cuộc trò chuyện với các nhà hoạt động hòa bình.» Tuy nhiên, Bộ Chính trị đã

phớt lờ những lời kêu gọi này và bác bỏ mọi cáo buộc về hành vi sai trái. Như tờ báo quân đội của Hà Nội sau đó tuyên bố một cách thách thức, chế độ sẽ tiếp tục «tước bỏ mọi quyền tự do của những ai nhìn nhận chủ nghĩa xã hội với ánh mắt miễn cưỡng hoặc mô tả mọi khía cạnh của chủ nghĩa xã hội một cách thụ động.»

*

Những xu hướng xuất hiện trong hai năm đầu tiên của chế độ Cộng sản không phải là những sai lệch tạm thời. Vào mùa đông năm 1976, một Đại hội Đảng, lần đầu tiên kể từ năm 1960, đã được triệu tập tại Hà Nội để phê chuẩn một chương trình phát triển năm năm mà đã bảo tồn và phát triển các chính sách đã được đề

ra trước đó. Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng cũng được mở rộng để bao gồm các đồng minh và đệ tử của những người cứng rắn như Lê Duẩn. Một trong những thành viên mới được bổ nhiệm vào Bộ Chính trị, một người đàn ông tên là Lê Văn Lượng, đặc biệt thu hút sự chú ý của tôi. Một người theo chủ nghĩa Stalin cũ đã thiết kế chương trình cải cách ruộng đất đẫm máu ở Bắc Việt Nam vào giữa những năm 1950, Lương tình cờ là chú của một người mà tôi đã quen biết tốt vào thời điểm ngừng bắn - Nguyễn Văn Tài, người đàn ông trong phòng giam trắng toát đã bị xử án chỉ vài giờ trước khi lực lượng Cộng sản tiến vào Sài Gòn.

Mặc dù các nhà lãnh đạo của Việt Nam mới tiếp tục sau chiến thắng của họ để tán dương lý tưởng về sự đoàn kết

cộng sản, họ sớm nhận ra rằng họ không thể trông cậy vào loại hỗ trợ từ các đồng minh mà họ đã từng có trong quá khứ. Thật vậy, một khi cuộc chiến đã thắng và sự nhục nhã của Hoa Kỳ đã hoàn tất, các nước Liên Xô và Trung Quốc bắt đầu cắt giảm viện trợ cho Hà Nội, hủy bỏ hoàn toàn các khoản viện trợ không hoàn lại, và nhanh chóng trở nên rõ ràng với Lê Duẩn và các đồng nghiệp của ông rằng họ sẽ phải tìm kiếm các nhà tài trợ ở nơi khác. Triển vọng tìm kiếm sự trợ giúp ngay cả từ chính Hoa Kỳ trở thành một cân nhắc rất thực tế.

Người Mỹ tự mình đã thực hiện những bước đi đầu tiên. Một phái đoàn Quốc hội được chọn đã thăm Hà Nội vào tháng 12 năm 1975 để tìm kiếm thông tin về 2.700 quân nhân Mỹ vẫn còn mất tích, và vài tuần sau đó Thượng nghị

sĩ Edward Kennedy đã yêu cầu các nhà lãnh đạo cộng sản hồi hương thi hài của hai lính thủy đánh bộ trẻ tuổi đã bị giết trong cuộc pháo kích ở Tân Sơn Nhất vào ngày cuối cùng của cuộc chiến. Vào tháng 3 năm 1976, chính Kissinger đã khởi xướng một cuộc trao đổi bí mật các ghi chú ngoại giao. «Lợi ích của hòa bình và an ninh,» ông viết cho Hà Nội, «sẽ được hưởng lợi từ việc đặt quá khứ lại phía sau và phát triển cơ sở cho một mối quan hệ mới giữa hai nước.» Trong vài tháng tiếp theo, cuộc đối thoại tiếp tục diễn ra không thường xuyên khi Hà Nội khăng khăng yêu cầu 4,2 tỷ đô la viện trợ từ Hoa Kỳ - một con số mà Nixon đã đề cập một cách bí mật vào thời điểm ngừng bắn - như là giá cho các giao dịch tiếp theo. Tuy nhiên, đến tháng Tám, rõ ràng là Washington sẽ không nhượng bộ yêu cầu này, và Hà Nội đã có một bước

ngoặt kịch tính khi công bố tên của mười hai phi công Mỹ mất tích như một cử chỉ thiện chí.

Điều đó đã mở ra cánh cửa. Khi chính quyền Carter nhậm chức vài tháng sau đó, họ đã chọn bỏ qua các vấn đề nhân quyền ở Việt Nam và sớm gửi một ủy ban tổng thống đến Hà Nội để khám phá các con đường hòa giải mới. Vào tháng 5 năm 1977, các nhà đàm phán Mỹ và Việt Nam đã gặp nhau quanh một chiếc bàn oval ở Paris để bắt đầu các cuộc thảo luận cụ thể.

Cuộc mặc cả chắc chắn sẽ rất khó khăn, đặc biệt là khi đa số thành viên Quốc hội vẫn phản đối các yêu cầu viện trợ của Hà Nội, và Lê Duẩn quyết tâm giữ nguyên các nhượng bộ tối đa. Tuy nhiên, một khởi đầu đã được thực hiện, và điều đó là vô giá, vì một khi Hà Nội

có thể được thuyết phục rằng họ đã được chấp nhận ở phương Tây, và có thể mong đợi một mức độ hỗ trợ nào đó, thì cám dỗ của họ trong việc tìm kiếm sự trả thù đối với hàng chục nghìn người mà người Mỹ đã bỏ lại có thể sẽ được giảm bớt.

BẢO TRÌ

Trong khi Washington chính thức âm thầm làm việc trong hai năm sau chiến thắng của Hà Nội để thiết lập một mối quan hệ mới với người Việt, hầu hết người Mỹ cố gắng quên hẳn Việt Nam. Sự quên lãng là điều có thể hiểu được. Sau tất cả những cuộc đổ máu và sự cay đắng của cuộc chiến, ai có thể bị trách móc vì muốn quên đi nó ?

Tuy nhiên, đằng sau sự im lặng và sự

thờ ơ của công chúng, cũng có một chút phép thuật chính thức. Những người đã thực hiện chính sách ngừng bắn ở Việt Nam muốn chúng ta quên đi cách nó kết thúc - hoặc ít nhất là chỉ nhớ những gì phù hợp nhất với phiên bản sự thật của họ.

Việc che đậy và làm đẹp hóa các sự kiện bắt đầu gần như ngay lập tức. Gặp gỡ các nhà báo trong những giờ cuối cùng của chiến dịch không vận, Kissinger khẳng định rằng đã có một cơ hội cho một thỏa thuận thương lượng cho đến ngày 27 tháng 4, sau đó, ông khẳng định, phía Bắc Việt Nam đã thay đổi hướng đi và chọn giải pháp quân sự. Ông không chọn cách thừa nhận rằng tình báo đã kể một câu chuyện khác. Cũng không đủ thẳng thắn để thừa nhận rằng người Liên Xô, với sự giúp đỡ của người Hun-

gary, người Ba Lan và người Pháp, đã chơi khăm ông và rất nhiều người khác như những kẻ ngu ngốc. Theo quan điểm của ông (như ông đã nói sau đó, trong một cuộc họp báo khác), người Liên Xô đã đóng «một vai trò xây dựng vừa phải trong việc giúp chúng tôi hiểu các khả năng có thể có cho việc sơ tán, cả người Mỹ và người Việt Nam Cộng Hòa, và các khả năng có thể tồn tại cho một giải pháp chính trị.»

Trong khi vẫn còn trên tàu USS Blueridge, Polgar đã tổ chức một buổi họp báo chi tiết của riêng mình, về cơ bản xác nhận câu chuyện của Kissinger. Trên thực tế, chỉ có một sự khác biệt đáng kể giữa các tài khoản riêng biệt của họ. Polgar không thể cưỡng lại việc chỉ trích bằng lời nói đối với Đại sứ, ám chỉ rằng Martin chưa bao giờ nhận

thức được mức độ nghiêm trọng của tình hình quân sự như ông ta. Điều này đúng, tất nhiên, trong giới hạn của nó. Nhưng điều mà Polgar không đề cập đến là chính ông ta đã đóng góp rất lớn vào ảo tưởng thứ hai của Martin và Kissinger : quan niệm rằng có một cơ hội cho một nền hòa bình kiểu Vichy.

Khi Chính quyền đã thiết lập quan điểm riêng về thực tế, Kissinger đã hành động ngay lập tức để ngăn chặn những mâu thuẫn. Ông đã gửi điện tín cho Martin trên tàu, ra lệnh cho ông không được nói gì với báo chí. Ông cũng đã làm rõ với cựu Tổng thống Thiệu ở Đài Loan rằng ông không thể mong đợi có visa nhập cảnh vào Hoa Kỳ (nơi con gái ông đang học) cho đến sau cuộc bầu cử tổng thống Mỹ.

Trong khi đó, những nhân vật nổi

bật khác của Việt Nam đã nhận được một bài học thảm khốc về sự khiêm tốn. Ngay sau khi đến Guam, một số tướng lĩnh VNCH bị đánh bại đã được tập hợp lại trong một doanh trại kim loại cũ. Một tướng Toàn kiệt sức, cựu tư lệnh QK 3, được đẩy vào cuộc họp trên xe lăn, và tướng Trưởng, người bảo vệ Đà Nẵng, đang bị viêm kết mạc nặng đến mức không thể tìm được đường đến ghế. Chỉ vài phút sau, một sĩ quan hải quân Mỹ bước vào và yêu cầu các tướng lĩnh cởi bỏ đồng phục của họ. «Chúng tôi không thể giữ lại ít nhất là sao vai của mình sao ?» một trong số họ hỏi. «Không,» người Mỹ đáp lại. «Ông không còn quân đội, không còn đất nước nữa.» Như thể Việt Nam Cộng Hòa chưa bao giờ tồn tại.

Khi lực lượng hải quân Mỹ cập cảng Manila vào ngày 5 tháng 5, tôi đã được

bay ngay đến Thái Lan theo «nhiệm vụ đặc biệt,» để thông báo cho các nhà báo và những người tị nạn vẫn đang rời khỏi Việt Nam. *

* Việc điều chuyển của tôi không hề đơn giản. Cuộc di tản đã hỗn loạn đến mức CIA đã mất dấu tôi giữa Manila và Bangkok. Trước khi nghĩ đến việc tham khảo lưu lượng cáp để xác định vị trí của tôi, các quan chức của cơ quan đã liên lạc với cha mẹ tôi để thông báo rằng tôi đã mất tích trong hành động. Lỗi này đã không được sửa trong vài ngày.

Từ các cuộc phỏng vấn của tôi, tôi đã sản xuất thông tin tình báo đầu tiên về cuộc tiếp quản của cộng sản, và đã đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập một loại đường sắt ngầm trở lại Việt Nam để tìm kiếm các người tị nạn khác. Tuy nhiên, sự siêng năng của tôi không

được đánh giá cao tại trụ sở CIA. Một số thông tin tôi thu thập chỉ làm nổi bật những thất bại của ban quản lý cơ quan. Sau một tháng, tôi được gọi về nhà.

Tôi đã đến trụ sở CIA vào tháng Tám sau một kỳ nghỉ ngắn (kỳ nghỉ đầu tiên sau hai năm rưỡi) và được «tiếp nhận» qua Phòng Đông Á của Ted Shackley. Như tất cả những người trở về, tôi được chỉ định điền vào một bản tuyên thệ mà thực chất quy trách nhiệm sự thất bại của cuộc di tản cho «hành động của kẻ thù địa phương.» Tôi từ chối ký vào đó. Thay vào đó, tôi đã đi từ văn phòng này sang văn phòng khác, xin phép thực hiện một «đánh giá thiệt hại» thực sự để cơ quan có thể học hỏi từ những sai lầm của mình. Tôi được nói rằng không ai quan tâm đến bất cứ điều gì «gây tranh cãi» như vậy.

Trong khi đó, Polgar nhanh chóng bị chuyển sang một nhiệm vụ mới. Không một quan chức cấp cao nào trong bộ phận của Shackley từng bận tâm hỏi ông về việc sơ tán hoặc về những nhân vật hay tài liệu bị bỏ lại.

Đã dành quá nhiều thời gian ở nước ngoài, tôi gần như không được biết đến bởi các «nhà phân tích» CIA đồng nghiệp khi tôi trở về Langley và không thể tìm được việc làm trong văn phòng «nhà» cũ của mình. Vì cảm thông với hoàn cảnh của tôi, Polgar đã mời tôi đi cùng anh ấy đến nhiệm sở tiếp theo của anh ấy ở nước ngoài. Tôi đồng ý và ngay lập tức được đưa vào chương trình đào tạo ngôn ngữ đặc biệt.

Nhưng chẳng bao lâu sau, một số điều đã xảy ra khiến tôi phải suy nghĩ lại. Giữa tháng Tám, Viện Dịch vụ Ngoại

giao đã mời Polgar đến thuyết trình về việc sơ tán cho một khán giả «đã được kiểm tra» gồm các viên chức Bộ Ngoại giao. Ông ấy không thể tham gia, nhưng đã nhờ tôi thay ông ấy. Tôi đã làm như vậy, biến cuộc họp báo thành một bài bình luận đầy đủ về những gì đã xảy ra trong những ngày cuối cùng của Sài Gòn. Khi Shackley biết về điều đó, ông ta đã tức giận.

Ngay sau đó, tại một bữa tiệc cocktail dành cho những người cũ «có kinh nghiệm ở Việt Nam,» tôi đã gặp Wolfgang Lehmann và lại bị sốc thêm một lần nữa. Sau vài phút trò chuyện lịch sự, Lehmann kéo tôi sang một bên và bắt đầu hỏi tôi về một số khía cạnh của chiến lược quân sự của Hà Nội. Ông ấy đã tâm sự rằng ông đang trong quá trình thông báo cho hai nhà báo, cả hai đều là người được Kis-

singer yêu thích, về cuộc di tản và sự sụp đổ, và ông muốn làm mới lại trí nhớ của mình. Tôi đã kinh hoàng trước những gì ông ấy nói với tôi. Phiên bản sự thật của ông ấy, như ông kể lại vào buổi tối hôm đó, không liên quan gì đến những gì tôi nhớ. Tôi cũng không thể hiểu tại sao các quan chức Chính quyền lại «rò rỉ» thông tin cho báo chí trước khi cả CIA hay Bộ Ngoại giao hoàn thành đánh giá của riêng họ.

Tôi nhanh chóng phát hiện ra rằng buổi tóm tắt của Lehmann chỉ là khởi đầu. Trong tuần tiếp theo, các chuyên gia về Việt Nam tại Bộ Ngoại giao và Lầu Năm Góc được chỉ đạo mở hồ sơ của họ (một cách chọn lọc) cho hai phóng viên. CIA cũng làm tương tự. Colby và hai trợ lý hàng đầu đã gặp một trong số họ, cố gắng làm đẹp hóa vai trò của cơ

quan trong cuộc di tản, và cung cấp cho nhà báo một bản tổng hợp báo cáo tối mật của chúng tôi từ Việt Nam, một tài liệu đề cập rõ ràng đến cả «nguồn» và «phương pháp» tình báo của chúng tôi. Trong sự nhiệt tình bảo vệ hình ảnh của mình, CIA thực sự đã đặt vào nguy hiểm những bí mật ít ỏi còn sót lại sau sự sụp đổ.

Vào đầu mùa thu, niềm tin của tôi vào các đồng nghiệp và cấp trên đã bị một cú sốc nặng nề. Một số cựu sĩ quan của Trạm Sài Gòn, bao gồm cả tôi, đã được Tổng Thanh tra CIA triệu tập và yêu cầu cung cấp «thông tin nền» về thói quen báo cáo và thiên kiến của Polgar. Mặc dù tôi có cảm tình cá nhân với Polgar, tôi cảm thấy mình không còn lựa chọn nào khác ngoài việc phải thẳng thắn, đặc biệt là vì tôi đã thúc giục một cuộc xem xét

kỹ lưỡng về những gì đã sai sót. Tôi thừa nhận rằng Polgar đã đôi khi chặn các báo cáo với lý do nguồn gốc kém hoặc chất lượng có thể khiến chính phủ miền Nam Việt Nam bị ảnh hưởng tiêu cực.

Khi cuộc phỏng vấn của tôi gần kết thúc, tôi đã yêu cầu được phép nộp một báo cáo đầy đủ về hiệu suất của Trạm trong những ngày cuối cùng để «trách nhiệm» có thể được phân chia, như nó nên được. Nhưng người phỏng vấn của tôi đã từ chối dự án này vì cho rằng nó «quá phức tạp.» Ông giải thích rằng cuộc điều tra của mình chỉ nhằm cung cấp cho Colby «đạn dược» để chống lại bất kỳ cuộc điều tra nào của Quốc hội về các hoạt động của CIA ở Việt Nam.

Những nhận xét của anh ta đã xác nhận tất cả những nghi ngờ tồi tệ nhất của tôi. Tôi quyết định tự mình viết một

báo cáo đánh giá thiệt hại, dù cơ quan có thích hay không, ngay cả khi tôi phải ra «ngoài» để làm điều đó.

Trong suốt mùa thu và mùa đông năm 1975, Chính quyền tiếp tục làm những gì có thể để xóa bỏ Việt Nam khỏi ký ức công chúng. Lầu Năm Góc đã ký hợp đồng với một số tướng cựu Sài Gòn để viết một lịch sử về chiến dịch cuối cùng, sau đó nhanh chóng dán nhãn mật lên dự án này để không ai trong số những người tham gia có thể nói chuyện với các phóng viên mà không có sự cho phép. Trong khi đó, Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao đã trao tặng những danh hiệu và công việc ưu tiên cho các thành viên trong đoàn tùy tùng thân cận của Martin để giữ họ bằng lòng - và im lặng. Martin, người đã phải nhập viện ngắn hạn do các biến chứng từ bệnh viêm phổi của

mình, đã được nhận một bằng khen từ tổng thống. Lehmann được chỉ định làm Tổng Lãnh sự tại Frankfurt, và Boudreau cùng Jazynka được giao những vị trí hành chính sang trọng tại Paris.

Một số cộng sự của Kissinger đã đề xuất rằng các viên chức trẻ của Bộ Ngoại giao, những người đã cứu vãn cuộc di tản nhờ sự chăm chỉ và trí tưởng tượng của họ, cũng nên được khen thưởng. Nhưng Martin và Lehmann (với sự ủng hộ của Kissinger) đã phản đối điều này, tuyên bố rằng có quá nhiều người. Kết quả là, trước khi Gerald Ford thất bại trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1976, chỉ có hai viên chức cấp trung của Bộ Ngoại giao đã tham gia vào cuộc di tản được công nhận. Hiệp hội Dịch vụ Ngoại giao, thực chất là công đoàn Bộ Ngoại giao, đã ghi nhận cả Lionel Rosenblatt và Craig

Johnstone, những người tổ chức nhóm «những kẻ âm mưu» trong bữa trưa, vì những đóng góp của họ trong suốt cuộc khủng hoảng.

CIA, đáng khen, đã hào phóng hơn trong việc vinh danh các «anh hùng» Việt Nam của mình, mặc dù đôi khi họ không chú ý đúng mức đến việc cân nhắc phần thưởng với công lao. «Howard Archer,» cựu Trưởng Căn cứ ở Nha Trang đã bỏ rơi cả nhân viên và tài liệu, đã được thăng chức vào đội ngũ mà Colby tạo ra để bảo vệ cơ quan khỏi các cuộc điều tra của Quốc hội, và «Custer,» người đồng cấp của ông từ Đà Nẵng, đã được bổ nhiệm làm Trưởng một Trạm CIA quan trọng ở châu Á. Vào cuối tháng 12 năm 1975, ban quản lý cơ quan đã triệu tập các cựu chiến binh Việt Nam khác trong hội trường hình bầu dục của CIA và trao

tặng nhiều huy chương mật - những phần thưởng bí mật cho những thành tựu bí mật. Bài trích kèm theo Huy chương Công trạng của tôi đã ca ngợi sự nhạy bén phân tích của tôi trong tháng cuối cùng của cuộc chiến.

Trong bài phát biểu tại buổi lễ, Colby đã khen ngợi tất cả chúng ta vì sự hy sinh và phục vụ của chúng ta và mạnh mẽ bảo vệ các chính sách của Mỹ tại Việt Nam, đặc biệt là các chương trình Phoenix và bình định, mà ông cho rằng sẽ đã giành chiến thắng trong cuộc chiến nếu không có quân đội Bắc Việt. Tôi ngồi đó, lắng nghe những điều vô lý này và tự hỏi điều gì đã xảy ra với CIA mà tôi tưởng mình đang phục vụ.

Vài ngày sau, tôi đã thông báo với George Carver, đồng tác giả của Báo cáo Weyand, rằng tôi muốn viết một cuốn

sách về giai đoạn ngừng bắn, với sự chúc phúc và giúp đỡ của cơ quan. Carver không khuyến khích tôi. Không lâu sau đó, tôi bị triệu tập đến văn phòng của cố vấn pháp lý trưởng của CIA và bị thẩm vấn theo kiểu cổ điển, một người phỏng vấn đóng vai trò là người lắng nghe đồng cảm, người kia là kẻ buộc tội. Động cơ và sự liêm chính của tôi bị nghi ngờ. Tôi bị ra lệnh phải trải qua một bài kiểm tra phát hiện nói dối để «đảm bảo» rằng tôi không rò rỉ thông tin mật cho báo chí, và phải giao nộp bất kỳ ghi chú hoặc nhật ký cá nhân nào mà tôi có thể đã giữ trong thời gian ở Việt Nam. Tối hôm đó, ba tuần sau khi CIA đã trao cho tôi một trong những giải thưởng cao nhất của họ, tôi thông báo với cấp trên trực tiếp rằng tôi sẽ từ chức để phản đối.

Khi tôi đã cắt đứt mối quan hệ, các

quan chức CIA đã cố gắng làm mất uy tín của tôi với các đồng nghiệp cũ. Bản ghi nhớ khuyên mọi người không nên nói chuyện với tôi được lưu hành khắp tòa nhà trụ sở, như thể tôi sắp tiết lộ bí mật quốc gia. Các quan chức CIA đã biết hoặc làm việc với tôi, bao gồm cả một người bạn gái cũ, đã bị triệu tập, thẩm vấn và đe dọa sa thải nếu họ không báo cáo về tôi.

Trong khi đó, cuộc thảo luận công khai về sự sụp đổ của Sài Gòn bùng nổ một cách ngắn ngủi. Vào ngày 27 tháng 1 năm 1976, Đại sứ Martin đã xuất hiện trước các thành viên của Ủy ban Quan hệ Quốc tế Hạ viện để đưa ra bình luận công khai đầu tiên và dài dòng của ông về thảm họa này. Đó là một màn trình diễn xuất sắc. Không chỉ trích ai một cách công khai, ông đã nói đủ để che đậy

những sai lầm của chính mình và tạo ấn tượng rằng Kissinger, Polgar và Quốc hội đều có trách nhiệm trong sự sụp đổ của Sài Gòn và các vấn đề xung quanh việc di tản.

Như Martin sau này giải thích với tôi, lời khai của ông ấy đã được tính toán cẩn thận. Mặc dù có sự khen thưởng của tổng thống và các giải thưởng cho những cấp dưới hàng đầu của ông, ông cảm thấy chính quyền đã phớt lờ và thậm chí coi thường ông trong những tháng gần đây, để ông phải gánh hết mọi trách nhiệm cho những gì đã diễn ra tồi tệ ở Việt Nam. Kissinger, theo lời ông ta, thậm chí đã lan truyền tin đồn khắp Washington rằng Martin hơi «điên rồ». Giờ đây, Đại sứ quyết tâm trả thù. Lời chứng của ông trước Quốc hội, tinh tế nhưng đầy ẩn ý, là phát súng khai màn của ông.

Chiến thuật đã thành công. Ngay sau đó, Kissinger đã bổ nhiệm ông làm «trợ lý đặc biệt,» như thể để khuất phục ông bằng lòng tốt. Nhưng Martin sẽ không dễ dàng bị làm dịu. Ông bắt đầu nói chuyện với tôi và nhiều nhà báo khác một cách dài dòng, luôn thổi phồng ý tưởng rằng ông đã làm «một công việc tuyệt vời» ở Sài Gòn. Ông ấy cũng lén lút cất giấu những tài liệu bí mật để củng cố lập luận của mình.

Trong khi Martin tranh giành lợi thế, những vấn đề của tôi với CIA đã lên đến đỉnh điểm. Vào mùa xuân năm 1976, tư lệnh NVA, Tướng Dũng, đã công bố hồi ký của mình, gián tiếp xác nhận nhiều sai lầm và đánh giá sai của Đại sứ quán trong những ngày cuối cùng của Sài Gòn. Một nhà báo của Washington Post, người đã biết tôi từ lâu, đã gọi điện và hỏi

liệu tôi có thể bình luận về những tiết lộ này, đặc biệt là tuyên bố của Dũng rằng lực lượng NVA đã thu giữ nhiều tài liệu tình báo nguyên vẹn. Vì CIA đã không sẵn lòng cho tôi một cơ hội trình bày, tôi đã đồng ý. Câu chuyện trên báo với tiêu đề «Những Bí Mật của Sài Gòn Bị Mất» đánh dấu lần đầu tiên một cựu nhân viên Đại sứ quán công khai và chính thức thách thức quan điểm của Chính quyền về sự sụp đổ.

Từ thời điểm đó, tôi trở thành kẻ thù công khai trong mắt một số quan chức Chính quyền. Thư ký phụ tá Habib, trong một bản ghi nhớ gửi Kissinger, đã mô tả các bình luận của tôi với báo chí là «có xu hướng,» và George Carver đã đi xa đến mức gợi ý rằng CIA nên cử một «nhân viên vụ án» theo dõi tôi, như thể tôi là một gián điệp nước ngoài. Hành

động này không chỉ là một sự xúc phạm đối với tôi, mà còn có tính hợp pháp đáng nghi, vì các Đạo luật An ninh Quốc gia cấm mọi hoạt động cảnh sát trong nước của CIA.

Cuối cùng, vào mùa hè năm 1976, Polgar đã được gọi về nhà để giảng bài và đe dọa tôi. Trong cuộc gặp gỡ của chúng tôi, người thầy cũ của tôi đã buộc tội tôi thiếu lòng yêu nước vì dám chỉ trích cơ quan và ám chỉ rằng tôi «hơi điên rồ». Ông cũng cố gắng tô vẽ thành tích của mình trong cuộc di tản, thậm chí còn nhận công trong việc giải cứu 1.000 nhân viên người Việt của House 7, một đài phát thanh bí mật, mà trên thực tế Bill Johnson đã sơ tán bất chấp sự phản đối của Polgar. Trên một nốt nhạc hơi buồn này, cuộc trò chuyện của chúng tôi đã kết thúc. Tôi không bao giờ gặp lại

Polgar nữa.

Vài tuần sau, tôi đã đến Paris để tìm tài liệu nền cho cuốn sách của mình. Giữa các cuộc gặp, tôi đã nói chuyện với các quan chức của Đại sứ quán cộng sản Việt Nam. Tôi đã yêu cầu họ chuyển một danh sách câu hỏi từ tôi đến Tướng Dũng ở Hà Nội và đề nghị rằng như một cử chỉ thiện chí, họ sắp xếp để trả lại một số đồ đạc trong gia đình của Đại sứ Martin, mà ông đã bỏ lại ở Sài Gòn. Trong một bối cảnh chung hơn, tôi đã thúc giục họ cởi mở hơn với Hoa Kỳ về vấn đề các quân nhân Mỹ mất tích trong hành động và cung cấp cho họ một số thông tin về thái độ công chúng hiện tại ở Hoa Kỳ, đặc biệt là sự thờ ơ đối với Việt Nam, điều mà họ không biết gì cả. Ngay sau đó, không biết có phải ngẫu nhiên hay không, Hà Nội đã cung cấp cho Washington danh

sách mười hai quân nhân mất tích, mở đường cho những cuộc giao tiếp thẳng thắn hơn.

Khi tôi trở về nhà, tôi đã thông báo cho cả CIA và Bộ Ngoại giao về các hoạt động của mình và cầu xin bạn bè trong Chính quyền thúc đẩy các liên lạc chính thức với Hà Nội, chỉ để cung cấp cho các nhà lãnh đạo cộng sản một động lực để giảm bớt cách đối xử của họ đối với những người mà chúng tôi đã để lại. Vì những rắc rối của tôi, CIA đã tăng cường các chiến thuật quấy rối chống lại tôi.

Vì những cuộc tấn công liên tục vào sự liêm chính của tôi, và sự miễn cưỡng của họ trong việc xử lý thẳng thắn vấn đề Việt Nam, cuối cùng tôi đã ngừng gặp gỡ viên chức phụ trách mà cơ quan đã chỉ định cho tôi. Tôi cũng quyết định không nộp bản thảo của mình cho cơ quan để

được phê duyệt và kiểm duyệt, như tất cả các cựu nhân viên chuyển sang viết sách đều phải làm. Theo quan điểm của tôi, nếu CIA có thể chính thức rò rỉ thông tin cho báo chí để làm trắng vai trò của mình ở Việt Nam, họ đã mất quyền kiểm duyệt tôi nhân danh an ninh hoặc lợi ích quốc gia.

Trong khi tôi vật lộn với từng bản thảo của cuốn sách, Graham Martin tiếp tục cuộc tìm kiếm sự minh oan công khai của mình. Theo sự khăng khăng của ông, Nhà Trắng đã đề cử ông vào mùa thu năm 1976, ngay trước cuộc bầu cử tổng thống, cho vị trí đại sứ toàn quyền. Tuy nhiên, khi đề xuất được trình lên Quốc hội, một số kẻ thù cũ của Martin đã tìm cách kìm hãm nó trong ủy ban, nơi nó bị bỏ rơi.

Cuộc bầu cử tổng thống đã khép lại

hy vọng của Martin, và từ đó trở đi, ông chỉ có thể hòa giải với viễn cảnh nghỉ hưu. * Tuy nhiên, ông đã nỗ lực cuối cùng để cải thiện hình ảnh của mình. Trong những ngày cuối cùng của chính quyền Ford, ông đã khuyên Kissinger rằng một số viên chức trẻ của Bộ Ngoại giao từ Sài Gòn cuối cùng nên được công nhận vì những đóng góp của họ. Tuy nhiên, ngay cả trong khoảnh khắc hào phóng này, Martin cũng không thể hoàn toàn thoát khỏi những định kiến và tính địa phương đã làm hỏng việc quản lý Đại sứ quán của ông. Nhiều người mà ông ấy đề nghị được khen thưởng là những học trò cũ.

*Hai trong số những người chỉ trích Martin gay gắt nhất đã lên giữ các vị trí hàng đầu trong Chính quyền Carter. Habib được bổ nhiệm làm Thứ trưởng

Ngoại giao - vị trí cao thứ hai trong Bộ Ngoại giao - và Dick Moose, đồng tác giả của báo cáo Moose-Miessner cho Ủy ban Đối ngoại Thượng viện, trở thành Thứ trưởng.

Brunson McKinley, Al Francis và một số cấp dưới của Francis từ Đà Nẵng đã được trao tặng giải thưởng cao nhất về lòng dũng cảm của Bộ Ngoại giao. Moorefield, Don Hays và vô số người khác cũng xứng đáng nhưng không nhận được một lời cảm ơn nào.

Một số nhân viên Bộ Ngoại giao, được khuyến khích và hỗ trợ bởi những người bên ngoài như tôi, ngay lập tức bắt tay vào công việc để sửa chữa sự bất công này. Cuối cùng, danh sách những người được trao giải đã được mở rộng để bao gồm Moorefield, Hays và nhiều người khác.

Cuộc phiêu lưu của riêng tôi ở Việt Nam thực sự kết thúc vào một buổi chiều thứ Sáu cuối tháng Hai năm 1977 - một cách thích hợp, có sự hiện diện của chính Martin. Ông đã gọi tôi sáng hôm đó và yêu cầu tôi đến thăm ông tại văn phòng của ông ở tầng trên cùng của Bộ Ngoại giao.

Bóng ma chào đón tôi ở cửa chỉ là một cái bóng của nhà ngoại giao dũng cảm mà tôi nhớ từ những cuộc gặp gỡ thú vị đầu tiên ở Sài Gòn vào mùa hè năm 1973. Mệt mỏi, khuôn mặt ông khô khan và già nua, Martin ra hiệu cho tôi ngồi lên ghế sofa đối diện bàn làm việc của ông. Đó là ngày cuối cùng của ông trong Bộ, ông ấy nói với tôi, và ông ấy muốn đảm bảo rằng tôi có được các sự kiện «rõ ràng» cho cuốn sách của mình. Ông sau đó tiếp tục xem xét nhiều điều

mà chúng tôi đã thảo luận trong các cuộc phỏng vấn trước đó, cố gắng như thường lệ để giải thích một cách tích cực tất cả các hành động và quyết định của ông trong những ngày cuối cùng ở Sài Gòn. Khi ông ta kết thúc, đã trôi qua một tiếng rưỡi nhưng tôi hầu như không viết được một ghi chú nào. Sau khi ngồi bên cạnh người đàn ông đó hơn bốn năm, tôi đã thuộc lòng tất cả các lập luận và lý do của ông ta.

Khi ông đứng dậy để tiễn tôi ra ngoài, sự mãnh liệt mà ông luôn thể hiện trong các cuộc phỏng vấn của chúng tôi bỗng nhiên biến mất, và một cái nhìn buồn bã thoáng qua trong đôi mắt mệt mỏi, tẻ nhạt. «Bạn biết không,» ông ấy nói, «tôi ra khỏi đây gần như cách tôi đã vào.» Tôi đã được một mục sư già ở quê tuyên thệ vào phục vụ chính phủ hơn bốn mươi

năm trước, và hôm nay tôi rời khỏi đó mà không có bất kỳ nghi thức nào nữa. Sau tất cả những năm tháng tôi làm việc ở Bộ này, các đồng nghiệp của tôi thậm chí còn không tổ chức một bữa tiệc chia tay cho tôi.»

Tôi nhìn chằm chằm vào ông một lúc, không chắc nên mỉm cười hay thông cảm. Liệu ông vẫn là một diễn viên hoàn hảo, diễn để gây ấn tượng ? Trước khi tôi kịp quyết định, khuôn mặt lại trở thành một chiếc mặt nạ. Tôi bắt tay ông và rời đi.

Tôi nhớ lại khi đi bộ đến thang máy những gì một trong những đồng nghiệp cũ của tôi đã nói về Martin. Có vẻ như điều đó thật sự thích hợp, một kiểu tri ân cuối cùng dành cho ông ấy. «Ông ấy giống như chính sách của Mỹ ở Việt Nam,» bạn tôi đã nói. «Ông ta thấy mình

như một con cáo già trong đầm lầy, có thể thay đổi bất cứ điều gì ông ta muốn bằng trí thông minh và mưu mẹo.» Nhưng thực tế, ông ta giống như một ngọn lửa đầm lầy hơn, một ánh sáng huyễn hoặc nhưng rực rỡ, nhấp nháy từ điểm này sang điểm khác nhưng thay đổi rất ít.

Có người nói rằng Việt Nam mà người Mỹ nuôi dưỡng và ủng hộ đã được định sẵn để kết thúc như vậy, rằng các chính sách của chúng ta đã sai lầm và không khôn ngoan ngay từ đầu, chúng chỉ có thể dẫn đến một chiến thắng của cộng sản.

Mặc dù tôi không thể trong lương tâm bảo vệ những chính sách đó, tôi bác bỏ logic như vậy. Là một cựu sĩ quan tình báo, tôi phải tin, có lẽ là ngây thơ, rằng những quyết định đúng đắn được đưa ra vào thời điểm thích hợp dựa trên thông

tin chính xác có thể ngăn chặn được kết cục này, hoặc ít nhất là thay đổi được nó. Quan điểm này chắc chắn sẽ được nhiều người Việt Nam, cả Bắc và Nam, ủng hộ. Bởi vì đó là một trong những nguyên tắc cổ xưa của văn hóa họ rằng mặc dù có thể có sự thiên lệch đối với một số sự kiện nhất định, không có gì là được định sẵn và những người hiểu được các lực lượng đang hoạt động có thể thay đổi hướng đi của mình.

Rõ ràng, Henry Kissinger là người Mỹ có ảnh hưởng trực tiếp nhất đến các lực lượng đang hoạt động ở Việt Nam khi nước này thoát khỏi lệnh ngừng bắn. Ông đã đàm phán «hòa bình» và định hình các chính sách của Mỹ sau đó. Trong cả hai trường hợp, công việc của ông đều có khuyết điểm và được thực hiện quá vội vàng. Nhưng ông có đáng bị đổ

lỗi cho điều đó không ? Người dân Mỹ muốn rời khỏi Việt Nam bằng mọi giá, càng nhanh càng tốt, và nếu Kissinger đã sai lầm khi đáp ứng yêu cầu của họ, ông đã làm như vậy để tôn trọng những nhạy cảm và thất vọng có nguồn gốc từ những sai lầm của các chính quyền Kennedy và Johnson trước ông.

Sau khi lệnh ngừng bắn được thực hiện, Kissinger lại mắc sai lầm khi đặt niềm tin vào sự hợp tác của Liên Xô và Trung Quốc cũng như vào hiệu quả - và sự tiếp tục có sẵn - của viện trợ Mỹ cho Sài Gòn như một lá chắn chống lại sự hung hăng của Bắc Việt. Nhưng ông không thể biết vào thời điểm đó rằng chính những nền tảng của các chính sách và giả thuyết này sẽ bị phá hủy bởi vụ Watergate.

Trong số tất cả những sai lầm của

Kissinger trong lĩnh vực chính sách Việt Nam, có lẽ chỉ có hai sai lầm rõ ràng thuộc về «tất cả của riêng ông.» Một trong số đó xuất phát từ cách làm việc của ông, sở thích trình diễn virtuoso của ông. Quyết tâm làm hầu hết mọi việc một mình, ông đã không giao bất kỳ trách nhiệm giám sát thực sự nào cho Việt Nam cho cấp dưới của mình. Do đó, khi sự chú ý của ông bị phân tán bởi Trung Đông và các vấn đề khác, Washington đã mất tầm nhìn và kiểm soát đối với cuộc khủng hoảng kéo dài nhất của mình. Khi cuộc khủng hoảng bùng nổ, chỉ có một góc nhìn về nó - của Graham Martin.

Sau đó, Kissinger, với sự nghiện bí mật của mình, cũng không bao giờ thực sự thẳng thắn với Quốc hội hoặc người dân Mỹ về những gì cần thiết để duy trì hòa bình không hoàn hảo của ông. Mar-

tin một lần đã nói với tôi rằng bi kịch lớn nhất của giai đoạn ngừng bắn là thỏa thuận Paris chưa bao giờ được trình lên Quốc hội để phê duyệt, như một hiệp ước hòa bình mà nó lẽ ra phải là. Nếu điều đó đã xảy ra, Quốc hội ít nhất cũng sẽ biết điều gì đang bị đe dọa ở Việt Nam khi họ tiến hành hạn chế quyền lực chiến tranh của Tổng thống để phản ứng lại vụ Watergate.

Bên cạnh Kissinger, Martin tất nhiên phải chịu trách nhiệm chính cho những gì đã xảy ra cuối cùng. Ngựa thồ của Chính quyền, ông được cử đến Sài Gòn sau lệnh ngừng bắn để đảm bảo rằng hòa bình của Kissinger không trở thành vé cho một cuộc tiếp quản của Cộng sản. «Sai lầm» của ông là ông đã làm công việc của mình quá tốt - và quá lâu. Quan điểm cứng rắn của ông, phản ánh

quan điểm của Nixon, đã củng cố thêm sự cứng rắn của người Việt Nam miền Nam trong sự cứng đầu của họ và trong sự phụ thuộc của họ vào Hoa Kỳ, và khi cuối cùng cuộc ném bom bị ngừng lại và Nixon đã phải chịu thất bại vì những hành động thái quá của chính mình, cả những người được bảo trợ lẫn Đại sứ đều không thể thay đổi hướng đi kịp thời, theo hướng thỏa hiệp. Ngược lại, Martin đã dùng sự thao túng và sức mạnh ý chí để tạo ra ảo tưởng về sự ủng hộ liên tục ở Washington nhằm làm Thiệu cứng rắn hơn, chỉ để đẩy ông ta vào sự bướng bỉnh và hiểu lầm hơn. Martin đã sai trong việc này, điều đó chắc chắn. Nhưng liệu ông có đáng bị trách không ? Nếu ông tiếp tục cố gắng tái tạo lại thực tại theo hình ảnh mà ông nghĩ nó nên như thế, thì đó là vì Kissinger và cuối cùng là Tổng thống Ford cũng rất sẵn lòng chia sẻ ảo

tưởng của ông.

Ngoài hàng ngũ những cái tên và danh tiếng đã được biết đến, còn có những người khác phải chịu trách nhiệm cho sự sụp đổ của Sài Gòn và cách mà nó xảy ra. Không thể không kể đến chính người dân Mỹ. Đúng vậy, cảm giác ghê tởm lan rộng khắp đất nước vào cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970 đã giúp đưa cuộc chiến tranh Việt Nam đến kết thúc đầu tiên còn thận trọng và buộc phải chấm dứt sự tàn bạo của sự can thiệp Mỹ. Nhưng một khi các chàng trai đã trở về nhà, hội chứng «gone-with-the-wind» mà cuối cùng đã ảnh hưởng đến phần lớn các nhà hoạch định chính sách đối ngoại cũng đã tác động đến dân số nói chung, quét sạch Việt Nam khỏi ý thức tập thể của chúng ta và gây ra sự tự mãn và thờ ơ trong chúng ta, cho phép

một vài người đàn ông rất quyền lực tiếp tục theo đuổi các chính sách và chiến thuật đã được đặt câu hỏi. Hậu quả của sự lãng quên của chúng ta nên là một lời cảnh báo, vì vào thời điểm lực lượng của Tướng Dũng tiến vào Sài Gòn vào tháng 4 năm 1975, nhiều sai lầm và thiếu sót đã khiến chúng ta sa lầy vào Việt Nam ngay từ đầu đã được tái diễn theo cách thu nhỏ. Hai Tổng thống đã lừa dối Quốc hội ; Đại sứ đã phóng đại triển vọng thành công ; và những người bảo trợ của chúng ta ở Sài Gòn đã được dung thứ trong những chính sách tự hại của họ. Như thể những bài học của quá khứ đã bị lãng quên ở các cấp cao nhất của chính phủ chúng ta.

Hy vọng rằng, với sự trôi qua của thời gian và sự chữa lành của chấn thương quốc gia do chiến tranh gây ra, chúng ta sẽ có thể trao cho lịch sử sự công nhận

xứng đáng, một cái nhìn toàn diện và không nao núng, vượt ra ngoài những lời sáo rỗng và đổ lỗi đã làm mờ mắt nhiều người trong chúng ta về những gì thực sự đã xảy ra với Việt Nam, và với chính chúng ta, trong hai năm sau khi hiệp định hòa bình Paris được ký kết. Nếu chúng ta không nắm bắt cơ hội, và tiếp tục coi Việt Nam như một sự lệch lạc, đau đớn nhớ lại và tốt nhất là quên đi, đặc biệt là trong những giờ phút hấp hối của nó, thì chúng ta không thể hy vọng thoát khỏi kiểu lãnh đạo cả trong lĩnh vực tình báo và trong arena hoạch định chính sách đã khiến «khoảng thời gian tạm ổn» của Sài Gòn trở thành một kết thúc không đứng đắn cho bi kịch Mỹ này.

Về Tác Giả

Là người bản địa của Bắc Carolina, FRANK SNEPP sinh ra ở Kinston và lớn lên ở Charlotte. Theo truyền thống gia đình, ông theo học tại Columbia College ở New York, nơi ông chuyên ngành văn học Elizabethan và tốt nghiệp vào năm 1965. Sau một thời gian ngắn làm nhà nghiên cứu và biên tập viên quảng cáo cho CBS News, ông trở lại Columbia vào năm 1966 để lấy bằng thạc sĩ về Quan hệ Quốc tế. Chuyên ngành của ông, chiến lược hạt nhân và NATO, đã thu hút sự chú ý của các nhà tuyển dụng CIA, và sau khi tốt nghiệp vào năm 1968, ông được mời «ký hợp đồng.» Trong tám năm làm việc tại CIA, Snepp đã làm việc cả hai «mặt» của lĩnh vực gián điệp, vừa làm điệp viên vừa làm nhà phân tích, trái với quy trình tiêu chuẩn của cơ quan. Ban đầu là chuyên gia thường trú về các vấn đề an ninh châu Âu, ông sau đó trở

thành nhà phân tích chính của cơ quan về các vấn đề chính trị của Bắc Việt Nam và thực hiện hai «chuyến công tác» tại Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn, 1969-1971 và 1972-1975, nơi ông chịu trách nhiệm chuẩn bị các ước tính chiến lược và báo cáo cũng như xử lý các cuộc thẩm vấn và mạng lưới thông tin, bao gồm một trong những mạng lưới tốt nhất của CIA ở Việt Nam. Một năm sau khi Sài Gòn sụp đổ, ông đã từ chức khỏi cơ quan này, sau nhiều nỗ lực vô ích để tạo ra sự quan tâm đối với một báo cáo hành động chính thức.

Ký ức cuối cùng của ông Thiệu về người Mỹ ở Việt Nam là tấm biển ông nhìn thấy khi tác giả lái xe đưa ông đến Tân Sơn Nhất bốn ngày trước cuộc di tản cuối cùng.

SỰ HY SINH CAO CẢ CỦA
NHỮNG CHIẾN BINH ĐỒNG MINH
SẼ KHÔNG BAO GIỜ BỊ LÃNG

QUÊN